

## Dịch học

<http://nhantu.net/>

### **E-Book : DỊCH KINH ĐẠI TOÀN**

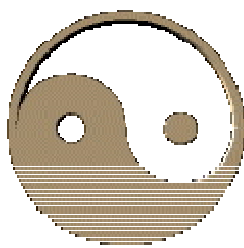
- » Tập 1: Dịch Kinh Yếu Chỉ (Hướng đi của Thánh nhân)
- » Tập 2: Thượng Kinh (Đạo người Quân Tử)
- » Tập 3: Hạ Kinh (Đạo người Quân Tử)
- \* Bình giảng quẻ BẮC
- \* Bình giảng quẻ DỤ (Nhạc và nhạc lý cổ Trung Hoa)
- \* Bình giảng quẻ PHỤC
- \* Bình giảng quẻ TÙY (chữ THỜI)
- \* Dịch Kinh với thiên văn học Trung Hoa
- \* Hà Đồ Lạc Thư
- \* Kinh Dịch với Đông Y
- \* Thiên văn và nhân văn trong Kinh Dịch
- \* Tượng Ngôn Phá Nghi



**DỊCH KINH ĐẠI TOÀN  
KINH DỊCH**









































Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

**易經大全**



» [DICH KINH YẾU CHỈ](#)    » [THƯỢNG KINH](#)    » [HẠ KINH](#)  
 » [Hê Từ Thương](#) » [Hê Từ Hạ](#) » [Thuyết Quái](#) » [Tứ Quái](#) » [Tập Quái](#) » [Phụ lục](#)  
 ▼ Click vào từng quẻ để xem ▼

<p><b>1</b></p> <p><b>Bát Thuần</b> <b>Kiên</b></p>	<p><b>2</b></p> <p><b>Bát Thuần</b> <b>Khôn</b></p>	<p><b>3</b></p> <p><b>Thủy Lôi</b> <b>Truân</b></p>	<p><b>4</b></p> <p><b>Sơn Thủy</b> <b>Mông</b></p>	<p><b>5</b></p> <p><b>Thủy Thiên</b> <b>Nhu</b></p>	<p><b>6</b></p> <p><b>Sơn Thủy</b> <b>Tụng</b></p>	<p><b>7</b></p> <p><b>Địa Thủy</b> <b>Sư</b></p>	<p><b>8</b></p> <p><b>Thủy Địa</b> <b>Tỷ</b></p>
<p><b>9</b></p> <p><b>Phong Thiển</b> <b>tiểu Súc</b></p>	<p><b>10</b></p> <p><b>Thiên Trạch</b> <b>Lý</b></p>	<p><b>11</b></p> <p><b>Địa Thiên</b> <b>Thái</b></p>	<p><b>12</b></p> <p><b>Thiên Địa</b> <b>Bĩ</b></p>	<p><b>13</b></p> <p><b>Thiên Hỏa</b> <b>Đồng Nhân</b></p>	<p><b>14</b></p> <p><b>Hỏa Thiên</b> <b>Đại Hữu</b></p>	<p><b>15</b></p> <p><b>Địa Sơn</b> <b>Khiêm</b></p>	<p><b>16</b></p> <p><b>Lôi Địa</b> <b>Dự</b></p>
<p><b>17</b></p> <p><b>Trạch Lôi</b> <b>Tùy</b></p>	<p><b>18</b></p> <p><b>Sơn Phong</b> <b>Cổ</b></p>	<p><b>19</b></p> <p><b>Địa Trạch</b> <b>Lâm</b></p>	<p><b>20</b></p> <p><b>Phong Địa</b> <b>Quan</b></p>	<p><b>21</b></p> <p><b>Hỏa Lôi</b> <b>Phệ Hạp</b></p>	<p><b>22</b></p> <p><b>Sơn Hỏa</b> <b>Bí</b></p>	<p><b>23</b></p> <p><b>Sơn Địa</b></p>	<p><b>24</b></p> <p><b>Địa Lôi</b></p>

<p>25</p>  <p>Thiên Lô Vô Vọng</p>	<p>26</p>  <p>Sơn Thiên Đại Súc</p>	<p>27</p>  <p>Sơn Lô Di</p>	<p>28</p>  <p>Trạch Phong Đại Quá</p>	<p>29</p>  <p>Bát Thuần Khảm</p>	<p>30</p>  <p>Bát Thuần Ly</p>	<p>Bác</p> <p>31</p>  <p>Trạch Sơn Hàm</p>	<p>Phục</p> <p>32</p>  <p>Lô Phong Hằng</p>
<p>33</p>  <p>Thiên Sơn Độn</p>	<p>34</p>  <p>Lô Thiên Đại Tráng</p>	<p>35</p>  <p>Hỏa Địa Tấn</p>	<p>36</p>  <p>Địa Hỏa Minh Di</p>	<p>37</p>  <p>Phong Hỏa Gia Nhân</p>	<p>38</p>  <p>Hỏa Trạch Khuê</p>	<p>39</p>  <p>Thủy Sơn Kiển</p>	<p>40</p>  <p>Lô Thủy Giải</p>
<p>41</p>  <p>Sơn Trạch Tồn</p>	<p>42</p>  <p>Phong Lô Ích</p>	<p>43</p>  <p>Trạch Thiên Quải</p>	<p>44</p>  <p>Thiên Phong Cầu</p>	<p>45</p>  <p>Trạch Địa Tụy</p>	<p>46</p>  <p>Địa Phong Thăng</p>	<p>47</p>  <p>Trạch Thủy Khôn</p>	<p>48</p>  <p>Thủy Phong Tinh</p>
<p>49</p>  <p>Trạch Hỏa Cách</p>	<p>50</p>  <p>Hỏa Phong Đỉnh</p>	<p>51</p>  <p>Bát Thuần Chấn</p>	<p>52</p>  <p>Bát Thuần Cấn</p>	<p>53</p>  <p>Phong Sơn Tiệm</p>	<p>54</p>  <p>Lô Trạch Quy Muội</p>	<p>55</p>  <p>Lô Hỏa Phong</p>	<p>56</p>  <p>Hỏa Sơn Lữ</p>
<p>57</p>  <p>Bát Thuần Tốn</p>	<p>58</p>  <p>Bát Thuần Đoài</p>	<p>59</p>  <p>Phong Thủy Hoán</p>	<p>60</p>  <p>Thủy Trạch Tiết</p>	<p>61</p>  <p>Phong Trạch Trung Phu</p>	<p>62</p>  <p>Lô Sơn Tiểu Quá</p>	<p>63</p>  <p>Thủy Hỏa Ký Tế</p>	<p>64</p>  <p>Hỏa Thủy Vị Tế</p>

Thượng Kinh: quẻ 1—30 ; Hạ Kinh: quẻ 31—64

## DỊCH KINH YẾU CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê





## MỤC LỤC

### LỜI NÓI ĐẦU

### PHẦN 1. DỊCH HỌC NHẬP MÔN

Chương 1: Dẫn nhập: Dịch kinh là cuốn sách Triết mục đích tìm hiểu về nguồn gốc vũ trụ và con người, chứ không phải là một sách bói toán

Chương 2: Đại chỉ của Kinh Dịch

Tiết I. Dịch kinh với Triết học

A. Dịch kinh với khoa Siêu hình học

- a). Quan niệm nhất thể vạn thù
- b). Quan niệm tuần hoàn chung nhi phục thủy của Dịch Kinh
- c). Hai áp dụng quan trọng của Dịch lý nói trên

B. Dịch Kinh với khoa Luận Lý Học

- 1). Dịch kinh với Khoa Luận Lý Học Âu Châu
- 2). Ít nhiều định luật quan trọng của Dịch

Tiết II. Dịch kinh với khoa Luân Lý

Tiết III. Dịch kinh với Đạo giáo

- Dịch dạy phải chuyển hóa nội tâm, tu luyện để trở thành Thánh Hiền.
- Dịch cũng dạy làm người, làm quân tử.

Tiết IV. Dịch với những nguyên tắc khả dĩ đem lại một đời sống lý tưởng.

### PHẦN 2. DỊCH LUÂN THIÊN

Chương 1. Chữ Dịch theo Từ nguyên

Chương 2. Dịch là biến thiên

Chương 3. Dịch là bất biến, bất Dịch

Chương 4. Dịch là giản dị

Chương 5. Dịch là nghịch số (đi ngược dòng đời để trở về với Trời)

Chương 6. Dịch là Tượng

### PHẦN 3. VÔ CỰC LUÂN

Chương 1. Phi Lộ: Vô cực là Bản thể uyên nguyên nơi con người

Chương 2. Đại cương: Vô cực tương ứng với Thần, hoặc với Vô hay Không của Đạo Gia, hay Hư Vô của Phật.

Chương 3. Tính danh và Hình dung Vô Cực

A. Tính danh Vô Cực: Vô Cực là Thượng Đế trong con người, là Thượng Đế còn ẩn tàng hay chưa hiển dương.

B. Nhân cách hóa Vô Cực

C. Tượng hình Vô Cực

D. Phân loại tính danh Vô Cực

Chương 4. Những hậu quả của quan niệm Vô Cực: Hiểu Vô Cực là hiểu căn nguyên vũ trụ và con người.

Phụ Lục I

Phụ Lục II

Các Sách tham khảo

### PHẦN 4. THÁI CỰC LUÂN

Chương 1. Đại cương

Chương 2. Tính danh Thái Cực

Chương 3. Tượng hình Thái Cực

Chương 4. Thái Cực và đồ bản Dịch Kinh

Chương 5. Tương quan giữa Thái Cực và Vô Cực, Thái Cực và Vạn Hữu

Chương 6. Quan niệm Thái Cực ở Trung Quốc đối chiếu với quan niệm Atman ở Ấn Độ và quan niệm Logos ở Âu Châu.

A. Thái cực với Atman

B. Thái Cực với Logos

Chương 7. Những hậu quả của quan niệm Thái Cực

A. Hậu quả Triết lý

1). Quan niệm Thái Cực và quan niệm nguyên thể vũ trụ của các triết gia Hi Lạp

2). Quan niệm Thái Cực với quan niệm của các nhà Huyền Học Âu Châu

B. Hậu quả Luân lý

C. Hậu quả Đạo giáo

Chương 8. Tổng luận

Phụ Lục 1

Phụ Lục 2

Các Sách tham khảo

## PHẦN 5. HÀ ĐỒ

Chương 1. Xuất xứ

Chương 2. Cấu tạo

Chương 3. Đại cương

Chương 4. Hà Đồ với Khoa Số học

Chương 5. Liên lạc giữa Hà Đồ, Bát quái & Lạc Thư

Chương 6. Những vấn đề Siêu Hình tàng ẩn trong Hà Đồ:

1. Trung cung, Trung điểm hay Bản Thể vũ trụ.
2. Chu vi Hà Đồ hay Vạn hữu với nguyên lý diễn dịch, tuần hoàn
3. Quan niệm Thái Cực, Âm Dương hay Nhất thể, Lương diện
4. Hà Đồ với lẽ sinh thành
5. Các hình thái, các tầng lớp con người theo Hà Đồ
6. Quan niệm Thiên Nhân Tương Dữ theo Hà Đồ
7. Tạo Hóa qui trung chi diệu

Bạt

## PHẦN 6. LẠC THƯ

Chương 1. Xuất xứ

Chương 2. Cấu tạo

Chương 3. Đại Cương

Chương 4. Ảnh hưởng Lạc Thư đối với các vấn đề Quốc Gia, Xã Hội, Học Thuật Trung Quốc

Người xưa dùng Lạc Thư để:

- \*Chia Trời thành 9 cung.
- \*Chia Trung Hoa thành 9 châu.
- \*Chia kinh đô thành 9 vùng.
- \*Chia Thái miếu thành 9 phòng.
- \*Chia đất cho dân thành 9 khoảnh (Tĩnh Điền)
- \*Chia đầu con người thành 9 cung.
- \*Chia phép trị dân thành 9 trù (chín điều)

Chương 5. Lạc Thư & Toán Học

Chương 6. Lạc Thư & Chính trị

Chương 7. Lạc Thư & Phương pháp khắc kỷ, tu thân, Quy Nguyên Phản Bản của các Đạo gia

Chương 8. Ảnh hưởng Lạc Thư trong ít nhiều nước Á Âu

Chương 9. Hà Đồ, Lạc Thư & Hai chiều xuôi ngược tiến hóa của vũ trụ & của Nhân Loại

Chương 10. Tổng luận

Các Sách tham khảo



## PHẦN 7. ÂM DƯƠNG

Chương 1. Lai lịch

Chương 2. Âm Dương và Vô Cực, Thái Cực

Chương 3. Quan niệm Âm Dương

- 1) Hai chiều, hai mặt của một bản thể duy nhất
- 2) Âm Dương 2 thực thể riêng rẽ
- 3) Âm Dương trên phương diện Tiên Thiên
- 4) Âm Dương trên phương diện Hậu Thiên

Chương 4. Quan niệm Âm Dương với đời sống

Chương 5. Âm Dương với Y học Trung Hoa

Chương 6. Âm Dương với thuật tu tiên, luyện đơn

Chương 7. Âm Dương với Khoa Siêu Hình Học Âu Châu

- 1) Âm Dương với Nguyên Lý đồng nhất
- 2) Âm Dương với quan niệm Thần, Hồn
- 3) Âm Dương với quan niệm Thiện Ác

Chương 8. Âm Dương với Triết Học và Khoa Học Âu Châu

## PHẦN 8. TỨ TƯỢNG

Chương 1. Nhận định tổng quát

Chương 2. Huyền nghĩa của Tứ Tượng

Chương 3. Tứ Tượng với nền Học thuật & Tư tưởng Trung Hoa

Chương 4. Tứ Tượng và Học thuật Âu Châu

Chương 5. Tứ Tượng với chữ Thập, chữ Vạn

Chương 6. Tứ Tượng và Khoa học hiện đại

Chương 7. Chu kỳ hoạt động của Tứ Tượng

Chương 8. Kết Luận

## PHẦN 9. NGŨ HÀNH

Chương 1. Nhận định tổng quát: Thổ là Trung Cung Thái Cực; 4 Hành bên ngoài là Tứ Tượng.

Chương 2. Ngũ Hành tương sinh, tương khắc

Chương 3. Ngũ Hành với Vũ trụ Quan Trung Hoa

Chương 4. Ngũ Hành với Sử Quan Trung Hoa

Chương 5. Âm Dương, Ngũ Hành với Đạo Giáo Trung Hoa

Chương 6. Âm Dương, Ngũ Hành với học thuật Trung Hoa

Chương 7. Âm Dương, Ngũ Hành với nghệ thuật Trung Hoa

Chương 8. Tổng Luận

**Lời nói đầu**





Có nhiều bè bạn thấy chúng tôi cho xuất bản bộ Dịch Kinh Đại Toàn, khoảng 1500 trang, hỏi chúng tôi tại sao trên thị trường đã có nhiều bộ Kinh Dịch, còn ra thêm, và như vậy nó có những đặc điểm gì?

Tôi thấy đó là một câu hỏi hữu lý, nên tôi sẽ trình bày cùng quý vị tại sao tôi viết bộ Dịch Kinh Đại Toàn này.

Tôi bắt đầu soạn thảo bộ Dịch Kinh này vào khoảng năm 1966. Tôi định bỏ ra 15 năm để hoàn tất nó, nhưng may thay sau hơn 7 năm miệt mài nghiên cứu, thì đã hoàn thành được. Khi ấy, tôi đi mua, hoặc đi mượn tất cả những sách Dịch bằng Hán Văn, Anh văn, Pháp văn và Việt văn hiện có lúc bấy giờ. Đọc qua những tác phẩm của cụ Từ Thanh, Phan Bội Châu, Nguyễn Mạnh Bảo, Ngô Tất Tố, Nguyễn Duy Tinh, v.v... tôi thấy lời văn thật là khó hiểu.

Về Hán Văn, tôi may mắn có bộ Tuân Bổ Ngự Án Dịch Kinh Đại Toàn, xuất bản ngày 18 tháng 3 năm Khang Hi 54 tức 1715, do các vị khoa bảng xưa cho tôi. Quyển này mỗi quẻ đều có lời bình của Trình Tử, Chu Hi, Khang Hi và chư tử chứ không phải là tư tưởng của riêng ai.

Về Anh văn, tôi có những bộ như của James Legge, Wilhelm / Baynes, R. G. H Siu, v.v... Tôi thấy những bộ trên không có gì đặc sắc.

Về La Ngữ, tôi có đọc bộ của P. Regis, Yiking, antiquissimus Sinarum liber.

Về Pháp văn, tôi có De Harlez, Le Yiking, texte primitif rétabli, trad. et commentaires.

Philastre, P. L. F. Le Yiking ou Livre de Changements de la dynastie des Tscheou traduit pour la première fois du Chinois en Français.

Tôi cũng đã đọc Bộ Dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê, xuất bản gần đây ở hải ngoại. Sách trình bày sáng sủa. Tiếc rằng cụ đã bỏ đi Thập Dực, và như cụ nói, Cụ đã hoàn thành bộ sách này trong vòng có 2 năm, và chỉ soạn lại bộ Dịch của cụ Phan bội Châu mà thôi.

Tất cả đều không có gì làm tôi phải say sưa, bái phục. Gần đây, có vô số sách Dịch bằng Anh văn, nhưng toàn thiên về bói toán. Theo tôi, Kinh Dịch không phải sách bói toán, vì Phục Hi, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử, Trình Tử, Chu Hi không hề bói toán. Tôi không bói toán. Trong Hệ Từ Thượng chỉ bàn qua về phép bói Dịch bằng cỏ Thi, và trong Ngũ Hành bàn qua về luật Tương sinh, Tương khắc, để quý vị nào thích bói toán, địa lý nghiên cứu thêm, chứ không biết gì về cách bói gieo tiền theo Dã Hạc, và Bốc Dịch chính tông, hay cách bói Mai Hoa Dịch số của Thiệu Khang Tiết. Nhiều người đi vào Dịch, cũng là muốn học bói toán. Họ có biết đâu rằng bói toán là một năng khiếu do Trời ban. Muốn bói hay, phải có giác quan thứ sáu, (quý vị nào thích nghiên cứu về bói toán, thì xin đọc phần Ngũ Hành, nơi quyển I, và nơi quyển III Hệ từ Thượng Chương 9).

Nay, bên Trung Quốc cho in ra nhiều sách Dịch, như bộ Chu Dịch Đại Tự Điển, dày 1546 trang, hay bộ Bạch Thư Chu Dịch, một bộ Dịch đã được khai quật lên từ một ngôi mộ nhà Hán, ở Mã Vương Đồi, Trường Sa, tháng 12, năm 1973. Bộ này viết trên lụa trắng, vì thế gọi là Bạch Thư, và đã được Trương Lập Văn nghiên cứu và dịch ra Bạch thoại.

Có người khuyên tôi mua, nhưng tôi không bao giờ đi vào con đường Sách uân, Hành quái, không bao giờ đi vào con đường quái dị để cầu danh, nên tôi đã không mua.

Tôi quen nhiều vị khoa bảng, và ngỏ ý xin thụ giáo các Cụ về Dịch Lý. Nhưng cụ nào cũng nói không biết gì về Dịch Lý, vì không học Dịch khi đi thi, và các Cụ đề nghị vào tủ sách các Cụ thấy cái gì hay thì cụ biểu, chứ đừng hỏi về Dịch. Cụ Phó Bảng Nguyễn Hà Hoàng (Điện Bàn - Quảng Nam), cho tôi một phần bộ Tuân bổ Ngự Án. Cụ cử Lương Trọng Hối (Quế Sơn - Quảng Nam) cho tôi bộ Kinh Dịch của Lai Trí Đức.

Nên, tôi đi vào Kinh Dịch, qua Đạo Nho, bằng đường lối riêng tư của tôi, như tôi sẽ trình bày sau đây.

Tôi vào đạo Khổng từ năm 1956, qua sách vở hiện có, chứ không hề nhờ cậy vào ai. Và tôi đã học nơi Khổng Giáo nhiều điều hay ho, mới lạ. Đặc biệt là biết được con người vừa có Thiên Tâm, vừa có Nhân Tâm. Thiên Tâm thời muôn đời công chính, quang minh, chính đại, thuần túy, chí thiện. Còn Nhân Tâm thời đầy tư tà, nhân dục.

Thiên Tâm đó khôn thay, lại ẩn ước nên ít người thấy được. Thiên Tâm là Thiên Lý, Nhân Tâm là Nhân Dục, nên xưa mới nói Nhân dục thắng, Thiên Lý vong hay Nhân dục tận, tắc Thiên Lý hiện, v.v... Thiên Tâm giúp ta trở thành Thần thánh, Nhân tâm giúp ta trở thành con người thực sự. Thành thử tôi mới dịch được câu Kinh Thư, mà xưa nay chưa ai dịch cho đúng ý nghĩa của nó. Đó là:

Nhân tâm duy nguy                      人心惟危

Đạo tâm duy vi                          道心惟微

Duy tinh duy nhất                      惟精惟一

Doãn chấp quyết trung                允執厥中

Dịch:

*Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,*

*Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.*

*Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,*

*Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.*

Tôi thấy Không Giáo cho rằng con người có 3 thứ Đạo. Thiên đạo dạy con người làm thần minh, Nhân đạo dạy con người làm Hiền nhân quân tử, Vật đạo dạy con người kiếm ăn sinh sống. Sở dĩ có 3 thứ đạo, vì con người có 3 phần:

-Thần để làm Thần. Sau này, Thần còn được gọi là Đạo Tâm, Thiên Tâm, hay nói theo Phật gia, là Chân Tâm, hay Đại Ngã. Thần liên lạc với ngoại giới bằng Tuệ giác (Intuition), bằng Huệ hay bằng Đại trí.

-Hồn để làm người. Hồn đầy thất tình, lục dục, nên cần phải kìm hãm, phải tu sửa. Hồn con người chính là Tiểu Ngã. Nó liên lạc với ngoại giới bằng Trí (Intelligence) hay Tiểu trí.

-Xác để làm ăn, sinh sống. Xác liên lạc với ngoại giới bằng ngũ quan (les cinq sens).

Hồn và Xác trước sau sẽ biến thiên, tiêu diệt, vì chúng nằm trong vòng Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Chỉ có Thần là bất biến, bất tử, bất sinh, vì Thần mình và Thần Trời đất là một.

Tôi thấy Đức Không, khuyên con là Bá Ngự nên đọc Kinh Thi, nên tôi đã cùng một cự nho mà tôi quen ở Đà Nẵng, dịch toàn bộ Kinh Thi, xem trong đó ẩn dấu điều gì bí mật. Sau khi dịch xong Quốc Phong, sang tới Đại Nhã, tôi mới khám phá ra được một chuyện mà xưa nay không ai biết. Đó là Chân Đạo Nội Tâm, hay Đạo Thần Linh mà ta có thể tìm ra trong lòng ta. Ngày nay, người ta gọi là Đạo Huyền đồng (Mysticism), hay Phối

Thiên, hay Thiên Nhân tương dữ, Thiên Nhân nhất quán. Xưa, Nghiêu, Thuấn, Thành Thang, Văn Vương, Võ Vương v.v... đã đi được vào đạo cao siêu này.

Chân Đạo Nội Tâm dạy rằng: Trời chẳng xa người, và Hiền Thánh là những người đã sống phối kết với Trời ngay từ khi còn ở trần gian này. Từ khi biết được điều này, tôi mới tìm xem trong hoàn vũ này, có những ai biết được cái đạo cao siêu này, vì thế tôi đã tìm đọc các kỳ thư, bí điển của mọi đạo giáo lớn, nhỏ trên Thế Giới, và mới tìm ra được lẽ Nhất Quán, Thủ Đồ Đồng Qui của các đạo giáo, nhất là thấy được rằng Tam Giáo, Nho, Thích, Lão là đồng nguyên. Từ đó, tôi không còn đóng khung vào 1 đạo giáo nào cố định, và đã đi vào khoa tôn giáo đối chiếu, tìm hiểu và so sánh mọi đạo giáo. Sau đó, tôi lại nhận thấy rằng Trời ở trong tâm khảm mình, Chân, Thiện, Mỹ là ở trong mình. Nên biến thiên, tiến hóa, hay Hằng Cửu cũng nằm gọn trong mình. Đi tìm tòi nơi xa vời, nghe tuyên truyền, dụ dỗ, nhất nhất đều là mê vọng.

Nói thế, có nghĩa là Kinh Dịch đã tiềm ẩn trong lòng mình, vì Thái Cực là chót Dịch, đã nằm sẵn trong mình, và mọi sự biến thiên, tiến hóa của Kinh Dịch cũng đều do nơi ta. Xưa nay thiên hạ có gì hay, có gì tốt, đều do Thái Cực trong ta đã xui nên. Trong ta có 2 phần: Thiên bẩm (inné), và Thủ đắc (Acquis).

Cho nên, khi tôi viết Kinh Dịch, đã đi từ lòng sâu con người là Vô Cực, Thái Cực, đi dần ra Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, Tượng, Từ, Hào, Quái, Vạn Hữu, Vạn Tượng, và các hoàn cảnh dở hay mà con người có thể gặp. Thế là đi từ Tĩnh lặng nội tâm ra tới ồn ào ngoại cảnh. Muốn cho Kinh Dịch trở nên cao siêu, trang trọng tôi đã dịch Kinh Dịch hoàn toàn bằng thơ, mong rằng:

*Lời lời ngọc nhả, châu phun,*

*Lưu cho hậu thế muôn vàn dài lâu.*

Và

*Lời thơ ta rút đáy lòng muôn thuở,*

*Cho giáng trần, cho khoác áo văn chương.*

Tôi đã muốn:

*Rẽ sóng thời gian tìm nghĩa lý,  
Khơi lòng Trời đất lấy tinh hoa...*

Như vậy, học Dịch là để biết các lớp lang biến hóa, chuyển dịch của vũ trụ và của lòng mình; nhân đó sẽ suy ra được chiều hướng tiến, thoái, và sẽ trở về được với Bản Thể duy nhất, tiềm ẩn nơi đáy lòng mình.

Khi viết bộ Dịch này, tôi đã khám phá ra được nhiều điều mới mẻ:

1). Dịch trình bày học thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, với các hệ luận của nó, như Nhất thể tán vạn thù, vạn thù qui nhất thể hay Đồng qui nhi thù đồ. Hiện nay nhân loại còn tưởng rằng muôn loài có muôn bản thể khác nhau. Tuy nhiên, Khoa Học đã giúp ta thay đổi tầm nhìn, lối nghĩ dần dần.

2). Và tôi nhìn thấy Thái Cực trong mọi người chúng ta. Đó là Lương tâm, là Thiên Nhãn trong ta. Lương tâm trong ta, thời muôn đời bất biến. Còn Nhân tâm trong ta thời luôn luôn biến thiên. Chúng ta dần dần phải trút bỏ cái gì Biến Thiên để đi vào Bất Biến, tức là bỏ Tiểu Ngã để trở về Đại Ngã.

3). Dịch có Tiên Thiên & Hậu Thiên. Tiên Thiên là cái gì Hoàn Thiện, Lý tưởng. Hậu Thiên là cái gì bất toàn, là thực tại, là những gì ta trông thấy, nhìn thấy trong cuộc đời chúng ta. Phục Hi vẽ ra 8 quẻ và 64 quẻ Tiên Thiên. Văn vương vẽ và viết ra 8, và 64 quẻ Hậu Thiên. Hà đồ là Tiên Thiên, Lạc thư là Hậu Thiên. Dịch có mục đích khuyên ta đi từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên.

4). Phục Hi vẽ 8 và 64 quẻ Tiên Thiên, cho thấy rằng Dịch chỉ có Âm và Dương. Mà Âm phải đi trước, Dương phải đi sau, mới trọn đạo Trời. Đi được hết con đường ấy, là hoàn thành được Thiên Tính của mình.

5). Nghiên cứu sâu xa hơn, tôi thấy 64 quẻ Tiên Thiên chia làm 2 nửa rõ rệt: Nửa phải là 32 quẻ Âm, từ quẻ 1 Âm đến quẻ 6 Âm: 1 Âm là Cầu, 2 Âm là Độn, 3 Âm là Bĩ, 4 Âm là Quan, 5 Âm là Bác, 6 Âm là Khôn.

Còn nửa trái, cũng có 32 quẻ Dương, từ quẻ 1 Dương, đến quẻ 6 Dương : quẻ 1 Dương là Phục, 2 Dương là Lâm, 3 Dương là Thái, 4 Dương là Đại Tráng, 5 Dương là Quải, 6 Dương là Kiền.

Nửa Âm là nửa đời đầu con người (50 năm đầu của cuộc đời), khi ấy con người phải dấn thân vào cuộc đời, phải đua tranh với đời, phải xây dựng giang sơn, tổ quốc.

Nửa Dương là nửa đời sau con người (50 năm sau của con người), khi tóc đã hoa dâm, khi ấy con người phải biết quẳng gánh lo, quay về lo tu tĩnh nội tâm, mong sao có thể trở thành Thánh Hiền, Tiên, Phật.

Thiệu Khang Tiết cho rằng: Con người phải đi nửa chiều Âm trước, cốt là đi vào vật chất, khám phá và tìm hiểu vật chất, và phải đi nửa chiều Dương sau, để tìm hiểu căn cốt về tâm hồn mình. Có như vậy, cuộc đời mới thực đẹp đẽ.

Có điều lạ là 32 quẻ Âm đều nằm về hướng Tây, còn 32 quẻ Dương lại nằm về hướng Đông, y như Dịch muốn nói rằng Văn minh vật chất phải nhường cho Âu Mỹ lãnh đạo, còn Văn minh tinh thần phải nhường cho Á Châu chỉ huy.

6). Vòng Dịch Tiên Thiên (8 và 64 quẻ) xếp theo nhẽ Âm trưởng, Dương tiêu ở nửa bên phải (hình con cá đen) và Dương trưởng, Âm tiêu ở nửa bên trái (hình con cá trắng).

Còn Dịch Hậu Thiên của Văn vương thì xếp theo cách lộn lạo, đảo điên. Ý nói, trên đời vẫn đề gì cũng có xuôi, có ngược, cần nghiên cứu mọi mặt cho thấu đáo, như vậy mới tránh được lỗi lầm, tránh được rủi, gặp được may.

7). Tôi đã sửa một lỗi của Dịch. Dịch xếp Tứ Tượng như sau: Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm, Thái Dương. Tôi thấy không ổn. Vì con trai nhỏ (Thiếu Dương), lớn lên không thành được con gái

lớn (Thái Âm), và con gái nhỏ (Thiếu Âm) không thể thành con trai lớn (Thái Dương). Nên cái mà Dịch gọi là Thiếu Dương, tôi gọi là Thiếu Âm, cái mà Dịch gọi là Thiếu Âm tôi gọi là Thiếu Dương, và ta sẽ có: Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương, Thái Dương; đúng với lẽ Âm trưởng, Dương tiêu và Dương trưởng, Âm tiêu của Trời đất.

8). Tôi đã tìm ra được Dịch biến thiên và xoay quanh 1 Tâm điểm. Tâm điểm ấy chính là Thái Cực, và được tượng trưng bằng con số như 5, 10, 15. Ở nơi con người thì Tâm điểm ấy là Thiên Tâm, Chân Tâm, Cốc Thần, Thái Cực, Lương tâm con người, ở ngay giữa đầu não con người, nơi mà ta gọi là Nê Hoàn Cung, Huyền Quan Nhất Khiếu hay Huyền Tẩn Chi Môn.

Tâm điểm thời bất biến, Vạn Tượng bên ngoài thời biến thiên. Con người phải tiến từ Vạn Tượng về với Thái Cực. Khi vào tới Thái Cực thì Nho Gia gọi là đạt đạo Trung Dung, Phật gia gọi là đạt tới Kim Cương, Viên Giác, Lão gia gọi là đã luyện xong Kim Đơn. Á Châu còn gọi chung là Qui Nguyên, Phản Bản.

9). Tôi càng ngày càng thấy Dịch dạy ta phải luôn luôn tiến hóa. Tiến hóa chính là biến Dịch. Vì thế Trình Tử mới nói: Tùy thời biến Dịch, dĩ tòng Đạo.

Mà tiến hóa là gì? Là đi từ thô thiển tới tinh vi, từ Phàm phu tới Sĩ phu, Quân tử, Hiền Thánh. Chúng ta nên phân biệt Tiến Hóa (évolution) với Thích ứng ngoại cảnh (adaptation). Trong Kinh Dịch, ta thường thấy nhắc đến Quân tử và Tiểu nhân. Quân tử có thể là những người biết tiến hóa, Tiểu nhân là những người chỉ biết thích ứng với hoàn cảnh.

Đạo Lão cho rằng Quân tử là những người tuân theo được những khuôn mẫu truyền thống; Hiền nhân là những người thoát ra được vòng cương tỏa của cuộc đời; còn Tiểu nhân là những người sống theo thất tình, lục dục, chỉ biết lo sống và hưởng thụ. Họ tiến lên nấc thang xã hội bằng sức mạnh, bằng mưu mô, bằng bất công và bạo lực, chỉ biết nghĩ đến mình mà quên người.

10). Xưa nay, các nhà bình giải Kinh Dịch, chưa ai phân biệt quẻ Kép khác quẻ Đơn cái gì? Tôi nhận định như sau: Quẻ Đơn tượng trưng cho Vạn Hữu, quẻ Kép tượng trưng cho Mọi hoàn cảnh mà vạn hữu và nhân quần gây nên trong khi giao tiếp với nhau. Thượng Kinh & Hạ Kinh viết lại 64 quẻ, tức là đưa ra 64 hoàn cảnh tượng trưng, để dạy cho con người phương pháp xử sự cho khéo léo, tùy theo mỗi hoàn cảnh mình gặp.

11). Ngoài ra, tôi còn dùng Tâm Điểm và 6 vòng tròn đồng tâm để giải Dịch: Tâm điểm là Thái Cực, 6 vòng tròn đồng tâm bên ngoài là 64 quẻ Dịch,

mỗi Hào nằm trên một vòng tròn. Nay nếu ta đem xoay chuyển, vận động các vòng tròn đồng tâm nói trên, thì

Tâm điểm sẽ đứng yên một chỗ, còn các vòng tròn bên ngoài sẽ xoay chuyển và chịu định luật thăng giáng, biến thiên. Ngoài ra chúng còn chịu định luật ly tâm và hướng tâm. Nếu vậy, muôn vật trong vũ trụ, tức là những gì đã có hình tướng, đều sẽ phải chịu những định luật biến thiên, thăng trầm, ly tâm (Force centrifuge), hướng tâm vậy (Force centripète). Ly tâm là Tán, là hướng ngoại (Extroversion); Hướng tâm là Tụ, là hướng nội (Introversion).

12). Sau cùng, tôi suy thêm nếu Dịch là Biến, nếu Dịch là một khoa Triết Học, chuyên khảo về Bản Thể bất biến và các Hiện Tượng biến thiên, thì Dịch phải được coi là một Khoa học phổ quát, và muốn khảo Dịch cho có kết quả, không nên gò bó mình vào những lời bình giải của Nho Gia, mà còn phải:

- \* Khảo các Đạo giáo
- \* Các Triết gia Âu, Á.
- \* Các phát minh khoa học.

\* Các Học thuyết Triết Học, Khoa Học cổ kim nữa.

Từ thế kỷ 17, Leibniz nhà toán học Đức (1616 - 1716) cũng đã dày công nghiên cứu Dịch, vẽ lại 64 quẻ Dịch theo công thức của khoa Nhị nguyên toán pháp (Arithmetique binaire ou arithmetique dyadique)

Sang tới thế kỷ 19, tinh thần Kinh Dịch đã thâm nhập sâu xa vào Triết Học, Khoa Học Âu Châu, với thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin, với biện chứng pháp (tức Dịch Lý) của Hégel, và Marx, với thuyết tương đối của Einstein cũng như những quan điểm mới mẻ nhất về tương quan giữa năng lực và vật chất của những nhà Bác Học Âu Mỹ, với quan niệm của Werner Heisenberg: dưới mọi hình thái biến thiên của vũ trụ chỉ có một bản thể duy nhất.

\* Năm 1950, hai nhà bác học Francis Crick và James Watson đã tìm ra được cơ cấu DNA cho muôn loài muôn vật.

\* Năm 1963, người ta tìm ra được mật mã di truyền học (Genetic code). Năm 1961, khi làm quyển Trung Dung, nơi trang 267, tôi đã chứng minh rằng 64 mã số (codons) trong khoa di truyền hoàn toàn giống thứ tự 64 quẻ Dịch Phục Hi. Nhưng tôi chưa hề công bố, nên cũng như không. Năm 1974, ông Harley Bialy tuyên bố cơ cấu DNA hoàn toàn giống 64 quẻ Dịch. Ngày nay, nhiều nhà Bác Học cũng đồng ý như vậy.

\* Ông Gunther Stent trong quyển *The Coming of the Golden Age* (1969), ông Martin Schonberger trong quyển *The I Ching and the Genetic Code* (1979), Ông Johnson F. Yan (Nghiêm Tôn Hiến) trong quyển *DNA and the I Ching* (1991) v.v... đang triệt để khai thác các vấn đề trên.

\* Chúng ta cũng ta cũng nên biết rằng, năm 1957 hai nhà Bác Học trẻ tuổi người Trung Hoa, Yáng Zhèn Ning (Dương Chấn Ninh), và Li Zhèn Đào (Lý Chính Đạo), đã tuyên bố nhờ đọc Kinh Dịch mà đã phát minh và chứng nghiệm rằng trong thế giới điện tử, phía phải và phía trái không có cùng đặc tính như nhau. Công trình này đã được giải thưởng Nobel (1957) về vật lý và đã làm chấn động giới khoa học chẳng kém gì thuyết tương đối của Einstein.

Mong rằng các nhà bác học tương lai sẽ còn có nhiều người đi vào con đường này.

Tôi sẽ in bộ sách này thành 3 Tập:

- Tập đầu, khoảng 500 trang, bàn về Dịch Lý, Vô Cực, Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành. Tập đầu bàn về Thiên đạo, về Cốt Dịch (quí vị nào muốn khảo cứu, Học Dịch để muốn tìm ra cái gì mới, nên đọc kỹ quyển này). Từ xưa nay, các Học giả chưa ai chịu bàn về các vấn đề trên cho tường tận, và đi vào Dịch là đi ngay vào quẻ, vào Hào, như vậy Dịch sẽ mất đi phần Thái Cực, mà chỉ bắt đầu bằng phần Âm Dương, y như là con rồng mất đầu, chỉ biết có Âm Dương biến thiên, mà không biết có Hằng Cửu là Thái Cực. Tập đầu dạy cách làm Thánh Hiền, và cho ta nhiều kiến thức, nếu ta muốn tiến thêm.

- Tập 2 là Thượng Kinh (khoảng gần 400 trang) nơi đầu có phần Dịch Kinh giản lược, giảng sơ để người coi sau này khi vào các quẻ sẽ hiểu dễ dàng hơn, sau đó là giải 30 quẻ Dịch đầu tiên.

- Tập 3 là Hạ Kinh (khoảng trên 600 trang, gồm Hạ Kinh, Hệ Từ, Thuyết Quái, Tụ Quái, Tụ Quái.). Hai quyển sau bàn về Đạo quân tử, đạo làm người và dạy giải quyết mọi hoàn cảnh khó khăn xảy ra trong cuộc đời.

Trong khi soạn thảo bộ Dịch này, tôi đã dùng nó để dạy ở nhiều nơi như: Đại Học Minh Đức, cho một số sinh viên Văn Khoa, Thông Thiên và Cao Đài tại trường Nhân Vị, Cơ Quan Phổ thông giáo lý Cao Đài, và chùa Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Mỗi khóa giảng chừng 4 năm. Học viên có người 80, 90 tuổi, có người chưa tới 30 tuổi.

Bộ Dịch này, tôi đã viết xong vào khoảng năm 1973. Hồi đó đã nhiều cơ quan muốn xuất bản nó như Khai Trí, Cao Đài, Đại Học Minh Đức, nhưng lúc đó đất nước chưa biết ra sao, nên tôi đành chờ.

Đến kỳ lễ Sinh Nhật năm 1995, nhà tôi sau khi đọc ít quẻ, thấy nó rất có ích cho thế hệ sau, nên nhà tôi quyết tâm cho xuất bản bộ này. Mới đầu thuê người đánh máy, nhưng sau muốn cho hoàn hảo chu toàn hơn, hơn nữa lại muốn phổ biến trong giới Sinh viên, với ước mong các em sẽ tìm được cái gì mới mẻ để phát minh, ngõ hầu mang lại lợi ích cho quốc gia, dân tộc sau này, nên nhà tôi đã tự học đánh computer, tự đánh máy, và soạn phần **ÁP DỤNG VÀO THỜI ĐẠI**, để các em thấy Học Dịch là nên áp dụng vào đời sống, vào mọi sự, một cách biến hóa, và để nhắc nhở các em rằng Dịch có từ thời Thượng Cổ, mà cho tới ngày nay vẫn dùng được trong Khoa Học, thì đừng nên bao giờ bỏ quên nó, vì học nó rất có lợi cho Tinh Thần lẫn Vật Chất.

Đặc biệt 2 quyển sau này, phần cuối tất cả các quẻ, đều có mục **ÁP DỤNG CHO THỜI ĐẠI**, nó rất có lợi ích cho chúng ta hiện nay, khi phải đương đầu với bao nỗi khó khăn trong cuộc sống hiện tại, mà từ xưa tới nay từ Á sang Âu chưa có vị nào làm ra, nên độc giả luôn cho là đọc Dịch và hiểu Dịch quá khó. Tôi đề nghị như sau:

\* Quý vị nào đã hiểu Hán Văn, đọc từ đầu quẻ.

\* Quý vị nào đã đọc các sách Dịch, mà không hiểu ý nghĩa của nó lắm, thì nên đọc phần Bình giảng, hoặc phần Áp dụng vào Thời đại trước.

\* Các em sinh viên, hoặc các vị mà trình độ văn hóa trung bình, nên đọc phần Áp dụng vào Thời đại trước, vì phần này nhà tôi soạn, đã dùng những lối văn rất thông dụng, dễ hiểu, để cho chúng ta với lứa tuổi 18 trở lên, sức học đọc, viết, và nói được thông thạo tiếng Việt là có thể hiểu được một cách dễ dàng.

Quý vị đừng ngại bộ Dịch quá dài, không có thì giờ đọc, thực ra nó có 64 quẻ = 64 đoạn khác sau + 9 Chương của Tập I, và những đoạn, những Chương này không liên lạc gì với nhau, nên đọc sau, trước gì cũng được. Quý vị đọc nó như đọc báo, dần dần nó sẽ thấm nhập. Hơn nữa, với phần Áp Dụng vào Thời đại, và những điển tích trong phần Bình Giảng, sẽ làm quý vị thích thú, và lúc đó lại ước phải chi nó dài hơn..., đó là lý do tại sao nhà tôi lại say mê, tiếp tay với tôi, để cho nó ra đời giữa lúc khó khăn này.

Nhà tôi đã sửa sang lại bộ Dịch của tôi, cho nó được chững chàng hơn, và đã làm phần áp dụng vào Thời đại cho mỗi quẻ, nên đã ký tên chung làm Kinh Dịch với tôi. Tôi không bao giờ ngờ được về già, nhà tôi đã đi được với tôi vào Thiên Đạo. Đó là một phần thưởng lớn cho tôi, khi già yếu, tàn tật. Còn phần chữ Hán, thì nhà tôi khuyên tôi nên đảm nhiệm. Mới đầu tôi không chịu, vì thấy quá sức tôi. Nhà tôi phải khuyến khích mãi, tôi mới chịu. Nay thì mọi chuyện đã êm đẹp. Tôi bị Stroke từ 7 năm nay, tay phải bị bại không cử động được, nhưng đánh mỗ cò bằng tay trái vẫn được.

Tôi nghĩ bộ Dịch này rất có ích cho thế hệ mai sau, và chắc chắn sẽ được on trên thu xếp cho đâu vào đấy.

Bác sĩ Nhân tử Nguyễn văn Thọ

Nguyên giảng sư Triết Học Trung Hoa (Đại học Văn Khoa Saigon)

Nguyên giáo sư Triết Trung Hoa (Đại Học Minh Đức Saigon)

và bà Nguyễn văn Thọ tức Huyền Linh, Lê thị Yến  
chuyết đề.

Westminster, thứ năm ngày 17 tháng 10 năm 1996

## **Phần 1**



## DỊCH HỌC NHẬP MÔN



### Chương 1. Dẫn Nhập

Học Dịch có thể chia ra làm hai đường lối:

1. Một là **học gốc Dịch** tức là chuyên khảo về Vô Cực, Thái Cực, tìm hiểu về nguồn gốc của vũ trụ và con người.

2. Hai là **học ngọn Dịch** tức là khảo sát về lẽ Âm Dương tiêu trưởng của trời đất, tuần tiết thịnh suy của hoàn vũ, tức là học về các Hào, Quái, học về Tượng, Từ, Số.

Học Dịch theo lối thứ nhất sẽ giúp ta tìm lại được căn nguyên của tâm hồn và biết đường tu luyện để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ, Phản bản, Hoàn nguyên.

Học Dịch theo lối thứ hai có thể giúp ta tiên tri, tiên đoán phần nào vận hội, khí thế của lịch sử nhân loại, cũng như những động cơ biến hóa trong hoàn vũ..

Chúng ta nên nhớ Dịch là do Trời truyền! Phục Hi, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử đều là những người đã được Thượng Đế mặc khải, đều có những khối óc siêu việt. Các Ngài đã dày công suy tư, khảo sát, ghi chú, sáng tác mới lưu truyền cho chúng ta được gia tài Dịch học quý báu ấy. Đi vào khoa Dịch học, ta phải cố gắng đạt cho được vi ý cổ nhân, tìm cho ra cội rễ cuộc đời, gốc gác vũ trụ, những định luật chi phối mọi sự biến thiên của đất trời, cũng như viễn địch, cùng lý của quần sinh, và nhân loại. Chúng ta sẽ dùng những họa bản Dịch để làm những bản đồ chỉ đường, dẫn lối cho tâm thần ta băng qua các lớp lang biến ảo bên ngoài của vũ trụ để đi vào căn nguyên bất biến, tâm điểm hằng cửu của trần hoàn. Từ đó ta sẽ đi ngược lại, để tìm cho ra dần dần các căn cơ, then chốt cũng như những nhịp điệu, tiết tấu của mọi biến thiên.[\[1\]](#)

Sự khảo cứu này sẽ đòi hỏi chúng ta nhiều công phu, bắt buộc ta phải tiềm tâm suy cứu đêm ngày, nhưng cũng rất rạo lý thú. Sự học hỏi của chúng ta sẽ không phải là một sự cóp nhặt máy móc, mà là cả một công trình sáng tạo hội hợp. Sự tìm tòi học hỏi này cũng có thể giúp chúng ta gạn đục, khơi trong cõi lòng để hòa hài cùng Tạo Hóa,[\[2\]](#) để gập gờ lại các Thánh Hiền muôn nơi, muôn thửa.

Thực vậy, nhìn vào các đồ bản Dịch ta sẽ lĩnh hội được sự kiện vô cùng quan trọng này là Tạo Hóa hay Thái Cực ẩn áo ngay trong lòng sâu Vạn Hữu. Tạo Hóa và Vạn Hữu hợp lại thành một đại thể, y như một cây vĩ đại có muôn cành lá, hoa quả xum xuê.[\[3\]](#)

***Thái Cực, Tạo Hóa là căn cốt; Vạn Hữu là những hiện tượng biến thiên chuyển dịch bên ngoài.***

Suy ra: nếu ta biết vượt qua những lớp lang, biến ảo của hoàn cảnh, xác thân và tâm hồn, ta sẽ tìm về được với Tạo Hóa, với Thái Cực ẩn áo nơi đáy lòng ta.

Thế tức là: từ ngọn suy ra gốc, từ biến thiên suy ra hằng cửu, từ các tầng lớp biến thiên bên ngoài suy ra tâm điểm bất biến bên trong. Như vậy học Dịch là để biết các lớp lang biến hóa, chuyển dịch của vũ trụ và của lòng mình; nhân đó, sẽ suy ra được chiều hướng tiến thoái và trở về được cùng bản thể duy nhất, tiềm ẩn nơi đáy lòng mình. Xưa nay đã có biết bao người nhờ học Dịch mà trở về được với căn nguyên của mình, với Trời, với Thái Cực.

Ngụy bá Dương chân nhân đời nhà Hán, tác giả bộ **Chu Dịch Tham Đồng Khế**, một bộ sách căn bản cho đạo Thần Tiên, đã đề tựa sách như sau:

**Đạo Thần Tiên luyện đơn, tu Đạo thực hết sức giản dị: chẳng qua là kết hợp với Thái Cực (Tạo Hóa) mà thôi[\[4\]](#)**

Ông giải thích:

Tham là tham dự cùng Thái Cực.

Đồng là hòa đồng cùng Thái Cực.

Khé là khế hợp với Thái Cực. [5]

Thái Uyên, nho gia thời Tống cho rằng: **Người quân tử học Dịch để tiến tới thân mình**[6]

Tác giả quyển Thái Cực quyền bồng đề huyệt cho rằng: **Dịch là một phương pháp, một con đường lớn lao, trọng đại giúp ta trở về với Trời, với Thượng Đế.**[7]

Văn đạo Tử gần đây cũng chủ trương rằng học Dịch cốt là để tìm cho ra căn cốt tinh hoa của mình, tìm cho ra định mệnh sang cả của mình, tìm cho ra nhẽ phản bản hoàn nguyên, chứ không phải vụ chuyện bói toán, sâm vĩ.[8]

Người xưa chê những người học Dịch một cách thiên cận, bỏ căn bản, để đi tìm chi mạt, ngọn ngành như sau:

Chư Nhu đàm Dịch mạn phân phân

Chi kiến phiến chi bất kiến căn

Quan tượng đồ lao suy hõ thể,

Ngoạn từ diệc thị sính không ngôn,

Tu tri nhất bản sinh song cán,

Thủy tín thiên nhi dữ vạn tôn.

Khiết khản Bao Hi vi nhân ý

Du du kim cổ hướng thùy luân. [9]

Tạm dịch:

Chư Nho bàn Dịch nói lông bông,

Ngành ngọn tinh tường, gốc chẳng thông

Xem Tượng, tổn công suy quẻ Hồ

Ngoạn Từ, phí sức sính lời không

Có hay một gốc hai cành chẽ

Mới thấy nghìn con, vạn cháu đông,

Nói gót Phục Hi ai đó tá,

Ngàn sau tri kỷ, dạ vời trong.

Cổ nhân xưa tìm ra được bí quyết của Hóa Công, tạo ra được Hà Đồ, Lạc Thư, Hồng Phạm, sáng tác ra được Dịch Tượng, Dịch Quái, không phải vì thấy Thần qui, Long mã, mà chính vì đã biết quan sát hiện tượng đất trời, tiềm tâm suy cứu, để đi sâu vào đáy lòng vũ trụ, vào tới **Thiên địa chi tâm, Hoàng cực chi cực**, để rồi từ đó, có cái nhìn bao quát cả nội giới lẫn ngoại giới.

Cho nên điều kiện căn bản để học Dịch cho có kết quả là:

- Khảo sát kinh văn.

- Quan sát nội giới, ngoại giới.

- Tiềm tâm suy cứu. [10]

Có như vậy mới tìm ra được vi ý cổ nhân, tìm ra được nhẽ biến hằng của trời đất cũng như của bản thân, tìm ra được bản nguyên vũ trụ tiềm ẩn ngay trong lòng mình, tìm ra lẽ **nhất quán** ngay trong người mình. [\[11\]](#)

**Khi con người tìm ra được căn nguyên của tâm hồn, sẽ không còn quan niệm theo đường lối qua phân giác cách.** Khi đã nhận thức được bản nguyên duy nhất ẩn tàng dưới các lớp lang phiến diện của vũ trụ, tâm hồn sẽ khai thông được nguồn mạch ánh sáng, sẽ thông tuệ, sẽ trực giác, và sẽ nhìn thấy rõ hướng đi của tâm thần. Dần dà nhờ sự trung thành theo dõi ánh Hào quang ẩn ước chỉ đường, nhờ sự bền bỉ trên hướng đi đã được chỉ vạch, lướt thắng mọi gian lao, mọi cạm bẫy, mọi trở ngại gây nên bởi tà ma, vật dục; thức thần, kiêu ý, tâm hồn càng ngày càng thấy căn tâm bùng sáng, hạo khí gia tăng.

Dần dà tâm hồn sẽ nhận ra **Chân Thể** tiềm ẩn đáy lòng khỏi mắt công tìm tòi, mò mẫm như xưa. Lúc ấy tâm hồn sẽ phát huy, phóng phát được ánh **Thiên Chân** ra bên ngoài, soi sáng cho thế nhân biết đường lối Qui nguyên, Phản bản. [\[12\]](#)

**Muốn học Dịch cho có kết quả, cần phải tìm cho ra lẽ biến hằng ngay trong lòng mình, tìm ra được bản nguyên của vũ trụ, được lẽ nhất quán ngay trong lòng mình.**

Khi tìm ra được căn nguyên, sẽ thông tuệ, sẽ nhận thức và sẽ **tìm ra được Thiên Chân**. Nhận ra được Thiên Chân, là vào được tâm điểm của vòng Dịch. Lúc ấy sẽ biết được những định luật chi phối sự biến Dịch, lý do và mục đích của sự biến Dịch.

Chu Tử nói: **Cái vi diệu của Tạo Hóa, chỉ có những người đi sâu vào nguyên lý mới có thể biết được** [\[13\]](#)

Hoàng miễn Trai viết: Trí tri là phương tiện để vào đạo, mà trí tri đâu có dễ; cần phải nhận thức được thực thể của vũ trụ; lúc ấy đầu đuôi cơ sự mới hiện lộ ra; bằng không thì chỉ là giảng thuyết văn tự, ngày một lao sao, làm cho bản thể vỡ vụn, mà căn nguyên cũng chẳng biết là chi. [\[14\]](#)

Ông viết thêm: **Lòng nguyên vẹn, không bị xuyên xao, chia xẻ mới có thể thấy được cái bao la của Đạo thể, có học nhiều biết rộng, mới rõ được cái tế vi của Đạo thể.**

Trên phương diện bản thể, bản tính, thì vạn vật in nhau, nhưng trên phương diện biến Dịch thì mọi sự, mọi vật đều có một vẻ mặt khác lạ. Cho nên tồn tâm sẽ hàm súc được Lý vạn vật; bác học sẽ hiểu rõ Lý vạn vật [\[15\]](#)

Nếu ta học Dịch với mục đích là tìm chân lý, tìm nguyên thể, thì chẳng những ta tìm ra được **bản ý** của các hiền triết Á đông, mà còn tìm ra được **bình sinh chi chí** của các hiền triết Âu Châu.

Thực vậy, Héraclite nghiên cứu sự biến Dịch chính là để tìm cho ra **Đạo thể (Logos)**, cho ra Chân lý đại đồng phổ quát. [\[16\]](#)

Salomon Ibn Gebirol cũng khuyên mọi người hãy vươn lên cho tới bản thể, để thực hiện định mệnh mình và để được hạnh phúc, khoái lạc tuyệt vời. [\[17\]](#)

---

## CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) L'homme qui étudie le Livre des Changements connaît la raison d'être du bonheur et du malheur, de la décadence et de l'élévation, et la voie rationnelle (Tao) selon laquelle il convient d'avancer ou de reculer, de laquelle il résulte le salut ou la perte.

-- *Yi king*, tome I, page 11, en note.

-- *La voie rationnelle*, page 67, note 2)

[\[2\]](#) Duy tích thánh hiền hoài huyền bảo chân. 唯昔聖賢懷玄抱真.-- *Chu Dịch Tham Đồng Khế*.

- [3] Xem các họa bản Dịch của Phục Hi.
- [4] *Chu Dịch Tham Đồng Khế* - trang 1.
- [5] Ib. 1.
- [6] Quân tử học Dịch nhi chí ư thần dã. 君子學易而至於神也.-- Trùng Biên Tổng Nguyên Học Án, quyển III, trang 678.
- [7] Dịch chi vi thư giáo nhân hồi Thiên chi đại Kinh đại pháp dã. 易之為書教人回天之太經大法也.--Trần thị, *Thái cực quyền bồng đồ thuyết* - trang 52.
- [8] ... Lại Thiên tâm nhân ái cố sử long mã phụ Đồ xuất ư Hà, thần qui tải Thư xuất ư Lạc, sở dĩ chiêu thị thánh nhân tử đạo tư dân phản bản qui căn dĩ chí ư Đạo nhĩ. Tiên Thánh nhân chi nhi hoạch quái, dĩ minh Âm Dương vận hành chi đạo. Hậu Thánh xiển chi nhi thành Dịch, dĩ cùng tính mệnh phản hoàn chi lý. Thiên kiến giả bất sát, hoặc cánh mục vi bốc phệ sấm vĩ chi thuật, vụ ngoại nhi thất nội, xả bản nhi trục mật, khuỵu đắc nhất đoạn dĩ tự hảo, nhi bất kiến đạo chi đại toàn. 賴天心仁愛故使龍馬負圖出於河,神龜載書出於洛,所以昭示聖人俾導斯民返本歸根以至於道耳.先聖因之而劃卦,以明陰陽運行之道.後聖闡之而成易,以窮性命返還之理.淺見者不察,或竟目為卜筮讖緯之術,務外而失內,舍本而逐末,窺得一端以自好,而不見道之大全. -- *Văn Đạo tử giảng đạo tinh hoa lục*, quyển I, trang 9.
- [9] *Dịch Kinh Đại Toàn*, trang 35b.
- [10] Tử viết: Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tâm dĩ tư. 子曰: 吾常終日不食, 終夜不寢以思. -- Luận Ngữ - Vệ Linh Công, XV câu 30.
- [11] La conscience pénètre dans le plan du Centre métaphysique. -- M. Sénard - Le Zodiaque - page 33.
- [12] Lorsque l'identité humaine découvre l'origine de sa conscience, elle cesse de concevoir par catégorie et dualisme.
- Lorsqu'elle prend conscience de l'Unité sous-jacente de l'univers, elle s'ouvre à la lumière de l'intuition qui la féconde; elle naît ainsi à la lumière de l'Intelligence claire et saisit la direction que doit suivre sa volonté. Puis par la fidélité constante au rayon entrevu, persistant dans cette même direction malgré les pièges et les obstacles de l'esprit des ténèbres, matérialisme, sensorialité, rationalisme, orgueil, elle sent croître en elle la lumière et avec elle la force. Peu à peu elle voit, reconnaît, conçoit la divinité qu'elle cherchait d'abord obscurément tandis qu'elle la portait en elle, et peut alors la manifester dans le monde sensible. La servante de Dieu est devenue la Mère du Verbe, le lien et l'interprète entre l'Inconscient et le Supraconscient, entre la Terre et le Ciel, entre l'Esprit et son Pôle réceptif, la substance, et la Vierge ouvre ainsi à l'homme la Voie du retour à L'Essence. -- Sénard, *Le Zodiaque*, pages 196, et 197.
- [13] Tạo Hóa vi diệu, duy thâm ư lý giả năng thức chi. 造化微妙, 惟深於理者能識之. --Trùng biên Tổng Nguyên học án, quyển 3, trang 673.

[14] Trí tri nãi nhập đạo chi phương, nhi trí tri phi dị sự. Yếu tu mặc nhận thực thể phương kiến đoan đích. Bất nhiên, tắc chỉ thị giảng thuyết văn tự, chung nhật huyền hoa nhi chân thể đoan, nguyên bất tăng thức. 致知乃入道之方, 而致知非易事. 要須默認實體方見端的. 不然, 則只是講說文字, 終日喧嘩而真體段, 元不曾識.-- *Trùng biên Tống Nguyên học án* III, trang 693.

[15] Tôn đức tính, sở dĩ tồn tâm nhi cực hồ Đạo thể chi đại, đạo vấn học sở dĩ trí tri, nhi tận hồ Đạo thể chi tế. Tự tính quan chi, vạn vật chi thị nhất dạng. Tự đạo quan chi, tắc vật các thị nhất dạng, cố dẫn tồn thử tâm nhi vạn vật chi lý vô bất hoàn cụ, duy kỳ các thị nhất dạng, cố tu cùng lý trí tri, nhi vạn sự, vạn vật chi lý phương thủy quán thông. 尊德性, 所以存心而極乎道體之大, 道問學所以致知而盡乎道體之細. 自性觀之, 萬物只是一樣. 自道觀之, 則物各是一樣, 故但存此心而萬物之理無不完具, 惟其各是一樣, 故須窮理致知, 而萬事萬物之理方始貫通. -- *Trùng biên Tống Nguyên học án quyển III* -- trang 692.

[16] Le vrai c'est l'universel, la totalité des fragments du monde, l'intelligence de l'universel, la méditation de l'invisible, la saisie totale de la totalité. (Kostas Alexos - Héraclite et la philosophie p. 64)

...Le Logos est la Raison une, universelle, unificatrice (Vernunft)

*Héraclite et la philosophie* - page 58-59.

[17] Si tu t'élèves jusqu'à la matière universelle et que tu t'abrites sous son ombre, tu y verras tout ce qu'il y a de merveilleux. Il faut donc que tu fasses pour cela les plus grands efforts, car c'est là le but auquel l'âme humaine est destinée et là est la plus grande jouissance et la plus grande félicité. - M. Sénard, *Le Zodiaque* - page 323.

## Phần 2

### DỊCH LUẬN THIÊN



#### Mở đầu

Dịch là một cuốn sách được Thánh Hiền xưa nay sùng thượng. Nho gia coi Kinh Dịch như một Thánh kinh.

Đức Khổng học Dịch rất công phu. **Ngài về già học Dịch, đọc Dịch, đọc đến ba lần đứt lè sách mới làm ra các thiên truyện.** [1] Thế mà Ngài còn nói trong Luận Ngữ: **Nếu Trời cho ta sống thêm ít năm nữa, cho ta học xong Đạo Dịch, thì ta có thể không phạm lỗi lớn nữa.** [2]

Ngài đã viết **Thập dịch** để bổ sung cho Dịch Kinh. **Thập dịch** là: [3]

1. Thoán thượng truyện để cắt nghĩa Thoán từ ở Thượng Kinh. [4]
2. Thoán hạ truyện để cắt nghĩa Thoán từ ở Hạ Kinh.
3. Tượng thượng truyện để giải các Tượng trong Thượng Kinh.
4. Tượng hạ truyện để giải các Tượng trong Hạ Kinh. [5]
5. Hệ Từ thượng truyện
6. Hệ Từ hạ truyện
7. Văn ngôn truyện [6]



8. Thuyết quái truyện

9. Tự quái truyện

10. Tập quái truyện

Trình Di viết Dịch truyện. Chu Hy viết Dịch kinh bản nghĩa, Dịch học Khải Mông. Thiệu tử nhân đọc Chu Dịch đã viết thành bộ Hoàng Cực Kinh Thế.

Khảo thư tịch đạo Lão, ta thấy Đạo Đức Kinh, Xung Hư Chân Kinh, Nam Hoa Kinh có rất nhiều điểm liên quan với Dịch. Đạo gia, Độn gia toàn áp dụng định luật Dịch để tu đức, luyện thần. [7] Ngụy bá Dương đã áp dụng Dịch lý viết thành bộ Tham Đồng Khế.

Nhìn sang phía Đạo Phật, ta thấy Vương Cảnh Mạnh lấy Thiên Tông minh Dịch, Thích Ngẫu Ích lấy Dịch lý áp dụng vào khoa Thiền học. [8] Hiện nay ta còn thấy những bộ như Dịch Học Thiền giải của Trí Húc Thiền sư v.v...

Giảng bình về Dịch xưa nay đã có hơn 700 tác giả.

Ví dụ:

+ Vương Bật chú giải Dịch

+ Mạnh Hi

+ Kinh Phòng đem các quẻ phối hợp với Thập Can gọi là Nạp Giáp.

+ Tuân Sảng lấy nhẽ **thăng giáng** để giải Dịch.

+ Lai Tri Đức lấy lẽ **thác tống** tức là Âm Dương điên đảo, vãng lai để giải Dịch.

+ Tiêu Tuần lấy lẽ **bàng thông** tức là Âm biến Dương, Dương biến Âm để giải Dịch. [9]

Ngoài ra còn có nhiều danh nhân, danh sĩ đã dùng Dịch để đoán định vị lai, trong số đó có: Trương Lương (Hán), Nghiêm Quân Bình (Hán), Chư Cát Lượng (Tam Quốc), Lý Thuần Phong (Đường), Viên Chính Cương (Đường), Thiệu Khang Tiết (Tống), Lưu Cơ (Lưu bá Ôn) (Minh). [10]

Dịch có ba loại:

1.- Liên Sơn lấy quẻ Cấn làm căn bản.

2.- Qui Tàng lấy quẻ Khôn làm căn bản.

3.- Chu Dịch lấy quẻ Càn làm căn bản.





[11]

Hiện nay Liên Sơn, Qui Tàng đã thất lạc [12], chỉ còn lại Chu Dịch.

Trịnh Huyền cho rằng: đời nhà Hạ có Liên Sơn, đời nhà Ân có Qui Tàng, đời nhà Chu có Chu Dịch.

Trịnh Huyền giải thích ba nhan đề ấy như sau:

- Gọi là Liên Sơn để tượng trưng cho mây từ đầu các ngọn núi bốc lên, miên man không ngừng.
- Gọi là Qui Tàng vì Vạn Vật đều tàng ẩn bên trong.
- Gọi là Chu Dịch vì biến dịch phổ quát không đâu không có. [13]

Hội ý tác giả, ta thấy rằng dấu Dịch Kinh có thay tên, đổi quẻ, nhưng ý nghĩa và mục đích trước sau vẫn là một.

Dịch cốt bản về Vạn Vật, Vạn Tượng liên tục biến thiên, phát triển như mây ùn ùn liên tục bốc lên từ những dãy núi xa xăm. Dịch bản về sự **biến thiên**, mà biến thiên thì thường xuyên diễn biến khắp nơi trong vũ trụ. Nhưng sách Chính nghĩa không đồng quan điểm với Trịnh Huyền và cho rằng:

Sách Dịch thời Thần Nông gọi là Liên Sơn.

Sách Dịch thời Hoàng Đế gọi là Qui Tàng.

Sách Dịch thời Chu gọi là Chu Dịch. Như vậy Chu Dịch là sách Dịch đời Chu, cũng như Chu Lễ, Chu Thư, v.v.. [14]



Học Dịch phải tôn công phu. Có tôn công phu, mới tìm ra được cái hay, cái đẹp của Dịch. Dưới đây ta sẽ lần lượt khảo sát về chữ Dịch dưới nhiều tiết mục:

- 1.- Chữ Dịch theo Từ nguyên
- 2.- Dịch là biến Dịch
- 3.- Dịch là bất Dịch
- 4.- Dịch là giản dị
- 5 - Dịch là nghịch số
- 6 - Dịch là Tượng

## Chương 1. Chữ Dịch theo Từ Nguyên

Học Dịch trước tiên cần phải hiểu chữ Dịch. Hiểu được chữ Dịch tức là đã hiểu được phần nào ý người viết sách. Bò Điền Trịnh thị nói: **Chữ Dịch do hai chữ Nhật Nguyệt tạo nên**. Lý trong thiên hạ có thể tóm thâu trong một Chấn một Lẻ. [15] Suy ra: Nhật là mặt trời, tượng trưng cho sự bất biến, Hằng Cửu, viên mãn. Nguyệt là mặt trăng, tượng trưng cho sự biến thiên, tạm bợ, khuy khuyết. Như vậy, chữ Dịch gồm trong thân cả 2 nguồn sinh lực tương đối, **lẽ tôn ti** của Âm Dương, **lẽ biến hằng** của vũ trụ, **sự Hằng Cửu** của Bản Thể do vùng Dương đại diện, và các trạng thái **doanh hư, tiêu trưởng** của Vạn Hữu, do vùng Nguyệt tượng trưng.

Như vậy, Dịch bao quát cả **biến hằng**, bao quát cả **hiện tượng lẫn bản thể**. Dịch là **Toàn Nhất**.

Chữ Dịch mà tách đôi sẽ thành ra Nhật, Nguyệt hai vùng, Âm Dương chia rẽ, nhật dạ cách trùng.

易 → 日 + 月

**Sự qua phân** này sẽ là đầu dây mối rợ, sinh ra mọi hiện tượng trong trời đất. Dương là Càn, Âm là Khôn, nên Dịch cho rằng: **Càn Khôn là cửa của Dịch**. [16]

Mới hay: Một Dịch qua phân, hóa đất trời,

Đất trời cảm ứng, sẽ sinh sôi,

Sinh sôi, tạo tác, thành muôn vật,

Muôn vật chung qui một Dịch thôi.

Khi mà **Nguyên Thể** đã chia ly, phân tán, thì mầm đấu tranh, chống đối tự nhiên sẽ sinh ra. Đấu tranh, chống đối ấy xét về một phương diện là một động cơ hết sức hữu hiệu để sinh biến hóa, vì thế Dịch nói: **Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hóa**. [17]

Nhưng nếu chỉ thấy sự **đấu tranh, chống đối giữa Âm Dương**, thì mới thấy được chiều biến hóa đưa đến chia ly, chết chóc, đổ vỡ, mới thấy được có một chiều hướng của vũ trụ.

Ngoài chiều hướng trên, Vũ trụ cũng như Dịch còn có một chiều hướng thứ hai: là chiều **Âm Dương tương sinh, tương thừa**. Âm Dương vẫn có thể tiếp tay nhau, có thể thỏa hiệp, đoàn tụ, để làm nên đại nghiệp. Đây là chiều hướng xây dựng, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, cố hàn gắn lại những gì đã đổ vỡ, đoàn tụ lại những gì đã chia ly, tán lác. Thánh Hiền cho rằng chiều hướng này mới là chính yếu. Các đạo gia lý luận một cách rất sâu sắc như sau:

**Nếu Bản Thể vì qua phân nên đã thành Âm Dương, thành Vạn Hữu, thì ta cũng có thể phối hợp Vạn Hữu lại thành Âm Dương; phối hợp Âm Dương lại để thành Bản Thể**. Mà Âm Dương chẳng qua là **Thần Khí, Tâm Thần** trong ta.

Tu luyện cho **Tâm kết hợp với Thần**, khiến cho Thần Khí hợp nhất, không để cho ngoại vật khiên dẫn, làm tản lạc ra bên ngoài; tu luyện Tâm Thần để trở thành Siêu Nhân, thành Tiên Thánh, đó là mục đích của công trình mà Đạo gia gọi là luyện đơn.

Đại đồng Chân kinh viết:

Nhật Nguyệt hợp bão nhi thành Thái Cực. [18]

Theo Đạo gia, chữ Đơn chính là chữ Dịch biến thể, vì có đầu Nhật, mà chân là Nguyệt. [19]

Thế mới hay:

Một Dịch qua phân tạo đất trời.

Âm Dương cách trở, mới chia phối

Tâm thần ví thể đoàn viên lại,

Thái Cực rồi ra sẽ rạng ngời.

Một chữ Dịch phân ra, thì thấy cách thức trời đất Vạn Vật phát sinh, thấy căn bản của Vạn Hữu; hợp lại thì thấy cùng đích muôn loài, thấy phương thức tu luyện để tiến tới Thần minh. Như vậy, chẳng phải là kỳ diệu sao?

Học Dịch để **quán thông thượng hạ, vạn biến phùng nguyên**, há chẳng phải là một công việc thích thú lắm sao?[20]

---

## CHÚ THÍCH

[1] Không tử văn nhi học Dịch, độc chi vi biên tam tuyệt chi nhi vi chi truyện. 孔子晚而學易, 讀之為編三絕之而為之傳.

[2] Gia ngã số niên, tốt dĩ học Dịch khả dĩ vô đại quá hĩ. 加我數年, 卒以學易, 可以無大過矣. — Luận Ngữ Thuật nhi đệ thất, câu 16 - Bản dịch Đoàn Trung Còn.

[3] Cf. Wilhelm Baynes, *The I Ching Book II*, p. 274 - 280.

[4] Thoán truyện khác Thoán từ của Văn Vương - Thoán từ bao giờ cũng ở ngay đầu quẻ. Thoán truyện bao giờ cũng có chữ Thoán viết.

[5] Tượng còn chia làm Đại Tượng (cắt nghĩa hình ảnh toàn quẻ), Tiểu Tượng cắt nghĩa hình ảnh từng Hào. Như vậy Quẻ nào, Hào nào cũng có Tượng truyện và bắt đầu bằng chữ Tượng viết.

[6] Văn ngôn chỉ có trong 2 quẻ Kiên và Khôn và bắt đầu bằng chữ Văn ngôn viết.

[7] Cf. Nguyễn Ân Trường - Tạo hóa thông - trang 56

Tạ Vô Lượng, *Trung Quốc triết học sử*. Đệ nhất chương hạ - trang 25.

[8] Cf. Nguyễn Ân Trường, *Tạo hóa thông* - trang 56.

[9] Cf. Nguyễn Ân Trường, *Tạo hóa thông* - trang 56

- Lý Chứng Cương, *Dịch học thảo luận tập*, trang 1,2,3.

- Về nhẽ thác **tổng** xin đọc Dịch Kinh lai chú đồ giải - quyển I, các trang 38 - 44.

[10] Các lời sấm ngữ của Gia Cát, Lý thuần Phong, Viên Chính Cương, Thiệu Khang Tiết, Lưu Cơ hiện còn ghi trong tập Trung Quốc nhị thiên niên chi dự ngôn.

[11] Hình vẽ phỏng theo *Dịch học thảo luận tập* - trang 69.

- [12] Thư viện bên Nam Dương, nói có những Bộ Liên Sơn, Qui Tàng trong Thư Viện.
- [13] Ngô Khang *Chu Dịch đại cương* - trang 11.
- [14] Tạ Vô Lượng Trung Quốc Triết học sử - trang 31.
- [15] Bồ Điền Trịnh thị viết: Dịch tòng Nhật tòng Nguyệt thiên hạ chi lý nhất Cơ, nhất Ngẫu nhi tận hĩ. 浦田鄭氏曰: 易從日從月天下之理一奇, 一偶而盡矣. — *Dịch Kinh Đại Toàn* - Chu Dịch thượng kinh - trang 77.
- [16] Tử viết: Càn Khôn kỳ Dịch chi môn da. 子曰乾坤其易之門邪. Hệ Từ hạ, VI
- [17] Cương nhu tương thời nhi sinh biến hóa. 剛柔相推而生變化. Hệ Từ thượng II.
- [18] Nhật Nguyệt hợp bão nhi thành Thái Cực. 日月合抱而成太極. *Đại đồng Chân Kinh* quyển hạ trang 23.
- [19] Đơn tự Nhật đầu Nguyệt cước, trung gian nhất hoạch hệ Nhật Nguyệt hợp nhất chi vị dã. Kỳ nội nhất điểm vi tinh khí hồn hợp, dĩ tượng nhất lập kim đơn dã. 丹字日頭月腳, 中間一劃係日月合一之謂也. 其內一點為精氣渾合, 以像一粒金丹也.  
Tu chân bát tử phương - trang 26.
- [20] Thủy Tâm tập học ký ngôn. (Diệp Thủy Tâm Tiên sinh thích.)  
Trùng biên Tổng Nguyên học án quyển 3, trang 593

### Phần 3

## VÔ CỰC LUẬN



### Chương 1. Phi lộ

Đối với đại đa số quần chúng, Vô cực 無極 là một danh từ xa vời, thường không gọi ra cho họ một ý niệm nào, y thức như đỉnh một non thần quanh năm có mây mù che lấp, không để cho cặp mắt thể nhân dòm hành được.<sup>[1]</sup>

Bàn về Vô cực cũng hết sức khó khăn, vì Vô cực mênh mông vô hạn, không thể nào lồng vào trong khuôn khổ ý niệm, từ ngữ, tượng hình.

Chúng ta chỉ có thể dùng thần trí lãnh hội Vô cực, chứ không thể dùng tâm tư suy cứu Vô cực.

Tất cả những ý niệm, những danh từ, những hình dung có liên quan tới Vô cực chỉ là những phương tiện eo hẹp giúp ta linh giác được Vô cực, chứ không phải là những ý niệm, những hình ảnh chính xác về Vô cực.

Có hiểu như vậy, người viết và người đọc mới thoát vòng tù túng của ý niệm, từ ngữ.

Chữ Vô cực đã xuất hiện từ lâu đời trong nền văn học và đạo giáo Trung Quốc.

Dịch Kinh không đề cập đến Vô cực; chỉ đề cập đến Thái cực 太極.<sup>[2]</sup>

Trong thư tịch Nho giáo, chữ Vô cực phát tích từ thiên «Thái cực đồ thuyết» 太極圖說 của Chu Liêm Khê.<sup>[3]</sup>

Chu Liêm Khê viết: «Vô cực nhi Thái cực» 無極而太極. Như vậy đối với Nho giáo, chung qui, Vô cực, Thái cực đều cũng là bản thể của vũ trụ, có khác nhau chăng là ở hai thể: ẩn, hiện.

Nói chung, thì Nho gia thường luận về Hữu, ít đề cập đến Vô. Ít đề cập, nhưng không phải không hay không biết. Vả lại, Vô vẫn trọng hơn Hữu, Vô thường áp dụng cho Trời, cho thần minh.

Trung Dung viết: «Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, chí hĩ.» 上天之載 無聲無臭至矣.

Dịch Kinh viết: «Thần vô phương, nhi Dịch vô thể.» 神無方而易無體 [4]

Trái lại, chữ Vô cực, chữ Vô đã được dùng trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử [5] từ thế kỷ thứ V trước Công Nguyên.

Các Đạo gia cũng thường đề cập đến Hư, Hư Vô, Không. [6]

Dấu sao, Hư vô, Vô cực cũng là một quan niệm hết sức trọng đại đối với Á Châu. [7]

Vô cực, Hư vô đây chính là Tuyệt đối bất khả tư nghị, chứ không phải là hư không, hu ảo như các sách giáo khoa thường lầm tưởng. [8]

Hiểu vấn đề Vô cực, Hư vô, ta sẽ vén được bức màn bí mật, từ bao lâu nay, đã bao trùm trên siêu hình học Á Châu, và tránh được những sự hiểu lầm, những lối giải thích ngây thơ, nông cạn.

Trong thiên khảo luận sau đây, tác giả sẽ dẫn chúng các nhà huyền học Đông Tây kim cổ để xiển minh rằng Vô cực hay Hư vô là quan niệm cao siêu nhất về Tuyệt đối thể, về Thượng Đế. [9]

Để cho vấn đề được sáng tỏ, và để cho độc giả dễ dàng theo dõi, xin lập thành một biểu nhất lãm ghi chú những cung cách, quan niệm, hình dung về Thượng Đế qua các triết học đạo giáo cổ kim [10] như sau:

### CÁC QUAN NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ

Môn phái	Quan niệm về Thượng Đế	Danh hiệu Thượng Đế
Quan niệm của các nhà Huyền Học	Tuyệt đối thể vô ngã, bất khả tư nghị, vô thanh vô xú, vô trụ, vô phương sở	Vô Cực, Hư Vô, Hư Không, Hồng Mông, Hỗn Độn (Néant, Chaos, Vide)
Quan niệm của các nhà Huyền Học và các Triết gia	Tuyệt đối thể, Bản thể, Căn nguyên, Cùng đích của vũ trụ	Trung, Nhất, Thái Cực, Đạo (Principe, Logos, L'Un, Tout)
Quan niệm của các Đạo giáo	Tuyệt đối thể, Bản thể, Căn nguyên, Cùng đích của vũ trụ	Thượng Đế, Hoàng Thiên, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Thiên, Trời, Tạo Hóa, Chủ Tể (Dieu, Créateur, Roi, etc...)
Quan niệm của các Đạo giáo và quần chúng	Tuyệt đối thể được nhân cách hóa, nhân hình hóa; Thượng Đế có nhân hình, nhân dạng	Tạo hóa đàn hanh Trời già oan nghiệt

Nhìn vào đồ bản, ta thấy, đối với các bậc thượng trím thượng nhân, Thượng Đế càng ngày càng trở nên vô hình tướng, vô biên tế, bất khả tư nghị [11]; Ngược lại đối với quần chúng, Thượng Đế càng ngày càng trở nên hữu tình, hữu tướng, hữu hình, có tòa ngôi, có hành động, cũng yêu thương, hờn giận, ghen tuông, thù oán như con người. Đó là một công lệ có thể đem áp dụng vào bất kỳ đạo giáo nào.

Tác giả sẽ đi vào đề tài với một thái độ hết sức khách quan, không biện hộ cho một tôn giáo nào, mà chỉ muốn cùng độc giả đi tìm chân lý, trao lại cho độc giả những chìa khóa để mở các kho tàng tư tưởng Á Âu.

Bàn về Vô cực, về Thượng Đế, về Tuyệt đối bất khả tu nghị, tác giả sẽ dùng phương pháp đối chiếu. Tác giả sẽ so sánh các quan niệm, từ ngữ của các nhà đạo giáo. Sự so sánh này sẽ làm sáng tỏ những quan niệm huyền bí của Á Châu.

Tại sao, lại dựa vào các nhà Huyền học (mystiques)?

Vì các nhà huyền học, tức là các vị chân tu đắc đạo, là những người đã trực tiếp thông đạt được Thượng Đế.

Trong quyển «Studies in Mystical Religion», bác sĩ Rufus Jones định nghĩa huyền học như sau: «Huyền học là một loại tôn giáo chú trọng sự trực giác được nối liền với Thượng Đế; đến sự nhận thức trực tiếp được sự hiện diện của Thượng Đế. Đó là tôn giáo tới giai đoạn cao siêu nhất, mãnh liệt nhất, sống động nhất». [12]

Thánh Thomas d'Aquin định nghĩa huyền học là sự nhận thức được Thượng Đế một cách sống động do kinh nghiệm bản thân. [13]

Bergson cũng đã dựa vào các nhà huyền học để nhận định là có Thượng Đế.

Ông cho rằng nếu ta chấp nhận các kết luận của các nhà khoa học về khoa học, thì ta phải chấp nhận các kết luận của các nhà huyền học về Thượng Đế. [14]

Tại sao lại khảo sát quan niệm của các vị đắc đạo của các đạo giáo?

Thưa: vì chân lý cần phải phổ quát, vượt tầm không gian, thời gian; vượt tầm các quốc gia và đạo giáo, vì chân lý là gia tài chung của nhân loại, chân lý phải là cái gì vĩnh cửu, phổ biến mọi nơi, mọi đời. [15]

Tại sao cần khảo sát các triết gia?

Thưa: vì triết gia là người mài miệt suy tư, cố công tìm hiểu, dám có những tư tưởng mới mẻ, tầm khuôn sáo xã hội.

Bergson nhận định: «Triết học không phải nguyên là sự phục hồi của thần trí, sự phối hợp giữa tâm thần với căn nguyên sáng tạo. Triết học còn nghiên cứu sự biến thiên tổng quát, sự tăng trưởng, diễn biến của chân lý và, như vậy, triết học chính là sự tăng bổ của khoa học». [16] Nhưng trong thiên khảo luận này tác giả không theo loại triết học phổ thông khoa cử. Nền triết học bí điển mật truyền cả Đông lẫn Tây lại chú trọng đến Vô hơn Hữu. [17]

Những từ ngữ, những quan niệm tương đồng giữa Đông và Tây phải chăng là ấn tín và là biểu hiệu cho chân lý hằng cửu phổ quát ? [18]

Tại sao phải dựa vào các sách thánh, các kinh điển đạo giáo ?

Bởi vì đó chính là tinh hoa nhân loại đã cô đọng nên nhời...

oOo

Trong công trình khảo cứu kinh Dịch, ta bắt chước tiên nhân bàn về Vô cực, Thái cực trước tiên, vì Vô cực tức là căn nguyên vũ trụ, là chủ chốt của Dịch Kinh.

Có biết rõ căn nguyên gốc gác, thì chúng ta mới suy luận được ra ngọn ngành.

Thế tức là, chúng ta xoay ngược vấn đề nhận thức: Muốn biết mình, muốn hiểu vũ trụ, trước tiên phải biết Trời, biết Thượng Đế.



Saint Martin viết: Ta chỉ có thể hiểu biết được chúng ta trong Thượng Đế và sự vinh quang ngài. [19]

Có lẽ, cũng vì thế mà Trung Dung đã viết: «Tư chi nhân bất khả dĩ bất tri Thiên.» [20]

Tạm dịch:

*Biết người trước phải biết Trời,*

*Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao ?*

Chúng ta khảo cứu về Thượng Đế, nhưng không theo lối quần chúng, thường nhân mà theo đường các vị thánh hiền, cho nên sẽ không câu nệ hình thức, sắc tướng, mà toàn đề cập tới Tuyệt đối siêu việt, trừu tượng.

Sự khảo cứu này không phải là sự khảo cứu suông mà cốt chuyên hóa con người, minh tâm, đắc Đạo.

Thánh Thomas, trong một lúc xuất thần, gặp chúa Kitô tại Naples. Chúa hỏi ngài muốn được tưởng thưởng về công phu biên khảo về Thánh thể, ngài trả lời: «Chúa, xin cho con được Chúa». [21]

Ước gì đó cũng là nguyện ước và chí hướng của chúng ta trong công trình khảo cứu Dịch Kinh.

---

## CHÚ THÍCH

[1] Cf. I Corinthiens 1, 14: L'homme psychique n'accueille pas ce qui est de l'Esprit de Dieu.

[2] Dịch Hệ từ thượng (Chương 11)

[3] Tổng Nguyên học án quyển 12 Liêm Khê học án (hạ) Thái cực đồ thuyết trang 1, 2, 3.

...Vô cực nhi Thái cực 無極而太極.

...Lý bản vô hình, cố vị chi Vô cực. 理本無形故謂之無極.— (Ib. 1b)

...Tự Vô cực thuyết đạo vạn vật thượng, thiên địa chi chung thủy dã Tự vạn sự phản đạo Vô cực thượng, thánh nhân chi chung thủy dã. — (Ib. 2a)

[4] Dịch Hệ từ thượng, chương IV.

[5] Thường đức bất thối, Phục qui ư Vô cực. 常德不忒, 復歸於無極.— Lão Tử, *Đạo Đức Kinh* chương 28.

Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô. 天下萬物生於有, 有生於無.— Lão Tử, *Đạo Đức Kinh* chương 40.

[6] Xem các bộ sách: *Tính Mệnh khuê chỉ*, *Đạo thư thập nhị chủng*, *Tính Mệnh Pháp Quyết minh chỉ* v.v...

[7] Cf. Fong Yeou Lan, *Précis d'histoire de la Philosophie chinoise*, pages 43-44.

[8] Cf. *Tự điển và danh từ triết học* của Trần Văn Hiến Minh, nơi chữ Hư vô: Hư vô (nihil, néant), không có gì cả, hay có cũng như không.

[9] G.G. Scholem, *Les grands courants de la mystique juive*, page 369.

[10] Nhược tùy cơ thuận tục giả vi quyền vi thiên, nhược thanh bản, đạt nguyên giả vi thật vi thâm. Giáo chi dị như bách xuyên. Lý chi đồng giả như nhất thủy. Thuận tục chi giáo, bất quá hành ư nhất phương, cùng nguyên chi giáo nãi khả đốn ngộ vạn loại. Trí giả bất cuộc ư nhất phương, đạt giả biến hành ư vũ nội. Thị dĩ học nhân tại hồ phát phần lập chí, do thiên nhập thâm, tất câu Lý chi

cực trí. 若隨機順俗者為權為淺, 若清本, 達源者為實為深. 教之異如百川. 理之同者如一水. 順俗之教不過行於一方, 窮源之教乃可頓悟萬類. 智者不局於一方達者變行於宇內. 是以學人在乎發憤立志由淺入深必求理之極致. — *Sao Kiêu Đồng Chương* quyển I trang 5.

- [11] (The One is) alleged by mystics to be ineffable, incapable of being described in words etc... Such phrases as «inexpressible», «unutterable», «beyond all expression» bespatter the writings of mystics all over the world... — W.T. Stace, *Mysticism and philosophy*, p. 79.  
...The God seeing man... can always enter, naked and unencumbered with images, into the inmost part of his spirit. There he finds revealed an Eternal Light...It(his spirit is undifferentiated and without distinction and therefore it feels nothing but the unity (Jan Van Ruysbroeck, 1293 1381). — *Ib.* page 94.
- [12] «Le Dr Rufus Jones, dans ses excellentes «Studies in mystical Religion» définit son sujet comme il suit:J'emploierai le mot pour exprimer le type de religion qui met l'accent sur l'intuition immédiate de la relation avec Dieu, sur la prise de conscience directe et intime de la Présence divine. C'est la religion à son stade le plus aigu, le plus intense et le plus vivant». — G.G. Scholem, *Les grands courants de la mystique juive*, page 16.
- [13] Thomas d'Aquin définit brièvement la mystique: «Cognitio Dei experimentalis», connaissance de Dieu par expérience. — G.G. Scholem, *Les grands courants de la mystique juive*, page 16.
- [14] Des témoignages des mystiques, ces guides spirituels de l'humanité, le philosophe (Bergson) déduit l'existence de Dieu, car si nous acceptons les conceptions scientifiques des savants, nous devons de même admettre les opinions des mystiques sur la divinité. — Henri Bergson.  
Cf. F. Tomlin, *Les grands philosophes de l'Occident*, page 265.
- [15] Quod semper, quod ubique, quod ab omnibus. — Henri Gouhier, *L'histoire et sa philosophie*, trang 49.
- [16] La philosophie n'est pas seulement le retour de l'esprit à lui même, la coïncidence de la conscience humaine avec le principe vivant d'où elle émane, prise de contact avec l'effort créateur. Elle est l'approfondissement du devenir en général, l'évolutionnisme du vrai, et par conséquent la vrai prolongement de la science. -- Bergson, *L'évolution créatrice*, page 339. -- Tomlin, *Les grands philosophes de l'occident*, page 263.
- [17] Ainsi quand Aristote envisageait la métaphysique comme la connaissance de l'être en tant qu'être, l'identifiait à l'ontologie, c'est à dire qu'il prenait la partie pour le tout. Pour la métaphysique orientale, l'être pur n'est pas le premier ni le plus universel des principes, car il est déjà une détermination; il faut donc aller au delà de l'être, et c'est même là ce qui importe le plus. — René Guénon, *La métaphysique orientale*, page 10.
- [18] Ce sont seulement les formes extérieures dont elle est revêtue pour les nécessités d'une exposition, pour en exprimer ce qui est exprimable, ce sont ces formes qui peuvent être soit orientales soit occidentales. Mais sous leur diversité, c'est un fond identique qui se retrouve partout et toujours partout du moins où il y a de la métaphysique vraie, et cela pour la simple raison que la vérité est une. — René Guénon, *La métaphysique orientale*, page 4.
- [19] Nous ne pouvons nous lire que dans Dieu lui même, et nous comprendre que dans sa propre splendeur. — Saint Martin, *Ecce Homo* page 18. Tableau naturel agenl



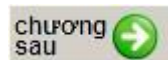
[20] *Trung Dung* Chương XX.

[21] Interrogé par le Christ en une célèbre vision de Naples sur le prix de ses peines et de son labeur concernant l'Eucharistie, il répondit: «Vous même Seigneur».

L. Jugnel, *Pour connaître la pensée de Saint Thomas d'Aquin*, page 13.

## Phần 4

# THÁI CỰC LUẬN



## Chương 1. Đại cương

Sau khi đã bàn giải Vô Cực ta có thể đề cập đến Thái Cực một cách dễ dàng hơn.

Muốn học Dịch phải hiểu Thái Cực vì Thái Cực chính là gốc Dịch, là tâm Dịch. Học Dịch mà không hiểu Thái Cực, cũng y như đứng bên ngoài hàng rào, ngắm vào tòa lâu đài, làm sao biết được trên châu, bảo vật bên trong!

Thái Cực chẳng những là căn nguyên Kinh Dịch, mà còn là căn nguyên vũ trụ, Vạn Hữu.

Dịch Kinh viết về vũ trụ khởi nguyên bằng những lời lẽ hết sức vắn tắt như sau:

Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng nghi: Lưỡng nghi sinh Tứ tượng: Tứ tượng sinh Bát quái v.v...

Nói nôm na là: Thái Cực sinh tinh thần, vật chất, vũ trụ, vạn vật [1]

### A. THÁI CỰC VỚI TỔNG NHO

Tổng Nho đã bàn cãi rất nhiều về Thái Cực. Dưới đây xin tóm tắt sơ lược ý kiến của ít nhiều Triết gia như:

Chu Liêm Khê (1017 - 1073)

Thiệu Khang Tiết (1011 - 1077)

Trình Di (Y Xuyên) (1033 - 1107)

Chu Hi (1130 - 1200)

Lục Tượng Sơn (1139 - 1192)

Chu Liêm Khê (1017 - 1073) là vị Tổng Nho có công làm sống động lại quan niệm Thái Cực của Dịch Kinh. Liêm Khê tin rằng: trong vũ trụ có một **Lý** rất huyền diệu, uyên thâm, bất trắc, biến hóa vô phương, tuy vô hình, vô trạng, vô xứ, vô thanh, nhưng chính là căn bản của vạn vật: Đó là Thái Cực [2]

Thái Cực hay Lý là khu nữ, là trục cốt vạn vật, Vạn Hữu. Chu Liêm Khê gọi: **Thái Cực là Vô Cực**; ngụ ý rằng Thái Cực vô hình thể, là một hoạt lực, một huyền năng vượt tầm tri giác của ngũ quan [3]

Chu Liêm Khê viết thiên **Thái Cực đồ thuyết** luận về Thái Cực và sự khởi nguyên của Vạn Hữu. Thiên này bắt đầu bằng một câu bất hủ: **Vô Cực nhi Thái Cực**.

Thiệu Khang Tiết (1011 - 1077) gọi căn nguyên vũ trụ là Nhất. Nhất ấy chính là Thái Cực. [4] Đối với Thiệu tử, Thái Cực cũng là Đạo, là Hoàng Cực, là Tâm. Tất cả những danh từ đó đều là nhân tạo, để chỉ định Nguyên Thể vũ trụ [5]

Ông còn cho rằng Thái Cực chẳng ở đâu xa, **Thái Cực ở ngay trong tâm hồn con người, là Tâm con người**. Ông viết: Tâm là Thái Cực, Đạo là Thái Cực [6] Thái Cực khi chưa sinh vạn vật thì gọi là

Tiên Thiên. Khi Thái Cực đã bắt đầu hoạt động, phân hóa để tạo dựng quần sinh thì gọi là Hậu Thiên[7]

Thiệu Khang Tiết còn lập ra Tiên Thiên đồ, lấy các con số để vẽ lại sự sinh hóa của vũ trụ. Ông dùng số 1 tượng trưng cho Thái Cực. Tiên Thiên đồ của Thiệu Tử tựu trung cũng giống như Thái Cực đồ bản của Chu Liêm Khê, tuy một bên thời dùng số, một bên thời dùng tượng, để mô tả Thái Cực và công cuộc sinh hóa quần sinh Vạn Hữu.[8]

Đối với Trình Di (1033 - 1107) thì Thái cực, hay Đạo, hay Lý, hay Khí Chân Nguyên cũng là một.[9]

Chu Hi (1130 - 1200) đàm luận rất nhiều về Thái Cực. Đại khái, Chu Hi gọi Thái Cực là Lý có trước trời đất, đã sinh ra trời đất vạn vật, và hằng lồng trong trời đất vạn vật. [10] Chu Hi cho rằng Vô Cực hay Thái Cực vẫn chỉ là một thực thể vô thanh, vô xứ, làm khu hữu cho trời đất, muôn loài.[11]

Gọi là Thái Cực, vì là tuyệt đối, không bên bờ, vô cùng, không thể có thêm gì hơn được nữa. Lồng trong vạn vật để làm cùng đích cho vạn vật. Vạn vật không có Thái Cực, tức là không có gốc gác chủ thể, không thể nào tồn tại được. [12] Vạn vật là phản ảnh của Thái Cực, đều có Thái Cực lồng ở bên trong. Thái Cực lồng trong vạn vật như ánh trăng lồng đáy nước: muôn vạn ao hồ, muôn ngàn hình ảnh, cũng không làm cho trăng suy suyển, pha phôi. [13] Vô Cực hay Thái Cực là Đạo, là Lý, thuộc **hình nhi thượng**, siêu xuất không gian, thời gian.

Âm Dương khí chất có tình, có trạng, là Khí thuộc **hình nhi hạ** tức là lệ thuộc không gian, thời gian [14] Theo Chu tử, ta có thể nhìn vũ trụ trên 2 hình diện:

Nếu nhìn vũ trụ trên bình diện hình tướng, phiến diện, ta sẽ thấy tùy nơi, tùy thời động tĩnh luân phiên, Âm Dương dịch vị, biến hóa đa đoan.

Nhưng nếu nhìn vũ trụ trên bình diện tế vi, trên bình diện Bản Thể Thái Cực, ta sẽ thấy vắng lặng im lìm, mặc dầu là vạn lý đã hàm ngụ ở trong.[15]

Thái Cực không phương sở, không hình thể, không địa vị [16] Tuy nhiên Thái Cực chính là **khuôn thiêng** muôn loài muôn vật.

Chu Hi viết: Thái Cực là Lý của trời đất, muôn vật [17] Phùng hữu Lan cho rằng chữ Lý ấy đối chiếu với từ ngữ Triết học Hi Lạp tức là Hình thức (Form)[18]. Đối với Lục Tượng Sơn, thì Thái Cực, Trung

hay Lý cũng như nhau [19] Nhưng ông cho rằng nguyên quan niệm Thái Cực đã đủ, không cần gì phải thêm quan niệm Vô Cực nữa. [20] Đối với ông Vô Cực là một quan niệm đã được vay mượn của Lão giáo, không hề thấy có nơi Tiên Nho. Ông cho rằng chữ Vô Cực không phải là lời lẽ của Chu tử [21] Ông tranh luận rất nhiều với Chu Hi về quan điểm này. [22]

Ông biện luận với Chu Hi như sau: Tôn huynh ngày trước gửi thư cho Thoa sơn có nói rằng: Không nói Vô Cực thì Thái Cực đồng ở một vật, không đủ làm cội gốc cho vạn hóa. Không nói Thái Cực, thì Vô Cực chìm ở nơi không tịch, không thể làm cội gốc cho vạn hóa...

Đại truyện trong Kinh Dịch nói rằng: Dịch có Thái Cực. Thánh nhân nói hữu, nay lại nói Vô là tại sao? Lúc Thánh nhân soạn Đại truyện không nói đến Vô Cực, hẳn Thái Cực đã từng đồng ở một vật mà chẳng đủ làm cội gốc cho vạn hóa ru?... Hai chữ Vô Cực xuất ở chương Tri kỳ hùng của Lão tử, chứ sách của Thánh nhân ta chưa từng nói đến. Chương đầu sách Lão Tử nói rằng: không danh là mối đầu của trời đất, có danh là mẹ của vạn vật, chính là theo cái ý ấy. [23]

Tóm lại đối với Nho gia, Thái Cực là:

Nguyên lý của vũ trụ [24]

Căn bản quần sinh [25]

Huyền cơ biến hóa [26]

Vô thanh xú, vô thủy chung v.v.. [27]

## B. THÁI CỰC VÀ HUYỀN

Thái Cực trong Kinh Dịch cũng tương đương với Huyền trong Thái Huyền của Dương Hùng [28]

Dương Hùng chủ trương: Huyền vô thủy vô chung [29]Huyền là Bản Thể vũ trụ [30]Huyền sinh xuất vũ trụ, cai quản vạn tượng, Vạn Hữu [31]

Huyền sinh xuất Nhật Nguyệt tinh cầu, tứ thời tuần tiết [32] **Huyền là chủ chốt nhân luân.** Thuận theo Huyền, đó là quân tử, nghịch với Huyền đó là tiểu nhân [33] Tất cả những chủ trương trên đều tương đương với chủ trương của Tống Nho về Thái Cực, về Thiên lý.

## C. THÁI CỰC ĐỐI VỚI PHẬT GIA

Nếu ta chuyển sang từ ngữ Phật giáo, Thái Cực sẽ trở thành Chân Như bản tính.

*Qui Nguyên Trục Chỉ* viết: Chân Như bản tính là Bản Thể chân thực, là Bản Lai Diện Mục sẵn có từ khi cha mẹ chưa sinh ra mình, Thiên tông gọi đó là «Chánh Pháp Nhãn Tạng». Liên tông gọi là Bản tánh Di Đà. Không tử gọi là Thiên lý. Lão tử gọi là Cốc Thần. Dịch gọi là: Thái Cực. Tên tuy khác nhau, nhưng kỳ thực cũng chỉ là một Chân Như bản tính [34] Thái Cực hay Chân Như bản tính ấy chính là Bản tính con người. Bản tính ấy dấu ở nơi người thánh hay người phàm cũng không hề tăng giảm. Suy rộng ra, vạn vật, Vạn Hữu cũng đều hàm tàng Thái Cực [35]

Phật gia còn gọi đó là Pháp. Kinh Kim Cương viết: Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Pháp là bản tính. Bản tính cũng ví như kim cương, kiên cố vững bền không thể hư hoại được. [36]

Tổng thiền sư chùa Đông Lâm chủ trương đại khái như sau: Thái Cực là Chí lý, là Thể, là Chân, là căn nguyên vũ trụ y thức như, theo từ ngữ Phật giáo, Không là căn nguyên vũ trụ [37]

## D. THÁI CỰC VỚI ĐẠO GIA

Đối với Đạo gia, Thái Cực cũng vẫn là căn bản của vũ trụ. Đại Đồng Chân Kinh viết: **Căn bản do lai Thái Cực tâm** [38] Muốn tìm gốc gác phải tìm nơi Thái Cực. Trong Thái Cực Quyền Bồng Đồ Thuyết, ta thấy có bài **Thái Cực Đồ Lộng Viên ca**. Đại ý như sau:

Ta nay vốn có một vòng  
Trắng đen hòa hợp, mơ màng, tịch liêu  
Tuy là hai ngã, hai chiều;  
Nhưng mà kỳ thực chất chiu một vành [39]  
To thời vô tận, mông mênh,  
Nhỏ thời nhỏ sít, phá phanh nhẽ nào.  
Thủy chung chẳng rõ tiêu hao,  
Chẳng phân tả hữu, thấp cao gót đầu  
Cửu trù, Bát quái trước sau,  
Dọc ngang tạo tác, cơ mầu ai hay.  
Cổ kim trước mắt phơi bày,

Đất trời rành rẽ, hiện ngay trước tòa [\[40\]](#)  
Thuần, Nghiêu, Chu, Khổng một nhà  
Giữa đoàn Hiền Thánh, có ta chủ trì,  
Sắt cầm thánh thốt vân vi,  
Nhạc trời dùi dặt, thỏa thuê vui vầy.  
Khổng rằng: Thái Cực là đây  
Hai chiều, hai mặt phơi bày Âm Dương  
Cát hung, phân định đường hoàng  
Rời ra đại nghiệp có đường phát sinh.  
Hình thời khoác lột Ngũ Hành,  
Thần thời hiển lộ mối manh Ngũ Thường [\[41\]](#)  
Trăm chiều sau trước vuông tròn,  
Làm cho Mạnh tử mỗi mòn chắt chiu  
Dẫu rằng vất vả đến điều,  
Lòng Trời cố giữ, chẳng siêu, chẳng rời  
Hạo Nhiên, Thái Cực chẳng hai,  
Mênh mông, cao đại chẳng phai, chẳng mòn.  
Đất trời bao quát sớm hôm

Hi, Hoàng âu cũng nhờ ơn dất dùi [\[42\]](#)

Bài ca trên cho thấy Thái Cực vừa là cực tiểu, vừa là cực đại; vô thủy vô chung; bao quát Âm Dương, trời đất, không gian, thời gian; biến hóa vô cùng; sáng soi cho các bậc Thánh Hiền muôn thủa. Thái Cực còn có thể gọi là Hạo Nhiên, theo từ ngữ Mạnh tử.

Xương đạo Chân Ngôn có một đoạn bình về Thái Cực đại khái như sau:

- 1/. Khó mà phân biệt được Vô Cực và Thái Cực [\[43\]](#)
- 2/. Thái Cực linh minh biến hóa [\[44\]](#)
- 3/. Thái Cực lớn thì trùm trời đất, mà nhỏ thì lọt trong hạt cải tế vi [\[45\]](#)
- 4/. Thái Cực sinh vạn vật, nhưng không vì sinh vạn vật mà bị phân hóa [\[46\]](#)
- 5/. Thái Cực sinh vạn vật, vạn vật lại quay trở về Thái Cực, đó là lẽ Nhất biến Vạn, Vạn qui Nhất của Dịch. [\[47\]](#)
- 6/. Trung Dung viết: Ngự đại, thiên hạ mạc năng tải. Xương đạo Chân Ngôn bình: Đó là Thái Cực bao trùm trời đất. [\[48\]](#)
- 7/. Trung Dung viết: Ngự tiểu thiên hạ mạc năng phá. Xương đạo Chân ngôn bình: Đó là Thái Cực lồng trong vạn vật [\[49\]](#)
- 8/. Sách viết thêm: Hợp trời đất lại vẫn là một Thái Cực. Chia ra thành vạn tượng, vạn loài thì mỗi loài mỗi tượng đều có một Thái Cực; mà Thái Cực vẫn không hề có bị chia phối [\[50\]](#)
- 9/. Tìm ra Thái Cực trong lòng con người, tức là tìm ra được Kim Đơn [\[51\]](#)
- 10/. Thái Cực là Vô Cực, là Kim Đơn [\[52\]](#), là Thần [\[53\]](#), là Không [\[54\]](#), là Nhất Chân, Nhất Nguyên, danh hiệu tuy khác nhau nhưng chung qui vẫn là một thực thể.

Sách *Liêu Dương Điện Vấn Đáp* chủ trương: Thái Cực tiềm ẩn trong lòng con người. Đó là Thiên tâm, là Viên Giác, là Kim Đơn, tùy theo từ ngữ mỗi đạo giáo [55] Thái Cực vừa là thời hậu (Instant), sinh ra thời gian, vừa là chủng tử (germe), sinh ra mọi cơ cấu trong hoàn vũ [56]

Đông Hoa Đế Quân gọi Thái Cực là Huỳnh Đình, là Chúng Diệu Chi Môn, Huyền Tẩn Chi Môn, Đạo Nghĩa Chi Môn, Bất Nhị Pháp Môn, là Hư Vô, là Chân Không, là Trung Thần v.v.. Và hình dung Huỳnh Đình Thái Cực bằng một hình vẽ như sau:



**1- Thái Cực, 2- Đạo nghĩa chi môn, 3- Chân Không, 4- Bất nhị pháp môn, 5- Trung Thần, 6- Chúng diệu chi môn, 7- Hư Vô, 8- Nguyên tẩn chi môn, 9- Huỳnh Đình.** [57]

Những lời của Đông Hoa Đế Quân bàn về Huỳnh Đình tức là những lời bàn về Thái Cực. Đông Hoa Đế Quân viết: Huỳnh Đình sinh xuất từ Tiên Thiên, tàng ẩn ở Hậu Thiên. Vốn không hình tượng, không danh tự, nên tạm hình dung bằng vòng tròn ○, tạm gọi là Huỳnh Đình [58]

Vì là sinh cơ man mác, nên gọi là Huỳnh Đình, vì biến hóa không lường nên gọi là Thần. Huỳnh Đình là thể, Thần là dụng, hai đẳng là một. Nho gọi là Đạo Đức Chi Môn, Thích gọi là Bất Nhị Pháp Môn, Lão gọi là Chúng Diệu Chi Môn, hay Huyền Tẩn Chi Môn! Vì không hình tượng, nên người xưa lấy Thần các cảnh mà hình dung Thần Huỳnh Đình để mọi người nhân Thần của cảnh, mà suy ra Thần Không cảnh của Huỳnh Đình. [59]

Sách *Tính Mệnh Khuê Chỉ* đã cho ta thấy tầm quan trọng của Thái Cực, khi vẽ hình Lão tử, trong tay có cầm một đồ bản Thái Cực (TMKC Nguyên-trang 1b). Đối với Đạo gia, Thái Cực chính là Huyền Quan Khiếu. Khiếu này chẳng có đầu đuôi; chẳng biến đổi; không phải có, mà cũng chẳng phải không; không tròn, không vuông; chẳng thiếu, chẳng thừa; chẳng tăng, chẳng giảm; chẳng đi, chẳng lại; chẳng sinh, chẳng diệt; không trong, không ngoài; không màu, không sắc; không tiếng, không hơi; như có, như không; như còn, như mất, dùng thời vận hành, thu thời tàng ẩn; vào ra bất trắc, chẳng ai biết được quê hương [60] Từ xưa tới nay, độc lập trường tồn giữa đất trời, làm trung tâm điểm cho Vạn Hữu, làm căn bản cho cuộc sinh hóa. Trời, đất, người, vật tất cả đều phải dựa nương nhờ cậy để sinh thành [61]

Quan niệm về Tuyệt Đới Thể không đầu đuôi, không hình dung, lưng mặt, làm ta liên tưởng đến quan niệm Hóa công không tai mắt, tay chân của Platon và của Empédocle. [62]

Sau khi đã khảo sát quan niệm Thái Cực của tiền nhân để tìm ra ý tứ hàm ngụ bên trong, ta có thể tổng kết lại và đoán định như sau:

1. Thái Cực vô hình tượng, hư linh bất muội, vô thủy vô chung [63]



2. Thái Cực là Bản Thể của vũ trụ và cũng là Bản Thể của Vạn Hữu và của con người [64]
  3. Thái Cực sinh xuất Vạn Hữu, nhưng sau trước vẫn nguyên tuyền, chẳng có hao hụt, chia phối [65]
  4. Thái Cực lồng trong vạn vật để làm chủ chốt mọi biến hóa và làm cùng đích muôn loài [66]
  5. Thái Cực vừa là cực đại, vừa là cực tiểu. Cực đại nên bao trùm vũ trụ muôn phương, cực tiểu nên lồng trong vi trần, trong giới tử. Dù nhìn bao quát cả vũ trụ cũng chỉ có một Thái Cực, nhưng nếu nhìn tán phân từng vật, ta lại thấy mỗi vật đều gồm đủ cả Thái Cực [67]. Thái Cực tuy sinh xuất Vạn Hữu, sau trước vẫn là duy nhất bất khả phân. [68]
  6. Thái Cực chính là Trung, là Đạo, là Trời, là Chân Tâm, là Bản Thể của vũ trụ. Thái Cực chính là Thượng Đế [69]. Thái Cực là Nhất [70], là Tuyệt Đối [71]
- Robert Lasserre toát yếu quan niệm Thái Cực như sau: Thái Cực đã cấu tạo nên vũ trụ, Vạn Hữu. Từ Vân hán, Ngân hà đến Nhật Nguyệt, tinh thần, quần sinh, vạn vật, tất cả đều có một Bản Thể duy nhất như nhau, ấy là Thái Cực, nhưng hình tướng công dụng bên ngoài khác nhau [72]
- Khi Thái Cực đã phân Âm Dương, động tĩnh, tức là khi Thái Cực đã hiển dương, ta mới biết được hành tung Thái Cực.
- Còn khi Thái Cực chưa có phân Âm Dương, động tĩnh, thì hoàn toàn vô thanh, vô xúc, vô trầm triệ. Lúc ấy chỉ có thể trực giác được Thái Cực mà thôi. [73]

## CHÚ THÍCH

- [1] Le premier écrivain de la tendance nouvelle...fut Tcheou Tounn I (1017 - 1073)(Chu đôn Di) maître Tcheou, qui établit que le système des Anciens manquait de tête: il fallait quelque chose, par delà le binôme ciel terre, par delà la roue du yinn yang et des cinq éléments. Il adopta pour être ce quelque chose le Tai ki de Lao tzeu et de Tch'enn T'oan (Trần Đoàn)... Tout son mérite consiste à avoir mis l'Unité en tête du dualisme. — Cf. HCROPC - page 658.
- [2] Trích trong *Tổng Nho Bửu Cầm* - trang 49.
- [3] La norme s'appelle aussi T'ai ki (Thái Cực), le grand axe, parce qu'elle meut tout dans l'univers. Maître Tcheou lui a encore ajouté l'épithète de Oû Ki (Vô Cực), pour exprimer sa nature incorporelle. C'est l'impalpable moteur qui ne tombe pas sous les sens. — Cf. Léon Wiegier - *Textes Philosophiques* Tome I - page 180.
- [4] Thiệu tử sở vị Nhất, tức Thái Cực dã... 邵子所謂一即太極也  
 - Đồ giai tông trung khởi. Vạn tượng sinh ư tâm... 圖皆從中起萬象生於心  
 - Hựu viết: Tâm vi Thái Cực; hựu viết: Đạo vi Thái Cực. 又曰心為太極又曰道為太極 —  
 Tạ Vô Lượng, *Trung Quốc Triết Học Sử*, Đệ tam thiên thượng, trang 14 - 15.
- [5] L'être premier duquel est issu tout ce qui est, c'est la Principe, c'est le Pôle Auguste, c'est l'Apogée. Noms d'emprunt, car l'être primordial est indéfinissable, innomable, ineffable. — HCROPC - page 65.
- [6] Đồ giai tông trung khởi, vạn tượng sinh ư tâm... 圖皆從中起萬象生於心  
 - Hựu viết Tâm vi Thái Cực. 又曰心為太極

- Hựu viết: Đạo vi Thái Cực. 又曰道為太極

Tạ Vô Lượng, *Trung Quốc Triết Học Sử*, Đệ tam thiên thượng - trang 14 -15

... Le ciel n'a jamais parlé,

- Il ne loge pas dans l'azur.

- Il n'est pas haut, il n'est pas loin,

- L'homme l'imagine dans son coeur.

Cf. Léon Wiegner - HCROPC page 602.

[7] Hà vị Tiên Thiên. Tịch nhiên bất động, ảo ảo, minh minh, Thái Cực vị phán chi thời dã. Hà vị Hậu Thiên, cảm nhi toại thông, hoảng hoảng, hốt hốt, Thái Cực dĩ phán chi thời dã. 何謂先天. 寂然不動, 窈窈, 冥冥, 太極未判之時也. 何謂後天. 感而遂通恍恍惚惚, 太極已判之時也. — TMKC - Lợi - trang 2b.

[8] Chu tử chi Thái Cực đồ, Thiệu tử chi Tiên Thiên đồ tịnh vân truyền tự phương ngoại, hữu vị đồng xuất ư Trần Đoàn...Thiệu Tử dĩ Thái Cực sinh vũ trụ Vạn Hữu, lược dữ Chu tử đồng. 周子之太極圖, 邵子之先天圖並云傳自方外, 有謂同出於陳搏... 邵子以太極生宇宙萬有, 略與周子同.— Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 14.

[9] Chữ Đạo, Y Xuyên dùng đó có cái ý nghĩa như hai chữ Thái Cực ở Dịch Kinh, điều mà Y xuyên sẽ mệnh danh cho nó là Lý sau này...

- Chân nguyên tức là Lý, còn sự co duỗi, tới lui tức là Khí.

Cf. Tống Nho Bửu Cầm, trang 88, 99

[10] Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. Nhược vô Thái Cực, tiện bất phiên liễu thiên địa. 太極只是一個理字. 若無太極, 便不翻了天地. — Stanislas le Gall, *Le Philosophe Tchou Hi*, p. 97.

[11] ...Thái Cực phi thị biệt vi nhất vật. Tức Âm Dương, nhi tại Âm Dương; tức Ngũ Hành nhi tại Ngũ hành; tức Vạn vật nhi tại Vạn vật. 太極非是別為一物. 即陰陽而在陰陽, 即五行而在五行, 即萬物而在萬物.— Ib. 99.

[12] Thù vấn Cực chi vi ngôn. Cứu cánh chí cực, bất khả hữu gia chi vị, dĩ tráng thử lý chi danh nghĩa tắc cử thiên hạ vô dĩ gia thử chi xưng dã cố thường tại vật chi trung, vi vật chi đích. Vật vô chi, tắc vô dĩ vi căn chủ, nhi bất năng dĩ hữu lập. 殊問極之為言. 究竟至極, 不可有加之謂, 以壯此理之名義則舉天下無以加之稱也故常在物之中, 為物之的. 物無之則無以為根主而不能以有立. —Stanislas le Gall, *S. J. Tchou Hi, Sa Doctrine, Son Influence* - page 116.

[13] Léon Wiegner, *Textes Philosophiques*, Tome I - p. 180

- Cf. Tạ Vô Lượng, *Trung Quốc Triết Học Sử*, trang 59.

[14] Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử*, trang 896.

[15] Thái Cực hình nhi thượng chi Đạo dã. Âm Dương hình nhi hạ chi khí dã. Thị dĩ tự kỳ trú giả nhi quan chi, tắc động tĩnh bất đồng thời, Âm Dương bất đồng vị, nhi Thái Cực vô bất tại yên. Tự kỳ

vi giả nhi quan chi, tức xung mục vô trẫm, nhi động tĩnh Âm Dương chi lý, dĩ tất cụ ư kỳ trung hỹ. Tự kỳ trú giả nhi quan chi, tức tại cụ thể sự vật trung quan chi. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tức tự Thái Cực chi Bản Thể quan chi dã. Thái Cực vô hình tượng, nhi kỳ trung vạn lý tất cụ. 太極形而上之道也. 陰陽形而下之氣也. 是以自其著者而觀之, 則不動靜不同時, 陰陽不同位而太極無不在焉. 自其微者而觀之, 則沖目無朕而動靜陰陽之理, 已畢具於其中矣. 自其著者而觀之, 即在具體事物中觀之. 自其微者而觀之, 即就太極之本體觀之也. 太極無形象, 其中萬理畢具.— (Thái Cực đồ thuyết chú) Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử* - trang 900.

[16] Thái Cực vô phương sở, vô hình thể, vô địa vị khả đôn phóng (Ngữ lục). 太極無方所無形體無地位可頓放.— Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử* - trang 901.

[17] Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi lý. 太極只是天地萬物之理.— Ib. trang 905.

[18] Lý tức như Hi Lạp Triết học trung sở thuyết chi hình thức (Form). 理即如希臘哲學中所說之形式.— Ib. 903

[19] *Tổng Nguyên Học Án Quyển* 12 trang 5.

[20] Tượng Sơn dĩ Vô Cực phi Chu tử ngữ. 象山以無極非周子語.— Tạ Vô Lượng TQTHS, *Đệ tam thiên thượng*, trang 72.

[21] Tượng Sơn dĩ Vô Cực phi Chu tử ngữ. — Tạ Vô Lượng TQTHS, *Đệ tam thiên thượng*, trang 72.

[22] Giữa Chu học và Lục học, tuy có rất nhiều điểm dị đồng, song chỉ có cuộc tranh luận về hai chữ **Vô Cực** là kịch liệt nhất... — Cf. Bửu Cầm, *Tổng Nho*, trang 175.

[23] Cf. Bửu Cầm, *Tổng Nho*, trang 174 - 175.

[24] Thiệu tử dĩ Thái Cực sinh vũ trụ Vạn Hữu. 邵子以太極生宇宙萬有.— Tạ Vô Lượng TQTHS, *Đệ tam thiên thượng* - trang 14.

[25] Phẩm vụng chi căn để dã. 品彙之根底也. — Ib. trang 6.

[26] Viết Vô Cực, nhi Thái Cực, Tạo hóa lưu hành chi thể, vô thời hưu tức. 曰無極, 而太極, 造化流行之體, 無時休息.— Ib. trang 9.

[27] Ib. trang 6.

[28] Tạ Vô Lượng, TQTHS, *Đệ nhị thiên thượng* trang 28.

[29] Ib. trang 28.

[30] Ib. trang 28.

[31] Ib. trang 28.

[32] Ib. trang 28.

[33] Ib. trang 28.

[34] Chân Như bản tính giả, phụ mẫu vị sinh tiền, nhất chân vô vọng chi thể vị chi bản lai diện mục. Thiên tông tác viết: Chánh pháp Nhãn Tạng, Liên tông tác viết: Bản tính Di Đà. Khổng tử tác



viết: Thiên lý. Lão tử tác viết: Cốc thần. Dịch đạo tác viết: Thái Cực. Danh tuy hữu dị, kỳ thực đồng nhất Chân Như Bản Thể đã. 真如本性者, 父母未生前, 一真無妄之體謂之本來面目. 禪宗則曰正法眼藏. 蓮宗則曰本性彌陀. 孔子則曰天理. 老子則曰谷神. 易道則曰太極. 名雖有異其實同一真如本體也.— *Qui Nguyên Trục Chỉ* II - trang 369.

[35] Tâm Kinh vân: Bất tăng bất giảm. Thử tính tại Thánh bất tăng, tại phàm bất giảm, cố viết: bất tăng, bất giảm đã. Khởi bất kiến Nhu vân: Nhất thiết hàm linh các cụ nhất Thái Cực, diệc thử lý đã. 心經云: 不增不減. 此性在聖不增, 在凡不減, 故曰不增不減也. 豈不見儒云: 一切含靈, 各具一太極, 亦此理也.— *Qui Nguyên Trục Chỉ* II trang 373.

[36] *Qui Nguyên Trục Chỉ Quyển II* - trang 371 - 372.

[37] *Qui Nguyên Trục Chỉ Quyển Hạ* (Đỗ thiếu Lăng phiên dịch) trang 604.

[38] Căn bản do lai Thái Cực tâm. 根本由來太極尋. — *Đại đồng Chân Kinh*, Quyển thượng - trang 5.

[39] *Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết*, trang 84.

[40] Ib. trang 84.

[41] Ib. trang 84.

[42] Ib. trang 33.

[43] *Xương Đạo Chân Ngôn II* - trang 8a.

[44] Thái Cực khả dĩ biến hóa. Nhất biến nhi vi Vạn, Vạn cụ nhất Thái Cực; Vạn hóa nhi vi Nhất, Nhất nhưng nhất Thái Cực đã. 太極可以變化. 一變為萬, 萬具一太極; 萬化而為一. 一仍一太極也. — Ib. trang 8a.

[45] Thái Cực đã, đại tắc bao thiên địa, tiểu tắc nhập giới tử. 太極也大則包天地, 小則入芥子.— Ib. 8a.

[46] Ib. trang 8b.

[47] Ib. trang 8a.

[48] Trung Dung viết: Ngự đại, thiên hạ mạc năng tải. Thái Cực bao hồ thiên địa chi ngoại đã. 中庸曰: 語大, 天下莫能載. 太極包乎天地之外也.— Ib. trang 8b.

[49] Ib. trang 8b.

[50] Ib. trang 8b.

[51] Ib. trang 8a.

[52] Ib. trang 9a.

[53] Ib. trang 9a.

[54] Ib. trang 9b.

[55] *Liêu Dương Điện Vấn Đáp Thiên I*, trang 2b.

[56] Ib. trang 2b.

[57] Trích trong *Huỳnh Đình Kinh giải* (Thê Vân Sơn Ngô Nguyên tử Lưu Nhất Minh) trang 3.

[58] Huỳnh Đình xuất ư Tiên Thiên, tàng ư Hậu Thiên, bản vô hình tượng, diệc vô danh tự cường nhi đồ chi giá cá ○ nhi dĩ. Cường nhi danh chi Huỳnh Đình thị dã. 黃庭出於先天, 藏於後天, 本無形象, 亦無名字, 強而圖之這個○而已. 強而名之黃庭是也. — *Huỳnh Đình Kinh giải* trang 3.

[59] Nhân kỳ hồn nhiên sinh cơ, cố danh Huỳnh Đình. Nhân kỳ biến hóa bất trắc, cố vị chi Thần. Huỳnh Đình thể dã, Thần kỳ dụng dã. Nhất vật nhi nhị danh. Nhu tu chi vi Đạo Nghĩa Chi Môn, Thích tu chi vi Bất Nhị Pháp Môn; Đạo tu chi vi Chúng Diệu Chi Môn, hựu vi Huyền Tấn Chi Môn. Nhân kỳ vô hình vô tượng, cố Đạo Tổ dĩ chư cảnh chi thần hình dụng kỳ Huỳnh Đình chi thần sử nhân ư chư cảnh chi thần, truy cứu kỳ Huỳnh Đình vô cảnh chi thần nhĩ. 因其渾然生機, 故名黃庭. 因其變化不測, 故謂之神. 黃庭體也. 神其用也. 一物而二名. 儒修之為道義之門. 釋修之為不二法門. 道修之為眾妙之門. 又為玄牝之門. 因其無形無象故道祖以諸景之神形容其黃庭之神使人於諸景之神, 追究其黃庭無景之神耳. — *Huỳnh Đình Kinh Giải* - trang 3.

[60] Phương vị chính Huyền Quan. Nhân kỳ vô thủ vô vĩ. Bất biến bất canh, phi vô phi hữu, phi viên, phi phương, vô dư vô khiếm, bất giảm bất tăng, vô lai vô khứ, bất diệt bất sinh, vô nội vô ngoại. Bất hoàng bất xích, vô tương vô nghinh, bất bạch bất thanh, vô thanh vô xú, tự hữu tự vô, nhược vong nhược tồn. Dụng chi tắc hành, quyền chi tắc tàng; xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hương. 方為正玄關. 因其無首無尾. 不變不更, 非無非有, 非圓非方, 無餘無欠, 不減不增, 無來無去, 不滅不生, 無內無外, 不黃不赤, 無將無迎, 不白不青, 無聲無臭, 自有自無, 若亡若存. 用之則行, 卷之則藏; 出入無時, 莫知其鄉.— TMPQ, Quyển 7 - trang 5,6.

[61] TMPQ, Quyển 7 - trang 6.

[62] L'architecte arrondit et polit toute la surface extérieure de la sphère du monde et cela pour plusieurs raisons. Il n'avait en effet besoin ni d'yeux, puisqu'il ne restait rien de visible en dehors de lui, ni d'oreille puisqu'il n'y avait non plus rien à entendre. Il n'y avait pas non plus d'air environnant qui exigeât une respiration. Il n'avait pas non plus besoin d'organes soit pour recevoir en lui la nourriture, soit pour la rejeter après en avoir absorbé le suc. Car rien ne sortait et rien n'y entraît de nulle part puisqu'il n'y a rien en dehors de lui. Quant aux mains, qui ne lui serviraient ni pour saisir, ni pour repousser quoi que ce soit, il jugea qu'il était inutile de lui en ajouter, pas plus que des pieds ou tout autre organe de locomotion (Timée p.p. 464,465)

...(On trouve la même description du Dieu sans yeux, ni oreilles, ni mains, ni pieds dans Empédocle)

*Anthologie de la Poésie Grecque*, Trad: Brasillach, Stock 1950

*La Voie Rationnelle de la Médecine Chinoise*, pages 236 237, Texte et note 1.

[63] Thái Cực Đồ Lộng Viên Ca. *Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết*, trang 84.

[64] Tử Đổng, Tạ Vô Lượng, TQTHS, *Đệ tam thiên thượng*, trang 59.

[65] Vũ trụ gian vạn vật mạc bất tòng Thái Cực sinh hỹ. 宇宙間萬物莫不從太極生矣.— Ib. 59.

[66] Cổ viết: Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. Hựu viết: Thái Cực phi thị biệt vi nhất vật; tức Âm Dương nhi tại Âm Dương; tức ngũ hành nhi tại ngũ hành; tức vạn vật nhi tại vạn vật; Chỉ thị nhất cá lý nhi dĩ. Nhân kỳ cực chí, Cổ danh viết: Thái Cực, nhiên tắc Thái Cực tức Lý, Lý tức Thái Cực khả tri. 故曰太極只是一個理字. 又曰太極非是別為一物. 即陰陽而在陰陽, 即五行而在五行, 即萬物而在萬物. 只是一個理而已. 因其極至故名曰太極然則太極即理, 理即太極可知.

...Thái Cực tất duy nhất, tất tuyệt đối, vị chi viết Lý. Thái Cực dữ lý đồng thể nhi dị danh, thị vũ trụ chi sơ yên. Cổ viết: Vị hữu thiên địa chi tiên tất cảnh chỉ thị lý, hữu thử lý tiên hữu thử thiên địa, nhược vô thử lý, tiên diệc vô thiên địa, vô nhân, vô vật.. 太極必惟一必絕對謂之曰理. 太極與理同體而異名, 是宇宙之初焉. 故曰未有天地之先畢景只是理有此理便有天地, 若無此理, 便亦無天地無人, 無物. — (Chu Hối Am) TQTHS, trang 58.

[67] *Xương Đạo Chân Ngôn*, trang 8b.

[68] Tà Vô Lượng TQTHS - Thiên III thượng - trang 59

*Xương Đạo Chân Ngôn* - Ib. 8b.

[69] *Dịch Kinh Đại Toàn*, Chu Hi đồ thuyết - trang 14.

[70] Thiên III Thượng trang 15.

[71] Thái Cực tất duy nhất, tất Tuyệt đối. 太極必惟一必絕. (Chu hối Am), Cf. Tà Vô Lượng, TQTHS, Thiên III thượng trang 58.

[72] Ce qui produit et compose l'univers est Taikyoku (Indou: Cunya, Chinois T'ai Ki: l'univers, éther non - différencié ou la nature intime).

Commentaire: Depuis les lointaines nébuleuses jusqu'à notre planète, en passant par le soleil et les astres de tous les autres systèmes dont l'univers est composé, absolument tout, les êtres et les choses, l'eau, le feu, l'air, la terre... est composé dans sa nature intime d'une seule et même substance qui se manifeste sous différents aspects. — Robert Lasserre, *Etranges Pouvoirs* - page 29.

[73] «Taikyoku se polarise: un pôle se charge d'activité Yo, l'autre d'activité In»

Commentaire: Cette polarisation nous permet de saisir les manifestations de Taikyoku par ses activités positives ou négatives. Taikyoku lui même avant sa polarisation ne peut se saisir que par intuition: «Ce n'est pas l'obscurité, c'est ce qui la produit; aucun mot ne peut la traduire.» — Robert Lasserre, *Etranges Pouvoirs* - page 29.

## Phần 5

### HÀ ĐỒ



### Chương 1. Xuất xứ

Bất kỳ quyển Kinh Dịch nào cũng có hình vẽ Hà Đồ nơi đầu sách, như vậy đủ chứng minh Hà Đồ có liên quan mật thiết đến Kinh Dịch.

Nhưng đến khi giải thích Hà Đồ, thì thường các tác giả giải thích một cách sơ lược phiến diện, nên rút cuộc người đọc không nhận thức được những nghĩa lý sâu xa của Hà Đồ. Có hai lối giải thích Hà Đồ:

Một là lối học đường, khoa cử. Đó là đường lối Nho gia chọn.

Hai là lối siêu hình, đạo giáo, đó là đường lối Đạo gia theo.

Giải thích theo lối học đường, mới đầu xem ra có vẻ chính thống, lý sự nhưng cuối cùng chẳng giúp ta thêm kiến thức là bao. Giải thích theo lối siêu hình, đạo giáo, mới đầu tưởng như không được chính thống, nhưng thực ra giúp ta tháo gỡ được những then chốt, phanh phui được những huyền vi của Hà Đồ.

Muốn tìm lối giải thích văn học, ta chỉ việc đọc:

Dịch Kinh Đại Toàn,

Dịch Kinh Thử Chú,

Dịch Kinh Độc Bản v.v..

Muốn tìm lối giải thích siêu hình, đạo giáo, ta phải đọc:

Chu Dịch Xiển Chân (Lưu Nhất Minh),

Tinh Hoa Lục (Văn Đạo Tử),

Tham Đồng Khế (Ngụy Bá Dương).

Thiên khảo luận này sẽ bao quát cả hai lối giải thích đó.

## XUẤT XỨ CỦA HÀ ĐỒ

Tục truyền, đời vua Phục Hi có con Long mã hiện ra nơi sông Mạnh Hà, trên lưng có mang một hình đồ, vì vậy gọi là Hà Đồ. [1]

### Phần 6

## LẠC THƯ



### Chương 1. Xuất xứ của Lạc Thư

Lạc Thư có một tầm ảnh hưởng rất lớn lao trong mọi lãnh vực tư tưởng, chính trị, đạo giáo Trung Hoa, vì vậy cần được khảo sát cho tường tận.

Theo Kinh Thư, sau khi trị thủy thành công, Vua Vũ đã được Trời ban cho Hồng Phạm Cửu Trù, tức là phép tắc cai trị xã hội, và định chế nhân luân. [1]

Tục truyền Trời cho thần qui hiện lên ở sông Lạc, mang trên lưng một hình vẽ. Vua Vũ nhân đây làm ra Hồng Phạm với sự cộng tác sau này của Cơ tử. [2]

Sách *Chính Nghĩa Xuân Thu* Vĩ ghi:

*Hà dĩ thông Kiền xuất thiên bào,*

*Lạc dĩ lưu Khôn thổ địa phù* [3]

Câu đó rất quý báu, vì sẽ giúp ta hiểu rõ phạm vi và mục đích của Hà Đồ, Lạc Thư. Hà Đồ giúp ta hiểu Trời, Lạc Thư giúp ta hiểu Đất.

Hà Đồ giúp ta tu luyện tâm hồn, Qui Nguyên, Phản Bản. Lạc Thư chỉ về cách thức an bang, tế thế; tổ chức đời sống xã hội và vật chất bên ngoài.

Vì lẽ đó, nên Hà Đồ hình tròn, còn Lạc Thư hình vuông. Tròn tượng Trời, vuông tượng Đất.

Hà Đồ, Lạc Thư hỗ trợ, bổ sung lẫn cho nhau, và có thể nói được là hai phương diện của một học thuyết duy nhất, đó là: **nội thánh, ngoại vương chi đạo**, y như tấm vải có sợi ngang sợi dọc, [4] như cuộc đời có hai chiều xuôi ngược, hai mặt trong ngoài.

Theo Từ nguyên, Lạc Thư dạy cách tổ chức xã hội trị quốc an bang. [5] Ta sẽ bẻ cứ vào câu đó, để phanh phui cho ra các bí quyết của Lạc Thư.

---

## CHÚ THÍCH

[1] Vũ nãi tự hưng, Thiên nãi tích Vũ Hồng Phạm Cửu Trù; di luân du tự. 禹乃自興天乃錫禹洪範九疇彝倫攸敘.— *Thư Kinh Hồng Phạm*, tiết 2. Séraphin Couvreur, *Les Annales de la Chine*, page 196.

[2] Hệ Từ truyện viết: Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư; thánh nhân tắc chi. 繫辭傳曰: 河出圖, 洛出書, 聖人則之.— *Chu Dịch Đại Toàn*, Chương Đồ Thuyết, trang 17a.

[3] Chính nghĩa Xuân Thu vĩ viết: Hà dĩ thông Kiền xuất thiên bào; Lạc dĩ lưu Khôn thổ địa phù. 正義春秋緯曰河以通乾出天苞洛以流坤吐地符.— *Uyên Giám Loại Hàm*, Quyển 3, trang 3,366, Mục Chu Dịch III.

[4] Hà Đồ dữ Lạc Thư tương vi kinh vĩ, Bát quái, Cửu chương tương vi biểu lý. 河圖與洛書相為經緯, 八卦九章相為表裡.— *Chu Dịch Đại Toàn*, trang 17b.

[5] Án Hồng Phạm Cửu Trù vi trị thiên hạ chi đại pháp. 案洪範九疇為治天下之大法.— Cf. *Từ Nguyên*, nơi chữ Cửu Trù.

## Phần 7

### ÂM DƯƠNG



#### Chương 1. Lai lịch

1. Nhà học giả Marcel Granet, trong quyển *La Civilisation Chinoise*, đã cho rằng: theo truyền thống Trung Hoa, thì hai chữ Âm Dương có lẽ đã được các nhà Thiên Văn Học Trung Hoa đầu tiên tạo ra. [1]

Nếu vậy thì quan niệm Âm Dương đã có ít nhất là từ thời vua Nghiêu (2357 - 2255) vì trong kinh Thư, thiên Nghiêu điển, ta thấy đề cập đến mấy nhà Thiên Văn Học như Hi Hòa, Hi Trọng, Hi Thúc. [2]

2. Ông M. Maspéro thì cho rằng tác giả Hệ Từ đã sáng tạo ra quan niệm Âm Dương. [3]

3. Nhưng nếu ta chấp nhận rằng Phục Hi (2852 - 2737) là người đầu tiên đã lập ra Bát Quái, thì ta thấy ngay rằng quan niệm Âm Dương đã được phát sinh từ khi nước Trung Hoa mới có văn, chưa có

tự, nghĩa là từ khi còn dùng vạch thay chữ, tức là vào khoảng 2852 trước Công nguyên, vì ngay khi ấy ta đã thấy:

— — —  
Khảo kinh Thư ta thấy hai chữ Âm Dương được dùng liền nhau trong thiên Chu Quan. Thiên này có chữ **tiếp lý Âm Dương**, và cho rằng công việc điều hòa Âm Dương (điều hòa trời đất) là công việc quan Tể tướng. [4]

5. Khảo Kinh Thi, ta thấy: Âm thường chỉ Trời tối hoặc có mây, hay chỗ khuất, chỗ kín. [5] Dương thường chỉ mặt trời, chỗ sáng, hoặc màu sắc rực rỡ, hoặc tháng 10, hoặc phía Nam của núi, phía Bắc của Sông. [6]

Hai chữ Âm Dương được dùng đi đôi với nhau trong bài thơ Công Lưu, nơi thiên Đại Nhã:

*Tướng kỳ Âm Dương,*

*Quan kỳ lưu tuyền.* [7]

(Xem chỗ râm, chỗ sáng; Xem giòng nước, giòng sông...)

6. Khảo Kinh Dịch ta thấy Hệ Từ và Thuyết Quái nhiều lần đề cập đến Âm Dương, nhưng không giải thích cặn kẽ. Trong Hệ Từ ta thấy những câu:

*Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo.* (Hệ Từ thượng, chương V)

*Âm Dương bất trắc chi vị thân.* (Hệ Từ thượng, chương V)

*Âm Dương chi nghĩa phối nhật nguyệt.* (Hệ Từ thượng, chương VI)

*Dương quái đa Âm, Âm quái đa Dương.* (Hệ Từ hạ, chương IV)

*Kiên Dương vật dã, Khôn Âm vật dã.* (Hệ Từ hạ, chương VI)

Trong Thuyết quái ta thấy những câu:

*Lập Thiên chi đạo viết Âm dĩ Dương.* (Thuyết Quái, chương II)

*Âm Dương tương bác.* (Thuyết Quái, chương V)

7. Khảo Đạo Đức Kinh, ta thấy Lão Tử viết: **Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương** (Vạn vật công Âm mà ôm Dương: nghĩa là Âm ngoài mà Dương trong)

Những sự khảo sát trên cho thấy:

1/ Quan niệm Âm Dương manh nha từ thời Phục Hi. [8]

2/ Quan niệm này thịnh hành thời Chu nhất là vào thời Lão Tử, Khổng Tử ( thế kỷ 5 trước Công Nguyên).

3/ Quan niệm này thực ra đã được khai sinh do các đại hiền triết Trung Hoa chứ không phải do các nhà thiên văn học, các nhà bốc phệ, hay các âm nhạc gia như Marcel Granet đã chủ trương. [9]

---

## CHÚ THÍCH

[1] Cf. Marcel Granet, *La Civilisation Chinoise*, chap. Le Yin et le Yang. p. 116.

[2] Cf. James Legge, *The Shoo King*, The Canon of Yaou, p. 18, 19.

[3] Cf. Marcel Granet, *La Civilisation Chinoise*, p. 117, note 1.

[4] Lập Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Tư duy tam công. Luận đạo, kinh bang, tiếp lý Âm Dương. 立

太師, 太傅, 太保. 茲惟三公. 論道, 經邦, 變理陰陽. — Kinh Thư, Chu Quan, đoạn 5.

[5] Cf. *The Chinese Classics*, The Shoo King, index p. 776.



[6] Ib. p. 777.

[7] Cf. Kinh Thi, Đại Nhã, Chung Dân, Công Lưu Vi, 5.

[8] Phục Hi dĩ tiền, bất tri như hà chiêm khảo, chí Phục Hi tương Âm Dương lưỡng cá hoạch quái thị nhân. 伏羲以前, 不知如何占考, 至伏羲相陰陽兩個畫卦示人.— Dịch Kinh Đại Toàn, trang 73a.

[9] Marcel Granet, *La Pensée Chinoise*, pages 116, 117.

## Phần 8

### TỬ TƯỢNG



#### Chương 1. Nhận định tổng quát

Sau Âm Dương, Dịch đề cập đến Tứ Tượng.

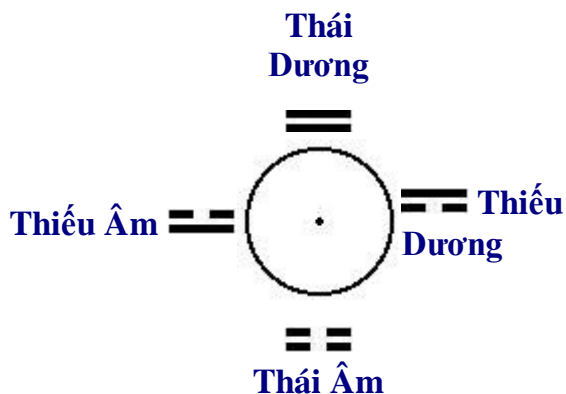
Tứ Tượng là: Thái Dương, Thiếu Dương, Thiếu Âm, Thái Âm. Tứ Tượng có thể được trình bày hoặc hiểu theo một trong ba cách sau đây:

##### A. Tứ Tượng theo các sách Dịch hiện tại

Theo các sách Dịch hiện nay, Tứ Tượng được hài danh và được trình bày như sau:



Nếu vẽ lên vòng tròn ta sẽ có:

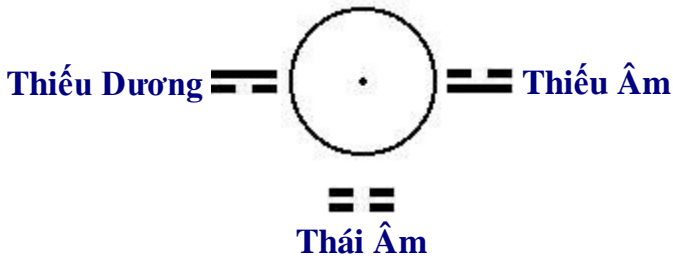


Lối trình bày trên có cái hay là cứ một Âm rồi lại tiếp một Dương.

##### B. Tứ Tượng theo Đồng Trạng Thư

Nhưng nếu chúng ta nhận định rằng: nửa vòng bên trái là Dương, nửa vòng bên phải là Âm, ta liền thấy lối trình bày trên không chính, vì thế có triết gia không đồng ý và muốn trình bày lại như sau:





Trình bày như vậy ta sẽ thấy ở nửa bên trái hiện ra lẽ Âm tiêu Dương trường, và nửa bên phải hiện ra lẽ Dương tiêu Âm trường.

Đồng Trọng Thư đã xếp Thiếu Âm về phía Tây Kim, và Thiếu Dương về phía Đông Mộc.<sup>[1]</sup>

Tôi cũng theo chủ trương này, vì thấy nó hữu lý hơn.

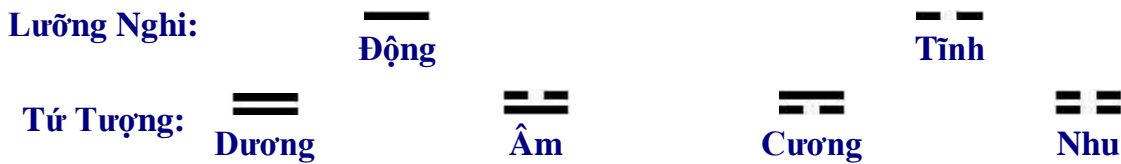
### C. Tứ Tượng theo Thiệu Khang Tiết

Thiệu Tử thì cho rằng:

Lưỡng Nghi là Động Tĩnh.

Tứ Tượng là: Dương, Âm, Cương, Nhu.

Ông trình bày lại như sau:



## CHÚ THÍCH

[1] Đồng Trọng Thư viết: Kim sinh Thủy giả, Thiếu Âm chi khí ôn nhuận lưu trạch, tiêu Kim diệt vì Thủy. 董仲舒曰：金生水者，少陰之氣溫潤流澤銷金亦為水。(Kim sinh ra Thủy, khí Thiếu Âm ôn nhuận chảy trôi, nhuận thấm, vàng cũng chảy thành nước.) – Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử*, trang 507.

## Phần 9

### NGŨ HÀNH



#### Chương 1. Nhận định tổng quát

Tứ Tượng hay 4 trạng thái biến thiên ở bên ngoài không thể làm cho chúng ta quên đi được thực thể duy nhất, làm chủ chốt bên trong. Vì thế nói đến Tứ Tượng, tất nhiên là phải nói đến Ngũ Hành, nghĩa là phải đề cập thêm đến **Hành Thổ ở tâm điểm**.

**Dịch không trực tiếp đề cập đến Ngũ Hành.** Ngược lại Ngũ Hành đã được đề cập đến ở Kinh Thư, Thiên Hồng Phạm; ở Lễ Ký, Thiên Nguyệt Lệnh.

Tuy nhiên, trong bộ Ngự Án Đại Toàn Dịch Kinh Tôn Bổ, nơi chương Văn Vương Bát Quái phương vị, ta cũng thấy có đôi nhà bình giải đề cập đến vấn đề Ngũ Hành, trong đó có Ngự Án của Khang Hi, và lời bình của Hạng Bình Am.

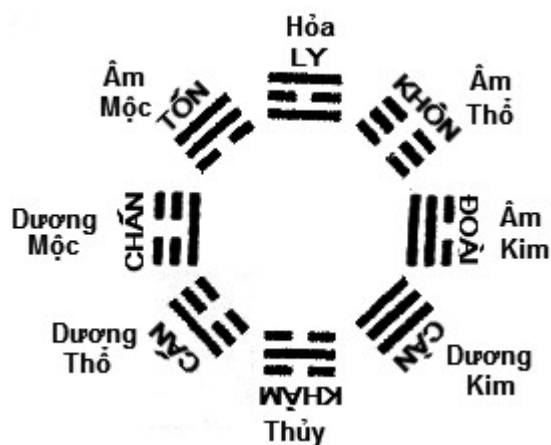
Ngự Án bình rằng: Khâm Thủy, Ly Hỏa, Tồn Mộc, Khôn Thổ thì đã đành là hợp với Tượng các quẻ (ở trong Thuyết quái). Đền như Kim, thì mới chỉ là một trong những Tượng quẻ Kiền; Thương Lang Trúc (Mộc) thì mới chỉ là một trong những Tượng quẻ Chấn. Cấn mà suy ra là Thổ thì cũng tạm gọi là được; đền như Đoài thì tuyệt không thấy có Tượng là Kim. (Xem Đại Toàn, quyển I, trang 46, 47)

Hạng Bình Am bình rằng: Thứ tự các quẻ Hậu Thiên đem Ngũ Hành phối hợp với Tứ Thời.

- **Chấn Tồn đều thuộc Mộc** chủ Xuân, cho nên Chấn ở Đông phương, Tồn ở Đông Nam.
- **Ly, Hỏa**, chủ Hạ nên ở Nam.
- **Đoài, Kiền**, hai Kim, chủ Thu, nên Đoài ở Chính Tây, Kiền ở Tây Bắc.
- **Khâm Thủy**, chủ Đông, nên là quẻ của Bắc phương.
- **Thổ vượng Tứ Quý**, nên Khôn thổ ở Hạ, Thu giao nhau, tức là ở phía Tây Nam. Cấn Thổ, tại nơi Đông Xuân giao nhau, tức là ở Đông Bắc.
- **Mộc, Kim, Thổ** mỗi hành có 2 quẻ. Đó là hình vượng. Thủy, Hỏa có một quẻ. Đó là khí vượng.
- **Khôn, Thổ Âm** cho nên ở phía Âm.
- **Cấn, Thổ Dương** cho nên ở phía Dương.
- **Chấn là Dương Mộc** cho nên ở chính Đông. Tồn là Âm Mộc cho nên ở gần phía Nam và tiếp giáp với Âm.
- **Đoài là Âm Kim** nên ở phía Tây.
- **Kiền là Dương Kim** cho nên ở gần phía Bắc và tiếp giáp với Dương. (Dịch Kinh Đại Toàn, quyển I, tr. 47)

Các nhà bình giải cho rằng vòng Dịch Tiên Thiên của Phục Hi không phân Ngũ Hành. Vòng Dịch Hậu Thiên của Văn Vương mới phân Ngũ Hành. Phương vị như sau:

Dịch, trong chính Kinh, không đề cập đến Ngũ Hành. Nhưng Hà Đồ đã xếp các số theo phương vị Ngũ Hành như sau:



7 / 2

8 / 3    5 / 10    4 / 9

1 / 6

Phương vị của Ngũ Hành có thể được giản lược như sau:

**Hỏa**  
**Nam**

**Đông**      **Trung**      **Tây**  
**Mộc**      **Thổ**      **Kim**

**Bắc**  
**Thủy**

## A. TRUNG THỔ LÀ BẢN THỂ, LÀ TRUNG CUNG THÁI CỰC

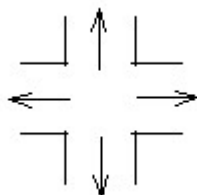
Hỏa, Mộc, Kim, Thủy, là 4 hiện Tượng biến thiên ở bên ngoài. Cho nên *Trung Thổ chính là tinh túy, là Bản Thể, là Tinh Hoa.*

Âu Châu gọi là Quintessence hay là Quinte Essence: Tinh túy thứ 5.

Ngũ Hành mới là quan niệm toàn bích vì nó gồm cả Tứ Tượng bên ngoài lẫn Thái Cực bên trong.

Quan niệm Ngũ Hành đã được các học giả Đông Tây bàn cãi rất nhiều. Đi vào chi tiết sẽ không bao giờ cùng. Đây ta chỉ tháo gỡ cho ra những giòng mối chính, những ý nghĩa chính. Ngũ Hành có quan hệ mật thiết đến Siêu Hình Học và Vũ trụ quan Trung Hoa thời cổ. Có hiểu Vũ trụ quan Trung Hoa thời cổ mới hiểu được học thuyết Ngũ Hành.

Trung Hoa cũng như các dân tộc xa xưa, tin rằng vũ trụ vạn vật đều do một nguyên thể, một nguyên động lực phân tán vận chuyển ra bốn phương theo hai chiều kinh (dọc) vĩ (ngang) thành ra hai cặp ngẫu lực chính. Các ngẫu lực này hoạt động, ảnh hưởng lẫn nhau và dần dà sinh ra mọi loại năng lực.

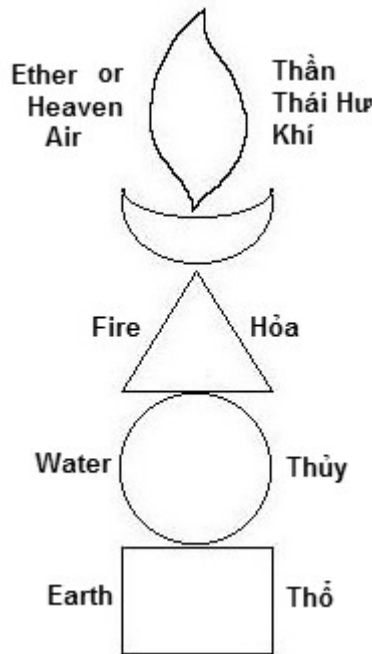


Đứng về phương diện nguyên liệu, chất liệu, Ngũ Hành là 5 yếu tố cấu tạo vũ trụ. Hành Thổ ở Trung cung là *căn cơ* và là *cùng đích* cho muôn vật. **Chữ Thổ đây không nên hiểu là đất thường, mà nên hiểu là căn cơ, hay bản chất vạn vật.** Vì thế mà sách *Ngộ Chân Thiên* có viết:

Tứ Tượng Ngũ Hành toàn tạ Thổ. (Tứ Tượng Ngũ Hành đều nhờ Đất) [1]

Quan niệm này tương tự như quan niệm Âu Châu, vì Âu Châu cũng cho rằng ngoài 4 nguyên chất tạo thành vũ trụ, còn có tinh túy thứ năm (quintessence) mà họ gọi là Thái Hư (éther) hay Bản Chất (matière première) [2]

Ấn Độ, Tây Tạng và nhiều phái Huyền học Âu Châu cũng chủ trương con người là *tiểu vũ trụ* và gồm Ngũ Hành như *đại vũ trụ bên ngoài*. Và họ hình dung con người như sau:



Nhiều đền đài Tây Tạng hiện còn xây theo hình đồ trên, ví dụ như đền Koumboum ở Gyantsé. [3]  
 Xét theo không gian thì Ngũ Hành lại chiếm 5 vị trí chính yếu là Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung.

Xét về thời gian, thì Ngũ Hành chính là 5 thời đại khác nhau, 4 mùa biến thiên bên ngoài và 1 mùa hằng cửu bên trong, vừa là mùa Hoàng Kim khởi thủy, vừa là mùa Hạnh phúc lý tưởng lúc chung cuộc.

Ngũ Hành còn có thể hiểu được là 5 yếu tố cần thiết cho sự sống. [4] Ý nghĩa này hợp với Hồng Phạm.

Kinh Thư chương Đại Vũ Mô viết:

Nhân đức của nhà vua hiện ra trong một nền chính trị giỏi giang, khéo léo. Mà làm chính trị, trước hết là phải biết nuôi dân. [5]

Sáu yếu tố cần cho dân là: Thủy, Hỏa, Kim Mộc, Thổ, Cốc (nước, lửa, kim khí, gỗ, đất, lúa); chúng cần được khai thác. Nhà vua chẳng những phải lo giáo hóa, khuyến thiện cho dân, mà còn phải cho họ biết khai thác, lợi dụng vật chất thiên nhiên cho đời sống họ được rồi rào phong phú. [6]

Ngũ Hành chẳng qua là tấn tuồng vũ trụ, mà vai chính lại là Thái Cực, Tuyệt Đới.

Vì vậy mà Thiên Tử Trung Hoa thời xưa, hằng năm đã đóng lại tấn tuồng vũ trụ nói trên trong tòa Minh Đường.

Xuân thì phẩm phục xanh, cờ xí xanh, cưỡi ngựa thanh long, dùng ngọc bích, lại ngự cung Thanh Dương phía Đông.

Hạ thời phẩm phục đỏ, cờ xí đỏ, cưỡi ngựa hồng, mang ngọc đỏ, ngự cung Minh Đường phía Nam.

**Sau ngày Hạ chí**, thời phẩm phục vàng, cưỡi ngựa vàng, đeo ngọc vàng, ngự nơi Trung Cung Thái Miếu, ngụ ý nhà vua làm chủ chốt cho không gian và thời gian.

Thu thời phẩm phục trắng, cờ xí trắng, cưỡi ngựa bạch, đeo ngọc trắng, ngự cung Tổng Chương phía Tây.

Đông thời phẩm phục đen, cờ xí đen, cưỡi ngựa ô, đeo ngọc huyền, ngự cung Huyền Đường phía Bắc.

Đại khái như muốn nói lên chân lý này là, cũng như vũ trụ có thời gian, có tiết tấu trong công cuộc biến hóa, con người cũng phải tùy theo thời gian tuổi tác mà hoạt động cho đúng tiết tấu thiên nhiên. [7]

## CHÚ THÍCH

[1] *Chu Dịch, Tham Đồng Khế Phát Huy*, thượng quyển, trang 4.

[2] D'une manière générale, la quintessence symbolise la pure réalité spirituelle par rapport à ses traductions quaternaires, entachées des servitudes d'expression ou d'incarnation. C'est par exemple, le Christ, Verbe divin, par rapport aux Évangélistes, témoins inspirés participant de sa lumière. La quintessence n'est pas pur symbole, elle a sa réalité propre encore qu'insaisissable aux sens humains...

— Louis Lallemand, *La Vocation de L'Occident*, p. 24.

[3] Xem *Fondements de la Mystique Tibétaine*, p. 260-261.

[4] Legge dịch là: The five essentials to human life.— J. Legge, *The Shoo King*, p. 326.

[5] Vũ viết: Ư đế niệm tai. Đức duy thiện chính: chính tại dưỡng dân. 禹曰於帝念哉. 德惟善政: 政在養民. — J. Legge, *The Shoo King*, page 55.

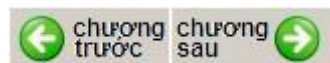
[6] Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ, Cốc duy tu, chính đức lợi dụng hậu sinh. 水火金木土穀惟修, 正德利用厚生. — *Kinh Thư Đại Vũ Mô*, tiết 7.

[7] Xem Lễ Ký Nguyệt Lệnh.

Xem Không Học Tinh Hoa của tác giả, trang 158-173.

## Phần 9

## NGŨ HÀNH

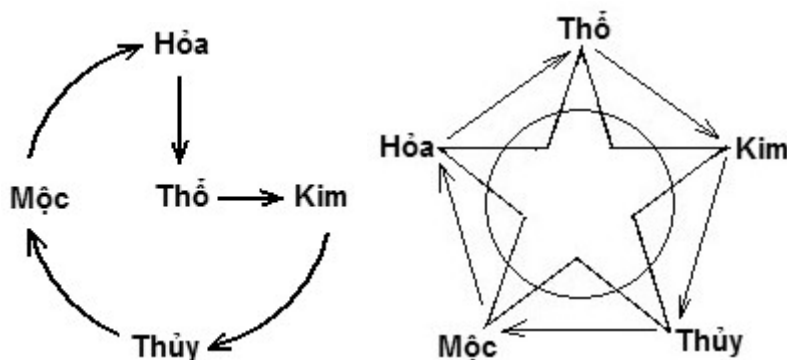


### Chương 2. Ngũ Hành sinh khắc

Người có *thân và thù*, thì Ngũ Hành cũng có *tương sinh, tương khắc*.

Ngũ Hành tương sinh là: Mộc sinh Hỏa. Hỏa sinh Thổ. Thổ sinh Kim. Kim sinh Thủy. Thủy sinh Mộc.

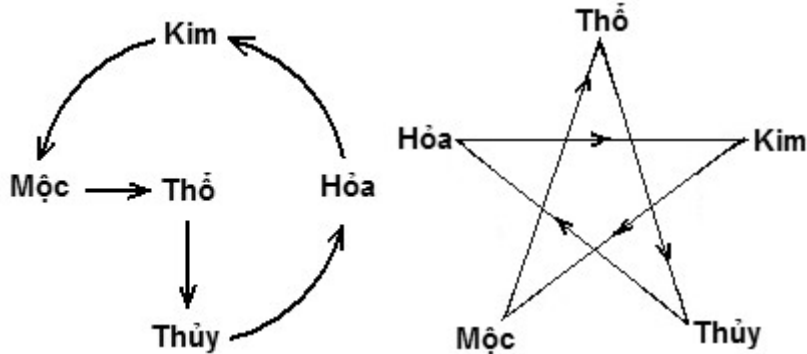
Ta có thể trình bày lễ *tương sinh* đó bằng hai cách như sau:





Ngũ Hành tương khắc là: Mộc khắc Thổ. Hỏa khắc Kim. Thổ khắc Thủy. Kim khắc Mộc. Thủy khắc Hỏa

Ta có thể trình bày lẽ tương khắc đó bằng hai cách như sau:



Sinh có thể hiểu được là sinh dưỡng, phù trợ, tác phúc, tóm lại bao gồm tất cả mọi ảnh hưởng tốt. Khắc có thể hiểu được là kiềm chế, thù địch, lấn át, xung khắc, tác hại, tóm lại tất cả mọi ảnh hưởng xấu.

Mỗi một Hành đều có liên lạc tốt xấu với các Hành khác.

- Hai SINH gọi là phụ Mẫu và Tử Tôn.
- Hai KHẮC gọi là Quan Quỷ và Thê Tài.
- Một HÒA gọi là Huynh Đệ.

Người xưa đã lập thành như sau:

- Sinh Ngã giả vi Phụ Mẫu (Sinh ra ta là Phụ Mẫu, cái gì phù trì ủng hộ, hi sinh cho ta là Phụ Mẫu)
- Ngã sinh giả vi Tử Tôn (Ta sinh ra là Tử Tôn, cái gì mà ta săn sóc, bao bọc, yêu đương, hộ trì, chất chiu, thì gọi là Tử Tôn)
- Khắc Ngã giả vi Quan Quỷ (Khắc ta thì gọi là Quan Quỷ, cái gì ức chế, đàn áp, bóc lột, lợi dụng, làm hại được ta thì gọi là Quan Quỷ)
- Ngã khắc giả vi Thê Tài (Cái gì mà ta ức chế, đàn áp, lợi dụng chi phối được thì gọi là Thê Tài)
- Tỉ Hòa giả vi Huynh Đệ (Hòa với ta thì gọi là Huynh Đệ, cái gì đối với ta có ảnh hưởng ngang ngửa, đồng đều thì gọi là Huynh Đệ)

Ví dụ: Nếu ta lấy Kim làm đương nhân, đương sự, thì:

- Thổ là Phụ Mẫu của Kim vì Thổ sinh ra Kim
- Thủy là Tử Tôn của Kim vì Kim sinh ra Thủy
- Hỏa là Quan Quỷ của Kim vì Hỏa khắc Kim
- Mộc là Thê Tài của Kim vì Kim khắc Mộc
- Kim là Huynh Đệ của Kim vì Kim với Kim đồng điệu, đồng loại.

Sau này người ta còn bày ra lắm chuyện phức tạp hơn nữa. Chẳng những Phụ Mẫu, Huynh Đệ, Quan Quỷ, Thê Tài còn được gọi bằng những tên khác, mà tùy như Dương gặp Dương, Âm gặp Âm, hay Âm Dương, Dương Âm gặp nhau cũng còn gọi bằng tên khác.

Thật là vô cùng rắc rối. Tuy nhiên chúng ta cũng cố đơn giản hóa những cái rắc rối ấy trong sơ đồ sau:

<b>Sinh Ngã giả vi:</b> Phụ Mẫu (Ấn Thu)	+ gặp -, hay - gặp + = Ấn thụ (Chính ấn) + gặp +, hay - gặp - = Kiêu ấn (Thiên ấn)
<b>Ngã sinh giả vi:</b> Tử Tôn (Phúc đức) (Thực thương)	+/- hay -/+ = Thương quan +/+ hay -/- = Thực thân
<b>Khắc Ngã giả vi:</b> Quan Qui (Quan sát)	+/- hay -/+ = Chính quan +/+ hay -/- = Thiên quan (Thất sát)
<b>Ngã khắc giả vi:</b> Thê tài (Tài Bạch)	+/- hay -/+ = Chính tài +/+ hay -/- = Thiên tài
<b>Đồng loại giả vi:</b> Huynh đệ (Tỉ, Kiếp)	+/- hay -/+ = Bại tài (Kiếp tài) +/+ hay -/- = Tỉ kiên

Lễ Ngũ Hành sinh khắc hết sức phức tạp nhưng cũng hết sức phong phú và biến hóa. Đi sâu vào chi tiết sẽ tốn hao rất nhiều thì giờ rất nhiều giấy mực. Hơn nữa các sách tướng số bàn cãi rất nhiều về vấn đề này. Vì thế ở đây chúng ta sẽ không đề cập đến những chi tiết phiền toái mà chỉ ghi nhận rằng: Ngoài nhẽ NGŨ HÀNH THUẬN SINH THUẬN KHẮC còn có nhẽ NGŨ HÀNH NGHỊCH SINH NGHỊCH KHẮC tức là NGŨ HÀNH ĐIÊN ĐẢO. [1]

Cái quan hệ đối với chúng ta là tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của Ngũ Hành sinh khắc. Hiểu lễ Ngũ Hành sinh khắc, chúng ta sẽ tìm ra con đường **xu cát, tị hung**.

Phàm ở đời mà người này lấn át người kia, vật này xung khắc vật nọ, sẽ đưa đến những hậu quả chẳng hay. Chống đối ít thì tai hại ít, chống đối nhiều thì tai hại nhiều. Nếu hai đảng cùng mạnh, thì hư hao càng lắm.

Cho nên, muốn làm nên công chuyện gì, cần phải được sự phù trợ, sự cộng tác của thời gian, của hoàn cảnh, của nhân tâm.. Đó là nhẽ thường tình ở trong trời đất.

Tuy nhiên, trời đất cũng hay dùng sự tương xung, tương khắc để làm nảy nở các tiềm năng, tiềm lực của vạn hữu nhất là của con người.

Vàng mà không được chau chuốt bằng lửa, thì vàng không thể trở nên tinh ròng. Gỗ mà không bị dao cưa xẻ cắt, búa rìu đẽo gọt thì chẳng có thể trở thành cột kèo, bàn ghế.

Cũng một lẽ, nếu Tạo hóa không để cho con người sống trong nghịch cảnh, thì con người sẽ trở nên ù lì, lười biếng, cầu an hưởng thụ, do đó không thể nào tiến hóa được.

Đằng khác, trong hoàn vũ cũng như trên đời, cũng cần phải có sự xung khắc, kiềm chế lẫn nhau để giảm bớt sự quá trớn, đông dờ ngông cuồng, thái quá, y như xe xuống dốc cần có thắng xe, mới tránh được sự đi quá tốc độ, sinh tai nạn. Nhưng sự xung khắc, kìm hãm chỉ hay, chỉ tốt tới một mức độ nào. Quá mức đó nó sẽ trở thành họa hại. Ví như xe đã bị thắng, lại còn bị ngăn, bị chặn, thì làm sao mà tiến lên được.

Cho nên, một khi đã giác ngộ được rằng con người sinh ra không phải là để sống ù lì, hưởng thụ, mà cần phải dùng thời gian, ngoại cảnh, dùng xã hội và tha nhân để giúp mình ngày một trở nên hoàn mỹ, thì lúc ấy con người có quyền, cũng như có bổn phận tránh nghịch cảnh, đồng thời tạo cho mình thuận cảnh để mà thành tựu công phu tu dưỡng, ngõ hầu trở nên con người toàn diện.

Trong thực tế, muốn biết một con người hạnh phúc nhiều hay ít, chỉ cần xem họ sống trong thuận cảnh, hay nghịch cảnh, xem tâm hồn họ có bình an, xác thân họ có Khang kiện, xem họ có được xa gần yêu mến, giúp đỡ hay không, xem nơi họ cư ngụ có được trang nhã hay không...

Chính vì thế mà Âm Phù Kinh đã viết: *Thiên hữu ngũ tặc, kiến chi giả xương.*

Ngũ tặc đây chính là Ngũ Hành.

Tại sao Âm Phù Kinh lại gọi Ngũ Hành là Ngũ Tặc? Thưa: vì hai lý do:

1. Ngũ Hành mà không biết xử dụng, sẽ trở nên tặc hại.

2. Ngũ Hành trong trời đất, sinh khắc, tác dụng trên nhau, hết sức đa đoan, phiền tạp, và do đó ảnh hưởng nhiều đến sự thành bại của con người.

Ngũ Hành hay Ngũ tặc, theo từ ngữ Âm Phù Kinh, ở trên trời là Ngũ Tinh (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ); ở dưới đất là Ngũ Nhạc (là Tung Sơn, Hoa Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn); ở âm nhạc là Ngũ Âm (Cung, Thương, Giốc, Chủy, V3ũ); ở thực phẩm là Ngũ Vị; ở thân thể là Ngũ Tạng; ở Đạo giáo là Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín).

Tuy nhiên, nếu ta biết xử dụng Ngũ Hành cho hay, cho phải, thời Ngũ Hành không còn phải là Ngũ Tặc nữa, mà chúng sẽ trở thành nguồn mạch hạnh phúc cho ta.

Vì thế Âm Phù Kinh mới nói: Nếu biết thuận dụng Ngũ Hành thời sẽ được thịnh xương, phúc khánh.

Ví dụ một người ra làm quan mà biết thi hành Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, thì ắt sẽ đi đến chỗ vinh quang, thịnh đạt.

Ví dụ một người làm Tướng mà biết Thiên văn, Địa lý, Nhân tình, biết cường điểm, nhược điểm của phía địch thời ắt sẽ nên công.

Thế chẳng phải làm am tường Ngũ Hành, sẽ đi đến chỗ xương thịnh hay sao?

Tóm lại, theo đường tương sinh của trời đất, biết xử dụng ngoại cảnh, biết hòa hợp với nhân quần, biết hòa hài với thiên nhiên và vũ trụ, làm những công chuyện đạo đức, đi vào con đường công chính, con đường Dương minh của đất trời, tức là đi vào vinh quang, phúc khánh, và sẽ gặt hái được nhiều kết quả.

Còn như đi vào con đường tương khắc của Ngũ Hành, của trời đất, gây gổ, chống đối với mọi người, sống trong nghịch cảnh, hoạt động lổi thời, làm những chuyện tai hại, thế tức là đi vào con đường Âm ám của trời đất, và dĩ nhiên sẽ chiêu tai, rước họa vào mình. Các kinh sách đều không ngoài ý ấy.

---

[1] *Mệnh Lý Nhập Môn*, trang 50-51.

— *Mệnh Học Thiển Thuyết*, tr. 20 trở đi.

— Xem *Tinh Hiệu Thân Phong Tịch Mậu Mệnh Lý Chính Tông*, quyển 3, tr. 2.

— *Đạt Nhân Mệnh Lý Thông Giám* quyển 1, tr. 112.

### **Chương 3. Ngũ Hành với Vũ trụ quan Trung Hoa**

Người xưa đôi khi còn dùng Ngũ Hành để mô tả 5 giai đoạn hình thành của vũ trụ.

**Giai đoạn 1:** Thái Dịch sinh Thủy: Tức là giai đoạn chưa có khí.

**Giai đoạn 2:** Thái Sơ sinh Hỏa: Tức là giai đoạn có khí mà chưa có thể.

**Giai đoạn 3:** Thái Thủy sinh Mộc: Tức là giai đoạn có hình mà chưa có chất.

**Giai đoạn 4:** Thái Tổ sinh Kim: Tức là giai đoạn có chất mà chưa có thể.

**Giai đoạn 5:** Thái Cực sinh Thổ: Tức là giai đoạn hình chất đều có đủ.

Thế tức là vũ trụ đã diễn tiến từ vô hình tới hữu hình, từ khinh thanh tới trọng trọc...

#### Chương 4. Ngũ Hành với sử quan Trung Hoa [1]

Nói đến thuyết Ngũ Hành, chúng ta không thể không nhắc đến Trâu Diễn, thời Chiến Quốc. Trâu Diễn sống sau thời Mạnh Tử và tư tưởng học thuật của ông đã có ảnh hưởng rất lớn đối với nền Văn học, Nghệ thuật, Chính trị và Đạo giáo Trung Hoa. Ông là người sáng lập ra phái Âm Dương, Ngũ Hành. Trâu Diễn chủ trương rằng vận trời và việc người cần phải được ăn khớp với nhau. Trên trời có Ngũ Hành tức là năm loại khí thể. Năm loại khí thể này ảnh hưởng lẫn nhau, cái này suy, cái kia thịnh, theo thứ tự tương khắc.

Ở trần gian, thì các triều đại cũng luân phiên kế tiếp nhau, theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc: triều đại này suy tàn, thì triều đại tương khắc với nó có nhiệm vụ thay thế.

Các triều đại từ thời Hoàng Đế cho đến đời Chu đã luân phiên diễn biến theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc như sau:

Hoàng Đế	Thổ
Đại Võ	Mộc
Thương	Kim
Chu	Hỏa

Trâu Diễn không còn lưu lại sách vở, nhưng nhờ bộ Lã thị Xuân Thu và bộ sử Tư mã Thiên, chúng ta biết được đại khái học thuyết của Ông.

Lã thị Xuân Thu viết: Khi có một triều đại hoàng đế nào sắp hưng thịnh, thì trời ắt sẽ cho thấy một điềm cát tường.

**Thời Hoàng Đế**, Trời cho sâu lớn, kiến lớn hiện ra. Hoàng Đế nói: Khí đất thịnh. Khí đất thẳng, cho nên màu sắc thời quý nhất màu vàng, và lấy đất làm đầu mọi công chuyện.

**Đến thời Đại Võ**, Trời cho dân thấy trước những cỏ cây sống trải qua mùa Thu, mùa Đông mà không rụng lá. Đại Võ nói: Khí gỗ thịnh. Khí gỗ thẳng, cho nên màu sắc thời quý nhất màu xanh, và lấy gỗ làm đầu mọi chuyện.

**Đến thời Thành Thang**, Trời cho dân thấy trước Kim; cho thấy những đao kiếm hiện lên trên mặt nước.

**Thành Thang nói:** Khí Kim thịnh, Kim khí thẳng, cho nên màu sắc thời quý nhất màu trắng, và lấy kim khí làm đầu mọi chuyện.

**Đến thời Văn Vương**, Trời cho thấy trước lửa, thấy con quạ lửa ngậm quyển sách đỏ, đậu xuống tông miếu nhà Chu.

Văn Vương nói: Khí lửa thịnh. Khí lửa thẳng, màu sắc thời quý nhất màu đỏ, và lấy lửa làm đầu mọi chuyện.

Nước rồi đây sẽ thay lửa. Trời sẽ cho thấy điềm khí nước thẳng. Khí nước mà thẳng, thời sẽ quý nhất màu đen, và sẽ lấy nước làm đầu mọi chuyện.

Khí nước đã đến, nhưng mọi người chưa biết...

Khi chu kỳ hoàn tất, sẽ quay lại về Đất như cũ.

Như vậy Trâu Diễn đã lấy Ngũ Hành mà cắt nghĩa sự diễn biến của các triều đại và của lịch sử.

Sau này khi Tần Thủy Hoàng (246-209) đã thống nhất được đất nước, khí thể thực là hùng mạnh, nhưng Tần Thủy Hoàng vẫn bị ảnh hưởng của Trâu Diễn, nên đã lấy Nước làm quốc vận.

Cho nên phạm là y phục, tinh kỳ, mao tiết đều có viền đen ở phía trên; lấy số 6 làm số gốc; các phù pháp, mũ miện đều dài 6 tấc; xe thời dài 6 thước; lại lấy 6 thước làm 1 bộ; cuời xe 6 ngựa; cải danh Hoàng Hà là Đức Thủy.

Đến thời Hán Cao Tổ (206-194), thuyết Ngũ Hành vẫn còn thịnh nên Hán Cao Tổ lại chọn Nước làm quốc vận, vì lẽ thời gian trị vì của nhà Tần quá ngắn chưa đủ tượng trưng cho cả một vận Nước.

Nhưng vua sau lại chọn Đất làm quốc vận, vì cho rằng nhà Tần đã chọn Nước làm quốc vận rồi.

Khi nhà Tiền Hán suy, Vương Mãng (9-23) cướp ngôi, tự xưng là Tân Triều Đại. Vương Mãng là người rất sành về thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, nên đã định lại vòng tuần hoàn của Ngũ Hành trải qua các triều đại cho đến triều đại của ông như sau:

<b>MỘC</b>	<b>1. Phục Hi</b>	<b>6. Đế Khốc</b>	<b>11. Chu</b>
<b>NHUẬN THỦY</b>	<b>Cộng Công</b>	<b>Đế Chí</b>	<b>Tần</b>
<b>HỎA</b>	<b>2. Thần Nông</b>	<b>7. Đế Nghiêu</b>	<b>12. Hán</b>
<b>THỔ</b>	<b>3. Hoàng Đế</b>	<b>8. Thuần</b>	<b>13. Tân (*)</b>
<b>KIM</b>	<b>4. Thiệu Hạo</b>	<b>9. Hạ Vũ</b>	
<b>THỦY</b>	<b>5. Chuyên Húc</b>	<b>10. Thương</b>	

(\*) Đòi Tân: Đòi Vương Mãng

Như vậy, theo Vương Mãng, thì lịch sử đã đi được hai chu kỳ rưỡi, chứ không phải một chu kỳ như đời Tiền Hán đã chủ trương.

Ông lại cho rằng các vua chúa, các triều đại kế tiếp nhau theo thứ tự Ngũ Hành tương sinh, chứ không theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc như chủ trương của Trâu Diễn.

## **Chương 5. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành với Đạo Giáo Trung Hoa**

Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành của Trâu Diễn chẳng những có ảnh hưởng lớn lao trên phương diện Chính trị và Học thuật, mà còn có ảnh hưởng lớn lao trên phương diện Đạo Giáo Trung Hoa.

Từ thời Tần, ta đã thấy các phương sĩ dựa vào thuyết Âm Dương Ngũ Hành, để luyện thuốc trường sinh bất tử.

Đến thời **Hán Vũ Đế** (140-86), học thuyết này càng trở nên mạnh. Ngoài việc nhờ các phương sĩ đi ra Đông Hải để tìm thuốc trường sinh, hoặc lên miền sa mạc Gobi, để tìm thần mã, có thể đưa nhà vua bay thẳng về Trời, vua Vũ Đế còn dựa vào thuyết Âm Dương, Ngũ Hành mà **lập ra một thứ tôn giáo mới**. Vua lấy núi Cam Tuyền, làm trung tâm điểm thờ tự. Trên núi, có lập nhiều bàn thờ, để thờ Thái Ất (tức Thái Cực), Thiên Ất (tức Kiền), Địa Ất (Khôn), Ngũ Đế (Ngũ Hành), tức Hoàng, Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế.

Thái Ất, Thiên Ất, Địa Ất được thờ nơi tâm điểm, trung điểm. Hoàng, Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế thờ nơi các bàn thờ chung quanh. Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế thờ ở đúng bốn phương. Hoàng Đế thờ ở phía Tây Nam (Thổ).

Ngày đại lễ, có những nghi thức rất là quan trọng. Vua cho sửa sang lễ vật, rượu, trâu, bò, dê, lợn, để làm **lễ Tam sinh**. Vị chủ tế bận áo tím; năm vị bồi tế mặc các sắc phục xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.



Sáng ngày lễ, vua trai giới, cùng quần thần ra dự lễ với các vị tăng sĩ. Vua lạy trước bàn thờ Thái Ất, còn quần thần thì lạy trước vua. Vũ Đế cho rằng những nghi lễ đó đã làm đẹp lòng trời đất, và đã đem lại thịnh vượng cho đất nước. Thái Ất nói trên cũng tương đương với Đạo của Đạo Lão, với Thái Cực của Dịch Kinh, với Nguyên của Đông Trạng Thư, còn Thiên Ất, Địa Ất, và Ngũ Đế thì tương đương với Âm Dương, Ngũ Hành.

Đến thời Vương Mãng, sự tổ chức lễ nghi lại còn chu đáo hơn nữa. Vương Mãng cho xây tòa Minh Đường. Minh Đường gồm 9 cung. *Tùy theo mùa, vua sẽ ở cung tương ứng với mùa đó*, theo đúng thuyết Ngũ Hành, lại mặc sắc phục tương ứng, làm các công vụ quốc gia tương ứng, y như đã ghi nơi thiên Nguyệt Lệnh trong bộ Lễ Ký, để cho việc người hòa hợp với chiều trời, vận trời trong năm.

Wang Mãng tổ chức lại công cuộc thờ tự như sau: Ông thờ Thái Ất, Thiên Ất tại Kinh Đô, trong một đền thờ, và Địa Ất trong một đền thờ riêng. Còn Ngũ Đế (Ngũ Hành) thì thờ ở ngoài châu thành. Ngũ Đế bây giờ lại là **5 vua đầu trong lịch sử Trung Hoa**. **Hoàng Đế** được thờ trong một đền ở phía Tây Nam, cùng với Hoàng Long, mặt trời, sao Bắc Thần, 7 ngôi bắc đẩu, và Thổ Tinh, cùng các ngôi sao ở cung Tử Vi viên.

**Phục Hi hay Thanh Đế** được thờ ở một đền phía Đông, với Thanh Long, thần Sấm, thần Gió, với Mộc Tinh, và các sao trong chòm sao Thanh Long. (Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ).

**Thần Nông hay Xích đế** được thờ trong một đền thờ phía Nam, cùng với Châu Tước, Hỏa Tinh, và các sao trong chòm sao Châu Tước (Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn.)

**Thiếu Hiệ hay Bạch Đế**, được thờ trong một đền thờ ở phía Tây cùng với Bạch Hổ, Kim Tinh, và các sao trong chòm sao Bạch Hổ (Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm.)

**Chuyên Húc hay Hắc Đế**, được thờ trong một đền thờ phía Bắc cùng với Huyền Vũ, mặt trăng, thần mưa, Thủy tinh, và các sao trong chòm sao Huyền Vũ. (Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích)

Wang Mãng cho rằng như vậy đã tạo nên được sự hòa hợp giữa đất trời, và đem lại hòa bình, thái thịnh cho đất nước.

## **Chương 6. Âm Dương Ngũ Hành với học thuật Trung Hoa**

Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành có ảnh hưởng hết sức lớn lao trong học thuật và tư tưởng Trung Hoa: Nho, Y, Lý, Số đều thấm nhuần ảnh hưởng của Âm Dương, Ngũ Hành. Các khoa Tử Vi, Tướng, Số, đều triệt để áp dụng thuyết Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc.

Ví dụ như trong khoa Tử Vi, các sao đều phân thành Âm Dương, Ngũ Hành; con người, và 12 cung Tử Vi cũng được phân thành Âm Dương, Ngũ Hành.

Như vậy, tùy theo mệnh con người, tùy theo các sao chiếu mệnh, tùy theo các cung vận hạn mà con người đã trải qua trong một đời, hoặc trong từng năm, từng tháng, từng ngày, ta có thể áp dụng lễ Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc mà đã đoán định được cát hung một phần nào rồi.

Khoa Địa Lý cũng rất chú trọng đến Âm Dương Ngũ Hành. Hoặc cho rằng: Sơn Hà Đại Địa bất kỳ cái gì có hình đều là Âm. Còn cái khí không trông thấy được mới là Dương

Hoặc cho rằng: Nước là Dương, Núi là Âm.

Mạch cũng phân Âm Dương. Tả Ao viết:

*Mạch có mạch Âm, mạch Dương*

*Mạch nhược, mạch cường, mạch tử, mạch sinh.*



Mạch ở dưới đồng bằng phần nhiều đi thấp, được gọi là mạch Dương. Còn mạch ở trên sơn cước, đi theo các núi đồi cao lớn, được gọi là mạch Âm.

Những mạch Âm Dương đó lại được phân chia tùy theo hình, trạng thái hùng vĩ, thanh nhã, linh động, hoặc bất động, thành các mạch cường, nhược, tử, sinh.

- Thế mạch hùng vĩ, cao lớn, thảy đều là mạch **cường**.
- Thế mạch thanh nhã, nhọn dài được gọi là mạch **nhược**.
- Thế mạch trông như con thú quay đầu, quấy đuôi, linh động được gọi là mạch **sinh**.
- Thế mạch đi đùn đùn, ngay đơ, như con cá chết gọi là mạch **tử**.

Hình thế đất cũng được chia thành 5 loại theo Ngũ Hành. Tả Ao viết:

*Kìa như đất có Ngũ tinh,*

*Nhận xem cho biết tương sinh loan hoàn.*

1. Hình tròn là con Kim, hay Kim Tinh
2. Hình dài là con Mộc hay Mộc Tinh
3. Hình vuông là con Thổ hay Thổ Tinh
4. Hình nhọn là con Hỏa hay Hỏa Tinh.
5. Hình sóng gợn là con Thủy hay Thủy Tinh.

**Y học Trung Hoa** cũng triệt để khai thác thuyết Ngũ Hành. Quan niệm Ngũ Hành soi sáng Y học Trung Hoa về mọi phương diện: Bệnh Lý (Pathogénie), Dược lý (Pharmacologie) và Y Lý Trị Liệu (Thérapeutique.)

Về phương diện Bệnh lý chẳng hạn, Trung Hoa chia năm thành Ngũ Vận.

Các năm Giáp, Kỷ	thuộc Thổ
Các năm Ất, Canh	thuộc Kim
Các năm Bính, Tân	thuộc Thủy
Các năm Đinh, Nhâm	thuộc Mộc
Các năm Mậu, Quý	thuộc Hỏa

Rồi lại nhân lẽ Âm Dương, sinh khắc, thái quá, bất cập, hay bình khí mà suy xem năm nào khí hậu sẽ ra sao, nóng lạnh, ẩm, khô, mưa gió ra sao để biết những bệnh gì sẽ dễ sinh trong năm ấy.

Họ cho rằng các năm Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm là những năm Dương. Vận khí những năm ấy sẽ quá vượng, quá thịnh, sẽ thừa nên gọi là thái quá.

Những năm Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý là những năm Âm. Vận khí những năm ấy sẽ suy yếu, sẽ bất cập, mà một hành đã suy, thì khí của hành tương khắc, sẽ thịnh. Ví dụ những năm Giáp (Dương Thổ), thổ khí sẽ thái quá, như vậy sẽ mưa nhiều và sẽ ẩm thấp nhiều, do đó các bệnh thấp sẽ dễ sinh.

Những năm Kỷ (Âm Thổ), Thổ khí sẽ bất cập, như vậy sẽ gió nhiều, do đó các bệnh phong dễ sinh, vì Hành khắc là Mộc, Mộc sinh Phong.

Những năm Tân lạnh nhiều (Âm Thủy), Thủy khí bất cập, nên ẩm thấp nhiều, và các bệnh thấp dễ sinh vì Hành khắc là Thổ, Thổ sinh Thấp.

Tóm lại ta thấy: **Mộc thịnh sinh Phong, Hỏa thịnh sinh Nhiệt, Thổ thịnh sinh Thấp, Kim thịnh sinh Táo, Thủy thịnh sinh Hàn.**

Còn khi một Hành mà suy, thì Hành tương khắc sẽ thịnh, cho nên:

Mộc suy (bất cập) thời Táo sinh (vì Kim khắc Mộc), Hỏa suy (bất cập) thời Hàn sinh (vì Thủy khắc Hỏa), Thổ suy thời Phong sinh (vì Mộc khắc Thổ), (xem thí dụ năm Kỷ) Kim suy (bất cập) thời Nhiệt sinh (vì Hỏa khắc kim), Thủy suy (bất cập) thời Thấp sinh (vì Thổ khắc Thủy). (Xem thí dụ năm Tân).

Dược lý cũng dựa trên Ngũ Hành:

Đại khái các thuốc màu xanh, vị chua chữa gan; các thuốc màu đỏ, vị đắng chữa tim; các thuốc màu vàng, vị ngọt chữa tì; các thuốc màu trắng, vị cay chữa phổi; các thuốc màu đen, vị mặn chữa thận v.v...

Trị liệu cũng dựa theo quan niệm Ngũ Hành tương sinh, tương khắc, hoặc Ngũ Hành diên đảo. Ví dụ:

### 1. Mẫu hư bổ kỳ Tử

Như Kim (Phế): vốn sinh Thủy (Thận), nhưng nếu Phế suy, phải bổ Thận (Thủy) để cứu Phế (Kim)

Thủy (Thận) vốn sinh Mộc (Gan), nhưng nếu Thận (Thủy) kiệt, thời phải bổ Gan (Mộc).

### 2. Tử hư bổ kỳ Mẫu

Thủy suy (Thận suy), phải bổ Kim (Phế) (mẹ)

Thổ suy (Tỳ suy), phải bổ Hỏa (Tâm) (mẹ)

Mộc suy (Gan), phải bổ Thủy (Thận) (mẹ)

Kim (Phế) táo, phải bổ Thổ (Tỳ) (mẹ)

Hỏa (Tâm) suy, phải bổ Mộc (Gan) (mẹ)

### 3. Mẫu thực tả kỳ Tử

Phế (Kim) (mẹ) thực, phải tả Thận Thủy (con)

Thận (Thủy) (mẹ) thực, phải tả Gan (Mộc) (con)

Gan (Mộc) (mẹ) thực, phải tả Tâm (Hỏa) (con)

Tâm (Hỏa) (mẹ) thực, phải tả Tỳ (Thổ) (con)

Tỳ (Thổ) (mẹ) thực, phải tả Phế (Kim) (con)

### 4. Tử thực, tả kỳ Mẫu

Thận (Thủy) (con) thực, tả Phế (Kim) (mẹ)

Gan (Mộc) (con) thực, tả Thận (Thủy) (mẹ)

Tâm (Hỏa) (con) thực, tả Gan (Mộc) (mẹ)

Tỳ (Thổ) (con) thực, tả Tâm (Hỏa) (mẹ)

Phế (Kim) (con) thực, tả Tỳ (Thổ) (mẹ) v.v...

Đi sâu vào vấn đề, ta thấy các Y gia lại còn áp dụng lẽ Ngũ Hành diên đảo trong việc điều trị. Nhưng nơi đây, chúng ta cũng chẳng cần phải bàn rộng hơn về vấn đề đó làm chi nữa. Người nào có tâm cầu học, nhất định sẽ tìm sách mà tra cứu lấy.

## Chương 7. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành với nghệ thuật Trung Hoa

Nghệ thuật là biểu dương cho đời sống, mà đời sống người đời Hán đã bị ảnh hưởng bởi Âm Dương Ngũ Hành, thì nghệ thuật cũng bị ảnh hưởng theo.

Thành Lạc Dương xưa, đã được xây theo quan niệm Ngũ Hành và có những cửa, những đền đài với những Tượng Thanh Long, Chu Tước, Huyền Vũ, Bạch Hổ.

Sách Hậu Hán Thư chép, có một ngôi mộ quan quyền đã được xây theo quan niệm Ngũ Hành. Gần đây, người ta cũng đã đào được nhiều ngôi mộ xây theo quan niệm trên. Các áo quan, các gạch ngói, các đỉnh vạc, và những vật dụng thường nhật, cũng thường có hình Ngũ Hành.

Đặc biệt nhất là các **gương bằng kim khí** cũng có hình Ngũ Đế. La Chấn Ngọc, trong quyển *Hán Lương Kinh Dĩ Lai Kinh Minh Ký Lục*, đã cho chúng ta hình dáng và tên tuổi những gương ấy.

Ví dụ: Gương Long Thị, Gương Ngũ Đế, Gương Cự Hư, Gương Thượng Phương...

Như vậy đời Hán, các nghệ sĩ thường đem quan niệm Âm Dương Ngũ Hành trình bày trong nghệ phẩm.

Đại ý muốn nói lên rằng: nếu con người biết sử dụng các năng lực trong hoàn vũ và nhân quần cho đúng mức thì sẽ đem lại hạnh phúc thái thịnh cho cá nhân, cho gia đình, cũng như cho giang sơn tổ quốc.

Âu cũng là một quan niệm sâu xa vậy.

## **Chương 8. Tổng luận về Ngũ Hành**

Quan niệm về Ngũ Hành thực là một quan niệm phong phú nhưng cũng hết sức phức tạp. Phong phú như cuộc đời, phức tạp như cuộc đời. Có mất thì giờ nghiên ngẫm mới thưởng thức được hết cái hay của nó.

Về phương diện Đạo Đức và Triết Học, thuyết Ngũ Hành coi vũ trụ là Thượng Đế, và là biểu dương của Thượng Đế. Đó là một quan niệm chung của các khoa Huyền Học Đông Tây. Ta đã thấy phái Rose-Croix, hay Tarot, cũng đã chủ trương như vậy.

Đạo Lão viết:

*Đông tam, Nam nhị, đông thành ngũ*

*Bắc nhất, Tây phương, tứ cộng chi*

*Mậu Kỷ, tự cư, sinh số ngũ.*

*Tam gia tương kiến, kết Anh nhi.*

Về phương diện Triết Học, người xưa muốn dùng Ngũ Hành để suy ra các hiện Tượng, cũng như các yếu tố căn bản tạo thành vũ trụ.

Dịch cho rằng vũ trụ được tạo nên do Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Ấn Độ, Tây Tạng, Aristote cho Ngũ Hành là Đất, Nước, Lửa, Khí và Thái Hư. Phật giáo thời chỉ có Tứ Đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong...

Bây giờ, chúng ta chỉ nên coi Ngũ Hành là những tiếng dùng để Tượng trưng cho Thượng Đế, và những yếu tố cơ bản, để tạo thành vũ trụ, từ **khinh thanh đến trọng trọc**. Có vậy, ta mới giữ nguyên được giá trị của học thuyết Ngũ Hành về phương diện Triết Học, và Khoa Học. Bằng nếu chúng ta cố bám víu vào nghĩa đen, mà giải thích thì chắc chắn sẽ lạc hậu, lỗi thời.

Thực vậy, nếu hiểu theo nghĩa đen, thì tất cả thuyết xưa từ Ngũ Hành của Trung Hoa, Ấn Độ, Tây Tạng, Hi Lạp, hay Tứ Đại của Phật Giáo đều không đứng vững, trước những phát minh của Khoa Học.

**Ngày nay**, theo Khoa Học, thì 4 nguyên tố chính yếu tạo nên Vũ trụ là Dương khí (O), Khinh khí (H), Thán khí (C), Đạm khí (N).

Nếu chúng ta đi sâu vào chiều hướng vi tử, vi trần, ta lại có thể phân mỗi nguyên tử ra làm nhiều yếu tố khác nhau như:

<b>Khinh tử</b> .....	Proton .....	0
<b>(Leptons)</b> .....	Neutrino.....	0
	Electron.....	I
	Muon (Méson m ) .....	206,9
<b>Trung tử</b> .....	Pion (Méson p ).....	264
<b>(Mésons)</b> .....	Méson K.....	966
<b>Trọng tử</b> .....	Nucléons.... Proton....	1836,12
<b>(Baryons)</b> .....	Neutron	1838,65
	Hypérons	Lambda 2182
		Sigma + 2328
		Sigma - 2342
		Sigma 0 2330
		Ksi - 2583
		Ksi 0 5579 v.v...

**Thế là về phương diện Khoa Học**, chúng ta càng ngày càng xa với quan niệm Ngũ Hành, hay Tứ Đại xa xưa...

**Về phương diện Văn Chương**, và Tượng hình ta thấy quan niệm Tứ Tượng, Ngũ Hành đã đóng góp rất nhiều.

**Về phương diện Y, Lý, Số**, ta thấy quan niệm Ngũ Hành được khai thác, và áp dụng hết sức là tài tình. Tuy nhiên, ta phải công nhận rằng ngay từ căn bản, nó đã là tính cách ước lệ (conventionnel).

Nó còn có yếu điểm là coi Hành Thổ (Principe) như bốn hành kia, mặc dầu bốn hành kia trên nguyên tắc chỉ là biểu dương (manifestations) của hành Thổ.

Sau khi đã khảo về Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, sau khi đã biết nhẽ sinh, khắc, chế, hóa, của Trời đất, ta có thể áp dụng quan niệm Âm Dương, Tứ Tượng,

Ngũ Hành, để tạo cho chúng ta một đời sống hợp tình, hợp lý, biết cách xu cát, tị hung.

### **Phương pháp đó có thể toát lược như sau:**

Nhận định rằng ta lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh, nên nếu ta biết hoàn cảnh, là biết được một phần lớn số phận cá nhân.

Hoàn cảnh hay, dở khác nhau, tùy năm, tùy tháng, tùy mùa, tùy ngày, tùy giờ, tùy như ở tâm trạng quần chúng, tùy như ở chỗ chính thẳng, hay tà thẳng; quân tử thẳng, hay tiểu nhân thẳng; tinh thần thẳng, hay vật chất thẳng; tinh thần làm chủ, hay vật chất làm chủ.

Nhưng trong mỗi hoàn cảnh, cá nhân có hay, có dở khác nhau, tùy tâm tư, chí hướng, hoài bão, tài đức, hành vi của mỗi người. Lại cũng còn tùy vào địa vị của mỗi người, tùy như có người giúp đỡ hay gài quải, tùy như ở gần quý nhân, hay tiểu nhân; hành động ta cũng có hay, có dở khác nhau.

**Hành động hay**, sẽ đem lại cho ta lợi ích. Hành động hay, là hành động hợp đạo lý, hợp tình, hợp cảnh, không làm ta phải xấu hổ, hối hận, hay phàn nàn.

**Hành động dở**, sẽ đem lại cho ta hung họa, làm cho ta bần khoản, hối hận. Những hung họa ta gặp một phần lớn phát sinh là vì: Chúng ta sống trong những hoàn cảnh không thuận lợi; làm những

công việc không thích hợp với tài cán; cộng tác hay sống gần gũi những người không đồng tình, đồng ý, đồng quan niệm với ta.

**Vậy muốn sống một cuộc đời lý tưởng**, phải thuận theo đạo lý, tức là theo những định luật thiên nhiên, không được gàng quai với trời đất, với thời gian, tuổi tác. Phải tìm hoàn cảnh thuận tiện những công việc mình ưa. Rồi ta lại phải tránh họa hung, khi chúng hãy còn chưa chớm phát, phải cố gắng dùng thời gian, dùng hoàn cảnh, để tạo cho mình một đời sống lý tưởng, cao đại.

Tóm lại đời vừa là bề khổ vừa là tiên cảnh, tùy như ta biết dùng đời, hay không biết dùng đời.

Chính vì vậy mà Âm Phù Kinh mới viết: *Thiên hữu ngũ tặc, kiến chi giả xuong.*

Không biết dùng đời, không biết xử dụng Ngũ Hành, thời đời sẽ thành giặc cướp, Ngũ Hành sẽ thành giặc cướp hãm hại ta. Biết dùng đời, biết dùng Ngũ Hành, thời đời sẽ trở nên tâm tham thân, Ngũ Hành sẽ trở thành 5 con rồng linh đưa chúng ta tới một tiền trình viễn đại và hạnh phúc...

## THƯỢNG KINH

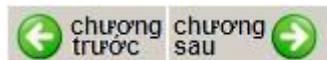
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yên Lê



» [Dịch Kinh Đại Toàn](#) | [Lời Nói Đầu](#) | [Dịch Kinh Giản Lược](#) |

[Quẻ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#)

[15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#) [21](#) [22](#) [23](#) [24](#) [25](#) [26](#) [27](#) [28](#) [29](#) [30](#)



## LỜI NÓI ĐẦU

Trước khi vào các quẻ Dịch, tôi có mấy lời trình bày cùng quý vị độc giả. Tôi đã dùng nhiều năm để nghiên cứu về Dịch, và thấy nó mang lại cho tôi một đời sống tâm linh phong phú .

Tôi nghĩ rằng: **Dịch là biến thiên, linh động, tùy thời xử thế.** Dịch là đi theo đúng đường lối, đúng chiều hướng của Trời đất, nên tôi đã cố tìm hiểu mạch lạc các quẻ Dịch, **đã cố dịch các quẻ chính kinh chữ Hán ra chữ Việt bằng văn vần (thơ), và bình giảng các quẻ bằng văn xuôi.** Tôi đã nghiên cứu Dịch, viết Dịch, giảng dạy Kinh Dịch nhiều năm ở Đại Học Minh Đức, và đã mở nhiều khóa dạy Dịch cho nhiều lứa tuổi, ở trong nước, cũng như ở ngoại quốc (Hoa Kỳ). Tôi năm nay đã 76 tuổi, chẳng may bị tê bại từ tháng 9 năm 1989, nhưng nhờ Trời óc chất hãy còn sáng suốt, tinh thần hãy còn minh mẫn.

Tôi nhận thấy Kinh Dịch rất hữu ích cho nhân loại: Nó có thể **mở mang khối óc ta về nhiều vấn đề: Khoa học, Đạo Đức, Chính trị, Âm nhạc, Thiên văn, Y học, Bói toán v v ...** và nhiều vấn đề liên quan đến đời sống hiện tại của ta, mà xưa nay các nhà bình giải Dịch kinh từ Á sang Âu không hề nói tới.

Nhà tôi, sau khi đọc các quẻ, đã khám phá ra chỗ diệu dụng của nó. Nên nhất định khai thác nó, **theo khả năng của nhà tôi,** và nhất định xem xét, nghiên cứu, và tự mình đánh lại nó bằng

computer. Tuy sức khoẻ không khả quan (vì bị bệnh mục xương sống), và đã 63 tuổi, nhưng nhà tôi nhất định làm, vì nghĩ rằng nếu biết **Áp dụng Kinh**

**Dịch vào Thời đại**, thì sẽ có nhiều ích lợi cho thế hệ sau, và hy vọng nhiều người sau này, sẽ tiếp tục nghiên cứu nó. **Và một ngày nào đó biết đâu, nó chẳng mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia, dân tộc nói riêng, và nhân loại nói chung, vì theo đà tiến hóa, những người nghiên cứu nó sau này, sẽ thông minh hơn chúng ta gấp bội, nhà tôi nói.** Nên dù gặp khó khăn về sức khoẻ, khó khăn về vật chất, để hoàn thành nó, nhà tôi cũng phải cố gắng cho nó ra đời. Nếu có ích cho thế hệ sau, thì sự hy sinh nhỏ nhoi của nhà tôi, nào có đáng gì?

Cho nên, bộ Kinh Dịch này ra đời hoàn toàn theo ý nhà tôi, (tôi chỉ góp ý phụ). Nhà tôi bỏ bớt những gì không cần thiết, và giản dị hóa lời giảng (mà theo ý nhà tôi nó quá cao, sợ nhiều người không hiểu). Nhà tôi muốn phổ biến cho quần chúng, và nghĩ rằng chỉ cần trên 18 tuổi, **đọc và hiểu tiếng Việt, là hiểu được phần Bình giảng, và phần Áp dụng vào Thời đại.** Nhà tôi đã cho vài em nhỏ khoảng 18, 20 tuổi và ít sinh viên Đại học đọc, họ đọc xong mục **Áp dụng vào Thời đại**, họ rất hiểu, và rất thích thú, và họ ước ao nhà tôi đủ sức khoẻ, để cùng tôi hoàn tất xong bộ Dịch này. Các bạn hữu của chúng tôi cũng khuyến khích nhà tôi rất nhiều.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, chúng tôi nhất định trình bày Bộ Dịch như sau:

**I. Quyển I bàn về các vấn đề liên quan đến Dịch Lý, đến Vô Cực, Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành.**

Phần này rất cao siêu, nên tôi đã giảng giải bằng nhiều chú thích của những nhà bình giải danh tiếng, lại viện dẫn nhiều sách tham khảo, để tiện cho quý vị tìm ra những điều vi diệu của Dịch.

**II. Quyển II nói về Thượng kinh (có phần Dịch Kinh Giản Lược ở trên, xin quý vị đọc kỹ phần này, để có những ý niệm, và hiểu từ ngữ để đi vào Hào, Quái cho dễ).**

**Thượng Kinh:** Dưới phần Hán Văn là phần dịch đoạn Hán văn đó bằng văn vần, tiếp đến là **Bình giảng đoạn đó bằng văn xuôi. Cuối mỗi quẻ là phần áp dụng quẻ đó vào Thời đại.**

**III. Quyển III là Hạ kinh.** Hạ kinh trình bày như Thượng kinh. Trong phần **Bình giảng, thường hay dùng điển tích chứng minh** để độc giả dễ hiểu, và sẽ ngạc nhiên thấy khi đọc Dịch mà thích thú, dễ hiểu như khi đọc truyện Tàu, và **cuối mỗi quẻ, đều có phần Áp dụng vào Thời đại của quẻ đó.** Tôi và nhà tôi cố gắng soạn bộ Dịch này một cách công phu, dễ hiểu, để đi sâu vào quần chúng. Theo chúng tôi nó rất có ích cho nhân loại.

*Và sau khi đã hiểu Dịch, biết áp dụng Dịch, ta thấy ta trở nên thông thái, khôn ngoan hơn trước nhiều.*

**Phần Hệ Từ.** Phần này có Hệ Từ Thượng, Hạ, Thuyết Quái, Tự Quái, Tạp Quái cùng Phụ Lục I, II, III gồm khoảng 200 trang, với những lời bình giảng, chú thích rành rẽ. Chúng tôi cố gắng làm cho đầy đủ, để quý vị tiện tra cứu mai sau. **Bộ sách tưởng dày (khoảng 1500 trang), nhưng quyển I có 9 Chương, mỗi Chương dạy một đề tài khác nhau: dạy ta Hướng đi của Thánh Hiền, dạy Đông Y, Bói toán v.v..., và quyển II, III là 64 quẻ, với 64 hoàn cảnh khác nhau, dạy về cách giải quyết những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày, không liên lạc với nhau, do đó muốn xem trước, sau, đoạn nào cũng được, nên dễ như đọc tờ báo hàng ngày mà thôi.**

Ước mong sao, bộ Dịch này đến tay không những quý vị thích đọc sách, mà còn làm cho quý vị nào xưa nay không thích đọc sách, cũng cảm thấy thích thú khi đọc nó.

Mong nó sẽ mang lại nhiều điều lợi ích cho quý vị.



## VÀI LỜI TÂM THÀNH CỦA BÀ HUYỀN LINH YẾN LÊ

Trước khi vào mục **Áp dụng Kinh Dịch vào Thời đại**, tôi có mấy lời tâm thành ngõ cùng quý vị độc giả. Xin quý vị hãy coi tôi như người bạn thân của quý vị, và mấy lời tôi nói sau, là những lời thành khẩn, bộc lộ tất cả những suy tư, hiểu biết nhỏ nhoi của tôi, gửi đến quý vị - **những người bạn thân ở khắp bốn phương trời.**

Tôi, Huyền Linh, sinh năm 1934, quê quán Hà nội (Bắc Việt), là một phụ nữ Việt Nam bình thường, xuất thân trong một gia đình công chức trung lưu, (nhờ có bà mẹ đảm đang, đức hạnh, nên cuộc sống của anh em chúng tôi lúc nào cũng có người giúp việc săn sóc chu đáo), có một nền học lực trung bình (học Đại học, mà chưa có một mảnh bằng nào của Đại học, vì nếu hỏng thi, là tôi ngưng ngay), biết làm thương mại qua loa (chủ cơ sở thu mua thực phẩm & chủ tiệm bán về thực phẩm), biết nấu ăn, may vá, thuê thùa qua loa (Hiệu trưởng & giảng dạy & Chủ nhân trường Nữ công gia chánh Việt Tiến). Nghề tay trái, là buôn đá quý (hạt soàn). Năm 17 tuổi kết hôn với người mình yêu, đó là chồng tôi hiện tại (Bác sĩ Nguyễn văn Thọ).

Sau khi lập gia đình, và sinh đủ số con như ý muốn, tôi lại tiếp tục học thêm. Sờ dĩ tôi viết qua về tiểu sử của tôi, là cốt để cho quý vị rõ, là tôi cũng như phần đông quý vị, không được hưởng một ân sung nào hơn cả, mà trái lại phải phấn đấu rất nhiều (vì làm thương mại, là phải lo về quản trị sao cho tốt). Tôi, thuở nhỏ thích xem truyện Tàu, nhất là những chuyện viết về Lịch sử. Về già, thì lại ham mê nghiên cứu về các đạo (tôi theo đạo thờ ông bà).

Sau khi hiểu ít nhiều về các đạo (chỗ nào không hiểu thì tôi đàm luận với chồng tôi), tôi nhận thấy cuộc đời này chỉ là một sân khấu, trò đời là màn kịch, mà tôi cũng như mọi người chỉ là những diễn viên, nên khi đã đóng xong vai trò của mình, thì hãy trở về với con người thực của mình, chứ còn cứ mơ tưởng đến vai trò của mình trên sân khấu đời, rồi kiêu ngạo, hồng hách, hoặc buồn khổ, thì sai lầm lắm vậy.

Hôm nay, tôi mạo muội viết ít lời ở nơi đây về Kinh Dịch, và tôi đọc, học, và hiểu Kinh Dịch như thế nào, để quý vị thưởng lãm.

**I.** Trước tiên, khi đọc 1 quẻ Dịch, thì ta hãy tìm hiểu **đại ý của nó ở phần Thoán**, và chớ suy tư quá nhiều về một vài câu khó hiểu trong quẻ, **mình không hiểu mà cho là Thánh nhân nói sai, hoặc tìm được một vài ý kiến hay của người ở thời đại ngày nay, thì cho rằng Dịch ngày xưa không bằng.**

Ta hãy trông trái bắp (ngô), nó có rất nhiều hạt, mỗi hạt là một công dụng của nó, râu có thể nấu nước uống lợi tiểu, lõi có thể thay củi đốt lửa, hạt có thể luộc, xay thành bột để làm biết bao thứ bánh, tùy theo người biết xử dụng nó, nhưng cuối cùng mục đích của nó, là góp phần vào việc nuôi nhân loại mà thôi. Xưa, Thánh nhân tởn biết bao tâm cơ, suy tư biết bao năm tháng, mới viết ra bộ Kinh Dịch, (Dịch là biến dịch, bất biến, giản dị), để lại cho chúng ta. Nhưng các vị đó luôn luôn nói những câu khó hiểu, cốt ý là chỉ để cho những người nào có **Tuệ căn** mới lĩnh hội được mà thôi. Vì tâm trí ta còn kém cỏi, vật dục làm ta u mê., nên làm sao ta hiểu được những vi ý của

cổ nhân. Khi đã hiểu nó, ta có thể khai triển nó theo muôn mặt, cũng như chồng tôi khai triển nó về phương diện đạo đức, tu thân, hoặc đạo lý, tâm linh, tôi thì khai triển nó về phương diện xã hội theo hiện đại, còn như 2 nhà Khoa học Trung Hoa (1957) Dương Chấn Ninh & Lý Chính Đạo đã dựa vào tỷ lệ Âm Dương (Tam thiên, Lưỡng địa) của Dịch mà làm một cuộc thí nghiệm tại Trung tâm thí nghiệm nguyên tử (National Bureau of Standards) ở Columbia, Hoa Kỳ, và đã được Ủy Ban Quốc Tế tặng giải Nobel năm 1957, và bây giờ Khoa Học, trong các công cuộc truyền tín hiệu, truyền hình ảnh từ vệ tinh xuống mặt đất, có thể nói là đã gián tiếp dùng 64 quẻ Dịch.

Tôi hy vọng sau này sẽ còn nhiều người nữa sẽ theo sau mà  **nghiên cứu những chỗ vi diệu của Dịch**, mục đích là đóng góp phần nào trong muôn một, vào công cuộc tiến hóa của nhân loại về mọi mặt, đừng thấy người này áp dụng Dịch, không giống mình mà cho là sai, người kia giống mình thì cho là đúng, và nhất là đừng bao giờ coi mình hơn cổ nhân, vì như vậy, nếu giỏi hơn thì là kiêu ngạo, mà nếu là người chưa làm được gì cho xã hội, nhân loại, thì chỉ là hạng **ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung** mà thôi.

**II** -Ngoài ra, Dịch kinh còn muốn đề cập đến các định luật biến dịch của vũ trụ, cũng như của quần sinh. **Dịch sở dĩ có, là cốt để mở mang trí tuệ cho con người, tác thành muôn việc cho con người, bao trùm tất cả đạo lý trong thiên hạ** (Hệ Từ Thượng, Chương XI, tiết I).

**III** - **Dịch dạy chúng ta xu cát, tị hung (theo hay, tránh dở)**, bằng sự hiểu biết, sự khéo léo, sự cố gắng của mình. Dịch Kinh nhận định rằng **ta lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh, cho nên biết hoàn cảnh là biết một phần lớn số phận cá nhân**.

**Nhận định được chân giá trị của Dịch**, lại biết áp dụng thực thi được Dịch lý vào công cuộc tu luyện bản thân, nên Đức Khổng tha thiết khảo cứu Kinh Dịch. Ngài nói: **Nếu Trời cho ta sống thêm ít tuổi nữa, để học Dịch, ta có thể không phạm lỗi lầm lớn nữa** (LN VII, 16).

**Còn tôi, sự nghiên cứu, học hỏi về Dịch này là một công việc thích thú nhất trong đời tôi**, nên tôi muốn san sẻ những thích thú đó với quý vị - **những người bạn thân của tôi ở khắp bốn phương trời**- cùng thưởng lãm. Mong rằng sự hiểu biết nhỏ bé của tôi, mang lại lợi ích cho quý vị. Mong thay.

Trước khi dứt lời, tôi xin nhắc nhở quý vị 1 lần nữa:

\* **Đọc Dịch:** Xin đọc phần **Áp dụng vào thời đại trước**.

\* **Muốn hiểu Dịch & Các từ ngữ của Dịch:** Xin đọc phần Dịch Kinh Giản Lược ngay đầu tập II.

\* **Muốn hiểu quẻ muốn nói gì:** Xin đọc kỹ Thoán.

Trân trọng kính chào quý vị

*Huyền Linh Yến Lê cẩn chí*

---

» [Dịch Kinh Đại Toàn](#) | [Lời Nói Đầu](#) | [Dịch Kinh Giản Lược](#) |

[Quẻ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#)

[15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#) [21](#) [22](#) [23](#) [24](#) [25](#) [26](#) [27](#) [28](#) [29](#) [30](#)

**DỊCH KINH GIẢN LƯỢC**

Trước khi vào các quẻ, để cho dễ hiểu tôi xin nói về:

- 1) Ít nhiều nhận định về Quẻ, Thoán, Hào.
- 2) Áp dụng những nguyên tắc của Dịch Kinh vào cuộc đời.

## I. ÍT NHIỀU NHẬN ĐỊNH VỀ QUẺ, THOÁN, HÀO

### 1) Nhận định về quẻ

Quẻ có quẻ đơn và quẻ kép.

**Quẻ Đơn.** Quẻ Đơn gồm 8 quẻ; mỗi quẻ có 3 *vạch (Hào)*:

*Kiên, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài*

Quẻ Đơn tượng trưng cho **Vạn Vật, Vạn Hữu**

**Quẻ Kép.** Quẻ Kép gồm 64 quẻ, mỗi quẻ có 6 Hào.

Quẻ Kép tượng trưng cho hết **mọi biến hóa, mọi tình trạng, mọi hoàn cảnh** mà Vạn hữu và Nhân quần gây nên trong khi giao tiếp với nhau. Thượng Kinh và Hạ Kinh viết lại 64 quẻ, tức là đưa ra 64 hoàn cảnh tượng trưng, để dạy con người phương pháp xử sự cho khéo léo, tùy theo mỗi hoàn cảnh mình gặp.

Quẻ Kép gồm 2 quẻ đơn, ta gọi:

-Quẻ phía dưới là **Nội Quái**

-Quẻ phía trên là **Ngoại Quái**

Vì mỗi hoàn cảnh có *nhều khía cạnh, nhiều giai đoạn, nhiều nhân vật* bị dính dấp ảnh hưởng, nên mỗi quẻ lại có 6 Hào. Sáu Hào cốt là để nói lên cho rõ ràng:

\*Mọi khía cạnh, mọi trạng thái biến thiên của hoàn cảnh.

\*Mọi giai đoạn của một công trình.

\*Mọi tầng lớp trong xã hội, đang cùng chia xẻ một hoàn cảnh

\*Những trường hợp khác nhau, có thể xảy ra cho từng hạng người sống cùng chung một hoàn cảnh..

**Bàn về mỗi quẻ Kép có:**

A) Tự Quái. B) Thoán Từ. C) Thoán Truyện. D) Tượng Truyện. E) Hào Từ và Tiểu Tượng Truyện.

**Muốn hiểu rõ mỗi quẻ, phải nghiên cứu tận tường:**

**A) Tự Quái** có mục đích dạy ta khi gặp mỗi quẻ, tức là mỗi hoàn cảnh, phải xét xem nó duyên do tự đâu

**B) Thoán** bàn luận tổng quát về *sự hay dở* của mỗi quẻ, tức là của mỗi hoàn cảnh.

Dịch Kinh dùng 11 chữ để xét đoán hay dở:

1) **Nguyên** = chí thiện,

= nguyên thủy (gốc gác vạn hữu)

= lớn, mạnh, hào hùng, cao đại.

2) **Hanh** = Thông suốt (hanh thông)

= Chí mỹ (Gia chi hội - Văn ngôn)

3) **Lợi** = Lợi, thuận nhân tâm, thích nghi, thích đáng.

4) **Trinh** = Chính, bền, thành đạt, bền vững, hằng cửu, chủ chốt, chủ đích của mọi việc.

5) **Cát** = Tốt, được, thành công.

6) **Hung** = Xấu, mất, thất bại.

7) **Hối** = Hối hận, ưu lự, băn khoăn.

8) **Lận** = Xấu hổ.

9) **Lệ** = Nguy hiểm.

10 & 11) **Vô cữu** là không có lỗi.

Tóm lại, một hoàn cảnh, một công tác hay, hay dở tùy ở chỗ thành hay bại, đắc hay thất, có làm cho mình phải hối hận, phàn nàn, xấu hổ hay không? Việc xấu mà không, hay chưa hối hận thì *inguy hại*, đã phàn nàn, cãi quá thì *không lỗi gì*. Nhiều khi Dịch cũng dùng 2 chữ **Trinh hung** đi đôi với nhau. Chữ **Vô Cữu** nhiều khi phải giải là *Không trách cứ ai được*.

Thoán có **Thoán Từ, Thoán Truyện**

\***Thoán Từ là của Văn Vương.** Thoán Từ rất vắn tắt, cô đọng, nói đại ý toàn quẻ & sự hay dở tổng quát của toàn quẻ

\***Thoán Truyện là lời của Khổng Tử,** dùng để giải thích Thoán Từ. Thoán Truyện nhiều khi viết có âm vận, và thường theo phương pháp sau đây

1) **Giải thích tên quẻ** mỗi khi cần.

2) **Phân tích quẻ** thành 2 quẻ Đơn (Quái Thể), rồi lấy 2 quẻ đơn ấy mà phân tích Thoán Từ (*Dĩ Quái Thể thích Quái Danh, Quái Nghĩa*)

3) **Lấy đức tính** của 2 quẻ đơn ấy để cắt nghĩa Thoán Từ (*Dĩ Quái Đức thích Quái Từ*)

4) **Dùng những hình ảnh** do 2 quẻ đơn ấy gợi nên để cắt nghĩa Thoán Từ (*Dĩ Quái Tượng thích Thoán Từ*)

5) **Xem quẻ đương cuộc** đã do quẻ nào sinh ra, là **biến thể của quẻ nào**, rồi lấy đó mà giải thích Quái Từ (*Dĩ Quái Biến thích Quái Từ*)

6) **Xem 2 quẻ đơn là Âm hay Dương,** Cương hay Nhu, giao nhau hay không giao nhau để giải thích Quái Từ (*Dĩ Quái Tài thích Quái Từ*)

7) **Tìm hào chủ chốt của quẻ** (Chủ Hào), rồi nhân đó cắt nghĩa Quái Từ, Quái Nghĩa. Hào chủ chốt thường là hào 2 và 5, nhưng cũng có khi là hào 1 như ở quẻ Truân, là hào 3 như ở quẻ Khiêm, hào 4 như ở quẻ Dự.

Có nhiều khi **lời Thoán giống lời Hào chủ chốt.**

Ví dụ: Thoán quẻ Truân có chữ **Lợi kiến hầu,** thì hào Sơ Cửu cũng có chữ **Lợi kiến hầu.**

8) **Thoán Truyện thường nhắc lại** để giải thích từng câu trong Thoán Từ.

9) Ngoài công việc chú giải Thoán Từ, Thoán Truyện còn **đưa ra những nhận định tổng quát, những định luật của Trời Đất.** Ví dụ:

\*Nơi quẻ Hàm, thì đề cập đến định luật **cảm thông** trong Trời đất

\*Nơi quẻ Khuê, thì nói về **Âm Dương lưỡng dụng** để đi tới đại thành.

\* Nơi quẻ Phong, thì bàn về lẽ **Doanh, Hur, Tiêu tức** của Trời đất.

\* Nơi quẻ Hằng thì bàn về **sự bền vững** là điều kiện để tiến tới vĩnh cửu, bất biến...

Vì vậy, **hiểu được Thoán Từ là hiểu được quá 1/2 quẻ Dịch rồi** (Trí giả quan kỳ Thoán Từ tắc tư quá bán hỹ - Hệ Từ hạ, Chương 9)

### C) Hào

Trong 1 hoàn cảnh có nhiều khía cạnh, nhiều nhân vật liên hệ, **quẻ là một hoàn cảnh**, nên cũng lấy **các Hào mà tượng trưng cho sự diễn biến của hoàn cảnh**, những khía cạnh khác nhau của hoàn cảnh, những nhân vật liên hệ đến hoàn cảnh. Hào có **Hào Tài & Hào Vị**.

**\*Hào Tài** là bản chất của từng Hào, tài đức của từng Hào. **Hào Tài được diễn tả bằng Âm và Dương**.

**Âm Hào** — tượng trưng cho những kẻ tiểu nhân, hoặc những người bất tài, nhu nhược.

**Dương Hào** — tượng trưng cho quân tử, người tài cán, cương nghị.

**\*Hào Vị**. Mỗi quẻ Kép có 6 vị ngôi, tức là 6 Hào

Mỗi một hào mang một số thứ tự tính từ dưới lên trên : 1, 2, 3, 4, 5, 6 có tên là Hào Sơ, Hào Nhị, Hào Tam, Hào Tứ, Hào Ngũ và Hào Thượng. Số lẻ **1, 3, 5 là vị Dương**. Số chẵn **2, 4, 6 là vị Âm**. Tùy Hào tài là Dương hay Âm, ta dùng thêm chữ Cửu hay Lục. Từ dưới lên trên ta xưng danh như sau:

**Nếu là Dương Hào ta có:** Sơ Cửu, Cửu Nhị, Cửu Tam, Cửu Tứ, Cửu Ngũ, Thượng Cửu.

**Nếu là Âm Hào ta có:** Sơ Lục, Lục Nhị, Lục Tam, Lục Tứ, Lục Ngũ, Thượng Lục.

**Hào Vị có nhiều công dụng:**

a) Nó biểu dương không gian **TRÊN, DƯỚI, GIỮA**.

b) Thời gian: **ĐẦU, GIỮA, CUỐI**.

c) Các tầng lớp xã hội từ lê thứ, đến quan, vua, đến miếu mạo, triều ca.

d) Nó xác định ngôi vị của từng nhân vật.

e) Các giá trị tinh thần từ thấp đến cao.

f) Chiều hướng biến hóa từ trong ra ngoài, hoặc từ ngoài vào trong. **Từ dưới lên trên là biến chuyển từ trong ra ngoài**. Gặp trường hợp ấy nơi Thoán Truyện, dùng chữ **Vãng**. **Biến chuyển từ trên xuống dưới là biến từ ngoài vào trong**. Trường hợp này Thoán Truyện dùng chữ **Lai**.

Như trên đã nói, **lối tính các Hào bao giờ cũng tính từ dưới lên trên**, cho nên:

-Hào dưới là thấp, Hào trên là cao.

-Hào dưới thì là hạ tiện, là lê dân, Hào trên thì là tôn quý, là quan, là vua.

**Đối với thân thể con người**, thì dưới là chân, trên là mặt, là miệng, là đầu.

**Đối với con vật**, thì hào Sơ là đuôi, hào trên cùng là đầu, là sừngvv...

**Đối với quá trình một công việc**, thì dưới là khởi điểm công việc, khó biết, khó làm. Giữa là giai đoạn gian một vài qui ước đã được chấp thuận cho mỗi một Hào.

**\*Hào Thượng:** Thái miếu, Thái thượng hoàng, Thượng phu, ảnsĩ thoát trần. **Đó là hào hưu tức, ngoại vị, vô vị**.

**\*Hào Ngũ:** Thiên tử, Quân vương.

**\*Hào Tứ:** Đại thần, cận thần, chư hầu.

**\*Hào Tam:** Công khanh, Tam công, là những người có thế lực trong nước.

**\*Hào Nhị:** Công thần, Đại phu.

\***Hào Sơ:** Nguyên sĩ, là vạn dân, thứ dân.

(Xem thêm nơi Hệ Từ hạ , Chương 9 )

### **TRUNG CHÍNH & BẤT TRUNG BẤT CHÍNH**

- **Hào 2 và 5 là Trung Hào**, nên gọi là **Trung**.
- **Hào 3, 4** chẳng hạn, không phải Hào giữa nên gọi là **Bất trung**.
- **Hào Dương cư Dương vị, hào Âm cư Âm vị** gọi là **Chính**.
- **Hào Dương cư Âm vị, hào Âm cư Dương vị** gọi là **Bất chính**.

**Trung chính & Bất trung chính** cốt để chỉ 2 sự kiện:

1) **Trung** là những người thành khẩn, trung thực, có lương tâm chức nghiệp, tận tụy vì công vụ.

2) **Chính** là những người được dùng vào những ngôi vị, những công việc xứng với tài đức của mình.

**Bất trung** chỉ những người gian ngoan, không thành khẩn.

**Bất chính** chỉ những người sống trong những địa vị bất xứng, không thích hợp với tài đức của mình, ví như dốt nát, bất tài mà lại ở địa vị cao (Âm cư Dương vị); hoặc có tài, có đức mà không được trọng dụng, không được đặt vào những chức vị xứng đáng (Dương cư Âm vị) Nhân đó ta suy ra được tình trạng hay dở rất nhiều.

### **ỨNG & TỈ**

Mỗi người trong xã hội lại có một số người hỗ trợ, hay không hỗ trợ, Dịch kinh diễn tả sự kiện này bằng **ỨNG HÀO** . **ỨNG HÀO** thì

1 ứng với 4

2 ứng với 5

3 ứng với 6

\***Âm ở dưới ứng Dương ở trên** thì phải hiểu là tiểu nhân dựa thế quân tử, tiểu nhân dựa thế lực người có quyền thế ở trên, như vậy đâu có hay.

\***Dương ở trên ứng với Âm ở dưới** thì phải hiểu là người trên hay, mà người dưới dở, không giúp ích được bao lâu.

\***Âm lại gặp Âm, Dương lại gặp Dương** thì thường phải hiểu là một người hoạt động đơn độc, không người hỗ trợ.

\***Nhưng ở Hào ngũ, Hào nhị**, nếu Cửu Ngũ mà lại gặp Cửu Nhị thì có thể hiểu là **Minh quân lại gặp Hiền thần**. (Xem **Kiểm**)

**TỈ** : là thân cận, là sống kế cận nhau.

**ỨNG** là nói 2 **Hào cách xa nhau**, **TỈ** là nói 2 **Hào kế cận nhau**. Phàm gần nhau phải **giống tính, giống nét nhau mới tốt**. Vì thế **Âm cận Hào Âm mới tốt, Dương cận Hào Dương mới hay**. Còn như Âm bên Dương, Dương bên Âm, vì một đảng Cương, một đảng Nhu, một đảng quân tử, một đảng tiểu nhân, một đảng hữu tài, một đảng vô tài, nên thường khùng khiêng, kèn cựa.

**Nếu Âm ở dưới Dương**, tức là kẻ bất tài nương nịnh người có tài.

**Nếu Âm ở trên Dương**, tức kẻ vô tài mà lại trèo đầu, cười cồ người có tài thì sẽ sinh lăm chuyen.



- Trường hợp quý lụy, nhường nhịn, Dịch gọi là THỪA

- Trường hợp đề đầu, cưới cô, Dịch cũng gọi là THỪA.

Như vậy, để đoán định **CÁT, HUNG**, Dịch theo những tiêu chuẩn sau đây:

1) Địa vị phải xứng kỳ đức mới hay.

2) Làm việc gì phải có người hỗ trợ, hưởng ứng, phụ bật mới hay.


3) Không hợp nhau, mà xa nhau thì còn khả trợ, vì không giao tiếp với nhau. Nhưng đã không hợp nhau mà phải sống bên nhau, thật là căn cứ mọi hung họa.

4) Thành khẩn mà dối dãi nhau mới hay. Giả dối mà dối dãi với nhau thật là điều tai hại.

5) Và như vậy, cả bộ Dịch khuyên ta phải ở những nơi, giữ những công việc thích hợp với tài đức mình, giao thiệp với những người đồng tâm, đồng chí với mình.vv...

## ÍT NHIỀU VÍ DỤ ĐỀ HIỆU VỀ 6 HÀO

(Ta đi từ Hào Sơ cho tới Hào Thượng)

1) Ví dụ Quẻ Tĩnh:  Sáu Hào ở đây mô tả các loại giếng, và các công dụng khác nhau của những giếng.

**Hào 1)** Đáy giếng bùn = Tiểu nhân không nên dùng.


**Hào 2)** Giếng có ngạch ngang hông, để mất hết nước.= Người không lý tưởng, không ích lợi gì.

**Hào 3)** Giếng tốt bỏ hoang không ai dùng = Người tài đức không được trọng dụng.

**Hào 4)** Giếng được xây sửa lại, tạm thời không dùng được = Công bộc Quốc Gia nhiều khi phải ngưng phục vụ để tu nghiệp lại.

**Hào 5)** Giếng trong có người ăn = Vị quốc quân có tài đức, thực ích lợi cho quốc dân.

**Hào 6)** Giếng nước ngon, có nắp đậy, lại đầy nước = Ở trên càng làm ích cho đời, càng nhiều cái hay.

2. Quẻ Đỉnh.  (Mô tả các phần và công dụng của cái đỉnh, cái vạc dùng để nấu thức ăn)


**Hào 1)** Đỉnh chông chân (để rửa bụi bậm bên trong: bất kỳ hoàn cảnh nào, nhân vật nào mà ta biết lợi dụng vẫn hay)

**Hào 2)** Vạc đầy thức ăn (Không nên thân cận tiểu nhân)

**Hào 3)** Tai đỉnh (Vạc thay tai: Quân tử lúc đầu không được trọng dụng, sau sẽ được hòa hợp với vua)

**Hào 4)** Đỉnh gãy chân: (Dùng tiểu nhân vào chức trọng, sẽ hỏng việc.

**Hào 6)** Khoen đỉnh (Ở đời mà cương nhu hòa hợp, trên dưới một lòng, thì hay biết mấy)

3. Quẻ Hàm.  (Dùng các phần mình trong người để diễn tả sự cảm xúc, cảm thông)

**Hào 1)** Cảm bằng ngón cái chân (Sức cảm hóa còn yếu ớt)


**Hào 2)** Cảm bằng bắp chân (Muốn cảm hóa người trên rất khó)

**Hào 3)** Cảm bằng vế đùi (Cảm hóa không phải là xu phụ quân chúng)

**Hào 4)** Cảm bằng tâm (Cảm hóa bằng cả tâm hồn mới tốt, không nên dùng thủ đoạn)

**Hào 5)** Cảm hóa bằng gáy vai (Cảm hóa mà hồn hợt sẽ không bền )

**Hào 6)** Cảm hóa bằng mép môi (Cảm hóa người bằng cửa miệng không hay)

**4. Quẻ Tiệm.**  (Dùng những cảnh trí thiên nhiên từ dưới bờ biển cho tới khung trời cao để mô tả sự tiệm tiến, tiệm thăng của chim Hồng hay của người Quân tử)

**Hào 1)** Chim Hồng đậu nơi bờ biển (Người quân tử mới vào đời, nếu chậm tiến chớ buồn)


**Hào 2)** Chim Hồng đậu nơi thạch bàn (Người Quân tử khi có địa vị vững chắc, đừng ăn không ngồi rồi, hãy làm điều gì ích quốc, lợi dân)

**Hào 3)** Chim Hồng đậu ở cao nguyên (Tiểu nhân muốn dứt giai đoạn mà tiến lên, vong ân bội nghĩa mà tiến lên thời đâu có hay. Quân tử sống kề cận với Tiểu nhân, nhưng nếu biết tự thủ, biết ngăn chặn tiểu nhân đừng bước vào đường tội lỗi, thời như ngăn được giặc vậy)

**Hào 4)** Chim Hồng đậu trên cây (Người ở địa vị cao mà biết nhu thuận, thì cao cũng không nguy)

**Hào 5)** Chim Hồng đậu núi cao. (Vua hay mà có hiền tài phụ bật, dầu gặp kẻ ly gián tạm thời hiểu lầm nhau, sau cũng sẽ hòa hợp)

**Hào 6)** Chim Hồng bay lên trên trời, lông rụng xuống vẫn có thể dùng (Thánh nhân siêu việt trần gian, nhưng vẫn làm ích cho đời)

**5. Quẻ Sư.**  (Mô tả mọi khía cạnh trong công cuộc hưng binh, động chúng)

**Hào 1)** Xuất quân phải có phép tắc.

**Hào 2)** Cầm quân phải có tướng tài.

**Hào 3)** Tướng dờ cầm quân là đem quân vào chỗ chết, là đem xe chở thầy.

**Hào 4)** Dùng binh có lúc phải biết thoái.

**Hào 5)** Điều động binh mã, có lúc là để bảo vệ sơn hà. Dùng tướng tài cầm quân, không được dùng tướng dờ.

**Hào 6)** Khi đã khai hoàn, phải khen thưởng quân tướng cho hân hoi, nhưng không được dùng kẻ bất tài, dùng tiểu nhân vào chính quyền.

*Cứ theo đường lối ấy mà nghiên cứu các Hào, ta sẽ thấy thường Hào nào cũng có nghĩa đen, nghĩa bóng. Tìm ra được thâm ý mỗi Hào, ta sẽ học được những bài học **tiếp nhân xử kỷ** rất là thâm thúy và khôn ngoan.*

Thường mỗi quẻ chỉ nói đến một vấn đề, nhưng đôi khi cũng nói đến 2, 3 vấn đề. Cho nên gặp quẻ nào cũng phải hiểu xem quẻ ấy muốn đề cập đến vấn đề gì, nhiên hậu mới khỏi lạc lõng, khi nghiên cứu Thoán, Tượng, Hào.

Nếu ta đọc một quẻ mà không biết nó muốn nói những gì, nếu ta không tìm ra được mạch lạc nối liền Thoán, Tượng, Hào, mà ta chỉ hiểu nổi đại khái vật vãnh, thì chắc chắn là ta chưa hiểu nổi Kinh Dịch.

## II. ÁP DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA DỊCH KINH VÀO CUỘC ĐỜI

**Áp dụng nguyên tắc Dịch kinh để đoán định công việc ta làm hay, hay dở**

Phàm một công việc ta làm, muốn biết là dở, hay hay, ta sẽ phân tách nó theo những tiêu chuẩn sau đây:

**-Lý:** Minh chính hay tà khuất.

**-Tình:** Thành khẩn hay giả dối, đặc ý hay không đặc ý. Ta thích làm hay làm miễn cưỡng.

**-Tài:** Ta là người có chân tài hay không?

**-Đức:** Ta là người có đức hay không?

**-Thời:** Công việc ta làm có hợp thời hay không?. Có hợp với tuổi ta không?.

**-Vị:** Địa vị và hoàn cảnh của ta chính đáng, hay không?, thích hợp với ta hay không?

**-Sự hiểu biết của ta về công việc:** Ta có am tường công việc này hay không?

**-Sự chuẩn bị của ta:** Làm công việc này ta có chuẩn bị chu đáo hay không?

**-Ứng:** Ta làm công việc này có người giúp hay không, có người hưởng ứng hay không? Có bị ai phá phách, gàn quai hay không?

**-Cát Hung:** Ta làm công việc này để thành công, hay là để thất bại?

**-Hối hận:** Ta làm công việc này có bị lương tâm khiển trách hay không? Có bị người đời đàm tiếu hay không. Ta sung sướng, hãnh diện mỗi khi nghĩ đến công việc ta làm, hay trái lại nó làm ta xấu hổ.

**-Lệ, Vô Cữu:** Khi làm công việc này, mỗi khi ta thấy ta sai đường, lạc lối, mỗi khi ta thấy ta làm lần, ta sẽ có thực tình sửa đổi đường lối hay không?

*Nếu xét từng tiêu chuẩn*, mà ta thấy phải trả lời là **không**, thì việc của ta là không hay, đừng có làm. Như vậy, là ta theo đúng đường lối của Trời Đất, theo đúng Mệnh Trời.

**MỖI KHI TA TÍNH TOÁN MỘT CÔNG VIỆC GÌ, MỖI KHI TA LÂM VÀO MỘT HOÀN CẢNH NÀO**, ta phải:

1) Nghiên cứu, tìm hiểu công việc hay hoàn cảnh ta cho tận tường.

-Tìm xem những yếu tố nào đã gây nên hoàn cảnh này.

-Xem ai làm chủ chốt, ai làm chốt, làm nọc trong hoàn cảnh này.

- Ta có can dự nào đối với hoàn cảnh. Trực tiếp bị ảnh hưởng, gián tiếp bị ảnh hưởng, hay không bị ảnh hưởng?

2) Nghiên cứu các lực lượng bạn và thù.

3) Nghiên cứu các vấn đề cần phải giải quyết.

4) Nghiên cứu xem các khó khăn vấp phải.

-Vượt tầm giải quyết của ta.

-Vừa tầm giải quyết của ta.

-Ta có thể giải quyết dễ dàng với tài sức ta.

5) Hoàn cảnh ta gặp, công việc ta tìm đang ở vào thời kỳ nào: đầu hay đuôi.

6) Hoàn cảnh ta đang gặp, thuận lợi hay không thuận lợi đối với ta.

**Tóm lại, Dịch Kinh muốn dạy ta những điều chính yếu sau đây trong cuộc sống hàng ngày:**

- Muốn làm việc gì phải thông suốt vấn đề, nghiên cứu tỉ mỉ, phân tách công việc ra thành từng giai đoạn, phải biết tiên liệu những đường đi, nước bước của mình, tiên đoán những trường hợp mình sẽ gặp phải, chương trình hoạt động của mình phải có mục phiêu sáng suốt rõ ràng, những phương thế để đạt mục phiêu ấy phải được hoạch định, nghiên cứu tỉ mỉ. Phải chọn người cộng tác có tài đức, khả dĩ thi hành được công việc cho đến thành công.

-Muốn đối phó hoàn cảnh cho xuôi xắn, phải biết tùy thời xử thế. Lúc cương, lúc nhu, khi mạnh thì cương, khi yếu thời nhu, phải luôn luôn theo đường lối tự nhiên, công chính và phổ quát.

-Trong khi hành sự, phải bình tĩnh, sáng suốt, bình dị, đừng có rối rắm, đừng có phức tạp cầu kỳ.

-Đừng làm gì để cho lương tâm, người đời chê trách. Đừng làm gì để di hại đến tinh thần, thể xác, hoàn cảnh, sự nghiệp, danh giá của mình.

-Gặp nguy biến, phải ẩn lánh để bảo toàn tấm thân.

-Gặp lúc thuận tiện, phải đem tài năng, đức độ ra giúp nước, giúp dân.

-Không cộng tác với bạo chúa, cường quyền.

-Chỉ cộng tác với người tài đức, vì dân, vì nước.

-Không thân cận với kẻ tiểu nhân, với người ác đức. Khi cần giao thiệp với họ, phải giữ gìn cho lắm.

-Phải tránh những sự giao thiệp giả dối.

-Đôi với mọi người, cần sự thành khẩn.

-Không có tài, đừng ham địa vị cao.

**-Không phải việc mình, đừng rây vào.** Những nguy hiểm có thể tránh được thì nên tránh, đừng có dấn thân vào. Nếu chúng ta giữ được như vậy, thì công việc chúng ta thi hành thường được trôi chảy, cuộc đời chúng ta luôn được vui tươi như ý.

Dịch Kinh đã dạy chúng ta những tôn chỉ chính xác, để hướng dẫn hành động chúng ta cho chúng ta trở nên hoàn bị. **Có những tư tưởng sáng suốt, những tôn chỉ chính xác, mục phiêu cao cả, những hành vi, cử chỉ, tác phong hợp lý hợp nghĩa, tức là có những phương tiện để tiến tới hoàn thiện, trở thành Thánh Hiền.**

## VÀI LỜI NÓI VỀ HAI QUÊ KIÊN KHÔN

Dịch kinh gồm 64 quẻ, được chia ra làm hai phần: Thượng kinh có 30 quẻ, và Hạ kinh có 34 quẻ.

Trong Thượng Kinh, có 2 quẻ đầu là Bát Thuần Kiên và Bát thuần Khôn, thì đặc biệt khác các quẻ sau.

**Từ xưa tới nay, Kiên, Khôn được xếp rất lộn xộn như sau:**

A. Thoán Từ

B. Hào Từ của 7 Hào (7 Hào thay vì 6 Hào ) Hào 7 gọi là Dụng Cửu.

C. Thoán Truyện.

D. Đại Tượng Truyện

E. Tiểu Tượng Truyện của 7 Hào .

F. Ngoài ra lại thêm phần Văn Ngôn, Bình giải lại Thoán Từ, Thoán Truyện và các Hào .

**Phần Văn Ngôn nơi quẻ Kiền xếp lộn sộn hơn nữa.** -Thoán a. - 6 Hào a -7 Hào b. -7 Hào c. -Thoán b. -6 Hào d. Do đó, người đọc hết sức là nản, và nhiều khi không hiểu quẻ định nói gì?

**Tôi (Tác giả) phải sắp xếp lại, cho có thứ tự, mạch lạc, theo đúng thứ tự từ Truân về sau.**

### **I. Thoán**

A. *Thoán Từ.* (Chính kinh của Văn vương)

B. *Thoán Truyện* (Lời giải thích của Khổng tử)

### **II. Đại Tượng Truyện** (của Khổng tử)

**III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện** (Các quẻ đều có 6 Hào, riêng quẻ Kiền Khôn có 7 Hào, (Hào 7 gọi là *Hào Dụng Cứu*)

### **IV. Văn Ngôn** (*Văn Ngôn chỉ riêng quẻ Kiền, Khôn có mà thôi*)

Văn Ngôn tôi xếp lại như sau:

-Thoán cả 2 đoạn a & b.

-Hào 1a, 1b, 1c, 1d, -Hào 2a, 2b, 2c, 2d,

-Hào 3a, 3b, 3c, 3d, -Hào 4a, 4b, 4c, 4d,

-Hào 5a, 5b, 5c, 5d, -Hào 6a, 6b, 6c, 6d,

**-Hào Dụng Cứu 7a, 7b.**

**Nơi Thượng kinh, sau phần Hán văn, tôi sẽ dịch quẻ Kiền, Khôn** theo tuần tự Thoán, Đại Tượng v. v. . . **bằng thơ toàn quẻ trước,**(vì 2 quẻ Kiền Khôn quá dài), tiếp là phần Bình Giảng toàn quẻ. (*Từ xưa tới nay, chưa có 1 Dịch giả nào dịch phần Hán văn ra Việt văn cả, mà chỉ Bình giảng không mà thôi*) **Cuối quẻ, là phần Áp dụng theo Thời đại.**

Tôi để phần dịch sau phần Hán Văn, tiếp theo là phần **Bình Giảng**, đoạn nào xếp theo đoạn đó. Tôi nghĩ như vậy sẽ dễ hiểu, dễ nhớ hơn. Mỗi đoạn trong quẻ như: **Thoán, Tượng, Hào** đều xếp đặt theo thứ tự sau:

1/ Hán Văn.

2/ Phiên âm Hán văn.

3/ Dịch phiên âm đó bằng thơ.

4/ Bình giảng đoạn đó.

**Cuối quẻ là phần Áp dụng quẻ vào Thời đại.** Mong sự sắp xếp trên sẽ làm vừa lòng quý vị độc giả.

*Nhân tử Nguyễn văn Thọ & phu nhân Huyền Linh Yến Lê cẩn chí.*

## 1. 乾為天 KIÊN VI THIÊN



### BÁT THUẦN KIÊN

#### I. Thoán

##### *Thoán Từ.*

乾 . 元 亨 利 貞 .

**Kiên. Nguyên hanh lợi trinh.**

Dịch:

*Kiên là cội gốc muôn loài.*

*Làm cho vạn vật tốt tươi mọi đường.*

*Làm cho lợi ích hanh xương.*

*Lại cho thành tựu vô cương mới là.*

##### *Thoán Truyện.*

彖曰 . 大哉乾元 . 萬物資始 . 乃統天 . 云行雨施 . 品物流形 . 大明始終 . 六位時成 . 時乘六龍以御天 . 乾道變化 . 各正性命 . 保合大和 . 乃利貞 . 首出庶物 . 萬國咸寧 .

*Thoán viết. Đại tai Kiên nguyên. Vạn vật tư thủy. Nãi thống Thiên. Vân hành vũ thí. Phẩm vật lưu hình. Đại minh chung thủy. Lục vị thời thành. Thời thừa Lục long dĩ ngự thiên. Kiên Đạo biến hóa. Các chính tính mệnh. Bảo hợp Thái hoà. Nãi lợi trinh. Thủ xuất thứ vật. Vạn quốc hàm ninh.*

Thoán viết:

*Lớn thay là cái gốc trời!*

*Làm cho vạn vật, vạn loài sinh sôi*

***Kiên nguyên tóm hết Đạo Trời.***

*Tóm thấu Thiên Đạo, khúc hô sinh thành.*

*Rời ra vũ thí, vân hành,*

*Làm cho vạn vật hình thành đời nơi.*

*Thánh Nhân thấu suốt đầu đuôi.*

***Biết sáu giai đoạn cơ trời biến thiên.***

*Thế là cười sáu rồng thiêng,*

*Vượt muôn biến hóa, băng miền trời mây.*

*Cơ Trời biến hóa vẫn xoay,*

*Làm cho vạn vật thêm hay, thêm tình.*

*Kiên toàn tính mệnh của mình,*

*Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.*

*Thế là lợi ích không bờ.*



*Thế là vĩnh cửu, thế là lợi trình.  
Thánh nhân vượt trời chúng sinh.  
Làm cho muôn nước an bình khắp nơi.*

## II. Đại Tượng Truyện

象曰. 天行健. 君子以自疆不息.

*Tượng viết: Thiên hành kiện. Quân tử dĩ tự cường bất tức.*

*Tượng rằng:*

*Trời cao mạnh mẽ xoay vần.  
Nên người quân tử quyết tâm tự cường.  
Không hề ngưng nghỉ triển dương . . .*

## III. Hào Từ & Tiêu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 潛龍. 勿用.

象曰. 潛龍勿用. 陽在下也.

**Sơ Cửu. Tiềm long vật dụng.**

*Tượng viết.*

**Tiềm long vật dụng. Dương tại hạ dã.**

Dịch:

*Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng.  
Tượng rằng: Rồng ẩn chớ dùng.  
Là vì Dương hã còn nằm dưới Sơ.*

### 2. Hào Cửu nhị.

九二. 見龍 在田. 利見大人.

象曰. 見龍在田. 德施普也

**Cửu nhị. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân.**

*Tượng viết.*

**Hiện long tại điền. Đức thi phổ dã.**

Dịch:

*Rồng hiện trong đồng.  
Nếu mà gặp đáng Cửu trùng thời hay  
Tượng rằng: Rồng hiện trong đồng  
Thi ân, bá đức, xa gần dã hay.*

### 3. Hào Cửu tam.

九三 . 君子終日乾乾 . 夕惕若 . 厲無咎 .

象曰 . 終日乾乾 . 反復道也 .

**Cử tam. Quân tử chung nhật kiên kiên. Tịch dịch nhược. Lệ. Vô cửu.**

*Tượng viết.*

**Chung nhật kiên kiên. Phản phục Đạo dã.**

Dịch:

*Suốt ngày quân tử lo toan,  
Chiều buông, dạ vẫn bàng hoàng chữa yên.  
Sự đời nguy hiểm tận phiền.  
Nhưng ta trọn Đạo một niềm lồi chi?  
Tượng rằng: Suốt buổi lo toan,  
Áy là đáp đối sớm hôm Đạo trời.*

#### **4. Hào Cử tứ.**

九四 . 或躍在淵 . 無咎 .

象曰 . 或躍在淵 . 進無咎也 .

**Cử tứ. Hoặc dục tại uyên. Vô cửu.**

*Tượng viết.*

**Hoặc dục tại uyên. Tiến vô cửu dã.**

Dịch:

*Vẫy vùng trong chốn vực sâu.  
Vực sâu vùng vẫy, có đâu lồi làm.  
Tượng rằng: Vùng vẫy vực sâu.  
Tiến lên nào có lồi đâu cho mình.*

#### **5. Hào Cử ngũ.**

九五 . 飛龍在天 . 利見大人 .

象曰 . 飛龍在天 . 大人造也 .

**Cử ngũ. Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân.**

*Tượng viết.*

**Phi long tại thiên. Đại nhân tạo dã.**

Dịch:

*Rồng bay, bay bổng trên trời,  
Đại nhân gặp được nữa thời càng hay.*

*Tượng rằng:*

*Rồng bay, bay bổng khung trời,  
Đại nhân đang độ trở tài kinh luân.*

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九。亢龍有悔。

象曰。亢龍有悔。盈不可久也。

**Thượng Cửu. Kháng long hữu hối.**

*Tượng viết.*

**Kháng long hữu hối. Doanh bất khả cửu dã.**

Dịch:

*Rồng bay quá trớn chẳng hay.*

*Rồng bay quá trớn, có ngày ăn năn.*

**Tượng rằng:** *Rồng bay quá trớn ăn năn,*

*Đầy rồi, sao có khả năng cửu trường?*

## 7. Hào Dụng Cửu.

用九。見群龍無首。吉。

象曰。用九。天德不可為首也。

**Dụng Cửu. Kiến quần long vô thủ. Cát.**

*Tượng viết.*

**Dụng Cửu. Thiên đức bất khả vi thủ dã.**

Dịch:

*Đàn rồng chẳng có con đầu,*

*Sự tình đến thế, thời âu tốt lành.*

**Tượng rằng:**

*Rồng bay chẳng có con đầu,*

*Thế là thiên đức bằng nhau còn gì!*

## IV. VĂN NGÔN

### I. VĂN NGÔN bình giải Thoán Từ, Thoán Truyện

#### A. Thoán Từ

文言曰。元者。善之長也。亨者。嘉之會也。利者。義之和也。貞者。事之幹也。君子體仁。足以長人。嘉會足以合禮。利物足以和義。貞固。足以幹事。君子行此四德者。故曰：乾元亨利貞。

**Văn Ngôn viết.** Nguyên giả. Thiện chi trường dã. Hanh giả. Gia chi mỹ dã. Lợi giả. Nghĩa chi hòa dã. Trinh giả. Sự chi cán dã. Quân tử thể nhân túc dĩ trường nhân. Gia hội túc dĩ hợp lễ. Lợi vật túc dĩ hòa nghĩa. Trinh cố túc dĩ cán sự. Quân tử hành thử tứ đức giả. **Cố viết.** Kiên. Nguyên. Hanh. Lợi. Trinh.

Dịch:

**1. Nguyên là tốt nhất trên ai.**

*Hanh là muôn vẻ đẹp tươi hội vẻ*

*Lợi là nghĩa lý đề huề*

*Trinh là gốc gác mọi bề ở ăn.*

**2. Mới hay quân tử thể nhân,**

**Tinh tuyền đức hạnh, xa gần phục theo.**

*Hành vi đẹp đẽ mọi chiều,*

*Hợp theo nghi lễ, chẳng điều sai ngoa,*

*Làm cho lợi ích gần xa,*

*Theo đường nghĩa lý, hợp hòa dưới trên.*

*Một lòng cương quyết vững bền.*

*Việc gì cũng sẽ chu tuyền công lao.*

**3. Giữ tròn tứ đức trước sau,**

*Đã là quân tử gót đầu chẳng quên.*

*Thế là đức hạnh tinh tuyền.*

**Cần, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh đem thực hành.**

### **B. Thoán Truyện**

乾始能以美利利天下，不言所利。大矣哉！大哉乾乎？剛健中正，純粹精也。六爻發揮，旁通情也。時乘六龍以御天也。雲行雨施，天下平也。

Kiên nguyên giả. Thủy nhi hanh giả dã. Lợi trinh giả. Tính tình dã. Kiên thủy năng dĩ mỹ lợi thiên hạ. Bất ngôn sở lợi. Đại hỹ tai. Đại tai kiên hồ. Cương kiện trung chính. Thuần túy tinh dã. Lục Hào phát huy. Bàng thông tình dã. Thời thừa Lục long dĩ ngự thiên dã. Vân hành vũ thí. Thiên hạ bình dã.

Dịch:

**1. Cần là cội rễ mới mạnh,**

**Đã sinh rồi lại tác thành quần sinh.**

*Làm cho vạn vật xương vinh,*

*Làm cho vạn vật tính tình thoả thuê.*

*Được hay, được lợi mọi bề,*

*Lại cho Trường Cửu, chẳng hề đơn sai.*

*Sinh rồi cho đẹp, cho lời.*

*Làm lời thiên hạ, không nhờ khoe khoang.*

*Thật là cao đại muôn vàn.*

**2. Đạo trời trọng đại xiết bao!**

*Cương cường, trung chính, bề nào cũng hay*

**Tinh toàn, hoàn thiện xưa nay,**

*Tinh hoa thuần túy, ai tây ai đương.*

**3. Sáu Hào lần lượt hiển dương.**

*Nào tình, nào ý, tận tường vân vi.*

**4. Tùy thời biến ảo, suy đi.**  
Sáu rồng lần lượt đi về trời mây.  
Mưa rơi, thổi lại mây bay,  
Làm cho vạn vật, đó đây thái bình.

## II. Văn Ngôn bình giải các Hào

### 1. Hào Sơ Cửu.

a) 初九曰：「潛龍勿用。」何謂也？

子曰：「龍德而隱者也。不易乎世，不成乎名。

遯世無悶，不見是而無悶。樂則行之，

憂則違之。確乎其不可拔，乾龍也。」

Sơ Cửu viết. Tiềm long vật dụng hà vị dã?

**Tử viết.** Long đức nhi ẩn giả dã. Bất dịch hồ thế. Bất thành hồ danh. Độn thế vô muộn. Bất kiến thị nhi vô muộn. Lạc tác hành chi. Ưu tác vi chi. Xác hồ kỳ bất khả bạt. Tiềm long dã.

Dịch:

a)- Sơ rằng: Rồng ẩn chớ dùng,  
Tại sao rồng ẩn, chẳng ứng thi tài?

**Đức Khổng đáp:**

Đức cao mà lại ẩn mình,  
Đời thay, mình vẫn là mình chẳng thay.  
Tiếng tăm chẳng bợn mây may.  
Đời không biết tiếng, mà nay chẳng buồn,  
**Chẳng cầu danh vọng trần hoàn,**  
Gặp thời, Đạo lý âu mang thi hành,  
Thời cơ chẳng thuận cho mình,  
Âu cùng Đạo lý mai danh ẩn tàng.  
Luôn luôn khí phách đường hoàng;  
Chẳng gì khuynh đảo tâm xoang của người.  
Ấy là rồng ẩn trong đời.

b) 乾龍勿用，下也。

**Tiềm long vật dụng hạ dã.**

Dịch:

Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng,  
Rồng còn ở dưới, vậy vùng chửa nên.

c) 乾龍勿用，陽氣潛藏。

## **Tiềm long vật dụng. Dương khí tiềm tàng.**

Dịch:

*Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng,  
Là vì Dương khí còn trong tiềm tàng.*

d) 君子以成德為行，日可見之行也。潛之為言也，隱而未見，行未成，是以君子弗用也。

**Quân tử dĩ thành đức vi hành. Nhật khả kiến chi hành dã. Tiềm chi vi ngôn dã. Ẩn nhi vị hiện. Hành nhi vị thành. Thị dĩ quân tử phát dụng dã.**

Dịch:

*Thuận theo Thiên đức thì hành.  
Hàng ngày quân tử đĩnh ninh chẳng rời.  
Tiềm tàng là lánh truyện đời;  
Khi mà công việc đang thời dở dang.  
Vậy nên quân tử chưa làm.  
Khi chưa gặp vận, tiềm tàng là hay.*

## **2. Hào Cửu nhị.**

a) 九二曰：「見龍在田，利見大人。」何謂也？

子曰：「龍德而正中者也。庸言之信，庸行之謹，  
閑邪存其誠，善世而不伐，德博而化。

易曰：「見龍在田，利見大人。」君德也。」

**Cửu nhị viết. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân hà vị dã. Tử viết. Long đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín. Dung hạnh chi cẩn. Nhân tà tồn kỳ thành. Thiện thế nhi bất phạt. Đức bác nhi hóa.**

**Dịch viết. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân. Quân đức dã.**

Dịch:

*Hào hai rồng hiện trong đồng,  
Nếu mà gặp đáng Cửu trùng thời hay.  
Nghĩa là làm sao?*

### **Đức Khổng đáp:**

*Thế là đức hạnh cao đầy  
Lại thêm trung chính, thẳng ngay, hoàn toàn.  
Nói ra lời đã đủ tin.  
Việc làm thường nhật trang nghiêm, hấn hời.  
Thấy điều tà khuất xa rời,  
Có công giữ vẹn tính Trời mới nghe.  
Chỉnh trang thời thế, chẳng khoe,*



*Đức nhân cảm hóa mọi bề gần xa.  
Dịch rằng: đồng ruộng rộng ra,  
Đại nhân nếu gặp thật là mắn may.  
Đại nhân nói tới nơi đây,  
Chính là Thiên tử, đáng thay quyền trời.*

b) 見龍在田，時舍也。

**Hiện long tại điền. Thời xả dã.**

Dịch:

*Hào hai rồng hiện trong đồng,  
Ấy là thời thế chưa dùng người nhân.*

c) 見龍在田，天下文明。

**Hiện long tại điền. Thiên hạ văn minh.**

Dịch:

*Hào hai rồng hiện trong đồng,  
Thế gian nhờ đó tung bừng văn minh.*

d) 君子學以聚之，問以辯之，寬以居之，仁以行之。

易曰：「見龍在田，利見大人。」君德也。

**Quân tử học dĩ tụ chi. Vấn dĩ biện chi. Khoan dĩ cư chi. Nhân dĩ hành chi.  
Dịch viết. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân. Quân đức dã.**

Dịch:

*Học hành quân tử lo toan,  
Học hành cốt để vẹn toàn kiến văn.  
Hỏi han rành rẽ, biện phân.  
Bao dung, khoáng đạt, đức nhân huy hoàng.  
**Dịch rằng:** rồng hiện trong đồng,  
Nếu mà gặp được Cửu trùng thời hay,  
Đại nhân nói tới nơi đây,  
Ấy là Thiên tử, đáng thay quyền Trời.*

### 3. Hào Cửu tam.

a) 九三曰：「君子終日乾乾，夕惕，若厲，無咎。」何謂也？

子曰：「君子進德修業，忠信，所以進德也。修辭立其誠，所以居業也。知至至之，可與幾也。知終終之，可與存義也。是故，居上位而不驕，在下位而不憂。故乾乾因其時而惕，

**雖危而無咎矣。」**

**Cửu tam viết. Quân tử chung nhật kiên kiên. Tịch dịch nhược. Lệ vô cữu. Hà vị dã?**

**Tử viết. Quân tử tiên đức tu nghiệp. Trung tín. Sở dĩ tiên đức dã. Tu từ lập kỳ thành. Sở dĩ cư nghiệp dã. Tri chí chí chi. Khả dữ cơ dã. Tri chung chung chi. Khả dữ tồn nghĩa dã. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu. Tại hạ vị nhi bất ưu. Cố kiên kiên nhân kỳ thời nhi dịch. Tuy nguy vô cữu hĩ.**

Dịch:

*Suốt ngày quân tử lo toan,  
Chiều buông, dạ vẫn bàng hoàng chưa yên.  
Sự đời nguy hiểm, tàn phiền,  
Nhưng ta trọn Đạo một niềm, lỗi chi?  
Thế nghĩa là làm sao?*

**Đức Khổng đáp:**

*Đức mình, quân tử trau dồi,  
Đồng thời sự nghiệp, chẳng ngại kiện toàn,  
Muốn cho đức cả huy hoàng,  
Một niềm trung tín, sắt son ai tầy,  
Sửa sang lời nói cho ngay,  
Nói lời thành tín, nghiệp xây vững bền.  
Biết nơi phải đến, đến liền,  
Thế là biết được cơ duyên ở đời.  
Biết tìm chung cuộc hẳn hoi,  
Thấy rồi thực hiện, lẽ Trời đành hay.  
Cho nên quân tử xưa rầy,  
Cao không ngạo nghễ, thấp nay chẳng buồn.  
Những là hoạt động, lo toan,  
Tùy thời, xử thế, khôn ngoan đề phòng.  
Lâm nguy, vẫn vẹn tác phong,  
Không hề lâm lỗi, ai hòng cười chê.*

**b) 終日乾乾，行事也。**

**Chung nhật kiên kiên. Hành sự dã.**

Dịch:

*Suốt ngày lo lắng, tính toan,  
Ấy là sức vóc, lam làm liên canh.*

**c) 終日乾乾，與時偕行。**

**Chung nhật kiên kiên. Dữ thời giai hành.**

Dịch:

Suốt ngày lo lắng, tính toán,  
Thế là theo nhịp thời gian tiến dần.

d) 九三: 重剛而不中, 上不在天, 下不在田。

故乾乾因其時而惕, 雖危無咎矣。

**Cửu tam. Trùng cương nhi bất trung. Thượng bất tại thiên. Hạ bất tại điền. Cố kiên kiên nhân kỳ thời nhi dịch. Tuy nguy vô cữu hĩ.**

Dịch:

*Cửu tam: Cương cường, nhưng lại bất trung,  
Cao không tới, thấp không thông, mới rầy.  
Biết lo, biết lắng, mới hay,  
Lo làm công chuyện, suốt ngày quản bao.  
Dẫu nguy, nào lỗi chi nào,  
Tuy rằng nguy hiểm, ai nào trách ta.*

#### 4. Hào Cửu tứ.

a) 九四: 「或躍在淵, 無咎。」何謂也?

子曰: 「上下無常, 非為邪也。進退無恆, 非離群也。

君子進德修業, 欲及時也, 故無咎。」

**Cửu tứ. Hoặc dục tại uyên. Vô cữu. Hà vị dã.**

**Tử viết. Thượng hạ vô thường. Phi vi tà dã. Tiến thoái vô hằng. Phi ly quần dã. Quân tử tiến đức tu nghiệp. Dục cập thời dã. Cố vô cữu.**

Dịch:

*Vẫy vùng trong chốn vực sâu,  
Vực sâu vùng vẫy, có đâu lỗi làm?  
Thế nghĩa là làm sao?*

**Đức Khổng đáp:**

*Sự đòi lên, xuống bất kỳ,  
Miễn sao tránh khỏi tà phi, được rồi.  
Cũng khi tiến thoái, tùy thời,  
Luôn luôn giữ vẹn tính Trời, mới hay.  
Con người quân tử xưa nay,  
Nghiệp tu, đức tiến, kịp ngay với đòi.  
Đã theo kịp được thời Trời,  
Làm sao có thể làm sai được nào?*

b) 或躍在淵, 自試也。

**Hoặc dục tại uyên. Tự thí dã.**

Dịch:

Vấy vùng ở chốn vực sâu,  
Tự mình thử thách xem bao đức tài?

c) 或躍在淵，乾道乃革。

**Hoặc được tại uyên. Kiên Đạo nãi cách.**

Dịch:

Vấy vùng ở chốn vực sâu,  
Ấy là **Thiên Đạo** có mâu đổi thay.

d) 九四：重剛而不中，上不在天，下不在田，中不在人，  
故或之。或之者，疑之也，故無咎。

Cửu tứ. Trùng cương nhi bất trung. Thượng bất tại thiên. Hạ bất tại điền. Trung bất tại nhân. Cố hoặc chi. Hoặc chi giả. Nghi chi dã. Cố vô cữu.

Dịch: **Cửu tứ:**

Trùng Cương mà lại bất trung,  
Trên không thông, dưới không thông, mới rầy  
Xa Trời, xa đất, xa người,  
Cho nên trong dạ có bài nghi nan.  
Đã nghi, thời sẽ khôn ngoan,  
Khôn ngoan, nên thoát đả đoan, lỗi lầm.

### 5. Hào Cửu ngũ.

a) 九五曰：「飛龍在天，利見大人。」何謂也？

子曰：「同聲相應，同氣相求；水流濕，火就燥；雲從龍，  
風從虎。聖人作，而萬物睹，本乎天者親上，  
本乎地者親下，則各從其類也。」

**Cửu ngũ viết. Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân. Hà vị dã.**

**Tử viết. Đồng thanh tương ứng. Đồng khí tương cầu. Thủy lưu thấp. Hỏa tựu táo. Vân tòng long. Phong tòng hổ. Thánh Nhân tác nhi vạn vật睹. Bản hồ thiên giả thân thượng. Bản hồ địa giả thân hạ. Tắc các tòng kỳ loại dã.**

Dịch:

Rồng bay, bay bóng lưng trời,  
Đại nhân gặp được, nữa thời càng hay.  
Thế nghĩa là làm sao?

**Đức Khổng đáp:**

Dạy rằng đồng khí tương cầu,  
Đồng thanh tương ứng, trước sau lẽ Trời.  
Nước tìm chỗ ướt chảy xuôi,

*Lửa thời cao ráo, là nơi hướng về.  
Mây theo rộng, mới thỏa thuê,  
Gió theo được hổ, đề huề mới nên.  
Thánh Nhân hoạt động chính chuyên,  
Để cho vạn vật nhìn xem bấy chầy.  
Gốc Trời hướng thượng xưa nay,  
Gốc Đất hướng hạ, chẳng thay, chẳng rời.  
Thế là loài lại theo loài,  
Loài nào, loài ấy có sai bao giờ.*

**b) 飛龍在天，上治也。**

**Phi long tại thiên. Thượng trị dã.**

Dịch:

*Rồng bay, bay bổng khung trời,  
Thế là chính cách trị đời cao siêu.*

**c) 飛龍在天，乃位乎天德**

**Phi long tại thiên. Nãi vị hồ thiên đức.**

Dịch:

*Rồng bay, bay bổng khung trời,  
Thế là theo đúng đức trời ở ăn.*

**d) 夫大人者，與天地合其德，與日月合其明，與四時合其序，與鬼神合其吉凶。先天而天弗違，後天而奉天時。天且弗違，而況於人乎？況於鬼神乎？**

**Phù đại nhân giả. Dữ thiên địa hợp kỳ đức. Dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh. Dữ tứ thời hợp kỳ tự. Dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên phát vi. Hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phát vi. Nhi hướng ư nhân hồ. Hướng ư quỷ thần hồ?**

Dịch:

*Đại nhân đức hạnh bao la,  
Như Trời, như Đất cao xa muôn trùng.  
Sáng như Nhật Nguyệt hai vầng,  
Sống đời tiết tấu, hợp khung bốn mùa.  
Những điều lành, dữ, ghét, ưa,  
Quỷ thần đường lối đem so khác nào.  
Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,  
Sau Trời, cho hợp cơ mầu thời gian.  
Trời không trách cứ, phàn nàn,  
Thời người còn dám than van, nổi gì?*

*Trời, Người, chẳng trách, chẳng chê,  
Quý thân âu cũng chẳng hề oán than.*

### **6. Hào Thượng Cửu.**

a) 上九曰：「亢龍有悔。」何謂也？

子曰：「貴而無位，高而無民，賢人在下而無輔，是以動而有悔也。」

**Thượng Cửu viết. Kháng long hữu hối. Hà vị dã?**

**Tử viết. Quý nhi vô vị. Cao nhi vô dân. Hiền nhân tại hạ vị nhi vô phụ. Thị dĩ động nhi hữu hối dã.**

Dịch:

*Rồng bay quá trớn ăn năn,  
Câu này phải hiểu nghĩa rằng thế nào?  
Tử rằng: Quý lại không ngôi,  
Tuy cao mà chẳng có người, có dân.  
Thiếu người phù ủng, đỡ dân,  
Hiền nhân ở dưới, chẳng nâng đỡ người  
Người mà như vậy, thời thôi,  
Làm chi âu cũng có hối ăn năn.*

b) 亢龍有悔，窮之災也。

**Kháng long hữu hối. Cùng chi tai dã.**

Dịch:

*Rồng bay quá trớn ăn năn,  
Đến cùng, đến cực, đành rằng nguy tai.*

c) 亢龍有悔，與時偕極。

**Kháng long hữu hối. Dữ thời giai cực.**

Dịch:

*Rồng bay quá trớn ăn năn,  
Nhưng là hao kiệt tâm thân theo thời.*

d) 亢之為言也，知進而不知退，知存而不知亡，知得而不知喪。其唯聖人乎？知進退存亡，而不失其正者，其為聖人乎？

**Kháng chi vi ngôn dã. Tri tiến nhi bất tri thoái. Tri tồn nhi bất tri vong. Tri đắc nhi bất tri táng. Kỳ duy Thánh Nhân hồ! Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính giả. Kỳ duy Thánh Nhân hồ!**

Dịch:

*Rồng bay quá trớn hóa sui,  
Áy là biết tiến, mà lui chẳng tường  
Chẳng hay sống, chết, đôi đường.*



*Sống thời biết sống, chết nhường chẳng hay.  
Nguyên là muốn được mãi đây,  
Chẳng bao giờ muốn có ngày mất đi.  
Thánh Nhân riêng hiểu cơ vi,  
Tồn vong, tiến thoái, minh tri cơ Trời.  
Tiến lui, luôn hợp lẽ Trời,  
Tới lui hợp lý, ai ngoài Thánh nhân?*

## 7. Hào Dụng Cửu

a) 乾元用九，天下治也。

**Kiên nguyên dụng Cửu. Thiên hạ trị dã.**

Dịch:

*Kiên nguyên biến hoá xong rồi,  
Bấy giờ thiên hạ nơi nơi trị bình.*

b) 乾元用九，乃見天則。

**Kiên nguyên dụng Cửu. Nãi kiến thiên tắc.**

Dịch:

*Kiên nguyên biến hóa xong rồi,  
Bấy giờ mới thấy Luật Trời hiện ra.*

## BÌNH GIẢNG

Muốn hiểu quẻ Kiền cũng như các quẻ Dịch sau này, trước hết phải hiểu bốn chữ **Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh**.

**A. Ở các quẻ ngoài Kiền và Khôn, thời Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh** được bình giảng như sau:

-**Nguyên** là lớn mạnh, hào hùng, cao đại.

-**Hanh** là thông suốt, chôi chẩy, không bị bế tắc.

-**Lợi** là lợi ích, hay thích nghi, thích đáng.

-**Trinh** là chính, là bền (Trinh cố, chính trực, bền vững) Chúng dạy ta bài học thực tế sau đây:

Ở đời muốn thoát khỏi mọi bế tắc, muốn lướt thắng được mọi trở lực, chúng ta phải lớn, phải mạnh. Muốn được lợi ích lâu bền, và đích thực, phải theo chính Đạo, Chính Lý.

**B. Nhưng ở quẻ Kiền, và Khôn, thời Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh** lại có nghĩa khác:

- **Nguyên** là nguyên thủy, căn do, gốc gác.

- **Hanh** là biến hoá, trường thịnh, hanh thông.

- **Lợi** là thoả mái, ích lợi.

- **Trinh** là thành đạt, bền vững, vĩnh cửu.

Tiên Nho thường dùng bốn chữ này, để mô tả bốn giai đoạn của cuộc **Tiến Hoá quần sinh**:

- Căn nguyên Trời làm cho vạn vật trở sinh. (**Nguyên**)

- Nhờ căn nguyên ấy, nhờ nguồn sống vô biên ấy, vạn vật trở nên lớn mạnh, phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực. (**Hanh**)

- Nhờ vậy sẽ có những ứng dụng vô biên, và sẽ được thoải mái, thành thoi, toại ý. (**Lợi**)

- Cuối cùng sẽ đi đến chỗ thành tựu, đến chỗ hoàn thiện. (**Trinh**)

Như vậy chỉ dùng bốn chữ Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh mà vẽ được tất cả vòng biến thiên, tiến hoá của Trời Đất, từ lúc manh nha (Nguyên) cho đến lúc kết quả (Trinh)

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh ứng vào bốn mùa là **Xuân, Hạ, Thu, Đông**; ứng vào tiết tấu biến dịch là **Sinh, Trưởng, Liễm, Tàng**.

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh nơi con người ứng vào tứ đức **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí**. Nói cách khác, **Nguyên** là **Tận thiện**, **Hanh** là **Tận Mỹ**, **Lợi** là **Thái Hòa**, **Trinh** là **Hoàn Thiện**

**Nơi vũ trụ**, thì vòng tiến hoá có chiều phóng xuất. Tiên Nho gọi là **Xuất cơ**, nó gồm Nguyên, Hanh. Và chiều **Nhập cơ**, nó gồm Lợi, Trinh.

**Nơi con người**, thì vòng Tiến Hoá bắt đầu từ căn bản con người, là **Thiên Tâm** (Nguyên), diễn biến dần dần qua các bình diện **Tâm, Trí, Xác, Gia đình, Quốc gia, Xã hội, Hoàn cảnh, Vật Chất**, để cuối cùng lại quay trở về các bình diện nội tâm, tình, tính, để cho con người **nhập thần**, đạt **Thiên Vị**. Vì thế Dịch nói: **Lợi trinh tính, tình dã** (Văn Ngôn)

**Thánh nhân** là người đã nhận chân được cái căn nguyên Trời nơi lòng mình, nên sẽ dùng không gian, thời gian, hoàn cảnh làm môi trường, để phát huy mọi khả năng biến hóa của mình, để đi tới tận thiện, chỉ dạy cho con người đi đến tận thiện, làm cho mọi người sống trong cảnh thái bình, hoan lạc. Cho nên **HỌC DỊCH ĐỂ BIẾT CĂN CỐT MÌNH, BIẾT MỤC PHIÊU MÌNH PHẢI ĐẠT TỚI, BIẾT NHỮNG PHƯƠNG TIỆN MÌNH CÓ THỂ CÓ, ĐỂ THỰC HIỆN MỤC PHIÊU ẤY**.

Căn cốt mình là **Kiên nguyên**, tức là **Tính Trời**, là **Căn Trời**. Mục phiêu mình phải liễu đạt là **THIÊN TÍNH, THIÊN VỊ**. Phương tiện mình có thể dùng là không gian, thời gian, hoàn cảnh, các khám phá của tiên nhân, sự cố gắng của chính mình, sức biến hóa của chính mình và của vũ trụ. Mạnh Tử nói: **Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu. Thuấn** (Ta học Dịch phải có mục đích làm Đại nhân như Nghiêu, Thuấn) Thật là chí lý vậy.

Quê Kiên bàn về:

A- Trời, và Đạo Trời.

B- Thánh Nhân.

C- Quân tử.

D- Những nguyên tắc tổng quát để tu thân, xử thế.

## A. - VẤN ĐỀ TRỜI

Trước tiên, ta phải nhận định rằng người xưa có nhiều thành ngữ để chỉ Trời, để chỉ Tuyệt Đối, hay Thực Thể của vũ trụ

-Khi muốn đề cập đến Trời một cách tổng quát thì gọi là Đạo.

-Khi nói đến tính tình của Trời, thì dùng chữ Kiên.

-Khi nói đến hình thể Trời thì dùng chữ Thiên.

-Khi đề cập đến Trời như vị chủ tể, thì dùng chữ Đế.

- Khi muốn về các hoạt động, các sự biến hóa của Trời thì dùng hai chữ Quý Thần.
- Khi nói về diệu dụng của Trời thì dùng chữ Thần.
- Khi xét về phương diện bản thể của vũ trụ, thì gọi là Dịch.

Dịch kinh muốn người bắt chước Trời, nên giống như Trời. Cho nên, nói về Trời, về tính Trời, thì dùng những chữ **Cương kiện, Trung chính, Thuần túy, Chí tình.**

Dạy người, thì muốn cho người luôn luôn cương kiện, luôn luôn gắng gỏi công trình, thực hiện được trung chính, thực hiện thấu đáo được tinh hoa của Trời Đất, để rốt ráo trở nên thuần túy, chí thiện. Đó cũng là chủ trương của Đại Học và Trung Dung.

Cho nên, **Dịch không phải dạy nghề bói toán để ta có một kế mưu sinh đoạn tháng, qua ngày,** mà chính là trao cho con người một **phương pháp để trở về với Trời,** muốn cho con người trở nên **Khiết, Tinh, Tinh vi,** biến hóa theo thời gian, tuổi tác, hoàn cảnh, chứ không phải để cho thời gian, tuổi tác, hoàn cảnh lôi cuốn, mà ngược lại **dùng tuổi tác, hoàn cảnh, thời gian, lịch sử làm công cụ để siêu phàm, nhập thánh.**

**Bàn về Đạo Trời,** Văn Vương dùng có 5 chữ **Kiên, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.** Thực là vấn tất hết sức, mà cũng hàm súc hết sức. Giải rộng ra, ta thấy Trời là nguồn gốc sinh ra muôn loài, làm cho muôn loài xương vinh, toại ý, để cuối cùng đạt được lý tưởng hoàn thiện, tinh hoa, và Trường Cửu vô biên.

Muốn thực hiện mục phiêu ấy, Trời dùng sự biến hóa, biến dịch tức là hiển lộ thần thông, phép tắc, để muôn loài theo đà thời gian, **theo trào lưu Tiến Hoá,** dần dần sẽ thực hiện được **trạng thái thái hoà lý tưởng cuối cùng,** theo ý Trời. Vì thế Thoán nói:

*Kiến toàn Tính mệnh của mình.*

*Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.*

Mới hay:

*Thóc gieo thành lúa, thành bông.*

*Tuần hoàn, thóc vẫn thủy chung là mình.*

*Trời dầu vạn trạng, thiên hình,*

*Nhưng mà chung thủy, sự tình chẳng hai. . .*

## B. ĐẠO THÁNH NHÂN

Dịch kinh và Chư Nho chủ trương:

1. Thánh Nhân là những người **đắc Thiên vị, hành Thiên Đạo.**

2. Nên Thánh Nhân hành động bao giờ cũng hợp thời, biết cơ Trời, biết nhẽ tiến hoá, tồn vong, đắc thất, nên không bao giờ phải hối hận. Thánh Nhân khi đạt Thiên vị, sẽ đem Thiên Đạo ra thi hành, sẽ dùng người tài đức dạy dỗ dân, sẽ treo gương hoàn thiện cho dân soi, và sẽ cố gắng mang thái bình, thịnh trị về cho thiên hạ.

Tóm lại, Thánh Nhân, Thánh Vương sẽ bắt chước Trời mà hành động. Trời biến hóa để muôn loài được vui sống. **Thánh Vương, Thánh Nhân cũng sẽ làm chủ chốt, cũng sẽ hướng dẫn mọi biến thiên của nhân quần, để vạn quốc được an bình.**

## C. ĐẠO QUÂN TỬ

Bàn về Đạo người quân tử, tức là bàn về phương pháp tu thân, để đi từ **Nhân vị** đến **Thiên vị,**quê Kiền dạy ở:

- **Tượng Truỵện:** Người quân tử phải cố gắng không ngừng, y như Trời hoạt động không ngừng. Người quân tử phải luôn luôn cố gắng tiến đức, tu nghiệp, cốt làm sao vươn lên đến một đời sống lý tưởng, qui tụ vào nơi mình mọi vẻ đẹp đẽ, rồi ra làm cho mọi người cũng được Tiến Hoá, cũng được hoan lạc, sung sướng và cũng thực hiện được lý tưởng hoàn thiện như mình (**Thiên hành kiện. Quân tử dĩ tỵ cường bất tỵ**)

## D. NHỮNG NGUYÊN TẮC TỔNG QUÁT TU THÂN, XỬ THỂ

Ngoài ra, quẻ Kiền còn dạy ta bài học nhân sinh, tu thân, xử thế ở nơi các Hào .

**1. Hào Sơ Cửu.** Theo Dịch Kinh, dẫu ta có chí cả, nhưng chưa đủ tài đức, chưa gặp được thời cơ, thì cũng không được khinh suất (**Tiềm long vật dụng**)

**2. Hào Cửu nhị.** Khi đã gặp thời cơ thuận tiện hơn, có địa vị khả quan hơn, khi tài đức mình đã bắt đầu hiển lộ, khi đã được mọi người đặt kỳ vọng vào mình, thì nên cộng tác với các bậc Minh vương, hoặc vị nguyên thủ có tài đức để mưu ích cho thiên hạ (**Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân**)

**3. Hào Cửu tam.** Dẫu đã có địa vị hơn người, nhưng vẫn phải một lòng cầu tiến, luôn luôn gắng gỏi ra công tiến đức, tu nghiệp, luôn luôn biết phòng nguy, lự hiểm, có vậy mới vô sự (**Quân tử chung nhật kiền kiền. Tịch dịch nhược. Lê. Vô cửu**)

**4. Hào Cửu tứ.** Hơn nữa càng lên cao, càng phải e dè, thận trọng, càng cần phải biết xét nét nhân tình, xét nét tâm lý người trên, kẻ dưới. Phải biết cơ vi tiến thoái; phải biết đợi thời cơ thuận tiện mới hành động, mới vẫy vùng; không bao giờ được quyết định, được hành động cầu thả.

Tóm lại, sống ở đời cần phải biết nhẽ tiến thoái. Tiến thoái cho thích đáng, hành động cho hợp thời, mới tránh được mọi chuyện đáng tiếc, đáng phàn nàn (**Hoặc được tại uyên. Vô cửu**)

**5. Hào Cửu ngũ.** Khi đã lên ngôi trời, thống trị muôn dân, thì phải thi hành thiên Đạo, chọn hiền tài phụ bát, để thực hiện một cuộc cai trị lý tưởng cho muôn dân (**Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân**)

**6. Hào Thượng Cửu.** Khi đã lên tới tuyệt đỉnh, lại càng phải gia ý đề phòng, và cũng nên nghĩ đến chuyện công thành thân thoái, mới được vẹn toàn (**Kháng long hữu hối**)

**VỀ PHƯƠNG DIỆN TU THÂN,** ta có thể ghi nhận một vài bài học sau đây.

1. Khi mới giác ngộ, khi mới vừa nhận định ra rằng trong lòng mình có **CĂN TRỜI**, có **THIÊN ĐỊA CHI TÂM**, thì phải hết sức chắt chiu, áp ủ, không được khinh suất, phá tán.

2. Khi tài đức đã hiển lộ, thì nên cộng tác với các bậc Thánh Nhân hiển đức ở trên mình, để có thể mang tài đức giúp ích cho đời đến mức tối đa.

3. Lúc nào cũng phải cố gắng tu thân, tiến đức.

4. Ngoài ra, còn phải tỏ ra tri cơ, thức nhân tâm và thời vụ.

5. Mục đích của công cuộc tu thân là thực hiện Thiên Đức, đạt tới Thiên vị, trở nên hoàn thiện.

6. Khi quang huy đã lên tới cực điểm, lại càng phải hết sức khiêm cung, càng phải thông đạt lẽ tiến thoái, tồn vong. . .

Tóm lại: Quẻ Kiền cho rằng:

### **A. Về phương diện Triết học & Đạo giáo :**

Trời là căn cốt cũng là cùng đích của muôn loài, hằng lòng trong vạn vật, để làm căn cơ, làm chủ chốt cho mọi công cuộc biến thiên, tiến hoá. Và tất cả sự biến chuyển, biến dịch của Trời chỉ

cốt làm sao cho vạn vật phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực của mình; được thanh thoi toại ý, và cuối cùng đạt được sự hoàn thiện, hoàn mỹ, trở về được với bản thể Thái Hòa nguyên thủy.

### ***B. Về phương diện chính trị:***

Kiên cho rằng Vương Đạo phải mô phỏng theo Thiên Đạo. Như vậy bậc quân vương phải là người hoàn thiện, thực lòng thương xót chúng dân, đem Đạo lý chân chính ra thi hành để đem an ninh lại cho thiên hạ.

### ***C. Về phương diện tu thân và xử thế:***

Quẻ Kiên cho rằng: Nếu chúng ta có căn cơ, có chí khí, có nghị lực, lúc nào cũng cương quyết, cũng hăng hái, thì dầu làm gì cũng nên công. Tuy nhiên, hăng hái, mạnh mẽ cũng chưa đủ, mà **phải hăng hái, mạnh mẽ theo đúng đường Đạo lý, theo đúng gương Trời**, đúng đường lối Trời mà hành sự, mới có thể lập được đại công, đại nghiệp.

Ngoài ra, dầu rằng mình là người tài cao, trí cả, cũng không bao giờ được vọng động, mà phải hành động cho hợp thời, hợp cảnh, hợp Đạo lý. **Khi chưa đạt tới mức hoàn thiện, hãy cố gắng vươn lên**. Khi đã đạt mức hoàn thiện, phải lo triển dương tài đức, giáo hóa chúng dân, thi ân bá trạch cho thiên hạ.

Phải luôn luôn gắng gỏi công trình và như con rồng thiêng, luôn luôn biến hóa. Phải noi gương Trời mà hành sự. Phải tiến lên Thiên đức, Thiên vị.

***D. Quẻ Kiên như muốn tiên đoán về một thời hoàng kim mai hậu***, mà mọi người đều như nhau, sống sung sướng, như một đàn rồng bay trên thình không, mà chẳng cần có con đầu đàn dẫn lộ, sống một cuộc đời thuận Đạo lý vì nhìn tỏ thấy Luật trời ghi tạc nơi tâm (**Kiên quần long vô thủ cát**) **Như vậy chẳng phải là những bài học quý báu hay sao?**

## **ÁP DỤNG QUẺ KIÊN VÀO THỜI ĐẠI**

Khi vào Kinh Dịch, ai cũng nói là đọc quẻ Kiên, quẻ Khôn là khó hiểu nhất, nhưng theo tôi (Huyền Linh, tác giả bài này), nó không có gì khó hiểu cả, khó hiểu chỉ vì người đọc Dịch cứ tìm tòi tiểu tiết, của từng câu chữ Hán, nên như bị vào mê hồn trận, không có lối ra, rồi sau đó đoán mò, hiểu bậy bạ, theo thiên kiến của họ.

Tôi cũng như phần đông độc giả, chỉ biết vẽ vời vài ba chữ Hán, hiểu lơ mơ mấy chữ đã phiên Âm, nhưng đã **hiểu ý nghĩa của toàn quẻ sau khi đọc lời Bình Giảng**, mà nhà tôi đã soạn khi xưa, lúc dạy Dịch ở Đại Học Minh Đức Việt Nam, nên tôi đã nảy ra ý định cộng tác với chồng tôi, về phần **Áp dụng vào thời đại**, để minh chứng với người xưa rằng: không phải là những người trên 50 tuổi mới hiểu được Dịch, mà ngay một người độ 18 tuổi (đọc và viết thông tiếng Việt), **sau khi đọc phần Bình Giảng, và phần Áp dụng vào Thời đại** của tôi soạn, (nếu thông hiểu tiếng Việt) thì cũng hiểu. Tôi muốn chứng minh rằng phụ nữ, không những cũng có thể học Dịch, mà còn có thể tham gia vào phần nghị luận về tư tưởng, cũng như về Đạo Lý, như các bậc tiền bối Thánh Hiền.

Sự thật, học Kinh Dịch chẳng có gì là quá khó khăn như người ta tưởng. Tôi xin trình bày cách hiểu quẻ Kiên của tôi ra sao để quý độc giả thường lãm.

1- Khi bắt đầu vào quẻ nào, ta phải đọc kỹ Thoán, vì nó là tổng kết của toàn quẻ, và khi đã nắm được ý chính của nó muốn nói gì, thì ta sẽ hiểu rất dễ dàng các Hào sau này, vì Hào chỉ là



khai triển từng giai đoạn, mà quẻ muốn nói mà thôi. Ví dụ: khi đọc Thoán Từ của quẻ Kiên, tôi đọc câu thơ:

*Kiên nguyên tóm hết Đạo Trời.*

*Tóm thâu Thiên Đạo khúc nhôi sinh thành.*

Và câu chót

*Thánh Nhân vượt trời chúng sinh,*

*Làm cho muôn nước an bình khắp nơi.*

là tôi hiểu ngay quẻ Kiên muốn nói về Đạo Trời (*Thiên Đạo*) và về Chính Trị (*muôn nước an bình*) từ lúc mới manh nha, cho đến ngày Hoàn Thiện (Đạo Trời), và Hoàn Mỹ (Chính Trị)

**Về Đạo Trời**, thì tác giả đã nói quá rõ, trong phần Bình Giảng, ở đây tôi chỉ xin **góp ý** một chút trong phần Bình Luận nhỏ này về liên quan đến Chính trị trong quẻ Kiên. Ta thấy trong Hào 1, 2, 3, 4, luôn khuyên những người có chí lớn, nhưng chưa đủ kinh nghiệm và tài đức, phải cố gắng, cầu tiến; nhưng không được khinh xuất, phải e dè, thận trọng, phải biết đợi thời cơ thuận tiện mới hành động, phải biết lẽ tiến thoái.

**Ngày nay**, đúng vậy, người muốn lập sự nghiệp lớn, mới có chí lớn chưa đủ, mà ngay từ thuở thiếu thời đã phải học luật, học về chính trị, và phải xuất thân ở 1 Đại Học danh tiếng, phải gia nhập vào đảng Chính trị có uy tín trong nước, để dựa vào thế lực của đảng, làm nấc thang cho mình leo lên ngành cai trị dân. Có thể lúc đầu từ cấp cai trị thấp, sau sẽ leo dần lên. Như vậy nếu mình là người thật lòng vì dân, vì nước, thì sự thành công sẽ dễ dàng hơn là một người không có tài đức, kinh nghiệm, mà cứ muốn nhờ gió bẻ măng. Nếu may mắn mà lên, thì đường hoạn lộ cũng không bền, còn không, sẽ thất bại dễ dàng.

Hào 5 nói đến bốn phạm của một vị Thiên tử là phải chọn hiền tài phụ bật, phải thực hiện một cuộc cai trị lý tưởng cho muôn dân (chế độ Quân chủ xưa)

Hào 6 nói đến các vị vua sau này, thụ hưởng quá nhiều, đâm ra xa xỉ, phóng túng, hành vi quá trớn, do đó Hào 7 Dụng Cửu nói: **Kiến quần long vô thủ. Cát**, là khi nào nước do 1 nhóm người cai trị, mà không ai là người cầm đầu, **ý nói là những người trong nhóm này có thẩm quyền quyết định ngang nhau.** Khi mà **tất cả thế giới** đều được như vậy, lúc đó sẽ là lúc Hoàn Mỹ. An bình thịnh trị sẽ đến với mọi người trên trái đất này. Phải chăng đó là chế độ **Tổng Thống và Lương viện của Hoa Kỳ** hiện nay? Vì sao tôi nói vậy? Vì đã nghiệm ngẫm lịch sử từ xưa tới nay, tôi chưa thấy ở nước nào mà người dân bới lỗi lầm, bôi nhọ nhà vua, qua báo chí mà không bị trừng trị. Hơn nữa, nếu người cầm đầu mà bất tài, thì đã bị lôi xuống rồi, chứ đừng nói là có thể hà khắc đối với dân chúng. Nhóm người cầm đầu lại do dân bầu: như vậy nếu họ làm hại dân, hay chỉ lo mưu đồ tư lợi cho cá nhân mình, nếu không bị chỉ trích hoặc truất phế ngay lúc đó, thì khóa sau, (chỉ cách khóa trước 4 năm), họ cũng không hy vọng gì được trở lại chức vị cũ.

Nếu ta áp dụng quẻ Kiên vào các sự nghiệp khác, thì cũng vậy mà thôi, nghĩa là ta phải hoạch định ngay từ thuở thiếu thời, đường lối mà ta đã dự định, và ta nhất định theo đuổi tới cùng, dù vất vả, gian lao mấy cũng không sờn, thì sớm muộn gì ta cũng sẽ thành công.

## 2. 坤為地 KHÔN VI ĐỊA

### BÁT THUẬN KHÔN



## I. Thoán

### A. Thoán Từ.

坤：元，亨，利牝馬之貞。君子有攸往，先迷后得主，利西南得朋，東北喪朋。安貞，吉。

**Khôn. Nguyên hanh. Lợi tẫn mã chi trinh. Quân tử hữu du vãng. Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi Tây Nam đắc bằng. Đông Bắc táng bằng. An trinh cát.**

Dịch:

*Khôn là gốc gác quần sinh,  
Làm cho vạn vật phi tình hanh thông,  
Lại sinh lợi ích khôn cùng,  
Như con ngựa cái thung dung, kiên trì,  
Khi người quân tử vân vi,  
Trước mê, sau gặp chủ thì mới hay,  
Tây Nam gặp bạn đường đời,  
Đến phương Đông Bắc bạn thời còn ai?  
Bền lòng, vững chí hôm mai,  
An lòng, vững chí, sẽ may, sẽ lành.*

### B. Thoán Truyện.

彖曰：至哉坤元，萬物資生，乃順承天。坤厚載物，德合無疆。含弘光大，品物咸亨。牝馬地類，行地無疆，柔順利貞。君子攸行，先迷失道，后順得常。西南得朋，乃與類行；東北喪朋，乃終有慶。安貞之吉，應地無疆。

**Thoán viết. Chí tai Khôn nguyên. Vạn vật tư sinh. Nãi thuận thừa thiên. Khôn hậu tải vật. Đức hợp vô cương. Hàm hoàng quang đại. Phẩm vật hàm hanh. Tẫn mã địa loại. Hành địa vô cương. Nhu thuận lợi trinh. Quân tử du hành. Tiên mê thất Đạo. Hậu thuận đắc thường. Tây Nam đắc bằng. Nãi dữ loại hành. Đông bắc táng bằng. Nãi chung hữu khánh. An trinh chi cát. Ứng địa vô cương.**

Dịch:

*Khôn nguyên cao trọng xiết bao,  
Muôn loài đều phải nương vào cầu sinh.  
Khôn nguyên cao trọng đã đành,  
Vì luôn thuận ý cao xanh chẳng rời.  
Đất dày nâng đỡ muôn loài,  
Xét về đức cả, đành thời vô biên,  
Áp ôm vạn vật mọi miền,  
Làm cho đâu đấy sáng lên huy hoàng.  
Được nhờ ơn đất cưu mang,*

Cho nên muôn vật rõ ràng, đẹp tươi.  
 Ngựa cái với đất cùng loài,  
 Tung hoành khắp chốn, khắp nơi thỏa tình;  
 Luôn luôn nhu thuận, lợi trinh.  
 Cho người quân tử gương lành noi theo.  
 Mới đầu mê lạc đến điều,  
 Là vì bỏ mất chẳng theo Đạo Trời.  
 Sau rồi, nhu thuận, đòi noi,  
 Mới đâu ra đấy, cơ ngơi rõ ràng.  
 Tây Nam gặp được bạn dàng,  
 Cùng người đồng loại, thênh thang dăng trình.  
**Phía Đông Bắc mất bạn mình,**  
**Cuối cùng vượt được quần sinh mới là.**  
**Siêu quần, bạt tụy mình ta,**  
**Mới là may mắn, mới là vinh xương.**  
 Bền gan, rồi sẽ cát tường,  
 Y như trái đất, vô cương khác nào.

## II. Đại Tượng Truyện

象曰：地勢坤，君子以厚德載物。

**Tượng viết. Địa thế Khôn. Quân tử dĩ hậu đức tải vật.**

Dịch:

**Tượng rằng:** Khôn thế thuận thừa,  
 Nên người quân tử lo cho đức dày.  
 Đức dày, tải vật mới hay,  
 Cưu mang vạn vật, chẳng ngày nào ngơi.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六：履霜，堅冰至。

象曰：履霜堅冰，陰始凝也。馴致其道，至堅冰也。

Sơ Lục. Lý sương kiên băng chí.

**Tượng viết. Lý sương kiên băng. Âm thủy ngưng dã. Tuân trí kỳ Đạo. Chí kiên băng dã.**

Dịch:

Dưới chân, sương giá chớm dày,  
 Rồi ra băng cứng có ngày tới theo.

**Tượng rằng:**

*Dưới chân sương giá chớm dày  
Rời ra băng cứng có ngày tới theo.  
Âm vừa ngưng đọng ít nhiều.  
Cứ đà ấy tiến, có chiều thành băng.*

## **2. Hào Lục nhị.**

**六二： 直，方，大，不習無不利。**

**象曰： 六二之動，直以方也。不習無不利，地道光也。**

**Lục nhị. Trục phương đại. Bất tập vô bất lợi.**

**Tượng viết. Lục nhị chi động. Trục dĩ phương dã. Bất tập vô bất lợi. Địa Đạo quang dã.**

Dịch:

*Thẳng ngay, vuông vức, lớn lao.  
Không cần tập luyện, việc nào cũng hay.*

**Tượng rằng:**

*Hào hai hoạt động thẳng ngay,  
Lại luôn vuông vắn, chẳng hay vạy vò.  
Không cầu, mà vẫn lợi to,  
Bởi vì địa Đạo quang hoa sáng lò.*

## **3. Hào Lục tam.**

**六三： 含章可貞。或從王事，無成有終。**

**象曰： 含章可貞；以時發也。或從王事，知光大也。**

**Lục tam. Hàm chương khả trinh. Hoặc tông vương sự. Vô thành hữu chung.**

**Tượng viết. Hàm chương khả trinh. Dĩ thời phát dã. Hoặc tông vương sự. Tri quang đại dã.**

Dịch:

*Dấu che vẻ sáng của mình,  
Có tài, mà chẳng lộ hình mới hay.  
Việc vua khi gánh vác rồi,  
Tuy không tranh việc, làm thời nên công.  
**Tượng rằng:** Giấu sáng mới bền,  
Tùy thời, đức độ lộ thêm dần dần.  
Khi ra gánh việc vương quân,  
Biết đường sáng suốt, cao thâm mới là.*

## **4. Hào Lục tứ.**

**六四： 括囊無咎，無譽。**

**象曰： 括囊無咎，慎不害也。**

**Lục tứ. Quát nang. Vô cữu vô dự.**

**Tượng viết. Quát nang vô cữu. Thận bất hại dã.**

Dịch:

*Túi đem thất lại, lỗi chi,*

*Lỗi tuy không lỗi, vinh thì không vinh.*

**Tượng rằng:** *Thất túi lỗi chi,*

*Nếu mà thận trọng, chẳng nguy hại nào.*

### **5. Hào Lục ngũ.**

**六五：黃裳，元吉。**

**象曰：黃裳元吉，文在中也。**

**Lục ngũ. Hoàng thường. Nguyên cát.**

**Tượng viết. Hoàng thường nguyên cát. Văn tại trung dã.**

Dịch:

*Váy vàng thật tốt, thật hay.*

**Tượng rằng:**

*Váy vàng thật tốt, thật hay,*

*Là vì vẻ đẹp ở ngay trong lòng.*

### **6. Hào Thượng Lục.**

**上六：龍戰於野，其血玄黃。**

**象曰：龍戰於野，其道窮也。**

**Thượng Lục. Long chiến vu dã. Kỳ huyết huyền hoàng.**

**Tượng viết. Long chiến vu dã. Kỳ Đạo cùng dã.**

Dịch:

*Ngoài đồng, rồng đánh lộn nhau,*

*Máu phun chan chứa, pha màu vàng đen.*

**Tượng rằng:**

*Ngoài đồng, rồng đánh lộn nhau,*

*Là vì vật chất tới cầu cực xương.*

### **7. Hào Dụng Lục.**

**用六：利永貞。**

**象曰：用六永貞，以大終也。**

**Dụng Lục. Lợi vĩnh trinh.**

**Tượng viết. Dụng Lục vĩnh trinh. Dĩ đại chung dã.**

Dịch:

*Khí Âm biến hóa xong rồi,*

*Rời ra lợi lộc tốt tươi, cứu trường.  
Tượng rằng: Vĩnh viễn cứu trường,  
Là vì kết cuộc phi thường cao siêu.*

#### IV. VĂN NGÔN

##### A. VĂN NGÔN bình giải Thoán Tù, Thoán Truyện

文言曰：坤至柔，而動也剛，至靜而德方，後得主而有常，含萬物而化光。坤道其順乎？承天而時行。

**Văn Ngôn viết. Khôn Chí nhu, nhi động dã cương. Chí tĩnh nhi đức phương. Hậu đắc chủ nhi hữu thường. Hàm vạn vật nhi hóa quang. Khôn Đạo kỳ thuận hồ. Thừa Thiên nhi thời hành.**

Dịch:

*Khôn nhu khi động, lại cương  
Đức thường chí tĩnh, vẫn vuông, chẳng rời.  
Theo sau, phụ họa với Trời,  
Thế là có chủ, thế thời bền lâu.  
Áp ôm vạn vật trước sau,  
Làm cho muôn vật một màu sáng choang.  
Đạo Khôn nhu thuận, dịu dàng,  
Tùy thời hành sự, chẳng ngang ý Trời.*

##### B. Văn Ngôn bình giải các Hào

###### 1. Hào Sơ Lục.

積善之家，必有餘慶；積不善之家，必有餘殃。臣弑其君，子弑其父，非一朝一夕之故，其所由來者漸矣，由辯之不早辯也。

易曰：「履霜堅冰至。」蓋言順也。

**Tích thiện chi gia. Tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia. Tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân. Tử thí kỳ phụ. Phi nhất triều nhất tịch chi cố. Kỳ sở do lai giả tiệm hỹ. Do biện chi bất tảo biện dã.**

**Dịch viết. Lý sương kiên băng chí. Cái ngôn thuận dã.**

Dịch:

*Nhà nào tích thiện sẽ hay,  
Nhà nào tích ác sẽ đầy tai ương,  
Tội mà dám giết quân vương,  
Con mà giết bố, dễ thường ngay sao?  
Việc đâu một sớm, một chiều,  
Duyên do tích lũy, bao nhiêu lâu rồi.*

*Duyên do lần dẫn tới nơi,  
Tại mình chẳng sớm phanh phui tỏ tường.  
**Dịch rằng:** Khi bước trên sương,  
Hãy phòng băng cứng, thời thường đến sau,  
Ý rằng chuyện sẽ nối nhau,  
Nếu mình để mặc từ đầu, đến đui.*

## **2. Hào Lục nhị.**

直其正也，方其義也。君子敬以直內，義以方外，敬義立，  
而德不孤。「直，方，大，不習無不利」，則不疑其所行也。

**Trực kỳ chính dã. Phương kỳ nghĩa dã. Quân tử kính dĩ trực nội. Nghĩa dĩ phương ngoại. Kính nghĩa lập nhi đức bất cô. Trực phương đại. Bất tập vô bất lợi. Tắc bất nghi kỳ sở hành dã.**

Dịch:

*Trực là trung chính lẽ Trời,  
Phương là lễ nghĩa cơ ngơi bên ngoài.  
Đã là quân tử trên đời,  
Trong thời kính cẩn, ngoài thời minh công.  
Kính nên ngay ngắn được lòng,  
Nghĩa nên vuông vức được công việc ngoài.  
**Kính rồi lại Nghĩa, vẹn hai,  
Cho nên nhân đức, ắt thôi vẹn toàn.  
Chính trung, lễ nghĩa, cao sang,  
Chẳng cần vất vả, vẫn mang lợi nhiều.  
Từ đây, lòng sẽ khinh phiêu,  
Phóng tâm hoạt động, hết điều nghi nan.***

## **3. Hào Lục tam.**

陰雖有美，含之；以從王事，弗敢成也。地道也，妻道也，臣道也。地道  
無成，而代有終也。

**Âm tuy hữu mỹ hàm chi. Dĩ tòng vương sự. Phát cảm thành dã. Địa Đạo dã. Thê Đạo dã. Thần Đạo dã. Địa Đạo vô thành nhi đại hữu chung dã.**

Dịch:

*Âm tuy sẵn vẻ đẹp tươi,  
Nhưng mà che dấu, chẳng phơi ra ngoài.  
Việc vua khi gánh vác rồi,  
Chẳng nên tự đắc, mà đòi thành công,*



*Thay Trời, hành sự tới cùng,  
Giúp cho muôn vật, vĩnh chung thái hòa.*

#### **4. Hào Lục tứ.**

天地變化，草木蕃；天地閉，賢人隱。

易曰：「括囊，無咎，無譽。」蓋言謹也。

**Thiên địa biến hoá. Thảo mộc phồn. Thiên địa bế. Hiền nhân ẩn.  
Dịch viết. Quát nang vô cữu vô dự. Cái ngôn cẩn dã.**

Dịch:

*Đất trời biến hóa mới hay,  
Làm cho vạn vật, cỏ cây xương phồn.  
Đất trời tới vận bế tàng,  
Hiền nhân, nên hãy tìm đường ẩn đi.  
**Dịch rằng:** Thất túi lỗi chi  
Lỗi tuy không lỗi, vinh thì không vinh,  
Hãy nên thận trọng giữ mình,  
Biết đường cẩn trọng, âu đành thoát nguy.*

#### **5. Hào Lục ngũ.**

君子黃中通理，正位居體，美在其中，而暢於四支，發於事業，美之至也。

**Quân tử hoàng trung thông lý. Chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung. Nhi sưởng ư tứ chi.  
Phát ư sự nghiệp. Mỹ chi chí dã.**

Dịch:

*Hiền nhân thông lý Trung hoàng,  
Vào nơi chính vị, mà an thân mình.  
Đẹp từ tâm khảm, xuất sinh,  
Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều.  
Phát ra sự nghiệp cao siêu,  
Thực là đẹp đẽ đến điều, còn chi.*

#### **6. Hào Thượng Lục.**

陰疑於陽，必戰。為其嫌於無陽也，故稱龍焉。猶未離其類也，故稱血焉。夫玄黃者，天地之雜也，天玄而地黃。

**Âm nghi u Dương tất chiến. Vi kỳ hiêm u vô Dương dã. Cố xung long yên. Do vị ly kỳ loại dã. Cố xung huyết yên. Phù huyền hoàng giả. Thiên địa chi tạp dã. Thiên huyền nhi địa hoàng.**

Dịch:

*Khi Âm bắt tin nơi Dương,  
Sẽ sinh chinh chiến, nhiều nhưong, khôn cùng.  
Nhưng Dương không thể tuyệt tông,  
Cho nên, mới nói rằng rỗng giao chinh.  
Âm kia biến chữa trọn mình,,  
Nên dùng chữ huyết, tỏ rành còn Âm.  
Đất trời lộn lạo, nhớ nhãng,  
Vàng, đen, xáo trộn, đất bằng chông gai.*

## **BÌNH GIẢNG**

Quẻ Khôn thực ra không đến nỗi khó hiểu, khó hiểu chẳng là vì có nhiều đoạn đã bị các nhà bình giải làm cho rối lên như canh hẹ. Nguyên có cách phân câu, mà đã chia thành năm bè, bảy bối. Ví dụ, đối với câu:

**Khôn. Nguyên Hanh. Lợi tấn mã chi trinh.**

Trình tử đọc là: *Khôn. Nguyên. Hanh. Lợi. Tấn mã chi trinh*, vì cho rằng Khôn có đủ tứ đức như Kiền.

Chu Hi đọc là: *Khôn. Nguyên. Hanh. Lợi tấn mã chi trinh*, vì cho rằng Khôn phải thua Kiền, không thể đủ tứ đức như Kiền.

Đến như câu: **Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng**, thì lại càng rắc rối hơn nữa. Trình tử hiểu như sau: *Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi. Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng*.

Vương Bật đọc: *Quân tử hữu du vãng tiên mê. Hậu đắc chủ lợi.*

Lai Trí Đức đọc: *Tiên mê hậu đắc chủ. Lợi.*

Ngự Án của vua Khang Hi đọc rằng: *Tiên mê hậu đắc chủ. Lợi Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng*. Ngự Án cho rằng: chính Văn Ngôn cũng đọc là **Hậu đắc chủ**. Theo Ngự Án, chữ **Lợi** phải cho về câu sau, và phải hiểu đại khái rằng: Tây nam được bạn là lợi. Đông Bắc mất bạn là lợi. Nơi đây, chúng ta không đi sâu vào chi tiết các lời bình giải ấy, mà chỉ cố tìm cho ra những đại chỉ của Dịch Kinh nơi quẻ Khôn.

### **A. Nhận định đầu tiên của chúng ta như sau:**

-Kiền và Khôn là hai chiều, hai mặt của một thực thể, tức là Thái cực. Để hiểu Kiền, Khôn chúng ta xem đồ bản sau:

<b>Kiền</b>	<b>Khôn</b>
Dương	Âm
9	6
3	2

Thân	Vật
Tinh thần	Vật chất
Nội giới (spiritual world)	Ngoại giới (world of the senses)
Tâm chi thân minh	Ngũ quan bá thể
Đạo Tâm	Nhân tâm
Thánh Đạo	Hiền Đạo
Vương Đạo	Thần Đạo
Phụ	Tử
Phụ	Phụ
Thành	Kính
Nhân	Nghĩa
Xương	Họa
Cương	Nhu
Quân tử	Tiểu nhân
Thời gian	Không gian
Tròn	Vuông
Đại	Tiểu

## B. Về phương diện Triết học & Siêu hình

Quẻ Khôn chủ trương rằng:

-Đất Trời cộng tác chặt chẽ với nhau, để sinh ra muôn ngàn biến hóa.

-Đất Trời là cặp ngẫu lực Âm Dương, luôn luôn tác động, luôn luôn hỗ trợ nhau, để hoàn thành công trình sinh dục vạn vật.

**Kiên là mầm mống sinh hóa, là tinh thần, là nguồn sống, là sinh khí, là hạt, là nhân .**

**Khôn là vỏ, là môi trường hoạt động, là hình hài, sắc tướng, là vật chất hữu hình bên ngoài.**

Đất Trời trường cửu ngang nhau, cùng nhau góp công trình sinh dục vạn vật, nhưng chính, tùy, đôi đường phân cách. **Trời là chủ chốt.** Tinh thần là chủ chốt. **Đất là tùy thuộc.** Xác thân là tùy thuộc. Hoàn cảnh vật chất là tùy thuộc.

Định được lẽ tôn ti như vậy, mới tránh được nhiều điều lầm lỗi, nhiều hung họa tai ương. **Dịch kinh bao giờ cũng chủ trương Dương tôn, Âm ti.**

Hiểu được lẽ Dương tôn, Âm ti; Dương hơn, Âm kém; tinh thần trọng, vật chất khinh; **Kiên Đạo hay Tinh thần làm chủ chốt, Khôn Đạo hay vật chất đóng vai tùy thuộc;** ta sẽ hiểu được đại chỉ của Dịch kinh.

Dịch kinh, tuy biết lẽ biến hóa, tồn vong, tiêu tức chi phối cả Âm lẫn Dương, và cơ Trời biến hóa đó không sao tránh khỏi, nhưng bao giờ cũng chủ trương Âm khinh, Dương trọng, và luôn luôn **hỗ trợ Dương, kiềm chế Âm.**

Tiên Nho định lễ khinh trọng ấy bằng hai con số 9 và 6. - **Số 9 chỉ Dương ( đơn giản hóa còn 3).** -**Số 6 chỉ Âm đơn giản hóa còn 2.** Vậy Dương cũng còn là 3, mà Âm là 2. Đó là ý nghĩa của mấy chữ *Tam Thiên, Lưỡng Địa* trong chương I Thuyết Quái.

Trong vòng Dịch Tiên Thiên, Kiên đứng đầu 32 quẻ Dương bên trái, Khôn đứng đầu 32 quẻ Âm bên phải.

**Dương ở phía tả**, chủ sinh dục, trưởng dưỡng, chủ cương cường, trong sáng, chủ nhân nghĩa, đạo đức. **Đó là Đạo người quân tử.** Làm cho Đạo Dương, Đạo Kiên (Đạo Quân tử hay Đạo Thánh nhân), phát huy đến cùng cực, sẽ đem lại cho trần thế sự an bình, thịnh trị.

**Âm ở phía hữu**, chủ sự di thương, thâm sát. Âm là Nhu, Tồi, Tư tà, Lợi lộc, là **Đạo Kẻ Tiểu nhân.** Để nó triển dương đến kỳ cùng, nó sẽ phát **Sát cơ**, sinh ra chiến tranh, tang tóc và muôn vàn tai họa, như *Hào Thượng Lục của quẻ Khôn* đã ám chỉ. Vì thế Thánh nhân viết Kinh Dịch, lúc nào cũng lo lắng phù trì Đạo Dương, phù trì Đạo người Quân tử, những ước mong cho nó được trở nên cường thịnh, viên mãn.

Ngược lại, lúc nào cũng muốn kiềm chế, bức bách cho Âm Đạo, cho Đạo kẻ Tiểu nhân suy vi, mai một. Nếu chủ trương Âm trọng, Dương khinh sẽ đi đến chỗ chiến tranh, tai ương, tàn khốc.

*Ngự Án nơi Hào Sơ Lục quẻ Khôn*, cũng bình luận rất sâu sắc về lẽ Âm, Dương. Ngự Án cho rằng:

Nơi con người, thì **Dương là Tâm chi thần minh, Âm là ngũ quan bá thể.** Trong nhân luân, thì Dương là vua, là cha, là chồng. Âm là bầy tôi, là con, là vợ.

Tâm linh, nhờ có chân tay mới vận động được, vua nhờ có tôi, chồng nhờ có vợ, cha nhờ có con, công việc mới chu toàn. *Nơi con người*, thì ngũ quan bá thể phải thuận phục tâm linh. **Trong xã hội**, thì thần tử, thế thiếp phải thuận phục quân phụ, hay phu quyền, như vậy xã hội mới có tôn ti, thế thống. **Nếu nơi con người, tứ chi, tai mắt tự do theo sở dục; nếu trong xã hội, thần tử, thế thiếp tự ý hành sự; nếu nơi nhân thân, mà lý với dục giao tranh; nếu nơi xã hội mà công tư va chạm, thì mầm loạn lạc sẽ phát sinh.** Như vậy Ngự Án đã cho ta biết cơ vi thiện ác, trị loạn và những phương cách phòng ngừa.

### **C. Quẻ Khôn là đường lối tu thân của một người chưa được minh giác, chưa phối hợp được với Thượng Đế.**

Khi chưa được minh giác, tức là khi tâm hồn còn bơ vơ, vô chủ, sống mặc tình theo những phản ứng của tâm tư, những suy luận hẹp hòi của lý trí, nên dĩ nhiên là bị lầm than, mê lạc. Chỉ khi nào, nhận định ra được căn cơ, chủ chốt của lòng mình là Thiên Tính, là Đạo Tâm, thì bấy giờ mới mong được hưởng thụ phúc khánh!

Khi chưa giác ngộ, nên theo đa số mà xử sự, ở ăn; lúc đã nhận định được *Thiên địa chi tâm* trong lòng mình, thời phải biết siêu quần bạt tụy, sống khinh phiêu, thung dung, tự tại. Được như vậy, mới thật là may mắn, hạnh phúc. (Xem lời Thoán).

### **Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện**

#### **1. Hào Sơ Lục.**

Hào **Sơ Lý Sương** mô tả lúc Âm khí vừa thoát mới manh nha. Tuy nó vừa chớm nở, chớm phát, nhưng đó là điềm quốc phá gia vong sau này. Phải thận trọng, phải ngăn ngừa ngay mới kịp (**Lý sương. Kiên băng chí**)

## 2. *Hào Lục nhị.*

Người **Quân tử**, khi mới bước chân vào con đường **Tu thân, Tu Đạo**, hãy biết lấy chữ **Kính làm đầu**. Kính sợ Trời ẩn áo, huyền vi ngay trong tâm khảm mình, chỉnh trang lại tâm thân cho nên hân hoi, ngay ngắn. Cải thiện lại đời sống bên ngoài, cố sao cho hành vi, cử chỉ nhất thiết hợp Đạo, hợp nghĩa. Có như vậy mới đi đến chỗ cao đại được (**Trực phương đại. Bất tập vô bất lợi**)

## 3. *Hào Lục tam.*

Quẻ Khôn cũng dạy **Đạo làm thần tử**. Người thần tử lo thi hành phận vụ, không ý chức, ý quyền, không tăng công, không khoe tài, khoe trí, dầu có tài cũng không phô trương, luôn khiêm cung, kín đáo, tùy thời, tùy thế mà thi thố tài năng để làm tròn phận vụ (**Hàm chương khả trình. Hoạch tông vương sự. Vô thành hữu chung.**)

## 4. *Hào Lục tứ.*

Gặp khi thời cuộc đảo điên, gặp khi người trên sinh lòng ngờ vực, thời lại càng phải biết im hơi lặng tiếng, minh triết bảo thân. Thế mới là **Quát nang vô cữu**.

## 5. *Hào Lục ngũ.*

Hơn nữa, mục đích tu thân của người quân tử, là đạt tới **Thiên vị**, tức **Trung Điểm**, hay **Lý Trung Hoàng**. Nhận thức được bản tính cao sang của mình, thực hiện được định mệnh sang cả của mình, lồng được Trời vào trong Tâm mình, để cho vẻ đẹp đẽ của Trời chói rọi ra nơi châu thân mình, tỏa lan ra sự nghiệp của mình. Thế mới là đắc Đạo (**Hoàng thượng. Nguyên cát**).

## 6. *Hào Thượng Lục.*

Ngoài ra, quẻ Khôn còn như muốn tiên tri, tiên đoán một thời đại mà vật chất hoàn toàn làm chủ, đa số làm chủ, phân ly, gián cách làm chủ. Khi ấy nhân loại sẽ sống một thời kỳ nhiều nhưong, máu lửa ngập trời. Dịch kinh đã đề cập đến thời đại ấy bằng mấy chữ **Long chiến vu dã. Kỳ huyết huyền hoàng**.

\*Nếu thời Kiền là thời hoàng kim mai hậu, là thời thái bình lúc chung cuộc; thì thời Khôn là thời sắt thép, lúc muôn sự còn dở dang, nửa đời, nửa đoạn. Đó là thời mạt kiếp, mạt pháp, mà các Đạo giáo thường nhắc nhở tới. Nhưng đối với Dịch, tuy thời Khôn là thời nhiều nhưong máu lửa, nhưng không phải vì thế mà lịch sử nhân quần sẽ cáo chung, **Vật cùng tắc biến, biến tắc thông**. Sau thời kỳ đen tối ấy, nhân loại sẽ quay trở về với các giá trị tinh thần, mọi sự rồi ra sẽ trở nên tốt, nên hay. Cho nên Hào Dụng Lục nói thêm:

*Khí Âm biến hóa xong rồi,  
Rời ra lợi lộc tốt tươi, Cứu trường.  
Tượng rằng: Vĩnh viễn, Cứu trường,  
Là vì kết cuộc phi thường cao siêu.*

## **ÁP DỤNG QUẻ KIỀN VÀO THỜI ĐẠI**

Quẻ Khôn dạy chúng ta phải luôn gia ý đề phòng, đừng để nước đến chân mới nhảy, phải biết nhìn xa, trông rộng, biết lo lường, ngăn chặn ngay từ lúc hung họa mới manh nha. Nếu chúng ta biết đề phòng, biết ngăn ngừa căn cơ hung họa từ khi mới nứt nanh sơ khởi, thì làm sao chúng

ta có thể lâm cảnh thân tàn, ma dại, nước mất, nhà tan. Một mặt khác, nếu chúng ta biết tích đức, tu thân, gặp điều lành dẫu là nhỏ mấy, cũng tha thiết mà làm, mà gom, mà góp, cứ như thế thì lo chi không được phúc khánh miên trường. Trong Thái Thượng Cảm ứng thiên có câu: **Họa phúc vô môn duy nhân tự chiêu** (Họa phúc không cửa ngõ, do người tự chiêu lai), cũng không ngoài ý đó. Tóm lại, quẻ Khôn dạy ta lẽ **Xương tùy, hòa hợp**: nhân tâm phải biết tùy thuộc Đạo tâm, **Người phải biết tùy thuộc Trời**; người dưới tùy thuộc người trên; vợ tùy thuộc chồng. *Tùy thuộc đây phải được hiểu theo lẽ xướng họa hô ứng*, một bên khởi xướng, một bên thi hành, chung lưng góp sức, cùng nhau đắp xây đại cuộc.

### 3. 水雷屯 THỦY LÔI TRUÂN



#### Truân Tự Quái

Hữu thiên địa.

Nhiên hậu vạn vật sinh yên.

Doanh thiên địa chi

Gian giả duy vạn vật.

Cổ thụ chi dĩ Truân.

Truân giả doanh dã.

屯序卦

有天地

然後萬物生焉。

盈天地之

間者唯萬物

故受之以屯

屯者盈也

#### *Truân Tự Quái*

*Đất trời rồi mới quần sinh.*

*Quần sinh đầy đầy, quán doanh đất trời.*

*Truân là sơ khởi pha phôi.*

*Truân là muôn vật sinh sôi tràn đầy.*

*Truân là vạn vật chào đời.*

Truân có hai nghĩa: 1. Là đầy đầy. 2. Truân chiêm vất vả. Truân, nếu là thời kỳ đất trời vừa thoát giao nhau, làm cho vạn vật nảy sinh đầy đầy khắp nơi, nhưng chính vì Âm Dương vừa thoát giao nhau, nên sinh khí còn uất kết, chưa thông suốt.

**Truân tượng trưng cho bước truân chiêm (truân chuyên) thuở ban đầu**, quẻ Truân là hoạt động trong nguy hiểm.

**Truân đối với vũ trụ**, là thời kỳ thiên địa sơ khai, vạn vật bắt đầu sinh. **Truân đối với cá nhân**, là lúc sơ sinh, ấu trĩ. **Truân đối với quốc gia** là thời kỳ khai quốc, sáng nghiệp . . .

Truân là thời kỳ gian nan, vất vả lúc ban đầu, khác với Kiển là gian nan lúc giữa cuộc, khác với Khốn là khốn khổ lúc chung cuộc, khác với Khảm là gian nan, hoạn nạn nói chung.

#### I. Thoán.

*Thoán Từ:*



屯：元，亨，利，貞，勿用，有攸往，利建侯。

**Truân. Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Vật dụng hữu du vãng. Lợi kiến hầu**

**Dịch.**

*Truân chiêm vất vả lúc ban đầu.  
Nhưng sẽ hanh thông vận hội sau,  
Phải biết bền gan đừng vọng động  
Tìm người trợ giúp, ích bền lâu.*

Tuy nhiên, dầu có gian nan, nhưng rồi ra các trở ngại sẽ như băng tan, tuyết tán, các rối ren sẽ được tháo gỡ, mọi chuyện éo le, trắc trở, nhờ tài kinh luân của **con người biết tạo thời thế** sẽ được giải quyết êm xuôi.

**Thoán Truyện viết:**

屯，剛柔始交而難生，動乎險中，大亨貞。雷雨之動滿盈，天造草昧，宜建侯而不寧。

**Truân cương nhu thủy giao nhi nạn sinh. Động hồ hiểm chung. Đại hanh trinh. Lôi vũ chi động mãn doanh. Thiên tạo thảo muội. Nghi kiến hầu nhi bất ninh.**

**Dịch.**

*Thoán rằng:*

*Cương, nhu vừa mới giao nhau  
Truân chuyên, trắc trở bắt đầu nảy sinh.  
Mưa đờ giữa buổi điều linh,  
Bền gan sẽ thấy tiền trình hanh thông.  
Mưa rơi, sấm động trập trùng,  
Muôn loài nhờ đó tung bừng nảy sinh.  
Vận trời rối rắm, u minh,  
Tìm người phụ bật, riêng mình chớ ngại.*

Cho nên, thấy khó khăn đừng vội thất vọng, mà phải biết một dạ sắt son, giữ cho tròn Đạo lý, phải lo tìm cách gỡ rối, lo tìm người đồng tâm, đồng chí chung sức tái tạo non sông. Phương châm hoạt động lúc này, là phải biết tìm ra nguyên nhân của rối ren, tao loạn, hoạch định những phương sách phò nguy, cứu khổ cho rõ ràng, tìm người phụ bật cho hay, lựa thời thế thuận tiện, mới ra tay lèo lái, chớ đừng nhắm mắt làm liều.

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰：云，雷，屯。君子以經綸。

**Tượng viết:**

**Vân lôi. Truân. Quân tử dĩ kinh luân.**

**Dịch.**

**Tượng rằng:** *Mây, Sấm là Truân,  
Hiên nhân phải biết kinh luân, mới tài.*

Gặp buổi truân chiên, quân tử hãy ra tay gỡ rối, phải dùng hết trí lực, tài ba mà lo xoay chiều thế cuộc.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九：馨桓，利居貞，利建侯。

象曰：雖馨桓，志行正也。以貴下賤，大得民也。

Sơ Cửu. Bàn hoàn. Lợi cư trinh. Lợi kiến hầu.

*Tượng viết:*

**Tuy bàn hoàn. Chí hành chính dã. Dĩ quý hạ tiện. Đại đắc dân dã.**

**Dịch.**

*Hào Sơ, dùng dấng, ngõ ngang,  
Hay thay, chính Đạo tâm xoang chẳng rời,  
Hay thay, phụ bật gặp người.*

**Tượng rằng:**

*Dùng dấng, ngõ ngang,  
Nhưng mà chính Đạo quyết mang thi hành.  
Phẩm cao mà lại hạ mình,  
Quý người bề dưới, dân tình vui theo.*

Gặp buổi truân chiên, nếu mình có chân tài, lại khôn ngoan, cương quyết, biết chiêu hiền đãi sĩ, biết hạ mình phục vụ dân, cố chinh phục lòng dân, thì sẽ có ngày lãnh đạo được dân.

#### 2. Hào Lục nhị.

六二：屯如邙如，乘馬班如。匪寇婚媾，

女子貞不字，十年乃字。

象曰：六二之難，乘剛也。十年乃字，反常也。

*Lục nhị: Truân như chiên như. Thừa mã ban như.*

**Phỉ khấu hôn cầu. Nữ tử trinh bất tự. Thập niên nãi tự.**

*Tượng viết:*

**Lục nhị chi nạn. Thừa cương dã. Thập niên nãi tự. Phẫn thường dã.**

**Dịch.**

*Truân Lục nhị như quanh, như quẩn,  
Ngựa cỡi rồi, dùng dấng chẳng đi,  
Đó đành chẳng phải gian phi,  
Cùng ta những muốn sính kỳ duyên may.  
Nhưng trinh trắng, gái này đã quyết,*

*Quyết bèn gan, tiết liệt chờ ai,  
Mười năm ta vẫn chờ người.*

**Tượng rằng:**

*Hào nhị gặp gian nan,  
Là vì lâm cảnh cưỡi Dương cương.  
Mười năm nếu biết chờ phối ngẫu,  
Rời ra vận số sẽ như thường.*

Nếu mình là người có tài đức, xứng đáng là bậc lương đồng quốc gia sau này, hãy biết bèn gan chờ minh chúa, chớ đừng nghe lời dụ dỗ, chào mời của những kẻ tá ơn.

### **3. Hào Lục tam.**

**六三： 既鹿無虞，惟入于林中，君子几不如舍，往吝。**

**象曰： 既鹿無虞，以縱禽也。君子舍之，往吝窮也。**

*Lục tam: Túc lộc vô ngu. Duy nhập vu lâm trung.  
Quân tử cơ. Bất như xả. Vãng lận.*

**Tượng viết:**

**Túc lộc vô ngu. Dĩ tùng cầm dã. Quân tử xả chi. Vãng lận cùng dã.**

**Dịch.**

*Săn hươu thiếu kẻ thuộc đường rừng,  
Xông xáo rừng sâu lạc ở trong,  
Quân tử thấy thời chưa thuận tiện,  
Cho nên dùng dăng, chứa ra công.  
Nếu đi liều lĩnh lung tung,  
Làm sao tránh khỏi uống công, nhọc lòng.*

**Tượng rằng:**

*Săn hươu thiếu kẻ thuộc đường rừng,  
Cũng bởi ham môi ruồi tứ tung,  
Quân tử biết thời, không ruồi bắt,  
Ruồi rong âu chỉ tổ hoài công.*

Những người bắt tài, lại không người phụ bật, mà lại tham danh, tham lợi, không biết gì thời thế mà đòi nhảy ra khua môi, múa mỏ, vỗ ngực vì nước, vì dân, phò nguy, cứu khổ, chắc là đi đến chỗ thất bại. . .

### **4. Hào Lục tứ.**

**六四： 乘馬班如，求婚媾，無不利。**

**象曰： 求而往，明也。**

*Lục tứ. Thừa mã ban như. Cầu hôn cấu. Vãng cát. Vô bất lợi.*

*Tượng viết:*

**Cầu nhi vãng. Minh dã.**

**Dịch.**

*Cười ngửa dùng dằng, chưa muốn bước,  
Cố tìm cho được hảo hôn nhân,  
Tế Truân lý hiểm, xoay vận nước,  
Rời ra mọi sự sẽ êm dằm.  
**Tượng rằng:** Một dạ cầu hiền,  
Rời ra hóa giải truân chuyên cho đời.  
Thế là sáng suốt mấy mươi.*

Có những người giữ địa vị cao trong chính trường, nhưng bất tài. Nhưng nếu họ thực lòng vì dân, vì nước, biết hạ mình cầu hiền, cố tìm cho ra những người hay, người giỏi, để cùng mình cộng tác, như vậy cũng là một hành động khôn ngoan cho đất nước.

### **5. Hào Cửu ngũ.**

**九五：屯其膏，小貞吉，大貞凶。**

**象曰：屯其膏，施未光也。**

**Cửu ngũ. Truân kỳ cao. Tiểu trinh cát. Đại trinh hung.**

*Tượng viết:*

**Truân kỳ cao. Thi vị quang dã.**

**Dịch.**

*Truân muốn thi ân cũng khó lòng.  
Từ từ chinh đốn, mới nên công,  
Thế hiểm mà toan mưu đại sự.  
Tránh sao cho khỏi những điều hung.  
**Tượng rằng:** Thi ân mà cũng khó lòng,  
Nghĩa là chưa được quảng thông xa gần.*

Làm đầu một nước, nhiều khi cũng chẳng nắm trọn quyền, đôi khi cũng chẳng ảnh hưởng đến đời, đến dân được bao lâu. Đó là trường hợp na ná như vua Lê, chúa Trịnh nước ta: Vua ở ngôi, Chúa nắm quyền (**Thiên hạ phân qui nhị chủ**). Nhà vua có thể là người có tài đức, nhưng quần thần, thủ túc, không ai là kẻ có tài. Trong trường hợp này, nhà vua nên nhẫn nhục, làm những công việc nhỏ nhỏ, mới có cơ bền vững. Còn muốn làm những chuyện to lớn sẽ chuốc lấy bại vong.

Gương lịch sử còn đó, Vua Lê Cảnh Hưng biết chịu đựng, có thể ngôi lạng ở ngôi 46 năm. Đó là **Tiểu trinh cát**. Vua Lê Chiêu Thống vì muốn thanh toán họ Trịnh và nhà Nguyễn Tây Sơn, nên đã mang hận táng thân nơi đất khách.. Đó là **Đại trinh hung**.

## 6. *Hào Thượng Lục.*

上六：乘馬班如，泣血漣如。象曰：泣血漣如，何可長也

Thượng Lục. Thừa mã ban như. Khấp huyết liên như.

*Tượng viết:*

**Khấp huyết liên như. Hà khả trường dã.**

**Dịch.**

*Cưỡi ngựa dùng dằng, khôn tiến bước,*

*Huyết lệ đôi dòng chảy chẳng thôi*

**Tượng rằng:** *Huyết lệ tuôn rơi.*

*Làm sao có thể lâu dài mà mong.*

Như gặp thời vận quá suy, mà mình lại tài hèn, sức bạc, làm sao cứu vãn được cơ trời. Thế là rỏ huyết lệ ngồi nhìn cảnh suy vong. Thơ rằng:

*Muốn nói nhưng mà nói với ai?*

*Muốn làm, ai kẻ bạn đường đời!*

*Gia vong, quốc phá, niềm thương hận,*

*Huyết lệ đôi dòng gửi khúc nhôi !*

## **ÁP DỤNG QUÊ TRUÂN VÀO THỜI ĐẠI**

Quê Truân nói lên tình trạng Truân chuyên (khó khăn) lúc ban đầu của những người muốn lập sự nghiệp.

### **I. Những người muốn dùng Chính trị làm sự nghiệp.**

Khi nếp sống ở nơi định cư đã được yên ổn, thì con người bắt đầu nghĩ đến xây dựng lại sự nghiệp đã mất.

Có người vì muốn bảo vệ cho đồng bào ruột thịt của mình được hữu hiệu, nên họ đã nghĩ cách chen chân vào chính quyền của dân bản xứ, họ đầu đơn ứng cử nghị viên, dân biểu vv... Họ thành công hay thất bại không quan trọng, nhưng quan trọng nhất là họ **đã đi đúng đường**, vì họ có mục tiêu rõ rệt là nếu thành công họ có thể bảo vệ đồng bào của họ một cách đường hoàng, hữu hiệu nơi xứ người.

Nhưng lại có 1 số người khác, không có chính kiến, hay lập trường gì rõ rệt, nhưng lại thích làm chính trị, thích a dua theo bè phái, họ theo mà không rõ theo cái gì?

Họ sống trong **mộng ảo** là có thể nhờ tụ họp bè nọ, phái kia, may ra có thể tiến hơn. Những người này là những người rất dễ bị bọn **Hoạt đầu chính trị**, tham tâm, mưu lợi, lợi dụng họ. Họ chỉ theo vì a dua, chứ không bao giờ chịu suy nghĩ rằng: những người muốn cầm đầu mình, lợi dụng mình đó, thực ra họ có tài năng, đức độ, kinh nghiệm không? và họ có chính kiến gì không? Nơi đây có môi trường gì để họ hoạt động? **Nếu có**, thì chính kiến của họ đúng hay sai? **Nếu không có**, thì hoạt động sẽ đi đến đâu?

Thực ra, trên đời này **Làm chính trị đâu có dễ**. Người có tâm huyết làm Cách Mạng như cụ Phan Bội Châu, được dân kính mến, cũng đành thúc thủ, hướng chỉ những người không có chút tiếng tăm, hoặc tài năng gì. **Hơn nữa ở nơi xứ người đâu có môi trường làm chính trị?** Cho

nên, nếu ta nhẹ dạ, nghe theo lời họ, thì không biết sẽ còn đi đến đâu, nếu ta theo họ mà làm điều gì quá đáng. Sự thật, **cầm đầu một gia đình còn khó, huống hồ làm việc đại sự.**

## II. Những người gây dựng sự nghiệp bằng thương mại.

**A. Người có tài thực sự, nhưng lại thiếu người cộng tác.** Những người này phải đi tìm người cộng tác, phải chịu trả lương cao để kéo người giỏi về mình. *Nhưng nếu họ kiêu ngạo, coi rẻ, bóc lột tài năng người cộng tác, thì cũng chẳng đi tới đâu.* Sự nghiệp của họ nếu thành công đi chăng nữa, thì sự thành công đó cũng không vững bền.

**B. Người không có tài, nhưng lại có chí muốn gây dựng sự nghiệp.** Những người này sẽ thành công, *nếu họ biết tìm người tài năng hơn họ, biết cư xử khéo để lấy lòng người.* Những người này, họ biết mình kém tài, thua kém người mà họ mời về cộng tác, nên họ không hợm hĩnh, kiêu ngạo, nếu họ lại tỏ ra rộng rãi với người cộng tác với họ, thì chắc chắn họ sẽ thành công. Tóm lại, **Sự thành công ở đời không phải do tài số, hay do may mắn,** mà phải nói thành công ở đời, ít nhất cũng phải tài giỏi về một phương diện nào đó vậy.

## III. Người gây dựng sự nghiệp bằng sự chuyên cần học hành, nghiên cứu của mình.

Những người này là những người có óc thực tế, Họ biết lợi dụng sự giúp đỡ của chính quyền nước bạn, của sự thông minh, của sự chuyên cần nơi chính bản thân họ, để đạt đến mục đích của họ. Họ đã rất vất vả lúc ban đầu (có khi kéo dài cả 10 năm), vừa đi làm, vừa đi học; và nay đã có nhiều người, đã chiếm được địa vị khả quan trong xã hội người bản xứ. Nhiều người, trong số những người này đang đi vào con đường phát minh, nghiên cứu, ngõ hầu có thể mang tài năng mình ra để phụng sự cho nhân loại, cho dân tộc. Họ là những người đáng cho ta kính trọng, và xứng đáng là người dẫn dắt cho con em chúng ta mai sau. Họ là người biết dùng thời gian, biết xử dụng tài năng, biết xây dựng sự nghiệp cho mình một cách đúng cách.

## IV. Những người xây dựng bằng sự nghiệp văn chương.

Những người này như con tâm nhà thơ, mang hết óc chất của mình ra để tạo ra những áng thơ, văn hoặc những sưu tầm nghiên cứu của mình, lòng chỉ mong có thể mang lại lợi ích gì cho thế hệ mai sau, nhưng như 2 câu thơ sau:

*Bát tri tam bách dư niên hậu*

*Thiên hạ thùy nhân khấp Tố Như.*

(Ba trăm năm sau còn ai khóc Tố Như (Nguyễn Du)

Nhưng, những áng thơ gọi hình, gọi cảnh của truyện Kiều, khó làm ta quên được. Vẫn biết **Văn chương hạ giới rẻ như bèo**, nhưng những người cầm bút chân chính, vẫn không sao bỏ nghề được. Phải chăng đó là cái **Nghiệp?**

Chúng ta, những người đã đi, đang đi, và sắp đi vào con đường xây dựng sự nghiệp ở trên, mong rằng hãy suy nghĩ kỹ càng, rồi mới hành sự, cũng chưa muộn vậy.

### 4. 山水蒙 SON THỦY MÔNG



**Mông Tự Quái**

**蒙序卦**

Truân giả vật chi thủy sinh dã.

**屯者物之始生也。**



Vật sinh tất Mông	物生必蒙,
Cố thụ chi dĩ Mông.	故受之以蒙
Mông giả mông dã.	蒙者蒙也
Vật chi trĩ dã.	物之稚也。

### **Mông Tự Quái**

*Truân là vạn vật chào đời ,  
 Hãy còn mông muội, chơi vui, ngỡ ngàng.  
 Cho nên tiếp tới quẻ Mông,  
 Mông là dốt nát, mịt mù, thơ ngây.*

Mông là mông muội, tối tăm, là non nớt, ấu trĩ. Có nhà bình luận cho rằng: chữ Mông gọi ra hình ảnh một căn nhà tối tăm, lụp xụp, mái rủ xuống gần sát đất, tiêu biểu cho thời kỳ man dại xa xưa, khi mà dân chúng còn ở trong những mái nhà thô sơ, còn ngu si, dốt nát . . .

### **I. Thoán.**

#### **Thoán Từ.**

**蒙：亨。匪我求童蒙，童蒙求我。初噬告，再三瀆，瀆則不告。利貞。**

**Mông. Hanh. Phi ngã cầu đồng mông. Đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cốc. Tái tam độc. Độc tác bất cốc. Lợi trinh.**

#### **Dịch.**

*Ngây thơ Mông muội có cơ hay,  
 Thầy không cầu trẻ, trẻ cầu thầy.  
 Nhất thứ cầu ta, ta chỉ giáo,  
 Tái tam sàm sỡ, chẳng phô bày.  
 Đại phàm dạy dỗ, vẽ bày,  
 Phải cho trinh chính, mới hay, mới lời.*

Quẻ Mông muốn đề cập đến công trình giáo hóa, để khai phóng cho con người khỏi dốt nát, mông muội; hoặc là con người lịch sử khi còn man di, mông muội; hoặc là con người lê thú còn dốt nát, u mê; hoặc là những trẻ thơ còn khờ khạo, vừa chập chững bước vào đời. Nếu xét về thời gian và tuổi tác, con người có thể ngu muội nhất thời, nhưng nếu xét về bản tính, về tính chất, thì con người vốn thông minh. Dầu hồng trần, dầu ngoại cảnh, có thể nhất thời như sa mù che mắt cốt cách, mất tâm linh, con người vẫn có thể nhờ giáo hóa mà trở nên sáng láng. Vì vậy Thánh nhân đề cao sự giáo hóa, giáo dục.

#### **Thoán Truyện viết:**

象曰. 蒙, 山下有險, 險而止, 蒙。蒙亨, 以亨行時中也。匪我求童蒙, 童蒙求我, 志應也。初噬告, 以剛中也。再三瀆, 瀆則不告, 瀆蒙也。蒙以養正, 聖功也。

Mông. Sơn hạ hữu hiểm. Hiểm nhi chỉ. Mông. Mông hanh. Dĩ hanh hành thời trung dã. Phỉ ngã cầu đồng mông. Đồng mông cầu ngã. Chí ứng dã. Sơ phệ cốc. Dĩ cương trung dã. Tái tam độc. Độc tác bất cốc. Độc mông dã. Mông dĩ dưỡng chính. Thánh công dã.

Dịch.

*Thoán rằng:*

*Mông là dưới núi có nguy nan,  
Nguy hiểm dùng chân, về ngõ ngang.  
Mông đấy, rồi ra hạnh vận đấy,  
Hợp thời, hợp Đạo, sẽ thênh thang.  
Ta đâu cầu trẻ, để khai quang,  
Trẻ phải cầu ta, chỉ lối đường.  
Chí trẻ, chí ta cần ứng hợp,  
**Tương ứng rồi ra để bảo ban.**  
Nhất thứ cầu ta, ta chỉ giáo,  
Mới là chính đáng, mới khôn ngoan.  
Tái tam sàm sỡ, thôi dạy bảo,  
Sàm sỡ âu đành tính trẻ con.  
**Ta đây dạy dỗ mầm non,  
Cốt là nuôi dưỡng, bảo toàn tinh hoa.**  
Khải mông, dưỡng chính bốn ba,  
Dưỡng nuôi chính khí, mới là Thánh công.*

Giáo hóa, giáo dục, cốt là để phát huy phẩm cách con người, tinh hoa con người, để rút ráo con người sẽ trở nên Thánh Hiền. **Phát Mông** có mục đích là **Dưỡng chính**.

Như vậy, đừng thấy con người còn ngu si, mà đã vội thất vọng. Đó là những viên ngọc quý, đang chờ sự dũa mài để trở nên giá trị. Vì thế, tuy Mông mà vẫn Hanh. Nhưng muốn giáo hóa cho kết quả, không phải thầy đi cầu trò, mà trò phải thành khẩn cầu thầy.

Con người có tha thiết đi tìm chân lý, con người có tha thiết muốn hoán cải mình, thì khi ấy mình sẽ mới dễ bề khai quang, điểm hóa. **Chân lý là cái gì quý báu, cần được truyền thụ trong một bầu không khí kính cẩn, chứ không phải ngọc để ngẫu vầy.** Đó là đại ý Thoán Từ, Thoán Truyện.

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết:*

象曰. 山下出泉, 蒙. 君子以果行育德。

Sơn hạ xuất tuyền. Mông. Quân tử dĩ quả hạnh dục đức.

## Dịch.

*Tượng rằng: Dưới núi suối tuôn,  
Lo sao đức hạnh vuông tròn, mới nên.*

Nhìn Tượng quẻ Mông, ta liên tưởng tới một dòng suối từ lòng núi tuôn ra, còn ngổ ngàng, e ấp, chưa biết chảy về hướng nào, ngã nào. Đại Tượng Truyện nhân đó khuyên ta nên lập chí cho cương kiên, tu đức cho sung mãn, có như vậy ta sẽ như dòng suối vô tận ào ạt tuôn ra tràn ngập bốn biển, năm hồ.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào đều bàn về công cuộc giáo hóa.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。發蒙，利用刑人，用說桎梏，以往吝。發蒙，  
利用刑人，用說桎梏，以往吝。

象曰。利用刑人，以正法也。

**Sơ Lục. Phát Mông. Lợi dụng hình nhân.  
Dụng thoát chất cộc. Dĩ vãng lận.**

*Tượng viết:*

**Lợi dụng hình nhân. Dĩ chính pháp dã.**

## Dịch.

*Dạy trẻ có khi phải vọt roi.  
Gông cùm cố gắng gỡ cho người.  
Gông cùm mông muội khi đã gỡ,  
Đập đánh làm chi nữa, hỏi ai?  
**Tượng rằng:** Cũng lúc vọt roi,  
Vọt roi là cốt dạy người phép khuôn.*

Hào Sơ Lục **Phát Mông** đề cập đến phương pháp giáo hóa, và cho rằng khi con người còn ngu si, dốt nát, khi mà tâm hồn còn đần độn, cứng cỏi, chưa biết rung động trước Chân, Thiện, Mỹ, thì cũng cần dùng hình phạt, thị uy.

Lập ra hình phạt, thị uy để con người biết sợ hãi, biết nép mình vào khuôn phép, để dần dần hấp thụ được lời giáo huấn, và sẽ sửa đổi được tâm tính. Hình phạt chỉ là phương tiện nhất thời; khi con người đã biết phục thiện, thời phải bỏ. Dùng hình phạt mãi đâu có hay.

Lai Tri Đức khi bình Hào này, cho rằng nếu không biết dùng hình phạt, mà chỉ dùng đường lối ngọt ngào để giáo hóa, thì thường sẽ đi đến thất bại. Xét cho cùng, hình phạt cần hay không cần, cũng tùy nơi, tùy thời, tùy người.

*Quân tử ư hữ thì đau,  
Tiểu nhân vác đá đánh đầu như không.*

Tóm lại, trong công trình giáo hóa, phải phối hợp cả nghiêm, lẫn khoan.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二。 包蒙吉; 納婦吉; 子克家。

象曰。 子克家，剛柔接也。

Cửu nhị. Bao môn cát. Nạp phụ cát. Tử khắc gia

Tượng viết:

Tử khắc gia. Cương nhu tiếp dã

Dịch.

*Môn Cửu nhị, bao dung mới tốt.*

*Dung trẻ thơ, thấu nạp nữ nhi.*

*Rộng dung, đẹp dễ mọi bề,*

*Phận con, đã biết lo bề gia cang.*

**Tượng rằng:** Con biết lo lường,

*Dưới, trên, mềm, cứng, đôi đường hòa hai.*

Hào hai là Dương cương, mà lại đắc trung, sẽ đóng vai chủ chốt trong công cuộc giáo hoá mọi người.

Cửu nhị **Bao môn** là một minh sư, có bốn phận khai môn cho tất cả đám người môn muội. Vì thế **Hào Cửu nhị là chủ Hào trong quẻ này**. Vì Cửu nhị đã cương, lại đắc trung, nên cảm thông, bao dung được mọi hạng người, lại biết linh động giáo hóa, khiến mọi hạng người đều được mang ơn giáo dục, cải hoá. Cửu nhị là Dương Hào, mà lại thống trị mọi Âm Hào, nên nói rằng **Nạp phụ**, nên nói rằng **Bao môn**. Cửu nhị ở bậc dưới, mà lại làm công việc trên, có khác nào như bầy tôi lương đồng, được quân vương ủy thác công việc, như con cái được cha giao phó cho trách nhiệm lo lắng gia đình. Vì thế nên nói: **Tử khắc gia**. Cửu nhị mà làm nên công trình, chính là nhờ ở chỗ đồng tâm, nhất trí giữa nhị và ngũ, giữa đôi bên thầy trò.

## 3. Hào Lục tam.

六三： 勿用娶女; 見金夫，不有躬，無攸利。

象曰： 勿用娶女，行不順也。

Lục tam. Vật dụng thủ nữ. Kiến kim phu. Bất hữu cung. Vô du lợi.

Tượng viết:

Vật dụng thủ nữ. Hành bất thuận dã.

Dịch.

*Lục tam chớ dụng gái tham tài,*

*Tham vàng, cuồng quít vội theo trai.*

*Ngốt của, quên mình, quên thể thống,*

*Hư thân, thôi thể cũng là thôi.*

**Tượng rằng:** Hạng gái ngược đời,

*Dùng chi cho uống, thôi thôi chớ dùng.*

Tuy nhiên, trong xã hội vẫn có những hạng người nan giáo. Đó là những hạng người tham vàng bỏ nghĩa, những hạng người ăn xổi, ở thì, không cần đếm xỉa gì đến lương tâm, đến Đạo lý, những hạng người giả dối, bôi bác, sống bừa phứa, gặp chãng hay chớ, chẳng cần gì đến danh dự, đến tình nghĩa. Dịch dùng **Hào Lục tam bất trung, bất chính** để đề cập đến hạng người ấy một cách bóng bẩy, coi họ như là những đàn bà con gái trác nết, vong tình; chẳng kể gì đến người tình chính đáng của mình là Thượng Cửu, mà muốn hiến thân cho Cửu nhị gần kề, một người mà **đòi đang lên hương**, vừa có tài, vừa có đức. Vì thế mà Hào Lục tam nói: **Vật dụng thú nữ**.

#### 4. Hào Lục tứ.

六四. 困蒙，吝。

象曰. 困蒙之吝，獨遠實也。

Lục tứ. **Khốn môn. Lận**

*Tượng viết:*

**Khốn môn chi lận. Độc viễn thực dã.**

**Dịch.**

*Lục tứ, thẹn thay kẻ tối tăm,*

*Tối tăm, khốn nạn, khổ cho thân.*

**Tượng rằng:** *Khốn đón, tối tăm,*

*Lìa xa chân thực, cho thân thẹn thùng.*

Lại còn một hạng người nan hóa nữa, là hạng người thà chịu dốt nát, chứ chẳng thà tìm thầy, chọn bạn. Họ như bóng tối, mà muốn trốn tránh ánh sáng mặt trời, thì hỏi sao mà chẳng **tối tăm, khốn nạn, hổ cho thân** mới được chứ. Vì thế Lục tứ nói **Khốn môn**.

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五. 童蒙，吉。

象曰. 童蒙之吉，順以巽也。

Lục ngũ. **Đông môn. Cát.**

*Tượng viết:*

**Đông môn chi cát. Thuận dĩ tốn dã.**

**Dịch.**

*Lục ngũ thơ ngây, cũng vẫn hay,*

**Tượng rằng:** *Thơ dại vẫn hay,*

*Vừa ngoan, vừa nhũn, thơ ngây tốt lành.*

Dịch đề cao những người ở ngôi cao, vị cả, mà vẫn giữ được tấm lòng thành khẩn như trẻ thơ, hạ mình cầu học. Đó là đường lối của các minh chúa xưa kia đã dùng để đi vào lịch sử như Thành Thang học Y Doãn, như Cao Tông học Phó Duyệt. Thế là **học bất xỉ hạ vấn**.

Lễ đời, khi ở ngôi cao thì tự cao, tự đại không chịu khuất kỷ cầu nhân. Đây trái lại, Lục ngũ **nhu trung cư tôn vị**, mà vẫn vui lòng cầu ứng với minh sư là Cửu nhị. Đó là những hạng người, trong thì tri thức chưa tạp loạn, mà ngoài thì kiến văn chưa tập nhiễm, **Thiên tính, Thiên chân còn y nguyên**, chưa bị hao tán, **Xích tử chi tâm còn toàn vẹn** chưa pha phách mùi đời, vì thế không ý mình, vẫn để trống lòng, để thụ giáo cùng những bậc Thánh Hiền. Nuôi dưỡng mình bằng chính lý, chính Đạo, thế là thành công, thế là có cơ thành tựu. Vậy cho nên tốt, cho nên hay. Vì thế Lục ngũ nói: **Đồng môn. Cát**.

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九. 擊蒙，不利為寇，利御寇。

象曰. 利用御寇，上下順也。

*Thượng Cửu. Kích môn. Bất lợi vi khấu. Lợi ngự khấu.*

*Tượng viết:*

**Lợi dụng ngự khấu. Thượng hạ thuận dã.**

**Dịch.**

*Thượng Cửu những thẳng tay dạy trẻ,  
Quá khát khe, bắt bẻ ích chi.  
Hay là, cố tránh vô nghi,  
Hay là, ngăn chặn những gì nhỏ nhãng,  
**Tượng rằng:** Chặn được nhỏ nhãng,  
Dưới trên hoà thuận, êm dằm, mới hay.*

Nơi Hào Thượng Cửu **Kích môn**, Dịch cho rằng dấu sao trong công trình giáo hóa, cũng không nên quá nghiêm khắc. Khi mà người còn quá môn muội, mà chính mình lại quá nghiêm khắc, ép buộc người học hỏi, lam lam những điều quá tầm họ, thì rút cuộc làm hại họ; làm cho họ phát khùng, phát tặc, phản lại mình mà thôi. Có nghiêm minh, thì nên nghiêm minh, khi cần ngăn ngừa những chuyện phóng túng dục tình, thế là nghiêm minh để **ngăn chặn bọn thảo khấu ẩn trong lòng người**. Có nghiêm minh, chẳng là **nghiêm minh với con sói đội lột chiên, muốn đầu độc quần chúng**, muốn đưa quần chúng vào vòng sa đoạ mà thôi. Thế là **Lợi ngự khấu**.

Con người cũng như vũ trụ, có đầy tiềm năng, tiềm lực, và nếu biết hướng dẫn, biết khai thác, sẽ đem lại những lợi ích khôn lường, những kết quả đẹp đẽ vô cùng tận.

Hơn nữa, khi giáo hóa cũng cần phải biết rằng: nơi con người, thiên tư, phú bẩm có khác nhau:

- Người thì thiên về tinh thần (introverti)
- Người thì thiên về vật chất (extroverti)
- Người thì có cơ phát huệ.
- Người thì tâm có thể lập chí cương kiên.
- Người thì trí có thể phát triển lý sự.



-Người thì có sức lực, tài khéo tay chân.

### **Manou, một Luật gia Ấn Độ cho rằng:**

1). Những hạng người có chân tay khỏe mạnh, tài khéo, sẽ phục vụ xã hội bằng việc lao động tay chân.(Sudras).

2). Những hạng người trí thức sẽ phục vụ xã hội bằng các nghề tự do, thương mại (Vaisyas).

3). Những hạng người có ý chí, tâm huyết, sẽ phục vụ xã hội trong phạm vi chính trị, quân sự (Kshatriyas)

4). Những hạng người yêu chuộng suy tư, yêu chuộng đời sống tâm linh, sẽ phục vụ xã hội trong lãnh vực tu trì (Brahmanes).

Như vậy, thầy phải biết hướng dẫn trò, trò phải biết tự lượng tài sức, khả năng, và khuynh hướng, có như vậy mới đưa đến những thành quả tốt đẹp cho cá nhân, và thế quân bình cho xã hội.**Dịch kinh vì muốn giáo hóa mọi người nên gồm đủ: Thiên Đạo, Nhân Đạo, Vật Đạo, để ai đọc Kinh Dịch cũng thấu được cái hay, cái lợi.**

## **ÁP DỤNG QUÊ MÔNG VÀO THỜI ĐẠI**

Thời đại ngày nay, phương pháp dạy trẻ không còn dùng roi vọt như khi xưa nữa. Ở các lớp Mẫu giáo, giáo viên không được ưu đãi một trò nào một cách đặc biệt, và không được phép để một trò nào quấy luyên mình quá độ. Các giáo viên, không những dạy các em đọc, viết, mà phải nghĩ ra những trò chơi, để vui chung với các em trong giờ nghỉ.

Nếu có em nào quá ngỗ nghịch, ưa chọc phá bạn, không nghe lời cô hoặc thầy giáo, thì không được đánh, hoặc dùng roi vọt, mà chỉ trừng phạt bằng cách bắt quỳ một lúc, hoặc quá lắm thì nói lại với phụ huynh để dạy bảo em ở nhà họ.

Nơi Trung Học, thì lại quá lắm. Học trò có người còn nhạo báng lại thầy trong lúc giảng dạy, không còn tôn sư, trọng Đạo như khi xưa. Khi xưa, thầy dạy đóng cả vai cha hay mẹ, có trách nhiệm dạy bảo học trò cũng như dạy bảo chính con cái trong nhà vậy (**Quân, Sư, Phụ**). **Thầy dạy còn trọng hơn cha mẹ.** Do đó người trò kính trọng thầy, cô như cha mẹ họ vậy, và các bậc phụ huynh cũng đỡ một phần gánh nặng trong việc dạy dỗ con cái họ.

Ngày nay, cha mẹ thì tối ngày làm việc vì sinh kế, đâu có thời gian để dạy con cái nữa. Phương pháp giáo dục hiện tại lại không cho phép nghiêm phạt học trò, do đó Đạo đức ngày một suy giảm một cách rõ rệt. Sự nền nếp của lớp thanh thiếu niên không còn như xưa, và sự lễ phép, tôn kính đối với ông bà, cha mẹ, giáo sư, cùng đối với các bậc trưởng thượng suy giảm một cách rõ rệt. **Như vậy sự giáo dục đã hỏng từ gốc rồi.** Nhân loại ngày nay chỉ đề ý về **Khoa Học**, mà quên đi sự giáo dục về **Đạo Đức** của con người. Đạo giáo dạy con người cũng nhiều, nhưng chỉ dạy con người đối với Thượng đế, mà không dạy cách trau dồi từ gốc, hỏi sao có thể giác ngộ ngay được, nếu gốc đã bị mối mọt, hư hỏng rồi.

**Vậy phương pháp giáo dục nghiêm khắc, hay phương pháp giáo dục thả lỏng như ngày nay,** phương pháp nào hơn, tùy ý quý vị phán xét. Theo thiên ý, nghiêm khắc quá thì không nên, nhưng như ngày nay, thì cần phải thay đổi lại, không thì không biết mai sau loài người có còn muốn có con nữa hay không? Đó là bài toán cần đáp số.

Nhưng bất kỳ dùng phương pháp gì chăng nữa, tôi cũng xin góp với quý vị giáo viên bài thơ sau, để dạy các em thuộc lòng :

*Song tiên cần khổ học,  
Mã thượng cảm y hồi.  
Bạch nhật mạc nhàn quá,  
Thanh xuân bất tái lai.*

### Dịch

*Bên sông kinh sử dôi mài,  
Ngựa hồng, áo gấm, một mai đi về.  
Thiếu thời, nhàn hạ trôi đi,  
Ngày xanh, hồ ẽ hẹn kỳ trùng lai.*

Cách đây không lâu, các vị học trò cũ của nhà tôi (có vị đã 68, 69 tuổi, là những người đã có những địa vị khả quan trong xã hội), đến thăm chúng tôi. Nhà tôi đã không còn nhớ họ là ai, và tên gì. Và 1 người trong bọn họ, đã đọc thuộc lòng bài thơ trên, mà cách đây 53 năm, nhà tôi đã dạy họ. Thật là cảm động. Thầy trò nhắc lại chuyện xưa, với một cảm tình đầm thắm, và cuối cùng kết luận: **Những điều Thầy dạy chúng con thật không sai vậy.**

### 5. 水天需 THỦY THIÊN NHU

#### Nhu Tự Quái

需序卦

Vật trỉ bất khả bất dưỡng dã

物稚不可不養也，

Cố thụ chi dĩ Nhu

故受之以需；

Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.

需者飲食之道也。

#### Nhu Tự Quái

*Mông là dốt nát, mịt mù, thơ ngây.*

*Thơ ngây, nuôi dưỡng mới hay,*

*Cho nên kế tiếp quẻ này, là Nhu.*

*Nhu là ẩm thực, ẩm no. . .*

Nhu theo Từ nguyên, gồm hai chữ: **Vũ** là mưa, **Chuyên** là cây non. Nghĩa là cây non mới mọc, cần được mưa móc đượm nhuần, nuôi dưỡng.

Vì thế **Nhu** có nghĩa đầu tiên là **Ăn uống**. Nhu theo **Tượng quẻ** là mây kéo đầy trời, nhưng chưa mưa. Phải chờ một khoảng thời gian nữa mới mưa.

**Nhu** thành bởi **Kiên** (lão phụ = cha già), và **Khảm** (thứ nam), cũng gọi lên hình ảnh một người cha già đứng tựa cửa chờ con ở xa chưa về.

**Nhu** theo **đức quẻ**, thì là hiểm nguy (**Khảm**) ở trước mặt. Cho nên người quân tử phải sáng suốt (**Kiên**), phải biết khoan dân, đợi thời, đừng có đâm vào vòng nguy hiểm.

Như vậy Nhu có 2 nghĩa:

1/ Tu dưỡng, ăn uống (nơi Tụ Quái, Tượng, Hào 5)

2/ Chờ đợi thời cơ (nơi Hào 1, 2, 3, 4, và 6).

Thoán Từ, Thoán Truyện, bất kỳ ở một quẻ nào cũng bàn tổng quát quẻ đó. Nhu lấy **Hào Cửu ngũ làm chủ Hào**

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

需：有孚，光亨，貞吉。利涉大川。

**Nhu. Hữu phu. Quang hanh. Trinh cát. Lợi thiệp đại xuyên.**

### Dịch.

*Nhu là khoan dân, đợi thời cơ,  
Vững tin, vận sẽ sáng sủa ra.  
Trinh chính rồi ra may mắn tới.  
Tuy phải vượt sông, vẫn lợi mà.*

### *Thoán Truyện viết:*

需，須也；險在前也。剛健而不陷，其義不困窮矣。需，有孚，光亨，貞吉。位乎天位，以正中也。利涉大川，往有功也。

**Nhu. Tu dã. Hiểm tại tiền dã. Cương kiện nhi bất hãm. Kỳ nghĩa bất khốn cùng hỹ.  
Nhu. Hữu phu quang hanh trinh cát. Vị hồ thiên vị. Dĩ chính trung dã. Lợi thiệp đại xuyên.  
Vãng hữu công dã.**

### Dịch.

*Nhu là khoan dân, đợi thời cơ.  
Trước mặt hiểm nguy, phải biết chờ.  
Cương kiện, nhưng không mua chuốc hiểm,  
Nên không cùng khốn, với sa cơ.  
Nhu vững niềm tin, sáng sủa ra,  
**Chính trinh**, may mắn sẽ chờ ta,  
Vị ở ngôi Trời, trung chính đủ,  
Dẫu phải vượt sông, vẫn lợi mà!  
Vượt sông, cũng vẫn hay ho,  
Việc làm sau, trước đều là thành công.*

**Thoán Từ & Thoán Truyện** bàn về quẻ Nhu một cách tổng quát: Trong trường hợp gặp nguy hiểm, nếu mình là người tài đức, minh chính, tự tín, tự cường, lại khôn ngoan biết lựa thời, lựa thế, không mua chuốc cho mình những nguy hiểm vô ích, thì đến khi hành sự chắc sẽ được hay.

*Nhu lấy Hào Cửu ngũ làm chủ chốt.* Cửu ngũ **Dương cương**, lại *cư trung*, **đắc thiên vị**, cho nên nơi Thoán Từ, ta thấy nói đến sự thành khẩn, phu tín, trình chính v v... Thoán Từ với câu: **Lợi thiệp đại xuyên**, làm ta liên tưởng đến Võ Vương đang chuẩn bị mạo hiểm vượt sông Hoàng Hà ( năm II trước Công nguyên), để đánh Trụ Vương.

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết:*

象曰：雲上於天，需君子以飲食宴樂。

**Vân thượng ư thiên. Nhu. Quân tử dĩ ẩm thực yến lạc.**

**Dịch.**

*Tượng rằng: Mây ở trên trời,*

*Uống ăn, quân tử thành thoi vui vậy.*

Tượng Truyện khuyên ta rằng: Phàm làm công chuyện gì, mà mình đã làm hết sức, thời không nên nóng nảy muốn gặt hái ngay thành quả...Trái lại, hãy nên bình tĩnh, hãy dưỡng thân, dưỡng tâm, dưỡng trí, dưỡng thần, đợi chờ ngày thành công tới. Như thế, có khác gì Khương Tử Nha, ngồi câu nơi sông Vị, chờ ngày Văn Vương tới rước về làm Thượng Phụ đâu?.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Sáu Hào quẻ Nhu chủ trương rằng: Dờ, hay, không phải là chỗ ở xa, hay gần nguy hiểm, mà là ở chỗ biết chờ thời, hay không biết chờ thời. Gặp **Hào Dương cương**, thì khuyên nên nén lòng chờ đợi. Gặp **Hào Âm nhu**, thời dạy phải mềm dẻo để thoát nguy.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。需于郊。利用恆，無咎。

象曰：需于郊，不犯難行也。利用恆，無咎未失常也。

*Sơ Cửu.*

**Nhu vu giao. Lợi dụng hằng. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Nhu vu giao. Bất phạm nạn hành dã. Lợi dụng hằng vô cữu.**

**Vị thất thường dã.**

**Dịch. Sơ Cửu:**

*Chờ trông ở cánh đồng,*

*Bền gan mọi sự sẽ nên công.*

*Bền bỉ chờ trông, không đáng trách,*

*(Trách sao được kẻ biết chờ mong).*

**Tượng rằng:** *Đợi ở ngoài đồng,*

*Khó khăn, trắc trở, ta không lao vào.*

*Bền gan, lợi ích biết bao,*

*An thường, thủ phận, trách sao được mình !*

Gặp thời buổi hiểm nguy, ly loạn, nhưng mà mình được cái may mắn còn ở xa nguy hiểm. Tưởng nên bắt chước Không Minh, khi còn ở Ngọa Long Cương, giữ tròn Đạo lý, khí tiết, dùng có đại dấn thân một cách vô lý vào nguy hiểm, phong trần, để mắc họa thất cơ, lỡ vận. Thế mới là hay.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二. 需于沙。小有言，終吉。

象曰： 需于沙，衍在中也。雖小有言，以終吉也。

Cửu nhị. Nhu vu sa. Tiểu hữu ngôn. Chung cát.

*Tượng viết.*

**Nhu vu sa. Diễn tại trung dã. Tuy tiểu hữu ngôn. Dĩ cát trung dã.**

**Dịch.**

*Hào Cửu nhị: đợi ngoài bãi cát,*

*Mặc xì xào, sau rốt sẽ hay.*

**Tượng rằng:** *Trên cát chờ trông,*

*Ngôi trung thanh thản, thung dung đợi chờ.*

*Mặc người đàm tiếu, nhỏ to,*

*Nhưng mà chung cuộc, bao giờ cũng hay.*

Mình tuy đã gần hiểm nguy, mà vẫn giữ được bình tĩnh, trung chính, kiên nhẫn. Dầu người không hiểu mình, mà nhỏ to, đàm tiếu, thời có hại chi đâu. Thế tức là:

*Anh hùng chưa được cao nhân phục,*

*Khuất tiết, sui nên kẻ sĩ lòn!*

## 3. Hào Cửu tam.

九三. 需于泥，致寇至。

象曰： 需于泥，災在外也。自我致寇，敬慎不敗也。

Cửu tam. Nhu vu nê. Trí khấu chí.

*Tượng viết.*

**Nhu vu nê. Tai tại ngoại dã. Tự ngã trí khấu. Kính thận bất bại dã.**

**Dịch.**

*Hào Cửu tam: trong bùn đứng đợi,*

*Có khác gì mời gọi giặc đâu?*

**Tượng rằng:** *Đợi ở trong bùn,*

*Hiểm nguy đã thấy nắp nom phía ngoài.*

*Tự ta gọi giặc tới nơi,*

*Hết lòng thận trọng, thoát thời bại vong.*

Ở gần nguy hiểm, nếu không biết tự kiềm chế, mà cứ xông xáo tiến lên, thì có khác nào chiêu tai họa vào mình, mời giặc cướp tới hại mình đâu. Nhược bằng biết sợ sệt, biết thận trọng, sẽ thoát hiểm.

Đọc Hào này ta liên tưởng đến Tào Tháo, lúc sắp mắc trận hỏa công nơi sông Xích Bích, mà vẫn còn ngạo nghễ, không coi đôi phương ra gì, vẫn uống rượu, thưởng trăng, ca ngâm, hóm hờ. Tào tháo có biết đâu rằng mấy câu thơ của mình

*Đêm nay, sao sáng, trăng thanh,  
Về Nam, con quạ lao mình trên không,  
Lượn quanh cây lớn ba vòng,  
Tìm không chỗ đậu, lại vùng bay mau . . .*

ít ngày nữa sẽ ứng vào mình, một tướng thảm bại, lạc lõng nơi Hoa Dung tiểu lộ, khuất kỳ cầu sinh. . .

#### **4. Hào Lục tứ.**

**六四. 需于血，出自穴。**

**象曰： 需于血，順以聽也。**

**Lục tứ. Nhu vu huyết. Xuất tự huyết.**

*Tượng viết.*

**Nhu vu huyết. Thuận dĩ thính dã.**

**Dịch.**

*Hào Lục tứ: đợi chờ trong huyết,*

*Dấu lọt vào hãm huyết vẫn ra.*

**Tượng rằng:** *Trong máu đợi chờ.*

*Tùy thời xử sự, có cơ thoát nạn.*

Mình dấu đã lâm vào vòng nguy hiểm, nhưng nếu biết nhu thuận, tùy thời xử sự, thì cuối cùng cũng sẽ thoát hiểm. Hào này làm ta liên tưởng tới Văn Vương, lúc bị giam nơi Dũ Lý. Trong vòng 7 năm, hằng ngày Trụ Vương sai người dò thám, bắt lỗi Văn Vương để mà trừ khử đi, nhưng vì Văn Vương khéo xử sự, nên Trụ Vương không làm gì được, cuối cùng đành phải phong tặng, và cho về nước.

#### **5. Hào Cửu ngũ.**

**九五. 需于酒食，貞吉。**

**象曰： 酒食貞吉，以中正也。**

**Cửu ngũ. Nhu vu tửu thực. Trinh cát.**

*Tượng viết.*



## Tử thực trình cát. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Hào Cửu ngũ: đợi nơi ăn uống,  
Cứ chính trình, sẽ hưởng tốt lành.  
**Tượng rằng:** Ăn uống, trông chờ,  
Bền gan, trình chính, rồi ra cát tường.  
Chính trung, giữ vẹn lễ thường.

Khi mình đã mài miệt học hành, một dạ tu thân, hoặc khi mình đã thi triển hết tài năng để trị dân, trị nước, mà chưa thu lượm được những thành quả hiển nhiên, thì đừng vội sốt ruột. Hãy biết vững bụng chờ thời. Hào này làm ta nhớ mấy câu thơ của Chu Du:

Trượng phu phải lập công danh,  
Công danh đã thỏa bình sinh trên đời.  
Bình sinh, chí đã thỏa rồi,  
Uống say, ta hát mấy lời ca ngông !

## 6. Hào Thượng Lục.

九五. 需于酒食，貞吉。

象曰：酒食貞吉，以中正也。

Thượng Lục. **Nhập vu huyết. Hữu bất tốc chi khách tam nhân lai.**  
**Kính chi trung cát.**

Tượng viết.

**Bất tốc chi khách lai. Kính chi chung cát. Tuy bất đáng vị. Vị đại thất dã.**

Dịch.

Hào Thượng Lục: sa vào địa huyết,  
Khách ba người chẳng biết tự đâu,  
Đãi đằng, kính cẩn trước sau,  
Rời ra, muôn sự một màu an vui.  
**Tượng rằng:** Không cầu, khách vẫn đến nơi,  
Đãi đằng, kính cẩn, chuyện rồi sẽ êm.  
Vị ngôi chẳng xứng, chẳng nên,  
Rời ra cũng bớt tằn phiến, dở dang.

Cũng có người mắc phải hiểm nguy ghê gớm, nhưng vì có bạn bè đồng đúc, hết lòng phù ủng, nên đã thoát hiểm. Đó là trường hợp Tiết Nhân Quý bị Lý Đạo Tông hãm hại, đến nỗi lâm đại nạn, may nhờ bè bạn bên ngoài như Uất Trì Cung, Từ Mậu Công, Trình Giáo Kim, hết lòng giúp đỡ, nên cuối cùng đã thoát được tai ương . . .

## ÁP DỤNG QUÊ NHU VÀO THỜI ĐẠI

Gặp thời Nhu, vị nguyên thủ quốc gia phải **nuôi dưỡng** thiên hạ, cả về mặt tinh thần lẫn vật chất, chứ chẳng phải du ngoạn, yến ẩm, hoan lạc một mình.

Mây lơ lửng trên trời, rồi sau trước sẽ thành mưa, để nuôi dưỡng vạn vật, thì một nền hành chính đứng đắn, sau trước cũng phải đặt nặng vấn đề nuôi nấng vạn dân, vì vậy Chính Phủ phải lập các ngân khoản trợ cấp, học bổng, cho vay dài hạn, để giáo dưỡng hàng sĩ phu trong thiên hạ, và đào tạo những anh tài, những nhà bác học cho đất nước; xem xét việc trồng tía, khai khẩn, để nuôi dưỡng chúng dân, cung cấp quân lương đầy đủ để nuôi dưỡng binh lính, thu thập thuế má cho đầy đủ để nuôi nấng công chức của quốc gia, để mọi người đều được tự tại, thoải mái, thành thoi. Muốn được vậy, đâu phải công chuyện một sớm, một chiều.

Trên, ta mới bàn qua về mặt **vật chất**, mà một vị Nguyên thủ quốc gia, và Lương viện của chính phủ phải lo cho dân. **Còn về mặt tinh thần, cũng phải lo giáo hóa dân**, từ lớp Mẫu giáo cho đến tuổi thành niên. Phải nâng đỡ những nhà Văn, nhà Báo, những nhà Tư tưởng, để họ có đủ khả năng về vật chất để ẩn loát, mà truyền bá tư tưởng, truyền bá những cái hay, cái đẹp cho thế hệ sau này ( Mục này tôi nghĩ các quốc gia trên thế giới quả là quá khiếm khuyết),

Quê Nhu còn khuyên ta: **Phải biết chờ đợi. Phàm công chuyện gì mà mình đã làm hết sức, thời không nên nóng nảy muốn gặt hái ngay thành quả. . .**

**Trái lại, hãy nên bình tĩnh, hãy dưỡng tâm, dưỡng trí, dưỡng thần, mà đợi ngày thành công tới.**

**Áp dụng vào ngày nay**, có nhiều người ra trường mà không sao xin được việc làm. Ta phải bình tâm, suy xét xem ta đã khiếm khuyết cái gì. Sau khi biết, ta sẽ dễ dàng sửa chữa nó, và sau ta sẽ thấy ta xin việc dễ hơn trước nhiều. Ta đừng vội nản, và cho rằng Trời chẳng thương ta, hoặc sao số ta xui quá. Ta hãy phân tích xem ta đã làm theo những giai đoạn này chưa?

**1. Môn ta đang học, ta có thật thích nó không?** Hay chỉ theo học vì nó có cái bề ngoài sang trọng, hoặc là học theo sở thích của cha mẹ muốn nó. Nếu không thật thích, sao ta có thể hết sức cố gắng, chuyên cần, để hiểu nó một cách tường tận được.

2. Trong thời gian học, ta **nên lợi dụng thời kỳ nghỉ hè**, để xin vào làm công việc, giống như môn học của ta, để ta lấy kinh nghiệm, sau này khi tốt nghiệp ra ta dễ xin việc. Nếu có thể, hàng năm ta nên tập sự cùng một chỗ hay hơn, như vậy những nhân viên có kinh nghiệm trong sở, họ sẽ chỉ dẫn kinh nghiệm của họ cho ta một cách tường tận hơn.

3. Sau khi đã áp dụng 1, 2 ở trên mà ta cũng không xin được việc, thì là vì khả năng hấp thụ sự hiểu biết của ta hơi yếu. Nhưng đừng vội thất vọng, hãy tiếp tục học những lớp huấn luyện thêm về môn đó, nếu ta còn có đủ điều kiện vật chất để tiếp tục, **nếu thiếu điều kiện**, ta hãy xin một công việc thấp hơn ( dù nó ít lương hơn nhiều), nhưng phải cùng giống môn học của ta, và ta vẫn phải tiếp tục học lớp huấn luyện. Ta đừng bao giờ nản chí, như vậy sự thành công chắc chắn sẽ đến với ta.

## 6. 天水訟 THIÊN THỦY TỤNG



**Tụng Tự Quái**

**訟序卦**

Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.

**需者飲食之道也。**

Ẩm thực tất hữu tụng.

**飲食必有訟，**

**Tụng Tự Quái**

*Nhu là ẩm thực ẩm no,  
Uống ăn tất sẽ đôi co, tụng đình.  
Cho nên quẻ Tụng tiếp sinh. . .*

Quẻ Tụng tiếp theo quẻ Mông, và quẻ Nhu. Ý nói con người vì dốt nát (Mông), thường vì tranh nhau miếng ăn (Nhu), nên mới sinh kiện tụng. Thánh Nhân xưa nay, cốt dạy người hòa thuận cùng nhau, nên nói về Tụng, cốt để ngăn ngừa kiện tụng, nghiên cứu nguyên nhân của kiện tụng chia rẽ, cốt là để mọi người trừ diệt những nguyên nhân ấy, để vui sống cùng nhau trên cõi trần hoàn; phân tách tâm lý đủ mọi hạng người muốn kiện thưa rắc rối, để mọi người thấy rằng dầu sang, hay hèn, dầu mạnh, hay yếu, dầu được, hay thua; **kiện tụng cũng không ích lợi gì.**

**Chữ Tụng theo tự dạng** gồm 2 chữ: **Ngôn = ngôn từ, Công = Công chính.** Vậy kiện thưa cốt là để biện minh cho sự công chính còn đang bị khuất lấp, chứ không phải để dờ dỏi mưu mô xảo quyết, thủ đoạn đê hèn, hãm hại, vu khống. Nói về **Tượng quẻ**, ta thấy quẻ Tụng, trên thời có **Kiên = Trời**, dưới thì có **Khảm = Nước**. Trời thì cao, nước thì thấp. Trời như là thanh khí, bay lên chín tầng không; Nước như là vũ trạch, đổ xuống muôn sông biển. Đó là biểu hiệu sự gàng quai, chia phối, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. . . Vì thế mới tạo nên sự đôi co, kiện tụng.

**Xét về Đức quẻ**, thì Kiên biểu dương cho sự cường dũng, nóng nảy, táo bạo. Khảm biểu dương cho sự hiểm độc, mưu mô.

**I. Thoán.**

**Thoán Từ.**

訟：有孚，窒。惕中吉。終凶。利見大人，不利涉大川。

**Tụng. Hữu phu trát. Dịch trung cát. Chung hung. Lợi kiến đại nhân. Bất lợi thiệp đại xuyên.**

**Dịch.**

*Sự thế có khi cũng kiện thưa,  
Ngay tình, oan ức, mới âu lo.  
Lo lường, cẩn trọng, rồi ra tốt,  
Theo mãi kiện thưa, sẽ xác sơ.  
**Tìm người minh chính, xử cho.**  
Minh quan xét xử, cơ hồ mới hay.  
**Kiện mà dai dẳng, dặt dây,**  
Như qua sông lớn, nào hay nổi gì.*

**Thoán Truyện: Thoán viết:**

訟，上剛下險，險而健訟。訟有孚窒，惕中吉，剛來而得中也。終凶；訟不可成也。利見大人；尚中正也。不利涉大川；入于淵也。

**Tụng. Thượng cương hạ hiểm. Hiểm nhi kiện. Tụng. Tụng. Hữu phu trát. Dịch trung cát. Cương lai nhi đắc trung dã. Chung hung. Tụng bất khả thành dã. Lợi kiến đại nhân. Thượng trung chính dã. Bất lợi thiệp đại xuyên. Nhập vu uyên dã.**

**Dịch.**

*Tụng trên cứng, dưới thời nham hiểm.  
Hiểm lại cương, nên kiện tụng sinh.  
Mình ngay, oan ức sao đành,  
Trong lo, vẫn có mối manh cát tường.  
Đắc trung, vả lại Dương cương,  
Đã ngay, lại mạnh, tai ương, nhẽ nào!  
Kiện thưa, đeo đẳng hại sao.  
Kiện thưa, chớ mãi đắm lao vào tròng.  
Gặp người quân tử chí công,  
Gặp người công chính, mới mong được lời.  
Kiện liều, kiện lĩnh thời thôi,  
Như giông sóng cả, như vùi vực sâu.*

**Kiện tụng là sự vạn bất đắc dĩ.** Cho nên chỉ kiện khi mình có lý chính, có tình ngay (**Hữu phu**), mà bị oan ức, đè nén, khuất lấp (**Trát**). Đã lâm vào vòng kiện tụng, nên biết lo, cùng sợ (**Dịch**). Nếu có thể hoà giải được, thì nên hoà giải mới hay (**Trung cát**). Cần phải tìm được minh quan xét xử (**Lợi kiến đại nhân**). Nếu mà kiện thưa liều lĩnh, để cho bọn tham quan, ô lại, thầy cò, thầy kiện có cơ bóc lột, thì thật là hiểm nguy, có khác nào vượt sông cả sóng, sa xuống vực sâu đâu? (**Bất lợi thiệp đại xuyên**).

Không nên theo đuổi kiện tụng đến kỳ cùng, đến nỗi đôi bên đều thân tàn, ma dại (**Chung hung**).

*Được kiện, mười bốn quan năm,  
Thua kiện, mười lăm quan chẵn.*

Đó là đại ý Thoán Từ, Thoán Truyện.

## II. Đại Tượng Truyện.

**Tượng viết:**

天與水違行，訟；君子以作事謀始。

**Thiên dữ thủy vi hành. Tụng. Quân tử dĩ tác sự mưu thủy.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Trời với nước, đôi đường, đôi ngả.  
Có quái gàn, nên có kiện thưa.*

*Đường đường, quân tử phải lo,  
Việc gì, cũng phải đắn đo từ đầu.*

Tượng Truyện dạy người quân tử phải tránh những mầm mống chia rẽ, những căn do sinh kiện tụng cho dân. Muốn tránh kiện tụng, tránh chia rẽ, ta cần phải có độ lượng bao dung, thông cảm lẫn nhau; ôn hoà trong khi giao tiếp, **thận trọng trong lời ăn tiếng nói, trong khi soạn thảo khế ước, văn tự.**

Tổng Mẫn Công thời Chiến quốc, chỉ vì những lời nhạo báng, nói đùa, mà bị Nam Cung Trường Vạn giết.

Sở dĩ có kiện tụng, là vì có sự tranh chấp, quai gàng, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, vì mọi người không chịu thi hành bổn phận cho đúng đắn, hẳn hoi. Vì vậy, muốn tránh dân chúng kiện thưa nhau, người quân tử trước hết phải lo giáo hóa cho dân. Cha từ, con hiếu, em kính, anh nhường, bạn bè tín nghĩa, trên xử ra trên, dưới xử ra dưới; đôi đàng kính nhường lẫn nhau; được như vậy thiên hạ mới mong an bình. Ngoài ra, phải khiến dân tuân phục mệnh vua, phép nước, và trật tự chung. Khi lập văn tự, khế ước phải làm sao cho hết sức minh bạch.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào lại càng nêu rõ ý nghĩa không nên thưa kiện.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。不永所事，小有言，終吉。

象曰：不永所事，訟不可長也。雖有小言，其辯明也。

Sơ Lục. **Bất vĩnh sở sự. Tiểu hữu ngôn. Chung cát.**

*Tượng viết:*

**Bất vĩnh sở sự. Tụng bất khả trường dã. Tuy tiểu hữu ngôn.  
Kỳ biện minh dã.**

**Dịch.**

*Kiện thưa cũng chẳng đến đâu,  
Đôi co chút đỉnh, rồi sau cũng lành.*

**Tượng rằng:**

*Kiện thưa cũng chẳng đến đâu,  
Sức mình mấy nả, mà cầu kiện dai?  
Chẳng thà cãi vã đôi nhời,  
Cốt là mình biện phải, sai rõ rành.*

Hào Sơ Lục, Âm nhu, tức là những người tài thô, trí thiên, lại ở địa vị hèn kém, nếu có bị người trên đè nén (Hào tứ), thì bất quá nên phản đối, nên tranh biện cho vỡ lẽ trái phải, cho hả lòng, hả dạ, còn hơn là bày ra kiện tụng lôi thôi.

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二。不克訟，歸而逋，其邑人三百戶，無眚。

象曰：不克訟，歸而逋也。自下訟上，患至掇也。

Cửu nhị. **Bất khắc tụng. Qui nhi hô. Kỳ áp nhân tam bách bộ. Vô sảng.**

*Tượng viết:*

**Bất khắc tụng qui hô thoán dã. Tự hạ tụng thượng. Hoạn chí truyết dã.**

**Dịch.**

*Cửu nhị kiện, liệu bề chẳng thắng,  
Thời nên về qui ẩn là hơn.  
Áp ba trăm óc lui chân,  
Tránh điều hoạ hại, sớm hôm an lành.*

**Tượng rằng:**

*Kiện không nổi, lui về ẩn lánh,  
Dưới dễ đâu ngang ngạnh với trên.  
Nhỏ mà kiện lớn, thua liền,  
Nạn tai rõ thật tự nhiên chiêu vời.*

Hào Cửu nhị, là người có tài đức, có địa vị, nhưng lại phải đối đầu với những đối thủ uy tín, quyền thế hơn mình nhiều. Như vậy chỉ còn có cách tránh xa thù địch của mình. **Tránh voi chẳng xấu mặt nào.** Ý thức như Thừa Tướng Thương Dung, đã qui ẩn để tránh vua Trụ, hoặc Bái Công đã nhẫn nhục, chịu đẩy ả mình vào Hán Trung để tránh hoạ Sở Vương.

### 3. Hào Lục tam.

六三. 食舊德，貞厲，終吉，或從王事，無成。

象曰：食舊德，從上吉也。

Lục tam. **Thực cựu đức. Trinh. Lệ chung cát.  
Hoặc tông vương sự. Vô thành.**

*Tượng viết:*

**Thực cựu đức. Tông thượng cát dã.**

**Dịch.**

*Lục tam: phải sống nhờ phúc ả,  
Phải e dè, cẩn thận, trước sau.  
Thủ thường, mới khỏi cơ cầu,  
Việc vua gánh vác, chớ cầu công lênh.*

**Tượng rằng:**

*Phúc nhà dựa dẫm qua ngày,  
Người trên đừng cưỡng, mới hay, mới toàn.*

Hào Lục tam, là những người kém tài, và địa vị cũng chẳng ra chi, ngó lên, ngó xuống đều chỉ thấy những người có bản tính như Cửu nhị, Cửu tứ, Thượng Cửu. Như vậy, tốt hơn hết là phải



biết lượng sức mình, lại cũng phải hết sức gia ý đề phòng, an phận thủ thường, đừng có dờ dối chi cho thêm mệt. Hãy tỏ ra biết phục tùng, biết hòa hoãn với người trên, như vậy mới hay. Nếu có cùng người thi hành công vụ gì, thì cũng đừng nên tranh công với người, kéo mang họa. Đó là đường lối của Bái Công đã theo để khỏi bị Hạng Vương hãm hại. Tuy Bái Công đã chiếm được Hàm Dương, đã cầm tù được vua nhà Tần là Tần Tam Thế, Tử Anh, lại cũng lấy được cả ngọc tử. Hơn thế nữa, theo đúng như lời giao ước lúc xuất quân, thì hễ ai vào đất Quang Trung trước, thì làm vua; thế mà lúc Hạng Võ kéo đại binh tới, Bái Công tự xét thấy mình chưa đủ sức cầm cự, nên đã mở cửa dâng thành, nộp Tần Vương, nộp ngọc tử cho Hạng Võ, coi mình như bầy tôi dưới trướng Hạng Võ, rồi bằng lòng để cho Hạng võ đẩy ả vào Hán Trung. **Nhìn vào quẻ Tụng, thì Bái Công chính là Hào Lục tam, mà Hạng Võ tức là Hào Thượng Cửu.** Thế mới hay, khôn cũng chết, dại cũng chết, mà chỉ có **biết là sống**. Biết là biết khi đáng tiến, thời tiến; khi đáng thoái, thời thoái; khi đáng cương, thời cương; khi đáng nhu, thời nhu, **Biết thời Tồn, không biết thời Vong**, là như vậy.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四. 不克訟，復自命，渝安貞，吉。

象曰：復即命，渝安貞，不失也。

Cửu tứ. **Bất khắc tụng. Phục tức mệnh. Du an trinh. Cát.**

*Tượng viết:*

**Phục tức mệnh. Du an trinh. Bất thất dã.**

**Dịch.**

*Cửu tứ: rồi ra kiện chẳng xong,  
Quay về nghĩa lý đổi thay lòng,  
Thay lòng, quyết sống theo đường chính,  
Đường chính giữ bền, có tốt không?*

**Tượng rằng:**

*Đã đổi được lòng theo chính lý,  
Rồi ra nào có mất chi đâu?*

Hào Cửu tứ tuy là người cương táo, giỏi giang, nhưng lại bất trung, bất chính, nên chính là hạng người ưa sinh sự. Nhưng muốn sinh sự, mà không sinh sự được với ai. Ngũ ở trên, thời là người quá quyền thế. Lục tam ở cạnh, thì lại là người khéo cư xử. Sơ Lục ở dưới, ứng với mình, cũng như là những người bề dưới mình, và cũng không dám tranh tụng với mình. Nếu Tứ mà kiện Sơ, sinh sự với Sơ, thời tức là  **mạnh hiếp yếu**, người trên cậy quyền hà hiếp kẻ dưới, có gì là hay đâu? Vì vậy Tứ bỏ ý định kiện tụng, mà vui lòng ăn ở theo đúng nghĩa lý. Như vậy mới hay.

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五. 訟元吉。

象曰：訟元吉，以中正也。

Cửu ngũ. **Tụng nguyên cát.**

*Tượng viết:*

**Tụng nguyên cát. Dĩ trung chính dã.**

**Dịch.**

*Cửu ngũ: kiện thừa xuôi xắn tốt.*

**Tượng rằng:** Thừa kiện êm xuôi.

*Vì người phân xử là người chính trung.*

**Cửu ngũ là chủ Hào**, là vị phán quan công minh, xét xử cho đời, chẳng khác gì như Bao Công, hay Thi Công thưở trước. Tụng đình thì có muôn ngàn chuyện. Nhưng nguyên tắc chỉ phối công việc xét xử của một vị minh quan, thì chỉ nằm vền vện trong hai chữ **Trung, Chính**. Trung để không thiên vị ai. Chính để lấy công lý mà phân xử để mọi người khỏi oan ức, khỏi bị hà hiếp, bóc lột, vu xử để mọi người khỏi oan ức, khỏi bị hà hiếp, bóc lột, vu khống. Được như vậy, còn gì là hay hơn.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九。 或錫之鞶帶，終朝三褫之。

象曰： 以訟受服，亦不足敬也。

Thượng Cửu. **Hoặc tích chi bần đới. Chung triều tam trị chi.**

*Tượng viết:*

**Dĩ tụng thụ phục. Diệc bất túc kính dã**

**Dịch.**

*Thượng Cửu: Dẫu rằng được thưởng đai,*

*Thưởng rồi một sáng, lột ba hồi.*

*Tượng rằng: Nhờ kiện được đai,*

*Thì đâu có đủ cho người kính tôn.*

Thượng Cửu, Dương cương nhưng lại bất trung, bất chính, tức là một người nông nghêh, cây quyền, cây thế, thích kiện tụng. Nhưng giả sử họ có được kiện đi chẳng nữa, có được lợi lộc vì những vụ kiện thừa đi chẳng nữa, rút cuộc họ có giữ được cái hư danh, cái hoạnh tài ấy được mãi không? Hay được hôm nay, thì mất ngày mai. Danh lợi đến như mây, thì lại bay đi như khói.

Tóm lại, đọc quẻ Tụng, mới thấy rõ vi ý của cổ nhân là không muốn cho tham quan, ô lại, lợi dụng, đục khoét dân, **là muốn cho mọi người thương yêu nhau**, không đê nén nhau, lập kế hãm hại nhau, rồi đưa nhau đến cửa quan, để cho tham quan, ô lại lợi dụng, bóc lột..

Người xưa nói:

*Tiền vào cửa quan, như than vào lò.*

Hay:

*Tới huyện nha, là nhà anh chấy.*

Thật là chí lý vậy.

## ÁP DỤNG QUẢ TỤNG VÀO THỜI ĐẠI

Trong xã hội loài người, phát sinh ra kiện tụng, là do nhiều nguyên nhân:

1. Người trên nóng nảy, cậy quyền, cậy thế, hiếp đáp người dưới. Hoặc người dưới tìm mưu mô qui quyệt, lừa bịp, hãm hại người trên, thì sẽ đem lại bất hòa, và có ngày sẽ kiện tụng nhau.
2. Hai người ngang nhau, nhưng một người nóng nảy, táo tợn; một người hống hách, hiểm độc, gian ngoan, hay vu khống bừa bãi, gặp nhau, ắt sẽ sinh kiện tụng.
3. Còn ở nơi những người lòng thì không hiền, tính thời nóng nảy, táo bạo, thích gây gỗ, sinh sự, sẽ hay đưa đến tụng đình.
4. Kiện tụng nảy sinh là vì một trong hai bên tham tâm chiếm đoạt, lừa đảo bên kia, là vì lúc cộng tác nể nang, tin nhau, không làm khế ước chặt chẽ, minh bạch.

**Ở thời đại ngày nay**, hôn nhân không bền vững, vì vợ chồng không còn nhường nhịn, chịu đựng nhau như ngày xưa, nên họ rất dễ dàng ly dị nhau, và đưa nhau ra tụng đình về vấn đề chia nhau gia sản. Vì người đàn bà ngày nay, phần lớn là đi làm, kiếm tiền ngang với chồng, khi ly dị lại lãnh phần nuôi con, nên họ đòi chia gia sản đồng đều còn đúng, nhưng còn có những người đàn bà, chỉ sống ỷ lại vào người chồng, không chịu đi làm, họ lợi dụng được luật pháp bảo vệ, đòi phân chia tài sản đồng đều, hoặc xin tòa bắt người chồng phải nuôi họ suốt đời. Những sự vô lý đó, người chồng đâu có chịu, do đó vụ kiện cứ kéo dài, và hai vợ chồng cứ ề ề ra mà trả tiền Luật sư, rốt cuộc cả 2 đều thân tàn, ma dại. Có nhiều người chồng không chịu nổi sự tham lam của vợ mình, đã xin thôi sớ làm và trốn sang tiểu bang khác, vì không chịu nổi cảnh đã bị vợ bỏ, mà còn bị vợ và Luật sư bóc lột tận xương tủy. Nhưng cũng có cặp khôn ngoan hơn, vì được người vợ hiểu biết hơn, họ điều đình trong sự thuận thảo, do đó mọi sự êm đẹp hơn, khỏi hao tốn tiền bạc, và cả hai được thoải mái hơn.

Nói cho cùng, thì đâu có được kiện. cũng chẳng có ra gì. **Được kiện thì mất nhân tâm, mất nhân nghĩa, chuốc lấy oán thù, tự trói buộc mình vào trăm ngàn dây oan nghiệt.**

Tóm lại, dù ở thời đại nào, cũng không nên kiện tụng. Muốn được vậy, mọi người phải bao dung, hòa mục, nhường nhịn nhau, tôn trọng quyền lợi của nhau, tôn trọng trật tự chung. Đừng nên khinh xuất khi ăn nói, thậm trọng khi thảo văn từ, để tránh cảnh **Bút sa gà chết**.

**Ca dao, tục ngữ** có những câu khuyên dân không nên bước vào vòng kiện tụng. Ví dụ:

*Được kiện, mười bốn quan năm,*

*Thua kiện mười lăm quan chẵn.*

hoặc

*Nghe lời ông đề, ruộng bê bê bán hết v v . . .*

Cụ Nguyễn Du cũng có câu:

*Lạ gì những thói sai nha,*

*Làm cho khóc hại, chẳng qua vì tiền.*

## 7. 地水師 ĐỊA THỦY SƯ

## Sư Tụ Quái

## 師序卦

Tụng tất hữu chúng khởi,

訟必有眾起

Cố thụ chi dĩ Sư

故受之以師

### Sư Tụ Quái

*Tranh dành, quân chúng âu đành nổi lên.*

*Quẻ Sư vì vậy tiếp liền.*

Cá nhân bất hòa sẽ sinh kiện tụng. Quốc gia bất hòa cùng nhau, sẽ sinh chinh chiến. Cho nên sau quẻ Tụng, bàn đến quẻ Sư. Quẻ Sư, trên là Khôn = Đất = Nhu thuận, dưới là Khảm = Nước = Nguy hiểm, lại có 1 Hào Dương ở Cửu nhị, thống lãnh 5 Hào Âm. Nó gợi lên những ý nghĩa sau :

1. Chinh chiến là một công chuyện hết sức hiểm nghèo, cần phải được thuận tình, thuận lý, tức là phải có chính nghĩa, có lý do xác đáng, và được quốc dân tán thành mới nên.

2. Đòi xưa cho rằng: quân ẩn trong lòng dân, như nước ẩn trong đất, quân và dân không thể rời nhau. Thời bình thì quân là dân, thời chiến thì dân là quân. Vì thế Chu Hi mới bàn rằng: Người xưa cho rằng quân nhân vốn đã tiềm ẩn ngay trong tầng lớp nông dân, cái chí hiểm đã tàng phục ngay trong cái chí thuận, và cái bắt trặc đã tàng ẩn ngay trong cái tĩnh lặng.

Quân và dân liên lạc hết sức mật thiết với nhau, nên **tổ chức hành chánh** (Quẻ Ti), và **tổ chức quân sự** (Quẻ Sư) là hai tổ chức song hành và tương ứng.

3. Quẻ Sư có một Hào Dương (Hào Cửu nhị), thống lãnh quần Âm, đó là tượng trưng cho một vị tướng soái, thừa ủy nhiệm vua, thống lĩnh ba quân xông pha gian hiểm, để chinh thảo địch quân.

Trước khi khảo sát quẻ Sư, ta nên biết **Hiền thánh đời xưa rất ghét binh bị**, vì binh bị **độc nhân, hại chúng. Hồng phạm Cửu trù**, xếp Binh bị vào hàng cuối cùng trong Bát chính (tám phương sách trị dân).

Gần đây, Thánh Gandhi cũng nhất định đề xướng lên cùng thế giới chủ trương **Bất hại** (Ahimsa), và chủ trương **Bất bạo động**. Ông viết: **Nếu trong một cuộc chiến tranh vì chính nghĩa, cần phải hại tới sinh mạng con người, thì người ta nên bắt chước chúa Jésus sẵn sàng đổ máu mình, thay vì đổ máu kẻ khác, như vậy máu bớt chảy trong hoàn vũ** (Autobiographie d'un Yogi p, 440 ).

Tụ Quái đề cập tới duyên cớ chiến tranh, và cho rằng vì người ta chia rẽ, tranh dành nhau nên mới có chiến tranh.

### I. Thoán.

**Thoán Từ.**

師：貞，丈人，吉。無咎。

Sư. Trinh. Trọng nhân, cát. Vô cữu.

Dịch.

*Xuất sư, chính nghĩa phải theo,  
Tướng gồm tài đức, hết điều dở dang.*

*Thoán Tì* chủ trương: Mỗi khi hưng sư, động chúng phải có một duyên cớ xác đáng. Người xưa hưng binh để trừ bạo chúa, như Thành Thang hưng binh diệt Kiệt, Võ Vương hưng binh diệt Trụ. Vì vậy, không có động chạm đến dân chúng.

### **Thoán Truyện.**

師，眾也，真正也，能以眾正，可以王矣。剛中而應，行險而順，以此毒天下，而民從之，吉又何咎矣。

*Thoán viết:* **Sư. Chúng dã. Trinh. Chính dã. Năng dĩ chúng chính. Khả dĩ vương hĩ. Cương trung nhi ứng. Hành hiểm nhi thuận. Dĩ thử độc thiên hạ nhi dân tòng chi. Cát. Hựu hà cữu hĩ.**

### **Dịch.**

*Thoán rằng: Sư ấy quân đông.  
Trinh là chính nghĩa, phục tòng, mới hay.  
Bắt quân theo được đường ngay,  
Đáng làm vương tướng, làm thầy thế gian.  
Cương cường, thừa lệnh quân vương,  
Đi vào nguy hiểm, biết đường xử xoay,  
Quân binh độc địa xưa nay,  
Biết dùng, thiên hạ vẫn quay theo mình.  
Khéo dùng, quân sự cũng lành,  
Lỗi lầm, hồ dễ nảy sinh được nào.*

Một khi đã có lý do chính đáng để hưng binh, động chúng, nhà vua có nhiệm vụ lựa một tướng có tài đức cầm quân. Quyết định này sẽ có ảnh hưởng lớn đến sự thắng lợi của toàn quân. Lịch sử đã chứng minh điều đó:

Bái Công thắng trận nhờ Hàn Tín.

Nước Pháp thắng trận liên miên ở Ý (1796), nhờ Carnot biết bổ dụng Bonaparte v v . . .

Vị nguyên soái ấy phải giữ được chính nghĩa, thuận quân và thuận dân, đem chiến thắng vinh quang về cho đất nước, mới có thể gọi được là xuất quân tuyệt hảo.

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰。地中有水，師；君子以容民畜眾。

*Tượng viết:*

**Địa trung hữu thủy. Sư. Quân tử dĩ dung dân súc chúng.**

### **Dịch.**

*Nước trong lòng đất, gọi là Sư,  
Nuôi dưỡng nhân dân, hãy lắng lo.*

*Quân tử dung dân, và xuất chúng,  
Quân dân đất nước, hãy nên so.*

**Tượng Truyện** đề cập đến một vấn đề hết sức quan hệ, và cho rằng **quân là dân, dân là quân**. Nuôi dân, dạy dân tức là nuôi quân, dạy quân. Vấn đề này từ năm 1789 trở đi đã trở thành một vấn đề quốc tế. Thực vậy, sau cuộc Cách Mạng Pháp, chính phủ Pháp đã thực hiện một cuộc động viên toàn diện, và bắt toàn dân tham chiến. Từ chủ nghĩa Karl Marx ra đời, các lãnh tụ Cộng Sản đều lấy đó làm vấn đề then chốt. Và Cộng Sản đã thực hiện triệt để khẩu hiệu **Quân dân cá nước**, cho quân lẫn vào dân, sống nhờ dân, phối hợp với dân ( du kích chiến), phối hợp dân với quân ( Vận động chiến, Trận địa chiến), để đi đến thắng lợi cuối cùng.

### III. Hào Tù & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六. 師出以律，否臧凶。

象曰： 師出以律，失律凶也。

Sơ Lục. **Sư xuất dĩ luật. Phủ tang hung.**

*Tượng viết:*

**Sư xuất dĩ luật. Thất luật hung dã.**

**Dịch. Sơ Lục:**

*Xuất quân cần có phép.*

*Nếu không hung họa sẽ tới nơi.*

**Tượng rằng:**

*Ra quân phép tắc đàng hoàng.*

*Nếu không phép tắc, tan hoang đã đành.*

Hào Sơ cho rằng ra quân cần phải có kỷ luật. Điều này cả Đông lẫn Tây đều cho là then chốt. Quân tướng mà không nhất trí, tiến thoái mà không đồng nhất, hiệu lệnh mà không nghiêm chỉnh, thì cũng chỉ là loạn quân, là quân ô hợp, không làm nên chuyện gì.

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二. 在師中，吉無咎，王三錫命。

象曰： 在師中吉，承天寵也。王三錫命，懷萬邦也。

Cửu nhị. **Tại sư trung. Cát. Vô cửu. Vương tam tích mệnh.**

*Tượng viết:*

**Tại sư trung cát. Thừa thiên sủng dã. Vương tam tích mệnh.**

**Hoài vạn bang dã.**

**Dịch.**

*Nếu gặp anh tài cầm quân lữ,*

*Rời ra mọi sự sẽ hoá hay.*



*Vua đã ba lần ban thưởng,  
Nghĩ đến dân gian khắp đó đây.*

**Tượng rằng:**

*Ở chốn ba quân, vẫn được hay,  
On trời mưa móc, hưởng tràn đây.  
Ba lần vua đã ban ân thưởng,  
Vì luyến dân tình khắp đó đây.*

Hào Cửu nhị cho rằng tướng soái cầm quân cần có tài đức và có đủ uy quyền. Đánh giặc cũng như đánh cờ, giỏi sẽ thắng, dốt sẽ bại. Tôn Võ cầm quân đánh giúp vua Ngô, nên Nam thì phá được Sở, Bắc thì phục được Tề, được Tấn. Hung Đạo cầm quân đã ba lần cả phá quân Nguyên. Tướng soái ra quân cần có đủ uy quyền, như vậy binh sĩ mới phục. Trong quẻ Sư, Tướng soái là một Hào Dương chói sáng, còn vị quân vương lại là một Hào Âm lu mờ, nghĩa là ở **nơi chiến địa, Tướng soái mới là Vua**. Xưa kia, Vua tiễn Tướng ra quân, thời nói: **Từ công thành trở ra, là do Tướng quân quyết đoán**. Sở dĩ Vua trao quyền định đoạt cho Tướng soái, là vì nếu Tướng không có quyền, thì không điều khiển được sĩ tốt. Hơn nữa, nhà vua ở xa trận địa, không hiểu rõ được diễn biến của tình thế một cách thấu đáo, nên không thể nào quyết đoán được sự tiến, thoái, công, thủ được

### **3. Hào Lục tam.**

六三. 師或輿尸，凶。

象曰：師或輿尸，大無功也。

Lục tam. **Sư hoặc dư thi. Hung.**

*Tượng viết:*

**Sư hoặc dư thi. Đại vô công dã.**

**Dịch.**

*Ra quân, mà đến chở thây,  
Thì thôi, hung họa, đáng cay, còn gì?*

**Tượng rằng:**

*Ra quân mà đến chở thây,  
Công trình mây khói, khói mây còn gì?*

Hào Lục tam cho ta thấy tướng dở mà cầm quân là đưa quân vào cõi chết. Năm 1954, ở Việt Nam, tướng Navarre đã cho quân Pháp đóng vào lòng chảo của Điện Biên Phủ, một nơi tử địa, chung quanh là núi non, lại thường có sương mù, nên đã làm mồi cho các ổ trọng pháo của Việt Cộng, và đã phải đầu hàng ngày 7 tháng 5 năm 1954 sau 55 ngày ác chiến. Sau cuộc chiến này, sự đô hộ của người Pháp trên lãnh thổ Việt Nam đã cáo chung.

### **4. Hào Lục tứ.**

#### 六四. 師左次，無咎。

象曰：左次無咎，未失常也。

Lục tứ. Sư tả thứ. Vô cữu.

*Tượng viết:*

**Tả thứ vô cữu. Vị thất thường dã.**

**Dịch.**

*Lục tứ, lui quân lại phía sau,*

*Lui quân, nào đáng trách chi đâu.*

**Tượng rằng:**

*Lui quân có lỗi chi đâu,*

*Quân cơ, tiến thoái, trước sau, là thường.*

Hào Lục tứ bàn về một vấn đề binh pháp, người làm tướng phải biết tiến, biết lui, như vậy mới có thể bảo toàn được lực lượng. **Chỉ biết tiến, mà không biết lui, nguy hiểm vô cùng.** Lỗi lầm của Hitler trong trận Stalingrad là bắt tướng Paulus phải cố thủ, không được rút lui, mặc dầu đã ở trong tình thế tuyệt vọng. Vì thế, nên ngày 31 tháng 1 năm 1942, hết lương thảo và quân nhu, binh sĩ lại đau ốm, Von Paulus phải ra hàng với 22 tướng và 200.000 quân sĩ.

Kutosof đã dùng chiến thuật rút lui, vườn không, nhà trống, nhử đại binh của Napoléon vào trọng địa, để rồi ra nhờ đói khổ, rét mướt, bệnh tật, và du kích, chiến thuật tiêu hao, truy kích, mà làm cho 500 ngàn quân thiện chiến của Napoléon hoàn toàn bị tiêu diệt, chỉ còn được vài chục ngàn người đi không vũng.

#### 5. Hào Lục ngũ.

#### 六四. 師左次，無咎。

象曰：左次無咎，未失常也。

Lục ngũ. Điền hữu cầm. Lợi chấp ngôn. Vô cữu.

Trưởng tử soái sư. Đệ tử dư thi. Trinh hung.

*Tượng viết:*

**Trưởng tử soái sư. Dĩ trung hành dã. Đệ tử dư thi. Xử bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Lục ngũ: thú rừng về đồng nội,*

*Đi lưng, đi bắt, vẫn là hay.*

*Dùng được tướng tài, thời khỏi lỗi,*

*Dùng kẻ vô năng, sẽ chớ thây*

*Tướng tài dùng được, mới hay,*

*Dùng người bất lực, chớ thây vong tàn.*

**Tượng rằng:**

*Tướng giỏi ra quân, quân mới vẹn,*

*Người ngu khiến chúng, chúng phơi thây.*

*Dùng người, có dở, có hay.*

Hào Lục ngũ cho rằng chỉ khi nào có quân xâm lăng vi phạm cõi bờ, thì mới nên xuất quân chinh thảo. Vì dầu sao, binh cách cũng là chuyện bất tường. Người xưa có câu: **Binh đi tới đâu, chông gai nảy tới đó.**

Khi đã có lý do chính đáng để hưng binh rồi, cần phải biết dùng tướng tài, bỏ tướng dở. Tôn Tử viết: **Binh là việc lớn của nước, là vấn đề sống chết, là con đường còn mất, không thể không xét biết.**

Tướng chịu trách nhiệm về sự tồn vong của ba quân. Vua chịu trách nhiệm tìm ra tướng tài.

## **6. Hào Thượng Lục.**

上六. 大君有命，開國承家，小人勿用。

象曰： 大君有命，以正功也；小人勿用，必亂邦也。

### **Thượng Lục.**

**Đại quân hữu mệnh. Khai quốc thừa gia. Tiểu nhân vật dụng.**

*Tượng viết:*

**Đại quân hữu mệnh. Dĩ chính công dã. Tiểu nhân vật dụng.**

**Tất loạn bang dã.**

### **Dịch.**

*Thượng Lục: quân vương truyền mệnh lệnh,*

*Khai quốc công hầu, cấp đất đai.*

*Tiểu nhân thôi chớ có xài.*

**Tượng rằng:**

*Nhà vua lúc thưởng công lao,*

*Tiểu nhân thôi chớ có trao chức quyền,*

*Tiểu nhân, ăn chốc, ngồi trên.*

*Loạn nhà, loạn nước, đến liền chẳng sai.*

Thượng Lục thì bàn rằng, khi đã chiến thắng, khi chiến tranh đã kết liễu, thời nên tướng thưởng chiến sĩ cho trọng hậu, nhưng không được dùng kẻ tiểu nhân để trị nước, vì đó là mầm họa hoạn. Thế mới hay, **trị quân khác trị dân**, chống ngoại xâm khác với đem hưng thịnh về cho đất nước.

Những ý niệm đại cương trên đây cũng làm ta suy nghĩ rất nhiều. Nếu đã mang danh tướng soái, cầm quân diệt giặc, thì phải là người học rộng, biết nhiều, học các chiến tích danh nhân kim cổ, đọc hết các binh thư, biết dùng thời tiết, biết dùng người, dùng quân, dùng dân, biết khuyến binh, khích tướng, biết dùng địa hình, địa thế, biết khai thác và lợi dụng triệt để các loại vũ khí, các phát minh của khoa học để thủ thắng. Tóm lại, **binh là biến**, người cầm binh phải biết biến. Nội trang giấy nhỏ này, ta không thể bàn cãi cho xiết mọi khía cạnh của chiến tranh, của binh thư, binh pháp, của chiến thuật, chiến lược. Và ta cũng bắt chước Kinh Dịch, nói đến Tụng, là ước

mong không còn kiện tụng, nói đến Sư là chỉ ước mong không còn chiến tranh trên mặt đất này nữa.

## ÁP DỤNG QUÊ SƯ VÀO THỜI ĐẠI

Trước khi nói về quê Sư, áp dụng vào thời đại này, ta hãy đọc qua cách bày binh, bố trận của người đời xưa, và của người đời nay, để tìm ra sự khác biệt của chúng.

**Tôn Võ Tử**, một binh gia nổi tiếng thời Xuân Thu, tác giả bộ **Binh Pháp Tôn Tử** ( sách dùng binh sớm nhất của Trung quốc) viết: ***Binh là việc lớn của nước, là vấn đề sống chết, là con đường còn mất, không thể không xét biết.***

**\*Binh thư Tôn Võ** cho rằng: Trong phép dùng binh:

-Ta gấp 10 địch, ta bao vây.

-Ta gấp 5 địch, ta tấn công.

-Ta gấp 2 địch, ta chia quân đánh 2 mặt.

-Ta ngang với địch, ta phải biết quyết đánh.

-Ta kém hơn địch về quân số, ta phải hết sức tránh né giao phong.

**\*Fabius**, nhờ chiến thuật tránh né và rút lui, đã cầm chân Annibal được mấy năm trời, không cho tiến tới được La Mã. Nhờ vậy, sau này Scipion mới đánh tan được quân Annibal ở Zania (202 BC ).

**\*Trương Lương**, đã dùng **Tâm lý chiến** đánh tan quân của Hạng Võ.

**\*Kutosof** đã dùng **chiến thuật rút lui**, vườn không, nhà trống, đánh quân của Napoléon, như trên đã nói.

**\* Mao Trạch Đông**, dùng **chiến thuật du kích**, và cho khẩu lệnh là: Địch tiến, ta lui; địch nghỉ, ta quấy; địch mệt, ta đánh; địch lui, ta đuổi.

**\*Napoléon, Clausewitz, Hồng quân** đã dùng chiến thuật **công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý** (của Tôn võ Tử), là **đánh khi địch chưa đề phòng, ta thành linh ra quân.**

a -Điều động binh mã sao cho âm thầm, ngày nghỉ, đêm đi, nấp trong rừng, nấp trong dân, để địch quân không biết mình ở đâu, muốn gì, có bao nhiêu quân, cơ giới gì.

b -Trước khi đánh, phải chuẩn bị cho kỹ lưỡng, nghiên cứu tình hình địch quân cho cặn kẽ, bằng tình báo, bằng dân, bằng quân. Kế hoạch xuất quân, phải soạn thảo kỹ càng, tản binh để di chuyển, tập binh để xung kích.

c -Lúc đánh, phải có mục tiêu rõ rệt, đường hướng rõ rệt, và **đánh cho thần tốc, dũng mãnh, sấm sét, ào ạt, lấy mười đánh một, đánh vào chỗ sơ hở, đánh vào lúc bất kỳ.** Xong xuôi phải khai thác thắng lợi, tiêu diệt địch quân.

**\*Binh pháp của Thống Tướng Foch** là lúc nào cũng phải bảo tồn lực lượng, có tiền phong, tả dục, hữu dục, có trung quân, hậu quân, có **chính**, có **kỳ**. **Chính** thường ở giữa để thủ, **kỳ** thường ở hai cánh để công vào sườn, vào hông, vào lưng địch.

**Hơn nữa, binh pháp, chiến pháp thường thay đổi** luôn luôn, cho hợp với tình thế, hợp với đà phát triển của khoa học, của vũ khí. Dần dà, các chiến thuật gia, lấy dân và quân kết thành **thế liên hoàn**, nên vừa có Du kích chiến, vừa có Chính qui chiến, Trận địa chiến. Xử dụng được cả quân lẫn dân, biết động, tĩnh khôn lường; biết tụ, tán; biết quyền, biến; biết chính, kỳ; biết triển dương, thu xúc, tức là **áp dụng được lẽ Dịch trong vũ trụ vào Binh bị.**

Khi xưa, trong chiến trận, chỉ 2 tướng đánh nhau, tướng nào thua, là quân hàng, coi như trận đó thắng bại đã rõ rệt, ( như vậy đỡ chết quân).

Sau đó, du kích chiến, trận địa chiến v v... nên quân chết nhiều. Chiến tranh dần dà biến thành một thứ chiến tranh toàn diện, có mục đích là tiêu diệt, thành thử có một bộ mặt hết sức là ghê gớm. Người ta chế tạo ra bom nguyên tử, kinh khí, hơi ngạt, và còn bom vi trùng để tiêu diệt nhau khi có chiến tranh.

Khi xưa, hưng binh để trừ bạo chúa thôi, ngày nay chiến tranh để thực hiện mộng xâm lăng; xâm chiếm đất đai; gây hiềm khích giữa các nước người để tạo chiến tranh, để bán vũ khí; hoặc chiến tranh để thực hiện chủ nghĩa của 2 khối Tư Bản & Cộng Sản. Nay khối Cộng Sản đã cáo chung, mong rằng Hòa Bình sẽ tới, và sẽ ngự trị mãi mãi trên trái đất này, đó là điều chúng ta & Kinh Dịch mong mỏi vậy.

## 8. 水地比 THỦY ĐỊA TỈ

<b>Tỉ Tự Quái</b>	<b>比序卦</b>
Sư giả chúng dã	<b>師者眾也</b>
Chúng tất hữu sở Tỉ.	<b>眾必有所比</b>
Cố thụ chi dĩ Tỉ.	<b>故受之以比</b>
Tỉ giả Tỉ dã.	<b>比者比也</b>

### *Tỉ Tự Quái*

*Sư là quân chúng đua chen xa gần  
Người đông, cần phải hợp quần.  
Cho nên quẻ Tỉ theo chân tiếp liền,  
Tỉ là tương hợp, tương liên.*

Xưa nay, thường cắt nghĩa Tỉ là: Thân tỉ, Thân phụ (thân cận, phụ giúp), nhưng những chữ này xưa nay không còn âm hưởng đến ta nữa; cần phải dùng những danh từ mới như tương liên, hợp quần, quy dân tụ chúng, mới nói lên được hết ý nghĩa.

**Hào Cửu ngũ ở đây là một vị lãnh đạo anh minh, thống xuất toàn dân thiên hạ.**

Quẻ Tỉ đề cập đến sự **hợp quần, tương liên, tương trợ, lập nhà, lập nước**. Phàm con người sinh ra đều có khuynh hướng hợp quần, sống cùng nhau, chung lưng góp sức, đỡ đần nhau, để xây dựng cuộc đời, chống lại mọi nguy nan hiểm họa, để mưu cầu hạnh phúc. **Vì vậy chữ Tỉ là haichữ Nhân lộn trái lại.**

### **I. Thoán.**

*Thoán từ*

**比.吉.原筮元永貞.無咎.不寧方來.後夫凶.**

**Tỉ. Cát. Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh. Vô cữu. Bất ninh phương lai. Hậu phu hung.**

Dịch.

*Tỉ là quân tụ mới hay,  
Suy đi nghĩ lại xem nay thế nào?  
Cầm đầu, được đấng anh hào,  
Sắt son, chính trực trách sao bây giờ?  
Xa, gần nô nức theo hòa,  
Kẻ nào lấp lửng, chân chò, ra chi.*

Quẻ Tỉ lấy đề tài chính là quy dân, tụ chúng để dựng nước, lập nhà. Quy dân tụ chúng, mà thực thi được 3 chữ: **Nguyên, Vĩnh, Trinh** mới là hay.

- **Nguyên** là vị quân vương có đức độ, tài ba.
- **Vĩnh** là mưu đồ được những công trình trường cửu.
- **Trinh** là thực thi được chính đạo.

Người dưới thấy người trên thực thi được ba điều ấy, sẽ quy tụ về. Những ai sống lẻ loi, sẽ tự nhiên chiêu tai họa cho mình.

**Thoán Truyện. Thoán viết:**

比. 吉也. 比. 輔也. 下順從也. 原筮元永貞無咎. 以剛中也. 不寧方來. 上下應也. 後夫凶. 其道窮也.

**Tỉ. Cát dã. Tỉ phụ dã. Hạ thuận tòng dã.**

**Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh vô cữu. Dĩ cương trung dã. Bất ninh phương lai. Thượng hạ ứng dã. Kỳ đạo cùng dã.**

Dịch:

**Thoán rằng:** *Hiệp nhất mới hay,  
Tương liên, tương trợ, xưa nay lẽ thường,  
Dưới thời trung thuận, mới đang,  
Người trên phải đàng hoàng, thanh cao,  
Bền gan, chính trực, mới hào,  
Hỏi lòng được thế, ai nào trách chi.  
Quang minh, chính trực, uy nghi,  
Ở ngôi trung chính, ai bì được đâu.  
Gần, xa, quy tụ trước sau,  
Dưới trên ứng đối, gót đầu tương thân.  
Lần khôn, chẳng muốn hợp quần,  
Những người như thế dần dần bại vong.*

Người ta **không thể tự mưu lấy an ninh**, nên muốn hợp quần, chung lưng, đấu sức để bảo vệ lẫn nhau. Cho nên lúc hiểm nghèo, bất an thì vội vàng liên đới, hợp quần. Nếu sống riêng rẽ, lưng chừng, không chịu đoàn kết với nhau, ắt sẽ gặp họa hung.



Kiến An Khâu Thị bình rằng:

Tiên vương xưa chia dân thành từng chòm xóm năm mười nhà; canh tác trong cùng một cánh đồng, uống nước trong cùng một giếng nước, ra vào bè bạn với nhau, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống thường nhật, phù trì nhau những lúc tật nguyên, thế cho nên được yên vui. Còn như đề dân tan đàn, sè ghé, mỗi người bạt lạc một ngã, thì hung họa biết chừng nào.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 地上有水 . 比 . 先王以建萬國 . 親諸侯 .

*Tượng viết:*

**Địa thương hữu thủy. Tỉ. Tiên vương dĩ khuyến vạn quốc, thân chư hầu.**

*Dịch. Tượng rằng:*

*Nước trên mặt đất mênh mang,  
Tiên vương lập quốc, an bang theo đời.  
Thân tình gieo rắc khắp nơi,  
Chư hầu coi thể như người tình thân.*

**Tượng Truyện** cho rằng xưa kia vua chúa trông thấy cảnh tượng đất, nước quán quít lấy nhau, không hề rời nhau, xa nhau, bèn áp dụng ý niệm đó vào công việc tổ chức chính trị, xã hội, chia đất đai thành nhiều nước nhỏ, ủy nhiệm cho chư hầu cai trị, còn nhà vua thì cầm cân, nẩy mực ở trên, coi chư hầu như tay chân, coi dân chúng như mình mây, lúc nào cũng lo lắng, thương yêu dân. Thế là chia dân nước mình thành từng quốc gia, từng khu vực nhỏ, để dễ bề chăm sóc. Thật là chí tình vậy.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Các Hào bàn về những nguyên tắc chi phối sự hợp quần, tương thân, tương trợ:

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 有孚比之 . 無咎 . 有孚盈缶 . 終來有他 . 吉 .

象曰 . 比之初六 . 有他吉也 .

**Sơ Lục. Hữu phu tỉ chi. Vô cữu. Hữu phu doanh phẩu.  
Chung lai hữu tha cát.**

*Tượng viết:*

**Tỉ chi sơ lục. Hữu tha cát dã.**

*Dịch.*

*Thành tâm tụ chúng mới hay,  
Tâm thành như bát nước đầy tốt sao,  
Rời ra tốt tụ ngoài vào,*

*Tượng rằng:*

*Thành tâm, tụ chúng tụ ban đầu,  
Tốt đẹp rồi ra sẽ đến sau.*

**Hào Sơ** cho rằng muôn quy dân, tụ chúng, cần phải có lòng thành khẩn, trung thực. Đó là điều kiện tiên quyết. Nếu mà mình xử sự với mọi người như bát nước đầy, thì mọi sự tốt đẹp sẽ do đó sinh ra.

## 2. Hào Lục Nhị.

六二 . 比之自内 . 贞吉 .

象曰 . 比之自内 . 不自失也 .

Lục nhị. **Tỉ chi tự nội. Trinh cát.**

Tượng viết:

**Tỉ chi tự nội. Bất tự thất dã.**

Dịch:

*Đáp lời triệu thỉnh với tâm thành,  
Chính đáng rồi ra sẽ tốt lành.*

Tượng rằng:

*Đáp lời triệu thỉnh với tâm thành,  
Sẽ giữ chu toàn được tiết danh.*

**Hào Lục nhị.** Nếu gặp được vị quốc quân cao minh tài đức, thì dĩ nhiên mình nên hưởng ứng, nên cộng tác. Nhưng hưởng ứng, cộng tác không phải là ca6u cạnh, là tự hạ phẩm giá mình; **ăn có mời, làm có khiến mới hay.** Phải như Y Doãn, Khổng Minh, chờ cho có sự triệu thỉnh chân thành, rồi mới hưởng ứng.

## 3. Hào Lục tam.

六三 . 比之匪人 .

象曰 . 比之匪人 . 不亦傷乎 .

Lục Tam. **Tỉ chi phi nhân**

Tượng viết:

**Tỉ chi phi nhân. Bất diệc thương hồ.**

Dịch.

*Kết liên với kẻ chẳng hay.*

Tượng rằng:

*Kết liên với kẻ chẳng hay,  
Kết liên như thế, thương thay cho người.*

**Hào Lục tam** cho rằng: Khi hợp quần hay kết liên, ca6n phải liên kết với người hay, người tốt mới có lợi, có ích. Nhược bằng liên kết với phường vô lại, lưu manh, thì chỉ có tổ họa hại mà thôi. Thật vậy, hợp quần, liên kết với những hạng vô luân, vô lại, nhỏ thì thành côn quăng, du đảng, lớn thì thành cướp, thành giặc, còn gì đáng sợ hơn.

## 4. Hào Lục Tứ

六四 . 外比之 . 贞吉 .

象曰。外比於賢。以從上也。

Lục tứ. **Ngoại tĩ chi. Trinh cát**

*Tượng viết:*

**Ngoại tĩ ư hiên. Dĩ tòng thượng dã.**

**Dịch.**

*Kết liên với bậc hiên minh,  
Thế thời chính đáng, tốt lành biết bao.*

*Tượng rằng:*

*Bên ngoài, liên kết hiên minh,  
Tức là theo bậc trên mình đó thôi.*

**Hào Lục tứ** cho rằng: Đã ở ngôi vị cận thân, mà biết quên những lợi lộc, những tư tình nhỏ nhen, để hoàn toàn phục vụ minh chúa, thì còn gì hay hơn nữa. Đó là hiên thân mà gặp minh quân, chung lưng, góp sức mà xây dựng quốc gia.

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五。顯比。王用三驅。失前禽。邑人不誠。吉。

象曰。顯比之吉。位正中也。舍逆取順。失前禽也。

邑人不誠。上使中也。

Cửu ngũ. **Hiên tĩ. Vương dụng tam khu. Thất tiền cầm.  
Áp nhân bất giới. Cát.**

*Tượng viết:*

**Hiên tĩ chi cát. Vị chính trung dã. Xả nghịch thủ thuận.  
Thất tiền cầm dã. Áp nhân bất giới. Thượng sử trung dã.**

**Dịch.**

*Tụ chúng, quy dân, phép rõ ràng.  
Vua vây ba mặt, bắt chim muông,  
Phía trước chim bay, đành bỏ mất.  
Dân không thắc mắc, mới là ngoan.*

*Tượng rằng:*

*Chiêu dân, phép đã rõ ràng,  
Là nhờ trung chính, đành hoàng, mới hay.  
Chẳng ưng, ta chẳng ép người,  
Người nào ưng chịu, ta vờ về ta,  
Chim bay trước mặt bỏ qua,  
Người không thuận phục, vét vơ làm gì.  
Dân không thắc mắc điều chi,  
Vì ta trung chính, không vì, không thiên.*

**Hào Cửu Ngũ** là một vị minh quân, minh chính, lỗi lạc như Bắc Thần, để muôn sao hướng về. Vị minh quân đó lấy tài sức, chính nghĩa của mình làm chiêu bài để quy tụ dân, chứ không dùng sự khùng bố áp bức, ai muốn theo thì theo, không cưỡng ép.

Thế tức là:

*Tiến đưa người muốn ruỗi rong,  
Sẵn sàng đón rước kẻ mong về mình.  
Người có đức, tâm thành khen ngợi,  
Người vô năng, cảm nỗi xót thương.  
Dĩ nhiên hiện đức tu phương,  
Mến ta, họ sẽ tìm đường về ta.*

(*Trung Dung Cửu Kinh*)

Người xưa gọi thế là: **Lai giả bất cự, khứ giả bất truy.** (*Tới không ngăn, đi không bắt*).

## 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 比之無首 . 凶 .

象曰 . 比之無首 . 無所終也 .

Thượng lục. **Tỉ chi vô thủ. Hung.**

Tượng viết:

**Tỉ chi vô thủ. Vô sở chung dã.**

**Dịch:**

*Tụ dân chẳng có mối manh,  
Không manh, không mối, tốt lành làm sao.*

Tượng rằng:

*Tụ dân, mà hỏng từ đầu  
Lúc đầu đã hỏng, thời sau còn gì?*

Hào Thượng Lục kết thúc vấn đề quy dân, tụ chúng bằng một nhận xét tinh tế: nếu quy dân, tụ chúng lúc ban đầu thiếu chính nghĩa, không ra gì, thì chung cuộc cũng chẳng ra chi.

## ÁP DỤNG QUÊ TỈ VÀO THỜI ĐẠI

Quê Tỉ áp dụng một định luật tự nhiên vào đời sống xã hội: đó là **định luật vạn vật hấp dẫn**. Định luật vô hình ấy được thể hiện nơi đất và nước. Đất và nước bao giờ cũng tương thân, tương trợ. Suy ra con người phải tương thân, tương trợ, phải thành khẩn để chung lưng, góp sức cùng nhau, mới có thể xây dựng cho mình một tương lai hạnh phúc và lý tưởng.

Để trình bày lại những nguyên tắc chi phối sự quy dân, tụ chúng theo từ ngữ hiện thời, chúng ta có thể nói như sau:

1. Người được ủy nhiệm có sứ mệnh tổ chức chính trị, hành chánh trong nước phải là người tài ba lỗi lạc, chứ không phải là những hạng chính trị gian ngoan, giáo quyệt.

a) Làm ròi, xin lỗi, ròi giải thích

b) Làm rồi chối, rồi đổ lỗi cho người.

c) Chia rẽ để mà trị (Tức là gây rối loạn trong hàng ngũ người, trong dân nước người, để đứng ngoài thủ lợi).

2. Quy dân, tụ chúng, dựng nước, dựng nhà, tổ chức xã hội phải có mục đích cao đại lâu dài, đó là đem lại tự do, hạnh phúc cho dân chúng, và giúp cho mọi người có điều kiện thuận tiện để thực hiện nhân vị, nhân cách mình. Quẻ Tỉ có mục đích đề cao tình tương thân, tương trợ giữa vua tôi, sự đoàn kết nhất trí giữa các phần tử nắm chánh quyền để phục vụ chúng dân, sự thành khẩn trong khi giao tiếp, đối đãi, và sự đồng tâm, nhất trí của mọi người trong thiên hạ, để tiến tới thái bình thịnh trị, tiến tới lý tưởng.

Thánh nhân xưa đã có ý niệm: bốn bề là một nhà, muôn nước là một nhà. Nếu sau này mọi người đều chủ trương tương thân tương ái, đoàn kết, trọng nhân, trọng nghĩa, coi biên cương bờ cõi quốc gia nhỏ hẹp như là một cách tổ chức để mọi người được săn sóc một cách chu đáo hơn, cẩn thận hơn, nếu mọi người sau này thực tình lấy đạo nghĩa mà đối xử với nhau, thực tình đoàn kết với nhau, thì chiến tranh sẽ hết và một thời đại **thân ái, hoà mục** sẽ có trên hoàn vũ này.

## 9. 風天小畜 PHONG THIÊN TIÊU SÚC



Tiểu Súc Tự Quái

小畜序卦

Tỉ tất hữu sở súc dã

比必有所畜也

Cố thụ chi dĩ Tiểu Súc

故受之以小畜

### Tiểu Súc Tự Quái

*Tỉ là tương hợp, tương liên.*

*Người đông, phải biết chế kiềm, mới hay,*

*Thế nên, Tiểu Súc theo ngay.*

Tiểu Súc là một quẻ khó giải của Dịch Kinh. Tiểu Súc có nhiều ý nghĩa: 1) Cản trở ít. 2) Nuôi dưỡng ít. 3) Hàm súc ít 4) Ảnh hưởng ít.

Tiên nho thường cho rằng quẻ Tiểu Súc mô tả nỗi niềm của Văn Vương, khi bị giam ở ngục Dũ Lý, tưởng về cổ quốc là Tây Kỳ, thương dân tình đang bị điêu đứng, mà mình còn bị vương trở, chưa thi thố được đại công, đại nghiệp để cứu trợ chúng dân, ví mình như áng mây, còn vương trên khung trời, chưa sa thành mưa, để chúng dân thấm nhuần ơn vũ lộ.

Phân tác Quẻ ta thấy: Tiểu Súc, trên là Tồn là quẻ Âm Nhu, dưới là Kiên, là quẻ Dương Cương, có nghĩa là Âm ngăn chặn bước đường tiến của Dương.

Xét về Hào, ta thấy một Hào Âm nằm ở Hào Lục tứ, ngạn cản đà tiến của Hào Dương. Tuy nhiên, sự ngăn cản ấy không mạnh mẽ, mà chỉ tồn tại được nhất thời. Hào Tứ cùng là tượng trưng cho một hiền thần. Hiền thần mà muốn can gián vua, thời phải khéo léo, mềm dẻo.

Phân tách tượng quẻ, ta thấy Tiểu Súc là gió thổi trên khung trời cao, như vật tức là ảnh hưởng tới vạn vật rất ít. Lời bình luận hay nhất về quẻ Tiểu Súc là lời bình luận của Tào Thăng, tác giả tập **Chu Dịch Tân Giải**.

Tào thăng viết: Súc là nuôi dưỡng. Tiểu Súc là nuôi dưỡng chưa được nhiều. Quẻ này một Âm ở Hào bốn là chủ của quẻ. Quẻ trên là Tốn, từ tốn ta công nuôi dưỡng sức lực của Kiền. Đại Súc là theo đúng thiên nhiên, Tiểu Súc là cố làm hết phận sự con người.

**Tận phận sự con người**, tức là súc tích lực lượng để chờ thời cơ. Nói theo cá nhân, tức là **tiến đức tu nghiệp**, nói theo quốc gia tức là **quốc kế dân sinh**, giáo huấn, tích tiểu thành đại, tích từng giọt nước để thành sông biển, tích từng đồng tiền để thành cự phú, đều là **Tích tiểu thành đại**. Cái bí quyết của sự tiên hóa là ở đó. Làm được như vậy, sẽ chuyển yếu thành mạnh, chuyển bại thành thắng. Cứ xem quẻ Tiểu Súc là biết đường lối để phục hưng vậy.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

畜 . 亨 . 密雲不雨 . 自我西郊 .

**Tiểu Súc. Hanh. Mật vân bất vũ. Tự ngã tây giao.**

Dịch.

*Tiểu Súc hanh thông, quẻ rõ rồi,  
Trời Tây, mây phủ, chưa mưa rơi.*

**Thoán Từ** nói: Mây dày mà chưa mưa, địa khí bốc lên, nhưng thiên khí chưa ứng hợp. Mây còn tích tụ trên phía trời Tây, có nghĩa là Âm xướng, nhưng Dương chưa họa. Bởi vì cứ theo trên, dưới mà phân Âm, Dương, thì địa khí là Âm, mà thiên khí là Dương. Lấy phương hướng mà phân Âm Dương, Tây là Âm, Đông là Dương. **Âm cảm mà Dương chưa ứng**, thế nên **quẻ gọi là Tiểu Súc**.

Thoán Từ đại khái nói rằng: Dẫu tiểu nhân có thể ngăn cản bước tiến của người quân tử, nhưng khi sự cản trở ấy không mạnh, thì người quân tử vẫn tiến bước được, đó là vì người quân tử, trong thì tinh thần vững mạnh, ngoài thì có sự nhún nhường khéo léo.

Suy rộng ra, thì **đó là khi thời cơ chưa thuận tiện, lòng người dưới trên chưa ứng, chưa hòa, nên chưa thể làm nên được đại công, đại sự.**

### *Thoán Truyện. Thoán viết:*

象曰 . 小畜 . 柔得位 . 而上下應之 . 曰小畜 . 健而巽 . 剛中而志行 . 乃亨 . 密雲不雨 . 尚往也 . 自我西郊 . 施未行也 .

**Tiểu Súc. Nhu đắc vị nhi thượng hạ ứng chi. Viết Tiểu Súc. Kiện nhi tốn. Cương trung nhi chi hành. Nãi hanh. Mật vân bất vũ. Thượng vãng dã. Tự ngã tây giao. Thi vị hành dã.**

Dịch. Thoán rằng:

*Quẻ Tiểu Súc, Hào nhu đắc vị,  
Dưới lẫn trên, nhất trí ứng theo,  
Nên rằng cản ít, không nhiều,  
Cương cường hoạt động, có chiều hanh thông.*



Bền lòng, vững chí, ra công,  
Mây dầy, còn chuyển nên không mưa rào.  
Trời Tây mây phủ ngất cao,  
Việc làm ảnh hưởng chưa bao lăm gì.

**Thoán truyện nói:** **Thượng vãng**, nghĩa là Âm khí còn bốc lên. **Thị vị hànhh**, nghĩa là âm khí chưa thành mưa để rơi xuống. Nếu đem áp dụng vào nhân sự thì có nghĩa là bậc thân tử muốn đem tâm xây dựng nước non, mà bậc quân phụ chưa hưởng ứng...

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 風行天上 . 小畜 . 君子以懿文德 .

Tượng viết: **Phong hành thiên thượng. Tiểu Súc. Quân tử dĩ ý văn đức.**

Dịch.

**Tượng rằng:** Gió thổi trên trời,  
Nên rằng Tiểu Súc, chưa nuôi được nhiều.  
Nên rằng quân tử y chiều,  
Trau dồi phong thái mỹ miều, tài hoa.

**Tượng truyện** nối tiếp ý Thoán Truyện mà bảo rằng; hiện nay người quân tử chưa thể nào gây được ảnh hưởng lớn khắp nơi chúng dân, có khác nào như gió còn thoảng bay trên khắp vòm trời cao, không có ảnh hưởng trực tiếp đến vạn vật, như vậy việc đáng làm hơn hết lúc này là trau dồi tài năng, đạo đức.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九 . 復自道 . 何其咎 . 吉 .

象曰 . 復自道 . 其義吉也 .

Sơ Cửu. **Phục tự đạo. Hà kỳ cữu. Cát.**

Tượng viết:

**Phục tự đạo. Kỳ nghĩa cát dã.**

Dịch.

**Sơ Cửu** quay về đường nẻo cũ,  
Một lòng hướng thượng, lỗi chi đâu.  
**Tượng rằng:** Đường cũ quay về,  
Là hay là phải ai chê được nào?

**Hào Sơ** bàn rằng: Khi người quân tử bị tiểu nhân kiềm chế, không cho thi hành đại đạo, thì hãy quay về tu luyện bản thân. Y như đường lối của Mạnh Tử: Lúc đắc chí (làm quan, làm tướng), thì chung sức với dân, mà thi hành những đức **Nhân, Lễ, Nghĩa**. Khi chẳng đắc chí, thì ẩn dật mà tu thân hành đạo.

### 2. Hào Cửu Nhị.

九二. 牽復. 吉.

象曰. 牽復在中. 亦不自失也.

Cửu nhị. **Khiên phục. Cát.**

Tượng viết:

**Khiên phục tại trung. Diệc bất tự thất dã.**

Dịch.

*Cửu nhị dắt nhau theo đạo lý,*

*Biết làm như vậy, vẫn là hay.*

**Tượng rằng:** *đạo lý quay về*

*Dắt nhau trở lại, chẳng hề hấn chi.*

**Hào Cửu nhị** là trường hợp một người quân tử, ở gần thế lực khống chế của tiểu nhân hơn. tuy nhiên cửu nhị cương kiên, và đã quyết theo đạo lý, sẽ không e ngại sự cản trở của tiểu nhân, vẫn có thể tìm những người đồng tâm, đồng chí, tiến bước trên đường đạo lý.

### 3. **Hào Cửu tam.**

九三. 輿說輻. 夫妻反目.

象曰. 夫妻反目. 不能正室也.

Cửu tam. **Dư thoát bức. Phu thê phản mục.**

Tượng viết:

**Phu thê phản mục. Bất năng chính thất dã.**

Dịch.

*Cửu tam: cãm thoát trục xe,*

*Vợ chồng lờm nguýt, chẳng huê cùng nhau,*

**Tượng rằng:** *chồng vợ lờm nhau,*

*Làm sao gia đạo gót đầu êm xuôi.*

**Hào Cửu tam** là trường hợp người quân tử vụng xử hơn, ít thức thời hơn, lại ở kề cận tiểu nhân, nên rất dễ bị nó khống chế hãm hại. Nhất là người quân tử đó lại tỏ ra thất thổ, sơ hở. Quân tử mà ở kề cận tiểu nhân, thời sẽ sinh đủ điều hung họa, phiền toái cho mình, có khác gì đi xe mà long bánh, ở trong gia đình, vợ chồng lờm nguýt, bất hòa với nhau đâu.

### 4. **Hào Lục tứ.**

六四. 有孚. 血去惕出. 無咎.

象曰. 有孚惕出, 上合志也.

Lục tứ. **Hữu phu. Huyết khứ dịch xuất. Vô cửu.**

Tượng viết.

**Hữu phu dịch xuất. Thượng hợp chí dã.**

Dịch. Lục tứ.

*Nếu mình mà thành khẩn  
Sẽ không lưu huyết, khỏi lo âu.  
Thế thời đáng trách chi đâu.  
Tượng rằng: thành khẩn, khỏi lo âu,  
Bởi tại người trên cũng tâm đầu.*

**Hào Lục tứ.** Dịch kinh đôi đề tài. Ở đây, lại đề cập đến một vị hiền thần, một lòng vì nhà, vì nước, muôn ngàn nghị bậc quân vương. Dịch kinh cho đó là một công trình nguy hiểm, cần phải khéo léo, và thành khẩn lắm mới khỏi bị máu rơi thịt nát. Đọc lịch sử, ta thấy biết bao nhiêu công thần chỉ vì can gián hôn quân, bạo chúa, mà phải chết oan.

- Mai Bá vì can Trụ Vương mà bị hình bào lạc,
- Hàng Sanh can Hạng Vương mà bị bỏ vào vạc dầu...

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 有孚攬如 . 富以其鄰 .

象曰 . 有孚攬如 . 不獨富也 .

Cửu ngũ. Hữu phu luyến như. Phú dĩ kỳ lân.

Tượng viết:

Hữu phu luyến như. Bất độc phú dã.

Dịch.

*Chân thành thân thiết với hương lân,  
Thế là giàu có gấp mấy lân.*

Tượng rằng:

*Xóm giếng, mà thực lòng thân,  
Mình giàu, mà vẫn chung phần với ai.*

Hào Cửu ngũ, theo Ngự Án (vua Khang Hy), chính là một vị quốc quân, biết nghe lời gián nghị. Thấy bề tôi thực tình can gián mình, thì cũng đem tình thực mà đáp ứng lại. Thế là biết lấy ý người làm ý mình, hiểu rằng mình ở cao ngôi, chính là để phục vụ dân nước, chứ không phải để riêng hưởng giàu sang.

Làm vua mà giàu cùng dân, vui cùng dân, mới được trường cửu. Làm vua mà giàu một mình, vui một mình, sẽ sớm bại vong. Đường lối của vua Văn, võ và Kiệt, trụ khác nhau ở chỗ đó.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九 . 既雨既處 . 尚德載 . 婦貞厲 . 月幾望 . 君子征凶 .

象曰 . 既雨既處 . 德積載也 . 君子征凶 . 有所疑也 .

Thượng Cửu. Ký vũ ký xử. Thượng đức tải. Phụ trinh lệ.  
Nguyệt cơ vọng. Quân tử chính hung.

Tượng viết:

Ký vũ ký xử. Đức tích tải dã. Quân tử chính hung. Hữu sở nghi dã.

Dịch.

*Thượng Cửu. Mưa rơi, thời nên nghỉ  
Được vậy là nhờ tổn công phu.  
Phụ nữ thắng rồi, còn chưa phí,  
Rời ra, chắc sẽ gặp nguy cơ.  
Khuôn trăng sắp sửa tròn vo,  
Được đà, quân tử phải lo nguy này.  
**Tượng rằng:** Mưa xuống, thời ngơi,  
Công phu tích tải lâu rồi mới nên.  
Quá đà, quân tử nguy liền,  
Là vì sẽ khiến người trên nghi ngờ.*

**Hào Thượng lục** cho rằng khi mà can ngăn đã đạt, thì kẻ bầy tôi nên biết chiều ngung lại mới hay. Muốn người trên ứng hợp với mình, mà người trên đã ứng hợp rồi, cũng như muốn mưa, đã mưa rồi, còn muốn gì hơn nữa? Đi quá trớn rồi, có khác gì phụ nhân đắc trí đâu? Trăng trước rằm mới là trăng đẹp, trăng quá rằm sẽ là trăng khuya, trăng khuyết, và sẽ hao mòn, mờ mịt dần với thời gian.

## ÁP DỤNG QUẾ TIÊU SỨC VÀO THỜI ĐẠI

Trên bước đường đời của chúng ta hiện nay, nhất là với người **lữ thứ** gặp biết bao nhiêu là cản trở, về đủ mọi phương diện: tiền tài, học vấn, nghề nghiệp, hôn nhân...

Khi bắt tay vào việc gì, nếu ta thấy bị cản trở, thì ta phải biết dừng chân lại. Phải soát xét lại tài đức mình, xem có khiếm khuyết sơ hở chỗ nào chẳng, nên khiến bị người cản ngăn, phá phách. Người xưa cho rằng nếu có người chê trách mình, thì phải xét lại hành động, tác phong của chính mình chính là vì vậy. Ví dụ: khi ta ra trường, đi xin việc làm không đâu nhận, thì đừng đổ tại số xui, mà phải đi học tu nghiệp lại, vì ta xin việc không được là do khả năng nghề nghiệp của ta còn kém quá mà thôi. Hoặc hôn nhân của ta cứ lủng củng, thì ta phải xét lại ta, xem tính tình của ta có khó khăn không? cách xử sự của ta có lễ độ không? Sự đòi hỏi của ta có cao quá không?

Nếu xét thấy ta có đủ điều kiện mà vẫn bị cản trở, thì đó chỉ là những trở ngại bên ngoài, là tạm bợ nhất thời mà thôi, không nên quá bận tâm. Ta đừng bao giờ ngã lòng trước những trở ngại đó, **ta cứ từ từ suy tính, từ từ giải quyết** thì trước sau, ta cùng giải quyết được hết. Cái nút dù thắt khó đến đâu, nếu từ từ tháo gỡ, thì cũng tháo gỡ được.

**Còn như muốn can ngăn người khác làm việc gì, thì cũng phải can trọng.** Can ngăn người phải biết lựa lời, lựa cơ hội, phải phân tích sự lợi hại của vấn đề cho họ hiểu, cần nhất phải thành khẩn với họ, nếu không dễ làm mất lòng nhau.

## 10. 天澤履 THIÊN TRẠCH LÝ



Lý Tự Quái

履序卦

Vật Súc nhiên hậu hữu Lễ

物畜然后有禮

**Lý Tụ Quái**

*Chế kiềm, rồi mới có ngày lễ nghi.*

*Cho nên, Lý hiện đoan nghê,*

*Lý là lễ phép, (để bề thái khang).*

Lý theo Từ nguyên là đôi giày, theo nghĩa thông thường là bước, là đi. Quẻ Lý trên có Kiềm là Trời, là quang minh, cương kiện, bao la, thuần túy, chí thiện; dưới có Đoài là vực, vui, hòa duyệt, Âm nhu. Quẻ Lý có phảng phát âm hưởng như chữ Lễ, nên Lý cũng là Lễ.

Quẻ Lý đứng đầu trong 9 quẻ bàn về cách tu nhân, tích đức trong Hệ Từ.

**I. Thoán.**

*Thoán Từ.*

**履：履虎尾。不啞人。亨。**

**Lý: Lý hổ vĩ. Bất khiết nhân. Hanh.**

Dịch.

*Lý dẫm đuôi hùm, hùm chẳng cắn.*

*Hùm chẳng cắn người, mới hanh thông.*

Các nhà bình giảng thường chú trọng đến mấy chữ: **Lý hổ vĩ bất khiết nhân = Lý dẫm đuôi hùm, hùm chẳng cắn.**

Người thời cho rằng; Kiềm là hùm, Đoài theo sau là đuôi, người thời cắt nghĩa theo lối **bàng thông**, mà cho rằng Khôn là hùm (Kiềm bàng thông Khôn). Người thời cho rằng Hào Cửu Ngũ nơi quẻ Kiềm mới đúng là hùm. Còn như: **dẫm đuôi hùm, mà hùm chẳng cắn**, thì giải rằng: nếu mình hiền lành, tử tế mà gặp người hung hãn, thì họ cũng chẳng làm hại được mình. Ngạn ngữ có câu: **Hung quyền bá đả tiểu diện** (Tay hung chẳng đánh mặt cười).

Nhưng theo tôi (tác giả), Dịch đã tóm quẻ Lý bằng một chữ Lễ. Như vậy, **quẻ Lý tóm tắt lại cả Lễ và bộ Lễ Ký.**

Trong Kinh Thư, thiên Quân Nha, Mục Vương than thở với Thừa Tướng Quân Nha rằng: **Trị muôn dân thiệt là khó, làm cho ta lo lắng như dẫm trên đuôi hổ, như bước trên băng xuân.**

*Thoán Truyện. Thoán viết:*

**履。柔履剛也。說而應乎乾。是以履虎尾。不啞人。亨。剛中正。履帝位而不疚。光明也。**

**Lý. Nhu lý cương dã. Duyệt nhi ứng hồ Kiềm. Thị dĩ lý hổ vĩ.**

**Bất khiết nhân hanh. Cương trung chính. Lý đế vị nhi bất cú.**

**Quang minh dã.**

Dịch. *Thoán rằng:*

*Lý là mềm dẽo cứng,  
Vui thuận theo dễ ứng với trời.  
Thế là tuy dẽo trúng đuôi,  
Mà hùm chẳng có cắn người, mới may.  
Cương cường, trung chính, thẳng ngay,  
Bước lên để vị, lòng này tuyết băng.  
Quang minh, băng tuyết, một lòng.*

Quẻ Lý dạy ta phải tìm ra những định tắc thiên nhiên chi phối công cuộc thần thánh hóa bản thân. Ta sinh ra ở đời, có mục tiêu chính yếu và tối hậu là bước lên con Đường Trời đó. Muốn như vậy, phải vui thuận theo ý Trời.

Trời muốn ta trở thành Thần minh, mà Thần minh thời trí tuệ sáng suốt, thông minh. Muốn trở nên thông tuệ, ta quyề tâm học hỏi, triền miên suy tư, biết tập trung tinh thần, hồi quang phản chiếu. Người bước vào con đường Hiền thánh, phải nhân từ, khoan quảng, phải rộng lượng, bao dung. Tóm lại, Lý là thần thánh hóa bản thân, vui theo những định luật thiên nhiên của tam tài (Trời, Đất, Người), để thực hiện định mệnh cao sang của con người là **Phản bản, Hoàn Nguyên**, là **phối Thiên, phối Mệnh**. Thế tức là:

*Nghĩa nhân làm hán, làm hài,  
Uy nghi, trang trọng, đường trời bước lên.*

Lễ là những quy tắc, đường lối, phương pháp, giúp ta cải thiện tâm thân, để trở thành thần thánh.

Tào Thăng bình giải quẻ Lý như sau: **Luật chi phối nơi tâm gọi là Lễ, thực thi áp dụng vào đời sống thường nhật của mình gọi là Lý**. Muốn tổ chức quốc gia, muốn quy định hành vi nhân sự, không gì hay hơn Lễ...

## II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

**象曰.上天下澤.履.君子以辨上下.安民志.**

**Thượng thiên hạ trạch. Lý. Quân tử dĩ biện thượng hạ. Định nhân chí.**

Dịch.

Tượng rằng:

*Lý là hồ ở dưới trời,  
Hiên nhân, trên, dưới, rạch ròi biện phân.  
Thấp, cao, quý, tiện, định phân.  
Để cho dân chúng xa, gần, tin theo.*

Nơi quẻ Lý, lễ **tôn, ti** (Kiên = tôn, Đoài = ti), đã trình hiện. Người quân tử phải nhận định được rằng trong trời đất, cũng như trong nhân gian, cần phải minh định lễ tôn ti, trật tự. Cho nên, khi trị dân, trị nước, phải tùy tài, tùy sức, tùy lực của mỗi người mà định tôn ti, cao hạ, để trên ra trên, dưới ra dưới, có như vậy dân chí sẽ được ổn định.



### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào dạy như Mạnh Tử rằng: lúc đắc chí (làm quan, tướng, vua), thời cùng chung sức với dân, mà thi hành những đức (Nhân, Lễ, Nghĩa). Khi chẳng đắc, ẩn dật mà tu thân, hành đạo.

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 素履. 往無咎.

象曰. 素履之往. 獨行愿也.

Sơ Cửu. Tố lý vãng. Vô cửu.

Tượng viết:

**Tố lý chi vãng. Độc hành nguyện dã.**

Dịch.

*Tố Lý đơn sơ, sống ở đời,  
Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai cười,  
Tượng rằng: vui sống đơn sơ,  
Âm thầm thực hiện ước mơ của mình.*

Hào Sơ dạy phải Tố Lý, đó là phải theo đúng lương tâm mà hành sự, giữ lòng lúc nào cũng tuyệt băng. Chữ Tố ở đầu có thể hiểu 2 cách:

a) Tố là nguyên tố hay nguyên tính, tức là Bản Nhiên Chi Tính = **Thiên Tính**.

b) Tố là **Tố kỳ vi nhị hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại**, như Thuần, khi còn ăn rau nơi Lịch Sơn, như Nhan Hồi, bầu nước, giỏ cơm trong ngõ hẹp, mà vẫn vui cùng đạo lý.

Dịch đề 2 chữ Tố Lý trong Hào Sơ, có ý muốn nói rằng: Lễ trọng ở chỗ tinh thần cao khiết, không phải ở những hành ngời bên ngoài.

Luận Ngữ cũng viết: Tử Hạ hỏi Đức Khổng: Xin ngài giải nghĩa cho rõ những câu trong Kinh Thi:

*Nụ cười hoa nở trên môi,  
Long lanh đôi mắt, đẹp tươi yêu kiều.  
Trên khung vải trắng mỹ miều,  
Vẽ nên cảnh sắc khinh phiêu tuyệt vời.*

Đức Khổng đáp: Trước khi vẽ phải có một khung vải trắng đã. Tử Hạ xin tiếp lời: thế là làm người, **trước phải trung tín, rồi sau mới giữ Lễ phải không?** Đức Khổng đáp: trò Thương (tên Tử Hạ) này phát khởi được ý ta.

Nói thế nghĩa là **Lễ là đường lối để tu thân**, để cải thiện, để thần thánh hóa con người. **Lễ là đồ trang sức của tâm hồn**, chứ không phải là lụa là, vàng ngọc bên ngoài.

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二. 履道坦坦. 幽人貞吉.

象曰。幽人貞吉。中不自亂也。

**Cửu nhị. Lý đạo thản thản. U nhân trinh cát.**

*Tượng viết:*

**U nhân trinh cát. Trung bất tự loạn dã.**

**Dịch.**

*Cửu nhị. Thênh thang trên đường đạo,  
Âm thầm vui sống thế mà hay,  
Tượng rằng: Thâm lặng mà hay,  
Là vì phiến loạn, lòng này chẳng vương.*

Hào Cửu nhị tiếp ý Hào Sơ, dạy con người đi trên con đường phẳng phiu, thảng đặng của Đạo trời.

### **3. Hào Lục tam.**

六三。眇能視。跛能履。履虎尾。咥人。凶。武人為于大君。

象曰。眇能視。不足以有明也。跛能履。不足以與行也。

跌人之凶。

**Lục tam. Điều năng thị. Bí năng lý. Lý hổ vĩ. Khiết nhân hung.  
Vũ nhân vi vu đại quân.**

*Tượng viết:*

**Điều năng thị. Bất túc dĩ hữu minh dã. Bí năng lý. Bất túc dĩ hành dã.  
Khiết nhân chi hung. Vị bất đáng dã. Vũ nhân vi vu đại quân. Chí cương dã.**

**Dịch.**

*Lục tam: chợt thấy, què đi,  
Vận sui, hổ cắn, chỉ vì dẫm đuôi.  
Võ biên mà muốn trị đời.  
Tượng rằng: Chợt thấy, thấy ra chi,  
Què đi thất thiếu, phải đâu đi.  
Ngắt ngưỡng ngòi cao, không tài đức,  
Như hổ cắn người, thế mới nguy.  
Võ biên mà muốn trị vì,  
Tính tình hung hãn, còn gì nguy hơn.*

Trị dân là sửa dân, làm cho dân theo được chính đạo, chính nghĩa. Đó là công việc của những hiền nhân, quân tử, của những con người có khối óc tinh tế, hiểu biết sâu xa về tâm lý con người, chứ không phải là phạm vi của những kẻ **vũ phu bạo hổ bằng hà. Những kẻ vũ phu làm chính trị.** có khác nào chợt thấy què đi đâu, chỉ tổ hại dân, hại nước.

#### 4. *Hào Cửu Tứ.*

九四 . 履虎尾 . 愬愬 . 終吉 .

象曰 . 愬愬終吉 . 志行也 .

**Cửu Tứ. Lý hổ vĩ. Tố tố chung cát.**

**Tượng viết:**

**Tố tố chung cát. Chí hành dã.**

**Dịch. Cửu tứ.**

*Đuôi hùm đà chót dẫm,  
Cố sức lo lường, rút cuộc hay.  
Tượng rằng: Lo lắng, sau hay,  
Hay vì thực hiện được ngay chí mình.*

Hào Cửu tứ đề cập đến nỗi lo âu của một hiền tài như Y Doãn, Phó Duyệt khi phải trị dân, giáo hóa dân. Người xưa cho rằng muốn trị người, trước tiên mình phải ngay chính. Cho nên trị dân là dạy dân đường nhân, nẻo đức, rồi lại phải lấy chính lễ lối sống của mình mà làm gương cho dân. Vì thế, nên trị dân tuy khó, tuy nguy, nhưng đem lại cho mình niềm vui, vì chính là cơ hội để thực thi lý tưởng bình sinh chí chí của mình.

#### 5. *Hào Cửu ngũ.*

九五 . 夬履 . 貞厲 .

象曰 . 夬履貞厲 . 位正當也 .

**Cửu ngũ. Quyết lý. trinh lệ.**

**Tượng viết:**

**Quyết lý trinh lệ. vị, chính đáng dã.**

**Dịch.**

*Cửu ngũ phải sao cho cương quyết,  
Vừa bền gan, vừa biết nguy cơ,  
Tượng rằng: cương quyết, bền gan,  
Nguy cơ, và biết lo toan đề phòng,  
Xứng ngôi, xứng vị, thung dung.*

Quý Khương Tử đại phu nước Lỗ, hỏi đức Khổng Tử về chính sự (tức là về cách cai trị). Đức Khổng tử đáp: Chữ Chính là do chính trực mà ra. Cai trị tức là săn sóc cho dân trở nên ngay chính. Nay Đại Phu là bậc cầm đầu trong dân chúng, mà tự mình chính đính, thì còn ai dám ăn ở bất chính. Nếu quan Đại Phu là bậc thừa hành, mà đã phải băn khoăn lo lắng như vậy, thì vị quân vương ở trên cầm trịch, phải quyết đoán các hành động, các các cư xử, phản ứng của muôn dân, thời lại càng phải lo lắng biết chừng nào. Vì vậy Mục Vương mới nói: Lòng người trầm ưu tư như dẫm trên đuôi hổ, như bước trên băng xuân.

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九。 視履考祥。 其旋元吉。

象曰。 元吉在上，大有慶也。

**Thượng Cửu. Thị lý khảo tường. Kỳ tuyền nguyên cát.**

**Tượng viết:**

**Nguyên cát tại thượng. Đại hữu khánh dã.**

Dịch.

*Hào Thượng Cửu, hành vi xét lại,*

*Xem thế nào là phải, là hay,*

*Hay là toàn vẹn trong, ngoài,*

*Hay là vẹn sự ở đời thành công.*

**Tượng rằng:** *Hay đến kỳ cùng,*

*Mới là trọn vẹn đáng mừng, đáng vui.*

Hào Thượng Cửu cho rằng phải luôn luôn kiểm điểm lại đường lối, hành vi, sao cho mọi sự toàn vẹn từ đầu đến đuôi, như vậy mới là thực hay, thực tốt. Bước trên đường nhân nẻo đức, mà không bước đến cùng, đến cực, không đi đến đầu, đến đuôi, thì làm sao mà thành đại công đại nghiệp, làm sao mà phúc khánh, cửu trường.

## ÁP DỤNG QUẾ LÝ VÀO THỜI ĐẠI

Lễ khác với pháp luật. Lễ là định luật thiên nhiên, là luật của Trời, là ý Trời. Pháp luật là luật Nhân tạo, mà các đạo giáo, chính thể, các quốc gia lập ra để bắt người dưới quyền mình tuân giữ. Lễ quy định những gì hay, người gì phải cho con người, làm cho con người trở nên có nhân cách, nhân vị, trở nên hoàn hảo. Căn bản chính là do nơi thân và tâm mình. Nếu mình không hoàn hảo trước, mà lại đòi hỏi người dưới phải hoàn hảo, thiệt là khó vậy. Vì người trên đối với người dưới như cây đối với bóng, như là nguồn đối với các nhánh sông. Cây cong mà lại đòi bóng thẳng, nguồn đục mà lại đòi nhánh trong, thì không thể có được vậy.

Nếu bậc phụ huynh có nhân cách đủ để cảm hóa người, thì con em mình sẽ dễ dạy hơn, dễ trở nên ngay chính hơn. Lễ đem lại cho mình một đời sống chính đáng, mang lại cho quốc gia, xã hội một quang cảnh hạnh phúc, đầm ấm, hòa hợp. Đem áp dụng định tắc thiên nhiên này vào đời sống xã hội, Khổng Giáo đã quy định bốn phận cho mọi hạng người, trong mọi tầng cấp xã hội như sau:

**1. Vua phải nhân từ (Quân nhân):** người cầm đầu nước phải thương dân như con, phải lo cho dân được cơm no, áo ấm, phải lo dạy dỗ dân.

**2. Tôi phải trung (thần trung):** Các quan hay các viên chức trong chính quyền phải hết sức cộng tác với vị quốc quân để lo việc cho nước nhà.

**3. Cha phải khoan từ (phụ từ):** Cha dạy cho con nên từ tốn khuyên bảo, chớ lấy quyền mà đè nén con.

4. **Con phải hiếu thảo (tử hiếu).** Con phải vâng lời cha mẹ, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già.
5. **Anh phải hân hoi (huynh lương).** Anh phải ngay thẳng, thật thà, để các em noi gương.
6. **Em phải kính thuận (đệ đễ).** Em phải nhường nhịn anh, không được ăn nói hỗn hào với anh.
7. **Chồng phải đường hoàng (phu nghĩa);** Chồng không nên rượu chè, cờ bạc, trai gái, nghiện hút.
8. **Vợ phải nhu thuận (phụ thính):** vợ phải ăn nói dịu dàng, và nghe theo chồng.
9. **Người lớn phải thi ân (trưởng huệ).** Người trên phải tỏ ra rộng rãi, sẵn lòng giúp đỡ người dưới.
10. **Kẻ nhỏ phải vâng phục (Áu thuận).** Người dưới phải vâng theo lời người trên.

Đó là *Thập Nghĩa*.

- **Lễ chi phối mọi hành vi, cử chỉ, những cách giao tiếp của con người.** Lễ không cho phép ta đi quá trớn, quá giới hạn, mực thước đã quy định; không cho phép xâm phạm quyền lợi người khác; vũ nhục, khinh, khi, sàm sỡ với người khác.

- **Lễ là những định luật tự nhiên,** giúp con người sống xứng đáng với danh nghĩa con người, sống hòa hợp, đoàn kết với mọi người.

- **Lễ quy định những gì hay, những gì phải lo cho con người.** Có Lễ, thì gia đình, xã hội, thế giới chúng ta sẽ cải thiện, và sự thanh bình, hoan lạc tự nhiên sẽ đến với chúng ta.

## 11. 地天泰 ĐỊA THIÊN THÁI

<b>Thái Tự Quái</b>	<b>泰序卦</b>
Lý nhi Thái.	<b>履而泰</b>
Nhiên hậu an.	<b>然后安</b>
Cố thụ chi dĩ Thái.	<b>故受之以泰</b>
Thái giả thông dã.	<b>泰者通也</b>

### Thái Tự Quái

*Lý là lễ phép, dễ bề thái khang.*

*Thái khang, âu sẽ bình an.*

*Cho nên quẻ Thái đường hoàng theo sau.*

*Thái là thông suốt, thông lâu...*

Quẻ Thái là một trong 20 quẻ Tam Âm, Tam Dương. Xét về Từ nguyên, Thái như một người đang nhớn nhơ bơi lội trên giòng nước. Thái là thông, mà thông là thông thương, đâm chồi, nảy lộc. Âm Dương có góp sức nhau, thì cây cối mới đâm chồi, nảy lộc. Trong xã hội, trên dưới có góp sức nhau, thì tài năng, đức độ mới triển dương được.

Xét về vị trí Âm Dương của quẻ, ta thấy 3 Dương làm chủ chốt bên trong, 3 Âm phụ bật bên ngoài, cái gì quý được hàm súc bên trong, cái gì tiện được xếp ra bên ngoài để đóng vai bao bọc, hỗ trợ. Và lại, ở vị trí này thì Dương khí thượng thăng, địa khí hạ giáng, sẽ tiếp sức nhau, cộng tác nhau, để làm nên đại công, đại nghiệp.

Quẻ Thái Tượng trưng cho tháng Giêng, lúc mà dương khí trong lòng đất đang hưng thịnh, ngùn ngụt bốc lên, làm cho muôn loài bừng tỉnh, vạn vật hồi xuân, cây cối nảy mầm, nảy mống, đem xuân sắc về cho nhân quần, hoàn vũ.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

泰 . 小 往 大 來 . 吉 亨 .

**Thái. Tiểu vãng đại lai. Cát hanh.**

Dịch.

*Thái là nhỏ nhất ra đi,  
Lớn lao trở lại, muôn bề cát hanh.*

### *Thoán Truyện. Thoán viết.*

泰小往大來吉亨。則是天地交而萬物通也。上下交而其志同也。內陽而外陰。內健而外順。內君子而外小人。君子道長。小人道消也。

**Thái. Tiểu vãng đại lai cát hanh. Tác thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã. Thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã. Nội Dương nhi ngoại Âm. Nội kiện nhi ngoại thuận. Nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân. Quân tử đạo trường. Tiểu nhân đạo tiêu dã.**

Dịch.

*Thoán rằng: Nhỏ nhất ra đi,  
Lớn lao trở lại, muôn bề cát hanh.  
Đất trời gom góp công trình,  
Làm cho vạn vật, quần sinh vui vầy.  
Dưới trên cộng tác hòa hài,  
Một lòng, một dạ, hết bài phân chia.  
Dương trong, Âm ở ngoài lẽ,  
trong cương ngoài thuận, hai bề vẹn hai.  
Quân tử trong, tiểu nhân ngoài,  
Thịnh đời quân tử, suy đời tiểu nhân.*

Thoán Từ, Thoán Truyện chủ trương:

1/ Trời đất có hài hòa, có cộng tác, vạn vật mới được vinh xương, thái thịnh.

2/ Các tầng lớp nhân dân trong xã hội có hòa hài, có đồng tâm, đồng chí, quốc gia mới đi đến chỗ thái thịnh.

3/ Trong mà đã hay, thì đầu ngoài có dở, sau trước sau cũng sẽ hay. Nói cách khác, tinh thần quốc dân mà cao, thì những khuyết điểm vật chất ngoài cảnh bên ngoài, sau trước cũng sẽ được giải quyết.

4/ Quân tử cảm quyền, tiểu nhân phục mệnh, nước nhà mới thái thịnh.

5/ Suy rộng ra, ở nơi con người, nếu tinh thần làm chủ vật chất làm tôi, thì mới có thể có sự quân bình, thái thịnh chân chính.

6/ Nói theo đạo lý, chỉ khi nào Trời làm chủ chốt trong tâm, chỉ khi nào **Thiên tại nội, nhân tại ngoại**, như lời Trang Tử, thì con người mới được thái thịnh.

Lễ nghĩa là đường lối người quân tử. Tranh đoạt, tàn sát là đường lối tiểu nhân. Lối đường quân tử mà được theo sẽ đem đến thái thịnh. Lối đường tiểu nhân mà được theo, sẽ đưa đến suy bĩ. Hiểu được lẽ đó, sẽ hiểu được lý do của sự thịnh suy, trị loạn, rõ như thấy ngọn đèn vậy.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 天地交 . 泰 . 后以財成天地之道 . 輔相天地之宜 .

以左右民 .

**Tượng viết. Thiên địa giao. Thái. Hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo. Phụ tướng thiên địa chi nghi. Dĩ tả hữu dân.**

Dịch.

*Tượng rằng: Trời đất hòa hài,  
Gây nên thái thịnh, khắp nơi, khắp miền.  
Nhà vua thấy thế, triền miên,  
Công trình trời đất giúp nên thành toàn.  
Tiện nghi trời đất đã ban,  
Giúp thêm hoàn mỹ, nhân gian ơn nhờ.*

Tượng truyện dạy rằng: Muốn đi đến thái thịnh, bậc nguyên thủ trong nước phải biết lợi dụng, biết khai thác: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa.

- Khai thác Thiên thời, bằng cách lập ra lịch số, để biết tuần tiết nào phải làm gì cho hay, cho lợi.

- Khai thác Địa Lợi, là phải biết tùy địa thế mà canh tác, ruộng cao cấy lúa mùa, ruộng thấp cấy lúa chiêm...

- Khai thác Nhân hòa, là khai thác khả năng, tâm tình của mọi người, đem lý tưởng, đem nhân luân răn dạy người, để ai cũng được xử dụng đúng mức, đúng chỗ, ai cũng sung sướng vì biết mình thực sự đóng góp vào đại công, đại nghiệp, để ai cũng vui theo đường đạo lý, biết Nhân, Kính, Hiếu, Từ.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九 . 拔茅茹 . 以其彙 . 征吉 .



象曰。拔茅征吉。志在外也。

Sơ Cửu. Bạt mao như. Dĩ kỳ vị. Chinh cát.

Tượng viết:

**Bạt mao chinh cát. Chí tại ngoại dã.**

Dịch.

*Hào Sơ Cửu, cỏ gianh muốn nhổ,  
Nhổ một cây, cụm bừa lên theo,  
Giúp đời, đã đúng lúc chiều.  
**Tượng rằng;** Như nhổ cỏ gianh,  
Cây bưng, cụm bừa, công trình đành hay.  
Tâm tình dồn cả ra ngoài,  
Tâm tình, trí lực, vì đời hiển dương.*

Hào Sơ Cửu cho rằng: Khi gặp thời cơ thuận tiện, người quân tử phải hô hào, dắt díu nhau ra giúp nước.

Người quân tử về phương diện chính trị, là người phò vua, giúp nước cho hay. Còn tiểu nhân, đừng nên để họ cầm quyền. Khi đã định tâm giúp nước, người quân tử phải dốc hết tinh thần vào công cuộc kiến thiết quốc gia.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二。包荒。用馮河。不選遺。朋亡。得尚于中行。

象曰。包荒。得尚于中行。以光大也。

Cửu nhị. Bao hoang. Dụng bằng hà. Bất hà di. Bằng vong.  
**Đắc Thượng vu trung hành.**

Tượng viết:

**Bao hoang. Đắc Thượng vu trung hành. Dĩ quang đại dã.**

Dịch.

*Hào Cửu nhị: Bao dung kẻ dỏ,  
Cần lội sông, há sợ qua sông?  
Việc xa, vẫn để mắt trông,  
Bạn bè nào dám mơ màng riêng tây.  
Thế là theo được đường ngay.  
**Tượng rằng:** Kẻ dỏ bao dung,  
Ở ăn đúng mực, một lòng quang minh.*

Hào Cửu nhị nói: Khi người quân tử cầm quyền:

a) Phải biết bao dung kẻ dưới, không được hắt hủi kẻ kém tài, kém trí, mà phải biết **dụng nhân như mộc**, tùy tài của mỗi người mà dùng họ cho thích đáng (**Bao hoang**).

b) Phải biết lãnh trách nhiệm đứng mũi chịu sào, phải biết liều khi cần liều, vì đại công đại nghiệp (**bằng hà**).

c) Phải biết nhìn xa, trông rộng, phòng nguy, lự hiểm (**bất hà di**).

d) Phải biết vì đại nghĩa mà quên tư tình, gột bỏ óc chất bè phái. (**bằng vong**)

e) Phải biết xử sự cho luôn trung chính, quang minh, cao đại (**đắc thượng vu trung hành**).

### 3. **Hào Cửu tam.**

九三。無平不陂。無往不復。艱貞無咎。勿恤其孚。于食有福。

象曰。無往不復。天地際也。

Cửu tam. Vô hình bất bí. Vô vãng bất phục. Gian trinh vô cữu.  
Vật tuất kỳ phu. Vu thực hữu phúc.

Tượng viết:

Vô vãng bất phục. Thiên địa tế dã.

Dịch.

*Cửu tam dạy: Phẳng rồi sẽ dốc,  
Có lúc đi, có lúc lại về,  
đường đời đầy gặp gian nguy,  
Bền gan, chính trực, lo gì mà lo.  
Đừng rảnh, thực tại cam go,  
Phúc mình, mình hưởng, hồ đồ mà chi.  
**Tượng rằng:** Đi ắt có về,  
Áy là định luật chỉ huy đất trời.*

Hào Cửu tam luận về đầy vơi, tăng giảm của Trời đất. sự thịnh suy của dân tộc, chính thể, đất nước. người quân tử đừng lấy thế mà buồn, mà nản. Trái lại khi gặp thái thịnh, phải biết hân hoan, đón nhận ân sủng của Trời đất.

### 4. **Hào Lục tứ.**

六四。翩翩。不富。以其鄰。不戒以孚。

象曰。翩翩不富。皆失實也。不戒以孚。中心愿也。

Lục tứ. Phiên phiên. Bất phú dĩ kỳ lân. Bất giới dĩ phu.

Tượng viết.

Phiên phiên bất phú. Giai thất thực dã. Bất giới dĩ phu.  
Trung tâm nguyện dã.

Dịch.

*Lục tứ sống an nhiên thư thái,*

*Chẳng khoe khoang của cải với người,  
Sống cùng lân lý trong ngoài,  
Chân thành chẳng chút đăi bôi, màu mè.  
**Tượng rằng:** Thụ thái, chẳng khoe giàu,  
Giàu sang: giả cảnh, thực chi đâu,  
Đối đăi với nhau, bằng tình thực,  
Đó là tâm nguyện sống chung nhau.*

Hào Lục tứ cho rằng: Muốn được thái thịnh, kẻ giàu có phải biết thành khẩn đóng góp vào đại công, đại nghiệp khi cần, chứ không phải giàu để mà ý của, ý tiền, khoe giàu, khoe có với người. Cũng có người giải Hào này một cách bi quan, và cho rằng cả bảy Âm đang kéo nhau xà xuồng đẩy phe quân tử ra khỏi chính quyền.

### **5. Hào Lục ngũ.**

六五 . 帝乙歸妹 . 以祉元吉 .

象曰 . 以祉元吉 . 中以行愿也 .

Lục ngũ. **Đế Ất quy muội. Dĩ chỉ nguyện cát.**

Tượng viết.

**Dĩ chỉ nguyện cát. trung dĩ hành nguyện dã.**

Dịch.

*Vua Đế Ất đem em gái gả,  
Thật vẹn hay, vẹn cả mọi bề.  
Tượng rằng: Hạnh phúc mọi bề,  
Là vì trung chính, thoả thuê ước nguyện.*

Hào Lục ngũ cho rằng muốn được thái thịnh, người giàu sang không được cậy quyền, cậy chức, mà phải biết sống hòa mình với mọi người. Nên theo đường lối của vua Đế Ất. Vua Đế Ất đã ra một đạo sắc chỉ và truyền dạy các vị công chúa, khi về nhà chồng, phải biết tùng phục chồng, mặc dù chồng không phải là vương tướng.

### **6. Hào Thượng lục.**

上六 . 城復于隍 . 勿用師 . 自邑告命 . 貞吝 .

象曰 . 城復于隍 . 其命亂也 .

Thượng lục. **Thành phục vu hoàng. Vật dụng sư.**

**Tự ấp cáo mệnh. Trinh lận.**

Tượng viết:

**Thành phục vu hoàng. Kỳ mệnh loạn dã.**

## Dịch.

*Hào Thượng lục: lũy thành đổ nát,  
Hãy dụ dân, đừng phát đao binh.  
Dụ dân, ngay tự thành mình,  
Nếu mà giết chóc sẽ thành công toi.  
Tượng rằng: thành hoang, lũy đã hỏng rồi,  
Là vì mệnh lệnh rồi bời, còn đâu.*

Hào Thượng lục cho rằng: Thái mà không biết giữ sẽ suy vi. Khi mà người ta đã bớt cố gắng, giữ gìn, săn sóc, bớt tình đoàn kết, sáng suốt, thì mọi sự bên ngoài sẽ dần dần suy sụp. Thành lũy mà đã long, đã lở, đã biến thành hào rãnh, thì lòng con người chắc đã thờ ơ, nguội lạnh, ươn hèn lấm mắt còn gì. Bây giờ, dù có dùng những phương pháp cưỡng chế mạnh mẽ, cũng chẳng đi đến đâu, chỉ càng làm cho thêm tan hoang, đổ nát. Muốn cứu vãn tình thế lúc ấy, cần phải khéo léo, tinh tế, nhẹ nhàng, phải biết thu hẹp tâm hoạt động, chứ đừng mơ ước những công tác đại quy mô nữa.

## ÁP DỤNG QUÊ THÁI VÀO THỜI ĐẠI

Quê Thái tượng trưng cho sự quân bình, hòa hợp giữa Âm và Dương, giữa người có tài và kẻ vô tài. **Người có tài đóng vai chủ chốt, kẻ vô tài đóng vai phụ dịch**, trên dưới một lòng, mọi người đều xứng ngôi, xứng vị, mọi người đều đồng tâm, đồng chí, cộng tác để xây dựng nước non.

Hơn nữa, muốn cho quốc gia được hưởng thái bình, thịnh trị, không phải là chuyện dễ, nó đòi hỏi tất cả mọi người phải đồng lao, cộng tác, phải cố gắng.

Muốn được thái thịnh, phải chuẩn bị lâu dài, có những phương châm, những chương trình hoạt động rõ ràng, những giai đoạn sơ khởi cần phải được thực hiện. Dịch kinh đã đề cập đến những điều kiện tiên quyết ấy ở trong 10 quẻ đầu:

1) Căn nguyên và cùng đích con người là ở Trời, vì thế con người phải bắt chước Trời mà hành sự, cố gắng cải thiện không ngừng, để thân thành hóa mình, trở về được với Trời (Kiên).

2) Sống trong muôn vàn biến hóa, phải biết tùy thời, tùy thế, phòng nguy, lự hiểm, để tìm về được **Hoàng Trung Chính Vị (Hàng Cửu)**, trung tâm chủ chốt của biến thiên (**Khôn**).

3) Cần phải có bậc anh tài, ra kinh luân dựng nhà, lập nước (**Truân**).

4) Phải đặt nặng vấn đề giáo hóa dân chúng (**Mông**).

5) Phải lo cho cơm áo của chúng dân cho chu đáo (**Nhu**).

6) Những bất đồng, những tranh chấp về tư lợi, tư dục, giữa cá nhân, cần phải giải quyết cho thỏa đáng (**Tụng**).

7) Phải có binh hùng, tướng giỏi để phòng bị xâm lăng (**Su**).

8) Phải đề cao tình tương thân, tương trợ, giữa các tầng lớp dân chúng, để xây dựng tương lai cho đất nước (**Tĩ**).

9) Phải biết trau dồi tác phong, đức độ, và không nên sợ hãi khi gặp trở lực, khó khăn trên bước đường tiến thủ (**Tiểu Súc**).

10) Mọi người trên dưới phải biết vui thuận theo đạo lý (Lý).

Nói thế, tức là bất kỳ phương diện nào: **Đạo giáo, Tâm lý, Luân lý, Xã hội, Chính trị, Kinh tế, Binh bị** đều phải được tổ chức, sắp xếp cho chu đáo, mới có thể thực hiện được sự thái thịnh cho đất nước.

**Con người có lý và có đức. Theo nghĩa lý mà xử sự**, thương giúp lẫn nhau, mình hết lòng vì người, thì người cũng hết lòng vì mình. Kinh tế do đó mà trở nên thái thịnh, trật tự do đó mà trở nên vững vàng. Cảnh thái bình, hòa hợp, chính là do sự đồng lao, cộng tác mà sinh ra. Nhược bằng **theo Tính Dục mà xử sự**, sẽ ghen ghét, tranh cướp lẫn nhau. Càng tranh đoạt, càng tàn sát lẫn nhau, thờ sự sinh sản cũng sẽ suy giảm, trật tự sẽ bị xáo trộn, hỗn loạn. Cảnh sẽ nghèo, tan đàn, lao lung, khôn khổ, chính là do sự tranh đoạt mà phát sinh. Hai bộ mặt Trị và Loạn đều do những nguyên cơ đó mà ra.

Thế vận dĩ thái, xã hội thịnh suy, đều do phong khí của lòng người. **Nhân tâm mà phần khởi, chính nghĩa mà phát dương**, thời xã hội sẽ đơm nhuần không khí đầm ấm, vui vầy, văn hò sẽ tiến bộ, và cảnh thái thịnh sẽ hiện ra. **Nhân tâm mà đòi trụy**, con người mà khí trá lẫn nhau, thời xã hội sẽ chìm đắm trong bầu không khí dối trá, văn hóa sẽ suy đồi. Đó là cảnh tượng của thời suy dĩ vậy.

**Nếu con người biết dùng tâm thần mình để chi phối ngoại cảnh**, thì vật chất sẽ làm tôi tớ, sẽ phụ bật cho con người. Nhược bằng, **đem tâm thần chạy theo ngoại cảnh**, đem tâm thần làm tôi tớ cho vật chất, vật dục, thì sẽ bị ngoại vật bung bít cho mờ ám; trí tuệ vì thế không thể phát sinh, cuộc sống vì thế mà phản bội với lẽ nghĩa, như vậy xã hội chắc chắn sẽ thoái hóa.

## 12. 天地否 THIÊN ĐỊA BỈ

### Bĩ Tự Quái

Thái giả thông dã.

Vật bất khả dĩ chung thông.

Cố thụ chi dĩ Bĩ.

否序卦

泰者通也

物不可以終通

故受之以否

### Bĩ Tự Quái

*Thái là thông suốt, thông lâu,  
Muôn loài hồ để gót đầu hanh thông.  
Cho nên Bĩ khởi lao lung...*

Bĩ là Âm Dương cách trở, trời đất cách trùng, cho nên vạn vật lâm cảnh bế tắc.

Bĩ là thời kỳ tiểu nhân lũng loạn chính quyền, mặc tình làm mưa, làm gió; còn người quân tử thì lại bất đắc dụng, bất phù hợp thời. Cái gì xui nên sự bế tắc, sự chia ly ấy? Chính là sự thái thịnh. Tại sao? Vì khi thịnh, con người dân dần bớt cố gắng, bớt đề phòng, bớt giữ ý, và bắt đầu đi vào con đường xa hoa hưởng thụ.

Nói rằng: Bĩ tự Thái sinh, cũng y như Dostoievski đã viết: **Căn nguyên của sự chiến tranh chính là cảnh thái bình** (Max Scheller, L'Idée de la Paix et le Pacifisme, p. 71).

Quẻ Bĩ ứng vào thời kỳ mà con người lấy vật chất làm trọng tâm, lấy sự đấu tranh làm phương châm hàng động, lấy sự thỏa mãn thị hiếu, thị dục làm cứu cánh, lấy sự thành công bên ngoài làm tiêu chuẩn mà đánh giá con người. Thời ấy tất cả cái đẹp đẽ đều phô ra ngoài, con người trở nên phù phiếm, phiến diện. Đạo đức, nhân nghĩa cũng rời hột nơi đầu môi, cửa miệng, và được lồng vào những lễ nghi bên ngoài, được giăng mắc nơi đầu đường, xó chợ, dưới hình thức bích chương và biểu ngữ... nhưng trên thực tế, đạo đức, nhân nghĩa đã rời khỏi lòng con người.

Người quân tử khi thái bình, thì phải biết đề phòng họa hoạn; lúc gặp cơn đen, vận túng, thời phải biết ẩn dật, chờ thời, cố giữ lấy lẽ xưa, cách cũ, cố tài bồi cho văn hóa khỏi suy vong, chờ cho đến khi thời cơ xoay chuyển đem đại vận, đem hanh thông trở lại.

**Thái, Bĩ là hai quẻ tương phản nhau.** Nhân tâm tốt hay xấu, thiên vận sẽ xoay theo. **Tích thiện thời cho gặp may, tích ác thời cho gặp dở.** Nếu muốn biết thời vận Bĩ, Thái ra sao, thì chỉ xem lòng người tốt hay xấu là rõ. Ta thấy, trong **Thái có Bĩ, trong Bĩ có Thái, đó là lẽ Ý Phục** của Trời đất.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

否. 否之匪人. 不利君子貞. 大往小來.

**Bĩ: Bĩ chi phi nhân. Bất lợi quân tử trinh. Đại vãng tiểu lai.**

Dịch.

**Thoán Từ.**

*Bĩ là lúc con người chia rẽ,  
quân tử trinh bền, sẽ chẳng may.  
Lớn đi, nhỏ lại từ đây...*

### *Thoán Truyện.*

**Thoán viết.**

否之匪人. 不利君子貞. 大往小來. 則是天地不交. 而萬物不通也. 上下不交. 而天下無邦也. 內陰而外陽. 內柔而外剛. 內小人而外君子. 小人道長. 君子道消也.

**Bĩ chi phi nhân. Bất lợi quân tử trinh. Đại vãng tiểu lai. Tắc thiên địa bất giao nhi vạn vật bất thông dã. Thượng hạ bất giao nhi thiên hạ vô bang dã. Nội Âm nhi ngoại Dương. Nội nhu nhi ngoại cương. Nội tiểu nhân nhi ngoại quân tử. Tiểu nhân đạo trưởng. Quân tử đạo tiêu dã.**

Dịch.

*Thoán rằng: Bĩ, vì người chia rẽ,*

Quân tử trình bèn, sẽ chẳng may,  
Lớn đi, nhỏ lại từ đây,  
Là vì Trời đất, đôi nơi quải gàng.  
Quần sinh bé tắc trăm đàng,  
Dưới trên ly cách, suy tàn quốc gia.  
Âm trong, Dương bị đẩy xa.  
Trong mềm, ngoài cứng, phô ra mẽ ngoài.  
Tiểu nhân lên mặt thầy đời,  
Lòng thời ti tiện, mặt thời cao sang.  
Tiểu nhân thi triển lối đường,  
Còn người quân tử, mỗi giường ai hay.

*Thoán Tì & Thoán Truyện* cho rằng Bĩ là thời kỳ đảo điên, chia rẽ, thời kỳ mà nhân nghĩa, đạo lý của người quân tử trở nên lỗi thời, lạc hậu, thời kỳ mà tiểu nhân làm chủ chốt, quân tử đứng châu rìa; thời kỳ mà tiểu nhân lên hương, quân tử xuống dốc; thời kỳ mà giang sơn, gấm vóc mất ý nghĩa cao đẹp của nó, trở thành những chiêu bài cho tiểu nhân mưu cầu danh lợi. Dịch nói: **Thiên hạ vô bang**, cũng như Á Nam Trần Tuấn Khải than:

*Giang san này vẫn giang san,  
Mà nay sẽ ghé, tan đành vì ai?*

Tóm lại, Bĩ là thời kỳ mà con người không còn thực thi nhân đạo nữa (**Bĩ phi nhân**).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 天地不交 . 否 . 君子以儉德辟難 . 不可榮以祿 .

Tượng viết: **Thiên địa bất giao. Bĩ. Quân tử dĩ kiệm đức tị nạn.  
Bất khả vinh dĩ lộc.**

Dịch.

*Tượng rằng: Trời đất quải gàng,  
Mỗi bên, mỗi ngã, đôi đàng chẳng giao.  
Hiên nhân đức cả, tài cao,  
Liệu bề che dấu, cốt sao thoát nạn.  
Đừng mong lợi lộc, vinh quang.  
Tiểu nhân đắc thế, ẩn tàng là hơn.*

Gặp thời kỳ đảo điên, lòng người đôi trắng, thay đen như vậy, người quân tử hãy nên **quy ẩn**, đừng để cho bả lợi danh làm hoen ố lý tưởng và đạo nghĩa của mình.

## III. Hào Tì & Tiểu Tượng Truyện.

### 1. Hào Sơ lục.

初六 . 拔茅茹 . 以其彙 . 貞吉亨 .



象曰 . 拔茅貞吉 . 志在君也 .

Sơ lục. Bạt mao như. Dĩ kỳ vị. Trình cát hanh.

Tượng viết.

Bạt mao trình cát. Chí tại quân dã.

Dịch.

*Hào Sơ lục, cỏ gianh khi nhỏ,  
Nhỏ một cây, cụm búp lên theo.  
Chính mình sẽ được may nhiều.*

**Tượng rằng:** *Cỏ gianh nhỏ được tốt lành,  
Là vì tâm trí vẫn dành thờ vua.*

Theo đà tư tưởng ấy, Trình tử khi bình giải Hào Sơ đã cho rằng khi đã cần phải rút lui, người quân tử phải rút lui toàn bộ, với tất cả mọi đồng chí mình, như vậy mới hay.

Chu Hi thì giải ngược lại, mà cho rằng: Kẻ tiểu nhân mới ra cầm quyền, cũng chưa có dịp làm gì ác lộ liễu, nên Thánh nhân mới khuyên họ hãy theo chính đạo mà trị dân, trị nước, nếu được như thế sẽ hay, vì như vậy tiểu nhân sẽ trở nên quân tử, mà giang san, đất nước sẽ có phần nhờ.

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 包 承 . 小 人 吉 . 大 人 否 亨 .

象曰 . 大 人 否 亨 . 不 亂 群 也 .

Lục nhị. Bao thừa. Tiểu nhân cát. Đại nhân bĩ hanh.

Tượng viết:

**Đại nhân bĩ hanh. Bất loạn quần dã.**

Dịch.

*Hào hai: bao bọc, nghe theo,  
Tiểu nhân như vậy, có chiều hay ho.  
Khi người quân tử sa cơ,  
Có cùng, nhưng vẫn chẳng lo khốn cùng.  
Rời ra sẽ được hanh thông.*

**Tượng rằng:**

*Đại nhân khi bĩ, vẫn hanh,  
Không hề cầu thả, liên minh cùng người.*

Hào hai cho rằng tiểu nhân cầm quyền, nếu còn biết nể nang, nghe theo, đỡ đầu người quân tử thời cũng hay, cũng tốt. Tuy nhiên, người quân tử không nên làm gì để đến nỗi tổn thương đến thanh danh, giá trị, lý tưởng của mình, và cũng không thể như **phượng hoàng thất thế phải theo đàn gà được.**

### 3. *Hào Lục tam.*

六三 . 包羞 .

象曰 . 包羞 . 位不當也 .

Lục tam. **Bao tu.**

Tượng viết.

**Bao tu. Vị bất đáng dã.**

Dịch.

*Lục tam: mang lấy nhục như.*

**Tượng rằng:** mang lấy nhục như,

Là vì ngôi vị đang là dở dang.

Hào ba cho rằng tiểu nhân cầm quyền, tuy bên ngoài thì cao kiêu, ngất ngưỡng như vậy, nhưng thực ra họ vẫn tự thẹn với lòng, vì biết mình không xứng đáng với chức vị.

### 4. *Hào Cửu tứ.*

九四 . 有命無咎 . 疇離祉 .

象曰 . 有命無咎 . 志行也 .

Cửu tứ. **Hữu mệnh. Vô cửu. Trù ly chí.**

Tượng viết:

**Hữu mệnh. Vô cửu. Chí hành dã.**

Dịch.

*Mệnh Trời đã có trong thân,*

*Nên không vấp vướng, lỗi lầm, đơ sai.*

Đến Hào bốn, ta thấy cơ Trời đã bắt đầu xoay chuyển. Người anh hùng trị Bĩ đã bắt đầu lộ diện. Đó là bậc cương minh chí tài, có sứ mệnh phục hưng lại thời cuộc, và có đông bè bạn vui lòng phụ bật, để làm nên đại cuộc.

### 5. *Hào Cửu ngũ.*

九五 . 休否 , 大人吉 . 其亡其亡 . 繫于苞桑 .

象曰 . 大人之吉 . 位正當也 .

Cửu ngũ. **Hưu bĩ. Đại nhân cát. Kỳ vong kỳ vong. Hệ vu bao tang.**

Tượng viết:

**Đại nhân chi cát. Vị chính đáng dã.**

Dịch.

*Cơn đen, vận bĩ đã lui,*

*Đại nhân đã gặp được hồi hay ho.*

*rằng nguy, rằng hồng mới là,*

*Khóm dâu vừng chãi, thiết tha buộc ràng.*

*Tượng rằng:*

*Đại nhân được tốt, được lành.*

*Là vì địa vị phân minh, đàng hoàng.*

Đối với người hùng có tài kinh bang, tế thế, có tài đem lại an bình, Khang thái và đạo đức lại cho nhân quần đó, Dịch kinh khuyên cáo hãy biết lo lường, biết thận trọng, thì mới tạo nên được những thành quả vững bền.

**Hệ Từ** quang luận hào này như sau:

*Nguy thay, kẻ tướng vừng ngôi,*

*Táng vong, kẻ ngõ thành thoi, trường tồn.*

*Loạn là, kẻ tướng trị an,*

*(Tướng an, kinh thị, ly loạn mới sinh)*

*Cho nên quân tử giữ mình,*

*Đương yên, mà vẫn nhớ dành cơn nguy.*

*Đương còn, vẫn sợ mất đi,*

*Nước yên, mà vẫn phòng khi ly loạn.*

*Biết lo, thân mới được an,*

*Biết lo, nên mới bảo toàn quốc gia.*

*Dịch rằng:*

*Ràng nguy, rằng hỏng mới là,*

*Khóm dâu vừng chãi, thiết tha buộc ràng.*

## **6. Hào Thượng Cửu.**

**上九. 傾否. 先否後喜.**

**象曰. 否終則傾. 何可長也.**

**Thượng cửu. Khuynh bỉ. Tiên bỉ hậu hỉ.**

Tượng viết:

**Bĩ chung tắc khuynh. Hà khả trường dã.**

Dịch.

*Cơn đen, vận bỉ hết rồi.*

*Trước thời bế tắc, sau vui mới là.*

**Tượng rằng:** *Bĩ cực, Thái lai,*

*Có gì trường cửu ở đời này đâu?*

Thánh nhân kết thúc quẻ Bĩ bằng một niềm vui, bằng chữ Hỉ, và cho rằng cơn đen, vận bỉ cũng có lúc phải cùng. Đó là một bài học dạy cách xử thế hết sức là thâm thúy, nó là phản ánh đường lối chung của Dịch Kinh., mà ta có thể tóm tắt như sau: Lúc thái thịnh, thì chớ nên kiêu sa, buông thả, lúc nguy bỉ thì chớ nên thất vọng, chớ nên nản lòng. Thế mới là:

*Khi hay phải biết lo toan,  
Khi cùng phải biết thi gan với đời.*

## **ÁP DỤNG QUÊ BỈ VÀO THỜI ĐẠI**

Bỉ vào thời kỳ tiểu nhân lên cầm quyền. Tiểu nhân cầm quyền thì chỉ có lớp người thông trí là sung sướng, còn dân con sẽ điêu linh. Đi vào lòng con người lúc ấy, ta chỉ thấy âm bôn, ứ tấp, thấy ác độc, đố kỵ. Lòng con người trở nên đêm trường tăm tối, vì đã vắng người bóng mặt trời nhân nghĩa, lòng con người đã trở nên sa mạc khô khan, vì đã làm khô cạn hết nước suối thương yêu.

Lúc ấy, xã hội cũng như cá nhân ưa lấy thiên lý, thiên đạo làm phần sấp tô diêm cho vẻ bên ngoài thêm lộng lẫy, mà bên trong là cả một bãi tha ma nhân dục, là cả một hang ổ trộm cướp.

Cái xã hội, cái cảnh đời mà quê Bỉ muốn nói ra ấy, đã được tác giả (**Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ**) tả ra bằng những vần thơ sau đây:

*Đời là chi, đời là một hý trường,  
Lấy áo mào, đem thay chân giá trị.  
Mới thoạt nhìn, tưởng ngọc ngà thanh quý,  
Để tâm dò mới thấy rặt bùn đen,  
Vỏ nhân nghĩa, mà ruột chặt kim tiền,  
Mặt đạo đức, nhưng lòng đầy guom giảo.  
Đời là chi, mà sao đầy giả tạo,  
Bán tài tình, bán cả đến phần son,  
Bán khoé mắt, bán cả trái tim non,  
Dem cao thượng mà tô lòng đen bạc.  
Chén rượu đời, pha phách bao chua chát,  
Tám kịch đời, chan chứa cảnh đoạn trường,  
Phiên chợ đời, tan, hợp, mấy tang thương,  
Đường lối đời, rắc reo đầy cạm bẫy,  
Đời nói đẹp, nhưng đời chuyên làm bậy,  
Hứa trăm voi, không được bát sáo suông.  
Mặt thân thánh, mà lòng dạ chim muông,  
Khéo luôn cúi, huênh hoang, thôi cũng khéo.  
Lý tưởng ngấm là khéo vợ, khéo đẽo,  
Dem văn minh, khoác lột sống kiêu sa,  
Lòng con người nhem nhọ bụi phù hoa,  
Thích phù phiếm, thích lợi danh và tàn bạo.  
Ôi giả tạo, biết bao là giả tạo,  
Sau bức tranh, thế sự dăm vàng son.*

## 13. 天火同人 THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN



### Đồng Nhân Tự Quái 同人序卦

Vật bất khả dĩ chung Bĩ. 物不可以終否

Cố thụ chi dĩ Đồng Nhân. 故受之以同人

Quẻ Đồng Nhân cũng như quẻ Tỉ, quẻ Thái, bàn về sự đoàn kết, sự thân ái. Nhưng Thái và Tỉ bàn về đoàn kết để dựng nhà, lập nước, đem thái thịnh lại cho một quốc gia, còn Đồng Nhân lại bàn đến tình yêu nhân loại, đến sự đồng tâm, nhất trí, để đem thái hòa, đem tình thân hữu lại cho thiên hạ, đó là Đại Đồng. Muốn thực hiện Đại Đồng, nó đòi hỏi một sự chuẩn bị lâu dài, một trình độ văn minh tiến hóa vượt mức của nhân loại. Dịch kinh cho rằng muốn Đại Đồng cần phải chấp nhận các giá trị tinh thần, các tinh hoa vĩnh cửu của con người, tượng trưng bằng quẻ Kiên và chỉ thực hiện khi mà lòng con người đã trở nên quang minh chính đại. Thời kỳ Đại Đồng là thời kỳ hoàng kim của nhân loại, nhưng rất khó thực hiện. Nó mới ló dạng, khi con người bỏ ngõ bước chân vào bình minh của cuộc đời nhân loại, và có lẽ chỉ được thực hiện sau này, khi con người đã quá đắng cay, sâu khổ vì chia ly, chiến tranh, căm thù, trá ngụy. Vì thế quẻ Đồng Nhân xếp sau quẻ Bĩ.

Con người chỉ khi nào gặp đại nạn, vì những hành động, những quan niệm, những lý thuyết ngu xuẩn của mình gây ra, nói có thể đoạn tuyệt với đường xưa lối cũ, với tề đoan, tề tục, tư dục, tư tình mà thực thi sự tương thân, tương ái. Muốn hiểu quẻ Đồng Nhân cho thấu đáo, ta hãy lần lượt nghiên cứu ít nhiều vấn đề tiên quyết.

#### 1. Đại đồng là gì?

Là một chủ trương Triết học và Chính trị cho rằng con người có thể đại đoàn kết được với nhau, sống trong cảnh an bình thái thịnh, bốn bề một nhà.

#### 2. Nhân loại có thể đi đến Đại đồng được không?

Thưa: Có thể. Theo Dịch lý, nếu ta chấp nhận sự biến thiên, thì sự biến thiên ấy phải có đầu, có đuôi, có căn nguyên, mục đích, thì dĩ nhiên lúc chung cuộc sẽ được hưởng thời kỳ hoàng kim. Đó là lẽ biến dịch tuần hoàn **chung nhi phục thủy** của Trời đất.

Nhiều môn phái Triết học, nhiều Học thuyết đã chủ trương thời Đại đồng hoàng kim mai hậu.

- 1) Các tiên tri Isaie và Jérémie. (Isaie: 65, 21, 25 - Jérémie: 31, 31-34).
- 2) Sách Khải Huyền. (Apocalypse 23, 3).
- 3) Môn phái triết học Alexandrins & Hégel (Le Christianism et les philosophes).
- 4) Karl Marx.
- 5) Kant.
- 6) Radakhrishnan.
- 7) Chiêm tinh hoa.
- 8) Max Scheler...

#### 3) Làm thế nào để thực hiện Đại đồng?

Muốn thực hiện Đại Đồng, thời trên phương diện tinh thần, con người phải dẹp bỏ lòng ích kỷ, phải theo công lý, chính đạo, chính nghĩa. Còn theo phương diện chính trị và tổ chức thì: **Nhân sinh, nhân vị, nhân quyền phải tuyệt đối được bảo đảm và tôn trọng.**

Sau khi đã bàn qua về chủ nghĩa Đại Đồng, ta trở về nghiên cứu quẻ Đồng Nhân.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

同人.同人于野.亨.利涉大川.利君子貞.

**Đồng Nhân: Đồng Nhân vu dã. Hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi quân tử trinh.**

Dịch.

*Đồng Nhân hòa với mọi người,  
Thênh thang lòng dạ, như ngoài đồng không.  
Hay thay khoan quảng, hòa đồng,  
Một lòng, thì dầu lội sông, quản gì.  
Đồng tâm, sẽ vượt gian nguy,  
Theo đường quân tử, quy về chính trung.*

Thoán Từ cho rằng: muốn hòa mình với người, cần phải mở lòng mình cho rộng rãi (**Đồng Nhân vu dã**).

Hòa đồng, hợp nhất với người sẽ đem lại hanh thông, thái thịnh, và lướt thắng được mọi trở lực, làm nên được những đại công, đại nghiệp (**Hanh. Lợi thiệp đại xuyên**). Quân tử sẽ lấy sự minh chính, chính nghĩa để làm mối giây liên lạc, thắt chặt tình thân ái giữa mọi người (**Lợi quân tử trinh**).

### *Thoán Truyện.*

同人.柔得位得中.而應乎乾.曰同人.同人曰.同人于野.亨.利涉大川.乾行也.文明以健.中正而應.君子正也.唯君子為能通天下之志.

Thoán viết. **Đồng Nhân. Nhu đắc vị đắc trung nhi ứng hồ Kiền. Viết Đồng Nhân. Đồng Nhân viết, Đồng Nhân vu dã hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Kiền hành dã. Văn minh dĩ kiện. Trung chính nhi ứng. Quân tử chính dã. Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chí chí.**

Dịch.

*Thoán rằng: Mềm được ngôi trung,  
Lại còn tương ứng, tương thông với Kiền,  
Hòa đồng, khoan quảng, mới nên,  
Đồng không man mác, nối liền gần xa,  
Dầu rằng sông lớn cũng qua,  
Sức trời hùng dũng, ai mà cản ngăn,  
Cương cường, vẫn vẻ, vẫn vẫn,  
Văn minh, tế nhị, êm đềm, mới nghe.*

*Thấy điều trung chính, ứng về,  
Duy người quân tử, muôn bề thắng ngay.*

Nhân loại chỉ có thể tiến tới Đồng Nhân khi thực hiện được nhân cách, khi ứng hợp được với lương tâm, với Trời, với Đạo. Đã thân ái với nhau, đã coi nhau như anh em ruột thịt, bốn bề một nhà, lại biết đoàn kết, biết cố gắng, thì hỏi còn có điều gì khó khăn mà con người không thể thực hiện được (**Đồng Nhân vu dã. Kiên Hành dã**)...

Điều kiện nội tại để xây đắp hòa đồng mai hậu, là có một tâm hồn sáng láng, vô tư, vô tà, quyết lòng cư xử với nhau theo chính đạo, chính nghĩa (**Văn minh dĩ kiện. Quân tử chính dã**). Hòa đồng với nhau, dắt dìu nhau trên đường tiến bộ, làm cho mọi người thỏa lòng, thỏa nguyện, đó là một công việc mà chỉ có người quân tử mới thực hiện nổi (**Duy quân tử ... thiên hạ chi chí**). *Thoán truyện* làm ta nhớ lại hoài bão của Đức Khổng, ghi chép trong Thiên Lễ Vận: **Đại đạo khi được thực thi, thời thiên hạ là của chung. Người hiền tài sẽ được tuyển lựa, cất nhắc lên lãnh đạo, thiên hạ sẽ được dạy dỗ cho biết tín nghĩa, hòa mục, vì thế nên người ta không cứ người nào thân mình mới thân, không cứ là con mình mới coi là con, người già sẽ có nơi an dưỡng, người trẻ sẽ được sử dụng. Trẻ thơ sẽ được dưỡng dục, những người tàn tật, cô cút, góa bụa, cô độc sẽ được nuôi nấng, trông nom... Trai có phận, gái có chồng, người ta không phí phạm, vung vãi của cải, không ngại gắng công, gắng sức, nhưng cũng không lao tác vì mình. Vì thế, người có cơ mưu cũng không dám thi thố, trộm cướp, giặc giã không có, cửa ngõ cũng chẳng cần khóa then. Thế là Đại Đồng** (Lễ vận 9). Như thế Đại Đồng tức là Đại Đoàn kết, bốn bề một nhà.

## II. Đại Tượng Truyện.

**天與火 . 同人 . 君子以類族辨物 .**

Tượng viết. **Thiên dữ hỏa. Đồng Nhân. Quân tử dĩ loại tộc biện vật.**

Dịch. *Tượng rằng:*

*Trời cùng với lửa Đồng Nhân,  
Đã là quân tử, phải phân hay, hèn.  
Người năm, bảy đáng dĩ nhiên,  
Của muôn vạn loại, phải xem cho rành.*

Tượng Truyện cho rằng trong cái đồng vẫn có cái dị, như trời với lửa, tuy cùng là thanh khí, nhưng vẫn khác biệt nhau, vì thế người quân tử phải biết biện phân những nét đặc thù, dị biệt để mà phân loại người và vật.

Tìm được những lý do, khiến cho người và vật trở nên dị biệt, ta sẽ làm cho ta cảm thông được người, hiểu thấu được vật. Chẳng hạn, nếu ta phân biệt được rằng **Đạo có nhiều hình thức, có nhiều thứ bậc:**

- a) Huyền đồng, hoàn thiện.
- b) Nghệ thuật, duyên dáng, thơ mộng.
- c) Luân lý, tu trì,
- d) Giáo lý, suy luận
- e) Hình thức, lễ nghi.



ta nhận thức ngay được mức độ cao thấp của người hành đạo. Hoặc là ta phân biệt Đạo giáo làm hai loại:

- 1) **Tu thân = Nội giáo** (chú trọng đến sự tu luyện tâm thân)
- 2) **Thờ phụng = Ngoại giáo** (chú trọng đến sự van vái, thờ phụng và cầu phúc)

Lại nữa, nếu ta **phân chiến tranh làm nhiều loại**: Chiến tranh vì:

- 1) Tôn giáo
- 2) Chủ nghĩa
- 3) Chủng tộc
- 4) quốc gia
- 5) Giai cấp
- 6) Xâm lược
- 7) Phòng ngự
- 8) Phục thù

ta sẽ thấy không phải chỉ có nguyên do vật chất, kinh tế chi phối sự diễn biến của lịch sử.

Phân biệt con người có: Thân, Hồn, Xác, ta sẽ phân loại được văn hóa có ba chiều hướng chính:

- **Văn hóa thiên bản** (vụ thân)
- **Văn hóa nhân văn** (vụ nhân)
- **Văn hóa vật bản** (vụ vật chất)

và nhờ đó có cái nhìn trong sáng về sự vật...

Biết cái dị, tức là biết cái biến, gây nên bởi hoàn cảnh, lịch sử, huyết thống, giáo dục, sẽ giúp ta đi đến cái đồng, cái bất biến, nơi giao hội của mọi cái dị biệt. Những cái biến thiên dị biệt, không thể lấy làm căn bản cho sự hòa đồng nhân loại được.

*Hòa đồng nhân loại, chỉ có thể xảy ra trên một nền tảng duy nhất bất biến, ấy là bản tính con người, lương tâm, lương tri con người, trên những định luật tự nhiên của Trời đất.*

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 同人于門. 無咎.

象曰. 出門同人. 又誰咎也。

Sơ Cửu. **Đồng Nhân vu môn. Vô cửu.**

Tượng viết.

**Xuất môn Đồng Nhân. Hựu thùi cửu dã.**

Dịch.

*(Quang minh chính đại rạng ngời).*

*Cùng người hòa hợp cửa ngoài mới hay,*

*Tượng rằng:*

*Bước ra cửa, hợp với người.*

*Minh, người một dạ, ai cười, ai chê.*

Khi đã đặt ra những tôn chỉ để đi đến Đại đồng rồi. Hào Sơ cho rằng muốn Đại đồng phải ra khỏi cửa nhà, tức là phải thoát ra khỏi những quyền lợi, những tư tình của cá nhân, của gia đình.

## 2. Hào Lục nhị.

六二.同人于宗.吝.

象曰.同人于宗.吝道也.

Lục nhị. **Đồng Nhân vu tông. Lận.**

Tượng viết.

**Đồng Nhân vu tông. Lận đạo dã.**

Dịch.

*Hòa đồng vì họ, vì phe.*

*Hòa đồng như thế, đáng chê, đáng cười,*

*Tượng rằng:*

*Hòa đồng vì họ, vì phe.*

*Thế là đường lối đáng chê, đáng cười.*

Hòa đồng với người không phải là với người thân mình, bạn bè mình, họ mình, đảng mình, nước mình, mà phải mở tâm kích tâm hồn mình cho tới muôn nước, muôn phương.

## 3. Hào Cửu tam.

九三. 伏戎于莽.升其高陵.三歲不興.

象曰. 伏戎于莽.敵剛也.三歲不興.安行也.

Cửu tam. **Phục nhung vu mãng. Thăng kỳ cao lăng. Tam tuế bất hưng.**

Tượng viết:

**Phục nhung vu mãng. Dịch cương dã. tam tuế bất hưng, An hành dã.**

Dịch.

*Cửu tam: rừng rậm phục quân.*

*Gò cao ngấp nghé, ba năm chẳng vùng.*

*Tượng rằng: Rừng rậm phục quân,*

*Muốn cùng (Cửu ngũ) qua phân tranh hùng.*

*Ba năm chẳng dám vẫy vùng.*

*Vì rừng chẳng thể tấn công được nào.*

Hào ba cho rằng: không nên lấy vũ lực để bắt người hòa đồng với mình. Cho nên phải tổ chức quốc tế hùng mạnh thế nào, để cho mỗi mọi nước đâu có muốn hưng binh làm loạn cũng không đủ sức.

#### 4. *Hào Cửu tứ.*

九四 . 乘其墉 . 弗克攻 . 吉 .

象曰 . 乘其墉 . 義弗克也 . 其吉 . 則困而反則也 .

Cửu tứ. Thừa kỳ dung. Phát khắc công. Cát.

Tượng viết:

**Thừa kỳ dung. Nghĩa phát khắc dã. Kỳ cát. Tắc khốn nhi phản tắc dã.**

Dịch.

*Trèo tường mà chẳng tấn công,  
Biết không nên đánh, mới mong tốt lành.*

*Tượng rằng:*

*Trèo tường không đánh, mới hay,  
Biết điều phi nghị, nên đây chẳng làm.  
Hay vì trong lúc khốn nạn,  
Biết đàng hồi hướng, biết đàng trở trăn.*

Hào tứ cho rằng dẫu mình có uy thế, cũng đừng nên vì thế mà bắt người phụ họa theo mình. Nếu thấy không có chính nghĩa, chính đạo, thì chớ nên múa may, gây rối làm gì. Nếu dở dối lắm, chỉ tổ dẫm vào họa hoạn, rồi ra sẽ sáng mắt, mà trở lại với chính nghĩa.

#### 5. *Hào Cửu ngũ.*

九五 . 同人 , 先號咷而後笑 . 大師克相遇 .

象曰 . 同人之先 . 以中直也 . 大師相遇 . 言相克也 .

Cửu ngũ. Đồng Nhân tiên hào đào nhu hậu tiếu. Đại sư khắc tương ngộ.

Tượng viết:

**Đồng Nhân chi tiên. Dĩ trung trực dã. Đại sư tương ngộ.  
Ngôn tương khắc dã.**

Dịch.

*Đồng Nhân, trước khóc, sau cười,  
Vi rằng trung trực, nên rồi ra hay.  
Cử binh đánh bọn bài bậy,  
Sau cùng sẽ gặp được người đồng tâm.*

Hào năm cho rằng con người sinh ra cốt để hòa đồng với nhau, nhưng trong thực tế, muốn đi tới cuộc vui đoàn tụ, con người phải trải qua nhiều đoạn khóc vì chia ly.

Người đứng chủ chốt cuộc hòa đồng, cần phải có chính nghĩa, chính đạo, nhưng cũng cần phải có võ lực, nếu không có binh bị trong tay, vạn quốc sẽ không sợ.

Có nhà đạo đức bình giải chữ Đại sư+ trong Hào Cửu ngũ này là bằng sức mạnh tinh thần, bằng sức mạnh đạo đức, và cho rằng con người Đại đồng phải hết sức sáng suốt, hết sức bền chí,

đeo dai, nói thành công trong những việc lớn lao, cao cả. Đó là lối giải thích của những bậc cao minh, nhìn đời bằng cặp mắt lý tưởng.

### 6. *Hào Thượng cửu.*

上九.同人于郊.無悔.

象曰.同人于郊.志未得也.

Thượng Cửu. **ĐỒNG NHÂN VU GIAO. VÔ HỐI.**

Tượng viết:

**ĐỒNG NHÂN VU GIAO. CHÍ VỊ ĐẮC DÃ.**

Dịch.

*Đồng Nhân mới tới đến giao*

*Đồng Nhân (chưa khắp), phải nào lỗi ta.*

*Tượng rằng:*

*Đồng Nhân mới tới đến giao,*

*Bình sinh chí nguyện, đã nào thỏa thuê.*

## ÁP DỤNG QUÊ ĐỒNG NHÂN VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, ta tự hỏi: Muốn xây dựng Đại đồng, lấy gì làm nền tảng? Màu da, sắc áo, học thuyết, hay các giá trị ngoại tại như các điều kiện kinh tế hay sự chuyển dịch giao thông? Và đây là ít nhiều đường lối đưa đến Đại đồng, của ít nhiều đạo giáo và triết học, triết gia.

1) **Phật giáo, Ấn giáo cho rằng phải từ bi, hỉ xả**, tuyệt đối không hại người, không dùng võ lực, không sát sinh. Đó cũng là chủ trương Kiêm Ái của Mặc Tử, bất bạo động của Gandhi, chủ trương phản chiến, phản binh của các giáo phái Quakers, Mennomites, của Tolstoi... (Le Pacifisme héroïque).

2) **Công giáo** cho rằng muốn có Đại đồng, nhân loại cần phải thấm nhuần tôn chỉ Phúc Âm, cần có một tôn giáo duy nhất (Le Pacifisme Chrétien).

3) **Nhiều nhà Kinh tế học** thuộc học phái Manchester, và nhiều triết gia Anh như Bentham, Stuart Mill, Herbert Spencer cho rằng: nhân loại cần phải được tự do giao dịch, doanh thương mới có thể đi đến Đại đồng (Le Pacifisme du Libéralisme Économique).

4) **Nhiều triết gia Tây phương** cho rằng cần phải minh định tôn trọng nhân quyền, công pháp, công quyền, quốc tế công quyền, và cần phải có những tổ chức quốc tế có nhiệm vụ thực thi công quyền và bảo vệ công pháp (Le pacifisme Juridique ou pacifisme de droit). Đó là chủ trương của: Hugo Frocius, Suarez Victoria, Pufendorf, Emmanuel Kant, và những cố gắng của Tòa án Hòa Giải La Haye, Hội Quốc Liên (Société des Nations, 1920-1946), Liên Hiệp Quốc (O.N.U. 1946), Hội Đồng bảo an ở Liên Hiệp Quốc hiện nay v.v...

5) **Cộng Sản** chủ trương con người chỉ tiến tới Đại đồng được bằng xã hội chủ nghĩa, khi mà trong thiên hạ không còn ai bóc lột ai (Le Pacifisme Maxiste Socialiste et Communiste).

6) **Jean Jacques Rousseau** cho rằng phải dùng võ lực mới đem lại Đại Đồng được.

7) **Chủ trương rằng muốn được Đại Đồng, phải đặt muôn nước dưới quyền cai trị của một nước.** Đó là chủ trương của Alexandre, của đế quốc la Mã (Pax Romana), của Napoléon, vv... (Le Pacifisme d'Hégémonie Impérialiste).

8) **Chủ trương dùng văn hóa đi tới Đại Đồng,** cho rằng những học giả, bác học, thức giả trong nhân quần phải liên kết với nhau (Le Pacifisme Culturel).

9) **Nho gia** cho rằng muốn đi tới Đại Đồng, thì điều kiện tiên quyết là mọi người phải **cải thiện tâm hồn mình trước đã.**

Nhưng theo nhận định chúng tôi, thì dân tộc Hoa Kỳ hiện nay đang trên đà tiến tới Đại Đồng. thực vậy dân tộc này là gồm người của mọi chủng tộc khác nhau hợp lại, họ không cùng màu da, sắc áo, nhưng nay họ đã liên hợp với nhau thành một nước giàu có, hùng mạnh, đứng hàng bá chủ trên thế giới. Họ đã mở vòng tay thân ái, mà đón nhận hàng triệu người từ tứ phương kéo đến, đã săn sóc, nuôi nấng, giúp đỡ họ. Chính phủ đã giúp những người dân tỵ nạn y như giúp dân nước mình, khi những người này cần đến sự giúp đỡ của chính phủ, mà không để họ phải chịu một sự hủ thẹn nào. Hơn nữa là dù trong tình trạng kinh tế nước nhà đang gặp khó khăn, nhưng khi nước bạn cầu xin giúp đỡ, chính phủ vẫn sẵn sàng giúp họ.

Ra đường, trông ai cũng bằng ai; khi phạm tội thì dù là ông lớn, hay dân thường nào cũng bị đền tội như nhau, không phân biệt.

Tôi ở xứ này đã lâu năm, nhưng chưa hề trông thấy người lính Hoa Kỳ nào, nên trên khắp lãnh thổ, thấy vắng bóng chiến tranh, mà chỉ thấy cảnh thanh bình vui tươi trên mặt đất. Cảnh thanh bình này còn lan xuống vạn vật. Chim chóc, cỏ cây không ai có quyền tự ý hủy hoại, nên chim tự do bay, đậu, không còn lo sợ loài người bủa lưới, bắn tên. Ngoài công viên, trong đồng nội, trăm hoa đua nở, khoe sắc thắm, nhưng con người chỉ đứng ngắm, chứ không ai dám, hoặc nữ ngắt hoa, vì hủy hoại nó sẽ bị phạt, hoặc bị người khác bắt gặp sẽ khinh khi mình.

Đi ra đường, nhiều khi gặp người không quen biết, họ cũng chào mình. Mua bán đồ vật, nếu về không ưng thì có quyền trả lại. Thử hỏi, trong chúng ta, nếu ai có một chút kiến thức, thì dù vô tình đến đâu cũng nhận thấy xứ này có những đặc điểm hơn quê hương mình, và hơn nhiều nơi mình đã đi qua.

Ngày nay, các nước Bắc Âu (Na Uy, Thụy Điển, Phần lan) và các nước khác như Thụy Sĩ vv... đều có một đời sống rất cao và một nền an sinh xã hội rất chu đáo. Các nước này cũng như Hoa Kỳ đang tiến tới Thế Giới Đại Đồng vậy.

## 14. 火天大有 HỎA THIÊN ĐẠI HỮU



**Đại Hữu Tự Quái**

**大有序卦**

Dữ nhân đồng giả.

**與人同者**

Vật tất quy yên.

**物必歸焉**

Cố thụ chi dĩ Đại Hữu.

**故受之以大有**

**Đại Hữu Tự Quái**

*Được người, vật cũng theo chân về mình.*

*Cho nên Đại Hữu mới sinh.*

Đại Hữu là giàu to, có lớn. Khi đã đồng tâm, hiệp ý với người rồi, tự nhiên của cải sẽ theo về. Vì thế, được lòng người sẽ giàu to, có lớn. Do đó quẻ Đại Hữu tiếp sau quẻ Đồng Nhân. Đại Hữu quan niệm rằng cầm đầu dân nước mà được lòng lê thứ, được lòng các bậc hiền minh, anh kiệt trong nước sẽ trở nên giàu có vô ngần. Đó cũng là chủ trương của Đại Học. Quẻ Đại Hữu còn dạy cách đem lại phú cường cho đất nước.

Đại Hữu trên có **Ly** là tâm, dưới có **Kiên** là Trời. Cái giàu có lớn lao nhất mà con người có thể có được nơi trần gian này là làm sao **trong tâm khảm có Trời**.

Chúng ta sẽ dùng quẻ Đại Hữu làm chiếc chìa khóa thần, chẳng những là để mở khóa then các đạo giáo, để tìm cho ra kho tàng châu báu, đã bị chìm ngập dưới nhiều tầng lớp bóng hình, ngôn ngữ, mà cũng còn là để mở cửa kho tàng tâm hồn ta, để tìm cho thấy tinh hoa của trời đất, ngọc châu vũ trụ, khuất lấp sau những bức tường nhân dục, và những khóa then của u mê.

**A. Tân Ước cho rằng: Nước Trời ở trong ta (Luc 17, 20).**

**B. Đạo Phật cho rằng: Ngọc châu viên giác nằm tại liên hoa tâm.** Mà liên hoa tâm đây không phải là những bông hoa sen nghìn cánh nở trong ao, trong hồ trần thế, mà chính là não, là tâm con người.

Vì thế, trong khi mà Thiên tông cho rằng phải Trục chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, thì kinh Diệu Pháp Liên Hoa Kinh lại nói bóng bẩy đến một người cùng tử, bó kho tàng châu báu muôn dật của nhà cha, mà đi làm tôi tớ ở phương xa. Người cha phải tốn công lắm mới tìm về được, du, dỗ lắm cuối cùng mới trao lại được cho hấn gia tài châu báu đó. Khi đã nhận được kho tàng rồi, người cùng tử đó mới reo lên: ta vốn không lòng mong cầu, nay kho tàng châu báu này tự nhiên mà có.

Chúng ta chẳng hẹn mà gặp nhau nơi này, trên muôn vạn nẻo đường đời, truyền cho nhau những bí quyết của tiên nhân, rồi lại chia tay nhau, bước đi trên những con đường muôn vạn ngã, há chẳng phải *vốn không có lòng cầu, mà nay kho tàng châu báu này tự nhiên mà đến hay sao*.

**C. Dở Áo Nghĩa Thư, Ấn Độ giáo mà suy, mà đọc, ta lại thấy bí quyết: Tâm nội hữu thiên = Hỏa Thiên Đại Hư** hiện ra sáng quắc như vầng nhật giữa trong thanh.

Áo Nghĩa thư viết:

*Dung quang Ngài khó mà cầu,  
Mắt trần sau trước thấy sao được Ngài.  
Biết Ngài trong dạ, ấy ai,  
Tâm thần biết thế, muôn đời trường sinh.*

Maitri Upanishad viết:

*Tâm thường có 2 chiều, 2 vẻ,  
Vẻ phàm phu và vẻ thanh cao.  
Phàm phu, dục vọng rạt rào,  
Lòng cố giữ thập phần tinh lãng,  
Đứng ù lì, phá tán lòng ai.  
Hòa đồng, hiệp nhất với Trời,  
Ấy là tuyệt diệu, trên đời mấy ai.*

Lòng chớ để pha phôi lạc lõng,  
 Tội tình chi, lóng ngóng Đông Tây,  
 Đáy lòng, giải thoát là đây,  
 Giác minh vô tận, cũng ngay đáy lòng.  
 Hãy cố gắng tập trung thần trí,  
 Thời oan khiên, phiền lụy tiêu tan,  
 Hòa đồng, phối hợp Atman,  
 Ấy là hạnh phúc muôn ngàn tả sao?  
 Diễm tuyệt ấy, lời nào tả xiết,  
 Chỉ tâm thần mới biết, mới hay.  
 Nước kia, nước nọ hòa hài,  
 Lửa phừng trong lửa, ai tài biện phân.  
 Khí pha khí, ai lần manh mối,  
 Đã hiệp rồi, khó nổi hia ly,  
 Tâm thần mà nhập huyền vi,  
 Thời trôi trần cấu, còn chi bận lòng.  
 Lẽ giải kết ở trong hoàn vũ,  
 Đều do tâm, dây nợ mối manh,  
 Lụy là, bám víu sự tình,  
 Tâm không lụy vật, âu đành thần tiên.

Và còn nhiều sách như; Đạo Đức Kinh, Đại Thừa Chân Giáo (Cao Đài), đều có chủ trương **Tâm nội hữu thiên = Thiên nhân hợp nhất.**

Sau khi đã nói qua về những bậc thánh hiền đắc Thiên, đắc đạo, ta trở về về quê Đại Hữu, với những lời bàn giải thực dụng, thực tế là làm thế nào trở nên giàu có, hùng mạnh.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

大有 . 元亨 .

**Đại Hữu. Nguyên Hanh.**

Dịch:

*Quẻ Đại Hữu vì hay nên tốt.*

Thoán Từ cho rằng vị quốc quân phải hoàn thiện, rồi ra công việc mới trôi chảy được (Nguyên hanh).

### *Thoán Truyện.*

象曰 . 大有 . 柔得尊位 . 大中而上下應之 . 曰大有 . 其德剛健而文明 . 應乎天而時行 . 是以元亨 .

**Thoán viết: Đại Hữu. Nhu đắc tôn vị đại trung. Nhi thượng hạ ứng chi. Viết Đại Hữu. Kỳ đức cương kiện nhi văn minh. Ứng hồ thiên nhi thời hành. Thị dĩ nguyên hanh.**



Dịch. *Thoán rằng:*

*Quẻ Đại Hữu: nhu cư tôn vị,  
Ngôi đại trung muôn vẻ gồm thâu.  
Dưới, trên, ứng hợp hồi đầu,  
Trong lòng mạnh mẽ, ngoài màu văn minh.  
Thuận Trời, lại thi hành đúng lúc,  
Thế cho nên hạnh phúc, hay ho.*

Thoán Tử cho rằng vị quốc quân muốn trở nên hùng cường, phú hữu thực sự, cần phải được dân thương, dân tin và trọng, nghĩa là cần phải có uy tín đối với dân, từ như Hào Âm ở ngôi tôn cho chúng Dương, tức là chúng dân châu về (**Nhu cư tôn vị đại trung. Nhi thượng hạ ứng chi. Viết Đại Hữu**). Ngự Án đề cao quan niệm cần phải **đắc hiền tài**, mới đi đến Đại Hữu. Như vậy cần phải có một vị nhân quân **hư tâm há hiền**, như vậy là lợi dụng được cái thông minh, kiến thức của thiên hạ, đó là đường đi tới Đại Hữu.

Chính quyền phải cương quyết và sáng suốt, phải viết thuận lòng dân, lòng Trời, phải biết cải biến theo Trời, luôn luôn theo được đà tiến hóa của thời gian và Lịch sử, để lèo lái con thuyền quốc gia cho hảnh hoi, cho vạn hảo, như vậy mới đi đến phú cường, mới được hanh thông mọi mặt (**Kỳ đức cương kiện nhi văn minh. Ứng hồ thiên nhi thời hành**).

Muốn cho nước phú cường, quân dân phải thực hiện được chữ Đại Hòa, Đại thuận; vua quan thì như tim óc, dân gian thời như tay chân, tuyệt đối tin cậy lẫn nhau, mới có thể thực hiện Đại Hữu, thực hiện phong doanh, cường thịnh.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 火在天上 . 大有 . 君子以竭惡揚善 . 順天休命 .

Tượng viết. **Hỏa tại Thiên thượng. Đại Hữu. Quân tử dĩ át ác dương thiện. Thuận thiên hưu mệnh.**

Dịch. *Tượng rằng:*

*Đại Hữu là lữ trên Trời,  
Hiền nhân xấu dẫu, lành thời tán dương.  
(Cho đời thêm đẹp, thêm hương).  
Đúng theo đường lối, chủ trương của Trời.*

Đại Học viết: **Đức bản, tài末**. Cái đức hạnh mới là cái chí quý trong một nước, cho nên bậc Nhân quân phải biết cổ xúy thiện, đức nơi con người, và phải biết kiềm chế, ức chế tính xấu trong dân. Dân có tinh thần mạnh mẽ, nước mới phú cường, dân có tinh thần bệnh hoạn, nước sẽ suy bĩ.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九 . 無交害 . 匪咎 . 艱則無咎 .

象曰 . 大有初九 . 無交害也 .

Sơ Cửu. **Vô giao hại. Phi cửu. Gian tắc vô cửu.**

Tượng viết:

**Đại hữu sơ cửu. Vô giao hại dã.**

Dịch. Sơ Cửu:

*Không sa đọa vào vòng tệ hại,  
Thế là hay, là phải, lỗi chi.  
Sống mà chẳng quản gian nguy,  
Rời ra sẽ khỏi điều chê, tiếng cười.*

Tượng rằng:

*Thuở Đại Hữu còn thời Sơ Cửu,  
Không lâm vòng tệ hại nhiều nhưong.*

Quốc gia hung vong, thất phu hữu trách, nên nước chỉ phú cường khi mỗi người dân biết nhất quyết không bao giờ làm điều gì di hại cho kẻ khác, và không ngại gian khổ.

## 2. Hào Cửu Nhị.

九二. 大車以載. 有攸往. 無咎.

象曰. 大車以載. 積中不敗也.

Cửu nhị. **Đại xa dĩ tải. Hữu du vãng. Vô cửu.**

Tượng viết:

**Đại xa dĩ tải. Tích trung bất bại dã.**

Dịch.

*Xe lớn sinh ra là để chở,  
Phải làm gì, khỏi hổ với ai.  
**Tượng rằng:** Xe lớn chở chuyên,  
Chở đầy đức hạnh, há gì rui ro.*

Nước chỉ phú cường, nếu mỗi người có tài, có đức, đều sẵn sàng phục vụ quốc gia, cố lo nho mình trở nên người có thực tài, thực đức, gánh vác nổi được những nhiệm vụ giao phó, chứ không đến nỗi đức bất xứng kỳ vị, mà nếm mùi thất bại chua cay.

*Thân hệ bang gia chung hữu dụng,  
Thiên sinh hào kiệt mạc ung hư.*

(Nguyễn Công Trứ)

## 3. Hào Cửu tam.

九三. 公用亨于天子. 小人弗克.

象曰. 公用亨于天子. 小人害也.

Cửu tam. **Công dụng hưởng vu Thiên tử. Tiểu nhân phát khác.**

Tượng viết:

**Công dụng hưởng vu Thiên tử. Tiểu nhân hại dã.**

Dịch.

*Hào Cửu tam; Công hầu chức trọng  
Vĩ quân vương triều cống, chẳng sai,  
(Một lòng trung nghĩa, chẳng ngại)  
Tiểu nhân noi nổi gương người được sao.  
**Tượng rằng:** Công tước tuy cao,  
Vẫn vì Thiên tử, há nào riêng tây.  
Tiểu nhân ở địa vị này,  
Áu đành họa hại, tự tay chuốc vờ.*

Nước chỉ phú cường, khi chư hầu, hay những người có một phương, một cõi, không có đầu óc sứ quân, mà chỉ dốc lòng tận trung, báo quốc, luôn luôn tâm nệm rằng mọi sự mình dùng, mình hưởng, đều là ơn vua, lộc nước.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 匪其彭 . 無咎 .

象曰 . 匪其彭 . 無咎 . 明辨晰也 .

Cửu tứ. **Phỉ kỳ bành. Vô cửu.**

Tượng viết:

**Phỉ kỳ bành vô cửu. Minh biện triết dã.**

Dịch.

*Hào Cửu tứ: giàu có mà không ý,  
Không ý mình, ai kẻ kêu ca,  
**Tượng rằng:** giàu chẳng ý mình,  
Mới là thông suốt, liễu minh chuyện đời.*

Nước chỉ hùng mạnh khi mà các bậc đại thần không có ý sang, ý thế; ở ngôi cao không lầy làm vinh, mà chỉ lo phục vụ dân, lo sao thực hiện được phú cường, thái thịnh cho đất nước. Thế mới là sáng suốt.

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 厥孚交如 . 威如 . 吉 .

象曰 . 厥孚交如 . 信以發志也 . 威如之吉 . 易而無備也 .

Lục ngũ. **Quyết phu giao như. Uy như cát.**

Tượng viết:

**Quyết phu giao như. Tín dĩ phát chí dã. Uy như chi cát. Dĩ nhi vô bị dã.**

Dịch.

*Hào Lục ngũ: thành tâm đối xử.  
Lại uy nghi, muôn sự sẽ hay.  
**Tượng rằng:** Đối xử thành tâm,*

*Phát huy được chí chúng nhân xa gần,  
Uy nghi hay, mới vẹn phần  
Khiến người chẳng dám lãn khân, khinh thường.*

Nước chỉ phú cường khi mà con người trên có đủ tài năng, đức độ, có đủ lòng thành tín, gây được sự tin tưởng cho dân, và có đủ uy nghi để dân kính phục. Có uy tín, bậc lãnh đạo dân mới thực thi thái thịnh cho dân, cho nước được.

## **6. Hào Thượng Cửu.**

**上九 . 自天佑之 . 吉無不利 .**

**象曰 . 大有上吉 . 自天佑也 .**

**Thượng Cửu. Tự nhiên hựu chi. Cát. Vô bất lợi.**

Tượng viết:

**Đại Hữu thượng cát. tự nhiên hựu dã.**

Dịch.

*Hào Thượng Cửu: Trời cao phù hộ*

*Nên lợi, hanh, vẹn cả mọi bề.*

**Tượng rằng:** *Đại Hữu trên hay,*

*Là vì được sự tiếp tay của Trời.*

Khi mà trong nước có đạo nghĩa hần hoi, dân chúng đua nhau theo điều hay, lẽ phải. Trên dưới một lòng cải tiến nhân sinh, cải tiến quốc gia, xã hội, để cho đời sống cộng đồng ngày thêm hoàn hảo, thêm thái thịnh, thì dĩ nhiên là thêm hoàn hảo, thêm thái thịnh, thì dĩ nhiên là theo đúng ý Trời. Đã thuận lòng Trời, dĩ nhiên là được Trời thương, Trời giúp, như vậy mà không hay sao được.

## **ÁP DỤNG QUÊ ĐẠI HỮU VÀO THỜI ĐẠI**

Ngày nay, muốn tiến tới Đại Hữu, tức là tới phú cường, là phong thịnh, tới sự đồng tâm nhất trí của mọi người, là muốn chi đất nước giàu có, ta cần phải có một lãnh tụ anh minh, làm được cho mọi người nô nức, phấn khởi.

Lại nữa, mọi người cần phải có một khối óc sáng suốt, một tấm thân mạnh mẽ, biết tổ chức, biết chịu đựng, biết các định luật của Trời đất, của vạn vật, ngõ hầu có thể chế ngự, khai thác được ngoại cảnh, phải đồng tâm, hiệp lực, tùy thời, tùy thế mà hành động, dưới sự điều dắt khôn ngoan của vị Nguyên thủ. Khi mà mọi tổ chức đã tinh tế, đã hoàn hảo, thì còn lo gì mà mọi sự chẳng xuôi. vả lại, một nước giàu có không phải nguyên vì tài vật bên ngoài phong doanh, phú thịnh, mà chính vì dân trong nước có một tâm hồn khang kiện, theo đúng được định luật Trời đất, đi theo được đường ngay, nẻo chính.

Cho nên muốn đánh giá mức giàu có của một dân nước, chẳng những phải bắc cân gia; trị các tài nguyên, các kỹ nghệ, các vấn đề kinh tế bên ngoài, mà cần phải dựa vào tiêu chuẩn tinh thần, đức độ nữa.

Hơn nữa, mọi người dân cũng đều phải giỏi giang, tháo vát, phải cố gắng lao tác, thì nước nhà mới đi tới phúc cường được. Ta hãy nhìn xem nước Hoa Kỳ, nước Nhật bản hiện nay, mọi người dân làm việc hết sức chịu khó, siêng năng. Họ hợp tác chặt chẽ với Chính Phủ, và tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ, đồng thời Chính phủ cũng giúp đỡ, khuyến khích con dân phát triển tài năng đến mức tối đa: Cấp học bổng, cho vay dài hạn tiền cho những sinh viên ưu tú để ăn học cho tới lúc thành tài, để có thể mang tài năng của mình mà đóng góp cho quốc gia, xã hội. giúp đỡ các nhà bác học để họ có đủ phương tiện mà theo đuổi nghiên cứu, phát minh ra những sáng kiến, ngõ hầu có thể giúp ích cho nhân loại mai sau.

Tổ chức được một xã hội văn minh, tinh tiến, đoàn kết, phú cường như vậy, thực là một điều quý báu nơi trần gian, vì thế gọi là Đại Hữu.

## 15. 地山謙 ĐỊA SƠN KHIÊM



**Khiêm Tự Quái**

謙序卦

Hữu đại giả.

有大者

Bất khả dĩ doanh.

不可以盈，

Cố thụ chi dĩ Khiêm.

故受之以謙

### Khiêm Tự Quái

*Có nhiều, chớ có ý mình tự kiêu.*

*Quẻ Khiêm vì vậy tiếp theo.*

Quẻ Khiêm là một quẻ tốt nhất trong kinh Dịch. Toàn thể quẻ từ Thoán đến Hào, toàn thấy Hanh, thấy Cát, thấy Lợi. Mới hay **Thánh Hiền trọng nhất sự khiêm cung.**

Quẻ Khiêm thủ nghĩa ở Hào Cửu tam và ở hình dung của quẻ: một Hào Dương tức là Dương Cương chi tài, mà chịu khuất lấp dưới Hào Âm, siêu việt như núi non mà chịu ẩn mình trong lòng đất, quán thể hiền tài mà sống thềm lặng trong lòng dân, giúp ích cho đời mà không khoe khoang nửa lời, nửa tiếng.

Quẻ Khiêm cũng còn nói lên một định luật hằng cửu của trời đất:

- Cái gì thấp (Khôn= Đất) sẽ được đưa lên cao.
- Cái gì cao ( Cấn= Núi) sẽ bị hạ xuống thấp.

Ta thấy nơi quẻ Khiêm: Khôn là đất lại ở trên, Cấn là núi lại ở dưới. Tất cả quẻ Khiêm đều đề cao sự cần thiết và ích lợi của sự khiêm cung.

### I. Thoán.

*Thoán Từ.*

謙：亨，君子有終。

## **Khiêm. Hanh. Quân tử hữu chung.**

**Dịch.**

*Khiêm là khiêm tốn, mới hay.*

*Việc người quân tử có ngày thành công.*

Thoán Tử chủ trương Khiêm tốn rồi ra sẽ đem lại sự thành công mỹ mãn.

**Thoán Truyện.**

謙，亨，天道下濟而光明，地道卑而上行。天道虧盈而益謙，地道變盈而流謙，鬼神害盈而福謙，人道惡盈而好謙。謙尊而光，卑而不可踰，君子之終也。

**Thoán viết. Khiêm hanh. Thiên đạo hạ tế nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích Khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu Khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phúc Khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi hiếu Khiêm. Khiêm tôn nhi quang. Ti nhi bất khả du. Quân tử chi chung dã.**

**Dịch. Thoán Truyện**

*Thoán rằng: Khiêm tốn mới hay.*

*Trời kia giúp dưới, nên đầy quang minh,*

*Đất kia chón thấp, phận đành,*

*Thấp nên mới có công trình vươn cao.*

*Trời làm voi chón rồi rào,*

*Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.*

*Đất soi mòn, bớt cao phong,*

*Để cho lòng biển, lòng sông thêm dày,*

*Quý thần hại kẻ no đầy,*

*Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.*

*Người thường ghét kẻ thừa dùng,*

*Còn người khiêm tốn thật lòng, thời ưa.*

*Trên khiêm, thì sáng mãi ra,*

*Dưới khiêm, ai kẻ hơn ta được nào,*

*Khiêm cung, giữ vẹn trước sau,*

*Rồi ra, quân tử gót đầu hanh thông.*

-Trên trời, thời mặt trời lên tới đỉnh đầu sẽ phải xế bóng, có lặn xuống lòng trời, thì mới có cơ tiến thẳng. Mặt trăng tròn rồi lại khuyết, có voi rồi lại đầy.

-Dưới đất, núi non thường bị soi mòn, mà lòng biển, lòng sông thời được bồi đắp thêm mãi.

-Trên đời ta thấy thịnh rồi lại suy, suy rồi lại thịnh, các tầng lớp người thay nhau hưởng phú quý, hoặc nếm phong trần, Nhưng lựa thường cũng có lúc sa cơ, áo vải vẫn làm nên sự nghiệp. Y thức như Trời, Đất ghen ghét kẻ tài danh, kiêu ngạo, mà phù trợ những kẻ khiêm cung, tự lực, tự cường. Ca vịnh Magnificat cũng có đoạn đại khái như sau:

*Xô kẻ quyền uy xuống khỏi ngôi,*

*Dem người khiêm tốn tới Quỳnh đài.  
Hồng ân, đói khổ ban rào rạt,  
Bạc mệnh, giàu sang phận khiến xui...*

Nhân tình cũng thường ghét kẻ kiêu căng, mà thương người khiêm tốn. Có khiêm cung, đường đời mới được hanh thông, và cuối cùng mới được giàu có.

## II. Đại Tượng Truyện.

**象曰。地中有山，謙；君子以裒多益寡，稱物平施。**

*Tượng viết:*

**Địa trung hữu sơn. Khiêm. Quân tử dĩ biều đa ích quả. Xứng vật bình thi.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Núi trong lòng đất là Khiêm,  
Hiền nhân, nhiều bớt, ít thêm, mới là,  
Những gì chênh lệch, quá đà,  
Sửa sang, thêm bớt, cho vừa, cho cân.*

Tượng Truyện cho rằng: Người quân tử khi trị dân cũng phải biết hạn chế quyền uy, giảm bớt tài sản của những kẻ sang giàu, đồng thời cũng phải biết nâng đỡ, khuyến khích những kẻ khó nghèo, ngu muội, như vậy mới giữ được thế quân bình cho xã hội.

## III. Hào từ & Tiểu tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

**初六。謙謙君子，用涉大川，吉。**

**象曰：謙謙君子，卑以自牧也。**

**Sơ Lục. Khiêm Khiêm quân tử. Dụng thiệp đại xuyên. Cát.**

*Tượng viết:*

**Khiêm Khiêm quân tử. Ti dĩ tự mục dã.**

**Dịch.**

*Quân tử khiêm cung, thế tốt rồi.  
Vượt qua sông lớn dễ như chơi.  
**Tượng rằng:** Quân tử khiêm nhường,  
Nhún mình cốt để lo lường tu thân.*

Các Hào bản đến sự lợi ích của sự khiêm cung, cũng như phải khiêm cung thế nào cho hay, cho phải.

Hào Sơ bản đến sự khiêm cung, nhũn nhận của người quân tử, khi còn ở địa vị thấp; và cho rằng, nhờ sự khiêm cung ấy, sẽ lướt thắng được mọi sự khó khăn, sẽ dễ dàng tu thân, tu đạo.

### 2. Hào Lục nhị.

**六二。鳴謙，貞吉。**



象曰： 鳴謙貞吉，中心得也。

Lục nhị. **Minh Khiêm. Trinh cát.**

*Tượng viết:*

**Minh Khiêm trinh cát. Trung tâm đắc dã.**

**Dịch.**

*Lục nhị khiêm cung hiện ra ngoài,*

*Ôn tồn ăn nói, tốt mấy mươi.*

**Tượng rằng:** *Khiêm hiện ra ngoài,*

*Là vì trong đã đầy rồi, phát ra.*

Hào hai dạy rằng: Khiêm cung phải làm sao cho thành khẩn, trung thực để sự khiêm cung ấy được thể hiện một cách tự nhiên vào lời ăn, tiếng nói.

### 3. Hào Cửu tam.

九三. 勞謙，君子有終，吉。

象曰： 勞謙君子，萬民服也。

Cửu tam. **Lao Khiêm quân tử. Hữu chung. Cát.**

*Tượng viết:*

**Lao Khiêm quân tử. Vạn dân phục dã.**

**Dịch.**

*Công lao chắt ngát, lại khiêm cung,*

*Quân tử làm nên việc đến cùng.*

*Lao Khiêm như vậy, có hay không.*

**Tượng rằng:** *Công lớn, lại Khiêm,*

*Làm cho dân chúng mọi miền, phục tuân.*

Hào ba là Hào Dương duy nhất, lại cũng là chủ Hào, tượng trưng người quân tử công đức cao dày với dân, với nước, mà vẫn khiêm cung một dạ, khiến cho mọi người phải khâm phục. Các nhà bình giải đã mang Hào này để tượng trưng cho vua Hạ Võ, hay Chu Công.

Hạ Võ ra tài trị thủy, đem thái thịnh lại cho chúng dân, mà vẫn không khoe công, cậy tài, cậy giỏi.

Chu Công trong thì phò ấu chúa, ngoài thì trị bình thiên hạ, mà vẫn một mực khiêm cung, một lòng vì vua, vì nước, không bao giờ để cho huyễn tượng công danh, lợi lộc lay chuyển được lòng trung nghĩa, sắt son. Lời lẽ này chẳng khác lời lẽ Thoán Từ bao nhiêu.

### 4. Hào Lục tứ.

六四. 無不利，撝謙。

象曰： 無不利，撝謙；不違則也。

Lục tứ. Vô bất lợi. Vi Khiêm.

Tượng viết:

**Vô bất lợi vi Khiêm. Bất vi tắc dã.**

**Dịch. Lục tứ:**

*Đức Khiêm hãy phát huy.*

*Rời ra ích lợi chẳng thiếu gì.*

**Tượng rằng:** *Khiêm tốn cho hay,*

*Đừng Khiêm thái quá, phải tày phép khuôn.*

Hào tứ dạy rằng: Khi ở vào bậc trọng thân, phải khiêm cung, thành khẩn, nhất là khi trên mình còn có một vì vua khiêm cung đức độ, dưới mình có một công thần quán chúng mà không kiêu ngạo, cậy mình. Khiêm cung nhưng đúng mực, không a dua, nịnh hót.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五. 不富以其鄰，利用侵伐，無不利。

象曰： 利用侵伐，征不服也。

Lục ngũ. Bất phú dĩ kỳ lân. Lợi dụng xâm phạt. Vô bất lợi.

Tượng viết:

**Lợi dụng xâm phạt. Chinh bất phục dã.**

**Dịch.**

*Chẳng ý giàu sang, được láng giềng,*

*Có khi chinh phạt, vẫn là nên.*

**Tượng rằng:** *Chinh phạt cũng nên,*

*Để ai chưa phục. phục quyền mới hay.*

Hào năm dạy rằng: Khiêm cung không phải là Nhu nhược, như ở ngôi vị quân vương mà có những dân man, di, Nhung, địch không chịu qui phục mình, thì cũng nên dùng đến uy vũ mà chinh thảo, như vua Thuần đánh Miêu, vua Võ dẹp Hung Nô vậy.

### 6. Hào Thượng Lục.

上六. 鳴謙，利用行師，征邑國。

象曰： 鳴謙，志未得也。可用行師，征邑國也。

Thượng Lục. Minh Khiêm. Lợi dụng hành sư. Chinh áp quốc.

Tượng viết:

**Minh Khiêm. Chí vị đắc dã. Khả dụng hành sư. Chinh áp quốc dã.**

**Dịch.**

*Thượng Lục: Khiêm cung hiện ra ngoài.*

*Đẹp loạn khi cần, lợi hẳn thôi.  
**Tượng rằng:** Khiêm hiện ra ngoài,  
 Ước nguyện chưa được vẹn mười thỏa thuê,  
 Tảo thanh trong xứ, ngoài quê,  
 Xuất sư chinh phạt, cũng khi phải dùng.*

Hào Thượng Lục dạy thêm rằng: Khiêm cung nhưng phải khiêm cung cho lý sự, chứ không phải khiêm cung đến mức độ yếu mềm, hèn hạ. Khiêm cung nhưng lúc cần ra uy vũ, dẹp loạn, thì **vấn xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài yên.**

## ÁP DỤNG QUÊ KHIÊM VÀO THỜI ĐẠI

Bất cứ ở vào Thời đại nào, sự Khiêm cung cũng là một đức tính, mà mỗi người trong chúng ta đều nên có. Khiêm cung là cơ vi của sự tồn vong, suy thịnh.

Ở đời ***có cố gắng mới thành công, có thận trọng mới tránh được họa, có chịu thu phục lòng người, mới có nhân tài cộng tác.*** Cho nên tương lai chỉ để dành cho những người có lý tưởng để vươn lên, có mục phiêu để đạt tới, tức là cho những người còn thấy mình khuyết điểm chưa hoàn bị. Còn những người tự hào, tự mãn, sống kiêu sa, cao ngạo, tự thị, khinh người, thì thế nào cũng đi vào con đường suy bại.

Các Thánh Hiền xưa nay, không phân Đạo giáo, đều tôn trọng đức Khiêm cung.

Nếu chúng ta có đức Khiêm cung:

-**Trong gia đình**, thì cha mẹ vui lòng, anh em hòa thuận, vợ chồng êm ấm.

-**Ngoài xã hội**, thì được lòng người, dễ làm ăn hơn.

-**Về phương diện Quốc gia**, nếu người lãnh đạo mà có đức Khiêm cung, thì dễ thu phục lòng người, và sẽ có nhiều nhân tài tới cộng tác với mình hơn.

## 16. 雷地豫 LÔI ĐỊA DỰ



### Dự Tự Quái

豫序卦

Hữu đại nhi năng Khiêm.

有大而能謙.

Tất Dự.

必豫

Có thụ chi dĩ Dự.

故受之以豫

### Dự Tự Quái

*Có, mà khiêm tốn, mới nhiều hân hoan.*

*Cho nên quẻ Dự tiếp luôn.*

Quẻ Dự bao quát nhiều vấn đề:

1-Tự Quái đề cập đến sự hòa lạc của dân nước, khi đã đạt tới phong doanh, thái thịnh.

2- Ca tụng công lao của vị trọng thần làm cho dân được thái hòa, an lạc.

3- Hướng ta về công chuyện khảo cứu nhạc lý để áp dụng vào chính trị, dạy người cầm quyền biết cách xử sự, hoạt động đúng theo luật Trời, theo đúng ý dân, để dân được vui thỏa, dạy cho ta biết ý nghĩa sâu xa của chính trị, là đưa dân lên đến tinh hoa, là chau chuốt tâm hồn dân con trở nên thanh lịch, để cùng nhau tấu lên một khúc nhạc thái hòa.

**Theo quái đức**, ta thấy Dự trên là Lôi, là Động, dưới là Khôn là Thuận. Người xưa đọc thành **Thuận dĩ động**. Do đó, phát sinh ra hai nguyên tắc chính:

a) Người cầm quyền bất kỳ làm gì, cũng phải thuận tình, thuận lý, như thế mới làm cho dân được vui thuận.

b) Phải làm sao cho dân tự nguyện đóng góp vào công cuộc kiến thiết quốc gia.

**Theo quái tượng**, Dự trên có Lôi là Sấm, dưới có Khôn là Đất, như Sấm đầu xuân, kích thích lòng muôn vật để cho sinh khí rạt rào, sống một cuộc sống mới, đẹp như ánh xuân. Thánh Vương cai trị cũng muốn làm rung động lòng người, làm sinh khí rạt rào trong tâm hồn mọi người. Vì thế nên chế ra vũ, nhạc, để hướng nghệ thuật cai trị lên tới tuyệt luân, tuyệt đỉnh. Nhạc chính là sự hỗn hợp của trời đất, sự đồng điệu của Âm Dương, và sự vui chung của quân thần, phụ tử và dân chúng nơi nơi.

Chữ Nhạc đây không phải là ca nhạc không, mà gồm cả ca nhạc và nhạc vũ. Nhạc ký viết: Chuông, trống, sáo, khánh, vũ thực, can, qua là những **nhạc khí**. Co, ruỗi, ưỡn, khom, chụm, tủa, nhanh, chậm, là **nhạc văn**.

Nói cách khác, nhạc gồm: **Thi, ca, nhạc, vũ**. Nhạc là sự **phối hợp của thanh âm, màu sắc, tiết tấu, chuyển động** để mà kích thích, di dưỡng tâm thần con người.

-Thời cổ Trung Hoa: Về **Nhạc khí**, người ta dùng 8 nguyên liệu mà chế ra:

- 1) Cách = Da súc vật như trâu, bò v v... làm trống.
- 2) Bầu = Quả bầu để khô làm Sênh, Hoàng, Vu.
- 3) Trúc, gồm những loại Quản, Sáo như: Trì, Địch, Thục, Tiêu, Quản.
- 4) Mộc = Gỗ, gồm các loại: Chức, Ngũ.
- 5) Ti = Sợi tơ, gồm các loại đàn: Cầm, Sắt, Không hầu, Tỳ bà, Trúc.
- 5) Thổ = Đất, gồm các loại: Huân, Phũu.
- 6) Kim = Kim khí, gồm các loại Chuông, Trống, Não bạt.
- 7) Thạch = Đá, gồm các loại Khánh: Ngọc, Thạch, Đại, Biên, Sanh, Tụng.

Về **Vũ khí**, có Mao, Vũ, Can, Thích, **Múa Văn** dùng Mao. **Múa Võ** dùng Can, Thích.

Như vậy, **trong trời đất bất kỳ thứ gì nếu được tinh luyện, chế hoá cũng có thể trở nên thanh kỳ, và góp phần vào khúc đại hòa tấu của vũ trụ.**

## I. Thoán.

### **Thoán Từ**

**豫 : 利建侯行師。**

**Dự. Lợi kiến hầu hành sư.**

### **Địch.**

*Dự là hứng chí, hứng tâm.*

*Lập hầu cũng tốt, ra quân cũng lời.*

### **Thoán Truyện.**

豫，剛應而志行，順以動，豫。豫，順以動，故天地如之，而況建侯行師乎？天地以順動，故日月不過，而四時不忒；聖人以順動，則刑罰清而民服。豫之時義大矣哉！

**Thoán viết:** Dự. Cương ứng nhi chí hành. Thuận dĩ động. Dự. Dự thuận dĩ động. Cố thiên địa như chi. Nhi hướng kiến hầu hành sư hồ. Thiên địa dĩ thuận động. Cố nhật nguyệt bất quá. Nhi tứ thời bất thối. Thánh nhân dĩ thuận động. Tắc hình phạt thanh nhi dân phục. Dự chi thời nghĩa đại hĩ tai.

### **Dịch.**

*Dự là hứng chí, hứng tâm,  
Cương, Nhu ứng hợp, muôn lòng hòa vui.  
Thuận tình, hành động êm xuôi,  
Thuận tình hành động, đất trời cũng ưa.  
Đất trời còn chẳng phôi pha,  
Thời chi dựng nước, với là ra quân.  
Đất trời thuận lý xoay vần,  
Cho nên nhật nguyệt, hai vầng vững y.  
Tứ thời cũng chẳng sai đi,  
Thánh nhân hành động, hợp nghì mới nên.  
Thuận theo đạo lý, một niềm.  
Chẳng cần ráo riết, dưới trên phục tòng.  
Dân vui, dân phục thong dong.  
Làm dân thuận phục, nên công cao vời.*

Thoán cho rằng: Người trên mỗi khi thi hành phận sự phải thuận lý, thuận thiên, thuận thời, thuận nhân tâm, và thuận cảnh (**Thuận dĩ động**). Hơn nữa, muốn cho dân thi hành công tác gì cũng phải làm sao cho họ vui thuận mà làm, chứ không phải miễn cưỡng mà làm (**Thuận dĩ động**).

**Người trên muốn dân phục**, phải có một đời sống thanh cao, đạo đức, một dạ vì dân, vì nước, xót thương lê thứ, tránh mọi sự hà khắc, những nhiễu dân, mà chỉ muốn dân giàu có, vui sướng, an hòa. Được vậy, dân sẽ phục. **Dịch** nói vắn tắt: **Thiên địa dĩ thuận động... dân phục**. Thánh nhân cho rằng: khi dân đã có đủ ăn, đủ mặc, mà nghĩ đến sự giáo hóa, sự tinh luyện tâm thần dân, để đem lạc thú, hạnh phúc cho dân, thì cao siêu biết bao (**Dự chi thời nghĩa đại hĩ tai**).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰。雷出地奮，豫。先王以作樂崇德，殷荐之上帝，以配祖考。

**Tượng viết:** Lôi xuất địa phấn. Dự. Tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức. Ân hiến chi Thượng Đế. Dĩ phối tổ khảo.

### **Dịch. Tượng rằng:**

*Dự là đất chuyển, sấm rung,  
Tiên vương tác nhạc, tôn sùng đức cao.  
Ôn trời, tấu khúc tiêu tao,  
Tình thâm tổ khảo, gửi vào nhã ca.*

Tượng cho rằng: Trị dân là phải biết vỗ lòng dân, kích động lòng dân theo chính nghĩa, chính đạo, biết sống một đời sống linh hoạt, vui tươi, dào dạt sinh khí như vạn vật đầu xuân, nhờ sấm động mà bừng tỉnh giấc đông miên.

Trời lấy sấm động, làm rung lòng đất, và rung lòng vạn vật, đem sinh khí lại cho muôn vật, thì Thánh nhân cũng chế nhạc để ca tụng đạo đức, làm rung động lòng thần minh, tiên tổ và lòng muôn dân, để sinh khí rạt rào khắp vũ trụ, hòa khí lan tỏa khắp muôn phương.

### **III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện**

#### **1. Hào Sơ Lục.**

初六。鳴豫，凶。

象曰：初六鳴豫，志窮凶也。

**Sơ Lục. Minh Dự. Hung.**

#### **Dịch.**

*Vui mà để lộ ra ngoài,  
Khoe vui, khoe sướng với đời hay chi.*

#### **Tượng rằng:**

*Hào Sơ vui lộ ra ngoài,  
Vênh vang tự đắc với đời hay chi?*

Hào Sơ cho rằng: mới vui, mới sướng, mà đã cuồng cuồng, không tự chủ được, toe toét, huyênh hoang, thì thế nào cũng hỏng, vì thế nào cũng nghĩ đến hưởng thụ, cho nên sa đọa.

#### **2. Hào Lục nhị.**

六二。介于石，不終日，貞吉。

象曰：不終日，貞吉；以中正也。

**Lục nhị. Giới vu thạch. Bất chung nhật. Trinh cát.**

#### **Tượng viết:**

*Bất chung nhật trinh cát. Dĩ trung chính dã.*

#### **Dịch.**

*Vững vàng như đá, há đâu thay,  
Chẳng cần suy tính đến trọn ngày,  
Cương kiên, thiết thạch thêm sung mãn,  
Minh mẫn, Cương kiên, thế mới hay.  
**Tượng rằng:** Chẳng cứ cả ngày,*

*Chính trung nên tốt, nên hay lâu dài.*

Hào hai dạy rằng: Khi đã được thoải mái, không được buông thả tâm thần, phải biết trì chí luyện tâm, theo đường đạo lý, lòng dạ sắt son, không để cho dục tình lôi cuốn, đã định làm điều hay, phải làm cho ngay, cho gấp. Tức là trong hoàn cảnh sung mãn, mà vẫn giữ được chính lý, chính đạo, vẫn Cương kiên, thiết thạch, không ủy mị, kiêu sa. Như vậy mới là hay.

### **3. Hào Lục tam.**

**六三. 盱豫，悔。遲有悔。**

**象曰：盱豫有悔，位不當也。**

**Lục tam. Hu dự hối. Trì hữu hối.**

**Tượng viết:**

**Hu Dự hữu hối. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Hay chi ngừa mặt, cầu vui,*

*Ý thần, ý thế của người hay chi.*

Hào ba cho rằng: những kẻ vô tài, vô đức, bất trung, bất chính dựa vào địa vị, cậy quyền, cậy thế người mà dương dương tự đắc, vênh váo, hân hoan, thì cái vui ấy có ra gì. Biết mình sống trong những thú vui giả tạo, trong dật lạc sa đọa, mà lần lữa sống đoạn tháng, qua ngày, không chịu thay đổi nếp sống, như vậy hỏi có ra chi?

### **4. Hào Cửu tứ.**

**九四. 由豫，大有得。勿疑。朋盍簪。**

**象曰：由豫，大有得；志大行也。**

**Cửu tứ. Do Dự. Đại hữu đắc. Vật nghi. Bằng hạp trâm.**

**Tượng viết:**

**Do Dự đại hữu đắc. Chí đại hành dã.**

**Dịch.**

*Do mình thiên hạ được vui,*

*Khá đem chí lớn, giúp đời, giúp dân.*

*Đừng nghi chẳng có tay chân,*

*Bạn bè như tóc, theo trâm hội về.*

**Tượng rằng:**

*Nhờ ta thiên hạ được vui,*

*Càng cao trí cả, vì đời thi vi.*

Hào tứ chủ trương như Thoán Từ rằng: nếu mình là trọng thần, mà ngày đêm lo đem lại an vui cho quốc dân, thì thực là một điều đại hạnh, đại bảo, còn gì mà phải nghi nan, phải sợ sệt. Chúng dân sẽ theo về mình, như tóc theo trâm, đó là trường hợp Chu Công, Y Doãn, Phó Duyệt,



Đại Vũ, những bậc đại nhân như vậy, sẽ vì sự an lạc cho dân, mà lập những đại công, đại nghiệp, như ta thấy: Vũ trị Hồng Thủy, Y Doãn phạt Kiệt, Chu Công đông chinh.

### 5. *Hào Lục ngũ.*

六五. 貞疾，恆不死。

象曰：六五貞疾，乘剛也。恆不死，中未亡也。

**Lục ngũ. Trinh tật. Hằng bất tử.**

**Tượng viết:**

**Lục ngũ trinh tật. Thừa Cương dã. Hằng bất tử. Trung vị vong dã.**

**Dịch:**

*Lục ngũ giống như người có tật,  
Óm lắt leo, mà chẳng chết cho.  
Tượng rằng: Lục ngũ óm lâu,  
Vì là đã cưới lên đầu Dương Cương,  
Dằng dai, vẫn sống vất vưởng,  
Dằng dai, vì vẫn thời thường ngôi trung.*

Hào ngũ cho rằng: khi nước đã thái bình, mà vua chuyên hưởng lạc, thì có khác nào một người mắc bệnh kinh niên, nan trị, sống lay, sống lắt đầu. Lúc ấy, còn hay mát, sống hay chết, không còn do vua quyết định. Quyền thần mà trung, thì ngôi vua còn, quyền thần mà phản, thì ngôi vua mất.

### 6. *Hào Thượng Lục.*

上六. 冥豫，成有渝，無咎。

象曰：冥豫在上，何可長也。

**Thượng Lục. Minh Dự. Thành. Hữu du. Vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Minh Dự tại thượng. Hà khả trường dã.**

**Dịch.**

*Vùi đầu mê hưởng cuộc vui,  
Nếu như biết sửa, vậy thời lỗi chi.  
Tượng rằng: Mê mãi cuộc vui.  
Chênh vênh, ngất ngưỡng, lâu dài làm sao?*

Hào Thượng cho rằng: Một con người đang say đắm trong hoan lạc, mà biết hồi đầu, tu chính, trở về với đạo lý, sống một cuộc đời thanh cao, thì có gì đáng trách đâu. Nhược bằng cứ vùi đầu trong hoan lạc. thì làm sao mà trường cửu được?

## **ÁP DỤNG QUÊ DỰ VÀO THỜI ĐẠI**

Trong Kinh dịch, thì quẻ Lý nói về Lễ, quẻ Dự nói về nhạc. Ta nên biết, Nhạc hết sức quan trọng đối với vua chúa xưa, vì nó kích động và thanh lịch hóa tâm thần, nên các trường đều phải học nhạc. Mỗi triều đại, lại có một khúc nhạc tiêu biểu cho chí hướng, hoài bão và công trình của triều đại.

1.) Thời Hoàng Đế, có nhạc khúc **Hàm Trì**, ý muốn nói vua đã làm cho đạo đức phát huy, phát triển được khắp nơi.

2.) Nghiêu có nhạc **Đại Chương**, ý nói lên lòng mong muốn cho nhân nghĩa đại hành, phát độ chương minh.

3.) Đế Khốc có nhạc **Lục Anh**. Chuyên Húc có nhạc **Ngũ Hành**.

4.) Thuần có nhạc **Tiêu thiều**. Thiều là kế tục, ý nói vua Thuần muốn tiếp tục con đường của vua Nghiêu.

5.) Đại Võ có nhạc **Đại Hạ**, ý nói vua Đại Võ nối tiếp về đường lối của hai vua Nghiêu, Thuần, muốn cho thiên hạ được thái bình.

6.) Nhà Ân có nhạc **Đại Hội**, ý nói nhà Ân sẽ cố phục hưng, bảo hộ nền đạo đức của các Thánh Vương xưa.

7.) Nhà Chu có nhạc **Đại Chúc**, cũng gọi là Đại Vũ, ý nói sẽ chăm chú để luôn theo đường lối của hai vua Văn, Võ. Thế mới hiểu rằng: Người xưa mượn lời thơ, để nói lên chí hướng và hoài bão của mình, rồi phổ vào ca, nhạc, vũ, để lời thơ trở nên bất diệt, hoài bão mình trở nên quảng thi, quảng diễn, nhờ đó ảnh hưởng sâu xa đến quần chúng. Người xưa cho rằng: xét Thanh thì biết Âm, xét Âm thì biết Nhạc, xét Nhạc thì biết cách trị dân, trị nước.

*Nay, trở về với dân tộc ta, ta sẽ nhận thấy tinh thần, ý chí của dân tộc đều có thể nhận thấy trong lời nhạc, ý thơ..*

**Hồi tiền chiến** ( trước năm 1939), dân tộc ta còn sống trong vòng nô lệ của Thực Dân Pháp, lòng người dân, một phần ngỡ ngác như con nai vàng lạc trong rừng hoang, một phần tìm được lối đi, nhưng không hẹn ngày trở lại, để vợ con mong mỗi ngày đêm. Tình trạng này, được nhạc sĩ Lưu Trọng Lư diễn tả trong tập thơ **Tiếng Thu** của ông, và năm 1939 đã phổ thành nhạc, và đã nổi tiếng một thời.

*Em không nghe mùa thu,*

*Dưới trăng mờ thôn thức.*

***Em không nghe rạo rục,***

***Hình ảnh kẻ chinh phu,***

*Trong lòng người cô phụ.*

*Em không nghe rìng thu,*

*Lá thu kêu xào xạc.*

***Con nai vàng ngơ ngác,***

***Đạp trên lá vàng khô.***

**Cuối năm 1945**, sau khi Việt Minh cướp chính quyền, lòng dân vùng dậy, khí thế hăng say, được thể hiện trong bài Anh hùng ca của nhạc sĩ Phạm Duy:

*Ngày bao hùng binh tiến lên,*

*Bờ cõi vang lừng câu **Quyết chiến**. . .*

Tóm lại, ta có thể nói: Thơ & Nhạc là linh hồn dân tộc vậy. Ngày nay, ta thấy Thơ & Nhạc đi vào chỗ ủy mị. Thật là không nên vậy!

## 17. 澤雷隨 TRẠCH LÔI TÙY



**Tùy Tự Quái**                      **隨序卦**  
Dự tất hữu Tùy.                      **豫必有隨，**  
Cố thụ chi dĩ Tùy.                      **故受之以隨**

### Trạch Lôi Tuy

*Hân hoan hòa dự, thì thường người theo,  
Quẻ Tùy vì thế nói điều...*

#### I. Tùy với chữ Thời.

Quẻ Tùy là một trong 12 quẻ Dịch bàn về chữ Thời. Vì thế nơi quẻ Tùy, ta hãy duyệt lại vấn đề chữ Thời, vấn đề thời gian trong Kinh Dịch, cũng như trong cuộc đời...

Có thể nói được rằng thời gian sinh ra là do sự biến dịch, chuyển dịch của vạn hữu.

-Trước tiên, tinh cầu và địa cầu chuyển dịch trên vòm trời, tạo nên tháng năm và tuần tiết: đó là **Thời gian thiên văn**.

-Các tế bào trong người ta sinh sinh, hóa hóa, lúc thịnh, lúc suy, lúc tụ, lúc tán, cũng tạo nên một thứ thời gian: đó là **Thời gian tuổi tác**.

-Tâm hồn ta chuyển dịch, biến thiên, vui vui, buồn buồn, lúc thì bừng sáng như bình minh, lúc thì âm đạm như bóng tối. Sự chuyển dịch ấy cũng tạo nên một thứ thời gian: đó là **Thời gian tâm lý**. Thời gian đó co giãn không chừng, vì nếu vui thì: *ngày vui ngắn chẳng tày gang*. Nếu mà buồn bã, hoặc nhớ Nhung, hay mong đợi, khắc khoải thì *một ngày đằng đằng xem bằng ba thu*.

-Tâm tư, chí hướng, dân tình của mỗi dân, mỗi nước cũng biến thiên, tạo nên một thứ thời gian mới, là **Thời gian lịch sử**. Thời gian như là động cơ, mà không gian như là môi trường chuyển dịch. Thời gian, không gian cũng có thể nói chung là *hoàn cảnh*, mà tâm hồn ta sẽ băng qua trên lộ trình đi tìm chân lý, hay nói cách khác, trên *lộ trình thực hiện con người chân thực của ta*.

#### II. Tùy với hai chữ: Tùy thời.

Bây giờ, ta trở về quẻ Tùy để giảng rộng 2 chữ **Tùy thời**. Như trên đã nói, thời gian chỉ là những giai đoạn, những công cụ, những điều kiện cần thiết để chúng ta đào luyện xác thân, trí não, tâm thần, để con người chúng ta trở nên hoàn hảo, toàn chân, toàn mỹ. Như vậy, ta cần phải xác định mục tiêu, và chí hướng của ta, sau đó phải biết quyền biến, tùy thời, xử thế, tùy nghi tiến thoái, để thực hiện mục tiêu ấy.

#### III. Tùy áp dụng vào nghệ thuật trị dân

Xã hội chẳng qua chỉ là một tập thể của con người. Cái tập thể ấy, không nên dùng những luật pháp vô nhân, những biện pháp hà khắc để cai trị. Trái lại, phải tổ chức sao cho mọi người đều nhận định ra được thiên chân, thiên lý, nhận định ra rằng mỗi người sinh ra, kẻ nhanh, người chậm, đều cốt là tạo cho mình một đời sống lý tưởng, gồm đủ **Chân, Thiện, Mỹ**.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

隨：元亨利貞，無咎。

**Tùy. Nguyên hanh. Lợi trinh. Vô cửu.**

### Dịch.

*Tùy kia cao trọng biết bao,  
Hanh thông, lợi ích, bề nào cũng hay.  
Nếu mà theo trọn đường ngay,  
Thời Tùy mới khỏi mĩa mai miệng đời.*

**Phương châm thứ nhất:** Phải lấy Chân, Thiện, Mỹ, làm mục tiêu để vươn lên, phải lấy sự công chính làm cùng đích để đạt tới, rồi ra cuộc đời của mọi người cũng được hanh thông, cũng được lợi ích thật sự.

### *Thoán Truyện.*

隨，剛來而下柔，動而說，隨。大亨貞，無咎，而天下隨時，隨之時義大矣哉！

Thoán viết:

**Tùy. Cương lai nhi há Nhu. Động nhi duyệt tùy. Đại hanh trinh vô cửu.  
Nhi thiên hạ tùy thời. Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai.**

### Dịch. Thoán rằng:

*Cứng xuống dưới mềm,  
Đẩy vừa tác động, kia liền vui theo,  
Dưới trên, hòa xướng, thương chiêu.  
Thời hay mãi mãi, khỏi điều chê bai,  
Nếu mà thiên hạ tùy thời,  
**Tùy thời** mà hiểu, lớn thôi không chừng.*

Tùy thời dẫu sao cũng vô cùng quan trọng, vì nhờ thời gian và hoàn cảnh, với tất cả sự thách đố cam go của chúng, mà cốt cách của mỗi người, theo đà thời gian, dần dà sẽ được minh định bằng tâm hiểu biết, bằng cái yêu, cái ghét, cái thích thú đặc biệt của mỗi người; niềm tin tưởng, chí hướng, và sự quyết tâm thực hiện chí hướng ấy của mỗi người (**Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai**).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰。澤中有雷，隨；君子以嚮晦入宴息。

*Tượng rằng:*

**Trạch trung hữu lồi. Tùy. Quân tử dĩ hướng hồi nhập yển tức.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Trong hồ, sấm lộng là Tùy,  
Hiền nhân tới đến, lo về nghỉ ngơi.*

Như vậy, nhà vua cai trị dân không phải bằng ý riêng mình, mà chính là bằng ý Trời. Dem luật Trời hằng cửu mà ban cho dân, đem lý tưởng toàn thiện mà làm mục tiêu để cùng nhau tiến tới. Được như vậy là **Tùy Thiên, Thuận Thiên**.

**Phương châm thứ hai:** Bậc lãnh đạo dân là phải biết tùy theo ý muốn của toàn dân, vì dân đã muốn tức là Trời muốn, dân đã muốn tức là Trời sẽ theo, nhẽ nào nhà lãnh đạo dân đi ngược lại. Đó cũng là chủ trương của Đại Học. Đại Học viết: **Vui sướng thay bậc quân tử, cha mẹ dân, dân ưa thích điều gì, nhà cầm quyền cũng ưa thích theo; dân chán ghét điều gì, nhà cầm quyền cũng chán ghét theo, vì biết thuận theo dân tâm, đó mới gọi là cha mẹ dân vậy.**

*Sướng thay là bậc trị dân,  
Cùng dân yêu ghét, muôn phần chẳng sai,  
Đáng làm cha mẹ muôn người. (Đại Học, X)*

Mà ước muốn của dân thật là giản dị, làm sao có được một đời sống bình an, sung túc, đầm ấm, thuận hòa, không bị quấy nhiễu, bóc lột, tóm lại sống một cuộc đời đáng sống, không phải thở than, phải xót xa, phải cay đắng, cơ cực. Trị dân mà thuận lòng dân như vậy, thì bất kỳ đề xướng chuyện gì dân cũng vui theo, vì họ biết đó là vì họ, vì quyền lợi của con cháu họ sau này.

**Phương châm thứ ba:** Trị dân phải biết bắt chước Trời mà hành sự, lúc cần động thì động, cần tĩnh thì tĩnh, không bắt dân làm gì trái thời tiết, để cho dân luôn sống hòa mình cùng đại khối vũ trụ.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。官有渝，貞吉。出門交有功。

象曰：官有渝，從正吉也。出門交有功，不失也。

**Sơ Cửu. Quan hữu du. Trinh cát. Xuất môn giao hữu công.**

*Tượng viết:*

**Quan hữu du. Tông chính cát dã. Xuất môn giao hữu công. Bất thất dã.**

**Dịch. Sơ Cửu:**

*Người trên đổi cảnh ở ăn,  
Luôn theo lẽ chính, mới rằng là hay  
Ra đời xử thuận với đời,  
Chiều lòng đại chúng, ắt thời công lao.  
**Tượng rằng:** Trên có đổi thay,  
Để theo lẽ chính, nên hay đã đành.*

Hào Sơ cho rằng: Trị dân phải có phương châm cao cả, là luôn luôn theo lẽ chính, theo chính đạo, theo lý tưởng. Trị dân mà lằng lằng vụn vặt sạch niêm tây, treo gương chính nghĩa, tùy thuận nhân tâm, thì còn gì hay hơn.

## 2. Hào Lục nhị.

六二. 系小子，失丈夫。

象曰：系小子，弗兼與也。

Lục nhị. **Hệ tiểu tử. Thất trượng phu.**

*Tượng viết:*

**Hệ tiểu tử. Phát kiên dữ dã.**

**Dịch.**

*Nếu mà vương lấy kẻ hèn,  
Thế nào cũng mất người hiền, người hay.  
**Tượng rằng:** Vương lấy kẻ hèn,  
Được đây, mất đó hai bên chẳng cùng.*

Hào hai cho rằng: người trị dân có hai con đường thuận nhân tâm. Một là theo bầy bọn tiểu nhân, theo thị dục, thị hiếu của chúng, thì sẽ mất lòng những người quang minh, chính đại, những người hiền lương. Hai là theo đường lối người quân tử, như vậy sẽ mất lòng tiểu nhân. Không thể nào được lòng cả đôi bên được.

## 3. Hào Lục tam.

六三. 系丈夫，失小子。隨有求得，利居貞。

象曰：系丈夫，志舍下也。

Lục tam. **Hệ trượng phu. Thất tiểu tử. Tùy hữu cầu đắc. Lợi cư trinh.**

*Tượng viết:*

**Hệ trượng phu. Chí xả hạ dã.**

**Dịch.**

*Bậc trượng phu, nếu mình giữ lấy,  
Kẻ tiểu nhân thấy vậy sẽ xa.  
Theo người, muốn sẽ được mà,  
Ở ăn chính đáng, mới là lợi lâu  
**Tượng rằng:** Giữ lấy trượng phu,  
Ráp lòng bỏ kẻ hạ ngu đã đành.*

Còn như thuận theo ước vọng của những người hiền lương, công chính, thì những kẻ gian tà sẽ lánh mặt xa.

Theo được đường lối này, phải cho Cương quyết, bền gan, sau sẽ hay, sẽ lợi, vì có thể cảm hóa được những bọn tiểu nhân, tà ngụy.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四. 隨有獲，貞凶。有孚在道，以明，何咎。

象曰：隨有獲，其義凶也。有孚在道，明功也。

Cửu tứ. Tùy hữu hoạch. Trinh hung. Hữu phu tại đạo. Dĩ minh. Hà cữu.

Tượng viết:

Tùy hữu hoạch. Kỳ nghĩa hung dã. Hữu phu tại đạo. Minh công dã.

Dịch.

*Chiêu dân, dân sẽ theo mình,*

*Chiêu dân thái thậm, âu đành chẳng hay.*

*Một lòng trung chính, thẳng ngay,*

*Khôn ngoan, khéo xử, thế này lối chi.*

**Tượng rằng:** *Chiêu dân, dân sẽ theo mình,*

*Chiêu dân thái thậm, âu đành chẳng hay,*

*Một lòng trung chính, thẳng ngay,*

*Ở ăn phải đạo, thế này là khôn.*

Hào tứ cho rằng: cai trị thuận nhân tâm, không phải là cai trị mị dân. Hơn nữa một trọng thần mà được lòng dân, phải biết ăn ở cho phải đạo, để sao cho lòng luôn luôn giữ được sự tín thành, hành động luôn luôn hợp nghĩa lý, ngôi vị tuy cao trọng, mà không mang tiếng lấn vua, quyền thế tuy to tát mà vẫn không đi quá trớn, thế mới là sáng suốt, khéo léo. Đó là trường hợp Đức Trần Hưng Đạo, 3 lần cả phá quân Nguyên, phò vua, cứu nước mà vẫn giữ trọn được niềm thần tử.

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五. 孚于嘉，吉。

象曰：孚于嘉，吉；位正中也。

Cửu ngũ. Phu vu gia, cát.

Tượng viết:

Phu vu gia, cát. Vị chính trung dã.

Dịch.

*Cửu ngũ: Khi thịnh đạt, tín thành vẫn giữ,*

*Giữ tín thành, thế đó mới hay.*

**Tượng rằng:**

*Khi hay, mà vẫn tín thành,*

*Hay là ngôi vị của mình chính trung.*



Còn nhà vua, ở ngôi vị cao, mà luôn luôn sống thuận theo đạo lý, bao giờ cũng tín thành, hợp lễ nghĩa, xử sự luôn đúng theo hai chữ chính trung, như vậy còn gì đẹp đẽ hơn.

### 6. Hào Thượng Lục.

上六. 拘系之，乃從維之。王用亨于西山。

象曰：拘系之，上窮也。

Thượng Lục. Câu hệ chi. Nãi tòng duy chi. Vương dụng hành vu Tây Sơn.

Tượng viết:

Câu hệ chi. Thượng cùng dã.

Dịch.

*Quần quít, vắn vương, dính líu nhau,  
Đường như thắt buộc chẳng rời nhau,  
Thái Vương nhờ thế hưng cơ nghiệp,  
Đi đến Tây Sơn, dựng nghiệp lâu.*

Hào Thượng Lục cho rằng: Nếu vua và bách quan, ai nấy trước sau đều tha thiết một lòng thuận theo đạo lý, thuận theo chính nghĩa, chính đạo, thuận theo ước nguyện của dân, thuận theo nhân tâm mà trị dân, thì dĩ nhiên dân sẽ qui thuận, sẽ một dạ trung thành với vua, với chính quyền. Sự khắng khít, gấn bó ấy, dầu chur thần cũng phải cảm động, như vậy lo chi giang sơn không bền vững. Đó là phương pháp lập nghiệp của Thái Vương xưa ở đất Kỳ Sơn vậy.

## ÁP DỤNG QUÊ TÙY VÀO THỜI ĐẠI

Muốn cho cuộc đời ta thêm ý nghĩa, ta phải phác họa đại khái cho ta những chiều hướng, những bước đường của ta sẽ đi, những giai đoạn mà ta muốn vượt, những công trình mà ta muốn làm từ đầu, đến cuối cuộc đời. Được như vậy, ta sẽ sống một cuộc đời thoải mái, sung sướng, và

cuộc đời chúng ta sẽ là một mùa Xuân bất diệt, và thời gian sẽ trở nên có ý nghĩa với ta. Ta không còn phải than thở như Lamartine trong bài thơ **Le Lac** của ông ta:

*Phiêu dạt mãi tới bến bờ xa lắc,  
Trong đêm tăm, trôi dạt biết về đâu.  
Lênh đênh sóng trên trùng dương thời khắc,  
Chẳng buông neo dừng lại được ngày sao?*

Nếu ta hãy còn trong **tuổi vị thành niên**, chỉ còn ít tháng nữa là học hết bậc trung học, ta phải phác họa một tương lai cho ta.:

- **Nếu dựng sự nghiệp bằng con đường học vấn:** Ta phải chọn nghề nào mà năng khiếu ta thích hợp, dân chúng đang cần, và quan trọng nhất là ta có đủ thông minh, kiên nhẫn để theo đuổi nó tới khi đạt được tới mục đích hay không?. Đó là ta phải **tùy theo ngoại cảnh và hoàn cảnh của ta vậy.**

- **Dựng sự nghiệp bằng con đường thương mại:** Ta phải biết tự kiểm xem ta có phải là người thành tín, xã giao giỏi, có độ lượng, và nhất là phải có năng khiếu về thương mại không? Nếu có, thì ta chỉ cần biết *Tùy thời xuất nhập*, thì ta đã có thể thành công được rồi.

**Bất kỳ làm chuyện gì đều phải dựa vào chữ Tùy**, người biết hành động theo chữ Tùy, sẽ biết tiến, thoái, và như vậy trên bước đường đời sẽ dễ dàng giải quyết những chuyện khó khăn mà ta gặp phải hơn.

**Ngày nay, chữ Tùy quá là rất cần thiết, và rất hữu dụng cho chúng ta**, những người dân sống nơi đất lạ, quê người. Ta phải tùy theo hoàn cảnh, trình độ hiểu biết, tài năng của mình mà tìm công ăn, việc làm, như vậy sẽ dễ dàng cho ta hơn. Điều quan trọng là ta phải luôn luôn kiên nhẫn và tự tin, đừng bao giờ nản lòng trước một hoàn cảnh khó khăn nào, thì trước sau gì ta cũng sẽ được toại lòng.

## 18. 山風蠱 SƠN PHONG CỐ



### Cổ Tự Quái

Dĩ hỷ tùy nhân giả tất hữu sự.

Có thụ chi dĩ Cổ.

Cổ giả sự dã.

### 蠱序卦

以喜隨人者必有事

故受之以蠱

蠱者事也

### Cổ Tự Quái

...Vui theo người, ắt có nhiều sự sinh,

Cho nên quẻ Cổ tiếp thành,

Cổ là công chuyện thi hành trước sau.

Cổ là **thôi nát**. Chữ Cổ gồm chữ **Mãnh** là đĩa, trên có 3 chữ **Trùng** là sâu, gợi lên ý nghĩa, thức ăn để lâu đã bị hư hại, dòi bọ.

-Cổ có nghĩa là **lâm lạc**, quẻ Cổ trên có quẻ Cấn là con trai nhỏ, dưới có quẻ Tốn là con gái lớn: con gái lớn dùng nữ sắc làm mê hoặc người con trai nhỏ.

-Cổ là **đình đốn, hoại loạn**. Quẻ Cổ, trên là Cấn là đình chỉ, đình đốn, dưới là Tốn= Nhu thuận. Trên ù lì, đình đốn, dưới nhắm mắt thuận theo, sẽ sinh ra hoại loạn

Hơn nữa, ở nơi quẻ Cổ, Âm Dương bất tương giao, tôn ti bất tương tiếp. Quẻ Cấn là Dương ở trên quẻ Đoài là Âm, nên Âm Dương bất giao; ở nơi quẻ Cấn và quẻ Đoài, hào Dương ở trên, hào Âm ở dưới, thế lại là Âm Dương bất giao, nên sinh cổ hoại.

Tự Quái nói vui theo người sẽ có chuyện. Mới hay, mỗi khi ta để cho người lôi kéo ta, mê hoặc ta mà không chịu suy nghĩ, không chịu tự lo, tự liệu cho mình, ầu sẽ có lắm chuyện lôi thôi

## I. Thoán.

*Thoán Từ.*

**蠱**：元亨，利涉大川。先甲三日，后甲三日。

**Cổ. Nguyên hanh. Lợi thiệp đại xuyên.  
Tiên Giáp tam nhật. Hậu Giáp tam nhật.**

Dịch.

*Cổ đổ nát, nay ta dựng lại,  
Thế mới hay, mới lợi làm sao,  
Qua sông, nào quản chi nào?  
Ba ngày trước Giáp, lại sau ba ngày.*

**Thoán Truyện. Thoán viết.**

彖曰。蠱，剛上而柔下，巽而止，蠱。蠱，元亨，而天下治也。利涉大川，往有事也。先甲三日，后甲三日，終則有始，天行也。

**Cổ. Cương thượng nhi Nhu hạ. Tốn nhi chỉ. Cổ. Cổ nguyên hanh. Nhi thiên hạ trị dã. Lợi thiệp đại xuyên. Vãng hữu sự dã. Tiên Giáp tam nhật. Hậu Giáp tam nhật. Chung tắc hữu thủy. Thiên hành dã.**

Dịch. *Thoán rằng:*

*Cổ, cứng trên mà mềm ở dưới,  
Dưới vâng theo, trên lại ù lì.  
Cơ đồ đổ nát, còn chi.  
Nay gây dựng lại, còn gì hay hơn.  
Rồi lại thấy giang sơn bình trị,  
Dầu vượt sông, quyết chí ra tay,  
Ra công sau trước ba ngày,  
Trước lo, sau liệu cho hay, mới hào.  
Đầu với cuối, việc nào chẳng có,  
Rõ luật trời, đâu khó thành công.*

Cổ cũng có nghĩa là **gây dựng lại đổ nát**, người xưa gọi thế là **Trì cổ**. Cho nên, khi gặp hoạn loạn phải ra tay chấn chỉnh cơ đồ, phải sửa sang lại mọi chéch mác, dở dang, chấn hưng lại mọi câu chuyện đình đốn, như vậy sẽ đi đến hanh thông. Muốn ra tay sang sửa mới giương, phải biết lướt thảng gian truân, xông pha nguy hiểm. Hơn nữa, phải nghiên cứu hiện tình cho kỹ lưỡng, để tìm cho ra duyên do đổ nát. Đó là ý nghĩa câu **Tiên Giáp tam nhật = phải biết nhìn về quá vãng** (Ba ngày trước ngày Giáp, là ngày Tân, ý nói muốn canh tân, phải thấu triệt duyên do sự hủ bại). Đàng khác phải tìm, phải hoạch định cho rõ ràng kế hoạch chấn hưng; lại phải đình ninh, gắn bó, lo lường để tránh mọi sơ hở. Đó là ý nghĩa câu **Hậu Giáp tam nhật = phải biết nhìn về tương lai để xếp đặt kế hoạch**. (Ba ngày sau Giáp tức là ngày Đinh, ý nói phải đình ninh, cẩn trọng). Hoàn cảnh đổ nát, nhưng nếu gặp người tài đức ra tay gây dựng lại cơ đồ, thì chẳng có gì mà phải lo, thế nào cũng đi tới hanh thông.

## II. Đại Tượng Truyện.

### Tượng viết.

象曰。山下有風，蠱；君子以振民育德。

**Sơn hạ hữu phong. Cổ. Quân tử dĩ chấn dân dục đức.**

Dịch.

*Cổ là gió thổi ven non,*

*Hiền nhân cổ xúy, dân con hào hùng.*

Gió thổi gặp núi, nên quần lại làm hại cây cối. Ở đời tính quần sẽ sinh đồ nát. Muốn chấn hưng cơ đồ, trước hết phải cổ súy nhân tâm, chấn hưng đạo đức. Nếu toàn dân đã thức tỉnh, đã trở nên hăng say, tha thiết, đã thực tâm muốn quật khởi xây dựng, thì làm việc gì mà chẳng nên công.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào mượn gia sự, mà nói đến sự gây dựng lại cơ đồ đã đồ nát. Khuru Kiến An cho rằng : sáu Hào đều nói đến gia sự. Hào thượng là cha, Hào ngũ là mẹ, bốn Hào dưới đều là con. Còn như lấy quốc sự mà nói, thì hào ngũ là **quân vương**, hào thượng là **bất sự chi thần**, bốn Hào dưới là **dụng sự chi thần**.

### 1. Hào Sơ lục.

初六。幹父之蠱，有子，考無咎，厲終吉。

象曰：幹父之蠱，意承考也。

### Sơ Lục.

**Cán phụ chi cổ. Hữu tử khảo. Vô cửu. Lệ. Chung cát.**

Tượng viết.

**Cán phụ chi cổ. Ý thừa khảo dã.**

Dịch.

*Ra tay dựng lại cơ đồ,*

*Cha làm đồ nát, con lo gây dựng.*

*Nhờ con, cha khỏi lỗi lầm,*

*Biết lo, biết liệu, cuối cùng sẽ hay.*

**Tượng rằng:**

*Cha phá hỏng, con xây dựng lại,*

*Thế chính là con nối chí cha.*

Hào Sơ đại khái nói rằng: nếu cha làm lỗi, làm hỏng, mà con gây dựng lại cơ đồ, thế là người cha chẳng có lỗi, vì đã có con nối được chí cha.

### 2. Hào Cửu nhị.

九二。幹母之蠱，不可貞。

象曰： 幹母之蠱，得中道也。

Cửu nhị. Cán mẫu chi cổ. Bất khả trình.

Tượng viết.

Cán mẫu chi cổ. Đắc trung đạo dã.

Dịch. Cửu nhị,

Mẹ làm nát, con gây dựng lại,

Đừng phũ phàng, vừa phải mới hay.

Hào Hai đề cập đến một quan điểm cho rằng sửa sai, nhưng cũng có khi phải mềm dẻo, khéo léo, tùy thời, tùy cơ, tùy nhân, tùy sự, mà xử trí mới hoàn toàn tốt đẹp. Ví dụ: mẹ đã làm hư cơ đồ, con cũng đừng cứng rắn quá, làm đau lòng mẹ. Chữ **Bất khả trình** nơi đây, phải hiểu là đừng nên cố chấp quá, hoặc cứng rắn quá.

### 3. Hào Cửu tam.

九三. 幹父之蠱，小有晦，無大咎。

象曰： 幹父之蠱，終無咎也。

Cửu tam. Cán phụ chi cổ. Tiểu hữu hối. Vô đại cửu.

Tượng viết.

Cán phụ chi cổ. Chung vô cửu dã.

Dịch.

Hào Cửu tam, vì cha sửa tệ,

Tránh sao điều nhỏ bé làm sai,

Ăn năn vật vãnh thế thôi,

Nhưng mà lỗi lớn, có đời nào đâu.

**Tượng rằng:** Sửa tệ cho cha,

Cuối cùng chẳng đến nổi ra lỗi làm.

Hào Cửu tam đề cập đến một người con gây dựng lại cơ đồ, mà người cha đã làm hư hại, hay một người muốn gây dựng lại cơ đồ, mà người đi trước đã làm hư hại. Hào Cửu tam ở đây, vì quá Cương, nên đã tỏ ra quá cứng rắn, nên đã gây ra những bất hòa, những phiền toái nhỏ. Nhưng đầu đã có một vài sự đáng tiếc nhỏ xảy ra, đương sự cũng không bị những điều chê trách lớn. Vì thế nói: **Tiểu hữu hối. Vô đại cửu.**

### 4. Hào Lục tứ.

六四. 裕父之蠱，往見吝。

象曰： 裕父之壘，往未得也

Lục tứ. Dụ phụ chi cổ. Vãng kiến lậ.

Tượng viết:

Dụ phụ chi cổ. Vãng vị đắc dã.

Dịch.

*Sửa tề cha, nếu mà do dự,  
Thời làm gì, cũng cứ bị chê.*

Tượng rằng:

*Sửa tề cha, nếu mà do dự,  
Dẫu làm gì, cũng cứ dở dang.*

Hào Lục tứ ám chỉ một người Nhu nhược, do dự không dám sửa những lỗi lầm của người xưa để lại; nếu cứ chần chừ, để mặc cho dòng đời trôi chảy như vậy, sẽ chuốc lấy sự xấu (**Dụ=chần chờ, do dự**).

### 5. Hào Lục ngũ.

六五. 幹父之壘，用譽。

象曰： 幹父之壘，承以德也。

Lục ngũ. Cán phụ chi cổ. Dụng dự.

Tượng viết.

Cán phụ dụng dự. Thừa dĩ đức dã.

Dịch.

*Lục ngũ: Nếu vì cha sửa tề,  
Biết dùng người, âu sẽ nổi danh.  
Tượng rằng: Sửa tề cho cha,  
Dùng người khéo léo, gần xa khen mình,  
Dùng người phụ bật cho mình,  
Ta hay, người sẽ tâm thành giúp ta.*

Hào Lục ngũ tuy là Âm Nhu chi tài, một mình không đủ sức sửa sai, sửa tề của người xưa lưu lại, nhưng vì biết dùng hiền tài phụ bật (Hào Cửu nhị), nên cũng chấn chỉnh được cơ đồ, như vậy cũng đáng khen, đáng trọng.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九. 不事王侯，高尚其事。

象曰： 不事王侯，志可則也。

Thượng Cửu. Bất sự vương hầu. Cao thượng kỳ sự.

Tượng viết.

## Bất sự vương hầu. Chí khả tắc dã.

### Dịch.

*Hết còn thù phụng quân vương,  
Việc làm cao thượng, dễ thường mấy ai.  
Tượng rằng: Chẳng giúp quân vương,  
Chí cao cả ấy, treo gương cho đời.*

Ở trên đời, có những người không dấn thân vào vòng Cương toả, lợi danh, sống cao khiết bên lề trần tục, một lòng tu đạo lập thân, mong đạt tới tinh hoa nhân loại. Những bậc ẩn giả này, tuy không vương tục lụy, trần cấu đương thời, nhưng thật đã làm gương cho vạn thế.

## ÁP DỤNG QUÊ CỔ VÀO THỜI ĐẠI

**Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách**, đó là điều mà quê Cổ này muốn nói. Chúng ta, những người Việt ly hương, tuy nay đời sống đã ổn định vững vàng, nhưng hỏi có mấy ai là có thể quên **Quê hương, Tổ quốc**? Tôi nghĩ chẳng có ai có thể quên được, dù là những người, vừa mới lọt lòng mẹ đã ở nơi đất khách quê người này rồi, tuy lúc còn nhỏ, họ chưa có ý niệm gì về quốc gia dân tộc, nhưng khi đã trưởng thành, thì tự nhiên trong đầu óc họ sẽ có ý niệm về gốc gác của mình, và lòng yêu quê hương sẽ nảy nở trong lòng họ, vì quê hương là đất mẹ, là cha mẹ họ. Nếu có kẻ nào quên được quê hương, thì kẻ đó thuộc về loại vong bản, ta không cần nói đến họ làm chi.

Bà mẹ đang sống cảnh khó khăn, lo lắng, bệnh hoạn, thì đưa con yêu mẹ, tuy sống xa mẹ nó, nhưng nó có yên tâm được không? Chắc chắn là không rồi.

Vậy chúng ta, những người dân của một nước, mà nước đó hiện nay đang vùng vẫy để ra khỏi những gì gọi là hủ hóa, tẻ đoan của xã hội, để vươn lên cho kịp đà tiến hoá của nhân loại. Chúng ta hãy gạt bỏ những gì gọi là thành kiến, là thù oán cá nhân, hãy thành khẩn bắt tay với chính quyền trong nước, hãy mang những ý kiến xây dựng của mình, những tài năng của mình- nếu có- để chung lo vá lại mảnh dư đồ đã rách.

Đọc tới đây, chắc nhiều vị đã nghĩ rằng tôi đã nói chuyện viển vông, nói chung lo, nhưng chung lo bằng cách nào? Chưa ngồi gần đã vạch lỗi nhau, để bôi nhọ nhau, để chửi bới nhau, như vậy hỏi sao mà hợp tác được với nhau?

Nhưng theo tôi, mọi sự trên đời không có gì là khó đến nỗi không giải quyết nổi, những khó khăn như những nút thắt, nếu ta từ từ gỡ, thì chặt cách mấy cũng gỡ được.

Chúng ta đừng quá bi quan, cũng đừng quá tự phụ, hãy xét mình trước, rồi hãy bắt lỗi người sau. Nếu chúng ta có lòng thành khẩn muốn góp ý kiến, góp tài năng, góp tâm tư một cách vô vị lợi, một cách xây dựng, chúng ta cứ thành khẩn trình bày ý kiến của chúng ta, sau khi đã suy nghĩ kỹ càng đó là những ý kiến đứng đắn, vô tư, những ý kiến xây dựng, nó có thể mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia, dân tộc, **mà người góp ý kiến này, chỉ vì lòng yêu nước chứ không cầu mong công danh, lợi lộc gì hết.** Nhưng muốn đi tới giai đoạn trên, trước hết chúng ta phải có khối óc vô tư, không tư vị bên nào, để lối nhìn của mình không bị lệch lạc, tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ thành công. Và đây là bài thơ, lấy ý của Hào Thượng Cửu quê Cổ này, nói lên kết quả đời sống của người có lòng yêu quê hương một cách thành khẩn, vô vị lợi trên.

*Chẳng cần thù phụng đấng quân vương,  
Vượt trời chúng nhân, sống phi thường,*



*Đời sống thanh cao, tâm linh sáng,  
Lưu lại muôn đời, một tấm gương.*

Còn chính quyền nơi đất mẹ, muốn chấn chỉnh lại cơ đồ, trước hết phải cố sù ý nhân tâm, chấn hưng đạo đức, thu nạp nhân tài, nghiên cứu và ứng dụng những ý kiến hay, hai bên kết hợp thật lòng với nhau, làm sao không đi tới đích được. Ta mượn bài thơ sau để vẽ lên sự thành công đó:

*Ra tay gây dựng lại cơ đồ.  
Khéo dụng nhân tài mới khởi hư.  
Nếu biết dụng người, sang sửa tề,  
Rời ra tấm tiếng sẽ lan xa.*

## 19. 地澤臨 ĐỊA TRẠCH LÂM

**Lâm TỰ QUÁI**

**臨序卦**

Cổ giả sự dã.

**蠱者事也**

Hữu sự nhi hậu khả đại.

**有事而後可大**

Cổ thụ chi dĩ Lâm.

**故受之以臨**

Lâm giả đại dã.

**臨者大也**

### Lâm TỰ QUÁI

*Cổ là công chuyện thi hành trước sau,  
Công nhiều, sau sẽ lớn cao.  
Cho nên quẻ nối tiếp vào là Lâm.  
Lâm là cao đại vượt tầm.*

Quẻ Lâm có 2 Hào Dương ở dưới, bốn Hào Âm ở trên, nói lên cái thế đương lên của Dương khí, cũng như của người quân tử. Vì thế Lâm báo trước một thời kỳ thịnh đạt.

Lâm trên là Khôn = Đất, dưới là Đoài = Hồ. Bờ hồ và hồ nước tiếp cận mật thiết với nhau. Cho nên quẻ Lâm mượn tượng này mà **đề cập đến sự thân yêu, thành khẩn tiếp xúc với dân của những người cầm quyền.**

Lâm dưới có quẻ Đoài là hòa duyệt, trên có Khôn là Nhu thuận, ý nói người quân tử lúc gặp thời thế hãy hòa duyệt mà tiến lên, đừng có kiêu sa, hung bạo. Làm sao cho vạn dân phục tùng mình mới hay.

Lâm có 2 Hào Dương ở dưới, 4 Hào Âm ở trên, nói lên quan điểm rằng tuy mình mạnh thế, nhưng phải luôn theo chính lý, chính nghĩa mà tác tạo cho dân, phải luôn luôn cảm thông với dân, mới được dân thương, dân phục.

**Lâm là cách đối xử của người trên đối với người dưới.** Phàm người trên khi tiếp xúc với dân phải uy nghi, trang kính, phải thành khẩn, cẩn trọng.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

元，亨，利，貞。至于八月有凶。

**Lâm. Nguyên hanh lợi trinh. Chí vu bát nguyệt hữu hung.**

### **Dịch.**

*Lâm là tiến bước dần dà.*

*Thật là cao đại, thật là hanh thông.*

*Lợi vì mình chính, một lòng.*

*Tới hồi tháng tám, họa hung có ngày.*

### *Thoán Truyện.*

彖曰： 臨，剛浸而長。說而順，剛中而應，大亨以正，

天之道也。至于八月有凶，消不久也。

*Thoán viết.*

**Lâm. Cương tằm nhi trưởng. Duyệt nhi thuận. Cương trung nhi ứng. Đại hanh dĩ chính. Thiên chi đạo dã. Chí vu bát nguyệt hữu hung. Tiêu bất cửu dã.**

### **Dịch.**

*Lâm là tiến bước dần dà,*

*Cương cường, hùng dũng, được đà triển dương.*

*Vui hòa, thuận thảo, mọi đường,*

*Kiên trinh, chính đáng, huy quang với đời,*

*Chính minh, cao đại, rạng ngời,*

*Chính minh, cao đại, ắt rồi hanh thông.*

*Cứ theo đường cũ ruổi rong,*

*Trời kia âu cũng một giòng thế thôi.*

*Họa hung tháng tám trông vời.*

*Sớm chầy cũng sẽ gặp hồi suy vi.*

Thoán Từ, Thoán Truyện đại khái nói rằng: Gặp thời Dương thịnh, gặp thời quân tử đương lên, là một điều đáng mừng cho nhân loại, có thể mở một kỷ nguyên thái thịnh, an bình (**Nguyên hanh**). Nhưng người quân tử đừng thấy mình đắc thế mà quên đi mất chính nghĩa. Phải luôn luôn xử sự theo đường mình chính, mới hay, mới lợi. (**Lợi trinh**). Cai trị sao, mình được thư thái, hòa duyệt, mà dân thì thuận phục (**Duyệt nhi thuận**). Đừng có ý vào sức mạnh, mà phải luôn cảm thông với người (**Cương trung nhi ứng**). Gặp thời cơ thái thịnh, hanh thông, mà mình vẫn giữ được chính nghĩa (**Đại hanh dĩ chính**), mới là đi đúng đường lối của Trời Đất (**Thiên chi đạo dã**). Và nay mình thịnh, nên nghĩ tới một ngày kia mình suy. Nay mình còn tại chức, nên nghĩ tới một ngày kia mình phải lui chân. Mà cái ngày ấy chẳng có xa, như quẻ Lâm sau 8 tháng lại đến

quẻ Bĩ vậy (**Chí vu bát nguyệt hữu hung. Tiêu bát cửu dã**). Có nghĩ được như vậy, mới tiếp nhân sử kỹ cho trọn vẹn được.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：澤上有地，臨；君子以教思無窮，容保民無疆。

*Tượng viết.*

**Trạch thượng hữu địa. Lâm. Quân tử dĩ giáo tư vô cùng.  
Dung bảo dân vô Cương.**

**Dịch.**

*Hồ trên có đất là Lâm,  
Hiền nhân giáo dưỡng chúng nhân chẳng rời.*

Hồ với đất ven hồ luôn tiếp cận mật thiết với nhau. Đó là bài học dạy người quân tử khi đến với dân, cũng phải thân cận với dân như vậy. Đó là phải lo dạy dỗ dân mãi mãi, và phải lo bao bọc che chở cho dân để họ được có một đời sống sung túc, an lạc. Như vậy mới là trị dân.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九：咸臨，貞吉。

象曰：咸臨貞吉，志行正也。

**Sơ Cửu. Hàm Lâm. Trinh cát.**

*Tượng viết.*

**Hàm Lâm trinh cát. Chí hành chính dã.**

**Dịch.**

*Cùng nhau chung sức giúp đời,  
Mở mang chính nghĩa, hay thời đã hay.*

**Tượng rằng:**

*Hay vì chung sức giúp đời,  
Mở mang chính nghĩa, chẳng lời tác lòng.*

Hào Sơ dạy rằng: khi người quân tử gặp thời cơ thuận tiện, hãy kéo nhau ra giúp đời. Nhưng phải theo đúng nghĩa công chính, mới hay, mới tốt. Cho nên chí hướng lúc nào cũng phải gửi gáp theo nề công chính.

### 2. Hào Cửu nhị.

九二：咸臨，吉無不利。

象曰：咸臨，吉無不利；未順命也。

**Cửu nhị. Hàm Lâm. Cát. Vô bất lợi.**

*Tượng viết:*

## Hàm Lâm cát vô bất lợi. Vị thuận mệnh đã.

Dịch.

*Cửu nhị: Cùng nhau chung sức giúp đời,  
Xét về lợi ích, thì thôi vẹn toàn.*

**Tượng rằng:**

*Cùng nhau chung sức giúp đời,  
Làm nên ích lợi, chúa tôi hiệp hòa.*

**Hào hai** dạy thêm: Khi gặp thời cơ thuận tiện, quân tử hãy hợp lực với nhau, đoàn kết với nhau, mà giúp đời. Nếu được như vậy, làm gì cũng hay, cũng lợi ( **Hàm Lâm cát vô bất lợi**). Hơn nữa, dẫu gặp thời cơ thuận tiện, đừng bao giờ quên nỗ lực, cố gắng, đừng có ý lại nguyên vào Thời Trời, Mệnh Trời (**Vị thuận mệnh đã**).

### 3. Hào Lục tam.

六三. 甘臨，無攸利。既憂之，無咎。

象曰：甘臨，位不當也。既憂之，咎不長也。

Lục tam. Cam Lâm. Vô du lợi. Ký ưu chi. Vô cửu.

**Tượng viết.**

Cam Lâm. Vị bất đáng đã. Ký ưu chi. Cửu bất trường đã.

Dịch.

*Lục tam vốn vã, ngọt ngào.  
Mà không tài đức, thời nào ích chi?  
Thà lo tu tỉnh hành vi,  
Nếu làm được vậy, có gì lỗi đâu.  
**Tượng rằng:** Vốn vã, ngọt ngào,  
Vị ngôi không đáng, thời nào ích chi.  
Thà lo tu tỉnh hành vi,  
Lỗi làm như vậy, nhẽ gì bền lâu?*

**Hào ba** là Hào Lục tam **bất trung, bất chính**, ám chỉ một kẻ tiểu nhân ở địa vị cao, nhưng không có tài đức, chỉ ngọt ngào, ve vãn lấy lòng người. Nhưng sự ngọt ngào ấy là thứ ngọt ngào giả tạo, đáng sợ, đó là **Tiểu lý tàng đao = Trong cái cười có dấu con dao bén**. Tiểu nhân dẫu sao cũng không thể chinh phục quân tử bằng sự ngọt ngào giả tạo ấy được. Nếu họ biết rằng tài đức của họ chưa xứng kỳ vị (**Vị bất đáng đã**), mà biết lo cải hóa, biết lo trau dồi tài đức, thì cái lỗi lầm của họ, một ngày nào đó có thể xóa bỏ được.

### 4. Hào Lục tứ.

六四：至臨，無咎。

象曰： 至臨無咎，位當也。

Lục tứ. Chí Lâm. Vô cữu.

*Tượng viết:*

Chí Lâm vô cữu. Vị đáng dã.

*Dịch. Lục tứ:*

*Hết lòng cộng tác với người hay,  
Nếu mình thành khẩn, lỗi chi đây.*

*Tượng rằng:*

*Ưu làm việc với người hay,  
Vì mình xứng đáng với ngôi vị mình.*

Hào Bốn cũng là Hào Âm, nhưng đắc vị, lại ứng với Sơ Cửu là người có tài. Hai bên nếu biết giao thiệp với nhau cho chí tình, chí thiết, thì cũng có thể cùng nhau giúp đời, vì thế mới gọi là (Chí Lâm vô cữu).

### 5. Hào Lục ngũ.

六五： 知臨，大君之宜，吉。

象曰： 大君之宜，行中之謂也。

Lục ngũ. Tri Lâm. Đại quân chi nghi. Cát.

*Tượng viết:*

Đại quân chi nghi. Hành trung chi vị dã.

*Dịch.*

*Khôn ngoan, khéo dụng nhân tài,  
Đó là hay, khéo của người minh quân.*

*Tượng rằng:*

*Minh quân xử sự êm xuôi,  
Đó là làm đúng phận người quân vương.*

Hào năm đề cập đến cách trị dân của một đấng quân vương. Thiên hạ thì bao la, nên vua không thể nào ôm đồm, không thể nào thấu suốt được mọi công việc. Vì vậy bốn phận nhà vua là phải tìm cho ra hiền tài phụ bật, rồi sau đó phải ủy thác cho họ công cuộc trị dân. Như vậy mới là người minh trí. Cho nên nói Tri Lâm. Bất kỳ vị vua danh tiếng nào cũng phải làm như vậy (Đại quân chi nghi).

### 6. Hào Thượng Lục.

上六： 敦臨，吉無咎。

象曰： 敦臨之吉，志在內也。

**Thượng Lục. Đôn Lâm. Cát. Vô cữu.**

**Tượng viết:**

**Đôn Lâm chi cát. Chí tại nội dã.**

**Dịch. Thượng Lục:**

*Một lòng nâng đỡ hiền tài,  
Là hay, là tốt, ai người kêu ca.*

**Tượng rằng:**

*Hiền tài nâng đỡ mới hay,  
Ấy vì quý chuộng người tài, chẳng quên.*

**Hào Sáu**, tiếp tục chủ trương: Khi ở ngôi cao trị dân, mà không dòi dào tài đức, thì lại càng phải thành khẩn mà tiếp đãi các bậc hiền tài. Hoặc là đã trị dân, thời trước cũng như sau, phải một lòng thành khẩn vì dân, vì nước mới là hay.

## **ÁP DỤNG QUÊ LÂM VÀO THỜI ĐẠI**

Ngày nay, dần dà thế giới đi vào chế độ dân chủ, mà điển hình là chế độ Tổng thống & lưỡng viện. Tổng Thống có quyền chọn lựa một vị Phó Tổng Thống để điều hành việc nước chung với mình. Còn Lưỡng Viện là Thượng nghị viện & Hạ nghị viện, đều không thuộc quyền Tổng Thống. Thượng, Hạ 2 viện là cơ quan Lập pháp, còn Tổng Thống là cơ quan hành pháp

Xưa, nếu người dân bị nghi là có tội, là bị giam giữ, tù tội, có khi còn bị chém đầu, tịch thu tài sản, nếu nặng còn có thể bị chu di 3 họ. Ngày nay, bất cứ tội gì cũng phải có bằng chứng thì mới có thể bắt bớ, giam giữ người ta được.

Xưa, bất cứ có công chuyện gì mà đến chính quyền là phải hối lộ, đút lót. Nay, người làm công chức phải có lễ độ, nếu người trong chính quyền làm bậy, hoặc hống hách, đã có cơ quan ngôn luận là báo chí lên tiếng tố cáo công khai, hơn nữa công danh của họ là do dân bầu lên, do đó họ đâu dám dè dặt cuội cổ dân công khai, hoặc quá đáng.

Tóm lại cách cai trị dân của thời nay, làm cho dân cảm thấy mình sống được tự do thoải mái hơn xưa nhiều, thêm vào đây, sự tiến triển của Khoa Học càng ngày càng cao, khiến con người nói chung, dân chúng nói riêng, cảm thấy đời sống bớt nặng nề, nhọc nhằn, cơ cực. Ước mong Đạo Đức cũng tiến, thì chúng ta sẽ sống trong hoan lạc thật sự vậy. Và như vậy là đúng theo ý muốn của quê Lâm.

## **20. 風地觀 PHONG ĐỊA QUÁN**



**Quán Tự Quái**

**觀序卦**

Lâm giả đại dã.

**臨者大也**

Vật đại nhiên hậu khả quan.

**物大然後可觀**

Cố thụ chi dĩ Quán.

**故受之以觀**

**Quán Tự Quái**

213

Lâm là cao đại vượt tâm,  
Lớn rồi sẽ được xa gần ngắm trông.  
Cho nên Quán mới lâm vòng.

Quẻ Quán có 2 cách đọc. Nơi quẻ thì đọc là Quán, nơi Hào thì đọc là Quan. Quẻ Quán có 2 Hào Dương ở trên, 4 Hào Âm ở dưới, chẳng khác gì Cao đẳng viển chiếu = đèn cao chiếu xa, lại có **Hào Cửu ngũ đắc trung, đắc chính làm chủ Hào**, nên Thoán Từ toàn đem ý ở ngôi trời trị dân, **phải treo cao gương đức cả, cho chúng dân nhìn vào, nên lúc ấy đọc là Quán**.

Còn trong Tượng Truyện & các Hào, **Quan có nghĩa là nhìn, là trông**, vì Dịch kinh chủ trương rằng: người quân tử hay bậc quân vương phải có cái nhìn cho sâu rộng, cho tinh tế.

\*Trước là phải **Quan Thiên chi đạo để Pháp Thiên chi hành = quan sát Đạo Trời để thi hành Luật Trời**.

\*Sau là phải **quan sát dân tình, để tùy nghi thiết giáo**.

\*Cuối cùng, là phải **quan sát tâm tư, tài đức của mình**, tức là phải biết **nội quan quán chiếu**.

## I. Thoán.

### **Thoán Từ.**

**觀：盥而不荐，有孚颙若。**

**Quán. Quán nhi bất tiến. Hữu phu ngưng nhược.**

### **Dịch. Thoán Từ.**

*Trang trọng như rửa tay hành lễ.*

*Lòng tinh thành xá kẻ của dân,*

*Thấy ta thành tín, thủy chung,*

*Hạ dân âu cũng sinh lòng kính tin.*

Thoán nhấn mạnh rằng: bậc nhân quân ở ngôi cao, vạn dân trông vào, ngưỡng mộ, phải ăn ở sao cho tâm tư thuận với thiên lý (**Khôn = thuận**), hành vi phù hợp với Thiên đạo (**Tôn = thuận**), chí trung, chí chính (Hào Cửu ngũ đắc trung, đắc chính).

Vị Thánh quân xưa ở chốn triều ca, tức là ở ngôi Trung cung = Hoàng cực, phải lo sao đức hạnh tuyệt vời, vì ở ngôi Hoàng cực, nhà vua sẽ là môi giới giữa Trời và Dân, sẽ thay dân tế Trời, thay Trời trị dân, giáo hóa dân, chỉ đường trung chính cho dân theo.

### **Thoán Truyện.**

**彖曰：大觀在上，順而巽，中正以觀天下。觀，盥而不荐，有孚颙若，下觀而化也。觀天之神道，而四時不忒，聖人以神道設教，而天下服矣。**

*Thoán viết.*

**Đại Quán tại thượng. Thuận nhi tôn. Trung chính dĩ quán thiên hạ. Quán quán nhi bất tiến. Hữu phu ngưng nhược. Hạ quan nhi hóa dã. Quan thiên nhi thần đạo nhi tứ thời bất thối. Thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo. Nhi thiên hạ phục hĩ.**



## **Dịch. Thoán Truyện.**

*Giương cao treo ở trên đời,  
Thuận Thiên, Tôn lý, rạng ngời chính trung,  
Chiếu soi thiên hạ khắp cùng,  
Trang nghiêm như lúc khởi công tế thần,  
Rửa tay, mà hết tinh thành,  
Chưa cần dâng lễ, thần minh chứng rồi.  
Uy nghi, tin kính rạng ngời.  
Dân xem cảm động, cảm rồi noi gương.  
Kìa Trời thần diệu khôn lường,  
Bốn mùa theo đúng phép thường chuyển luân.  
Thánh nhân ảo diệu như thần,  
Âm thầm dạy dỗ, chúng dân phục tùng.*

**Thoán Truyện** cho rằng: **Dạy dân có nhiều cách:**

1) Bằng **Thần đạo** = **đường lối Trời**. Theo cách này, nhà vua chỉ cần chí thành, chí thiện, trang nghiêm, kính cẩn, tập trung tinh thần, không để cho tinh thần phôi pha, phá tán, sẽ âm thầm ảnh hưởng đến muôn dân, sẽ âm thầm cảm hóa được muôn dân. Thế là bắt chước được đường lối Trời, vì Trời âm thầm, lặng lẽ, mà bốn mùa vẫn vùn xoay, không hề đơn sai. Đó là lối cảm hóa cao siêu nhất, vì thế nên gọi **Thần đạo thiết giáo**.

2) Dạy dân bằng **những lời giáo hoá, bằng mệnh lệnh**.

3) Dạy dân bằng **hành vi, cử chỉ, tiếp nhân, xử thế** của mình.

Dĩ nhiên, hai lẽ lối sau, vì còn có hình thức, ngôn từ nên kém lối thứ nhất xa. Đức Khổng nói: **Dùng mệnh lệnh hay kiểu cách bên ngoài, cảm hóa dân lối ấy rất nên thô thiển**. Ngoài ra, Thoán cũng nhắc nhở rằng sự tế tự thần minh, là cốt ở lòng thành kính, chứ không cốt ở lễ dâng.

Lòng thành tín mạnh mẽ nhất, sự tập trung tinh thần mạnh mẽ nhất là từ lúc vị chủ tế rửa tay, cho đến lúc đổ rượu xuống đất cầu xin Thượng đế giáng lâm, còn sự dâng của lễ xin ơn chỉ là tùy thuộc. Vì thế mà Đức Khổng mới nói: **Trong tế lễ Thượng đế, khi đã đổ rượu xuống đất, xin Thượng đế giáng lâm rồi, thì ta chẳng muốn xem nữa** ( Tử viết: **Đế, Tự quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hỹ**) (LN III, 10).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

**象曰：風行地上，觀；先王以省方，觀民設教。**

**Tượng viết: Phong hành địa thượng. Quán. Tiên vương dĩ tỉnh phương quan dân thiết giáo.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Gió bay trên đất là Quan,  
Tiên vương thăm thú dân gian xa gần,  
Thăm dân, để hiểu biết dân,  
Tùy nghi giáo hóa, mười phân vẹn mười.*

Tượng và Hào đều bàn đến nghĩa **Quan = Quan sát**. Vì thế Tượng Truyện mới khuyên nhà vua, phải đi quan sát dân tình, để biết đời ra sao, như vậy mới giáo hóa được dân.

Xưa kia vua đi tuần thú thường quan sát:

1) Ruộng đất có được trồng trọt phải phép hay không?

2) Người già cả có được chăm sóc không?

3) Cân lường, đấu斛 có được chính xác không?

4) Sự buôn bán có được phồn thịnh không?

5) Đời sống dân ra sao, sung túc hay nghèo khó; khỏe mạnh hay yếu đuối; đứng đắn hay dâm ô; cần kiệm hay hoang phí. Nhân đó sẽ tùy cơ dạy dỗ dân.

### III. Hào Từ & Tiêu Tượng Truyện.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六：童觀，小人無咎，君子吝。

象曰：初六童觀，小人道也。

Sơ Lục. Đồng Quan. Tiểu nhân vô cữu. Quân tử lận.

*Tượng viết:*

Sơ Lục đồng quan. Tiểu nhân đạo dã.

**Dịch.**

*Nhìn đời mờ mịt như con trẻ,*

*Áy lối nhìn của kẻ tiểu nhân,*

*Chẳng ai trách kẻ ngu đần,*

*Trách người quân tử biện phân chẳng rành.*

**Tượng rằng:**

*Nhìn đời như thể trẻ thơ,*

*Áy là cung cách mù mờ, tiểu nhân.*

**Hào Sơ** dạy chúng ta phải mở mắt mà nhìn đời cho tinh tế, cho thấu triệt, chớ đừng bắt chước trẻ con hay kẻ tiểu nhân, có mắt mà chẳng nhìn thấy gì. Ủng thay cho những ai có mắt mà chẳng biết nhìn đời, cứ ý lại vào kẻ khác trông hộ, cất nghĩa đời hộ cho mình.

Quân tử mà như vậy, chẳng đáng trách lắm sao?

#### 2. Hào Lục nhị.

六二：窺觀，利女貞。

象曰：窺觀女貞，亦可丑也。

Lục nhị. Khuy quan. Lợi nữ trinh.

*Tượng viết:*

Khuy quan nữ trinh. Diệc khả xử dã.

## Dịch.

*Nhìn đời như thể đàn bà,  
Nhìn qua khe cửa, ngỡ là đã hay.*

### Tượng rằng:

*Như nhi nữ dòm qua khe cửa,  
Người đường hoàng như thế hổ thay.*

**Hào Hai** dạy chúng ta phải nhìn thẳng vào cuộc đời, đừng sợ sệt tránh né như thói nữ nhi. Nhìn đời mà nhìn qua lỗ khoá, thì làm sao thấy nhiều, thấy rộng được. Ý thức như **ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung**. Ta hãy có cái nhìn bao quát vũ trụ, bao quát lịch sử, bao quát năm châu, như vậy mới khỏi thẹn cho thân quân tử.

## 3. Hào Lục tam.

六三： 觀我生，進退。

象曰： 觀我生，進退未失道也。

**Lục tam. Quan ngã sinh tiến thoái.**

### Tượng viết:

**Quan ngã sinh tiến thoái. Vị thất đạo dã.**

## Dịch.

*Một mình ngẫm nghĩ phân minh,  
Dở hay, tiến thoái, âu đành tùy ta.*

### Tượng rằng:

*Xét mình tài đức ra sao,  
Rời ra tiến thoái nhẽ nào sai ngoa.*

**Hào ba** cho rằng: muốn biết phải tiến hay phải thoái, hãy xét mình là người đã có đủ tài đức hay chưa? Có đủ tài đức, đó là tiêu chuẩn chính xác nhất.

Đức Khổng khuyên môn đệ là Tất điều Khai ra làm quan. Tất Điều Khai từ tạ mà rằng: **Tôi chưa tự tin ở tài đức mình**. Đức Khổng lấy thế làm vui dạ (LN V, 5).

## 4. Hào Lục tứ.

六四： 觀國之光，利用賓于王。

象曰： 觀國之光，尚賓也。

**Lục tứ. Quan quốc chi quang. Lợi dụng tân vu vương.**

### Tượng viết:

**Quan quốc chi quang. Thượng tân dã.**

## Dịch.

*Nhìn thấy nước huy hoàng rực rỡ,  
Phải làm sao gặp gỡ quân vương.*

*Tượng rằng: Thấy nước huy hoàng,  
Mong sao gặp được quân vương mà phò.*

**Hào tứ** khuyên rằng: Khi trong nước mà có minh quân, tài đức chiếu rạng non sông, thời mình nên tìm cách triều bái mà phục vụ. Xưa kia, một vị chư hầu lai triều, hay một hiền sĩ tới yết kiến vua, đều được đãi theo hàng tân khách, chờ ngày bổ nhiệm. Vì thế trong Hào Bốn, mới nói đến **lợi dụng tân vu vương**.

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五：觀我生，君子無咎。

象曰：觀我生，觀民也。

**Cửu ngũ. Quan ngã sinh. Quân tử vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Quan ngã sinh. Quan dân dã.**

**Dịch.**

*Nếu ta tự xét lấy ta,  
Mới là quân tử, mới là tao nhân.*

*Tượng rằng: Ta tự xét ta*

*Xem ta hay dở, cùng là xem dân.*

Nhà vua ở ngôi cao, phải xét mình xem mình đã đi theo đúng đường lối **trung chính, chí thiện** chưa. Rồi lại phải xem dân tình nhờ mình mà đã cải tiến được là bao. Nếu xét mình, xét dân mà hay cả, mới là không đáng trách. Người xưa có câu:

*Con người chẳng những soi bóng nước,  
Còn phải ngắm mình trước gương dân.*

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九：觀其生，君子無咎。

象曰：觀其生，志未平也。

**Thượng Cửu. Quan kỳ sinh. Quân tử vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Quan kỳ sinh. Chí vị bình dã.**

**Dịch.**

*Hiền nhân biết xét nét mình.  
Mới hay, mới được thể tình kính tin.*

### **Tượng rằng:**

*Hiền nhân biết xét nét mình,  
Vì không tựa hưởng kỳ thành cầu an.*

**Hào sáu** nói rằng: người quân tử tuy không trực tiếp trị dân, nhưng cũng phải luôn luôn giữ mình cho hảnh hoi, xét mình cho cẩn thận, chớ khinh xuất, vì ảnh hưởng của người quân tử đối với chúng dân cũng rất là sâu rộng.

## **ÁP DỤNG QUÊ QUAN VÀO THỜI ĐẠI**

**Khi xưa**, quê Quan muốn người trên làm **vua, thay Trời trị dân**, phải treo cao gương đức cả cho chúng dân nhìn vào.

**Ngày nay**, áp dụng quê Quan này vào Thời đại, **cha mẹ hãy thay Trời mà dạy dỗ, đào tạo con cái mình**, cho chúng trở thành người hữu dụng cho xã hội, nhân quần sau này. Hiện nay, ngoài học đường, giáo sư đã không còn có trách nhiệm giáo dục về đạo đức cho học trò mình như xưa nữa, mà các bậc phụ huynh thì lại quá bận rộn với cuộc sống hiện tại, nên sự giáo dục con cái có phần chênh mảng, thiếu sót. Do đó con em như cây mọc giữa rừng hoang, may mắn thì được xử dụng đúng cách, chẳng may thì làm củi, hoặc đứng giữa rừng già, năm này qua năm khác chẳng ai biết tới.

Tôi, áp dụng quê Quan này vào sự giáo dục con em, mục đích muốn tiếp tay cùng với các bậc phụ huynh, ngõ hầu có thể mang lại phần nào hữu ích cho các em sau này. Theo thiện ý của tôi, nếu ta muốn có một đứa con khỏe mạnh, khi trưởng thành con ta sẽ là người tốt, và hữu dụng cho gia đình, xã hội, thì cũng chẳng có gì là quá khó khăn, nhưng người mẹ phải chịu hy sinh, chú ý **Quan sát và Thực hành** qua nhiều giai đoạn. Như vậy tôi nghĩ chỉ thích hợp cho quý vị nào muốn có ít con mà thôi. Tôi đã sưu tầm, đọc sách, học hỏi qua kinh nghiệm của người đi trước, nay mượn trang giấy này gửi đến quý vị, mong rằng nó làm nhẹ lòng cho những vị nào, vì quá lo sợ con mình mai sau sẽ hoang đàng, nên không dám nghĩ tới sinh con. Thật ra, có một người con hiếu thảo, tư cách đàng hoàng, siêng năng học hành, thì thật không có gì làm cho bậc làm cha mẹ sung sướng hơn. Sau đây, là những hiểu biết đơn sơ của tôi:

1) **Thai giáo:** Khi bắt đầu biết mình có mang, người mẹ không nên ăn những đồ nóng như ớt, tỏi, riềng v. v... , vì nó sẽ làm cho cơ thể đứa trẻ dễ sinh mụn nhọt, và tâm tính dễ nóng nảy, mai sau. Chớ ăn đồ biển độc như bạch tuộc, mực, nghêu, sò v.v... sẽ làm cho đứa trẻ có chứng phong thấp. Hơn nữa, người mẹ chớ nên xem truyện, hay phim ảnh loại kích thích. Chớ nên uống rượu, sẽ dễ tạo cho đứa trẻ trở nên ngang bướng, nóng nảy, đôi khi hung bạo, nếu người cha đã nóng nảy, dữ dằn. Người mẹ phải luôn vui vẻ, do đó người chồng, khi vợ mang thai, phải chiều và nhường nhịn vợ, chớ để vợ mình luôn khóc lóc, vì đứa trẻ có thể sẽ trở nên thiếu nghị lực, ý chí sau này. Nên **bổ thí và làm việc thiện, nghĩ điều lành, lánh sự dữ**, để tạo cho mình một sự thoải mái, và sự khỏe mạnh cho thai nhi.

2) Khi sinh ra, nếu đứa con được nuôi bằng sữa mẹ, thì tốt nhất, vì nó sẽ tạo tình thương giữa mẹ và con một cách đậm đà hơn.

3) Khi đứa trẻ bắt đầu hiểu biết, là ta phải quan sát nó kỹ càng, vì lúc này nó bắt đầu học theo cách ăn ở của những người xung quanh nó, do đó bậc cha mẹ phải làm gương cho con. Khi xưa, bà mẹ ông Mạnh Tử, góa chồng, chỉ có một mình ông Mạnh Tử là con. Ban đầu, bà thuê nhà ở cạnh một người đồ tể, chuyên giết heo, bà nhận thấy con bà bắt chước mổ heo. Lúc đó ông Mạnh

Từ mới độ 4, 5 tuổi, bà thấy vậy liền dọn nhà, và đến ở cạnh một nghĩa địa. Bà nhận thấy con bà bắt chước người đi đưa đám mà khóc lóc, đập mồi; bà liền dọn nhà đến cạnh một trường học, và bà thấy con bà cũng bắt chước học trò, cầm sách để đọc (Tích Mạnh mẫu trạch lân xử). Như vậy ta thấy cô nhân có câu: **Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng** là chí lý vậy.

Khi con cái bắt đầu khôn lớn, ta phải luôn luôn để ý đến nó, quan sát nó, xem nó có : **Dễ dạy không? Thông minh không? Có đường hoàng, thẳng thắn không, hay thường nói dối, gian trá.** Nếu nó có những khuyết điểm trên, thì ta phải truy ra ngọn ngành, tại sao nó có những thói xấu đó. Rồi ta sẽ tìm cách sửa chữa cho nó bằng nhiều cách: **Răn dạy một cách nghiêm khắc hoặc dùng hành vi, cử chỉ, tư cách của mình** để nó bắt chước. Chớ nên nuông chiều con một cách thái quá, hoặc lộ liễu, để trẻ nó nhờn, sẽ khó dạy.

Trẻ học hành kém cỏi, ta phải xem cơ thể nó có yếu đuối không? tinh thần nó ra sao, và phải bồi bổ cho nó được đầy đủ sức khỏe.

**Muốn cho con ham thích học hành,** điều cần thiết nhất là phải lưu ý đến sự học của con, dù là nó luôn đứng đầu lớp, để nó vui thích vì thấy bố mẹ luôn chú ý đến nó. Nếu nó **yếu về môn gì, thì phải tìm thầy dạy bổ túc, kèm thêm** cho nó đừng để nó bị thầy và bạn trong lớp chê bai, như vậy mỗi khi đến lớp học nó sẽ có cái mặc cảm tự ti, và do đó nó sẽ hay trốn học, và sự sa ngã sẽ đến với nó một cách dễ dàng

Nếu trường hợp đứa con không thể học chữ được, thì nên tìm nghề cho nó học, và phải cho nó học đến nơi, đến chốn. **Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh,** ta nên luôn nhớ câu này. Trên đời chỉ có người dở, chứ không có nghề dở, nên con cái mà nghề nghiệp không ra gì, hoặc hoang đàng, thì chúng ta, những bậc cha mẹ cũng chịu một phần trách nhiệm vì đã thiếu sót trong sự dạy dỗ và quan sát con cái vậy.

## 21. 火雷噬嗑 HỎA LÔI PHỆ HẠP

**Phệ Hạp Tự Quái**

噬嗑序卦

Khả quan nhi hậu hữu sở hợp.

可觀而后有所合

Cố thụ chi dĩ Phệ Hạp.

故受之以噬嗑

Hạp giả hợp dã.

嗑者合也

**Phệ Hạp Tự Quái**

*Ngắm trông sẽ hợp, sẽ thân,*

*Cho nên Phệ Hạp theo chân hình thành.*

*Phệ Hạp là hợp đã đành.*

Phệ Hạp là nghiền nát để hợp. Nghiền nát đây là trừng trị những kẻ bất lương, những người ngang ngược, làm mất trật tự xã hội, làm cho dân tình ly tán, không hợp nhất được với nhau.

Phệ Hạp xét về tượng hình, y như cái mồm mắc vật cứng ở giữa, làm cho 2 hàm trên dưới không thể hợp nhau. Phải nghiền nát vật cứng nhiên hậu mới hợp nhau được.

Trong xã hội cũng vậy, cần phải diệt trừ nguyên do chia rẽ, nhân tình mới hòa hợp được. Vì thế cần phải dùng hình phạt. **Hình phạt mà áp dụng cho trúng, đó là thương dân, vì nhờ vậy dân mới được yên ổn.** (Ái bách tính, cố hình phạt trúng. Hình phạt trúng, cố thứ dân an.)

Trời dùng Sấm = Chấn = Lôi; Chớp = Ly = Hỏa, để đánh tan sự oi ả. Thánh nhân dùng hình phạt để dẹp tan mầm mống chia rẽ. Thế chính là **Pháp Thiên**, bắt chước Trời mà hành sự.

Phệ Hạp trên có Ly = Hỏa chỉ sự sáng suốt, dưới có Chấn = Sấm chỉ sự uy nghiêm. **Sáng suốt nên không ai dẫu được sự tình; uy nghiêm nên mọi người đều kiêng sợ. Đó chính là những đức tính của vị phán quan.**

Quẻ Phệ Hạp tóm tắt lại cơ chế hình pháp đời xưa. Đời xưa, **Lễ, Nhạc, Hình, Chính** (chính trị), là 4 cách trị dân. Hình pháp cốt để giữ gìn trật tự, trừng trị những kẻ gây rối.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

噬嗑：亨。利用獄。

**Phệ Hạp. Hanh. Lợi dụng ngục.**

Dịch.

*Cản trước, rồi ra mới hợp sau,  
Ngục hình dùng đúng, lợi biết bao.*

**Thoán Từ** trước hết giải hai chữ **Phệ Hạp**, là nghiền nát để hợp. Ý muốn nói nghiền nát hay trừng trị kẻ ngoan ngạnh trong xã hội, để xã hội được hoà hợp. Vì thế, Thoán Từ nói **Phệ Hạp hanh**.

### *Thoán Truyện.*

彖曰：頤中有物，曰噬嗑，噬嗑而亨。剛柔分，動而明，雷電合而章。柔得中而上行，雖不當位，利用獄也。

*Thoán viết:*

**Di trung hữu vật. Viết Phệ Hạp. Phệ Hạp nhi hanh. Cương Nhu phân. Động nhi minh. Lôi điện hợp nhi chương. Nhu đắc trung nhi thượng hành. Tuy bất đáng vị. Lợi dụng ngục dã.**

Dịch.

*Vật cứng ngáng mềm là Phệ Hạp,  
Cắn nghiền ra, rồi hợp mới hay.  
Cứng, mềm, minh biện, phơi bày,  
Uy nghi, sáng suốt, ai tày phong quang.  
Như sấm chớp rõ ràng, lẫm liệt.  
Tuy khoan Nhu, siêu việt ngôi trên.  
Vị ngôi tuy chẳng ấm êm,  
Nhưng khi gia phạt, cũng nên Nhu hòa.*



Thoán Truyện nói: **Phê Hạp nhi hanh**. Có trừng trị kẻ gây rối ròi, thì xã hội mới được hanh thông, an lạc.

Phê Hạp có Ly = Nhu ở trên, Chấn = Cương ở dưới. Cương, Nhu lưỡng dụng đều đặn, phân minh. Ý nói khi áp dụng hình phạt, cũng như khi xử tội, phải áp dụng cả Cương lẫn Nhu (Cương Nhu phân).

Phê Hạp có Chấn là Động, Ly là Minh, ý nói khi xử đoán tội tình cũng như thi hành hình phạt vừa minh, vừa uy (**Động nhi minh**). Minh, Uy phối hợp với nhau, sẽ như sấm chớp dẹp tan mọi chéch mác, đem hòa hợp và trị bình lại cho đất nước, vì thế nói: **Lôi điện hợp nhi chương**. Thoán Truyện viết tiếp: **Âm Nhu đắc trung nhi thượng hanh**. Âm mà ở ngũ, thời đầu có đáng ngôi vị, nhưng mà đối với các công cuộc hình án, thời nó là **Nhu mà cư Cương**. Lòng vốn tốt, nhưng nghiêm, Cương để bảo trì luật pháp cũng là hay rồi. Thoán Truyện, vì thế viết tiếp: **Tuy bất đáng vị. Lợi dụng ngục dã**.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：雷電噬嗑；先王以明罰敕法。

*Tượng viết:*

**Lôi điện Phê Hạp. Tiên vương dĩ minh phạt sắc pháp.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Phê Hạp chớp lóe, sấm vang,  
Tiên vương, hình phạt quyết mang răn đời,  
Có răn, có phạt, hấn hoi,  
Dân gian sẽ sống theo đòi phép khuôn.*

Tượng Truyện lại nhắc lại: **Lôi điện là Phê Hạp**. Đó tức là uy minh lưỡng dụng. Các bậc Thánh Vương xưa thấy vậy, xác định lại hình phạt, chỉnh đốn lại luật pháp, để cho dân biết tôn trọng luật pháp.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào nói về cách áp dụng về hình phạt. Hào 1 và 6 vì vô vị nên tượng trưng cho người thụ hình, và cho tội nhân. Các Hào 2, 3, 4, 5 là những người có chức vị, có bổn phận phải thi hành hình phạt.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九：履校滅趾，無咎。

象曰：履校滅趾，不行也。

**Sơ Cửu. Lý giáo diệt chỉ. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Lý giáo diệt chỉ. Bất hành dã.**

**Dịch.**

*Tra cùm, làm mất ngón chân,  
Gia hình thế ấy, có làm lỗi chỉ.*

**Tượng rằng:**

*Tra cùm, làm mất ngón chân,  
Hết đi, hết dám sa vòng tội khiên.*

Hào Sơ tượng trưng cho người mắc khinh tội, bị phạt nhẹ, bị cùm chân, bị mất ngón chân. Thế là phạt nhẹ, để ngăn tiểu nhân đi vào con đường gian ác.

**2. Hào Lục nhị.**

六二：噬膚滅鼻，無咎。

象曰：噬膚滅鼻，乘剛也。

**Lục nhị. Phệ phu diệt tị. Vô cữu.**

**Tượng viết:**

**Phệ phu diệt tị. Thừa Cương dã.**

**Dịch.**

*Nghiến da, nghiền mất mũi đi,  
Gia hình thế ấy, chẳng chi lỗi lầm.*

**Tượng rằng:**

*Nghiến da, nghiền mũi, mất tron,  
Gặp người quá bướng, nghiêm hơn đã đành.*

**Hào hai** tượng trưng cho một quan chức ngôi vị xứng kỳ đức, thi hành hình phạt theo đúng lẽ phải, cho nên dễ làm cho người phục; y như cắn vào da mềm vậy. Tuy nhiên, đôi khi cũng gặp phải những kẻ ương ngạnh, ngang ngược (**Thừa Cương**), nên phải dùng hình phạt nặng hơn (**diệt tị =cắt mũi**), mới trị được họ.

**3. Hào Lục tam.**

六三：噬臍肉，遇毒；小吝，無咎。

象曰：遇毒，位不當也。

**Lục tam. Phệ tích nhục ngộ độc. Tiểu lận. Vô cữu.**

**Tượng viết:**

**Ngộ độc. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Phường gian ngoan khi cần sửa phạt,  
Khó như là day nát thịt khô.  
Thịt khô dai ngoách, cứng đơ.  
Phạt người chẳng nổi, hóa ra hại mình.  
Trường hợp ấy, âu đành rắc rối,  
Nhưng riêng mình, nào lỗi chi đâu.*

**Tượng rằng:**

*Phạt người mà hóa hại mình,  
Là vì ngôi vị, quyền hành dở dang.*

**Hào Lục tam** đề cập đến một vị phán quan chưa đủ uy tín, mà đã xử tội một kẻ gian ngoan, có quyền thế. Gặp trường hợp này có khác nào nhai phải miếng thịt khô, lại còn cả xương; nên nhai đã chẳng được, nhiều khi còn nhiễm độc, nhiễm hại.

#### **4. Hào Cửu tứ.**

**九四： 噬乾肺，得金矢，利艱貞，吉。**

**象曰： 利艱貞吉，未光也。**

**Cửu tứ. Phệ can chi. Đắc kim thi. Lợi gian trinh. Cát.**

**Tượng viết:**

**Lợi gian trinh cát. Vị quang dã.**

**Dịch.**

*Thịt khô cắn nát như thường,  
Thịt khô còn dính cả xương cũng nghiền.  
Bắt người nộp cả vàng, tên.  
Khó khăn lắm, cũng chu tuyền công phu.*

**Tượng rằng:**

*Gian nan, vất vả mới xong,  
Uy danh chiếu rạng chưa cùng khắp nơi.*

**Cửu tứ** trái lại là một vị phán quan Cương nghị. Tội nhân ngang ngạch bắt trị như miếng thịt khô dính xương, cũng nghiền nát được. Chẳng những vậy, còn bắt phải nộp đủ lệ bộ án phí. Xưa nộp án phí bằng vòng vàng (kim câu), và tên bản (Thúc thi= 1 bó 50 cái).

#### **5. Hào Lục ngũ.**

**六五： 噬乾肉，得黃金，貞厲，無咎。**

**象曰： 貞厲無咎，得當也。**

**Lục ngũ. Phệ can nhục. Đắc hoàng kim. Trinh lệ. Vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Trinh lệ vô cửu. Đắc đáng dã.**

**Dịch.**

*Thịt khô nào khó cắn nghiền,  
Lại còn được cả hoàng kim của người.  
Tuy nhiên, chớ có dễ ngươi,  
Đề cao cảnh giác, vậy thời mới hay.  
**Tượng rằng:** Chẳng có dễ ngươi,*

*Vì ta chính vị, chính ngôi đã dành.*

**Hào Lục ngũ** vì đắc trung nên có đủ quyền uy để xét xử, trừng phạt những vụ hình án lớn. Nói là hình án lớn, vì đây tội nhân phải xuất kim (nộp vàng, nộp kim câu làm án phí).

### **6. Hào Thượng Cửu.**

上九：何校滅耳，凶。

象曰：何校滅耳，聰不明也。

**Thượng Cửu. Hà giáo diệt nhĩ. Hung.**

**Tượng viết:**

**Hà giáo diệt nhĩ. Thông bất minh dã.**

**Dịch.**

*Mang gông mà mất cả tai,  
Sự tình như thế, hung tai còn gì.*

**Tượng rằng:**

*Mang gông, đến mất cả tai,  
Khôn thời đã vậy, ngoan thời chẳng ngoan.*

**Hào Thượng Cửu** ám chỉ một tội nhân, vì đã đi quá trớn, đã làm điều xằng bậy quá lớn, nên bị trọng hình, mang gông mà mất cả tai.

## **ÁP DỤNG QUÊ PHỆ HẠP VÀO THỜI ĐẠI**

Như trên ta đã biết, quẻ Phệ Hạp nói về luật pháp đời xưa. Vậy trước khi so sánh luật pháp xưa và nay, ta hãy tìm hiểu chúng. Trước tiên ta phải hiểu rõ, là **bất kỳ ở Thời đại nào** cũng vậy, hình pháp đặt ra cốt để giữ gìn trật tự, trừng trị những kẻ gây rối. Lễ Ký viết: **Những người dũng cảm, sức lực, thay vì dùng sức lực mình để thi hành lễ nghĩa, hoặc chiến thắng ngoại thù, mà lại dùng nó vào việc tranh dành ẩu tả, thời gọi là những kẻ gây rối. Khi hình phạt được thi hành trong nước, những kẻ gây rối sẽ bị trừng trị trước tiên. Như vậy dân mới phục lệnh, mới sống hẳn hoi, và nước nhà mới yên.**

Đối với hình án, người xưa rất nghiêm minh và thận trọng. Ví dụ: Vua Đại Võ và Cao Dao đã đặt mấy nguyên tắc cho nền hình pháp như sau:

- 1) Phán quan phải khoan hậu.
- 2) Không được phạt tới con cháu.
- 3) Tha các tội phạm vì vô tình.
- 4) Nhân nhượng đối với nghi tội.
- 4) Lỗi án lệ, còn hơn giết oan người.
- 5) Phán quan phải tỏ cho dân biết đức hiếu sinh của nhà vua ( *Kinh thư, Đại Vũ*

*Mô tiếp 12* ).

Người xưa coi 5 hình phạt sau đây là nặng nhất gọi là ngũ hình:

- 1) **Mặc** = Thích chữ vào trán hay vào mặt.

- 2) **Tị** = Sẻo mũi.
- 3) **Ngoạt** = Cát chân.
- 4) **Cung** = Hoạn đối với con trai dâm loạn, cấm cố đối với con gái dâm loạn.
- 5) **Đại tịch** = Chém đầu.

Theo Lễ ký, mỗi khi phải áp dụng ngũ hình, vị phán quan hết sức cẩn trọng:

- Phải đề ý tình cha con, nghĩa vua tôi.
- Phải cân nhắc tội trạng cho hẳn hoi.
- Xét tâm tư tội nhân cho tinh tế.
- Phải dùng hết tài trí thông minh, và lòng trung ái của mình khi xét xử.
- Phải lưu ý đến mọi trường hợp.
- Khi nghi ngờ, phải hỏi ý dân. Dân mà nghi không chắc, mình sẽ tha.
- Phải khảo lại các án lệ trước. (*Lễ ký, Vương chế, IV, tiết 13*).

Mỗi khi gặp hình án quan trọng, Lục sự phải trình hồ sơ lên phủ đường. Phủ đường xét hồ sơ rồi đệ lên Đại Tư Khẩu (Tổng Trưởng Tư Pháp). Đại Tư Khẩu xét hồ sơ xong, đệ lên nhà vua. Nhà vua giao cho Tam Công xét lại. Tam công xét xong, đệ lên lại cho nhà vua, bấy giờ mới quyết định hình phạt.

**Ngày nay**, ở các nước văn minh, những người bị tội nhẹ như ẩu đả, trộm cắp v v ... thì bị xét xử nơi Tòa Tiểu hình, tội nhân sẽ bị phạt tiền, hoặc bị giam giữ ngắn hạn. Còn những tội như cướp của, giết người, gây rối trị an, lường gạt, bội tín sẽ bị coi là những trọng tội, và sẽ bị xét xử nơi Tòa Đại Hình, tùy theo tội nặng nhẹ mà bị giam giữ lâu, hay chóng, còn như giết người, tóe đã sẽ có thể bị tử hình, chứ không có những hình phạt dã man như ngày xưa.

Tóm lại, ở Thời đại nào, chính quyền đặt ra luật pháp cũng chỉ cốt là bảo vệ dân. Vậy làm dân, chúng ta tốt nhất là phải tôn trọng luật pháp, và bảo vệ luật pháp.

## 22. 山火賁 SƠN HỎA BÍ

**Bí Tự Quái**

**賁序卦**

Hạp giả hợp dã.

**嗑者合也**

Vật bất khả dĩ cầu hợp nhi dĩ.

**物不可以苟合而已**

Có thụ chi dĩ Bí.

**故受之以賁**

Bí giả sức dã.

**賁者飾也**

**Bí Tự Quái**

*Phê Hạp là hợp dã đành,  
Hạp, đâu là phải mặc tình nhớ nhãng,  
Cho nên quẻ Bí theo chân.  
Bí là trang sức, vẻ văn rỡ ràng.*

Quẻ Bí bàn về văn vẻ của Bản thể, bàn về Thiên văn và Nhân văn. Ta sẽ đem Dịch mà giải Thiên văn, Nhân văn một cách đại cương, vắn tắt.

Thiên văn Trung Hoa (khái niệm). Trên Trời thì Thái Cực, hay Tuyệt Đối Thể trở thành Thiên Hoàng = Thượng đế, ngự ở toà Bắc Thần, làm khu nữ (tâm điểm của vòng tròn) cho muôn vì tinh tú, còn Vòng Dịch, có thể tượng trưng được bằng vòng Nhị Thập Bát tú bên ngoài.

Như vậy chỉ có Bắc Thần là trục, còn cả bầu trời và muôn vì tinh tú đều xoay tròn xung quanh.

Sau khi nói đại khái về Thiên văn, ta quay về quẻ Bí.

Bí là văn vẻ bên ngoài, tinh quang trời (Ly), lần sau lớp màn vạn hữu (Cấn), làm cho vạn hữu bùng sáng lên. Có chất tức là có văn, chất càng chói lợi tinh rỗng, văn càng sáng sửa đẹp đẽ. Cái vẻ đẹp của Trời Đất, Nhân quần, Vạn Hữu, được phát sinh là do sự giao thoa của đủ mọi hạng, mọi loài:

-Tôn / Ti	-Đại / Tiểu	-Quang / Âm.
-Minh / Âm	-Chính / Tùy	-Trì / Tốc.
-Chủ / Tớ	-Hằng / Biến	-Kinh / Vĩ.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

賁：亨。小利有所往。

**Bí. Hanh. Tiểu lợi hữu du vãng.**

**Dịch. Thoán Từ:**

*Có văn, có vẻ cũng hay.*

*Cũng đôi chút lợi, cũng dầy công lao.*

Ở trên trời, Văn sinh ra do sự giao thoa giữa các vì tinh thể. Giao thoa đúng cách, đúng điệu thì hay. Giao thoa lỗi phách, lạc cung thì dở.

Ở trong Nhân quần, nhân văn sinh ra là do sự giao thoa, sự hỗ tương ảnh hưởng giữa các tầng lớp con người. Sự giao thoa đúng cách, đúng điệu sẽ sinh ra mọi sự cát tường, sự giao thoa sai hướng, ngược chiều, sẽ sinh ra loạn ly, phân cách. Vì thế **Thoán Từ** cho rằng: **Trông xem Thiên Văn sẽ biết chiều trời, biết trời biến hóa. Nhìn xem nhân văn, sẽ biết liệu chiều điểu quyết cho Nhân quần ngày một thêm đẹp, thêm tươi.** Tuy nhiên, luôn nhớ rằng: cái văn sức bên ngoài chỉ là tùy thuộc (**Bí. Hanh. Tiểu lợi hữu du vãng**).

### *Thoán Truyện.*

彖曰：賁，亨；柔來而文剛，故亨。分剛上而文柔，故小利有攸往。天文也；文明以止，人文也。觀乎天文，以察時變；觀乎人文，以化成天下。

*Thoán viết:*

**Bí hanh. Nhu lai nhi văn Cương. Cố hanh. Phân Cương thượng nhi văn Nhu. Cố tiểu lợi hữu du vãng. Thiên văn dã. Văn minh dĩ chỉ. Nhân văn dã. Quan hồ thiên văn. Dĩ sát thời biến. Quan hồ nhân văn. Dĩ hóa thành thiên hạ.**

**Dịch. Thoán viết:**

*Có vắn vẽ cũng hay, cũng lợi,  
 Nhu đến thêm phong thái cho Cương.  
 Cương lên tăng vẻ huy hoàng,  
 Cho Nhu thêm vẻ rõ ràng, đẹp tươi,  
 Âu cũng được thêm đôi chút lợi,  
 Công trình âu thêm nổi, thêm hay.  
 Cương, Nhu đáp đối vắn xoay,  
 Vẻ Trời nhờ đó, đổi thay lần hồi.  
 Kia, nền nếp vị ngôi đạo nghĩa,  
 Ấy chính là vắn vẽ con người.  
**Thiên Văn để biết thời Trời**  
**Nhân Văn để khiến cho đời thêm hay.***

**Nhân quần chỉ đẹp tươi**, khi mà xã hội có trật tự, tôn ti, tùy theo tài đức; khi mà mọi người, trên, dưới hòa hợp theo đúng lý tưởng, nhân nghĩa; khi mà mọi người thỏa thuê vì số phận, vì địa vị của mình

**Vạn hữu chỉ thực sự đẹp tươi**, khi mà vật chất trở nên công cụ trang điểm cho tinh thần, khi mà vật chất là trang sức bên ngoài, mà tinh thần là thực chất bên trong

Ngược lại, Vạn hữu chỉ đẹp tươi, khi mà tinh thần làm cho vật chất trở nên rạng rỡ. Đã ở trong thế giới tương đối hữu hình, dĩ nhiên Tinh thần và Vật chất, Âm và Dương hỗ tương ảnh hưởng để sinh ra biến thái, cho nên nguyên có Chất cũng không được, mà nguyên có Văn cũng không xong. Cái khéo là đào luyện sao cho trong thì tinh rỗng, ngoài thì vắn vẽ, trang nhã mới là hoàn hảo. Luận Ngữ nói: *Chất thẳng vắn thời quê mùa, Văn thẳng chất thời xã giao bôi bác. Văn chất tương xứng mới là quân tử.* (L. N.VI, 11)

## II. Đại Tượng Truyện.

**象曰：山下有火，賁；君子以明庶政，無敢折獄。**

*Tượng viết. Sơn hạ hữu hỏa. Bí. Quân tử dĩ minh thứ chính. Vô cảm chiết ngục.*

**Dịch. Tượng rằng:**

*Bí là lửa rực ven non,  
 Hiền nhân trang nhã, nhu khoan với người.  
 Việc thường nhã nhận, xong xuôi.  
 Đến như hình án, âu thời uy nghiêm.*

Tượng áp dụng cái vắn vẽ, duyên dáng của Trời Đất ấy vào công việc thường xuyên của công bộc quốc gia, và cho rằng trong khi giải quyết các công việc thường nhật, cần phải vui tươi, hòa nhã với người. Khi nào phải xử những hình án nghiêm trọng, mới nên phô trương cái uy thể nghiêm ngặt.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện.

Hào đề cập đến cái vắn vẽ, đẹp đẽ thực sự của con người:

### 1. Hào Sơ Cửu.



初九： 賁其趾，舍車而徒。

象曰： 舍車而徒，義弗乘也。

Sơ Cửu. Bí kỳ chỉ. Xả xa nhi đồ.

*Tượng viết:*

Xả xa nhi đồ. Nghĩa phát thừa dã.

**Dịch.**

*An phận dưới, lập thân tu đức.*

*Chẳng đi xe, đi đất cũng xong.*

**Tượng rằng:**

*Bỏ xe, đi đất vậy thôi,*

*Xe vô nhân nghĩa, ta thời chẳng đi.*

**Hào Sơ** cho rằng: Cái văn vẻ, đẹp đẽ nhất của con người là theo được nghĩa lý. Cho nên làm trái mà được đi xe, không bằng làm phải mà đi bộ.

## 2. Hào Lục nhị.

六二： 賁其須。

象曰： 賁其須，與上興也。

Lục nhị. Bí kỳ tu.

*Tượng viết:*

Bí kỳ tu. Dữ thượng hưng dã.

**Dịch.**

*Hào hai, râu đẹp vì cằm.*

**Tượng rằng:** râu đẹp vì cằm.

*Có sao theo đúng tinh thần cấp trên.*

**Hào nhị** cho rằng: Cái văn vẻ, đẹp đẽ chân thực của con người, phải phát xuất từ nội tâm, từ thực chất bên trong, từ sự thượng hạ hòa mục, chứ chẳng phải là do những sự giả tạo, phù phiếm bên ngoài. Ví như râu đẹp, nhưng đẹp chính là do khí huyết phương cương bên trong, và do bộ cằm, bộ mặt đẹp đẽ.

## 3. Hào Cửu tam.

九三： 賁如濡如，永貞吉。

象曰： 永貞之吉，終莫之陵也。

Cửu tam. Bí như nhu như. Vĩnh trinh cát.

*Tượng viết:*

Vĩnh trinh chi cát. Chung mạc chi lăng dã.

## Dịch.

*Cửu tam văn vẻ, rõ ràng.  
Mà lòng giữ trọn cương thường, mới hay.*

### **Tượng rằng:**

*Cương thường trọn vẹn, mới hay.  
Cuối cùng, sẽ chẳng bị ai khinh nhờn.*

Cái văn vẻ thuần nhã, thanh lịch bên ngoài, luôn luôn phải được bảo đảm bằng sự minh chính bên trong mới tốt.

## 4. **Hào Lục tứ.**

六四： 賁如皤如，白馬翰如，匪寇婚媾。

象曰： 六四，當位疑也。匪寇婚媾，終無尤也。

**Lục tứ. Bí như ba như. Bạch mã hàn như. Phi khấu hôn cầu.**

### **Tượng viết:**

**Lục tứ đáng vị. Nghi dã. Phi khấu hôn cầu. Chung vô vuu dã.**

### **Dịch. Hào Lục tứ.**

*Ngoài văn vẻ, mà trong thuần phác,  
Văn vẻ ưa, đạo đức cũng ưa.  
Khát khao đức hạnh sớm trưa,  
Bạch câu nếu có, băng qua mây hồi,  
Nếu không bị chia phôi, gàng quai,  
Đạo và ta sẽ mãi tất giao.*

**Tượng rằng:** *Lục tứ đáng ngôi,  
Tuy còn nghi hoặc, tới lui chưa đành,  
Nếu không gàng quai, yếm oanh.  
Đạo Trời phối hợp, tốt lành mấy mươi.*

**Hào tư** mô tả nỗi niềm một người có văn vẻ bên ngoài, nhưng không ham chuộng cái văn vẻ ấy, mà lòng chỉ luôn ước mơ về với cái bản thể thuần phác bên trong, muốn lảng lảng thoát được vòng cương tỏa của ngoại cảnh, cưới thần mã về cùng Chí đạo.

## 5. **Hào Lục ngũ.**

六五： 賁于丘園，束帛戔戔，吝，終吉。

象曰： 六五之吉，有喜也。

**Lục ngũ. Bí vu khâu viên. Thúc bạch tiên tiên. Lận. Chung cát.**

### **Tượng viết:**

**Lục ngũ chi cát. Hữu hỷ dã,**

## Dịch.

*Hiền nhân trang nhã điển viên,  
Vài ba tấm lụa, nhỏ nhen xá nào.  
Thật là tiết kiệm, đến điều.  
Đơn thuần, rút cuộc có nhiều cát hanh.  
**Tượng rằng:** Kiệt, phúc mới hay,  
Là vui cho nước, là may cho đời.*

**Hào ngũ** cho rằng: Càng ở ngôi vị cao quý, lại càng phải tìm lấy cái vẻ đẹp để cao quý của một đời sống thuần phác, giản dị, ưa thực chất, không ưa phù phiếm, cần kiệm chẳng chuộng xa hoa.

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九： 白賁，無咎。

象曰： 白賁無咎，上得志也。

**Thượng cửu. Bạch bí. Vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Bạch bí vô cửu. Thượng đắc chí dã.**

## Dịch.

*Rời ra ngọc trắng, gương trong,  
Trắng trong, thấu suốt, mới mong tinh tuyền.*

**Tượng rằng:**

*Trắng trong, thấu suốt tinh tuyền,  
Ngời trên vậy đã phi nguyện ước mong.*

**Hào Thượng cửu** cho rằng: Cái đẹp để nhất, cái văn vẻ nhất, chính là sự thuần phác của bản thể. Con người mà hiểu được như vậy, mà quay về được với gốc, với nguồn như vậy thực là không ai có thể chê trách được.

## ÁP DỤNG QUÊ BÍ VÀO THỜI ĐẠI

Khi tôi soạn tới phần Áp dụng của quẻ Bí, là một quẻ liên quan nhiều ít đến Thiên Văn, thì nước Hoa Kỳ bị sôi động bởi 1 vấn đề Thiên Văn nóng hổi: Đó là: **Các Hành Tinh có người hay không? Báo Time ra ngày 19 tháng 8 năm 1996**, đã đăng tải rằng, cách đó một tuần, cơ quan Hàng Không NASA, trong một cuộc họp báo truyền thanh tại Washington, đã đem trình bày một cục vẩn thạch, tức là một cục đá rơi từ Hỏa Tinh xuống đất, (cách đây khoảng 13,000 năm), xuống vùng Allan Hills ở Nam Cực. Cục đá này gọi là ALH84001, nặng 4,2 pounds, tức là to bằng 1 củ khoai tây. Các nhà Khoa Học nhìn vào trong đó, thấy có những dấu vết vật lý, hoá học của sự sống. Nghĩa là thấy dấu vết của những con vi trùng tí hon, sống cách đây khoảng 4 tỉ năm. **Báo Science trong tuần này**, cũng đứng ra đăng những hình chụp chứng minh rằng những hình như con sâu nhìn thấy trong mảnh đá đó, có thể là những sinh vật xưa. Tổng Thống Hoa Kỳ Clinton tuyên bố: *Ngày nay hòn đá 84001 nói với chúng ta, qua nhiều tỉ năm, và nhiều triệu*

*dặm. Nó còn cho biết có thể có sự sống. Nếu sự khám phá trên mà đúng, thì thật là một cái nhìn ngỡ ngàng vào Vũ Trụ, mà Khoa Học đã đem lại cho chúng ta.* Nói thế, có nghĩa là cách đây 3,6 tỉ năm, Hỏa tinh đã từng có nước, có vi trùng sống trong những kẹt nhỏ của Hỏa Tinh. Nhưng sau đó, thì biển và không khí đã biến mất trên Hỏa Tinh. Đã có một vãn thạch rớt xuống từ Hỏa Tinh, và bắn xuống trái đất.

Ông DANIEL GOLDIN, người điều hành NASA cho biết cuộc họp báo đã làm ông hết sức xúc động, như muốn nín thở. Ông DAVID MCKAY, trưởng phái đoàn NASA cho biết còn thấy dấu vết của chất hóa học hữu cơ gọi là PAHS. Và nhóm ông đã mất 2 năm rưỡi trời mới đi đến kết luận là xưa đã có sự sống trên Hỏa Tinh.

Các nhà Thần Học cũng bị xúc động không kém. Chúng ta nên nhớ các đạo Giáo lớn Âu Châu xưa nay tin rằng chỉ có Trái Đất mới có Sinh Vật. **Báo LOS ANGELES TIMES ngày 17 tháng 8 năm 1996**, đã đăng bài nói rằng: Các nhà Thần học sợ hãi, khi thấy có thể có người trên Hỏa Tinh. tuy nhiên, họ nói ngày nay không còn là thế kỷ 16, khi Giáo Hội cảm đoán Copernicus và Galileo không được giảng dạy là Trái Đất không phải là trung tâm vũ trụ.

Nếu chúng ta nhìn vấn đề bao quát hơn, ta thấy dân Mỹ từ năm 1947, đã có luận điệu khác. Trong một cuộc thăm dò dư luận của báo Newsweek hồi đầu tháng 7 vừa qua, thì có 48% dân Mỹ tin rằng người Hành Tinh & Đĩa Bay là có thật, và có 29% tin rằng đã có nhiều người tiếp xúc được với người Hành Tinh; 48% dân Mỹ cho rằng: chính phủ đã bưng bít vấn đề.

Nhiều người Mỹ tin rằng: đĩa bay còn có cứ địa 51, nằm trên một khoảng xa lộ 375 ở Tiểu Bang NEVADA.

Năm 1947, báo chí loan tin có một đĩa bay rớt xuống nước Mỹ, và đã được chính phủ Mỹ đem về cất dấu ở cứ địa đó. Hồi tháng 4 năm 1966, thống đốc Tiểu Bang NEVADA đã chính thức đổi tên Xa Lộ 375 thành Xa Lộ EXTRATERRESTRIAL (Xa lộ Hành tinh), và nay thành phố Rachel ở Nevada đã trở thành thánh địa của Giáo phái ĐĨA BAY. Chúng ta nên biết rằng sự sống chỉ có thể có được trên các Hành Tinh mà thôi.

Và chúng ta cũng biết Thái Dương Hệ, trừ Trái Đất mà chúng ta đang sống, còn có 8 hành tinh. Đó là **Kim (Venus), Mộc (Jupiter), Thủy (Mercure), Hỏa (Mars), Thổ (Saturne), Uranus, Neptune, Pluto**. Ngày nay, người ta tìm được 3 Hành Tinh khác: một ở ngôi sao 47 trong chòm sao Ursa Major = Đại Hùng Tinh; hành tinh 2 là ở ngôi sao 70 trong chòm sao Virgo = Xử Nữ; hành tinh 3 ở ngôi sao 52 trong chòm sao Pegasus = Thiên Mã.

Tóm lại, chuyện người Hành Tinh xuống là chuyện xa vời. Nên ta hãy yên trí, đừng bận tâm đến nó.

### 23. 山地剝 SON ĐỊA BÁC



**Bác Tự Quái**

**剝序卦**

Bí giả sức dã.

**賁者飾也**

Chí sức nhiên hậu

**致飾然后**

Hanh tắc tận hỹ.

**亨則盡矣**

Cố thụ chi dĩ Bác.

**故受之以剝**

**Bác Tỵ Quái**

*Khi mà vãn vẻ đàng hoàng,  
Quá hay, rồi cũng sẽ tàn, sẽ suy.  
Cho nên Bác tiếp chu kỳ.  
Bác là bác lạc, suy vi, điêu tàn.*

Quẻ Bác là một trong 12 quẻ dùng để chỉ sự vận chuyển tuần hoàn của guồng máy Âm Dương, của tiết khí, cũng như dùng để mô tả sự doanh hư, tiêu tức, sự thịnh suy, thăng trầm, tụ tán của vũ trụ và vạn vật.

Mười hai quẻ ấy là:

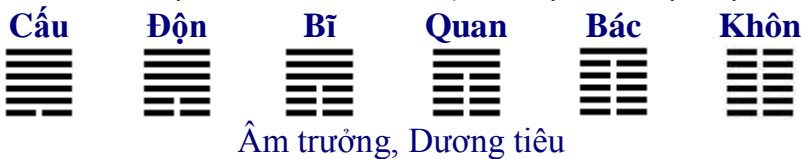
- **Cầu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn,**
- **Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Kiên.**

Ta nhận thấy:

Nơi **6 quẻ trên** (Cầu... Khôn), **Âm là chủ**, và Dương biến dần thành Âm.

Nơi **6 quẻ dưới** (Phục ... Kiên), **Dương là chủ**, và Âm biến dần thành Dương.

Đó là sự biến hoá hai chiều, hai mặt của một thực thể là Thái Cực.



**Mười hai quẻ Dịch tiêu tức của đồ hình trên:**

**Vòng Âm trưởng, Dương tiêu:**

- Cầu (tháng 5), Độn (tháng 6), Bĩ ( tháng 7)
- Quan (tháng 8), Bác (tháng 9), Khôn (tháng 10).

**Vòng Dương trưởng, Âm tiêu:**

- Phục (tháng 11), Lâm (tháng 12), Thái (tháng 1)
- Đ. Tráng (tháng 2), Quải (tháng 3), Kiên (tháng 4)

**Thấu triệt đồ hình của 12 quẻ trên**, ta sẽ hiểu lẽ biến dịch, tiết tấu của vũ trụ, của lịch sử nhân quần, và của vạn vật.

**A. Về vũ trụ:** Ta thấy rằng vũ trụ có tụ, có tán. Vũ trụ của chúng ta còn đang ở trong thời kỳ tán, và ngày nay đang tiến về phía biên. Nhờ phương pháp **thấu quang phổ (Spectroscopy)**, và dựa vào định luật Doppler-Fizeau, các nhà Thiên văn học khám phá ra rằng các dải ngân hà đang đua nhau tiến về miền biên viễn, và vũ trụ y như là cái bọt xà phòng của trẻ con chơi đang được

thời phỏng lên, theo lý thuyết của Georges Lemaître, đã được Hubble và Eddington xác nhận (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page.769).

**B. Mười hai quẻ Dịch tiêu tức, (từ quẻ Cấu = tháng 5 ta, tới quẻ Khôn là tháng 10 ta, tức là Âm trưởng, Dương tiêu. Từ quẻ Phục = tháng 11 ta, tới quẻ Kiền là tháng 4, tức là Dương trưởng Âm tiêu)** nói trên, còn được dùng để phác họa lại bộ mặt biến thiên của tiết khí, của bốn mùa. Quẻ Bác là quang cảnh từ tháng 9 ta trở đi, lúc mà Trời đem sương pha, tuyết phủ lên cỏ cây, làm cho *cây trơ trụi lá, cành xơ xác cành*. Lúc ấy, may mắn lắm, mới còn được một vài quả lủng lẳng trên những cành cao, còn lại được là vì người muốn ăn, mà ngại hái.

**C. Xét về trào lưu Lịch sử:** Bác là lúc mà vật đạo thịnh, thiên đạo suy; bao nhiêu cái hay, cái đẹp đều chạy ra ngoài bì phu, đều dồn cả vào vật chất. Đó là thời kỳ mà nhân loại chạy theo dục vọng, tiền tài, bỏ cái gốc là đức hạnh, mà chạy theo cái ngọn là danh lợi.

*Xét về phương diện vật chất*, thì đó là thời kỳ huy hoàng nhất, nhưng *xét về phương diện tinh thần*, thì đó là thời kỳ sa đọa nhất. Đó là thời kỳ tiểu nhân đánh trống, phát cờ, còn quân tử thì lao đao, lặn độn, chạy được miếng ăn đã khó, giữ được thân là may.

*Bác là bác lạc, suy tàn, Âm khí tăng, Dương khí giảm, tà thuyết thịnh, chính đạo suy.* Đó là thời kỳ mà nơi kinh thành, thì thiếu lãnh tụ anh minh, ngoài đồng nội vắng hiền nhân, quân tử.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

剝：不利有攸往。

**Bác. Bất lợi hữu du vãng.**

Dịch. *Thoán Từ.*

*Bác là rạn nứt, suy vi.*

*Làm gì, cũng chẳng ra chi nữa rồi.*

### *Thoán Truyện. Thoán viết.*

彖曰：剝，剝也，柔變剛也。不利有攸往，小人長也。順而止之，觀象也。

君子尚消息盈虛，天行也。

**Bác. Bác dã. Nhu biến cương dã. Bất lợi hữu du vãng. Tiểu nhân trưởng dã. Thuận nhi chỉ chi. Quan tượng dã. Quân tử thượng tiêu tức doanh hư. Thiên hành dã.**

Dịch.

*Bác là rạn nứt, suy vi.*

*Nhu toan thay đổi trọn bề Dương cương.*

*Làm gì cũng sẽ dở dang.*

*Tiểu nhân đang lúc nghênh ngang gặp thời.*

*Theo thời, dừng lại đi thôi,*

*Nhìn vào Tượng quẻ, cũng ngại, cũng ngại.*

*Hiền nhân, xin chớ bán khoãn,*

*Doanh hư, tiêu tức lễ hằng xưa nay.*

*Lễ trời có lúc vui đây,*

*Cũng khi tăng giám, cũng ngày thịnh suy.*

**Thoán** cho rằng: đó là thời kỳ tiểu nhân hoành hành, còn quân tử thì chẳng làm ăn dở dối gì được. Dịch kinh an ủi người quân tử hãy nên nhẫn nhục, hãy nên biết cơ trời, thời Trời vì: **Sông có khúc, người có lúc.**

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：山附地上，剝；上以厚下，安宅。

*Tượng viết: Sơn phụ ư địa. Bác. Thượng dĩ hậu hạ an trạch.*

**Dịch. Tượng rằng:**

*Bác là núi tựa đất dày,*

*Người trên hãy xử đặng đầy với dân.*

*Với dân đầy đặng ở ăn,*

*Rời ra địa vị tư thân vững vàng.*

**Tượng** từ tạm quên những chuyện phê pha, bác lạc mà dạy ngược lại rằng: Khi người quân tử ở trên mà cầm quyền trị dân, phải biết chăm sóc cho dân, vì dân là nền tảng cho quốc gia. Dân có mạnh, thì nước mới bền; dân có hay thì mình mới vững. Mình mà mất dân thì cũng như là núi mất đất, sẽ không còn có nơi nương tựa, và cảnh suy vong, bác lạc sẽ đến.

**Xét về Tượng quẻ:** Quẻ Bác trên là 1 hào Dương liền, dưới là 5 Hào Âm, trông giống như cái giường có chân, có mặt; hay cái nhà có mái, có vách. Vì thế, Hào Sơ, Hào nhị, Hào tứ vẽ ra một cảnh phá giường. Trước tiên chặt chân giường (hào 1), rồi phá khung giường (hào 2), Kế đến thang giường, rồi lại xoay tới cả đến người nằm ngủ trên giường (hào 4).

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六：剝床以足，蔑貞凶。

象曰：剝床以足，以滅下也。

**Sơ lục. Bác sàng dĩ túc. Miệt trinh hung.**

*Tượng viết.*

**Bác sàng dĩ túc. Dĩ diệt hạ dã.**

**Dịch**

*Sơ lục. Chân giường phá hủy,*

*Phá Cương thường, đạo lý xấu thay.*

**Tượng rằng:**

*Phá hủy chân giường,*

*Tiêu hao gốc rễ, Cương thường, mới nghe.*

### 2. Hào Lục nhị.



六二：剝床以辨，蔑貞凶。

象曰：剝床以辨，未有與也。

**Lục nhị. Bác sàng dĩ biện. Miệt trinh hung.**

**Tượng viết:**

**Bác sàng dĩ biện. Vị hữu dữ dã.**

**Dịch.**

*Hào Lục nhị: Thang giường bị phá,  
Phá cương thường thêm nữa, xấu thay.*

**Tượng rằng:**

*Bác mà không bị chê bai,  
Là vì đã biết xa rời dưới trên.*

**Hào Sơ & Hào Nhị** có ý nói: Tiểu nhân có nhiều thủ đoạn để hãm hại người quân tử. Khi họ đắc thế, có bầy có bọn, mà quân tử thời lẻ bạn, lẻ bầy, cô thân, cô thế, họ sẽ tìm cách hãm hại người quân tử. Họ làm cho người quân tử mất công, mất việc, mất cơ sở sinh nhai, mất cả môi trường hoạt động, mất sự an lạc tĩnh lặng, hồn nhiên. Ví như người quân tử có cái giường, mà tiểu nhân đến chặt chân cho khập khiễng, đến phá thang, cho hư, cho gãy (hào 1 & 2).

### 3. Hào Lục tam.

六三：剝之，無咎。

象曰：剝之無咎，失上下也。

**Lục tam. Bác chi vô cữu.**

**Tượng viết:**

**Bác chi vô cữu. Thất thượng hạ dã.**

**Dịch**

*Không xu phụ với tiểu nhân,  
Thế nên tránh được mọi phần chê bai.*

**Tượng rằng:**

*Bác mà không bị chê bai,  
Là vì đã biết xa rời dưới trên.*

Tuy nhiên, không phải là ai cũng xấu. Có những người tuy bề ngoài về phe phái với tiểu nhân, nhưng trong lòng vẫn hướng về người quân tử, vẫn muốn ám trợ người quân tử. Đó là như Trần Bình không nở chúc rượu cho Bái Công nơi Hồng Môn hội yến, để Bái Công khỏi bị say sưa mà thất thế; sau lại còn giúp cho Bái Công đào tẩu (*Tây Hán Chí, Thanh Phong dịch, trang 131*).

### 4. Hào Lục tứ.

六四： 剝床以膚，凶。

象曰： 剝床以膚，切近災也。

Lục tứ. Bóc sàng dĩ phu. Hung.

*Tượng viết:*

Bóc sàng dĩ phu. Thiết cận tai dã.

**Dịch.**

*Đẽo giường, đẽo cả đến da,*

*Đã đành rằng xấu, biết là mấy mươi.*

**Tượng rằng:**

*Đẽo giường, đẽo cả đến da,*

*Thế là tai họa, nguy cơ gần kề.*

Chẳng những hại cho mất công ăn việc làm không thôi, kẻ tiểu nhân còn muốn vạc da, đẽo thịt người quân tử, làm cho lắm than, điều đứng, mới vui, mới thỏa.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五： 貫魚，以宮人寵，無不利。

象曰： 以宮人寵，終無尤也。

Lục ngũ. Quán ngư. Dĩ cung nhân sủng. Vô bất lợi.

*Tượng viết:*

Dĩ cung nhân sủng. Chung vô cữu dã.

**Dịch.**

*Thống lĩnh quần Âm, thuận phục Dương,*

*Y như Vương Hậu dẫn cung nương,*

*Lũ là, lũ lượt, in sâu cá,*

*Được chuộng, lại không lỗi đạo thường.*

**Tượng rằng:**

*Hướng dẫn cung phi được sủng ân.*

*Cơ sự rồi ra chẳng lỗi lầm.*

Hơn thế nữa, có những người đã lên tới bậc lãnh tụ quần Âm, đã thống xuất cả bày, cả đảng tiểu nhân, mà có khi còn biết xướng xuất giết nhau trở về cùng chính nghĩa. Đó là trường hợp vua A- Dục đem dân trở về cùng Phật giáo, vua Constantin, vua Clovis đem dân trở về cùng Công Giáo...

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九： 碩果不食，君子得輿，小人剝廬。

象曰： 君子得輿，民所載也。小人剝廬，終不可用也。

**Thượng Cửu. Thạc quả bất thực. Quân tử đặc dư. Tiểu nhân bác lư.**

**Tượng viết:**

**Quân tử đặc dư. Dân sở tải dã. Tiểu nhân bác lư. Chung bất khả dụng dã.**

**Dịch:**

*Chưa ăn, quả lớn vẫn treo cây.  
Quân tử được xe, thế mới hay,  
Tiểu nhân ví thử manh tâm hại,  
Mái nhà giạt sập, ở đâu đây?  
**Tượng rằng:** Quân tử được xe,  
Vì dân mền chuộng, chẳng hề đổi thay,  
Mái nhà giạt đổ nào hay,  
Cuối cùng tay trắng, trắng tay, bẽ bàng.*

Gặp thời Bác, tức thời đảo điên, ly loạn, thì số người quân tử còn lại rất là thưa thớt, y như vài quả may ra còn sót lại đầu cành. Tuy ít, nhưng đó chính là hứa hẹn cho sự phục sinh tinh thần sau này, và chính cũng là bằng chứng chính nghĩa, chẳng bao giờ có sức gì làm suy vong, tiêu diệt được. Mà lạ hơn nữa, người quân tử khi ấy vẫn được dân kính, dân tôn, vẫn có thể còn được lên xe, xuống ngựa. Kẻ tiểu nhân nếu cố tâm hủy diệt cho tận tuyệt quân tử, cho tận tuyệt chính nghĩa và đạo lý. thì có khác chi con người ngu dại, tự nhiên đem kéo sập nhà mình đang ở, rồi ra sẽ lấy gì che nắng, che mưa, Thế chính là **Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu (Ngậm máu phun người, trước bản miệng mình).**

## **ÁP DỤNG QUÊ BÁC VÀO THỜI ĐẠI**

Trời đất, quốc gia, cũng như con người chúng ta luôn tuần hoàn, đầy rồi lại vơi, vơi rồi lại đầy, thịnh rồi lại suy, suy rồi lại thịnh, nhưng đến thời kỳ Bác là thời kỳ suy tàn nhất.

- **Về Trời đất, Bác thuộc tháng 9**, lúc đó Âm khí tăng, Dương khí giảm, thời tiết bắt đầu sang mùa đông, cây cỏ bắt đầu *Cây trơ trụi lá, cành sơ xác cành*. Nơi miền Cực Bắc, thì sương tuyết đầy đường, năng lực Trời Đất tiêu hao, vạn vật như không còn sức để triển dương.

- **Đối với Quốc Gia**, thì thiếu người tài giỏi chỉ huy, mọi người trở nên cao ngạo, nhố nhăng, sống gặp hay chằng chớ. Đó là thời kỳ nhiễu nhương, ly loạn, sể nghe, tan đàn. Đó là thời kỳ:

*Trời làm một trận lãng nhăng,*

*Ông lại xuống thẳng, thẳng lại lên ông.*

- **Đối với cá nhân con người**, thời **quê Bác** là thời khốn khổ, suy vi nhất. Trong cảnh tha hương này, số người gặp phải thời **quê Bác** không phải là ít. **Thất nghiệp, không nhà ở, không thân thích, không tiền bạc**, nếu lại gặp cảnh yếu đau nữa, thì sự khổ sở không sao tả xiết. Gặp hoàn cảnh này, họ rất dễ bị xa ngã, nếu họ chẳng may gặp phải kẻ chẳng ra gì, lợi dụng sự khốn khó của họ để đưa họ vào con đường bất chính. **Những người không may này, nếu sớm biết hồi tỉnh, trở về chánh nghĩa, thì chẳng đáng bị chê trách**. Còn những người, sống được sự giúp đỡ của bố mẹ, của chính quyền để ăn học, nhưng đã chơi bời phóng túng, bỏ bê học hành, **lười biếng** không chịu làm ăn, để đến nỗi thân tàn, ma dại; hoặc những người đã có gia đình, đã có

công ăn, việc làm hần hoi, nhưng vì **quá tự mãn**, coi mình là nhất thiên hạ, không còn lo lắng gì về tương lai, sẵn có uy tín nên vay mượn dễ dàng, đâm ra bài bạc, lâu dần công nợ chồng chất, thậm chí còn đánh đập vợ để lấy tiền cờ bạc. Rốt cuộc, cửa nhà tan nát, vợ con ly tan. **Đó thật là thời Bác không tới mình, mà mình tự đi tìm thời Bác vậy.** Những loại người kể trên này, nếu không kịp thời tỉnh ngộ, ăn năn, hối cải thì sớm muộn gì cũng sẽ đi đến tình cảnh tang thương, không gì cứu vãn nổi.

Đời sống của chúng ta, **nếu TRỜI HẠI TA**, thì ta còn cứu ta được, bằng sự cố gắng, cầu tiến, tiết kiệm, chịu khó. Nhưng nếu **TA TỰ HẠI TA**, thì không ai cứu nổi. **Ta luôn luôn phải ghi nhớ câu này.**

## 24. 地雷復 ĐỊA LÔI PHỤC



### Phục Tự Quái

復序卦

Bác giả bác dã.

剝者剝也

Vật bất khả dĩ chung tận.

物不可以終盡。

Bác cùng thượng phản hạ.

剝窮上反下，

Cố thụ chi dĩ Phục.

故受之以復。

### Phục Tự Quái

*Sự đời đâu mãi tan hoang,*

*Bác cùng trên dưới, đôi đàng trở trăn.*

*Cho nên Phục đã theo chân...*

Quẻ Phục là một trong những quẻ quan trọng của Dịch kinh; nói lên được lẽ **Âm Dương tiêu trưởng, lẽ phản phục của Trời Đất và của tâm lý con người**. Từ xưa tới nay, các nhà bình giải cũng đã nhận định được rằng: Quẻ Phục đề cập đến 2 vấn đề:

- Sự hồi phục của khí Dương.
- Sự hồi phục của nhân tâm về cùng đạo lý.

Ngày nay, với sự **tiến triển của Khoa Học**, với sự phổ biến của các **Triết thuyết Âu. Á**, ta có thể bàn rộng hơn về lẽ **phản phục** của Đất, Trời, cũng như của Lịch sử.

**A. Phục đánh dấu 1 thời kỳ mà vũ trụ sẽ bắt đầu co lại.** Vì nếu vũ trụ khuếch tán được, triển dương được, thì cũng có thể co lại được, phản phục được. (M. Sénard , Le Zodiaque, Le Capricorne, p. 376).

Cũng một nhẽ, thời gian cũng có thể phản phục được, vì thời gian gắn liền với không gian. Cho tới ngày nay, ít ai nghĩ được rằng **thời gian cũng có hai chiều, hai hướng, cũng có thể vãng phục như không gian.**

**B. Phục đứng về phương diện tiết khí, là lúc mà sinh khí phục hồi.** Trong ngày Đông Chí, khi mà vạn vật trên mặt đất như đang muốn chết cồng vì gió sương, băng tuyết, thì ở dưới

lòng đất, **Dương khí phục sinh**, để chuẩn bị cho gian trần một mùa Xuân mới, để đem lại cho muôn loài một luồng sinh khí mới.

**C. Phục cũng về lại con đường phiêu lãng của vùng Dương.** Phục xét về phương diện Lịch số là ngày **Đông Chí**, là ngày mà vùng Dương như dừng gót lại, để trở về sống gần gũi với Trái Đất & Vạn vật hơn.

Các dân tộc xưa thường ăn mừng ngày Đông chí, để đánh dấu sự **phục sinh của Mặt Trời, của thần Mithra**.

Từ thế kỷ thứ Tư, Giáo Hội La Mã cũng theo tục lệ của dân gian, mà ăn mừng Lễ Sinh Nhật vào ngày 25 tháng chạp, tức là vài ngày sau tiết Đông Chí.

**D. Xét về phương diện Lịch sử**, thì khi tới quẻ Phục, nhân loại đã đạt tới một mức độ văn minh vật chất tuyệt đích.

**E. Đối với con người.** Quẻ Phục là lúc con người trở nên minh giác, giác ngộ, biết được Thiên Mệnh, biết được rằng trong lòng mình vốn có sẵn Lòng Trời:

**Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ?**

Theo **Toán Học cổ truyền**, con người có thể giác ngộ năm 42, 43 tuổi.

**G. Về Triết Lý & Đạo Giáo.** Quẻ Phục nêu lên mấy vấn đề:

1) Con người khi nào sẽ **kiến Thiên địa chi tâm?**

2) Và làm sao biết mình đã **kiến Thiên địa chi tâm?**

Các nhà bình giải thường cho rằng: chỉ khi nào tâm hồn con người chí hư, chí tĩnh, mới thấy được **Thiên địa chi tâm**.

Thiên tâm, đạo tâm là nguồn năng lực, là nguồn sinh hóa, cho nên khi đã kiến **Thiên Địa chi tâm**, ta sẽ thấy tâm hồn chuyển động, nguồn sống trở nên dạt dào, cảm hứng trở nên sôi động, trí tuệ trở nên mãn tiệp. Nói tóm lại, ta đã trở thành con người mới.

Phục chính là bước đầu của con đường trở lại. Dịch Kinh đề cập quẻ Phục một cách đơn giản.

\*Nơi Thoán thì dùng cho sự hồi phục của Dương khí.

\* Nơi Tượng thì nói đến tục lệ đời xưa đã theo trong ngày Đông chí.

\* Nơi các Hào thì bình luận cung cách con người trở về cùng Đạo Lý.

## I. Thoán.

**Thoán Từ.**

復：亨。出入無疾，朋來無咎。反復其道，七日來復，利有攸往。

**Phục. Hanh. Xuất nhập vô tật. Bằng lai vô cữu. Phản phục kỳ đạo. Thất nhật lai phục. Lợi hữu du vãng.**

**Dịch.**

*Dương về, vạn đã hanh thông,*

*Cho nên xuất nhập thông dong, nhẹ nhàng.*

*Có thêm bè bạn lo toan,*

*Rời ra sẽ hết vấn vương, lỗi lầm.*

*Đạo Trời phản phục, cùng thông,  
Đường đi bảy độ, lại vòng về ngay.  
Đường về, vận đã hoá hay.  
Làm đi, rồi sẽ có ngày thành công.*

Phục là Dương khí mới trở về (**Phục**), và sẽ hứa hẹn một vận hội hanh thông mới (**Hanh**). Người quân tử tuy biết rằng: Cơ phục hồi đạo lý đã trở lại, nhưng chớ nên vội vàng, chớ nên hấp tấp mà hại cho đạo lý, cho lý tưởng (**Xuất nhập vô tật**). Hãy ráng chờ cho thêm đồng tâm, đồng chí (**Bằng lai**), rồi mới tránh khỏi được những chuyện lỗi lầm (**Vô cửu**).

Cơ Trời muốn phục hồi, phải qua hết 6 giai đoạn biến hóa, đó là: **Cầu ( tháng 5), Động (tháng 6), Bĩ (tháng 7), Quan (tháng 8), Bác (tháng 9), Khôn (tháng 10)**. Thiên vận, thế vận, phải đi cho cùng đường biến hoá, từ tinh thần ra đến vật chất, rồi mới có thể quay ngược trở lại được. Trở về đền quê Phục, tức là giai đoạn thứ bảy. Lúc ấy người quân tử mới có cơ hội hoạt động (**Phản phục kỳ đạo thất nhật lai phục. Lợi hữu du vãng**).

### *Thoán truyện.*

彖曰：復亨；剛反，動而以順行，是以出入無疾，朋來無咎。反復其道，七日來復，天行也。利有攸往，剛長也。復其見天地之心乎？

### *Thoán viết:*

**Phục hanh. Cương phản. Động nhi dĩ thuận hành. Thị dĩ xuất nhập vô tật. Bằng lai vô cửu. Phản phục kỳ đạo. Thất nhật lai phục. Thiên hành dã. Lợi hữu du vãng. Cương trưởng dã. Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ.**

### **Dịch.**

*Thoán rằng: Vận Phục mà hay,  
Là vì Dương cứng tới nay phục hồi,  
Động mà vẫn thuận cơ Trời,  
Cho nên lui tới thành thoi, nhẹ nhàng.  
Có thêm bè bạn lo toan,  
Xây nền đạo lý, ai than, ai cười.  
Vãng lai, phản phục đạo Trời,  
Đi đà bảy độ, lại hồi, lại quay.  
Làm gì cũng sẽ mắn may,  
Là vì Dương vận tới ngày hanh thông,  
Phục rồi, được thấy Thiên tâm,  
(Vì lòng Trời đất cũng trong lòng người.)*

### **Thoán Truyện** đã đưa ra 2 nhận định:

1.) Người quân tử tuy nay gặp hoàn cảnh thuận tiện hơn để hoạt động, nhưng phải hành động cho khéo léo, cho hợp với đạo lý, như vậy mới không chiêu hại cho mình (**Động nhi dĩ thuận thị dĩ xuất nhập vô tật**.)

2.) Lúc này là lúc con người trở về để tìm cho ra được **Thiên địa chi tâm**. Tìm ra được Thiên địa chi tâm, chẳng qua là tìm ra được **Đạo tâm vi tế** trong lòng mình, và nói lên được như Thánh Phao Lồ rằng: **Tôi nghĩ tôi có Thần Chúa trong tôi** (I Cor. J. 39)

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：雷在地中，復；先王以至日閉關，商旅不行，后不省方。

*Tượng viết:*

**Lôi tại địa trung. Phục. Tiên vương dĩ chí nhật bế quan.**

**Thương lữ bất hành. Hậu bất tỉnh phương.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Phục là lòng đất sấm ran,*

*Tiên vương Đông chí, cửa quan bế tàng.*

*Ngược xuôi, vắng bóng khách thương.*

*Nhà vua tránh chẳng lên đường tuần du.*

**Tượng Truyện** nhắc lại hành động của những vị quân vương xưa trong ngày Đông Chí: **Đông chí là ngày Nhất Dương sơ động**, chính là lúc ứng vào Hào Sơ quẻ Kiền: **Tiền long vật dụng = Rồng ẩn chớ dùng**. Cho nên ngày ấy, đóng cửa quan ải, ngăn cấm khách thương đi lại, và nhà vua cũng không đi tuần thú. Nguyên tắc của các vị quân vương xưa là : **Theo Trời mà hành sự**, cho nên ngày Thu phân thì truyền cho sửa sang lại cân lượng, (vì là ngày tượng trưng cho sự quân bằng mọi sự = ngày, đêm dài bằng nhau), ngày Đông chí là ngày hàm dưỡng, nghỉ ngơi.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào bàn về sự trở về cùng đạo lý. Nguyên tắc tu thân xưa là: **Tu thân dĩ đạo. Tu đạo dĩ nhân = Dùng đạo để tu thân. Lấy sự hoàn thiện để tu đạo.**

Tu thân là đi vào con đường hoàn thiện, là để trở nên hoàn thiện, là để tìm cho ra được **Thiên địa chi tâm = tìm cho ra được đạo tâm**.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。不復遠，無只悔，元吉。

象曰：不遠之復，以修身也。

Sơ Cửu: **Bất viễn phục. Vô kỳ hối. Nguyên cát.**

*Tượng viết:*

**Bất viễn chi phục. Dĩ tu thân dã.**

**Dịch.**

*Chưa xa đã biết phục hồi,*

*Thế thời khỏi hối, thế thời rất may.*

**Tượng rằng:**

*Chưa xa đã biết phục hồi,*

*Tu thân ấy chính cơ ngơi mới giương.*



**Hào Sơ** là *nhất Dương sơ động*, ám chỉ những hạng người như Nhan Hối, hăng hái theo đường đạo lý. Tuy chưa phải là Thánh Hiền, *tuy hãỹ còn có những điều lầm lỗi, nhưng lỗi thời biết, biết thời không tái phạm nữa.*

Tóm lại, Hào Sơ là những người đã sống gần tới mức lý tưởng, dầu chưa được **mười phân vẹn mười**, thì cũng đã gần Trời, gần Đạo. Mỗi khi có một tà niệm, một mầm mống bất thiện nào vừa muốn nhô lên trong tâm hồn họ, là họ cố tiêu diệt ngay, vì vậy tâm hồn họ thời thường là như ngọc trắng, gương trong chẳng bợn trần ai, tục lụy. Vì vậy, Hào Sơ này nói lên hai chữ **tu thân**, tức là đặt căn bản cho công cuộc tu thân vậy.

## 2. Hào Lục Nhị.

六二： 休復，吉。

象曰： 休復之吉，以下仁也。

Lục nhị. **Hưu phục. Cát.**

*Tượng viết:*

**Hưu phục chi cát. Dĩ hạ nhân dã.**

**Dịch.**

*Phục hồi đẹp đẽ biết bao!*

**Tượng rằng:**

*Phục hồi đẹp đẽ biết bao.*

*Là vì đã biết nương vào đức nhân.*

**Hào Lục nhị** là hạng người trung chính, lại có cái may mắn ở gần những người hiền đức. Họ là những người thành khẩn, muốn khắc kỷ, phục lễ, lấy sự hoàn thiện làm tiêu chuẩn cho đời mình, và công cuộc tu thân đối với họ cũng chẳng mấy khó khăn. Vì thế, dùng chữ **Hưu phục**.

Hào hai chỉ nói đến tu thân, đến sự hoàn thiện để làm tiêu chuẩn cho cuộc đời, nên đặc biệt có chữ **Nhân**.

## 3. Hào Lục tam.

六三： 頻復，厲無咎。

象曰： 頻復之厲，義無咎也。

Lục tam. **Tần phục. Lệ. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Tần phục chi lệ. Nghĩa vô cữu dã.**

**Dịch.**

*Trở đi, trở lại nhiều lần,*

*Tuy rằng nguy hiểm, lỗi làm chi đâu.*

**Tượng rằng:**

*Trở đi, trở lại nhiều lần.*

*Xét theo nghĩa lý, thì làm lỗi chi?*

**Hào Lục tam** chỉ những hạng người thiếu nghị lực, nên tuy muốn bỏ điều xấu, mà vẫn không thể dứt bỏ, vẫn sa đi, ngã lại nhiều lần. Mặc dầu vậy, mỗi lần họ sa ngã, là một lần họ ăn năn, họ chỗi dậy. Nếu đã thực tâm hối quá, thì cũng không đáng chê bai.

#### 4. Hào Lục tứ.

六四：中行獨復。

象曰：中行獨復，以從道也。

Lục tứ. Trung hành độc phục.

*Tượng viết:*

**Trung hành độc phục. Dĩ tông đạo dã.**

**Dịch.**

*Một mình giữa bọn tiểu nhân,  
Thế mà đơn độc hồi tâm, hồi đầu.*

**Tượng rằng:**

*Một mình giữa bọn tiểu nhân,  
Một mình trở lại theo chân đạo Trời.*

**Hào Lục tứ Độc Phục** chính là những cánh sen trong bùn, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Tuy sống trong hoàn cảnh ngang trái, mà lòng vẫn hướng về lý tưởng, đạo lý. Sống giữa bầy tiểu nhân, mà lòng vẫn hướng về phía chính nhân, quân tử.

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五：敦復，無悔。

象曰：敦復無悔，中以自考也。

Lục ngũ. Đôn Phục. Vô hối.

*Tượng viết:*

**Đôn Phục vô hối. Trung dĩ tự khảo dã.**

**Dịch. Lục ngũ:**

*Đạo Trời thành khẩn phục luôn.  
Hết còn hối hận, tâm xoang an bình.*

**Tượng rằng:**

*Đạo Trời thành khẩn phục luôn.  
Một mình nghiên ngẫm sớm hôm đạo Trời.*

**Hào Lục ngũ** là hạng người không có cái duyên may mắn gần được người Hiền Thánh, nhưng đã **một mình** tìm được ra Chân Lý (vì thế gọi là **tự khảo**), mà khi đã tìm ra được đạo lý rồi, thì nhất tâm giữ vẹn Đạo Trời.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六： 爻辭：迷復，凶，有災眚。用行師，終有大敗，  
以其國君，凶；至于十年，不克征。

象曰： 迷復之凶，反君道也。

Thượng Lục. Mê Phục. Hung. Hữu tai sảng. Dụng hành sư.  
Chung hữu đại bại. Dĩ kỳ quốc quân hung. Chí vu thập niên bất khắc  
chinh.

*Tượng viết:*

**Mê phục chi hung. Phản quân đạo dã.**

**Dịch. Thượng Lục:**

*Nếu mà mê mẩn, chẳng hỏi tâm,  
Thời thôi họa hại, thật vô ngần.  
Điều động binh đao, âu cũng hồng,  
Dẫu làm vua chúa, vẫn gian truân.  
Mê chi, mê mẩn tâm thần.  
Suốt đời vẫn chẳng qui tâm, hỏi đầu.  
**Tượng rằng:** Mê chẳng phục hồi.  
Ấy là phản lại đạo Trời trước sau.*

**Hào Thượng Cửu:** Tuy là ở trong hồi Phục Hưng đạo lý, hồi mà nhân tâm qui thuận thiên lý, cũng vẫn có những người mê lú, không chịu trở lại đường ngay. Họ không chịu phục thiện được vì nhiều lẽ:

- 1) Vì địa vị họ quá cao, nên họ không thể nhận chân lý, nhận đạo lý nơi người khác.
- 2) Họ xa những người hay, nên không có dịp trở về cùng đạo lý.
- 3) Bản chất họ tối tăm, dày đặc, nên họ không thể khai ngộ được.
- 4) Họ không đủ nghị lực để cải tà, qui chánh.

Khi mà họ đã một mực theo đường tà, mặc cho dục tình lôi cuốn, không đếm xỉa gì đến đạo lý nữa, thì dĩ nhiên họ sẽ lâm vào cảnh quốc phá, gia vong. Dẫu họ có làm vua, làm tướng chi nữa, nếu không theo chính nghĩa, thì cũng chỉ là hôn quân, bại tướng.

## ÁP DỤNG QUÊ PHỤC VÀO THỜI ĐẠI

Có nhiều người, sau khi đã đi một quãng đường dài trong cuộc đời, đã từng thành công cũng như thất bại, đã sống trên nhung lụa, kẻ hầu người hạ, nhưng cũng có khi ăn tháng này, đã phải lo tháng sau liệu có đủ hay không? Chợt một lúc nào đó, họ cảm thấy đời sống thật là vô vị, không lẽ sinh ra đời chỉ là để lo làm sao cuộc sống được đầy đủ hay sao? Hay sinh ra đời chỉ để làm phân bón nuôi vợ con? Sáng sớm thức dậy đã phải lo đi làm việc, có nhiều người làm việc vất vả hơn trâu. Nhất là ở xứ Mỹ này, đàn ông cũng như đàn bà có người ngày làm hai, ba nơi. Làm một quên nghĩ, làm cốt chỉ để kiếm tiền cho thật nhiều, mặc dù họ không cần thiết phải vất vả như vậy

họ vẫn đủ sống. Họ làm việc mà không có mục đích, không có lý tưởng, họ làm cho có nhiều tiền, để ăn tiêu huy hoàng hơn người khác, và để tỏ cho người ngoài thấy họ là người tài giỏi, thể thôi.

Nhưng có ai chịu hiểu sâu sa hơn, là Thượng đế sinh ra loài người đâu phải chỉ để nguyên **có sống để mà hưởng thụ**, như các loài động vật khác, mà Ngài sinh ra loài người là muốn họ phải tiến hóa về mọi mặt, tiến lên để giống Ngài.

**Về mặt Vật chất**, họ phải tiến cao để tạo cho thế giới ngày thêm tươi đẹp, đầy đủ tiện nghi, cho con người được thoải mái phần nào sau nhiều giờ làm việc trong ngày.

**Về mặt Tinh thần**, họ phải suy tư, tìm hiểu đâu là bản thể của mình, vì Thần của họ là gốc gác Thần mình, họ phải biết đường để quay về với Thần mình, nếu không sẽ có lúc họ cảm thấy đời vô ý nghĩa, và họ sẽ chán nản vô cùng, vì thế có nhiều người chẳng hiểu vì lý do gì mà lại tự tử.

Thật vậy, nếu chúng ta sinh ra đời, mà suốt cuộc đời sống không mục đích, không lý tưởng, thì quả thật cuộc sống thật là vô vị, và lúc lâm chung chẳng hiểu mình sẽ đi về đâu?

Theo thiên ý của tôi, khi còn nhỏ sống trong gia đình, ta hãy ăn ở sao cho cha mẹ, và thầy giáo vui lòng. Khi khôn lớn, giữ sao cho hạnh kiểm đường hoàng, cho mình chính để mọi người nể trọng mình. Ta cứ lập gia đình, tạo sự nghiệp, để góp mặt với xã hội nhân quần. Nhưng khi tóc đã hoa râu, đã qua được quá nửa đời người (quãng 42- 43 tuổi), thì ta phải biết suy tư, học đạo để quay về với nguồn gốc của mình, nếu cứ mê đắm trong hoan lạc, e cuối đời ăn năn không kịp, như Hào Thượng Lục của quẻ Phục răn ta:

*Chấp nê, một dạ sống trong mê,  
Nghĩa lý, lìa xa chẳng chịu về.  
Vương, tướng nghênh ngang, phường múa rối,  
Đạo Trời chẳng biết, sống ra chi !*

Quẻ Phục này đáng cho ta suy nghĩ vậy!

## 25. 天雷無妄 THIÊN LÔI VÔ VỌNG



**Vô Vọng Tự Quái**      無妄序卦

Phục tắc bất vọng hỹ.      復則不妄矣

Cố thụ chi dĩ Vô Vọng      故受之以無妄

### Vô Vọng Tự Quái

*Phục rồi sẽ hết lỗi lầm đơ sai.*

*Rời ra Vô Vọng tiếp ngôi.*

Quẻ Vô Vọng, về phương diện Đạo Học, là một quẻ rất quan trọng trong Kinh Dịch. Thực vậy, quẻ Vô Vọng dạy về **đời sống của các bậc Thánh Nhân**, sống kết hợp với Trời, theo con đường chí công, chí chính của Tạo Hóa, chứ không theo con đường tà ngụy của tâm tư.

Trình tử giải Vô Vọng là: **Hành động theo Thiên lý, là Chí Thành, là Thiên đạo.** Trình tử còn nói thêm: **Thánh nhân hoạt động theo Trời, Hiền nhân hoạt động theo người.**

Lý Long Sơ nói: *Con người do tinh hoa Trời Đất mà sinh, nên có Thần Trời, sự quang minh của Trời, vốn là Chân Thiện Vô Vọng. Nhưng sau khi sinh ra đời, bị dẫn dụ bởi những điều nguy tạo của người khác, nên vọng niệm mới sinh ra.* Vì vậy cho nên quẻ Vô Vọng tiếp theo sau quẻ Phục: **Phục là trở về với đạo lý,** nhìn thấy Thiên tâm, Thiên tính trong lòng mình. **Vô Vọng là sống hồn nhiên theo đúng Thiên tính, Thiên lý, Thiên đạo.** Quẻ Vô Vọng đề cập đến một trạng thái tâm thần cao siêu nhất của con người, nên những lời lẽ cũng trở nên khó hiểu.

Đọc Hào 2, 3, 5, y như thấy bàn đến:

- Phúc bất kỳ (Hào 2).
- Họa bất kỳ (Hào 3).
- Bệnh bất kỳ (Hào 5).

Nên nhiều nhà Bình Giải cho rằng: ngoài nghĩa chính yếu trên, Vô Vọng còn có nghĩa thứ hai là: **Không cầu mà được, không ước mà nên, không muốn mà bị.**

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

無妄：元，亨，利，貞。其匪正有眚，不利有攸往。

**Vô vọng. Nguyên, Hanh. Lợi, Trinh. Kỳ phỉ chính hữu sảng.**

**Bất lợi hữu du vãng.**

### **Dịch.**

*Vô Vọng là nguyên tuyền, đẹp đẽ,*

*Tốt lành thay, hợp lẽ chính trung.*

**Chính rồi, mới được hanh thông.**

*Nếu không chính đáng, lâm vòng tội khiên.*

*Tội tình vọng động triển miên,*

*Làm gì cũng sẽ chẳng nên việc gì.*

**Thoán Từ** đại khái nói rằng: Con người mà đã đạt tới tình trạng Toàn chân, Toàn thiện, chí thành, chí mỹ rồi thì thực là một điều đại hạnh vậy. (**Vô vọng nguyên hanh**). Con đường đưa tới chí thành, chí thiện, tức là con đường công chính, nếu theo được mới hay, mới lợi (**Lợi trinh**). Hễ đã đi sai con đường công chính, tức đã đi vào con đường tà nguy, như vậy tránh sao khỏi lỗi lầm (**Kỳ phỉ chính hữu sảng**), như vậy thời làm sao mà hay, mà lợi được (**Bất lợi hữu du vãng**).

### *Thoán Truyện.*

彖曰：無妄，剛自外來，而為主於內。動而健，剛中而應，大亨以正，天之命也。其匪正有眚，不利有攸往。無妄之往，何之矣？天命不佑，行矣哉？

*Thoán viết:*

**Vô Vọng. Cương tự ngoại lai nhi vi chủ ư nội. Động nhi kiện.  
Cương trung nhi ứng. Đại hanh dĩ chính. Thiên chi mệnh dã.  
Kỳ phi chính hữu sảnh. Bất lợi hữu du vãng. Vô Vọng chi vãng.  
Hà chi hĩ. Thiên mệnh bất hựu. Hành hĩ tai.**

**Dịch.**

*Vô Vọng là Cương từ ngoài đến,  
Tinh hoa Trời đã hiện bên trong,  
Hiện ra, làm chủ cõi lòng,  
Hành vi ám hợp Hóa Công từ rày,  
Lòng ta, với lòng Trời ứng hợp,  
Chính đáng thay, mà đẹp dễ thay.  
Thế là Thiên Mỹ từ nay.  
Thế là ý muốn của Trời bấy lâu,  
Chẳng chính đáng, thời âu tội lỗi.  
Vọng động rồi, khỏi nói nên công.  
Trời kia đã ngự cõi lòng.  
Ích gì tìm kiếm lung tung toi bời.  
Làm như vậy e Trời chẳng giúp,  
Không ơn Trời đi được đến đâu.*

Bây giờ cái Tinh Hoa của Trời Đất đã hiện bên trong, đã làm chủ chốt cho mọi hoạt động (**Cương = Dương = Tinh hoa**), (**Cương tự ngoại lai nhi chủ ư nội**). Mình làm gì cũng thuận theo ý Trời, (**Động nhi kiện**). Luôn luôn đem một tấm lòng tinh thành mà đối đãi với người (**Cương trung nhi ứng**). Luôn luôn theo đảng công chính, đó là đã thực hiện được một công chuyện tốt đẹp nhất, đó là đã theo đúng Thiên Mệnh (**Đại hanh dĩ chính. Thiên chi mệnh dã**).

Nếu không công chính thời có lỗi, sao hay, sao lợi được (**Kỳ phi chính hữu sảnh. bất lợi hữu du vãng**). Đã được Chân Thiên Mỹ, là đã được Trời rồi, mà còn ước muốn nữa, còn muốn đi nữa, thì đi đâu? (**Vô vọng chi vãng. Hà chi hĩ**). Như vậy sao mong được Trời giúp đỡ, phù trì. Mà Trời đã không giúp, thời đi được đến đâu? (**Thiên mệnh bất hựu. Hành hĩ tai**).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

**象曰：天下雷行，物與無妄；先王以茂對時，育萬物。**

*Tượng viết.*

**Thiên hạ lôi hành. Vật dữ Vô Vọng. Tiên vương dĩ mậu đối thời dục vạn vật.**

**Dịch.**

*Tượng rằng: Sấm động dưới Trời,  
Bao nhiêu ngang trái, lôi thôi, tiêu trừ.*

*Muôn loài vui sống, nhớn nhỏ,  
Hồn nhiên, vạn hảo, đúng như ý Trời,  
Thánh nhân cũng biết tùy thời,  
Giúp cho muôn vật, sống đời đẹp tươi.*

**Đại Tượng** bình: Trời dùng **Sấm** động dưới Trời để tiêu trừ ngang trái, cho muôn vật được sống thanh thoi. Cho nên, Tiên vương xưa cũng cố tùy thời, làm cho muôn vật được nuôi dưỡng, được sống an vui. Trời dùng biến hóa để dần dà thực hiện toàn mỹ cho vạn vật; để dần dà phát huy tiềm năng, tiềm lực của muôn vật. Thánh nhân cũng bắt chước Trời, mà tùy thời dưỡng dục vạn vật.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九： 無妄，往吉。

象曰： 無妄之往，得志也。

Sơ Cửu. Vô vọng vãng cát.

*Tượng viết:*

**Vô vọng chi vãng. Đắc chí dã.**

**Dịch.**

*Hồn nhiên, Thiên đạo mới hay,  
Sống đời hoàn thiện, thời may đã đành.*

**Tượng rằng:**

*Hành vi theo đúng luật Trời,  
Lúc nào cũng sẽ thanh thoi, phỉ nguyện.*

**Hào Sơ** khuyến cáo con người luôn đi vào con đường thánh thiện, như thế sẽ luôn được thanh thoi, phỉ chí.

#### 2. Hào Lục nhị.

六二： 不耕獲，不菑畲，則利有攸往。

象曰： 不耕獲，未富也。

Lục nhị. Bất canh hoạch. Bất chi dư. Tắc lợi hữu du vãng.

*Tượng viết:*

**Bất canh hoạch. Vị phú dã.**

**Dịch.**

*Chẳng cày, vẫn gặt, mới hay.  
Chẳng cần ngả ruộng, mà nay ngầu thành.  
Việc gì cũng sẽ lợi danh.*

**Tượng rằng:**



*Chẳng cày, vẫn có mùa màng.  
Là Tâm chẳng có vấn vương tiền tài.*

**Hào Lục nhị** có ý nói: Mình hãy cứ làm các công việc tốt, nhưng không có lòng mong cầu lợi lãi. Những Thánh nhân các đạo giáo cũng nói như trên. **Phúc âm Mathieu viết:** Hãy xem các loài chim trời, chẳng có gieo gặt, cũng chẳng thu trữ vào kho tàng, mà **Cha** các người nuôi nó. Các người há chẳng trọng hơn loài chim sao?... Vậy các người chớ lo lắng mà rằng: Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Mặc gì? Vì mọi điều đó, các dân ngoại thường tìm và cha các người ở trên Trời vốn biết các người cần dùng những điều đó rồi. Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Chúa và sự công chính của Ngài; thời Ngài sẽ trả cho các người những điều ấy sau. (Matt. 6, 26 -33).

Đạo Đức Kinh viết:

*Vô vi huyền diệu khôn bì,  
Không làm, mà chẳng việc chi không làm.  
Vô vi mà được thế gian,  
Càng xoay sở lắm, đời càng rối beng. (XLVIII)*

### 3. Hào Lục tam.

六三：無妄之災，或系之牛，行人之得，邑人之災。

象曰：行人得牛，邑人災也。

**Lục tam. Vô vọng chi tai. Hoặc hệ chi ngư.**

**Hành nhân chi đắc. Ấp nhân chi tai.**

**Tượng viết:**

**Hành nhân đắc ngư. Ấp nhân tai dã.**

**Dịch.**

*Chuyện đâu tai họa bất ngờ,  
Trâu kia ai buộc vẫn vợ bên đường,  
Bộ hành trông thấy dắt càn,  
Người làng, bỗng bị họa mang vào người.*

**Tượng rằng:**

*Người đi đường bắt được trâu,  
Người trong làng ấp, họa đâu mang vào.*

Đa số các nhà bình giải, giải **Hào Ba** này như sau: Ở đời lắm tai vạ bất ngờ. Người đi đường dắt trâu mang đi, người trong ấp lại bị bắt bớ tra hỏi. (Chu Hi)

Duy Trình tử đại khái giải rằng: Đi ra **Vọng**, là đi theo mê lạc, đi theo Nhân dục, là điều tai hại dưới nhãn quan của các nhà Huyền học. **Tam là Âm Nhu, tượng trưng cho bất trung, bất chính, nên là Vọng. Tam là ứng với Thượng Cửu, đó là tượng trưng cho dục tình, vì ứng là để tâm, để trí tới.** Đã Vọng động như vậy, mà đắc âu là sẽ mất lại. Ta sẽ giải lời này rõ hơn bằng lời Thánh Kinh: **Các người chớ chứa của cải ở dưới đất là nơi mối, mọt nhấm nát được, nơi trộm cắp đào, khoét lấy mất được. Nhưng phải chứa của cải trên Trời, là nơi mối, mọt**

không nhảm nát, nơi trộm cắp không đào, khoét lấy mất được; vì của cải người ở đâu, thì lòng người ở đó. (Matt, 6 , 19 - 21).

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四：可貞，無咎。

象曰：可貞無咎，固有之也。

Cửu tứ. Khả trình. Vô cữu.

*Tượng viết:*

Khả trình vô cữu. Cố hữu chi dã.

Dịch.

*Nếu mà theo được đường ngay,  
Theo đường đạo lý, thế này lỗi chi !*

*Tượng rằng:*

*Hay là theo được đường ngay,  
Bền tâm, vững chí, chẳng thay đổi lòng.*

Hào bốn khuyên 2 điều:

- 1) Hãy theo con đường công chính.
- 2) Hãy bền lòng, vững chí đến cùng.

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五：無妄之疾，勿藥有喜。

象曰：無妄之藥，不可試也。

Cửu ngũ. Vô vọng chi tật. Vật dược hữu hỷ.

*Tượng viết:*

Vô vọng chi tật. Bất khả thí dã.

Dịch.

*Xả chi bệnh tật bất kỳ,  
Chẳng cần thang thuốc; vui đi, lành rồi !*

*Tượng rằng:*

*Chưa thang thuốc, bệnh đã lui,  
Chớ nên thử thách, lời thôi làm gì.*

Hào năm tiếp tục chủ trương, đã đi đúng đường Trời, đừng có sợ những bệnh tật, những biến cố ngoại lai. Cũng vì vậy, khi đức Khổng bị vây ở đất Khuông, đã nói: **Nếu Trời chẳng muốn mất vẻ sáng, thì người đất Khuông làm gì nổi ta.** Như vậy, nếu ta vững niềm tin, tật bệnh, tai ách bất kỳ đều qua khỏi hết, không việc gì phải sợ hãi, cầu cạnh.

## 6. *Hào Thượng Cửu.*

上九： 無妄，行有眚，無攸利。

象曰： 無妄之行，窮之災也。

Thượng Cửu. Vô vọng hành hữu sǎnh. Vô du lợi.

*Tượng viết:*

**Vô vọng chi hành. Cùng chi tai dã.**

**Dịch.**

*Tinh thành còn muốn đi nao?*

*Vấn vương tội lỗi, tổn hao công trình.*

**Hào sáu** kết luận rất khéo léo: đã được **Trời** còn muốn gì nữa. Đã được **Tinh thành**, còn muốn gì nữa?

## ÁP DỤNG QUÊ VÔ VỌNG VÀO THỜI ĐẠI

Ngày xưa, các cụ thường răn con cháu: **Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ**. Ý muốn nói, chúng ta ở trên đời phải làm việc thì mới có ăn, nếu lười biếng thì đói. Ngược lại quê Vô Vọng lại nói, xem chừng như là nghịch lý.

*Không cấy, vẫn gặt mới hay.*

*Chẳng cần ngả ruộng, mà nay ngấu thành.*

Theo tôi, thì chẳng có gì nghịch lý, mà ý quê chỉ muốn nói: **chớ quá tham lam, đèo bòng**. Ở đời có làm thì mới có ăn, nhưng không phải làm quá đáng, hoặc vợ vét quá nhiều, tích tụ của cải cho lắm, mà không còn nghĩ gì đến Đạo lý Thánh Hiền. Ta hãy nhìn xem các Chủng Viện Công Giáo, các Chùa Phật giáo, các nhà tu hành, nơi nơi, nhà nhà, họ chỉ miệt mài Đạo lý, nào đâu thấy ai suốt ngày lo làm việc để kiếm tiền. Nhưng ta có thấy ai trong đám người tu hành mà nghèo khổ? Trái lại, họ còn thừa thãi của cải, đi đến đâu cũng được mọi người sùng kính hơn người thế gian. Sự thật, các Thánh nhân chỉ muốn khuyên ta chớ đắm chìm trong việc kiếm tiền, vì nó chỉ làm cho ta khổ sở, lao đao, càng kiếm lắm, càng mất nhiều, càng khổ sở. Thiên hạ chỉ vì danh, lợi, tiền tài mà sa vào vực thẳm, không lối thoát, chỉ bằng cứ vừa đủ ăn, mặc, nhưng lòng thênh thang lo đạo lý tốt hơn.

Đạo Đức Kinh chương LXIV viết:

*Càng làm, càng lắm tan tành.*

*Càng ôm, càng mất, càng dành, càng vương,*

*Mới hay, đường lối Thánh nhân,*

*Chẳng làm, nên chẳng lo lường bại vong.*

*Thênh thang, dạ chẳng đèo bòng,*

*Khỏi điều mất mát, đỡ công tàn phiền.*

**Ngày nay**, con người sống chạy theo đà văn minh vật chất, nên có nhiều nhu cầu đòi hỏi; do đó chúng ta phải vất vả, bon chen với cuộc sống hàng ngày. Vì công việc làm, vì sinh kế, vì lo lắng giải quyết những công chuyện đã hoặc sắp xảy ra, nên đầu óc chúng ta luôn mệt mỏi, có nhiều người trọn ngày không có lấy 1 giờ là của riêng mình, để mà sống cho yên tĩnh. Chúng ta sẽ

như những chiếc lá vàng bị cơn lốc đời lôi cuốn, không biết sẽ đi đến đâu, nếu chúng ta không chịu bình tâm suy nghĩ để thay đổi cách sống, cách suy tư.

**Giàu nghèo Trời đã định, hoạn nạn có số phần.** Thánh nhân cũng không tránh được những biến cố bất kỳ.

Ví dụ: Văn Vương bị nạn ở Dũ Lý, Khổng tử bị Thúc Tôn, Võ Thúc chê bai (LN, XIX, 24).

**Cho nên, tốt hơn hết chúng ta nên sống cho thoải mái,** đừng quá tham mà làm khổ xác thân, đừng quá say mê chạy theo **vật chất**, mà quên mất sự bồi bổ **tinh thần**.

**Nếu, khi đã tới tuổi 60,** mà ta vẫn ham danh, lợi, tiền tài, vật dục, là ta đã đi nhầm đường rồi, phải kíp thời dừng bước, mà ngả theo Chính đạo, nếu không sẽ quá muộn, lúc trăm tuổi không biết sẽ về đâu, và rất lo sợ khi Tử thần tới rước.

**Theo tôi, thể xác con người chỉ là 1 thứ người máy,** hoạt động, suy tư được là nhờ có **Thần** nhập. Vậy tại sao ta không bồi bổ cho **Thần của ta** bằng cách suy tư, thánh thiện, mà lại chạy theo đường vật dục, để bồi bổ cho **người máy của ta vậy?**

## 26. 山天大畜 SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Đại Súc Tự Quái	大畜序卦
Hữu Vô Vọng	有無妄
Nhiên hậu khả Súc.	然後可畜
Cố thụ chi dĩ Đại Súc.	故受之以大畜

### Đại Súc Tự quái

*Hết lâm, nhân đức theo thời chứa chan,  
Cho nên Đại Súc tiếp hàng.*

Quẻ Đại Súc đề cập đến 4 vấn đề:

- 1) Phải lo sao để trở nên một người uân súc về mọi phương diện: đạo đức, tài trí (Thoán & Tượng) (Uân súc).
- 2) Phải trọng hiền tài. Nuôi dưỡng hiền tài. (Súc= Súc dưỡng) (Thoán)
- 3) Người quân tử khi bị ngăn chặn, đừng vội tiến. (Súc = Súc chỉ) (Hào 1, 2, 3).
- 4) Phương pháp ngăn chặn tội ác (Hào 4, 5)(Súc chỉ).

**Đại Súc gồm 3 nghĩa:**

**1) Súc tích, Uân súc. 2) Súc dưỡng. 3) Súc chỉ.**

Thoán, Tượng bàn về Súc tích, Hào bàn về Súc chỉ.

## I. Thoán.

*Thoán Từ.*

大畜 . 利貞 . 不家食 . 吉 . 利涉大川 .

**Đại súc. Lợi trinh. Bất gia thực. Cát. Lợi thiệp đại xuyên.**

**Dịch. Thoán Từ.**

*Đại Súc: Hàm súc rồi rào,  
Lại còn chính đáng, thanh cao mới là.  
Nếu đem thân giúp quốc gia,  
Đầu qua sông lớn, vẫn là điều hay.*

**Thoán Từ** đại khái nói: Người quân tử muốn ra giúp đời, phải hàm tàng, uẩn súc đạo đức, học thức, tài trí, cho nhiều, cho hay mới là Đại Súc. Nói là uẩn súc, nhưng phải uẩn súc chính lý, chính đạo mới hay (**Lợi trinh**), chứ không phải uẩn súc dị đoan, tà thuyết.

Nhưng người đã súc tích, hàm tàng kinh luân, sử sách, có tài, có đức cao siêu, thời nên được dùng vào đại công, đại sự, giúp ích cho nước, cho dân, hưởng lộc thiên hạ mới hay. Vì thế mới nói: **Bất gia thực cát**. Những người đó sẽ là những người cứu nguy, cứu nạn cho thiên hạ mỗi khi cần đến (**Lợi thiệp đại xuyên**).

**Thoán Truyện.**

彖曰：大畜 . 剛健 . 篤實輝光 . 日新其德 . 剛上而尚賢 . 能止健 . 大正也 . 不家食吉 . 養賢也 . 利涉大川 . 應乎天也 .

*Thoán viết:*

**Đại Súc. Cương kiên. Đốc thực huy quang. Nhật tân kỳ đức. Cương thượng nhi thượng hiền. Năng chỉ kiên. Đại chính dã. Bất gia thực cát. Dưỡng hiền dã. Lợi thiệp đại xuyên. Ứng hồ Thiên dã.**

**Dịch. Thoán Truyện.**

*Thoán rằng: Dững mãnh, cương kiên,  
Trong thời hàm súc, ngoài thêm huy hoàng.  
Đức hành, ngày một sửa sang,  
Hiền lương một dạ nể nang, tôn vì.  
Dừng nơi hoàn thiện, siêu vi,  
Sắt son ngay chính, muôn bề thanh cao.  
Tài đem giúp nước, mới hào,  
Ơn vua, lộc nước, rồi rào lo chi.  
Thành công, cứu nạn, phò nguy,  
Như băng sông lớn, đúng y Mệnh Trời.*

**Thoán Truyện** bình thêm rằng: những người hàm súc tài đức tới mức cao độ, như vậy ắt có một tâm thân cương kiên, thiết thạch, ắt có thực tài, thực đức, đến nỗi quang huy phát lộ cả ra ngoài (**Cương kiên. Đốc thực huy quang**), mỗi ngày lại thấy hiển lộ thêm đường nhân, nẻo đức (**Nhật tân kỳ đức**). Thoán còn dạy, phải tôn hiền, thượng hiền, cấp dưỡng cho những bậc hiền tài, vì họ là những bậc chính nhân, quân tử, đại minh, đại chính, hành động ứng hợp với Trời, sẽ ngăn chặn được những kẻ cường mãnh, sẽ giải nguy, cứu khổ được cho đất nước sau

này (Cương thượng nhi thượng hiên. Năng chỉ kiện. Đại chính dã. Lợi thiệp đại xuyên. Ứng hồ Thiên dã).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：天在山中。大畜。君子以多識前言往行。以畜其德。

*Tượng viết:* Thiên tại sơn trung. Đại Súc. Quân tử dĩ đa chí tiền ngôn vãng hạnh.

**Dĩ súc kỳ đức.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Đại Súc, núi có Trời trong,*

*Lời xưa, tích cũ, ghi lòng mới hay.*

*Việc xưa chất chứa dạ này,*

*Hiên nhân cố gắng chứa đầy đức nhân.*

Đại Tượng khuyên người quân tử phải bắt chước núi, có ngọc ẩn, châu tàng, mà lo uẩn súc ngôn hạnh của Thánh Hiên, để mình trở nên một bậc đại trí, đại giác, đại đức, đại tài, làm vẻ vang cho đất nước.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Ba Hào dưới thuộc Kiên (Cương kiện). bàn về thái độ của quân tử khi gặp ngăn trở, ngăn chặn.

Ba Hào trên thuộc Cấn (Chi). Ba Hào trên bàn ngược lại về cách ngăn chặn tội khiên.

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九：有厲利已。

象曰。有厲利已。不犯災也。

**Sơ Cửu. Hữu lệ. Lợi dĩ.**

*Tượng viết:*

**Hữu lệ lợi dĩ. Bất phạm tai dã.**

**Dịch.**

*Hào Sơ: Phía trước hiểm nguy,*

*Dừng chân đứng lại, có bề lợi hơn.*

**Tượng rằng:**

*Thấy nguy, dừng lại lợi hơn,*

*Ấy là chẳng chuốc nguy nan cho mình.*

Người quân tử ở **Hào Sơ** là Dương cương đắc chính, thể Kiên nên muốn tiến lên, nhưng bị Lục tứ ngăn chặn. Nếu Sơ cố tiến lên sẽ gặp nguy (**Hữu lệ**), nên dừng lại mới hay (**Lợi dĩ**). Khi cần dừng lại để khỏi mang tai, mắc họa, thời nên dừng lại (*Tượng viết: Hữu lệ lợi dĩ. Bất phạm tai dã*).

### 2. Hào Cửu nhị.

九二：輿說輻。

象曰：輿說輻。中無尤也。

Cửu nhị. Dư thoát phúc.

*Tượng viết:*

**Dư thoát phúc. Trung vô cửu dã.**

**Dịch.**

*Cửu nhị: Xe trút nhíp xe.*

**Tượng rằng:** *Xe trút nhíp xe.*

*Mình dừng đúng lúc, ai chê được nào.*

**Cửu nhị** Dương cương đắc trung, tuy có thể tiến được, nhưng bị Cửu ngũ ngăn chặn. Cửu nhị biết thời cơ chưa thể tiến, nên tự ý rút nhíp bánh xe, dừng lại không đi lên vội, **tri thời thức thế** (**Cửu nhị. Dư thoát phúc.**) (*Tượng viết: Dư thoát phúc. Trung vô cửu dã.*)

### 3. Hào Cửu tam.

九三。良馬逐。利艱貞。曰閑輿衛。利有攸往。

象曰。利有攸往。上合志也。

**Cửu tam. Lương mã trục. Lợi gian trinh. Nhật nhân dư vệ. Lợi hữu du vãng.**

*Tượng viết:*

**Lợi hữu du vãng. Thượng hợp chí dã.**

**Dịch.**

*Cửu tam: Thỏa chí tang bồng,*

*Như đôi lương mã, vó tung dậm trường.*

*Nên phòng nguy hiểm, nhiều nhưong,*

*Rong xe cho khéo, đề phòng cho hay.*

*Ruổi rong như vậy, lợi thay.*

**Tượng rằng:**

*Ruổi rong mà lợi, mà hay,*

*Là vì trên muốn in tà như ta.*

**Hào Ba** là Hào trên hết Nội quái, lại ứng với trên là Thượng Cửu, cũng là Dương Cương, đồng tâm, đồng đức với mình. Hào Ba ngụ ý rằng: Người quân tử tài đức song toàn, mà lại không bị ngăn chặn, lại gặp người trên đồng tâm, đồng chí, thời sẽ như tuấn mã ruổi rong dậm trường (**Cửu tam. Lương mã trục**). Tuy nhiên, đường đời gian nan, cần phải xử sự cho mình chính mới hay (**Lợi gian trinh**), lại phải gia ý đề phòng, chuẩn bị đối phó luôn với mọi hoàn cảnh, y như người rong xe đường trường, dự bị đủ đồ đi đường, khí giới phòng thân (**Nhật nhân dư vệ. Lợi hữu du vãng**). Sở dĩ mình hành động mà hay, mà lợi, chính là vì đã gặp người đồng tâm, đồng chí với mình. (*Tượng viết: Lợi hữu du vãng. Thượng hợp chí dã.*)



#### 4. *Hào Lục tứ.*

六四 . 童豕之牯 . 元吉 .

象曰 . 六四元吉 . 有喜也 .

**Lục tứ. Đồng ngư chi cốc. Nguyên cát.**

**Tượng viết:**

**Lục tứ nguyên cát. Hữu hĩ dã.**

**Dịch.**

*Trâu non đã đóng gông sừng.*

*Đóng gông sừng sớm, đề chừng mới hay.*

**Tượng rằng:**

*Lục ngũ mà hay,*

*Thực là hạnh phúc, mắn may cho đời.*

**Hào Bốn** bàn về phương pháp ngăn chặn tà quỷ, ngăn chặn ác nhân. Lục tứ tượng trưng cho một đại thần, trên thì phải ngăn tà tâm của vua, dưới phải ngăn ác nhân trong thiên hạ. Phàm muốn ngăn ác, phải ngăn ngay khi chúng chưa phát, cũng như muốn cho trâu khởi húc, phải đóng gông sừng từ khi chúng còn non (**Đồng ngư chi cốc**). Thế là phép trừng ác hiệu quả nhất (**Nguyên cát**). Như vậy người trên không hao tổn sức lực, người dưới không bị tổn thương. cả hai bên cùng vui vẻ cả (**Tượng viết: Lục tứ nguyên cát. Hữu hĩ dã**).

#### 5. *Hào Lục ngũ.*

六五 : 豮豕之牙 . 吉 .

象曰 : 六五之吉 . 有慶也 .

**Lục ngũ. Phần thỉ chi nha. Cát.**

**Tượng viết:**

**Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã.**

**Dịch.**

*Răng nanh lợn hoạn vẫn hay,*

*Hoạn rồi, lợn hết hăng say, cắn người.*

**Tượng rằng:** *Lục ngũ mà hay,*

*Thực là hạnh phúc, mắn may cho đời.*

Chẳng những cấm ác, phải cấm từ khi chúng chưa phát, mà lại phải trừ đến nguyên nhân. Ví như con lợn có nanh, húc càn, cắn bậy. Ta làm hàng rào vây nó, hoặc trói nó, bẻ răng nó, thì tính hung hăng nó vẫn còn; nhưng nếu cứ để răng cho nó, nhưng đem hoạn nó đi, nó sẽ trở nên hiền lành. Vì thế nói: **Phần thỉ chi nha. Cát**.

Đối với con người cũng vậy, ngăn ngừa ác độc của họ, không phải bằng hình phạt, ngục tù, mà phải bằng **giáo hóa**. Phải cải cái tâm của họ, thay vì gông cùm, trướng trói họ. Tâm con người đã hoạn cải, họ sẽ hết làm bậy. Mới hay trị ác có phương pháp, ác mới hết được, và như vậy dân mới được cải hóa, mới được phúc khánh. (**Tượng viết: Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã**).

## 6. *Hào Thượng Cửu.*

上九：何天之衢。亨。

象曰：何天之衢。道大行也。

Thượng Cửu. **Hà Thiên chi cù. Hanh.**

*Tượng viết:*

**Hà Thiên chi cù. Đạo đại hành dã.**

**Dịch.**

*Đường Trời rộng rãi là đây,*

*Đường Trời thẳng đặng, mấn may quá chừng.*

*Tượng rằng:*

*Đường Trời rộng mở từ đây.*

*Là vì Thiên Đạo, tới ngày phổ thông.*

Khi mọi người đã cải hóa rồi, khi đại đạo đã được thi hành rồi, thì cần chi phải ngăn chặn, chèn ép ai làm chi nữa. Hãy để cho mọi người mặc tình rong ruổi đường Trời (**Hà Thiên chi cù. Hanh.***Tượng viết: Hà Thiên chi cù hanh dã*)

## **ÁP DỤNG QUÊ ĐẠI SỨC VÀO THỜI ĐẠI**

**Xưa**, con đường duy nhất để góp mặt với đời là ta phải lầu thông kinh sử, đạo lý Thánh hiền. Mười năm đèn sách, nếu đường công danh mà hanh thông, thì sau khi đậu sẽ được bổ nhiệm làm quan, cai trị dân. Trong dân gian có 4 giai cấp: **Sĩ, Nông, Công, Thương.**

- **Sĩ:** là giai cấp cao nhất, là những người đức hạnh, học vấn, tài trí hơn người, khi đỗ ra nhà vua sẽ tùy theo sức học, thi đậu cao thấp, mà bổ nhiệm làm quan, cai trị dân.

- **Nông:** Thứ nhì là giai cấp làm ruộng. Giai cấp này là nòng cốt kinh tế cho quốc gia.

- **Công:** Kế đến là giai cấp thợ thuyền. Họ chỉ có những sáng kiến thô sơ, mục đích là tạo ra những sản phẩm, đáp ứng với nhu cầu của quần chúng.

- **Thương:** Giai cấp thương mại là giai cấp thấp nhất, họ chỉ buôn bán, trao đổi với nhau trong nước, ít người làm ăn có tính cách rộng lớn ra đến nước lân cận. Dù họ giàu có chẳng nữa, họ cũng không được dân trọng như giai cấp sĩ phu. Do đó, những bậc cha mẹ luôn luôn lo đào tạo con mình, không những về học vấn, tài trí, mà còn về đạo đức nữa, để mai sau xứng đáng là bậc **Cha mẹ dân.**

**Nay**, con đường học vấn tung ra muôn ngả, giai cấp **Sĩ phu** không còn được quý trọng như xưa, **Nông nghiệp** không còn là nền kinh tế độc quyền. Giai cấp **Thương Mại**, vì có khi buôn bán với người ngoại quốc, nên cũng cần phải có đôi chút học thức, do đó giai cấp này được nâng cao hơn. Thêm vào, giai cấp **Công nghệ**, theo đà văn minh, khoa học ngày một tiến, các sinh viên phải đi du học, để thu thập tài năng, kinh nghiệm nơi nước người, những người này phải có học lực tương đương với ngành sĩ phu, thì mới mong thái được nền học vấn xứ người. Ngày nay, hầu như không còn phân chia giai cấp như trước nữa, và các bậc cha mẹ đã bớt khắt khe với vấn đề dạy dỗ con cái, do đó **đạo đức thật lùi**, đồng thời **văn minh vật chất** tiến lên vùn vụt. Các cử

nhân, tiến sĩ, thạc sĩ của tất cả các ngành ra đời, nhưng những mảnh bằng đó chỉ có giá trị nghề nghiệp, lương bổng, mà không có giá trị về tinh thần đạo đức như xưa, do đó họ không được dân kính trọng như các bậc sĩ phu khi xưa.

Cũng có nhiều người trong số **Khoa bảng ngày nay**, họ cũng nhận thấy sự thiếu sót của mình, nên cũng cố gắng để thì giờ nghiên cứu, học hỏi thêm những cái hay, cái đẹp của người xưa, nhưng rất ít người theo kịp được đạo đức của người xưa, vì đà cảm dỗ của văn minh vật chất quá mạnh.

Với sự phân tích trên, cho ta thấy nếu **ngành giáo dục** không mau mau cải tiến từ lớp mẫu giáo cho đến đại học, thì mai sau lớp trẻ sẽ khó rắn dạy đến đâu, và sự thiếu căn bản đạo đức sẽ đưa nhân loại đến hậu quả như thế nào, khó ai đoán biết, đó là lý do về **phương diện gia đình**, nhiều cặp vợ chồng trẻ ngày nay không muốn sinh con.

Về **phương diện Xã Hội**, nếu nhà cầm quyền chuyên dùng hình phạt mà trị dân, thì dân sợ mà bớt phạm pháp, nhưng chẳng biết xấu hổ. Vậy muốn dẫn dắt dân, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh, lễ nghĩa, thì dân vừa biết xấu hổ, vừa được cảm hóa. Tóm lại, **dân theo lễ nghĩa, thời nước sẽ thanh bình.**

## 27. 山雷頤 SON LÔI DI

### Di Tự Quái

Vật súc nhiên hậu khả dưỡng.

Cố thụ chi dĩ Di.

Di giả dưỡng dã.

### 頤序卦

物畜然後可養

故受之以頤

頤者養也

### Di Tự Quái

*Một khi súc tu, lo đàng dưỡng nuôi.*

*Cho nên Di mới nối đuôi.*

*Di là di dưỡng, muôn loài trước sau.*

Di trên dưới có 2 Hào Dương, giữa 4 Hào Âm, trên là Cấn = Núi, là đứng yên. Dưới là Chấn = Sấm = là cử động, tượng trưng cho cái mồm, trên dưới có 2 hàm răng cứng, giữa là miệng, lưỡi trống hoặc mềm; lại có 2 hàm: hàm trên không cử động, hàm dưới cử động.

Trong quẻ Di có **Tượng mồm miệng**, Thánh nhân mới nghĩ đến vấn đề di dưỡng, chứ không nói rằng ăn uống, vì chữ di dưỡng bao quát hơn vấn đề ăn uống. Ta có thể nói: **Di dưỡng tinh thần, đức hạnh, thân xác, tha nhân.**

## I. Thoán.

**Thoán Từ.**

**頤：貞吉。觀頤。自求口實。**

**Di: Trinh cát. Quan Di. Tự cầu khẩu thực.**

**Dịch.**

*Hay thay công cuộc dưỡng nuôi.*

*Hãy xem lễ lối người đời kiếm ăn.*

**Di là dưỡng:** dưỡng kỹ, dưỡng nhân, nhưng phải cho hợp lý, hợp nghĩa mới hay. Vì thế mới nói **Di. Trinh cát.** Di có 2 phương diện. Trình tử cho đó là: Dưỡng kỹ và Dưỡng thân. Chu Hi cho là Dưỡng đức và Dưỡng thân.

Chu Hi giải 2 chữ: **Quan Di** là xem mình chú ý đi dưỡng cái gì nơi con người, **Tự cầu khẩu thực** = Cách thể sinh nhai.

### **Thoán Truyện.**

象曰：頤。貞吉。養正則吉也。觀頤。觀其所養也。自求口實。觀其自鄩也。天地養萬物。聖人養賢。以及萬民。頤之時義大矣哉。

*Thoán viết:*

**Di. Trinh cát. Dưỡng chính tắc cát dã. Quan Di. Quan kỳ sở dưỡng dã. Tự cầu khẩu thực. Quan kỳ tự dưỡng dã. Thiên địa dưỡng vạn vật. Thánh nhân dưỡng hiền. Dĩ cập vạn dân. Di chi thời đại hĩ tai.**

**Dịch.**

*Dưỡng sinh, mà tốt, mà hay.*

*Tốt, vì hợp lẽ chính ngay đất Trời,*

*Xem nuôi, xem dưỡng những ai.*

*Lại xem cung cách sinh nhai mỗi người.*

*Đất trời nuôi dưỡng muôn loài*

*Thánh nhân dưỡng dục hiền tài, vì dân.*

*Dưỡng sinh, nghĩa rất cao thâm,*

*Tùy thời dưỡng dục, mừi phân vẹn mừi.*

Trời đất sinh vạn vật, tức phải lo nuôi dưỡng vạn vật. Thảo mộc, cỏ hoa, ngũ cốc, nước nôi, không khí tràn đầy mặt đất, chẳng phải để dưỡng nuôi vạn vật là gì?

Thánh nhân cai trị thiên hạ, cũng phải lo nuôi dưỡng thiên hạ. Trị dân mà để dân đói, dân khổ, thời trị dân làm gì? Tuy nhiên, thiên hạ thời bao la, sức một người không sao gánh vác xuể, vì vậy Thánh nhân có bốn phạm chiêu hiền, đãi sĩ, tìm những người hay, người giỏi về cộng tác với mình, cho họ bổng lộc, để họ cùng mình thi ân trạch xuống bá tánh, nuôi dưỡng bá tánh, như vậy mới là biết trị dân (**Thiên địa dưỡng vạn vật. Thánh nhân dưỡng hiền dĩ cập vạn dân**). Hiểu nghĩa chữ Di, biết tùy thời dưỡng kỹ, dưỡng nhân, thật là cao đẹp vậy. (**Di chi thời đại hĩ tai**).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰：山下有雷。頤。君子以慎言語。節飲食。

*Tượng viết:*

**Sơn hạ hữu lôi. Di. Quân tử dĩ thận ngôn ngữ. Tiết ẩm thực.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Ven non Sấm động là Di,*

*Hiền nhân ăn nói, hai bề vẹn hai,  
Nói thời cẩn thận từng lời.  
Ăn thời chừng mực, hấn hoi, đường hoàng.*

**Đại Tượng** nhân Tượng quẻ Di là mồm mép, khuyên ta nên: 1)- Thân trọng trong khi ăn nói.  
2)- Tiết độ trong khi ăn uống. Đó là 2 bài học rất chí lý.

Thơ Bạch Khuê, trong Đại Nhã kinh Thi có 4 câu được Tạ Quang Phát dịch như sau:

*Ngọc Bạch Khuê bị chày, bị mễ,  
Mài láng tron, có thể thành công.  
Lời sai lầm, chót nói xong,  
Chẳng làm gì được, răn lòng khắc ghi.*

Ông Nam Dung thích đọc thơ này, và cố theo đó giữ gìn lời ăn, tiếng nói, nên Đức Khổng đã đem cháu gái gả cho (LN, XI, 5). Khi Đức Khổng vào thăm miếu của tổ tiên nhà Châu là Hậu Tắc, ngài thấy trước thềm bên phải, có một người vàng, miệng niêm phong 3 đợt, sau lưng có khắc những lời đại loại như sau:

*Đây là Tượng một người xưa.  
Lời ăn, tiếng nói, đắn đo giữ gìn.  
Gương xưa, ta cũng nên xem,  
Nói năng cẩn trọng, hãy nên lo lường.  
(Khổng tử gia ngữ, chương Tắc miếu)*

### III. Hào Từ & Tiêu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九： 舍爾靈龜。觀我朵頤。凶。

象曰： 觀我朵頤。亦不足貴也。

Sơ Cửu. Xả nhĩ linh qui. Quan ngã đóa Di. Hung.

Tượng viết:

Quan ngã đóa Di. Diệc bất túc quý dã.

Dịch.

Xấu thay người bỏ rùa linh (thần trong ta).

Trẻ môi, há miệng, mà nhìn xem ta.

**Tượng rằng:** Trẻ miệng nhìn ta (thèm ăn),

Thời đâu còn đáng gọi là thanh tao.

**Hào Sơ** có thể giải 3 cách:

1) Đường đường tu mi, nam tử mà không tin vào tài trí mình, có thể tự lực, cánh sinh mà phải bám vào người để cầu thực, thì chẳng ra gì (Hào tứ). Vì thế Tứ mới chê Sơ: Người có rùa linh = Có trí huệ, mà trẻ môi, há miệng, thèm thường đứng nhìn ta, thời đâu có hay.

2) Mê dục tình, mà táng khí tiết, thời đâu có hay.

3) Mình có nguồn đạo đức, có tàn lửa Thiên Chân bên mình, tại sao cứ chạy đi tìm những điều giả tạo bên ngoài, thế là đóng cửa đi ăn mày, thế là **Thần lửa mà phải đi xin lửa**. Những người như vậy, làm sao mà đáng quý được.

### 2. **Hào Lục nhị.**

六二： 顛頤 . 拂經 . 于丘頤 . 征凶 .

象曰： 六二征凶 . 行失類也 .

Lục nhị. **Điên Di. Phất kinh vu khuru Di. Chinh hung.**

*Tượng viết:*

**Lục nhị chinh hung. Hành thất loại dã.**

**Dịch.**

*Trên quay xuống dưới xin ăn,  
Thế là trái với lẽ hằng thế gian,  
Nhược bằng cầu cạnh người sang,  
Người trên xa lạ, bắc quàng hay chi.  
**Tượng rằng:** Có vượn, có vói, hay gì,  
Đôi bên đâu có tông chi, họ hàng.*

**Hào hai** đề cập đến một hạng người không có óc tự tin, óc độc lập, không biết tự lực cánh sinh, mà những mong dựa vào người dưới, hoặc người trên để kiếm ăn.

Đáng lý mình nuôi người dưới mới phải, nay lại cầu người dưới nuôi mình (Cầu Sư Hào), thế là đảo lộn nghĩa lý (**Điên Di**), thế là nghịch với lẽ thường (**Phất kinh**). Ngoài ra trông vào những người trên không có liên lạc gì với mình (**Thượng lục**) để cầu thực, thì làm sao mà hay, mà toại nguyện được (**Vu khuru Di. Vãng hung**). Cái không hay là đã dựa vào những người không đồng chí hướng với mình (**Thất loại dã**). (Hào Lục nhị Âm; Hào Sơ, Hào Thượng đều Dương, thế là thất loại).

### 3. **Hào Lục tam.**

六三： 拂頤 . 貞凶 . 十年勿用 . 無攸利 .

象曰： 十年勿用 . 道大悖也 .

Lục tam. **Phất Di. Trinh hung. Thập niên vật dụng. Vô du lợi.**

*Tượng viết:*

**Thập niên vật dụng. Đạo đại bội dã.**

**Dịch.**

*Mưu sinh trái với đạo thường,  
Mưu sinh mà đến bất lương, hay gì.  
Cuối cùng sẽ chẳng ra chi,  
Mưu toan dẫu lắm, chung kỳ cũng toi.*

**Tượng rằng:** *Chung cuộc cũng toi,*

*Là vì trái với đạo Trời quá đa.*

**Hào Ba** đề cập đến một hạng người đi sai đường lối của Di. Phàm con người ta, phải lo đi dưỡng tinh thần hơn là thể chất. Phải có những phương thế mưu sinh chính đáng, hẳn hoi, mới là đúng đạo lý của Di. Nếu phóng túng dục tình, chỉ lo thỏa mãn khẩu phúc, chỉ chìm đắm trong thanh sắc, lại có những đường lối sinh nhai bất chính, thì làm sao mà có một chung cuộc hay ho được (**Lục tam. Phất Di. Trinh hung. Thập niên vật dụng. Vô du lợi**).

#### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 顛頤吉 . 虎視眈眈 . 其欲逐逐 . 無咎 .

象曰 . 顛頤之吉 . 上施光也 .

**Lục tứ. Diên Di cát. Hồ thị đam đam. Kỳ dục trực trực. Vô cữu.**

**Tượng viết:**

**Diên Di chi cát. Thượng thi quang dã.**

**Dịch.**

*Hạ mình cầu cạnh với người,  
Cầu hiền chỉ giáo, hay thời đã hay,  
Đăm đăm, chăm chú bấy chầy,  
Như hùm rình rập, khôn khuây tác lòng.  
Luôn luôn, những ngóng, cùng trông,  
Trông người phụ bật, ai hồng cười chê.*

**Tượng rằng:**

*Hạ mình cầu cạnh, là hay,  
Vì mình muốn sáng soi người gần xa.*

**Lục tứ** là người có trách nhiệm dưỡng nuôi dân chúng, tuy mình vô tài (**Âm nhu**), nhưng biết khuất kỷ, cầu hiền (**Hào Sơ Cửu**); lòng lại đăm đăm, bo thiết, (**Hồ thị đăm đăm**), lòng bao giờ cũng canh cánh (**Kỳ dục trực trực**), muốn dụng hiền cho hay, dưỡng dân cho phải, thì dầu mình làm một điều ngược với lẽ Trời, là nương vào tài đức của người hơn là trông vào thực lực của mình, cũng chẳng có lỗi gì (**Diên Di chi cát**). Hơn thế nữa, đó là cách trị dân quang minh vậy (**Thượng thi quang dã**).

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 拂經 . 居貞吉 . 不可涉大川 .

象曰 . 居貞之吉 . 順以從上也 .

**Lục ngũ. Phất kinh. Cư trinh cát. Bất khả thiệp đại xuyên.**

**Tượng viết:**

**Cư trinh chi cát. Thuận dĩ tòng thượng dã.**

**Dịch.**



Hạ mình, chịu nhún nhờ người,  
Thế là trái với lẽ đời xưa nay.  
Bền lòng, vững chí, thì hay,  
Nhưng tài sức ấy, khó ngày băng sông.

**Tượng rằng:**

Bền lòng, vững chí, hay thay,  
Là vì theo được người hay trên mình.

Ở vào bậc quốc quân, mà cảm thấy mình còn tài thô, trí thiếu, lại biết hạ mình để nhờ hiền tài (**Thượng Cửu**), chỉ vẽ cho mình biết cách trị dân cho hay, cho khéo, tuy là trái với thông lệ (**Phát kinh**), tuy là không mấy sĩ diện cho mình, nhưng thật ra là điều rất tốt cho thiên hạ, nhất là khi mình lại thật tâm dùng người hiền đức, nghe lời người hiền đức (**Thuận dĩ tòng thượng dã**).

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九： 由頤 . 厲吉 . 利涉大川 .

象曰： 由頤厲吉 . 大有慶也 .

**Thượng Cửu. Do Di. Lệ cát. Lợi thiệp đại xuyên.**

**Tượng viết:**

**Do Di lệ cát. Đại hữu khánh dã.**

**Dịch.**

Đứng ra dưỡng dục muôn người,  
Những lo, cùng lắng, hay thời đành hay.  
Dẫu băng sông lớn, băng ngay.  
Khó khăn dẫu mấy, có ngày thành công.

**Tượng rằng:**

Đứng ra dưỡng dục mọi người,  
Những lo, cùng lắng, hay thời đành hay.  
Thấm nhuần ân trạch, đó đây,  
Xa gần, chung hưởng những ngày hân hoan.

**Hào Thượng Cửu** ám chỉ một bậc hiền tài như: Y Doãn, Phó Duyệt, Chu Công, Tử Nha, Khổng Minh đã vì Quân Vương mà gánh vác việc nước, tận tụy một lòng vì nước, vì dân. lo cho dân no ấm (**Do Di**), thì phúc khánh cho quốc gia biết là mấy mươi (**Cát đại hữu khánh dã**).

## ÁP DỤNG QUÊ DI VÀO THỜI ĐẠI

Trong Kinh Dịch, Di là cái môm, nên bàn về Quẻ Di là bàn về di dưỡng. Di dưỡng là một định luật phổ quát:

\*Trời đất di dưỡng vạn vật.

\*Thánh nhân dưỡng hiền, và qua trung gian các hiền tài, dưỡng vạn dân.

\*Con người sinh ra đời chẳng những phải biết lo cho thể xác mình, mà còn phải biết lo cho tinh thần mình nữa:

## I. Lo cho thể xác.

**1. Dưỡng sinh** = động tác, nghỉ ngơi đúng chừng mực. Thật vậy, sống ở thời đại văn minh vật chất này, con người sống như một cái máy. Để kiếm cho được thật nhiều tiền, họ làm việc bất kể thời gian, giờ giấc. Có người vì phải làm công việc quá độ, cơ thể không chịu đựng được, nên sinh ra đủ mọi thứ bệnh.

**2. Dưỡng hình:** Ăn uống, phải thời, đúng lúc. Cũng như trên, vì mãi lo kiếm tiền, nên sự ăn uống thì bạ đâu ăn đó, không có điều độ, không hợp vệ sinh, nên lúc chưa già mà cơ thể đã nhiễm đủ mọi thứ bệnh, mọi thứ ung thư.

**3. Dưỡng đức: Thứ nhất là ta phải kiểm soát lời ăn, tiếng nói.** Các cụ xưa dạy con cháu thường nói: *Bệnh tòng khẩu nhập. Họa tòng khẩu xuất* nghĩa là **bệnh** từ mồm vào, **họa** từ mồm ra. Bệnh tật phần lớn là do ăn uống, tai ương là do mồm sinh. Ta vì ăn nói xô bồ, chê bai, khinh khi mọi người, nên bị mọi người thù oán. Nên ta cần phải biết giữ mồm, giữ miệng. Cho nên, Esopé xưa mới nói: Xấu nhất là cái lưỡi, tốt nhất cũng là cái lưỡi.

## II. Di dưỡng Tinh thần:

Nếu xác ta cần được nuôi, thì tinh thần ta cũng cần được dưỡng như vậy. Ta sống không phải nguyên vì cơm, gạo, bánh mì. Mà ta cần phải đọc thêm nhiều sách vở. Có như vậy ta mới là con người toàn diện. Ngày nay, nước Hoa Kỳ cho ta nhiều cơ hội được đọc sách của bất kỳ Đạo Giáo nào, và cũng không ai bắt ta phải tin gì, hoặc theo đạo nào. Đọc sách không cần đọc nhiều. Cần nghiên ngẫm quyển sách nào mà ta cho rằng đặc ý nhất. Và ta nên nhớ, Thánh Hiền sau trước, không phân Đạo Giáo, đều nói một thứ Chân Lý, đều bàn về Bản thể con người, về Đạo thể vô biên tế mà thôi.

## III. Dưỡng nhân: Lo lắng, nuôi dưỡng muôn dân.

Người làm Chính trị tuy không trực tiếp nuôi dân, nhưng thật ra vẫn gián tiếp nuôi dân. Thực vậy, họ đã lập ra pháp luật để mang an bình, trật tự lại cho mọi người. Nếu không có an bình, trật tự thì làm sao ta giữ nổi miếng ăn.

Hiện nay, ở Mỹ chính phủ đã lo thực phẩm cho dân quá đầy đủ, chẳng những thực phẩm do trong nước sản xuất, mà còn nhập cảng đủ thứ, từ nơi xứ người, nên người dân không bị thiếu thốn về thực phẩm, hay thua sút dân tộc khác. Nhưng nếu con người sinh ra mà chỉ để ý đến thân xác, hoặc ăn uống mà thôi, thì thật quá tầm thường.

**Theo thiển ý của tôi,** Vấn đề di dưỡng phải dung hòa đủ mọi mặt như trên đã nói, thì mới là quân bằng sự đòi hỏi về đời sống của con người. Tức là: **Di dưỡng là: Dưỡng sinh, dưỡng đức, dưỡng hình, dưỡng nhân.**

## 28. 澤風大過 TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Đại Quá Tự Quái

大過序卦

Di giả dưỡng dã.

頤者養也

Bất dưỡng tắc bất khả động. 不養則不可動

Cố thụ chi dĩ Đại Quá. 故受之以大過

### Đại Quá Tự Quái

*Di là di dưỡng muôn loài trước sau,*

*Có nuôi, chuyển động mới mau.*

*Cho nên Đại Quá, lẽ âu tiếp vào.*

Đại Quá là quẻ có 4 Hào Dương bên trong, còn Sơ và Thượng là Âm. Dương quá nhiều hơn Âm, mà Dương là Đại, nên gọi Đại Quá.

Vì vậy, Đại Quá là thời kỳ Quân tử mạnh hơn Tiểu nhân. Nhưng Đại Quá, vì trên dưới là hào Âm cả, nên ví như cái cột mà trên, dưới 2 đầu đã yếu, đã oẻ, khó lòng đứng vững, hay như một cái cây đã khô, vì sinh lực không còn ở gốc, hay ở ngọn nữa. Như vậy Đại Quá chính là một trường hợp khẩn trương phi thường, cần phải có người tài đức phi thường, làm những công chuyện phi thường mới cứu vãn nổi.

Vì thế **Đại Quá vừa là phi thường chi thế, vừa là phi thường chi nhân, chi sự.** Đại Quá là quá cương, nên trong quẻ bàn rằng: muốn làm nên đại công, đại nghiệp, thời cương là hay, nhưng quá cương đến mức quá tự tín, quá khinh thường, khinh thị là dở, phải cẩn trọng mới nên công.

Cương quá mức, làm vượt quá thời, hoạt động mà đến phải rơi xuống hồ (**Đại Quá, trên có Đoài là Hồ, dưới có Tốn = Nhập = rơi vào**). Tuy là những người phi phạm, có tư cách xuất chúng, nhưng đời thường chẳng dung! Cho nên phải biết cẩn thận, lo lắng, đề phòng, xét mình sửa sai, thì mới có thể đáp ứng được Thiên Mệnh.

**Hào Âm mà ở vị âm là quá Nhu.**

**Hào Dương mà ở vị Dương, là quá Cương, không hay. (Âm hào ở Dương vị, Dương hào ở Âm vị mới tốt.)** Thế là dạy con người phải biết lúc Cương, lúc Nhu, lúc Tiến, lúc Thoái, chứ đừng khăng khăng một mực.

#### I. Thoán.

##### *Thoán Từ.*

大過 . 棟 桡 . 利 有 攸 往 . 亨 .

Đại Quá. Đổng nạo. Lợi hữu du vãng. Hanh.

Dịch.

*Đại Quá là cột yếu chân.*

*Hiền nhân thịnh đạt, tiểu nhân suy tàn.*

*Công trình hãy liệu tính toán,*

*Mưu cầu, rồi sẽ đường hoàng, hanh thông.*

Đại Quá là thời quân tử thịnh, tiểu nhân suy, vì vậy đó chính là lúc để làm những đại công, đại nghiệp (**Lợi hữu du vãng. Hanh**).

##### *Thoán Truyện.*

彖曰：大過 . 大者過也 . 棟 桡 . 本末弱也 . 剛過而中 . 巽而說行 . 利有攸往 . 乃亨 . 大過之時大矣哉 .

*Thoán viết.*

**Đại Quá. Đại giả quá dã. Đông nạo. Bản mặt nhược dã. Cương quá nhi trung. Tôn nhi duyệt hành. Lợi hữu du vãng. Nãi hanh. Đại quá chi thời đại hĩ tai.**

**Dịch.**

*Đại Quá, ấy là to lớn quá,  
Cột đã cong, thượng hạ yếu mềm.  
Cương cường, nhưng vẫn chính chuyên.  
Dịu dàng, vui vẻ, hóa nên công trình,  
Cứ hăng hái, tiến hành công tác.  
Sẽ có ngày hoan lạc, hanh thông,  
Muốn làm đại sự, đại công,  
Gặp thời, gặp vận, mới mong như nguyện.*

**Đại Quá** vì Sơ, Thượng là Âm, mà bốn hào giữa là Dương, tượng như cây cột mà trên, dưới yếu, ở giữa lại cứng, nên không thể đứng thẳng, mà sẽ oè, sẽ cong, vì thế nói: **Đông nạo. Bản mặt nhược dã.** Tuy Dương cương quá thịnh, nhưng Nhị, Ngũ đều đắc trung (**Cương quá nhi trung**). Đại Quá có Tôn ở dưới là **Tôn thuận (Tôn nhi duyệt hành)**, trên có Đoài là hòa duyệt, thời làm công chuyện sẽ đi đến hanh thông (**Lợi hữu du vãng. Nãi hanh**).

Nói cách khác, phạm làm đại công, đại sự, tuy phải cương quyết, nhưng cũng phải hết sức khéo léo, xử sao cho vừa ý, đẹp lòng mọi người, mới dễ nên công. Thời Đại Quá thật là một thời buổi phi thường, nó đòi hỏi những nhân vật phi thường lỗi lạc, những công chuyện phi thường (**Đại Quá chi thời đại hĩ tai**). Xưa, nay đã có bao chuyện phi thường:

- \* Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, thay vì cho con là phi thường
- \* Đức Trần Hưng Đạo đã 3 lần diệt quân Nguyên là một nhân vật phi thường, đã làm nên công chuyện phi thường.
- \* Thám hiểm trên **Cung trăng** là công chuyện phi thường của ngày nay vậy.

**II. Đại Tượng Truyện.**

**象曰：澤滅木。大過。君子以獨立不懼。遯世無悶。**

*Tượng viết: Trạch diệt mộc. Đại Quá. Quân tử dĩ độc lập bất cù. Độn thế vô muộn.*

**Dịch.**

*Tượng rằng: Hồ ngập lụt cây,  
Ấy là câu chuyện xưa nay phi thường.  
Nên người quân tử xem gương,  
Hiên ngang, độc lập, đường đường, sợ chi.  
Dẫu rằng chẳng tiếng tăm gì,  
Sống đời ẩn dật, chẳng khi phiền sầu.*

**Tượng Truyện** bình luận thẳng về những bậc hiền tài, phi phạm, thoát tục, và cho rằng những bậc phi phạm, phải sống cuộc đời phi phạm, phải vượt trội chúng nhân, đừng có lo âu, sợ hãi, buồn phiền. Vì những người tầm thường, làm sao hiểu được những bậc phi thường trong trần thế.

**III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện**

1. 初六：藉用白茅。無咎。

象曰：藉用白茅。柔在下也。

**Hào Sơ Lục.**

**Sơ Lục. Tạ dụng bạch mao. Vô cữu.**

**Tượng viết:** Tạ dụng bạch mao. Nhu tại hạ dã.

**Dịch. Sơ Lục.**

*Cỏ tranh dùng để lót đồ,*

*Một niềm thận trọng, khỏi lo lỗi lầm.*

**Tượng rằng:**

*Cỏ tranh dùng để lót đồ,*

*Vì còn thấp kém, nên lo lỗi lầm.*

**Hào Sơ** dạy bài học cần trọng, cỏ tranh tuy hèn, nếu biết dùng để lót, để trải dưới đất, cho đồ quý khỏi hư, thì lỗi chi đâu.

2. 九二：枯楊生梯。老夫得其女妻。無不利。

象曰：老夫女妻。過以相與也。

**Hào Lục nhị.**

**Lục nhị. Khô dương sinh đề. Lão phu đắc kỳ nữ thê. Vô bất lợi.**

**Tượng viết:** Lão phu nữ thê. Quá dĩ tương dự dã.

**Dịch. Cửu nhị.**

*Dương khô, mà rễ lại sinh,*

*Ông già, mà lại được tình gái trẻ.*

**Âm Dương, tương tế, tương phò.**

*Làm gì mà chẳng hay ho, chu toàn.*

**Tượng rằng:**

*Ông già, mà lấy gái trẻ,*

*Thế thời khắng khít quá đã còn gì.*

**Hào hai** là **Dương cư Âm vị**, thế tức là **Cương, Nhu tương tế**, là **đắc trung, dụng nhu**. Hào 2 là Dương, mà kết với Hào Sơ là Nhu, y như ông già mà lấy được bà vợ trẻ, có khác nào cây Dương dương khô, mà tự nhiên lại sinh rễ, lại sống động lại. Ý muốn nói: Phạm làm đại công, đại sự, mà biết Cương, biết Nhu, biết tiến, biết thoái, cho khéo léo, lại biết dùng những người dưới, thì có thể cạnh tranh được thế cuộc.

3. 九三：棟橈。凶。

象曰：棟橈之凶。不可以有輔也。

**Hào Cửu tam.**

**Cửu tam. Đổng nạo. Hung.**

**Tượng viết:** Đổng nạo chi hung. Bất khả dĩ hữu phụ dã.

## Dịch.

*Cột nhà mà ỏ cái chân.*

*Ổ chân thì chắc nhiều phần chẳng hay.*

### **Tượng rằng:**

*Cột nhà chân chẳng ra chi,*

*Làm sao có kẻ hộ trì giúp công.*

**Hào tam** đã Cương mà lại ở vị Dương, thế là quá Cương. Hào này là hào cuối của quẻ Tốn, mà Tốn có hào Sơ là Âm, y như cây cột bị ỏ chân (**Đông nọ. Hung**).

Quá Cương, quá tự phụ, không coi ai ra gì, thì làm sao mà có người cộng tác, như vậy sẽ như cây cột bị ỏ chân, sẽ làm cho cả tòa nhà bị sụp đổ, đại cuộc sụp đổ (**Đông nọ chi hung. Bất khả dĩ hữu phụ dã**).

## 4. 九四 . 棟隆 . 吉 . 有它吝 .

象曰 . 棟隆之吉 . 不橈乎下也 .

### **Hào Cửu tứ.**

**Cửu tứ. Đông long. Cát. Hữu tha lận.**

**Tượng viết:** Đông long chi cát. Bất nọ hồ hạ dã.

## Dịch.

*Cột cao thời tốt, thời hay,*

*Sinh lòng kia khác, tiếc thay sự tình.*

### **Tượng viết:**

*Cột cao mà tốt, mà hay.*

*Là vì chân chẳng lung lay, ỏ mềm.*

**Cửu tứ** là Dương Cương, mà lại cư Âm, thế nên không quá Cương, lại là Hào dưới cùng của quẻ Đoài. Mà Đoài có 2 hào dưới Dương, hào trên Âm, tức là dưới thực, trên hư, dưới chắc, trên yếu. Vì thế, Cửu tứ gọi lên một cây cột vững vàng (**Đông long cát**). Mình đã vững, đã có thanh thế, đã khéo xử sự, thì đừng có hệ lụy tiểu nhân nữa, kéo sẽ bị chê cười. Hào tứ nói: **Hữu tha lận**, là chớ nên bịn rịn với Sơ, mà sinh lòng kia khác, ví dụ như để củng cố địa vị, mưu cầu tư lợi, như thế sẽ bị chê cười.

## 5. 九五 . 枯楊生華 . 老婦得士夫 . 無咎無譽 .

象曰 . 枯楊生華 . 何可久也 . 老婦士夫 . 亦可丑也 .

### **Hào Cửu ngũ.**

**Cửu ngũ. Khô Dương sinh hoa. Lão phụ đắc kỳ sĩ phu. Vô cửu vô dự.**

**Tượng viết:** Khô Dương sinh hoa. Hà khả cửu dã. Lão phụ sĩ phu. Diệc khả xú dã.

## Dịch Cửu ngũ.

*Dương khô mà lại trổ hoa,*

*Bà già mà lại được chồng là con trai.*

*Chê bai, ai nữ chê bai,*

*Nhưng mà danh giá, có đời nào đâu.*



### **Tượng rằng:**

*Dương khô, mà lại trở hoa,*

*Hoa kia hỏi được sẽ là bao lâu.*

*Vợ già, chồng trẻ hay đâu,*

*Chẳng qua, để hổ cho nhau bấy chầy.*

**Cửu ngũ** là người có tài, có đức, muốn làm nên đại công, đại nghiệp, nhưng thay vì đi sát với quần chúng, lại lo cộng tác với những kẻ tiểu nhân, tuy có địa vị (thượng lục), nhưng không có thực tài, chỉ có hư danh. Như vậy có khác nào một cây Dương đã khô héo, lại còn trở thêm một vài bông hoa (**Khô Dương sinh hoa**), hoa nở sẽ tàn đi, và lồi cuốn theo cả tàn lụi của cây; cũng như chồng trẻ mà lấy phải vợ già, làm sao mà sinh con cái (**Lão phụ đắc kỳ sĩ phu**).

Họ không đáng chê, vì làm chính trị phải tìm vây cánh; nhưng cũng không đáng khen, vì cộng tác với những kẻ tiểu nhân hữu danh, vô thực, thời làm sao nên công (**Vô cửu vô dự**), nhưng chắc họ sẽ lấy làm tự hổ (**Diệc khả xú dã**).

6. 上六 . 過 涉 滅 頂 . 凶 . 無 咎 .

象 曰 . 過 涉 之 凶 . 不 可 咎 也 .

### **Hào Thượng Lục.**

**Thượng Lục. Quá thiệp diệt đỉnh. Hung. Vô cửu.**

**Tượng viết: Quá thiệp chi hung. Bất khả cửu dã.**

**Dịch. Thượng Lục:**

*Quá sâu lội ngập cả đầu,*

*Việc đành rằng xấu, đừng sâu oán ai.*

**Tượng rằng:**

*Lội sâu, chìm ngấm là hung,*

*Thôi đừng oán trách lung tung làm gì.*

**Hào Thượng Lục** đã Nhu, mà lại ở Âm vị, là quá Nhu. Ở cuối quẻ Đại Quá là lúc khó khăn nhất, đòi hỏi một nhân tài phi thường. Nếu không tự lượng, mà cũng cứ ra tay gánh vác bừa, thì có khác nào lội nước quá sâu, ngập lút cả đầu đầu. Xưa nay, biết bao người có lòng tha thiết cứu đời, đã thật sự xả thân cứu đời, nhưng vì tài thô, trí thiếu, không đủ kiến thức, mưu lược, kinh luân, nên đã bị **ngọn trào lịch sử** nhận chìm. Xét việc thành bại thật đáng buồn cho họ, nhưng xét về khí tiết của họ, thì nào có gì đáng chê trách họ đâu.

### **ÁP DỤNG QUẺ ĐẠI QUÁ VÀO THỜI ĐẠI**

Thời đại nào cũng có những người phi phạm, có tài năng, tư cách xuất chúng, nhưng lại chỉ có một số rất ít (phải nói là quá ít), là thành công mà thôi. Tại sao vậy?

Tôi xin mạo muội mượn lời dạy của quẻ Đại Quá trên, mà phân tách: Yếu tố nào đã khiến những người có tài năng hơn người đó lại thất bại. Tôi xin đưa ra 2 trường hợp:

**A) Người làm chính trị:** Họ thất bại là vì có nhiều nguyên do:

1) Vì không có mục đích, môi trường, chủ trương chính đáng.

2) Vì yếu ớt, thiếu lực lượng thì chỉ có 2/10, mà thất bại vì nóng nảy, ương ngạnh, thì có đến 8/10.

Những người này thường cho mình là **chính nhân, quân tử**, mà mọi người khác là **Tiểu nhân**, chỉ **mình là hay**, còn **người khác là dở**.



3) Làm gì cũng muốn thành công mau, kết quả vội. Vì thế bọn tiểu nhân dễ xu phụ, du nhình, làm ra vẻ mặt phục tùng, theo ý thích của họ, làm cho họ trở nên cao ngạo. Họ làm công việc không suy tính, không dựa vào chúng dân, mà lại dựa vào những người hữu danh, vô thực, thì nếu may mắn mà được một chút như ý, thì thử hỏi: **Hoa nở cành khô sống mấy mươi.**

**B. Người có tài năng thật sự:** Như những nhà Bác Học, Khoa Học gia, Kỹ sư phát minh, hoặc những người không có bằng cấp ngoài đời, nhưng họ có tài năng, sáng kiến vượt bậc.

1) **Những nhà Bác Học, Khoa Học gia:** những người này phần lớn được Chính Phủ giúp đỡ về mọi phương diện, nên khi tìm được cái gì, là được công bố kết quả, nên do đó danh vọng dễ lên, vì được nhiều người biết tiếng, tiền tài tương đối cũng khá quan

2) **Những người giỏi, có tài năng, nhưng không có bằng cấp ngoài đời:** Họ biết là họ không có bằng cấp, học lực bằng ai, vì thế họ không kiêu ngạo. Lúc đầu, họ mang hết tài năng, sáng kiến ra để làm những cái nhỏ nhỏ, vừa đủ tài sức họ, sau khi đã thành công, họ mới phát triển lớn ra, và họ dùng tiền mướn những người kỹ sư giỏi về cộng tác, để kiếm tiền cho họ. Do đó số người này, về mặt kiếm tiền khá thành công, vì họ biết cách dùng người.

3) **Những người có tài năng, bằng cấp, óc phát minh:** Những người này là những người chịu thiệt thòi nhất, bị lớp người trên lợi dụng tài năng mình để kiếm tiền cho họ, và còn bị họ che dấu tài năng mình, và chỉ trả mình số lương tối thiểu, so với số lợi tức mà mình đã kiếm ra cho họ.

**Tại sao, những người có tài năng lại bị bóc lột như vậy mà không biết giải quyết . Làm sao có thể giải quyết?**

**Theo thiên ý của tôi:** Những người có thực tài, phải có quyết tâm phát triển tài mình một cách độc lập, nếu có thể nên có những ý kiến sau:

\* Những người có tài, phải cộng tác với nhau thành một khối. Khối này sẽ do một vị anh minh, sáng suốt, có lòng vị tha, không cao ngạo đứng đầu, cùng với một bộ phận gồm nhiều người tài giỏi khác (được bầu) lãnh đạo. Những vị này, trừ vị chỉ huy lúc đầu là chủ tịch, còn chỉ được giữ chức vụ, lương bổng, trong nhiệm kỳ có giới hạn.

\* Chính phủ phải nâng đỡ họ về mặt tài chính lúc đầu để họ và gia đình có đủ phương tiện sống, mà tiến hành công cuộc phát minh. Khi đã thành nếp, thì **lương hướng của họ nhiều, ít sẽ tùy theo sự thành công của họ.**

Thành công của họ phải được công bố trên báo chí, để khuyến khích họ và những người theo sau họ. Như vậy mới công bằng, và như vậy mới có sự cố gắng để tiến lên, và **nhân tài mới có cơ phát triển.**

Ước mong bài **Áp dụng** nhỏ bé này đến tay những ai có tài năng, óc độc lập, lòng cầu tiến, mà chưa đủ hùng tâm, can đảm tiến lên, thì hãy kêu gọi những người tài giỏi, đồng chí với mình đứng lên, mà thực hiện hoài bão, để tránh khỏi cảnh **Người bóc lột người**, và để **người có tài năng có dịp thi thố đúng với khả năng của họ**, thời kẻ viết bài này cũng đã mãn nguyện rồi.

29. 坎為水 KHẨM VI THỦY   
BÁT THUẬN KHẨM

Khảm Tự Quái

坎序卦

Vật bất khả dĩ chung Quá.

陷必有所麗

Cổ thụ chi dĩ Khảm.

故受之以離

Khảm giả hãm dã.

離者麗也

### Khảm Tự Quái

*Sự đòi tiền mãi được sao,*

*Cho nên quẻ Khảm đón, rào, vây, ngăn.*

*Khảm là gặp bước gian truân...*

Khảm là hãm, là mắc kẹt y như quẻ: một Hào Dương kẹt giữa hai Hào Âm. Vì thế Khảm cũng có nghĩa là nguy hiểm. Khảm là nước. Nước giữa giòng thời trong y như một Hào Dương tinh toàn, thanh khiết ở giữa hai hào Âm hai bên.

Khảm là do Hào giữa của Kiền mà thành. Như vậy Khảm là tinh hoa của Trời = Thần = Đạo tâm. Còn Ly là tinh hoa của Đất = Tâm = Hồn = Nhân tâm.

Con người sinh ra, ai cũng có tinh hoa của Trời tàng ẩn trong xác thân, y như một Hào Dương quẻ Khảm kẹt giữa hai hào Âm. Dầu sao Khảm, Ly cũng là trọng tâm của Trời Đất, cũng như Thần và Hồn là trọng tâm của vũ trụ.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

習坎 . 有孚 . 維心亨 . 行有尚 .

**Tập Khảm. Hữu phu. Duy tâm hanh. Hành hữu thượng.**

Dịch.

*Hiểm nguy, sau, trước, chấp chùng,*

*Nếu ta thành khẩn, mới mong thoát nạn,*

*Chân thành, nên thoát nguy nan.*

*Việc làm như vậy, biết làm sao khen?*

### *Thoán Truyện.*

彖曰：習坎 . 重險也 . 水流而不盈 . 行險而不失其信 . 維心亨 . 乃以剛

中也 . 行有尚 . 往有功也 . 天險不可升也 . 地險山川丘陵也 . 王公設險以守其國 . 坎之時用大矣哉 .

*Thoán viết.*

**Tập Khảm. Trùng hiểm dã. Thủy lưu nhi bất doanh. Hành hiểm nhi bất thất kỳ tín. Duy tâm hanh. Nãi dĩ cương trung dã. Hành hữu thượng. Vãng hữu công dã. Thiên hiểm bất khả thăng dã. Địa hiểm sơn xuyên khuru lăng dã. Vương công thiết hiểm dĩ thủ kỳ quốc. Hiểm chi thời dụng đại hĩ tai.**

Dịch.

*Thoán rằng: Nguy hiểm trập trùng ,*

Nước vì trôi chảy, nên không tràn đầy.  
 Trong nguy, lòng vẫn thẳng ngay,  
 Thẳng ngay, may sẽ có ngày thoát nguy.  
 Gắng công, đáng được nể vì,  
 Gắng công, rồi sẽ thoát kỳ vận đen.  
 Trời cao, hiểm trở, khó lên,  
 Đất kia hiểm trở, sơn xuyên trập trùng.  
 Vương công dụng hiểm, bố phòng,  
 Giữ gìn bờ cõi, núi sông an bình.  
 Biết dùng hiểm, cũng lợi hanh,  
 Công trình dụng hiểm, âu đành lớn lao.

Trong **Thoán** quẻ Khảm, Thánh nhân dạy:

- 1) - Phương pháp xử trí khi lâm hiểm.
- 2) - Phương pháp lợi dụng sự hiểm trở.

### 1) Phương pháp xử trí khi lâm hiểm:

Ở đời, hiểm nguy ai cũng thường gặp, nhưng khi gặp nguy hiểm phải xử trí ra sao? Thưa: ta phải thành khẩn, phải bình tĩnh. Gặp nguy mà giữ được lòng thanh thản, không rối rít, sẽ thoát hiểm. Vì thế Thoán nói: Dầu gặp nguy hiểm trập trùng (**Tập hiểm**), mà thành khẩn (**Hữu phu**), mà tâm hồn thanh thản (**Duy tâm hanh**), thì hành động sẽ có kết quả

(**Hành hữu thượng**). Như nước chảy, sẽ thoát qua mọi góc ngách, con người mà thành khẩn sẽ thoát qua mọi gian nguy (**Thủy lưu nhi bất doanh. Hành hiểm nhi bất thất kỳ tín**). Khi gặp hiểm nguy, hãy giữ cho lòng thanh thản, sắt son. (**Duy tâm hanh. Nãi dĩ cương trung dã**.) Thế tức là:

*Sơn hà gặp buổi lao lung,  
 Càng cao tiết ngọc, càng bùng vẻ son.*

Đã sắt son, đã thành khẩn, thì hiểm nguy gì mà không vượt (**Hành hữu thượng. Vãng hữu công dã**).

### 2) Phương pháp dụng hiểm để bảo vệ mình, bảo vệ quốc gia.

\* **Nơi cá nhân:** *Trung tín* chính là giáp trụ, *lễ nghĩa* chính là can qua, để bảo vệ nhân cách con người.

\* **Trong xã hội:** *Chính, Hình, Uy, Thuởng* là những hiểm trở để bảo vệ xã hội.

\* **Trong Quốc gia:** (trong nước) thì lũy cao, hào sâu, núi cao, sông rộng, chính là những hiểm trở để bảo toàn bờ cõi, bảo vệ thành trì. Nhìn vào bản đồ Trung Quốc, ta thấy giới hạn của 3 nước được định bằng những hiểm trở thiên nhiên.

- Nước Ngụy ở phía Bắc, được giới hạn bằng dãy núi Tần Lĩnh, và sông Dương, sông Hoài.

- Nước Ngô ở phía Đông Nam, giới hạn cũng bằng sông Dương, sông Hoài, ngăn Ngô và Ngụy. Và dãy núi phía Tây ngăn Ngô và Thục.

- Nước Thục ở phía Tây đã có tiếng là hiểm trở, trập trùng.

- Các Kinh đô xưa, như Kiều Kinh, Hàm Dương, Lạc Dương cũng thường ở vào những chỗ nhiều sông, lấm núi để làm thế ỷ dốc, bên ngoài muốn tiến đánh rất là khó khăn.

### **DỪNG HIỂM CÓ 2 CÁCH:**

1) Lợi dụng mọi hiểm trở thiên nhiên, để bảo vệ mình (**Hiểm chi dụng**).

2) Lúc gặp ngoại xâm, lại phải tạo thêm hiểm trở (**Hiểm chi thời**).

Nước nào càng lấm hiểm trở thiên nhiên, càng ít bị ngoại xâm. Nước nào có nhiều đường lối xâm nhập, càng dễ bị chinh phục, (đó là **Hiểm chi dụng**).

Chiêm Thành xưa đã triệt để xử dụng Đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cả để bảo vệ đất nước.

Cho nên **Dịch** mới nói: **Hiểm chi thời dụng đại hĩ tai**. Biết dùng hiểm trở, lại biết khi nào phải dùng hiểm trở, để bảo vệ cho dân, cho nước, thì cao siêu biết chừng nào.

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰：水洊至。習坎。君子以常德行。習教事。

*Tượng viết:*

**Thủy tán chí. Tập Khảm. Quân tử dĩ thường đức hạnh. Tập giáo sự.**

**Dịch.**

*Tượng rằng: Nước chảy liên hồi,*

*Đợt này, đợt khác, chẳng ngơi, chẳng ngừng.*

*Nên người quân tử soi gương,*

*Đường nhân, nẻo đức, thời thường chẳng sai.*

*Dạy người liên tục, không ngơi.*

*Thường xuyên nhắc nhở, chẳng rời phép khuôn.*

Dòng nước chảy liên tục, cho ta một bài học khác. Nước chảy không ngừng, vì thế soi mòn được núi non, soi mòn được vàng đá. Vậy nếu con người cũng cố gắng học hỏi, tu thân, tiến đức, dạy dỗ người không ngừng, thì con đường tiến hóa làm gì có hạn định. Thế tức là: **Nước chảy lâu, đá cũng phải mòn**, hay **Có công mài sắt, có ngày nên kim**.

## **III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện**

Sáu Hào toàn bàn về cách xử hiểm.

### **1. Hào Sơ Lục.**

初六。習坎。入于坎廞。凶。

象曰。習坎入坎。失道凶也。

**Sơ Lục. Tập Khảm. Nhập vu Khảm lãm. Hung.**

*Tượng viết:*

**Tập Khảm. Nhập Khảm. Thất đạo hung dã.**

**Dịch. Sơ Lục:**

*Ý mình quen với gian nguy,*

*Sa hãm, sụp hố, hèn gì chẳng hung.*

**Tượng rằng:**

*Ưa nguy, thời sẽ gặp nguy,*

*Không theo chính đạo, hèn gì chẳng hung.*

**Hào Sơ** dạy không nên đùa rỡ với hiểm nguy. Nếu mình cứ xông liều vào nguy hiểm (**Tập Khảm**), ắt sẽ sa vào những hiểm nạn ghê gớm (**Nhập vu khảm hạm**). Như vậy là dờ hết sức(**Hung**). Thế tức là: **Chơi dao có ngày đứt tay.**

Tiểu Tượng bình thêm: đùa rỡ với hiểm nguy là đi sai đường lối của Trời Đất, vì vậy nên hung(**Thất đạo hung dã**).

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 坎有險 . 求小得 .

象曰 . 求小得 . 未出中也 .

**Cửu nhị. Khảm hữu hiểm. Cầu tiểu đắc.**

**Tượng viết:**

**Cầu tiểu đắc. Vị xuất trung dã.**

**Dịch.**

*Anh hùng gặp bước gian nan,*

*Dần dà, từ tốn, tính toán, gỡ lằn.*

**Tượng rằng:**

*Tính toán nhỏ nhỏ được rồi,*

*Giữa cơn hoạn nạn, đừng đòi hỏi hơn.*

**Hào hai** Cương mà lại đắc trung, tức người quân tử biết xử hiểm, biết bảo vệ được mình. Khi gặp gian nguy, đừng vội liều lĩnh để thoát hiểm. Trong giữa cơn biến, mà thâm nhập được thắng lợi, dù nhỏ cũng đã quý, đừng nên quá nóng, quá hấp tấp, quá tham lam. Cũng như nước suối vừa tuôn, tuy còn ít oi, nhưng rồi ra sẽ lan tràn khắp nơi.

## 3. Hào Lục tam.

六三 . 來之坎坎 . 險且枕 . 入于坎窟 . 勿用 .

象曰 . 來之坎坎 . 終無功也 .

**Lục tam. Lai chi Khảm Khảm. Hiểm thả chằm. Nhập vu Khảm lạm. Vật dụng.**

**Tượng viết:**

**Lai chi Khảm Khảm. Chung vô công dã.**

**Dịch.**

*Tiểu nhân mà gặp gian nan,*

*Tiến lui cũng dở, ở càng nguy tai,*

*Nguy nan chông chát bên ngoài,  
Dẫu rằng vùng vẫy, cũng hoài công toi.  
**Tượng rằng:** Lên xuống, đều nguy,  
Cố công, rút cuộc ích gì cho cam.*

Khi gặp gian nguy trập trùng, tiến lên cũng nguy, lui bước cũng nguy, thời đừng nên rói rít, đừng nên vọng động, kéo sẽ nguy khốn thêm.

#### **4. Hào Lục tứ.**

**六四 . 樽酒簋贰 . 用缶 . 納約自牖 . 終無咎 .**

**象曰 . 樽酒簋贰 . 剛柔際也 .**

**Lục tứ. Tôn tửu quĩ nhị dụng phẩu. Nạp ước tự dĩ. Chung vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Tôn tửu quĩ nhị. Cương nhu tế dã.**

**Dịch.**

*Lòng thành, chén rượu, giỏ cơm.*

*Đồ sành lại lấy mà đơm, mà mời.*

*Chuyên qua lỗ cửa dăng người,*

*Chân thành, đạm bạc, ai cười, ai chê.*

**Tượng rằng:** *Chén rượu, giỏ cơm,*

*Cứng mềm, trên dưới, đôi đường giúp nhau.*

Đại khái, Hào này nói: lúc hoạn nạn, lúc nguy nan, vua tôi giao tiếp nhau, nên tính giảm lễ nghi hình thức bên ngoài, nên lấy lòng thành khẩn, chân thực, đối đãi với nhau. Lúc hiểm nạn, thời tặng nhau một bầu rượu, vài giỏ cơm, dùng bát đĩa sành, lại đưa qua cửa sổ, cũng vẫn được, miễn là thành khẩn cùng nhau.

#### **5. Hào Cửu ngũ.**

**九五： 坎不盈 . 只既平 . 無咎 .**

**象曰： 坎不盈 . 中未大也 .**

**Cửu ngũ. Khảm bất doanh. Kỳ ký bình. Vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Khảm bất doanh. Trung vị đại dã.**

**Dịch.**

*Công trình trị hiểm còn vơi,*

*Nhưng mà hiểm sắp thoát rồi, lỗi chi?*

**Tượng rằng:** *Trị hiểm chưa xong,*

*Là vì tài đức chưa trung, chưa tuyền.*

Tuy chưa thoát hiểm, nhưng tình thế đã bớt căng thẳng, y như sông Hoàng Hà, ở Long Môn thì nước còn chảy ào ào, nhưng đến bên Mạnh Tân, thì nước đã phẳng lặng hơn, thuyền bè đã có thể qua lại được.

**Hào Năm**, sở dĩ chưa thoát hiểm, là vì tuy đương sự có tài đức, có ngôi tôn, nhưng vì thiếu hiền thần phụ lực, phò nguy (*Hào nhị cũng là Dương nên không ứng*). Chưa thoát được hiểm, nghĩa là vẫn còn có khuyết điểm, hoặc về chính sách, hoặc về nhân sự, hoặc chưa gặp cơ hội (**Khảm bắt doanh. Trung vị đại dã**).

### 6. Hào Thượng Lục.

上六：係用徽。置于叢棘。三歲不得。凶

象曰：上六失道。凶三歲也。

**Thượng Lục. Hệ dụng huy mặc. Trí vu tòng cực. Tam tuế bất đắc. Hung.**

*Tượng viết:*

**Thượng Lục thất đạo. Hung tam tuế dã.**

**Dịch.**

*Đã thùng, đã chảo trời trăng,*

*Trời rồi, còn đặt giữa vùng góc gai.*

*Hung mà đến thế, thời thôi.*

*Ba năm hồ dễ có mùi thoát nguy.*

**Tượng rằng:** *Thượng Lục lâm đường,*

*Không theo chính đạo, tai ương bầy chầy.*

*Ba năm âu cũng đáng đời . . .*

**Hào 6.** Gặp hiểm nguy cùng cực, mà không biết khéo xử, không biết hồi quá lỗi lầm, thì làm sao thoát hung họa. Lưới tội khiên lúc ấy như thùng, như chảo, trăng trời mình, như gai góc vương mắc mình, nếu không biết tìm đường rũ bỏ, thì làm sao mà chẳng gặp họa hung.

## ÁP DỤNG QUÊ KHẨM VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Khảm trước hết có nghĩa là Nước, thứ đến Khảm có nghĩa là nguy hiểm.

**1. Khảm có nghĩa là Nước.** Dịch dạy ta tiến đức tu thân, bắt chước nước soi mòn vàng đá, và không bao giờ ngưng nghỉ.

**2. Khảm có nghĩa là Nguy hiểm.** Nói đến nguy hiểm, Dịch dạy ta phải biết dùng mọi nguy hiểm của cuộc đời để bảo vệ mình, bảo vệ Quốc Gia.

Khi có chiến tranh, người ta đào đường, đắp ụ, tiêu thổ kháng chiến, đó là gây khó khăn cho bên địch. Ta thấy trong chiến tranh Trung Nhật, thì chính phủ Tưởng Giới Thạch đã bỏ Nam Kinh, Bắc Kinh, là những nơi gần biển dễ chiếm, mà rút về Trùng Khánh (Vân Nam), là nơi khó khăn, hiểm trở hơn. Còn khi Quốc Cộng Trung Hoa giao chiến, thì Mao Trạch Đông đã chọn vùng Thiểm Tây hiểm trở ở phía Bắc, để làm Thủ Đô.

Ta cũng thấy, trước kia Liên Xô đã biết dùng thời tiết băng giá để chống với đại quân của Napoléon, và Hitler, và đã toàn thắng.



Ở Việt Nam, thời Đệ Nhị Cộng Hòa, chỉ cách Saigon vài chục cây số, tại Củ Chi, Việt Cộng đã đào nhiều đường hầm, nằm ngay dưới các cơ sở Quân đội Cộng hòa và Mỹ. Tuy biết là có, nhưng Việt Nam và Mỹ, không làm sao mà tìm ra cách phá được. Vì thế Việt Cộng gọi Củ Chi là Tường Đồng, Vách Sắt. *Mới hay, cái nhìn của người xưa thật là sâu sắc.* Người xưa còn dạy ta: *Khi gặp nguy cơ, phải bình tĩnh giải quyết thời sẽ thoát hiểm.*

Những bài học thực tế trên, có giá trị muôn đời, và bao giờ đem áp dụng cũng thấy hợp thời, hợp thế.

**30. 離 為 火 LY VI HỎA**   
**BÁT THUẦN LY**

**Ly Tụ Quái**

離 序 卦

Hãm tất hữu sở lệ.

陷 必 有 所 麗

Cố thụ chi dĩ Ly.

故 受 之 以 離

Ly giả lệ dã.

離 者 麗 也

**Ly Tụ Quái**

*Gian truân nên mới lo phân dựa nương.*

*Cho nên Ly mới tiếp luôn.*

*Ly là nương tựa, rõ ràng đâu chơi.*

Ly ở nơi quẻ Đơn, có nghĩa là lửa. Nơi quẻ Kép có nghĩa là dựa nương. **Ly là dựa nương.** Mà điểm tựa của con người là sự trung chính.

Ly trong hư, ngoài cương; trong nhu thuận (Âm), ngoài văn minh, sáng láng. Nếu tâm hồn con người luôn luôn thuận phục luật Trời, luôn luôn dựa nương vào sự công chính, thì sẽ một ngày một trở nên sáng láng. Nếu xét về căn cơ nội tại thì:

\*Ly trong có 1 hào Âm, nên chính là Chân Âm, Tượng trưng cho Hồn, cho Tâm (cho lòng người).

\*Khảm trong có 1 hào Dương, nên chính là Chân Dương, tượng trưng cho Đạo Tâm, cho Thần (lòng Trời).

(Quẻ Ly đơn, hào giữa là Âm. **Tu luyện là biến Ly thành Kiền = thành Trời,** tức là phải lấy hào Dương của quẻ Khảm đơn, mà thay thế vào Hào Âm của quẻ Ly, vì Hào Dương của Khảm tượng trưng cho Đạo tâm. Phương pháp này gọi là *Dĩ Khảm điền Ly.*)

**I. Thoán.**

**離 : 利 貞 . 亨 . 畜 牝 牛 . 吉 .**

**Thoán Từ.**

**Ly. Lợi trinh. Hanh. Súc tẫn ngư. Cát.**

### Dịch. Thoán Tì.

*Nương tựa chính trung, lợi lại hay,  
Nhu thuận một lòng sẽ mắn may.  
Ví như nuôi được con trâu cái,  
Vừa khỏe, vừa ngoan, thật tốt thay.*

**Ly là dựa nương.** Phải dựa nương vào sự **công chính**, mới hay, mới lợi (**Ly. Lợi trinh. Hanh**). Phải thuận phục lễ Trời, mới tốt đẹp. Giữ tròn được tấm lòng nhu thuận, tuân phục lễ công chính, cũng ví như nuôi được con trâu cái hiền lành, để bảo, như vậy là tốt, là hay. (**Súc tăn ngưu. Cát**).

### Thoán Truyện.

象曰：離。麗也。日月麗乎天。百谷草木麗乎土。重明以麗乎正。乃化成天下。柔麗乎中正。故亨。是以畜牝牛。吉也。

*Thoán viết.*

**Ly. Lệ dã. Nhật nguyệt lệ hồ thiên. Bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ. Trùng minh dĩ lệ hồ chính. Nãi hóa thành thiên hạ. Nhu lệ hồ trung chính. Cố hanh. Thị dĩ súc tăn ngưu. Cát dã.**

### Dịch. Thoán rằng:

*Ly là bám víu dựa nương,  
Dựa nương, bám víu, lễ thường đôi nơi.  
Kim ô, ngọc thỏ, nương Trời,  
Muôn loài thảo mộc, chẳng rời đất đai.  
Quân thần, trung chính chẳng ngại.  
Thuần phong, mỹ tục khắp nơi thịnh hành.  
Thuận theo trung chính, thời hanh,  
Như nuôi trâu cái, tốt lành mấy mươi.*

**Ly là dựa nương.** Đó là định luật của Trời đất (**Ly lệ dã**). Nhật Nguyệt tinh cầu dựa vào Trời. Cỏ cây dựa vào Đất (**Nhật Nguyệt lệ hồ Thiên. Bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ**). Vậy trong một xã hội, mà vua tôi, trên dưới đều dựa nương vào sự công chính, thì sẽ cải hóa được thiên hạ, sẽ đem được vạn dân tới chỗ tinh thành (**Trùng minh dĩ lệ hồ chính. Nãi hóa thành thiên hạ**). Nếu lòng con người, mà luôn luôn thuận phục Thiên lý, luôn luôn bám víu, luôn luôn dựa nương vào sự công chính, thì hay biết bao nhiêu (**Nhu lệ hồ trung chính. Cố hanh. Thị dĩ súc tăn ngưu cát dã**).

Như vậy, **Thoán** đã dạy con người phải bám víu vào sự công chính mới là quý; chớ đừng nên bám vào tiền tài, chức vị, tha nhân, vì tất cả những thứ đó đều là phù du, ảo ảnh.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰：明兩作離。大人以繼明照于四方。

*Tượng viết. Minh lưỡng tác Ly. Đại nhân dĩ kế minh chiếu vu tứ phương.*

### **Dịch. Tượng rằng:**

*Ly là sáng láng liên canh,  
Đại nhân cố giữ lòng mình sáng trong.  
Sáng soi cùng khắp non sông,  
Sáng soi rạng rỡ, khắp cùng bốn phương.*

Ly, trên dưới đều là minh, trước sau đều là minh. Người quân tử thấy vậy, nên chau chuốt cho tâm hồn mình, ngày một thêm rạng sáng; để ánh sáng của mình có thể chiếu soi khắp bốn phương. **Kể minh**, chỉ về thời gian, ý nói trước cũng như sau, con người đừng bao giờ quên làm bừng sáng ngọn đuốc thiên chân tiềm ẩn đáy lòng.

### **III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện**

#### **1. Hào Sơ Cửu.**

初九 . 履錯然 . 敬之無咎 .

象曰 . 履錯之敬 . 以辟咎也 .

**Sơ Cửu. Lý thác nhiên. Kính chi. Vô cửu.**

**Tượng viết:**

**Lý thác chi kính. Dĩ tỵ cửu dã.**

**Dịch. Sơ Cửu.**

*Bờ ngõ đưa chân bước vào đời,  
Phải nên cẩn trọng, khỏi làm sai.  
**Tượng rằng:** Cẩn thận bước đi,  
Cho nên mới tránh được nguy, được làm.*

**Hào Sơ** bình rằng, tuy Ly là sáng láng, nhưng lúc con người thoạt mới bước chân vào đường đời, thời thiện ác còn hỗn tạp khó phân, cho nên bước đi còn dễ làm lỗi (**Sơ Cửu. Lý thác nhiên**). Vậy phải biết trang trọng, kính úy, mới tránh được những điều làm lỗi (**Kính chi vô cửu**).

#### **2. Hào Lục nhị.**

六二 . 黃離 . 元吉 .

象曰 . 黃離元吉 . 得中道也 .

**Lục nhị. Hoàng Ly. Nguyên cát.**

**Tượng viết:**

**Hoàng Ly nguyên cát. Đắc trung đạo dã.**

**Dịch. Lục nhị.**

*Vấn minh rực rỡ, huy hoàng,  
Mà mình trung chính, đàng hoàng tốt thay.*

**Tượng rằng:**

*Huy hoàng, rực rỡ mà hay.*

*Là vì trung chính, thẳng ngay đạo Trời.*

**Hào hai** tiếp tục dạy thêm: Nếu con người biết dựa nương vào sự công chính, tức là điều hay nhất, quý nhất.

**Công chính là Thiên lý. Tư tà là nhân dục.**

Vậy con người phải sống trong Thiên lý, mới là lý tưởng của cuộc đời. Con người chỉ đạt lý tưởng, khi đắc **Trung đạo**, tức là khi vào được tâm điểm vũ trụ và tâm hồn mình, thực hiện được Thiên đức, về được chính vị, về được tâm điểm bất dịch của vũ trụ, tức là hòa đồng được với Bản Thể của vũ trụ.

### **3. Hào Cửu tam.**

**九三： 日昃之離 . 不鼓缶而歌 . 則大耋之嗟 . 凶 .**

**象曰： 日昃之離 . 何可久也 .**

**Cửu tam. Nhật trắc chi Ly. Bất cổ phẩu nhi ca. Tác đại diệt chi ta. Hung.**

**Tượng viết.**

**Ngày trắc chi Ly. Hà khả cửu dã.**

**Dịch.**

*Mặt trời đã xế ngang đầu.*

*Sao không gõ chầu, ca âu thanh nhàn.*

*Đời người còn được mấy gang,*

*Cái già xộc đến, phàn nàn nổi chi.*

**Hào Ba** chủ trương, khi đã già, khi mặt trời đã xế bóng, con người nên quẳng bớt gánh lo, thoát ly mọi tằn phiến của thế sự, mà sống hồn nhiên trong cái vui Trời. Nếu lúc già cả, mà lòng chưa được an vui, còn xót xa, ta thán, thời khổ biết mấy mươi.

### **4. Hào Cửu tứ.**

**九四： 突如其來如 . 焚如 . 死如 . 棄如 .**

**象曰： 突如其來如 . 無所容也 .**

**Cửu tứ. Đột như kỳ lai như. Phần như. Tử như. Khí như.**

**Tượng viết:**

**Đột như. Kỳ lai như. Vô sở dung dã.**

**Dịch. Cửu tứ.**

*Từ đâu vụt đến, ló lảng.*

*Phùng phùng như muốn đốt phăng ngôi rông,*

*Hung hăng sẽ bị tử vong.*

*Mọi người ruồng rẫy, ai dung cho nào.*

**Tượng rằng:**

*Từ đâu vụt đến ló lửng,  
Mọi người ruồng rẫy, ai dung cho nào.*

Ba Hào trước, đều dạy phải bám víu vào sự công chính, không được quá bám vào cuộc đời nhất là khi đã trở về già. Ba Hào sau, ý muốn thiên về nghĩa **nóng nảy** hay **sáng láng** của quẻ Ly.

**Hào Bốn** là **Dương cương**, nên nóng nảy, muốn tiến lên một cách ào ạt (**Đột như kỳ lai như**), phùng phùng như muốn thiêu hủy cả đảng quân vương trên mình (**Phản như**). Làm như vậy, là trái với sự sáng suốt, cho nên sẽ đi đến sự tử vong (**Tử như**), vì mọi người sẽ ruồng bỏ mình (**Khí như**).

Như vậy có **minh triết**, mới bảo thân (Trung Dung XXVII). Còn những người **bạo hổ bằng hà**, thường bất đắc kỳ tử (LN VII , 10; LN XI, 12).

### 5. Hào Lục ngũ.

六五： 出涕沱若。戚嗟若。吉。

象曰： 六五之吉。離王公也。

Lục ngũ. Xuất thể đà nhược. Thích ta nhược. Cát.

*Tượng viết:*

Lục ngũ chi cát. Ly vương công dã.

Dịch.

*Đâm đìa nước mắt nhỏ sa,  
U buồn than thở, rồi ra gặp lành.*

**Tượng rằng:** Lục ngũ gặp lành,

*Là vì ngôi vị của mình Vương công.*

**Hào Năm** Âm nhu mà cư Dương vị, thể là thất vị, tuy vẫn đắc trung. Đã thất vị, mà dưới lại không ứng, không có phù ủng (Hào nhị là Hào ứng nhưng là Âm nên không ứng), nay lại ở gần kề Cửu tứ là Dương cương, như ngọn lửa phùng phùng bốc cháy lên để thiêu rụi mình, thời có khác nào một vị quân vương, tuy là hiền đức, nhưng đang bị bạo thần lăng bức đầu. Trong trường hợp ấy, nếu biết lo âu (**Xuất thể đà nhược thích ta nhược**), thời cũng là may, bởi vì biết lo họa hung, sẽ tiêu trừ được hung họa (cát). Lục ngũ sở dĩ cát, là vì đã được ngôi vị Vương công vậy (**Lục ngũ chi cát. Ly Vương Công dã**).

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九： 王用出征。有嘉折首。獲其匪丑。無咎。

象曰： 王用出征。以正邦也。

Thượng Cửu. Vương dụng xuất chinh. Hữu gia. Triết thủ. Hoạch phi kỳ xú.  
Vô cửu.

*Tượng viết:*

Wương dụng xuất chinh. Dĩ chính bang dã.

Dịch.

Vua dùng chinh thảo cũng hay,  
Giết người đầu đảng, tha bầy côn quăng.  
Giết, tha, minh bạch đàng hoàng,  
Việc mình, ai dám phàn nàn, chê bai.  
**Trượng rắng:** Vua dụng xuất chinh.  
Cốt là dẹp loạn, trị bình, giang san.

**Hào Sáo** nói lên sự chinh phạt để đem trị bình lại cho đất nước. Chu Hi cho rằng Hào Thượng Cửu của quẻ Ly tức là sự cương cường quang minh đã lan tới xa, quyền uy đã chấn động, nhưng hình phạt vẫn không bị lạm dụng, là vì chỉ trừng trị kẻ cầm đầu phản loạn (**Triết thủ**), còn thì tha cho bọn dư đảng (**Hoạch phỉ kỳ xú**).

## ÁP DỤNG QUẺ LY VÀO THỜI ĐẠI

**Xưa hay Nay**, bất cứ ở thời đại nào cũng vậy, loài người khi mới bắt đầu hiểu biết, đã nhận biết được cái gì là đúng, là sai, là hay, là dở. Nhưng dần dần con người va chạm nhiều với xã hội, rồi bị ô nhiễm, bị tư dục làm mờ mắt, nên sự phán đoán, suy xét dần dần lầm lạc, nên con người cứ từ từ bị sa đọa. Nhất là, đà văn minh vùn vụt tiến, con người bị quá nhiều nhu cầu vật chất đòi hỏi, và phải cố đáp ứng nhu cầu cho đầy đủ như: xe hơi, tủ lạnh, bếp ga, máy lạnh v.v... Những thứ này lại còn biết bao thứ bên cạnh nó như: có xe hơi, phải mua bảo hiểm, mua xăng chạy xe, có tủ lạnh thì phải lo tiền điện hàng tháng v.v..., đó là chưa kể thời gian càng văn minh, thì con người làm việc càng như cái máy, do đó cũng cần phải nghỉ ngơi, tâm bổ cho cơ thể lại sức, nên con người lại cần phải lo kiếm tiền cho nhiều, rồi từ cái này dần đến cái khác, con người bị sa đọa lúc nào không hay, có nhiều lúc bừng tỉnh lại, thấy mình cũng quá đáng, nhưng vì bản năng quá yếu hèn, hoặc nhu cầu vật chất đòi hỏi quá mạnh, nên **luong tri chỉ vụt qua**, mà không ở lại được.

Nên nếu ta ở vào thời buổi văn minh này, mà ta thắng được vật dục cám dỗ, không để con người ta bị sa đọa, lỗi lầm, như vậy là ta luôn theo được đường công chính, ngay thẳng. Ngay thẳng từ suy nghĩ tới việc làm, đó là ta đã đi được quá nửa đường của Thánh nhân vậy.

Đến tuổi xế chiều, ta từ từ bỏ bớt công việc ngoài đời, **lo việc tu thân**, và nên luôn tự hỏi: **Ta là ai? Từ đâu tới?** Và cố gắng trở về nơi cội nguồn của mình một cách tự hào, thanh thản, **lo việc giúp người, giúp đời một cách vô tư như mình thở khí Trời vậy, và với nụ cười luôn nở trên môi**. Nếu là người có kiến thức sâu rộng, hiểu biết hơn người, nên lo viết sách dạy dân, truyền lại sự hiểu biết cho người đời sau. Đó là ta đã biết đi đúng đường Trời, đó là ta đã có vẻ sáng chung quanh như quẻ Ly đơn vậy.

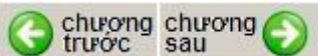
Còn nếu như ta dùng cái thông minh, tài giỏi của ta, để mưu cầu tư lợi, cưỡng đoạt của người, hoặc hãm hại người để tranh quyền, đoạt vị, thì ta đã đi lầm đường, trước sau gì ta cũng bị suy vong, nếu không thì sẽ bị miệng thế cười chê. Thật không đáng vậy!

## HẠ KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yên Lê

# 易經大全. 下經

» [Dịch Kinh Đại Toàn](#) | [Quẻ 31](#) [32](#) [33](#) [34](#) [35](#) [36](#) [37](#) [38](#) [39](#) [40](#) [41](#) [42](#) [43](#) [44](#) [45](#)  
[46](#) [47](#) [48](#) [49](#) [50](#) [51](#) [52](#) [53](#) [54](#) [55](#) [56](#) [57](#) [58](#) [59](#) [60](#) [61](#) [62](#) [63](#) [64](#)



## 31. 澤山咸 TRẠCH SƠN HÀM



### Hàm Tự Quái

Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật.

Hữu vạn vật, nhiên hậu hữu nam nữ.

Hữu nam nữ, nhiên hậu hữu phu phụ.

Hữu phu phụ, nhiên hậu hữu phụ tử.

Hữu phụ tử, nhiên hậu hữu quân thần.

Hữu quân thần, nhiên hậu hữu thượng hạ.

Hữu thượng hạ, nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố.

### 咸序卦

有天地, 然後有萬物

有萬物, 然後有男女

有男女, 然後有夫婦

有夫婦, 然後有父子

有父子, 然後有君臣

有君臣, 然後有上下

有上下, 然後禮儀有所錯

### Hàm Tự Quái

*Thoạt tiên có Đất có Trời*

*Rồi ra vạn vật vạn loài mới sinh.*

*Loài sinh, nam nữ phân trình,*

*Có nam, có nữ, sẽ sinh vợ chồng.*

*Vợ chồng nối kết giải đồng,*

*Vợ chồng, nên mới có giòng cha con.*

*Quân thần, do đó, tiếp luân,*

*Rồi ra trên dưới, kém hơn, phân trình.*

*Dưới, trên, lễ nghĩa sẽ sinh,*

*Tôn ti, đẳng cấp mới thành lễ nghi.*

Dịch Kinh rất trọng Âm Dương. Đầu Thượng Kinh để hai quẻ Kiên Khôn. Đầu Hạ Kinh để hai quẻ Hàm Hằng.



- Kiên Khôn ở Thượng Kinh còn tách rời nhau để định vị (Kiên Khôn định vị).

Nhưng ở Hạ Kinh, Sơn (Dương), Trạch (Âm) hòa hợp nhau (Sơn trạch thông khí) để thành quẻ Hàm; Phong (Âm) Lôi (Dương) tăng cường lẫn nhau (Phong lôi tương thác) để thành quẻ Hằng.

- Ở Thượng Kinh, Kiên Khôn là **khí hóa chi thủy** (khí trời đất bắt đầu biến hóa) thời Thoán Truyện quẻ Kiên lại có 4 chữ **Phẩm vật lưu hình**.

- Ở Hạ Kinh, Hàm là **hình hóa chi thủy** (hình hài bắt đầu biến hóa) thời lại có 4 chữ **nhị khí cảm ứng**. Ý muốn nói Hình và Khí không hề lìa nhau:

Thoán Truyện quẻ Kiên đề cập đến chữ **Tính**; Thoán Truyện quẻ Hàm nói đến chữ **Tinh**; Thoán Truyện quẻ Phục nói đến **Thiên địa chi tâm**; Thoán Truyện quẻ Hàm nói đến **Nhân tâm**. Thế là tính tình không hề xa nhau, Trời người chẳng hề xa nhau, hình khí chẳng hề xa nhau, Âm Dương chẳng hề xa nhau.

**Ngoài trời đất**, Âm Dương có hòa hài, thì vạn vật mới sinh. **Trong nhân quần**, Âm Dương có hòa hài thì nhân luân mới có cơ bền vững, xã hội mới có cơ thanh bình.

**Ngoài vũ trụ**, Âm Dương là đất trời, **trong nhân quần**, Âm Dương là nam nữ. Vũ trụ là một từ trường bao la, nhân quần là một từ trường rộng lớn. Vạn vật hấp dẫn, cảm ứng nhau không ngừng, nên mới có được ngày nay.

Hàm có hai nghĩa: 1. Là cảm ứng. 2. Là phổ quát.

Cảm ứng phải bằng **tâm tình**, vì thế chữ Hàm 咸 thêm chữ Tâm 心 là chữ Cảm 感. Cảm ứng bằng tư tình thì không phổ quát, muốn phổ quát phải hư tâm, phải rũ bỏ tư tình, nên chữ Cảm 感 bỏ chữ Tâm 心 đi thành chữ Hàm 咸.

Quẻ Hàm trên là quẻ Đoài ☱, dưới là quẻ Cấn ☶. Đoài là vui thích; Cấn là vững vàng, là thành thực, là thành khẩn.

Dem lòng thành khẩn, thành thực mà cảm người, người sẽ vui lòng đáp ứng. Ta và người cảm ứng lẫn nhau, hòa thuận với nhau thì việc gì cũng thông suốt.

## I. Thoán.

**Thoán Từ.**

**咸.亨,利貞,取女吉。**

**Hàm. Hanh. Lợi trinh. Thủ nữ cát.**

**Dịch.**

*Lễ trời cảm ứng mới hay,*

*Cảm mà chính đáng, lợi nay mới nhiều.*

*Ví như thiếu nữ mình yêu,*

*Mình mà lấy được là điều mắn may.*

Muốn cảm ứng với nhau cho hay, cho lợi, phải dựa trên nền tảng đạo lý, công chính. Vì thế Thoán Từ nói **Hàm hanh. Lợi trinh**. Trai gái yêu nhau, thương nhau mà lấy nhau, rồi ra cuộc sống sẽ đẹp đẽ; Thoán Từ tiếp: **Thủ nữ cát**.

*Thoán truyện. Thoán viết:*

彖曰：咸，感也。柔上而剛下，二氣感應以相與，止而說，男下女，是以亨利貞，取女吉也。天地感而萬物化生，聖人感人心而天下和平。觀其所感，而天地萬物之情可見矣。

**Hàm. Cảm dã. Nhu thượng nhi cương hạ. Nhị khí cảm ứng dĩ tương dự. Chỉ nhi duyệt. Nam há nữ. Thị dĩ hanh lợi trinh. Thủ nữ cát dã. Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình. Quan kỳ sở cảm. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.**

*Dịch. Thoán viết:*

*Hàm là cảm ứng lẽ thường,  
Mềm trên, cứng dưới, đôi đường cảm nhau.  
Âm Dương nhị khí tương cầu,  
Chân thành vui thỏa, trước sau mới là.  
Trai tơ nhượng bộ gái tơ,  
Nam cầu, nữ ứng, bây giờ mới hay.  
Cảm cầu hợp lẽ chính ngay,  
Cảm mà chính đáng, lợi nay mới nhiều.  
Ví như thiếu nữ mình yêu,  
Mình mà lấy được là điều mắn may.  
Đất trời rung cảm hoà hài,  
Cho nên vạn vật muôn loài hoá sinh.  
Thánh nhân cảm hóa sinh linh,  
Làm cho thiên hạ hòa bình âu ca.  
Xem chiều cảm ứng hiệp hòa,  
Đất trời, muôn vật, tìm ra ý tình.*

Thoán Truyện định nghĩa chữ **Hàm là cảm ứng**. Muốn cảm ứng, Âm nhu phải ở trên, Dương cương phải ở dưới: Dương cảm Âm ứng, Dương xướng Âm hòa, nhị khí tương giao, thời Âm Dương mới hòa hợp. Vì thế Thoán Truyện mới nói: **Nhu thượng (Đoài là Âm nhu) nhi cương hạ (Cần là Dương cương); nhị khí tương ứng dĩ tương dự**.

Áp dụng vào nhân quần, ta thấy **định luật cảm ứng** của đất trời cũng hoạt động mạnh mẽ. Trai gái tự nhiên hấp dẫn nhau, mà sự hấp dẫn mạnh nhất, sự cảm ứng mạnh nhất là ở nơi thiếu nam và thiếu nữ. Có cảm ứng, có thương yêu mới tính chuyện vợ chồng sau này. Nếu người con trai mà thành khản thương yêu, người con gái sẽ cảm động, sẽ vui vẻ mà đáp ứng. Vả trâu đi tìm cọc, chứ cọc không đi tìm trâu, nên trong bước đầu cuộc tình ái, người con trai phải đi bước trước, phải ngỏ lời trước, phải tỏ tình trước, như vậy mới đẹp đẽ.

Thoán Truyện viết: **Chỉ nhi duyệt. Nam há nữ. Thị dĩ hanh.** Tuy nhiên tình duyên, hay cảm ứng cũng đặt trên nền tảng đạo lý, sự minh chính, mới tốt, mới lợi. Xưa nay những tuồng trên bực trong dâu khó đem lại một kết cuộc đẹp đẽ. Lấy nhau phải vì thương yêu nhau, phải có

chính nghĩa, chính đạo, muốn gây dựng cho nhau một đời sống đẹp đẽ, hạnh phúc, thì cuộc hôn nhân mới tốt đẹp. Vì thế Thoán Truyện nói tiếp: **Lợi trinh. Thủ nữ cát.**

Sau đó Thoán Truyện bàn đến tầm quan trọng của sự cảm ứng, của sự hòa hài trong vũ trụ, cũng như trong nhân quần. Vạn vật cũng như con người không thể sống riêng rẽ.

Vì thế người xưa mới nói: **Cô Âm tắc bất sinh, cô Dương tắc bất trưởng, cổ thiên địa phối dĩ Âm Dương. Nam dĩ nữ vi thất, nữ dĩ nam vi gia; cổ nhân sinh ngẫu dĩ phu phụ. Âm Dương hòa nhi hậu vũ trạch giáng; phu phụ hòa nhi hậu gia đạo thành.** Tạm dịch:

*Cô Âm không thể sản sinh,  
Cô Dương không thể hoa vinh, xương phồn.  
Cho nên trời đất đôi dàng,  
Hòa hài chẳng có quải gàng khi nao  
Trai thì tìm gái tất giao,  
Gái mong chấp mối tơ đào cùng trai.  
Cho nên từ có loài người,  
Gái trai phối ngẫu nên đôi vợ chồng.  
Âm Dương trời đất hòa đồng,  
Rời ra vũ trạch non sông ơn nhờ.  
Vợ chồng chấp nối duyên tơ,  
Rời ra, gia đạo có cơ vững vàng.*

Dịch Kinh cho rằng nhờ có khí trời, khí đất hòa hài, nên vạn vật mới có thể hóa sinh, trưởng dưỡng; nhờ ảnh hưởng **Thánh nhân cảm hóa tâm hồn con người**, nên nhân loại mới được hòa bình thái thịnh. (**Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình**). Nói cách khác, đất trời không hòa hài, xã hội sẽ tan vỡ.

Thoán còn cho rằng: Cứ xem vạn vật cảm ứng ra sao, sẽ thấy tâm địa, ý tình của chúng (**Quan kỳ sở cảm. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.**) Lẽ trời là: **Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.** Người ưa vật chất sẽ rung cảm dễ dàng vì những vấn đề tinh thần. Cho nên nhìn xem muôn loài ưa thích những gì, rung cảm trước những loại giá trị gì, sẽ xác định được căn cơ của chúng, và thấy được bộ mặt thực của chúng.

Tóm lại Hàm là hòa hài, cảm ứng, để đi đến chỗ phổ quát đại đồng. **Hàm là hòa hài cảm ứng**; mà cảm ứng là một định luật phổ quát của vũ trụ. Trời đất cảm ứng, Âm Dương cảm ứng, Trai gái cảm ứng, dưới trên cảm ứng. Do đó thánh nhân có thể cảm hóa nhân tâm để đem an ninh lại cho thiên hạ.

Hàm là cảm ứng; nên Hào sơ ứng với Hào tứ; Hào nhị ứng với Hào ngũ; Hào tam ứng với Hào lục, nhất nhất đều là Dương cảm, Âm ứng. Cảm ứng hòa điệu sẽ đem hạnh phúc, ấm êm, thanh bình cho trần thế.

## II. Đại Tượng Truyện

象曰：山上有澤。咸。君子以虚受人。

*Tượng viết:*

**Sơn thượng hữu trạch. Hàm. Quân tử dĩ hư thụ nhân.**

**Dịch. Tượng rằng**

*Hồ trên đỉnh núi là Hàm,  
Hiền nhân mở rộng tâm xoang đón người.  
Hur tâm đối xử với đời.  
(Hur tâm nên mới thành thời hòa đồng.)*

Đỉnh núi có rộng, có trũng thì mới chứa được nước, mới có được hồ nước ở trên. Người quân tử phải trống lòng, mới cảm thông được với mọi người.

Trình Tử cho rằng Hur ở đây là Vô tư, Vô ngã. Có Vô tư, Vô ngã mới hàm chứa được vô biên; bằng như lòng đã có thiên kiến, tư tình, sẽ trở nên hẹp lượng.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào đều bàn về lẽ cảm ứng, bàn về các cung cách ảnh hưởng tới tha nhân, có nông, có sâu, có mạnh, có yếu; có lúc hợp thời, có lúc không hợp thời; có khi bao quát, có khi bị giới hạn; mình có thể ảnh hưởng đến người khác bằng tâm thần, hoặc bằng môi miệng.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六：咸其拇。

象曰：咸其拇，志在外也。

*Sơ Lục. Hàm kỳ mẫu.*

Tượng viết:

**Hàm kỳ mẫu. Chí tại ngoại dã.**

Dịch.

*Sơ Lục. Cảm ngón cái chân,*

**Tượng rằng:** *Cảm ngón cái chân,*

*Nghĩa là đã có để tâm tới ngoài.*

**Hào Sơ:** Muốn ảnh hưởng đến người, cần phải có nội công, nội lực dồi dào; cần phải làm chi cũ thể để gây ảnh hưởng đối với người. Vì vậy Hào Sơ cho rằng: mới có ý muốn gây ảnh hưởng đối với người mà chưa làm được việc gì cụ thể bên ngoài, thì chưa gây được ảnh hưởng bao lăm. Như ngón chân cái mấp máy, thời làm sao di chuyển được cái chân.

Tóm lại, Hào Sơ cho rằng: Ảnh hưởng lúc này còn quá yếu, chưa có tác dụng nào đáng kể.

#### 2. Hào Lục nhị.

六二：咸其腓，凶，居吉。

象曰：雖凶，居吉，順不害也。

*Lục nhị. Hàm kỳ phì. Hung. cư cát.*

Tượng viết:

**Tuy hung. Cư cát. Thuận bất hại dã.**

Dịch.

*Bấp chân cảm động xấu thay,*

*Ở yên, rồi mới được hay, được lành.*

**Tượng rằng:** *Tuy vội chẳng hay,*

*Ở yên sẽ thuận luật trời, hại chi.*

**Hào Hai** cho rằng: Muốn gây ảnh hưởng nhất là đối với người trên, phải có thời cơ. Khi người trên chưa vội mình, mà mình cầu cạnh để gây ảnh hưởng, để tác động họ, là làm một công chuyện chẳng hay. Cần phải biết ở yên, chờ khi người trên có lời cầu mình đã; lúc ấy lời lẽ, hành động mình mới có thể có ảnh hưởng lớn đối với họ.

### 3. Hào Cửu tam.

九三： 咸其股，執其隨，往吝。

象曰： 咸其股，亦不處也。志在隨人，所執下也。

*Cửu tam. Hàm kỳ cổ. Chấp kỳ tùy. Vãng lận.*

*Tượng viết.*

**Hàm kỳ cổ. Diệc bất xử dã. Chí tại tùy nhân. Sở chấp hạ dã.**

**Dịch.**

*Cửu tam cảm vé, cảm đùi,*

*Theo người hành sự, tiếc thôi có ngày.*

**Tượng rằng:** *Cảm ở vé đùi,*

*Cũng chưa giữ được vé người thanh cao.*

*Theo người hành sự lao nhao,*

*Đi theo hạ cấp, tránh sao tiếng hèn.*

**Hào Ba** bàn tiếp thêm rằng: Muốn gây ảnh hưởng, muốn cảm hóa người khác, trước tiên mình phải là người có nhân cách, biết tự trọng.

Nhược bằng mình chạy theo thị hiếu, thị dục của tha nhân, để thỏa mãn họ, hoặc mình để cho ngoại cảnh, ngoại nhân, dục vọng sai sử, như vậy chẳng hóa ra hèn hạ lắm sao.

### 4. Hào Cửu tứ.

九四： 貞吉悔亡，憧憧往來，朋從爾思。

象曰： 貞吉悔亡，未感害也。憧憧往來，未光大也。

*Cửu tứ. Trinh cát hồi vong. Đồng đồng vãng lai. Bằng tông nhĩ tư.*

*Tượng viết.*

**Trinh cát hồi vong. Vị cảm hại dã. Đồng đồng vãng lai. Vị quang đại dã.**

**Dịch.**

*Cảm người một cách tự nhiên,*

*Mới hay, mới tốt, hết niềm ăn năn.*

*Còn như cuống quít, lãng xãng,*

*Bạn bè cảm ứng, công năng chưa đầy.*

### **Tượng rằng:**

*Quang minh, khinh khoát một lòng,  
Mới hay, mới tốt, mới không phàn nàn.  
Đó là cảm ứng đàng hoàng,  
Tình riêng chưa có quái gàn lẽ công.  
Còn như cuống quít long tong  
Bạn bè cảm ứng, đừng hòng quang minh.*

**Hào Cửu Tứ là chủ Hào.** Ba hào dưới đều mượn những phần thân thể ở nơi chân.

- Hào Sơ nói cảm ở ngón chân cái.
- Hào Nhị nói cảm ở bắp chân.
- Hào Tam nói cảm ở vế đùi.

**Duy Hào Tứ này nói cảm bằng tâm hồn.** Thực ra Hào Tứ không dùng chữ **Tâm** một cách rõ rệt, nhưng trong Hào tứ có chữ **Tư**, trong Tiểu Tượng có chữ **Cảm**, cả hai đều có bộ Tâm. Hào Tứ cho rằng: Muốn gây ảnh hưởng cho sâu rộng, muốn cảm hóa được mọi người cho sâu rộng, phải theo chính lý, chính đạo, phải gạt bỏ tư tâm. Vì thế Hào Tứ nói: **Trình cát hối vong.**

Trình Tử giải chữ Trình đây là: **Trình chính**; Trung Khê Trương thị giải là: **Theo lẽ thiên nhiên, trình nhất chưa phơi pha tư cảm, tư dục, thời mới hay mới tốt.** Còn khi mà đã **Đồng đồng vắng lai**, tư lự, suy tính, cầu cạnh; lo lấy lòng người này, lo o bế người kia thì cái sức cảm ứng của mình nó giảm đi nhiều. Chỉ có một số bạn bè của mình sẽ hưởng ứng mà thôi. Vì thế mới nói: **Bằng tông nhĩ tư.** Phàm chung, làm việc gì mà cứ để cho lòng khinh khoát hồn nhiên không cầu cạnh, thì ảnh hưởng mới mạnh. Càng mở rộng lòng, ảnh hưởng càng mạnh; trời đất đã theo đường lối ấy, vì trời đất chính là vô tâm, không hề tây vị riêng tư ai. (Xem Hệ Từ hạ - chương 5.)

### **5. Hào Cửu ngũ.**

**九五： 咸其脢，無悔。**

**象曰： 咸其脢，志末也。**

*Cửu ngũ. Hàm kỳ mỗi. Vô hối.*

*Tượng viết.*

**Hàm kỳ mỗi. Chí mạt dã.**

**Dịch.**

*Cảm mà ở gáy ở vai,  
Tuy không thấm thía, thoát bài ăn năn.  
**Tượng rằng:** Cảm ở gáy vai,  
Nghĩa là cảm vật, hột hời chẳng sâu.*

**Hào năm**, Trình Tử giải rằng: Mỗi là thịt lưng, ở sau tâm, mà chẳng thấy tâm. Nghĩa là nếu quên được tư tâm, không cứ rằng nhìn thấy mới thích, thì sẽ đi đúng được lối chính đáng của bậc nhân quân, vì vậy không có gì đáng trách. Tống bản Thập Tam Kinh đại khái giải rằng: Mỗi ở trên tim và dưới miệng. **Cảm ứng bằng tâm thần dĩ nhiên là sâu xa nhất, cảm ứng bằng gáy vai, dĩ nhiên là nông cạn hơn, cảm ứng bằng môi miệng lại càng hời hợt hơn nữa.** Như vậy



cảm ứng bằng gáy vai, ám chỉ một sự cảm ứng nông cạn, hẹp hòi, tuy không đáng trách, nhưng tỏ ra dương sự không phải là người có khí phách bao lăm. (**Chí mạt dã**)

### 6. Hào Thượng lục.

上六：咸其輔，頰舌。

象曰：咸其輔，頰舌，滕口說也。

*Thượng lục. Hàm kỳ phụ. Giáp thiết.*

*Tượng viết.*

**Hàm kỳ phụ. Giáp thiết. Đằng khẩu thuyết dã.**

**Dịch.**

*Cảm bằng miệng lưỡi mép môi*

**Tượng rằng:** *Cảm bằng miệng lưỡi mép môi*

*Ấy là khua múa, chuốt lời cho hay.*

**Thượng lục** đề cập đến cách cảm hóa con người bằng miệng lưỡi; đó là đường lối tầm thường của tiểu nhân, nữ tử, của Tô tàn, Trương Nghi (Xem Dịch Kinh Lai Chú). Thaánh nhân không mấy chuộng đường lối này.

## ÁP DỤNG QUÊ HÀM VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay có một số thanh niên ít nghĩ tới hôn nhân, vì tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, hoặc vì không tin tìm được một tình yêu chân thành. Nhưng họ đã nhầm, vì ở đời không có gì quý hơn có một mái ấm gia đình, có người bạn đời, để chia vui sẻ ngọt với mình. Có vài đứa con để quần quít, vui đùa lúc trẻ và để khỏi cô quạnh lúc tuổi già.

Muốn có tình yêu chân thành của người yêu, và của con cái, thì mình phải tự xét mình, xem mình có thành khẩn mà dành cho họ một tình yêu chân thành của mình không?

Đề ca tụng hạnh phúc lứa đôi, **Anatole France, một văn sĩ người Pháp, nói rằng: Người vợ là một tình nhân của chồng khi chàng còn trẻ, là người bạn đời khi tuổi chàng đã cao, là người điều dưỡng cho chàng trong tuổi già. Vậy ở tuổi nào người đàn ông cũng có lý do để lấy vợ.** (Thế Kỷ 21, trang 52, số 83, tháng 3, năm 1996.)

Tóm lại, hạnh phúc không là của riêng ai, nhưng người nào biết hưởng, mới được hưởng. và hạnh phúc ở trong tầm tay mình đấy thôi.

## 32. 雷風恆 LÔI PHONG HẰNG



**Hằng Tự Quái**

**恆序卦**

Phụ phụ chi đạo.

**夫婦之道**

Bất khả dĩ bất cửu dã

**不可以不久也**

Có thụ chi dĩ Hằng.

**故受之以恆**



Hằng giả cửu dã.

恆者久也

### Hằng Tụ Quái

*Vợ chồng là chuyện trường kỳ,  
Quẻ Hằng mới lấy mà ghi lẽ hằng.*

#### I. Thoán.

##### *Thoán Từ:*

恆：亨，無咎，利貞，利有攸往。

**Hằng. Hanh. Vô cửu. Lợi trinh. Lợi hữu du vãng.**

##### Dịch.

*Hằng là hằng cửu, cửu trường,  
Biết hằng, biết biến, thời thường hanh thông.  
Hanh thông, mới khỏi lỗi lầm,  
Hằng nơi chính đạo, mới mong lời nhiều.*

Hằng có nhiều nghĩa:

1. Hằng là lâu dài, hằng cửu.
2. Hằng là bất dịch, bất biến.
3. Hằng là bất dĩ, không ngừng nghỉ.

Tụ Quái cho rằng: Hằng tượng trưng cho đạo vợ chồng, vì đạo vợ chồng là chuyện lâu dài, bền bỉ, ăn đời ở kiếp cùng nhau, chứ không phải chuyện ăn xổi ở thì.

Khi còn là nhân tình, như nơi quẻ Hàm, thì nam phải nhường cho nữ, nhưng khi đã thành vợ thành chồng, như trong quẻ Hằng, thì chồng phải được trọng hơn vợ; gia đình có tôn ti như vậy, mới đi đến hằng cửu được.

Có trường cửu, mới có hanh thông; trường cửu mà hanh thông mới không đáng trách; trường cửu, bền vững theo chính lý, chính nghĩa mới hay, mới lợi. Nhưng hằng cửu không phải là cố chấp, bất biến, đã biến hằng, phải biết biến nữa mới vẹn hảo. Vì thế Thoán Từ mới nói: **Hằng. Hanh. Vô cửu. Lợi trinh. Lợi hữu du vãng.**

##### *Thoán Truyện.*

彖曰：恆，久也。剛上而柔下，雷風相與，巽而動，剛柔皆應，恆。恆亨無咎，利貞。久於其道也，天地之道，恆久而不已也。利有攸往，終則有始也。日月得天，而能久照，四時變化，而能久成，聖人久於其道，而天下化成。觀其所恆，而天地萬物之情可見矣。

Thoán viết. Hằng. Cửu dã. Cương thượng nhi nhu hạ. Lôi phong tương dự. Tôn nhi động. Cương nhu giai ứng. Hằng. Hằng hanh vô cửu. Lợi trinh. Cửu ư kỳ đạo dã. Thiên địa chi đạo. Hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng. Chung tác hữu thủy dã. Nhật nguyệt đắc

thiên. Nhi năng cứu chiếu. Tứ thời biến hoá. Nhi năng cứu thành. Thánh nhân cứu u kỳ đạo. Nhi thiên hạ hoá thành. Quan kỳ sở hằng. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.

Dịch.

Hằng là hằng cứu, cứu trường,  
Cứng trên, mềm dưới, lễ thường tôn ti.  
Sấm cùng với gió tương kỳ,  
Động mà yên chuyển, nên chi cứu trường.  
Lại còn tương ứng nhu cương,  
Không loi, không lẻ, có đường dài lâu.  
Hằng mà hay, lợi trước sau,  
Là cùng đạo nghĩa, gót đầu chẳng sai.  
Sáng soi Nhật Nguyệt lâu dài,  
Là vì luôn cứ đường trời ruổi rong.  
Tứ thời biến hóa vô cùng,  
Cho nên mới được thung dung cứu trường.  
Thánh nhân đạo nghĩa thời thường,  
Khiến cho thiên hạ có phương hóa thành.  
Có Hằng, mới rõ sự tình,  
Đất trời, vạn vật, phân minh tỏ tường.

**Thoán Truyện** định nghĩa Hằng là hằng cứu. Thoán viết: **Hằng. Cứu dã.** Sở dĩ gọi quẻ này là Hằng vì 4 lý do:

1. Vì quẻ hằng có cương ở trên là **Lôi**; nhu ở dưới là **Phong**. Thế là **Dương** tôn **Âm** ti, theo đúng lễ thường.

2. Vì quẻ Hằng có sấm (= **Chấn**), có gió (= **Tốn**). Mà sấm, gió thường đi đôi với nhau, tăng cường lẫn nhau.

3. Vì Hằng trên là Chấn, là động; dưới là Tốn, là tổn thuận; Dương thì hoạt động mạnh mẽ, Âm thì nhu hòa, tổn thuận theo Dương, đó là lễ thường của trời đất.

4. Vì Hằng có Chấn là cương, Tốn là nhu, hai đấng ứng hợp nhau. Đó là lễ Âm Dương giao cảm, hiệp hòa trong trời đất. Trời đất có tôn ti trật tự, nhờ có sự xướng tùy, hòa hợp, tương ứng, tương dự, mới thực hiện được sự trường cửu. Vì thế, Thoán Truyện mới nói: **Cương thượng nhi nhu hạ. Lôi phong tương dự. Tốn nhi động. Cương nhu giai ứng. Hằng.**

Phàm chuyện đời bao giờ cũng cần phải có sự lâu dài bền bỉ, nhưng lâu dài bền bỉ cho hợp đạo, hợp nghĩa, thì mới nên công trình, mới đem lại sự hanh thông. Làm sai đạo lý, đi ngược định luật trời đất, thời dẫu bền gan đến mấy cũng công toi. Vì thế Thoán Truyện mới viết thêm: **Hằng hanh vô cửu. Lợi trinh. Cứu u kỳ đạo dã.**

Đạo trời đất thời vừa hằng cứu, vừa biến hóa không cùng. Có hằng mới có biến; có biến hóa, vắng lai tuần hoàn, nên hễ có chung thời lại có thủy, và cứ vậy cho nên mới vô cùng tận. Vì thế Thoán Truyện bàn tiếp: **Thiên địa chi đạo. Hằng cứu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng. Chung tác hữu thủy dã.**

Mặt trời, mặt trăng nhờ định luật của trời đất, vãng lai, doanh súc, có tuần tiết nên mới sáng soi mãi mãi. Bốn mùa nhờ có biến hóa nên mới tác thành cho muôn vật mãi mãi. Thánh nhân nhờ biết kiên trì, chung thân giảng dạy đạo trời, nên mới hóa thành được thiên hạ. Muốn hiểu ý tình của trời đất vạn vật, chúng ta cần phải có cái nhìn toàn bích, và bao quát. Vì thế Thoán Truyện mới viết thêm: **Nhật nguyệt đắc thiên. Nhi năng cứu chiếu. Tứ thời biến hoá. Nhi năng cứu thành. Thánh nhân cứu kỳ đạo. Nhi thiên hạ hoá thành. Quan kỳ sở hằng. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.**

Tóm lại, quẻ Hằng bao quát, chẳng những lẽ hằng lại còn cả lẽ Biến trong trời đất. **Biết hằng mà không biết biến hóa, là chấp nhất bất thông. Biết biến mà không biết hằng là luân hồi vô định.** Có biết hằng để mà biến, biến để mà hằng, thì mới tóm thâu được lẽ trời đất.

## II. Đại Tượng Truyện

象曰：雷風。恆。君子以立不易方。

Tượng viết.

**Lôi phong. Hằng. Quân tử dĩ lập bất dịch phương.**

Dịch. *Tượng rằng:*

*Sấm gió là tượng quẻ Hằng,*

*Tìm nơi hằng cứu, an thân mới là.*

**Tượng Truyện**, vì nhìn thấy lẽ hằng cứu trong trời đất, nên mới khuyên người quân tử băng qua mọi biến thiên để tìm về trung tâm điểm bất dịch. Tìm được tâm điểm bất dịch, tức là tìm được **Thái Cực** theo từ ngữ Nho giáo; tìm được **Chân Tâm** theo từ ngữ Phật giáo; tìm được **Đạo** theo từ ngữ Lão giáo; tìm được **Bản Thể Tuyệt Đối** theo từ ngữ triết học; **chỉ u chí thiện** theo từ ngữ Đại Học.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào bàn về cả hai phương diện **biến, hằng**. Đại khái rằng người quân tử, tuy suốt đời, phải noi theo lý tưởng, noi theo đạo lý, nhưng không phải vì thế mà trở nên người cố chấp, thiên cận; ngược lại, người quân tử phải tỏ ra hết sức quyền biến, thích nghi, để lúc nào cũng hợp thời hợp cảnh, mà vẫn không phản bội lý tưởng, đường lối và chí hướng của mình. **Quẻ Hằng không dựa vào sự tương ứng của sáu hào để suy nghĩ, mà lại dựa vào hai quẻ trên, dưới, để nhận định:**

Hào Sơ ở cuối quẻ dưới, Hào Tứ ở cuối quẻ trên, nên đầu chưa đạt được lẽ Hằng chân chính, hãy còn lệ thuộc vào **thường lệ** (tức là lệ thuộc vào định luật của xã hội, của Đạo giáo), mà chưa biết **biến lệ** (tức là khi gặp hoàn cảnh nguy cấp, cần cấp, thì phải biết biến). Ví dụ: người theo đạo Jehovah's Witness, không được truyền máu tươi vào người, vì thế nên rủi bị thương tích cần được tiếp máu, thì đành chịu chết, chứ không được cho truyền máu ở ngoài vào. Đáng lẽ phải biết quyền biến, phải vì hoàn cảnh nguy đó mà thay đổi lẽ luật của đạo, mà cho truyền máu để cứu mạng thì đúng hơn, do đó ta nói: Sơ thì dở, mà Tứ thì cũng chẳng hay.

Hào Tam đầu quẻ dưới, Hào Thượng đầu quẻ trên, thời lại quá mức; **chỉ thích nhẽ biến mà không biết nhẽ thường** (ví dụ: có những người chỉ thích sống phóng túng theo văn minh vật chất, mà không chịu gò mình vào lẽ giáo), vì vậy mà Tam thời hay **thay đổi (bất Hằng)**, Lục thì lao xao, lác xác (**chấn Hằng = thay đổi**).

Duy có Hào Nhị, Hào Ngũ là biết xử cho phải, xử theo đúng lẽ Hằng chân chính; Hào Nhị thời biết **Năng cứu trung**, gặp nghịch cảnh vẫn theo đúng đạo lý. Hào Ngũ thì biết lẽ hằng cứu, lại biết quyền biến, cho nên dầu gặp hoàn cảnh không thuận tiện, cũng biết xử sự cho phải.

Học 6 Hào quẻ Hằng mà nhớ được 2 chữ: *Có khi biến có khi thường*, hoặc *chấp kinh cũng phải tòng quyền*, là hiểu được thêm ý Dịch Kinh phơi bày trong quẻ này.

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 浚恒 . 貞凶 . 無攸利 .

象曰 . 浚恒之凶 . 始求深也 .

*Sơ lục. Tuấn hằng. Trinh hung. Vô du lợi.*

*Tượng viết.*

**Tuấn hằng chi hung. Thủy cầu thâm dã.**

Dịch.

*Thoạt đầu mà tưởng sâu xa,*

*Cứ theo cách ấy, ắt là hung tai.*

**Tượng rằng:** *Bước đầu đại khái sơ sài,*

*Mà mong sâu sắc, rạch ròi làm sao?*

**Hào Sơ** cho rằng vừa chân ướt chân ráo, bước vào 1 phạm vi nào, 1 vấn đề gì, mà đã đòi hiểu xa, biết rộng, đó là 1 chuyện phi lý, rất có hại, chẳng thể nên công. Vì thế Hào từ mới nói: **Tuấn hằng. Trinh hung. Vô du lợi.**

### 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 悔亡 .

象曰 . 九二悔亡 . 能久中也 .

*Cửu nhị. Hối vong.*

*Tượng viết.*

**Cửu nhị hối vong. Năng cứu trung dã.**

Dịch

*Tuy không thuận cảnh, thuận ngôi,*

*Ăn năn hối lỗi âu thời cũng xong.*

**Tượng rằng:** *Chẳng phải ăn năn,*

*Vì rằng xử sự luôn nhằm đạo trung.*

**Hào Hai** là **Dương Hào cư Âm vị**, thế là nhờ sống trong nghịch cảnh, nhờ theo đúng lẽ phải, theo đúng định luật của trời đất, nên hóa giải được mọi sự dở dang, chệch mác. Hào từ chỉ nói hai chữ **hối vong**, nhưng ta phải đem Hào tài Hào vị mà giải thích thêm, tuy **Dương Hào cư Âm vị** là bất chính, nhưng nhờ **đắc trung**, nên mới **hối vong**. Tượng Truyện giải rằng: Sở dĩ thoát được mọi điều phàn nàn chính là vì đã biết bền vững theo Trung đạo, theo đạo lý, tức **Năng cứu trung**.

### 3. Hào Cửu tam.

九三 . 不恆其德 . 或承之羞 . 貞吝 .

象曰 . 不恆其德 . 無所容也 .

*Cửu tam. Bất hằng kỳ đức. Hoặc thừa chi tu. Trinh lận.*

*Tượng viết.*

**Bất hằng kỳ đức. Vô sở dung dã.**

**Dịch.**

*Người mà tính nết hay thay,  
Rời ra túi hổ có ngày phải mang.  
Dở rồi, còn cứ làm gan,  
Ở trong dở mãi, phàn nàn rồi đây.  
**Tượng rằng:** Tính nết hay thay,  
Ai mà chịu nổi ngữ này được đâu?*

**Hào Ba** là Hào thượng của quẻ Tốn, mà Tốn có nét là không quả quyết, không có định kiến. Vì thế mà Hào ba tượng trưng cho những người không quả quyết, hay thay đổi, nay thế này, mai thế khác. Những người nhẹ dạ như vậy chỉ mua chuốc lấy xấu hổ cho mình. Đó là những người **Bất hằng kỳ đức** hay **thừa chi tu**. Những người thế ấy sẽ không có chỗ dung thân; Tượng viết: **Bất hằng kỳ đức vô sở dung dã**. Thực vậy, đã mau thay, chóng chán, thì làm sao giỏi về nghề nghiệp, làm sao mà chung thủy được với ai.

### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 田無禽 .

象曰 . 久非其位 . 安得禽也 .

*Cửu tứ. Điền vô cầm.*

*Tượng viết.*

**Cửu phi kỳ vị. An đắc cầm dã.**

**Dịch.**

*Đi săn mà chẳng gặp chim,  
**Tượng rằng:** Chẳng đúng vị ngôi,  
Thì sao mà bắt được môi, được chim.*

**Hào Cửu tứ** là Dương cư Âm vị, vừa bất trung, lại vừa bất chính, nghĩa là vừa sống trong nghịch cảnh, lại vừa không khéo xử, thì làm sao mà làm nên công trạng gì được; cũng như người đi săn, nhè ngay nơi không có môi, có chim mà săn, thì dẫu vất vả tới ngày cũng không có gì trong bị. Cửu Tứ viết: **Điền vô cầm**. Tượng viết: **Cửu phi kỳ vị. An đắc cầm dã**.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 恆其德 . 貞 . 婦人吉 . 夫子凶 .

象曰 . 婦人貞吉 . 從一而終也 . 夫子制義 . 從婦凶也 .

*Lục ngũ. Hằng kỳ đức. Trinh. Phụ nhân cát. Phu tử hung.*

*Tượng viết.*

**Phụ nhân trinh cát. Tông nhất nhi chung dã. Phu tử chế nghĩa.**

**Tông phụ hung dã.**

**Dịch.**

*Luôn luôn ăn ở thuận tông,*

*Đàn bà thì tốt, đàn ông thì tồi.*

**Tượng rằng:** *Đàn bà thuận tông thời hay,*

*Một đời chuyên nhất, xưa nay đã đành.*

*Đàn ông quyền biến cho tình.*

*Cứ như phụ nữ, tốt lành chi đâu.*

**Hào Năm** chủ trương rằng: **Chấp nhất** hoặc **chấp trung vô quyền biến** là dở, chứ chẳng phải là hay. Ví như đàn bà có thể chấp nhất, theo đúng truyền thống được, chứ đàn ông thời phải biết tùy cơ ứng biến mới hay, mới phải. Vì thế Hào Lục ngũ nói: **Hằng kỳ đức. Trinh. Phụ nhân cát. Phu tử hung.** Mạnh Tử chê những người cố chấp; Bá Di là người tiết tháo, trung trực ngay thẳng, đến nỗi không chịu đứng chung 1 triều đình với kẻ ác, chuyện văn với kẻ ác. Nói chuyện với hương lân mà thấy họ đội nón chẳng ngay, liền vội vã bỏ đi ngay. Người như thế, Mạnh Tử cho là cố chấp hẹp hòi. (Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, thượng - 9.)

## 6. Hào Thượng lục.

上六 . 振恆 . 凶 .

象曰 . 振恆在上 . 大無功也 .

*Thượng lục. Chân Hằng. Hung.*

*Tượng viết.*

**Chân hằng tại thượng. Đại vô công dã.**

**Dịch.**

*Luôn luôn xôn xác, lau chau,*

*Thế thời có tốt chi đâu mà hòng.*

**Tượng rằng:** *Người trên xôn xác, lau chau,*

*Luôn luôn như vậy, có đâu công thành.*

**Hào Thượng Lục** cho rằng những người hấp tấp, bông bột, những người lao xao, lắc xắc, không làm nên công chuyện gì, vì một khi đã không bình tĩnh, không tự chủ, thì không làm được việc lớn, đó là trường hợp Vương An Thạch muốn thay đổi hết thể chế, luật lệ đời nhà Tống.

## ÁP DỤNG QUÊ HẰNG VÀO THỜI ĐẠI

Trước hết **Tự Quái** bàn về đạo vợ chồng, mà đạo vợ chồng là phu xướng phụ tùy, là thông cảm lẫn nhau, là ăn đời ở kiếp với nhau. Còn **Thoán, Tượng** và **Hào** dạy ta đi từ **Biển Thiên (VạnHữu)** đến **Bát Biển, Hằng Cửu**.

**Biển thiên là luôn thay đổi**, bất kỳ về phương diện gì, đạo Phật gọi Biển Thiên là Vô Thường, là Luân Hồi. **Bát biển hay hằng Cửu là ổn định, là không thay đổi**. Đạo Phật gọi Hằng Cửu là Niết Bàn. Đạo Lão gọi Hằng Cửu là Đạo. Đạo Nho gọi Hằng Cửu là Thái Cực (Trời).

\***Về phương diện vật chất**, nhờ dinh dưỡng nên cơ thể chúng ta thay đổi hằng ngày, nhưng tới 1 tuổi nào đó nó sẽ thay đổi ít thôi, nhưng nó không đưa ta tới Hằng Cửu.

\***Về phương diện tinh thần**, nếu đi về phía đạo đức thì gọi là **Đại nhân**, nếu đi về phía vật dục thì gọi là **Tiểu nhân**, nếu đi về phía tinh hoa cao đại, thì gọi là **Thánh nhân**. Đó là đường đi về nơi **Chí thiện**, nơi **Hằng Cửu**.

**Khi ta còn ít tuổi** ta nên theo một đạo giáo, để cho ta có một ý niệm căn bản về đạo đức, để cho ta biết thế nào là làm lành tránh dữ, **nhưng đến khi đã lớn tuổi, đã đủ sức phân biệt điều phải, quấy**, thì ta phải biết mở rộng tầm nhìn, lối nghĩ, phải tìm hiểu về các đạo khác, tìm hiểu những **cái hay, cái dở của họ hay của mình**, để óc ta không bị những điều cố chấp, hẹp hòi của đạo giáo, nó đè nén ta trong 1 cái lồng của tư tưởng chật hẹp.

**Nếu ta theo một đạo giáo nào**, thì dù ngoan đạo tột bậc chẳng nữa, ta cũng không thể đi tới chỗ Chí thiện được, vì ta phải tuân theo những giáo điều của họ, nên sự suy tư của ta bị gò bó vào một chỗ, do đó tinh thần ta không thể phát triển tới chỗ cao đại được. Nếu muốn tới chỗ tinh hoa mà các Nho gia xưa kia nói là: **Chỉ u chí thiện**, thì ta phải tự cởi bỏ những xiềng xích mà đạo giáo đã trói buộc ta, rồi phải dày công suy tư đọc sách thánh hiền, nhờ cao nhân chỉ điểm, thì ta mới thu hoạch được kết quả, còn mong nhờ những phương pháp bàng môn, tả đạo để thu hoạch kết quả, thì quả thực là công việc mò trăng đáy biển, vô ích vậy.

Khi đọc được một cuốn sách hay, hay gặp được cao nhân giỏi chỉ điểm cho ta, thì ta hãy lắng tâm để ghi nhận những điều hay ý đẹp đó, nhưng ta đừng trụ vào nó, mà phải luôn luôn thu nhận những cái mới mẻ khác. Vì những điều mà ngày hôm nay ta tưởng là hay nhất, thì biết đâu ngày mai sẽ có những điều mới mẻ hơn đến với ta, nhất là sự tiến hóa về mọi phương diện của nhân loại đang trên đà phát triển. Do đó Đức Phật khi xưa đã nói trong kinh Kim Cương: **Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm**, để nhắc nhở ta vậy.

\***Về phương diện nghề nghiệp**, nếu ta cố gắng học hỏi, dày công suy tư, nghiên cứu, để giúp ích cho nhân loại, thì ta cũng có thể đưa nó, hay nó đưa tên tuổi ta tới ngàn đời sau, tức Hằng Cửu vậy.

Ngày nay chúng ta sống trong tiện nghi: đèn điện, bếp ga, điện thoại, tủ lạnh, quạt máy, v.v... máy bay đưa ta vượt trùng dương, ô tô giúp ta vận chuyển hàng ngày, còn biết bao lợi ích mang tới cho nhân loại, mà trang giấy nhỏ này không sao kể xiết được. Tóm lại, những sự phát minh đó đã mang lợi ích nhiều cho nhân loại, và đã mang tên tuổi của các nhà bác học đó tới Hằng Cửu vậy.

Các nhà ái quốc, các vị quan thanh liêm, các vị trung thần, những người đã dùng nghề nghiệp của mình để bảo vệ dân, mưu lợi ích cho dân, khi chết đi được dân thờ phượng, thì các vị đó đã lên được tới Hằng Cửu vậy.

Tóm lại, **Hằng Cửu** hay **Niết Bàn** muốn đạt được không phải quá khó khăn, vì nó không phải là nơi chốn, mà nó chỉ là một trạng thái thuộc về tâm linh, miễn sao ta luôn cố gắng tiến tới



về mọi phương diện, để có thể tự hào là **ngẩng mặt lên không thẹn với Trời, cúi mặt xuống không hổ với Đất**, thì Niết Bàn sẽ mở để chờ ta.

### 33. 天山遁 THIÊN SƠN ĐỘN



#### Độn Tự Quái

Hằng giả cửu dã.

Vật bất khả dĩ cửu cư kỳ sở.

Cố thụ chi dĩ Độn.

Độn giả thoái dã.

#### 遁序卦

恆者久也

物不可以久居其所

故受之以遁

遁者退也。

#### Độn Tự Quái

*Hằng là bền vững cửu trường,  
Vật đâu ở mãi, ở thường một nơi?  
Cho nên Độn mới tiếp ngôi,  
Độn là lui gót, tùy thời tránh đi.*

Kinh Dịch có một mục đích chính yếu là dạy cho con người biết xuất xử, hành tàng. Đại khái Dịch cho rằng, khi nào thời thế thuận tiện, quân tử có cơ hưng phấn, đạo lý có thể mang ra thi hành, thì người quân tử nên xuất đầu, lộ diện, góp mặt, góp công với đời; còn như gặp khi thời thế đảo điên, tiểu nhân lộng hành, thời lúc ấy người quân tử nên qui ẩn.

**Quẻ Khôn** nói: **Thiên địa bế, hiền nhân ẩn.**

**Đất trời mà gàng quải, thời hiền nhân nên qui ẩn.** (Khôn, Văn Ngôn, Hào bốn)

**Quẻ Độn** cũng không ngoài chủ trương đó; đại khái nói rằng: Khi thanh thế tiểu nhân đang lên, người quân tử nên biết rút lui cho hợp thời, đúng lúc, như vậy mới là biết cơ trời. Độn có nhiều nghĩa:

- Độn là qui ẩn.
- Độn là xá lánh tiểu nhân.
- Độn là lánh nạn, v.v...

#### I. Thoán.

*Thoán Từ.*

遁.亨.小利貞.

**Độn. Hanh. Tiểu lợi trinh.**

**Dịch.**

*Rút lui ẩn lánh mới hay,*

*Ở ăn chính đáng, lợi nay vẫn còn.*

Thoán Tử viết: **Độn. Hanh. Tiểu lợi trinh.** Trình Tử và Chu Tử giải mỗi người một cách. Trình Tử cho rằng: **Thoái tàng** để giữ cho đạo lý được chu toàn. Người quân tử gặp lúc tiểu nhân đang lên, vẫn có thể khéo xử mà vớt vát, vẫn hồi sinh thể được phần nào. Như vậy ba chữ **Tiểu lợi trinh** có nghĩa là **làm việc lớn không lợi, làm việc nhỏ cũng còn có lợi**. Chu Hi giải chữ **tiểu** là **tiểu nhân**, và cho rằng: lúc đang gặp thời mà tiểu nhân giữ được chính đạo cũng lợi.

Các nhà bình giải Dịch, thường theo một trong hai cách này: Kiến An Khâu thị cho rằng: **Độn. Hanh** là khuyên quân tử nên rút lui, để mọi sự được êm đẹp (**Độn nhi hanh dã**). **Tiểu lợi trinh** là khuyên tiểu nhân hãy xử cho phải, đừng lằng bực người quân tử quá mức. (Xem Đại Toàn). Ta ghi nhận một định lý như sau: Độn 2 Âm ở dưới, 4 Dương ở trên. Âm đang thế tiến, Dương đang thế thoái: tức là Âm trưởng, Dương tiêu (**Quân tử kiến cơ nhi tác**). Thấy vậy, sẽ lo việc thoái tàng, qui ẩn.

### *Thoán Truyện.*

彖曰.遁亨.遁而亨也.剛當位而應.與時行也.

小利貞.浸而長也.遁之時義大矣哉.

*Thoán viết:*

**Độn hanh. Độn nhi hanh dã. Cương đáng vị nhi ứng. Dữ thời hành dã.**

**Tiểu lợi trinh. Tầm nhi trưởng dã. Độn chi thời nghĩa đại hỹ tai.**

**Dịch.**

*Rút lui ẩn lánh mới hay,*

*Tuy mình quyền lực trong tay vẫn còn.*

*Cương cường xứng với ngôi trên,*

*Còn người hưởng ứng, vẫn còn oai nghi.*

*Biết thời, tới lúc nên về, Theo thời hành sự, mọi bề hanh thông.*

*Phù trì chánh đạo một lòng,*

*Tiểu nhân ảnh hưởng đang dâng, ngại gì.*

*Công trình ấy chẳng lớn chi,*

*Nhưng mà lợi ích thường khi vẫn còn.*

Trong **Thoán Truyện**, đức Khổng cũng nhận định đại khái rằng:

1- Rút lui hợp thời trời, mới êm đẹp. (**Độn nhi hanh dã**)

2- Rút lui phải cho đúng thời, đúng lúc; rút lui hay nhất là khi mình còn đang ở trong thế kẻ mạnh, có quyền, có vị, có người hưởng ứng. (**Cương đáng vị nhi ứng. Dữ thời hành dã.**)

3- Rút lui là nên, vì người quân tử sáng suốt nhận định được rằng ảnh hưởng của tiểu nhân đang lừng lững tiến lên. (**Tiểu lợi trinh. Tầm nhi trưởng dã.**)

4- Rút lui hợp thời là một công chuyện không nhỏ, không dễ. (**Độn chi thời nghĩa đại hỹ tai.**)

Lý Long Sơn bình rằng:

Âm Dương, hàn thử, đều có thời. Âm đạo lớn thịnh là thời tiểu nhân đắc thế; lúc ấy người quân tử nhẫn nhịn để chờ thời, sau ắt thắng. Nếu đem lòng giận dữ, hết sức kháng cự, ấy là chẳng biết thiên thời, ắt húng lẩy những điều hung họa. Như thời Nguyên Thành nhà Hán, Hoàng Cung, Thạch Hiền đang đắc thế ở trong, mà bọn Tiêu Vọng Chi, Lưu Hưong, Chu Vân chẳng biết nhún nhường, mà lánh đi để đến nỗi bị họa. Lại như trong thời Hoàn Kinh, Tào Tiết, Vương Phụ đắc thế ở trong, mà bọn Lý Ứng, Trần Phồn, Đâu Vũ, chẳng biết nhún nhường, mà lánh đi để đến nỗi bị giết...

Gặp thời Độn, người quân tử dẫu còn đang có thế lực, có địa vị, cũng nên biết tùy thời mà quyền nghi. **Rút lui đúng lúc thời hay**. Đời thường nói: **Cửu tọa lĩnh nhân yếm** (ngồi lâu khiến người ta phát chán). Mình dẫu có hay, nhưng ngồi mãi một chức vị, đóng mãi một vai trò, rút cuộc vẫn làm cho người chán mình, thà rút lui, khi lòng người còn luyện tiệp mới hay. Vả lại tiệp vui cũng có lúc tàn. Người xưa nói: **Thiên hạ vô bất tán đích diên tịch**. Chính là vì vậy.

## II. Đại Tượng Truyện

象曰 . 天下有山 . 遁 . 君子以遠小人 . 不惡而嚴 .

*Tượng viết.*

**Thiên hạ hữu sơn. Độn. Quân tử dĩ viễn tiểu nhân. Bất ác nhi nghiêm.**

Dịch.

*Tượng rằng: Độn là núi ở trên trời,*

*Khiến người quân tử lánh người tiểu nhân.*

*Chẳng cần thanh sắc dữ dằn,*

*Mình nghiêm họ sẽ đàng thẳng lảng xa.*

Độn là núi ở dưới trời. Núi cao vun vút, vươn mình lên không trung, như muốn lảng bức trời; nhưng càng vươn lên càng thấy trời xa lắc, y như trời muốn dùng sự cao xa của mình để phân cách với núi non.

Người quân tử đối với kẻ tiểu nhân cũng vậy; trong khi tiểu nhân đắc thế, mình không cần phải làm mặt giận, mày dử đối với họ, mà chỉ cần lập nghiêm, cũng đủ cho họ kiêng nể, xa lánh. Đó là cách thức Không Tử đối đãi với Dương Hồ. *Tượng viết. Thiên hạ hữu sơn. Độn. Quân tử dĩ viễn tiểu nhân. Bất ác nhi nghiêm.*

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào bàn về các cách ần độn, những cái hay, cái dở trong việc ần độn, thoái tàng. Các nhà bình giải thường không đồng ý với nhau về nhiều phương diện, nhiều vấn đề.

Để có một ý niệm khái quát về 6 hào, ta có thể mượn lời của Ngu Sơn, Tưởng vấn Thiên, tác giả quyển Dịch Lý Thước, mà bình như sau:

Quẻ Độn mà thượng quái là quẻ Kiền. Kiền là cương kiện, tượng trưng cho sự quyết liệt rũ bỏ mọi sự để qui ần. Hạ quái là Cấn, là chỉ sự bịn rịn, lưu luyến, không rút nổi tư tình để ra đi. Cho nên **Hạ quái không hay bằng Thượng quái**.

Độn càng xa càng tốt, nên các Hào càng lên trên càng tốt. Xét sáu Hào, thì **Hào Sơ** độn là lẩn quẩn ở hàng dưới, thì dẫu phải là độn thật; **Hào Hai** không muốn độn, mà ở lại; **Hào Ba** độn mà còn bị vẫn vương, sắp trốn đi mà lòng còn chưa quyết; **Hào Bốn** là gạt bỏ được tư tình, mà nhẹ

nhàng cao chạy xa bay; **Hào Năm** là gửi mình theo chính đạo, cho nên độn mà vẫn gặp may, gặp lành; **Hào Sáu** là ẩn dật, *thoát vòng tục lụy*.

Nhưng cứ theo lẽ Dịch, không thể chấp nhất và nghị luận một chiều, cần là biết thức thời.

### 1. Hào Sơ Lục.

初六. 遁尾. 厲. 勿用有攸往.

象曰. 遁尾之厲. 不往何災也.

*Sơ lục. Độn vĩ. Lệ. Vật dụng hữu du vãng.*

*Tượng viết.*

**Độn vĩ chi lệ. Bất vãng hà tai dã.**

**Dịch.**

*Rút lui mà quân đằng đuôi,*

*Nguy rồi, dở dối lời thôi làm gì.*

**Tượng rằng:** *Rút lui sau chót là nguy.*

*Mình không dở dối, hại gì ở đâu.*

Sơ Lục là những hạng người chậm chân chạy trốn, mà chỉ lẩn quân ở khúc đuôi, như vậy ắt là nguy (**Độn vĩ. Lệ. Vật dụng hữu du vãng**). Tuy nhiên Sơ là những hạng người tầm thường, chẳng có chức vụ gì quan trọng, nên miễn là họ đừng dở dối gì, cứ ẩn nhẫn, nép mình chờ thời, thì cũng chẳng đến nỗi mang tai họa (**Bất vãng hà tai dã**).

### 2. Hào Lục nhị.

六二. 執之用黃牛之革. 莫之勝說.

象曰. 執用黃牛. 固志也.

*Lục nhị. Chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách. Mạc chi thắng thoát.*

*Tượng viết.*

**Chấp dụng hoàng ngưu. Cố chí dã.**

**Dịch.**

*Rút lui lòng đã như lòng,*

*Khăng khăng như đã thắt bằng da trâu.*

*Da trâu dây thắt chặt sao,*

*Khít khao, chặt chẽ ai nào cởi ra?*

**Tượng rằng:**

*Giữ giàng bằng luột da trâu,*

*Thế là cố chí, trước sau một lòng.*

**Hào Lục nhị**, Trình Tử cho rằng *Nhị* và *Ngũ* lấy nhẽ **Trung chính và thuận** mà gắn bó, cố kết lấy nhau, như buộc bằng da trâu vậy. Ngô thị, Tập thị, theo đòi Trình Tử cũng giải rằng: Lục

nhị là trung thần cật ruột, không thể bỏ nhiệm sở mà trốn đi. Đó là trường hợp Cơ Tử xưa với chủ trương nhất định không trốn, không rút lui (*Ngã bất cố hành độn*). (Kinh Thư, Vi Tử, 9).

Chu Tử và Thái Thị giải đại khái rằng: **Hào Hai** gặp thời độn, biết cẩn trọng giữ gìn từ lời ăn tiếng nói, đến hành động, cử chỉ, và nhất định ẩn độn, không ai can được. Hai quan niệm trên tuy có khác nhau nhưng đều hữu lý.

### 3. Hào Cửu tam.

九三. 系遁. 有疾厲. 畜臣妾吉.

象曰. 系遁之厲. 有疾憊也. 畜臣妾吉. 不可大事也.

*Cửu tam. Hệ độn. Hữu tật lệ. Súc thần thiếp cát.*

*Tượng viết.*

**Hệ độn chi lệ. Hữu tật bại dã. Súc thần thiếp cát. Bất khả đại sự dã.**

**Dịch.**

*Độn mà bị rịn, vấn vương,  
Thế là nguy hại, tai ương rành rành.  
Con hầu đầy tớ quân quanh,  
Nuôi người sai sử, âu đành rằng hay.  
**Tượng rằng:** Bị rịn nên nguy,  
Tinh thần bại hoại suy vi bàng hoàng.  
Con hầu, đầy tớ xôn xang,  
Phàm làm đại sự, ham làm được đâu.*

**Hào Cửu tam** đại khái chủ trương:

a) Đã ẩn độn, đã lánh nạn, mà bị rịn thế thì rất nguy hiểm, vì đương sự sẽ khó quyết định, khó xoay sở. Khi Trùng Nhĩ tị nạn sang nước Tề. Tề Hoàn Công hỏi: *Công tử có mang theo gia quyến không?* Trùng Nhĩ thưa rằng: *Bốn phận tôi đi một mình còn khó giữ, rảnh rang chi mà mang hết cả nhà.*

b) Nhưng có vong thân, có quân hầu, đầy tớ cũng hay (**Súc thần thiếp cát. Bất khả đại sự dã**). Trùng Nhĩ khi lưu vong nhờ có bọn hiền thần là Hồ yển, Hồ mao, Giới Tử Thôi, và Triệu Thôi, nên sau mới phục quốc được (Tấn Văn Công tức Trùng Nhĩ).

Khi đã hồi trào, Tấn Văn Công tưởng thưởng cho những người có công; có tiểu thần Hồ Thúc tâu rằng: Tôi từ Bò Thành đi theo Chúa công, đi khắp bốn phương, chân đã mòn gót, ở thì tôi lo bữa ăn, bữa ngủ; đi tôi lo nổi ngựa xe, chớ hề phút nào rời Chúa công bên tả bên hữu, nay Chúa công ban thưởng kẻ tòng vong, mà chẳng nhắc tới tiểu thần, tưởng khi tiểu thần có tội chi chẳng? Tấn Văn Công nói: Người bước tới đây, ta nói rõ cho người nghe: và những người dạy ta nhân nghĩa, khiến ta mở mang gan phổi, thì được thượng thưởng; giúp ta dùng mưu lược, khiến ta chẳng phục tùng chư hầu, thì được thứ thưởng; xông tên đá, lướt mũi nhọn, lấy thân che đỡ cho ta, thì được kẻ thứ thưởng. Cho nên thượng thưởng là thưởng đức; thứ thưởng là thưởng tài, kẻ thứ là thưởng công; còn như đi đứng nhọc nhằn là sức kẻ thất phu; phải sau bậc tam thưởng, chừng đó mới tới người. Hồ Thúc nghe thì bằng lòng, mắc cỡ mà lui ra.

Lời của tân văn Công giúp ta hiểu tại sao **Súc thần thiếp** mà lại **cát** của Hào này.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 好遁君子吉 . 小人否 .

象曰 . 君子好遁 . 小人否也 .

*Cửu tứ. Hiếu độn quân tử cát. Tiểu nhân phủ.*

*Tượng viết.*

**Quân tử hiếu độn. Tiểu nhân phủ dã.**

**Dịch.**

*Rút lui quên hết riêng tư,  
Hiền nhân thời tốt, phàm phu chẳng lành.*

**Tượng rằng:**

*Hiền nhân thích chuyện rút lui,  
Tiểu nhân, trái lại khó rời chân đi.*

**Hào Bốn** cho rằng chỉ người quân tử mới cắt đứt được tư tình, dám vì công nghĩa mà rút áo ra đi; còn kẻ tiểu nhân thì bịn rịn vẫn vương, khác hẳn người quân tử (*Cửu tứ. Hiếu độn quân tử cát. Tiểu nhân phủ dã*).

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 嘉遁 . 貞吉 .

象曰 . 嘉遁貞吉 . 以正志也 .

*Cửu ngũ. Gia độn. Trinh cát.*

*Tượng viết.*

**Gia độn trinh cát. Dĩ chính chí dã.**

**Dịch.**

*Rút lui êm ả tốt sao  
Đường đường, chính chính, nhẽ nào chẳng hay.*

**Hào Cửu ngũ** đặc trưng, đặc chính, nên mới dùng chữ **Gia độn**, là rút lui một cách đẹp đẽ.

Nói đến Gia độn, ta liên tưởng đến **Charles de Gaulle**. Năm 1946, khi đang làm thủ tướng lâm thời nước Pháp, chán cảnh nội các chia làm năm bè, bảy bối, ông liền từ chức. Ông nói: *Các ông đã vì đảng phái, mà cãi cọ, chia rẽ nhau. Tôi không chấp thuận điều đó, nhưng trừ phi thiết lập chính sách độc tài, đó là điều tôi không muốn, và là chuyện sẽ có kết cuộc chẳng hay; tôi không còn cách nào để ngăn ngừa được cơ sự các ông đang làm này; vì vậy tôi phải rút lui. Nếu các ông thất bại, ít ra tôi còn được nguyên vẹn.* (Trích báo Time, Nov. 23, 1973, page 1).



Sau một thời gian, lập đảng chính trị và tái xuất giang hồ, năm 1955, ông lại rút lui vào bóng tối. Ông tuyên bố cùng quốc dân Pháp: *Tôi có lời từ già các bạn, chúng ta sẽ không gặp nhau lại, trừ phi giông tố đập vùi nước Pháp.*

Năm 1958, chiến tranh Algérie là giông tố, muốn đập vùi nước Pháp thật sự, các tướng lãnh và quân đội yêu cầu ông ra cứu vãn tình hình. Ông bằng lòng, với điều kiện phải để ông lập chế độ Tổng thống. Ông chủ trương Nghị viện bàn cãi, các Tổng bộ trưởng cai trị, viện bảo hiến suy nghĩ, Tổng thống của nền cộng hòa quyết định. Làm Tổng thống từ năm 1958 đến 1969, ông thấy dân chúng có vẻ chán ông, không còn tín nhiệm ông như cũ, ông liền từ chức năm 1969, tuy ông còn mấy năm nhiệm kỳ, ông về quê là Colombey, và đánh lên Paris 1 điện văn từ chức, văn tắt như sau: «Tôi không giữ chức Tổng thống của nước Cộng Hòa nữa. Quyết định này có hiệu lực kể từ trưa hôm nay.»

Vì biết rút lui đúng lúc, khi mà mình hãy còn nhiều uy quyền, thế lực, nên ông giữ được lý tưởng ông, do đó mà chẳng những nước Pháp, mà cả thế giới cảm phục ông. thật đúng là **Gia độn trình cát. Dĩ chính chí dã.** Các công thần khi đã làm xong nhiệm vụ giao phó, liền qui ẩn, vui thú điền viên, chứ không vì lợi lộc mà nấn ná lại chôn triều đình. Kinh Thư viết: **Thần võng nhĩ sủng lợi cư thành công** (Kinh Thư, Thái Giáp hạ, 9.)

## 6. *Hào Thượng cửu.*

上九. 肥遁. 無不利.

象曰. 肥遁. 無不利. 無所疑也.

*Thượng cửu. Phì độn. Vô bất lợi.*

*Tượng viết.*

**Phì độn vô bất lợi. Vô sở nghi dã.**

Dịch.

*Rút lui hơn hở mới hay,*

*Thế nên ích lợi, mắn may mọi đàng.*

**Tượng rằng:** *Rút lui hơn hở vẹn toàn,*

*Là vì dạ chẳng nghi nan, lo lường.*

**Thượng cửu. Phì độn. Vô bất lợi.** Phì độn là độn, là rút lui mà lòng khoan khoái, vì thế mà làm việc gì cũng hay cũng lợi. Gọi là **Phì độn**, vì Hào Thượng Cửu là vô vị, tượng trưng cho một hiền tài, muốn thoát vòng cương tỏa, lợi danh. Chỉ **lấy đạo đức làm cao lương, lấy nhân nghĩa làm mỹ vị**, như vậy đúng là **Phì độn**. **Hào này khiến ta nhớ đến trường hợp Trương Lương.** Trương Lương sau khi giúp Bái Công thống nhất Trung Nguyên, uy tín lừng lẫy, liền xin rút lui qui ẩn, đóng cửa từ khách, để tu tâm dưỡng tánh.

Con ông là Trương Tích Cường một hôm hỏi ông: Nay cha đã làm thầy của vua, ghe phen lập nhiều công lớn, làm quan tới chức tam công, lễ thì ăn ngọc thực muôn chung, an hưởng giàu sang, lâu dài với nước, làm công thần muôn đời, cũng chẳng phải là quá lắm, sao lại đóng cửa từ khách, ở chỗ vắng vẻ mà chịu thanh khổ như vậy, là ý chi vậy?

Trương Lương nói: Con biết sao được, vả chẳng trong đời mà ham giàu sang, là vui công danh đã được, mừng vinh hoa nhân tiên, ngồi cao mà hưởng, nhất hô, bá ứng, thê thiếp đầy nhà,



ca xướng đầy tai, thì đã gọi là cái chí bình sinh đã tột rồi, chứ chẳng có biết ngôi cao tột bực nhân thần, thì thiên hạ hay ghen ghét, trào cao không lẽ mà không té, chứa đầy không lẽ không tràn; vua nghi mình quyền trọng, trời ghét kẻ đầy tràn; kẻ ghét đã mong lòng gấm ghé, người hiềm chờ dịp đầy đưa, chẳng may mà cử trùng sinh giận, nhiều miệng xúi nói vào, thì chừng ấy hết kẻ đỡ che, chạy đi đâu cho khỏi, có phải mình đã bị hại mà vợ con lại mang tai; phú quý vinh hoa phải tay trong nháy mắt. Chi cho bằng vui chơi non nước, hưởng thú giang hồ, say túi càn khôn, giỡn bầu nhật nguyệt, riêng ở một nhà, vào ra thông thả, tuy ở vắng vẻ một mình mà trong lòng khoái lạc; thả ăn rau cỏ sớm trưa, mà toại chí tiêu dao, vinh nhục khỏi lo, không màng danh lợi, an thân bảo mạng, thông thả trọn đời, giữ trọn tiếng lương thần, chẳng hơn cuộc vinh hoa phú quý sao? Trương Tích Cường bái phục và nói rằng: nay con mới biết ý cha, ấy là **đạo minh triết bảo thân đó**.

## ÁP DỤNG QUÊ ĐỘN VÀO THỜI ĐẠI

Nếu ta làm thương mại nhỏ, mà có kẻ mở cơ sở cùng nghề với ta, gần địa điểm thương mại của ta, nhưng **lớn mạnh hơn ta**, cốt ý chèn ép ta, thì ta phải lo rút lui, càng sớm càng tốt, sẽ đỡ bị thiệt hại hơn.

Nếu ta đi làm nơi hãn xưởng, mà gặp phải tiểu nhân có **thể lực mạnh hơn ta**, mà ta không thể thân thiện với họ được, vì bất đồng chính kiến, hoặc tư tưởng, thì ta cũng liệu tìm sở khác, để cho tâm tư thanh thản hơn, và để tránh những va chạm, có thể gây nguy hại cho mình sau này.

Nếu khi đã lập gia đình, mà phải ở chung với đại gia đình, thì ta **phải biết lễ độ, kính trên, nhường dưới**, nhưng nếu chẳng may sự kính nhường đó cũng không thể làm vừa lòng mọi người, thì ta nên cùng vợ hay chồng ra ở riêng một cách êm đẹp thì hơn.

Khi tuổi đã xế chiều, ta phải liệu từ bỏ bớt công việc, để đỡ hại cho sức khỏe, và phải giữ sao cho tâm thần thanh thản, nụ cười luôn nở trên môi, hướng về Thương Đế, chớ đừng lúc nào cũng than oán, cáu kỉnh, giận hờn, thì không nên vậy. ta nên như câu thơ này:

*Răng long đầu bạc mặc tình,  
Đừng bao giờ nói rằng mình già nua.  
Thần thông trời đã phú cho,  
Bạc đầu, lòng vẫn phơn phơ, nhẹ nhàng.*

## 34. 雷天大壯 LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG



Đại Tráng Tự Quái

大壯序卦

Độn giả thoái dã.

遯者退也

Vật bất khả dĩ chung Độn

物不可以終遯

Cố thụ chi dĩ Đại Tráng

故受之以大壯

Đại Tráng Tự Quái

Đời mà trốn mãi cũng kỳ,

*Nên rằng: Đại Tráng để ghi quật cường.*

Quẻ Đại Tráng tiếp sau quẻ Độn, như để nói lên sự biến dịch, tuần hoàn, doanh hư, tiêu tức của Trời đất. Độn là thời Âm trưởng, Dương tiêu; Đại Tráng là thời Dương trưởng, Âm tiêu.

## I. Thoán.

*Thoán Từ.*

大壯：利貞。

**Đại Tráng, Lợi trinh.**

Dịch:

*Lớn mạnh (Đại Tráng) muốn hay cần chính đáng.*

Gọi bằng Đại Tráng, vì Dương là Đại, Âm là Tiêu; ở đây 4 Dương đang hồi cường thịnh, nên gọi bằng Đại Tráng. Hon nữa Quẻ Đại Tráng, dưới có Kiền là cương kiện, trên có Chấn là Lôi, là Động; thử hỏi còn gì mạnh hơn sấm sét được. Đại Tráng là thời kỳ Dương thịnh, mà Dương tượng trưng cho tinh hoa Trời đất, cho tất cả những gì chính đại quang minh. Cho nên trong Thoán Truyện đã đề cập đến 2 chữ **Chính Đại**.

*Quẻ Đại Tráng, bàn về uy dũng, nhưng lại đề cao uy dũng tinh thần, uy dũng của đạo nghĩa nhân đức.*

Uy dũng, nhưng minh chính, uy dũng nhưng vẫn biết Tri cơ hành sự, uy dũng nhưng hoạt động luôn theo quy định phương pháp. Cho nên, uy dũng ở đây không phải là vũ dũng. Sức mạnh con người có thể phân chia thành nhiều loại:

- Sức mạnh của thể chất hay **Sức lực**
- Sức mạnh của cơ mưu hay **Trí lực**,
- Sức mạnh của tâm tình hay **Tâm lực**,
- Sức mạnh của địa vị hay **Thế lực**.
- Sức mạnh của uy quyền hay **Quyền lực**
- Sức mạnh của **đức độ**.

Người ta có thể dùng sức mạnh mình sẵn có, để mà làm những chuyện hay, cũng như chuyện dở. Dịch khuyên dùng sức mạnh để làm điều hay, để thực hiện nghĩa lý mới tốt, mới lợi. Vì thế Thoán viết: **Đại Tráng, lợi trinh**. Dịch cho rằng, tất cả những năng lực tiềm tàng trong vũ trụ này là cốt giúp cho con người **thực hiện sự cao đại**. Hiểu được điều đó là hiểu được ý Trời.

*Thoán truyện.*

Thoán Truyện viết:

大壯，大者壯也。剛以動，故壯。大壯利貞；大者正也。

正大而天地之情可見矣！

Đại Tráng. Đại giả Tráng dã. Cương dĩ động. Cổ tráng. Đại Tráng lợi trinh.

Đại gia chính dã. Chính đại nhi thiên địa chi tình khả kiến hỹ.

Dịch.

*Quẻ Đại Tráng, Dương đà trảng thịnh,  
Cứng động, nên mới mạnh, mới cương.  
Mạnh mà minh chính, đường hoàng,  
Mới hay, mới lợi lẽ thường xưa nay.  
Đại là chính đại, thẳng ngay,  
Hoàng dương chính đại, biết ngay tình Trời.*

Tào Thặng bình quẻ Đại Tráng như sau: **Đại Tráng là chính đại**. Dương trường mà cương động; đại là chính. Trời đất có chính khí, chính khí ấy lưu hành tràn ngập vũ trụ, cho nên trên trời thì sinh ra nhật nguyệt, tinh cầu; dưới đất thì sinh ra núi cao, sông rộng. thánh nhân nuôi dưỡng khí hạo nhiên của Trời đất; chí đại chí cương; giữ nhân cách mình cho tôn nghiêm, và là sư biểu cho đời về nhân luân; các ngài không bao giờ có lời nghị luận kỳ quặc, không bao giờ có những hành động a dua; các ngài cương kiên, thiết thạch, chí trung, chí chính.

Người quân tử theo gương Thánh nhân cũng cố vươn lên cho tới cao đại, cố thực hiện công chính. Khi phú quý không hoang dâm, phóng túng, lúc bần hàn chẳng dòi dờn tiết tháo, uy vũ không khuất phục được chí khí... cái quý của sĩ phu, chẳng phải là tại đó sao?

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰： 雷在天上，大壯；君子以非禮弗履。

Tượng Viết:

Lôi tại thiên thượng. Đại Tráng. Quân tử dĩ phi lễ phát lý.

Dịch.

*Tượng rằng: Sấm động trên Trời;  
Là to, là mạnh, khắp nơi vang rền.  
Những điều chẳng phải, chẳng nên.  
Đã là quân tử, tất nhiên chẳng làm.*

Tượng truyện tiếp tục bàn rằng: muốn có sức mạnh tinh thần, người quân tử phải theo đúng định luật của Trời đất. Mà định luật của Trời đất là: **Tập trung thời mạnh, phá tán thời yếu**, cho nên người quân tử đừng để cho tâm thần bị phá tán trước những cám dỗ của dục vọng, của ngoại cảnh, thời mới trở nên mạnh được.

Sách xưa có câu: **Lòng Chân nhân như hạt châu tại vực thẳm; lòng chúng nhân như bèo bọt trên mặt nước**; thật là chí lý vậy. người **dũng cảm** đối với Nho gia là con người **theo đúng thiên lý**, xét lòng mình không thấy điều chi đáng trách, đáng thẹn.

Người **dũng cảm là người biết liêm sỉ**. Có liêm sỉ mới biết xấu hổ, vì thấy mình còn hèn kém, mới nỗ lực gắng công, mới có thể cải hóa, tự tân, cố gắng tiến bước, và như vậy nghị lực tinh thần mới dần dần tăng trưởng thêm được mãi.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Các Hào lại tiếp tục bàn về sức mạnh, và các cách thi triển về sức mạnh, dở cùng như hay.

Muốn hiểu sáu Hào này trước tiên, ta phải nhận định rằng: Chí khí, dũng cảm, đối với Đức Khổng không phải liều mạng, bạo hổ, bằng hà, không phải là cương đồng như người phương Bắc, mê thích binh đao; ngu cũng đeo gươm, mặc giáp, chết cũng không sao. (Trung Dung X); mà *dũng tức là giữ được niềm hòa khí, lúc nào cũng sống với đạo lý của mình*, dù lúc nước nhà bình yên, hay lúc giang sơn nghiêng ngửa.

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九： 壯于趾，征凶，有孚。

象曰： 壯于趾，其孚窮也。

Sơ Cửu. tráng vu chí. Chinh hung. Hữu phu.

Tượng viết:

Tráng vu chí. Kỳ phu cùng dã.

Dịch.

*Mạnh mà mạnh ở ngón chân.*

*Ra đi ắt sẽ đâm xảm hung tai.*

**Tượng rằng:** *mạnh ở ngón chân,*

*Ra đi ắt sẽ đâm xảm hung tai.*

Hào Sơ chê những người không biết tự lượng, ở cấp dưới mà cậy sức muốn làm đại sự, hoặc mới bắt tay vào một công việc mà cậy vũ dũng, cứ hùng hục mà tiến tới; những người như vậy ắt sẽ đi đến bại vong.

Hào này làm ta nhớ đến Long Đàm, một tên tiểu hiệu của vừa mới được thăng quan, đã muốn xin đi làm tiên phong, để đến nỗi bị nguyên soái Tiên Chấn mắng cho một trận, vuốt mặt không kip. (Đông Châu Liệt quốc, Võ Minh Trí 537)

Hào này làm ta liên tưởng đến Mạnh minh Thị và Kiển Thúc đem quân Tần đi đánh Tấn, nhờn nhờn cậy sức mạnh, mà không cần tìm hiểu về địa hình, địa thế, nên đã mắc nạn tại Hào Sơn, khiến quân sĩ bị tận diệt, còn mình thì giơ tay chịu trói. (Đông Châu Liệt quốc trang 566-568)

Vì thế Hào Sơ mới nói bóng bẩy mà rằng: Mới mạnh nơi ngón chân, mà đã tập tễnh ra đi, chắc chắn sẽ mắc hung họa, cùng khốn. Sơ Cửu: **Tráng vu chí. Chinh hung, Hữu phu.** Tượng viết: **Tráng vu chí. Kỳ phu cùng dã.** Chữ **Hữu phu** ở đây, phải hiểu là chắc chắn, chữ **Kỳ phu cùng dã** phải hiểu là chắc chắn sẽ bị khốn cùng.

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二： 貞吉。

象曰： 九二貞吉，以中也。

Cửu nhị. Trinh cát.

Tượng viết:

Cửu nhị trinh cát. Dĩ trung dã.

Dịch.

*Bền lòng, minh chính mới hay,  
Tượng rằng: Cửu nhị mới hay,  
Là vì trung đạo bấy nay chu toàn.*

**Hào Cửu nhị. Trinh cát. Tượng viết: Cửu nhị trinh cát. Dĩ trung dã.** Thế là Hào Cửu nhị đề cao hai chữ Trung và Chính. (Trinh)

Tấn Văn Công muốn tìm người làm nguyên soái. Triệu Thôi tiến cử Khước Cốc mà thưa rằng: làm nguyên soái, **manh chẳng bằng trí, trí chẳng bằng có học**; như dùng kẻ trí đồng thì không thiếu gì; bằng dùng kẻ có học, duy có một Khước Cốc mà thôi. Cốc năm mươi tuổi, ham học, biết lễ, có nhân, lại thông binh pháp. **Binh là dân, biết thương dân thì dùng binh mới được.** Văn Công khen phải, bèn vời Khước Cốc làm nguyên soái, cũng lấy **nhân nghĩa, trung tín** để thu phục lòng người, mà lập nên nghiệp bá. Thế là Trung Chính vẫn hay, vẫn lợi.

### 3. Hào Cửu Tam.

九三：小人用壯，君子用罔，貞厲。羝羊觸藩，羸其角。

象曰：小人用壯，君子罔也。

Cửu tam. Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử dụng võng. Trinh lệ.  
Đê dương xúc phiên. Luy kỳ giốc.

Tượng viết:

Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử võng dã.

Dịch.

*Tiểu nhân cậy sức mạnh mình,  
Còn người quân tử đã đành là không.  
Dậu phen dê đực húc nhánh,  
Húc càn phen đậu, vương sừng chẳng ra.*

*Tượng rằng:*

*Tiểu nhân cậy sức mạnh mình,  
Còn người quân tử đã đành là không.*

Câu: **Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử dụng võng** của Hào ba này có thể giải bằng hai cách:

Chu Hi, Trình Tử cho rằng: Dụng võng đây đây là khinh thường, là coi thường. Các ông cho rằng: **tiểu nhân mà dùng lực, quân tử mà khinh thường, thời đều hay mắc họa.**

Lai Trí Đức, Wilhelm, Legge, R.G.H, Siu đều dịch chữ **quân tử dụng võng** là **người quân tử không làm như vậy.**

Sở muốn đánh Tấn. Tiên Chân khuyên Tấn Văn Công xuất quân đánh, vì đánh ắt thắng. Hồ Yên trái lại khuyên Tấn Văn Công nên tránh quân Sở, và lui binh 90 dặm, để giữ lời Văn Công hứa với quân Sở khi xưa.

Khi phá Sở xong, Tấn Văn Công ban sư, luận công ban thưởng, phong cho Hồ Yển công đầu, Tiên Chấn công thứ. Các quan tâu hỏi rằng: Vả trận Thành Bộc thì một tay Tiên Chấn dùng kỳ mưu mà phá Sở, nay lại phong Hồ Yển làm đầu công là sao? Văn Công đáp: **Trận Thành Bộc thì Tiên Chấn đốc đánh Sở để thủ thắng, còn Hồ Yển thì đốc tránh Sở để thủ tụt. Vả chẳng cái công thủ thắng, làm nên trong một thừa, còn thủ tụt làm có lợi muôn đời, thì có lý nào đem công một thừa mà gác lên công muôn đời hay sao? Vì vậy phải phong công đầu cho Hồ Yển.** Chư tướng nghe rõ rồi, ai ai cũng đều khâm phục. (Đông Châu Liệt quốc, Võ Minh Trí - 534)

Thế là **võ lực không bằng tín nghĩa** (đức độ).

#### 4. Hào Cửu tứ

九四： 貞吉悔亡，藩決不羸，壯于大輿之輹。

象曰： 藩決不羸，尚往也。

Hào Cửu tứ. Cửu tứ. Trinh cát hồi vong.

Phiên quyết bất luy. Tráng vu đại dư chi phúc.

Tượng viết:

Phiên quyết bất luy. Thượng vãng dã.

Dịch.

*Một lòng minh chính mới hay,*

*Hết ngay hối hận, hết ngay phàn nàn.*

*Dậu phen giăng mắc đã tan,*

*Cưỡi xe trục mạnh, đàng hoàng ruổi rong.*

**Tượng rằng:** *Dậu hết vướng ngăn,*

*Cưỡi xe rong ruổi, băng băng dặm trường.*

Hào Cửu Tứ đứng đầu quần dương, tức là lãnh tụ trong đám quân tử, vì thế hào tứ khuyên hãy giữ con đường minh chính mới hay, mới lành, mới khỏi ăn năn hối hận. Hào Cửu tứ trước mặt có hai Hào Âm, vì thế mới nói đậu phen đã bị khai phá, không còn là trở ngại nữa.

Lại nói có **sức mạnh tinh thần, sẽ lướt thắng được mọi trở lực**, cũng như nhờ sức mạnh vô hình của cốt xe, của trục xe, mà xe mang nổi được cả xe.

**Cửu tứ. Trinh cát hồi vong. Phiên quyết bất luy. Tráng vu đại dư chi phúc.** Cũng có thể hiểu rằng: Nhờ sự kiên trì, bền bỉ, con người sẽ lướt thắng được mọi trở lực, cũng như nhờ sức mạnh vô hình của cốt xe, của trục xe, mà xe mang tải được nhưng trọng lượng lớn. Tấn Văn Công, nhờ ở sự kiên trì, bền bỉ, nên sau nhiều năm lưu lạc, đa trở về tẩn mà lập nghiệp bá. Khi mà trở lực hết rồi, thời có thể thẳng tiến mãi mãi. Vì thế Tượng bàn thêm: **Phiên quyết bất luy. Thượng vãng dã.** Thượng đây là tiến lên mãi mãi.

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五： 喪羊于易，無悔。



象曰：喪羊于易，位不當也。

Lục ngũ. Táng dương vu dị. Vô hối.

Tượng viết:

Táng dương vu dị. Vị bất đáng dã.

Dịch.

*Ôn hòa, dê hết ló lãng,*

*Ôn hòa đối xử, ăn năn lẽ nào.*

**Tượng rằng:** *Ôn hòa dê hết ló lãng,*

*Vị ngôi chẳng đáng, hung hăng cách nào.*

Hào Lục ngũ nói: **Táng dương vu dị. Vô hối.** Có nhiều cách giải nghĩa hào này: Trình Tử giải rằng: Hào năm Âm nhu, mà bốn Hào dưới toàn là Dương. Khí thể hung hăng, nhưng Lục ngũ có thể dùng Âm nhu, mà hóa giải được sự cương táo của quần Dương. Trương Trung Khê cũng giải như vậy, và trích lời vua Quang Võ: **Ta lấy nhu mà trị thiên hạ.**

Tượng viết: **Táng dương vu dị. Vị bất đáng dã.**

## 6. Hào Thượng lục.

上六：羝羊觸藩，不能退，不能遂，無攸利，艱則吉。

象曰：不能退，不能遂，不祥也。艱則吉，咎不長也。

Thượng lục. Dê dương xúc phiên. Bất năng thoái.

Bất năng toại. Vô du lợi. Gian tắc cát.

Tượng viết:

Bất năng thoái. Bất năng toại. Bất trường dã.

Gian tắc cát. Cữu bất trường dã.

Dịch.

*Dậu phen dê đực húc càn,*

*Tiến lui đều mắc, biết làm sao đây.*

*Bè nào cũng chẳng mắn may,*

*Biết mình gặp khó, mới hay, mới lành.*

**Tượng rằng:**

*Tiến lui đều chẳng được nào,*

*Thế là gặp lúc lao đao, chẳng lành.*

*Biết mình gặp bước chông chênh,*

*Là hay, vì biết tội tình làm sai.*

Hào Thượng lục này tượng trưng cho một người đi quá trớn, thành ra mắc kẹt tiến thoái lưỡng nan, chẳng khác nào con dê húc càn vào đậu, vương sừng không thể tiến lui được nữa.



Nếu họ sớm nhận ra khuyết điểm của mình, thời tội lỗi cũng không bao nhiêu. Vì thế Thượng lục nói: **Đê dương xúc phiên. Bất năng thoái. Bất năng toại. Vô du lợi. Gian tắc cát.**

## ÁP DỤNG QUÊ ĐẠI TRÁNG VÀO THỜI ĐẠI.

Ta sinh ra đời, phải biết dùng sức mạnh mình mà thay đổi ngoại cảnh, để mọi sự sẽ tiến tới thành toàn. Chúng ta phải có kế hoạch cho cuộc đời ngay từ thừa còn thơ. Ta phải biết ta phải làm những gì, sẽ làm những gì; và cố gắng thực hiện nó. Nhưng đôi khi, kế hoạch dự định đó khó, thì ta cần phải có chí khí và dũng cảm.

Con người dũng cảm, chí khí, là con người:

- Thấy việc nghĩa nhất định phải làm.
- Thiết tha với hoài bão của mình.
- Tìm mọi biện pháp để thực hiện.
- Bền tâm, dốc chí thực hiện cho được hoài bão đó, không quản khó nhọc, gian lao.

Chúng ta phải hiểu rõ: sức mạnh của chân tay, chỉ giải quyết được những công việc nhỏ, nhưng sức mạnh của trí lực hơn gấp bội phần. Ví dụ: muốn phá núi để mở đường, nếu dùng sức người thì sao bằng dùng thuốc nổ.

\* Một người mẹ thương con, họ có thể hy sinh hết cho con. Một người đang hư hỏng, hoang đàng, nếu yêu tha thiết một người nào, có thể thay đổi để trở thành một người tốt. **Đó là sức mạnh tâm tình.**

\* Một người làm nên, có địa vị, hoặc giàu có, thì đi giao thiệp hay làm việc gì đều có lợi hơn một người không có gì cả. **Đó là sức mạnh của Thẻ lực.**

\* Lưu manh, trộm cướp, phá hại xã hội, chỉ có chính quyền mới tiêu diệt nổi chúng. **Đó là sức mạnh của Quyền lực.**

Tóm lại, chỉ có sức mạnh của bạo tàn thì sẽ không đi tới đâu!

## 35. 火地晉 HỎA ĐỊA TẤN

Tấn Tự Quái

晉序卦

Vật bất khả dĩ chung tráng

物不可以終壯

Cố thụ chi dĩ Tấn

故受之以晉

Tấn giả tiến dã.

晉者進也

**Tấn Tự Quái**

*Mạnh rồi, chẳng lẽ mạnh sông,  
Cho nên quê Tấn vẽ đường tiến lên,*

Tán là tiến lên, sáng láng, rực rỡ, như mặt trời mọc lên dần dần, tỏa ánh quang huy ra khắp mọi nơi.

Dịch Kinh có 3 quẻ đề cập đến sự tiến triển.

- Một là Tán, là mặt trời tiến lên. Hai là Thăng, là cây từ lòng đất vươn lên. Ba là Tiệm, là cây từ sườn non vươn lên. Trong ba quẻ, thì Tán là phát triển, thăng tiến mạnh nhất. Quẻ Tán trên là Ly, có nghĩa là quang minh, dưới là Khôn, có nghĩa là nhu thuận. Thượng minh, hạ thuận, tức là ứng vào một hoàn cảnh mà vua thời minh, tôi thời hiền, dưới trên tương đắc.

## I. Thoán.

### *Thoán Từ.*

**晉：康侯用錫馬蕃庶，晝日三接。**

Tán. Khang hầu. Dụng tích mã phồn thứ. trú nhật tam tiếp.

Dịch. *Thoán Từ.*

*Tán như một vị khang hầu*

*Được ban nhiều ngựa, ngày châu ba phiên.*

Thoán đề cập đến một vị khang hầu, giúp vua trị an đất nước, được vua hết sức sủng ái, ban cho ngựa xe đầy rẫy, lại còn cho vào triều kiến một ngày mấy lần. Kinh Thi, Đại nhã, Thiên hàn Dịch có tả cảnh Hàn Hầu, dòng dõi vua Đại Võ, về triều yết kiến vua Chu Tuyên Vương (827-781), được vua này hết sức trọng đãi, và ban cho cờ, xe, và nhiều đồ quý giá để trang hoàng cho xe ngựa.

Xuân Thu Tả Truyện có chép rằng: năm Hi Công thứ 28, Tán Hầu là Tán văn Công Trùng Nhĩ về triều kiến vua Bình Vương, cũng đã được vua này phong cho làm bá và đã được vào triều yết tất cả là ba lần.

### *Thoán Truyện.*

**彖曰：晉，進也。明出地上，順而麗乎大明，柔進而上行。**

**是以康侯用錫馬蕃庶，晝日三接也。**

Thoán viết:

Tán. Tiến dã. Minh xuất địa thượng. Thuận nhi lệ hồ đại minh.

Nhu tiến nhi thượng hành. Thị dĩ khang hầu. Dụng tích mã phồn thứ.

Trú nhật tam tiếp dã.

Dịch.

*Thoán rằng: Tán ấy tiến lên,*

*Sáng từ mặt đất, sáng lên rõ ràng.*

*Thuận thừa nương ánh dương quang,*

*Mềm từ dưới thấp, nhip nhàng tiến lên.*

*Nên rằng: hầu tước uy quyền,*

*Được ban nhiều ngựa, ba phiên ngày hầu.*

**Thoán Truyện**, giải **Tấn là Tiên**. Vùng Dương từ chân trời, lừng lững tiến mãi lên, tung tỏa quang huy, chiếu soi cùng muôn vật, vì thế nên gọi là Tấn. Tấn, về phương diện nhân sự, ứng vào thời có quân minh, thần trung; thần thì một lòng thần phục đáng minh quân; đáng minh quân thời biết khuất kỷ, hạ hiên. Vì thế mới nói: **Tấn. Tiến dã. Minh xuất địa thượng. Thuận nhi lệ hồ đại minh.**

Quẻ tấn là từ quẻ Quan biến thành. Hào Lục tứ quẻ Quan tiến lên thành Hào Lục ngũ quẻ Tấn; vì thế nên nói: **Nhu tiến nhi thượng hành. Những quẻ kếp, mà có Ly ở trên, thường hay có chữ Nhu tiến nhi thượng hành.** Nơi quẻ Phệ Hạp, thì lại nói: **Nhu đắc trung nhi thượng hành**, nhưng ý cũng như vậy.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰： 明出地上，晉；君子以自昭明德。

Tượng Viết:

Minh xuất địa thượng. Tấn. Quân tử dĩ tự chiêu minh đức.

Dịch. *Tượng rằng:*

*Lửa từ mặt đất tấn cao.*

*Nên người quân tử chuốt chau tính Trời.*

Người quân tử thấy mặt trời từ lòng đất mọc lên, cũng bắt chước làm cho tàn lửa thiên chân trong mình ngày một thêm sáng tỏ.

- Mặt trời, vốn quang minh; bị trái đất che khuất mới không sáng soi được.

- Thần trong ta, vốn quang minh; bị dục tình che khuất mới không sáng soi được.

Vậy chúng ta phải **khử nhân dục**, thì **vùng Dương thiên lý trong ta** mới bùng sáng lên được.

Dịch muốn cho chúng ta, đi đến chỗ **phối thiên huyền hóa**. Cho nên mới khuyên ta **tự cường bất tức**, để theo gương trời **tự chiêu minh đức**, làm rạng tỏ vầng sáng thiên chân trong tâm hồn ta, để tranh huy với vùng dương của Trời đất.

Mới hay lời khuyên của Dịch vừa hay, vừa sâu sắc.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

### 1. Hào Sơ lục.

初六： 晉如，摧如，貞吉。罔孚，裕無咎。

象曰： 晉如，摧如；獨行正也。裕無咎；未受命也。

Sơ lục. Tấn như tồi như. Trinh cát. Vãng phu. Dụ vô cửu.

Tượng viết:

Tấn như tồi như. Độc hành chính dã. Dụ vô cửu. Vị thụ mệnh dã.

Dịch. Sơ lục.

*Tiến lên, mà bị cản lui,*

*Lòng luôn mình chính, âu thời mắn may.*

*Ví bằng đấy chứa tin đây,  
Lâng lâng, thanh thản lòng này quán chi,  
Vậy thời nào có lỗi gì?*

Tượng rằng:

*Tiến lên, mà bị cản lui,  
Thi hành chính đạo, âu thời riêng ta.  
Lâng lâng, thanh thản khoan hòa,  
Là vì lộc nước, mệnh vua chưa từng.*

Hào Sơ lục là bước đầu tiên của một hiền thần, trên con đường tiến thân. Muốn tiến lên, mà lại bao khó khăn, trắc trở còn đang chờ đợi. Vì thế Hào từ mới nói: **Tấn như tồi như**, tiến lên mà bị ngăn chặn, bắt phải lui.

Trong trường hợp ấy, hãy biết chờ thời, ăn theo lẽ phải, ung dung, thanh thản, sống cho qua ngày, đừng nóng lòng vội, tiến như vậy mới khỏi lỗi lầm.

Hàn Tín từ Hàm Dương băng rừng, vượt suối, để về thân phục Bái Công. Tuy Hàn Tín có thư của Trương Lương tiến cử với Bái Công để lãnh chức Nguyên Nhung nhưng Hàn Tín không chịu đưa bức thư ấy ra vội.

Bái Công mới đầu không tin Hàn Tín có tài, nên chỉ cho làm một chức quan nhỏ coi lương lương; nhưng Hàn Tín không lấy thế làm buồn, vẫn ra sức làm phận sự cho chu toàn. Thật là **Võng phu. Dụ vô cửu**.

Khi người chưa tin mình, mình cứ sống ung dung, thanh thản, mới tránh khỏi lỗi lầm. Và lại mình chưa com nặng áo dày của ai, thì việc chi mà chẳng sống cho tiêu sái (**Dụ vô cử. Vị thụ mệnh dã**).

## 2. Hào Lục nhị

六二： 晉如，愁如，貞吉。受茲介福，于其王母。

象曰： 受之介福，以中正也。

Lục nhị. Tấn như sầu như. Trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.

Tượng viết;

Thụ tư giới phúc. Dĩ trung chính dã.

Dịch. Lục nhị.

*Tiến lên lòng những âu sầu,  
Một niềm minh chính, trước sau tốt lành.  
Rời ra phúc lộc quân doanh,  
Là vì trung nghĩa, phân minh đường hoàng.*

Hào Lục nhị, tượng trưng những bậc thần tử có tài, muốn tiến lên, cho vua biết mặt, chủ biết tên, nhưng bị những quan chức triều đình úy kỵ, ghét ghen, cố dìm, không để cho xuất đầu lộ diện được. Trong trường hợp ấy, cũng vẫn phải cư xử cho phải phép, chóng chầy rồi sẽ được vinh hoa,

quyền cao, chức trọng, vì thế Hào từ mới nói: **Tiền như sâu như. Trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.** Chữ Giới đây nghĩa là lớn. Chữ **wương mẫu** đây ám chỉ Hào Lục ngũ, tức là vua.

Tiết nhân Quý là một anh tài xuất chúng, ra đầu quân để đi Chinh Đông giúp vua Đường, chém tướng phá thành, mà bao công lao đều bị Trương Sĩ Quý gạt gẫm chiếm hết cho con rể là Hà Tôn Hiến. Mãi mãi, chỉ là một tên Hỏa đầu quân, đến nỗi một đêm phải nhìn trăng mà than rằng: Trăng ôi! Trăng có biết ta là Tiết Nhân Quý đứng đây; vì công danh nên bị khổ, bấy năm chày khóa hải Chinh Đông, biết bao công khó, chẳng hay chúa thượng có rõ nỗi lòng, chớ ở Nguyệt Tụ Hiệu này hoài, thì cực thân quá đổi.

Nghĩ như bọn quân kia, có nhiều người còn hơn hờ, kẻ thì tiền công, người thì rượu thưởng, vui vậy, còn ta chịu khó nhọc phá thành này, lấy lũy nọ, suốt đời làm Hỏa Đầu quân, mãi mãi vậy thôi. Biết ngày nào trả đặng ơn dày, đền nghĩa nặng, còn vợ con nơi hang đá, ấm lạnh cũng chẳng hay. Trăng ôi! Trăng đâu biết, cùng chẳng biết, lòng nghĩ riêng, bi thiết mà thôi. (Chinh Đông, trang 120).

Mãi sau này, khi một ngựa, một kích, đánh bại Cáp Tô Văn, cứu được vua Đường Thế Tôn, mới dần dần khôi phục được công lao. Lấy chuyện Tiết Nhân Quý, để giải thích Hào Lục nhị này, tưởng không gì thích hợp hơn.

### 3. Hào Lục tam.

六三： 眾允，悔亡。

象曰： 眾允之，志上行也。

Lục tam. Chúng doãn. Hối vong.

Tượng viết:

Chúng doãn chi. Chí thượng hành dã.

Dịch. *Lục tam.*

*Mọi người ý hợp, tâm đầu,*

*Còn đâu hối hận, còn đâu phàn nàn.*

*Tượng rằng: Mọi người ý hiệp, tâm đầu,*

*Con đường tiến bộ, cùng nhau thượng hành.*

**Hào Lục tam.** Khi một vị anh tài đã được mọi người kính phục, thì bấy giờ bước tiến sẽ thanh thản, và không còn gì bận lòng nữa. Khi Hàn Tín đã đem sở học của mình, làm cho Tiêu Hà, Đổng Công phục rồi, bấy giờ mới mang thư tiến cử của Trương Lương ra cho họ xem. Tiêu Hà, Đổng Công lại một phen nữa bảo tâu cho Hàn Tín.

Bái Công, sau khi đã rõ đầu đuôi, mới phục tài Hàn Tín, mới chịu lập đàn bái tướng, phong Hàn Tín làm Phá Sở Đại Nguyên Soái. Thế đúng là: **Chúng doãn chi. Chí thượng hành dã.**

### 4. Hào Cửu tứ.

九四： 晉如碩鼠，貞厲。

象曰：碩鼠貞厲，位不當也。

Cửu tứ. Tấn như thạng thử. Trinh lệ.

Tượng viết:

Thạch thử trinh lệ. Vị bất đáng dã.

Dịch. Cửu tứ.

*Tiến mà như chuột, hay chi,  
Gian manh như chuột, ắt khi nguy nàn.*

Tượng rằng:

*Gian manh như chuột, ắt nguy,  
Vị ngôi chẳng xứng, ắt khi lỡ làng.*

Hào Cửu tứ là một Hào Dương, nằm sát ngay dưới Hào Lục ngũ, nhưng lại đè trên 3 hào Âm. Như vậy chẳng khác nào một gian thần che mắt vua, mà đè nén người có công ở dưới. Triều đình xưa nay, thường hay có hạng gian thần này. Dịch Kinh sánh họ với những con chuột đồng. Chuột đồng thì tham ăn, sợ người, sợ ánh sáng; ngày nấp, đêm ra. Những bọn gian thần cũng tham quyền cố vị; úy kỵ kẻ hiền tài, lại chuyên làm những điều ám muội.

Vì thế nói: **Tấn như thạng thử. Trinh lệ.**

Trong Kinh Thi, Ngụy Phong cũng có bài thơ Thạch Thử đề mà chi; trích bọn tham quan này.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五：晉其角，維用伐邑，厲吉無咎，貞吝。

象曰：維用伐邑，道未光也。

Lục ngũ. Hối vong. Thất đắc vật tuất. Vãng cát vô bất lợi.

Tượng viết:

Thất đắc vật tuất. Vãng hữu khánh dã.

Dịch. Lục ngũ.

*Hết còn hối hận, phàn nàn,  
Cuộc đời thành bại, chẳng màng, chẳng lo,  
Khi nên, trời sẽ giúp cho,  
Rời ra muôn sự tròn vo, êm đềm.  
Tượng rằng: Đắc thất chẳng màng,  
Việc gì rời cũng muôn vàn mắn may.*

Lục ngũ, tượng trung bậc đại minh, mà người dưới đều thuận phục, như vậy làm gì chẳng nên, có việc gì mà phải ăn năn nữa. Vì thế nói: **Lục ngũ, Hối vong.**

Ngự Án cho rằng: Lục ngũ là vị khang hầu, và cũng là chủ quẻ Tấn này, vì Thoán Từ nói đến một vị khang hầu được đãi ngộ hân hoan. Thoán Truyện lại nói: **Nhu tiến nhi thượng**

**hành.** Thoán Tử đòi hỏi vị khang hầu phải là người hoàn hảo. Những người tiến lên, mà còn nhỏ nhen, bo bo chuyện đặc thất, Ngự Án coi họ như là con chuột đồng, hay những kẻ phàm phu. Còn những bậc đại công thần, thì chỉ biết tận trung báo quốc, không màng đến chuyện được mất, lợi hại.

Ngược lại, các nhà bình giải lại cho rằng: Lục ngũ là một vị anh quân, khi đã tìm được hiền thần phụ bật rồi, thì đừng nên quá quan tâm về chuyện đặc thất, như vậy mới hay.

Chữ **đặc thất vật tuất**, đây phải hiểu là được, mất chớ lo. Người xưa cho rằng: mình hãy lo nghị luận chỉ xác đáng, đừng lo lợi lộc, hãy lo làm cho đạo nghĩa sáng tỏ, đừng kẻ công lao. (**Nhân chính, kỳ nghị, bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đảo, bất kể kỳ công**).

Trương Trung Khê bình rằng: Lục ngũ là một vị quân chủ biết làm sáng tỏ đức sáng của mình, nên thiên hạ, thần dân ai cũng thuận phục, như vậy không còn gì phải phàn nàn.

Nếu mà lại có thể giữ cho lòng không bị hệ lụy, bởi những chuyện đặc thất, không để cho ưu tư làm hao tổn lao lung, rồi cứ đường ấy mà tiến, thì làm gì mà chẳng hay, chẳng lợi.

Vì thế mới nói: **Thất đặc vật tuất. Vãng cát vô bất lợi**

## 6. Hào Thượng cửu

上九：晉其角，維用伐邑，厲吉無咎，貞吝。

象曰：維用伐邑，道未光也。

Thượng Cửu. Tấn kỳ giác. Duy dụng phạt ấp. Lệ cát. Vô cửu. Trinh lận.

Tượng viết: Duy dụng phạt ấp. Đạo vi quang đã.

Dịch. Thượng cửu.

*Tiến mà tiến độc đôi sừng,  
Áp mình riêng trị, trị chừng ấy thôi.  
Biết nguy, biết hiểm, may rồi,  
Trị binh khéo léo, âu thời lỗi chi.  
Nếu như sinh dụng quyền uy,  
Ưa dùng võ lực, thế thì tiếc thay.  
**Tượng rằng:** Đánh độc áp mình,  
Nghĩa là đạo đức chưa thành quang hoa.*

Thượng Cửu nói: **Tấn Kỳ giác.** Tiến bằng sừng, tức là đã hết đường tiến rồi, đã tiến đến cùng rồi.

Lúc ấy Trình Tử cho rằng cần phải biết tự trị, tự xử cho hay, lại phải biết đề phòng nguy hiểm, mới tốt.

Chữ **Duy dụng phạt ấp** của Hào này được Trình Tử giải như sau: **Chinh phạt tứ phương là trị ngoại, chinh phạt áp mình là trị nội.** Nói **phạt ấp tức là nói tự trị phía bên trong.** Ngự Án cũng cho rằng, khi đã tiến đến cùng rồi, hãy lo giữ mình, đừng làm điều sằng bậy; ở nhà thì lo giáo hóa con cái, cai trị tôi đòi, khi ra ngoài thì giao thiệp cho nghiêm cẩn. Bằng cứ một mức tiến nữa, dẫu may mà chẳng gặp hiểm nguy, nhiều khi vẫn thấy tự thẹn với lòng.



Có nhiều nhà bình giải lại cho rằng: lúc Tấn đã đến cùng cực, nếu cần phải dùng võ lực, để sửa trị áp mình thì cũng được đi, không có gì đáng trách (**Duy dụng phạt áp. Lệ cát. Vô cửu**). Tuy nhiên, khi mà đức độ chưa đủ cảm lòng người, còn phải dùng võ lực để chinh phục người, thì kể ra cũng đáng hổ thẹn vậy (**Trinh lận**).

## ÁP DỤNG QUẺ TẤN VÀO THỜI ĐẠI.

Con người sinh ra đời, luôn luôn phải tiến lên, để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại.

\* **Khi còn ở học đường**, ta tiến lên bằng các chăm chỉ học hành, có điều gì không hiểu thì hỏi thầy, hỏi bạn, tìm hiểu thêm trong sách vở ở ngoài, chứ đừng tiến lên bằng nhưng thủ đoạn gian manh, bề ngoài thì có bằng cấp, nhưng thực tế thì kiến thức thu thập được ở học đường không bao lắm, ra ngoài khó kiếm việc làm, tạo cảnh dở khóc dở cười.

\* **Khi đang làm việc**, muốn tăng lương, tăng chức, thì phải chăm chỉ, nghiên cứu thêm để có nhiều sáng kiến mới, phải mang những sáng kiến đó lên thượng cấp của mình. Nhưng khi mình đã được trọng dụng rồi, thì phải tùy theo trí thông minh và sức khỏe của mình mà tiến lên, chứ đừng cố gắng tối đa, (nhất là những người ở thành phần phát minh, phải cần có bộ óc cực kỳ sáng suốt), có thể gây ra sự suy nhược thần kinh, đó là điều quẻ Tấn muốn khuyên ta: **Tiến nhưng đừng tiến vượt quá sức mình**.

\* **Khi thấy mình là thành phần suất sắc**, có khả năng đào tạo được một cơ sở độc lập, thì cứ mạnh bạo tiến lên, ví gặp khó khăn đừng nản chí, vì ở đời có sự thành công nào mà không gặp khó khăn lúc ban đầu đâu.

Nhưng dù làm gì, cũng phải ngay thẳng, minh chính. Dùng mưu lược, thủ đoạn để bảo vệ mình thì không sao, nhưng để hãm hại người, mưu lợi cho mình, thì người quân tử không bao giờ làm.

## 36. 地火明夷 ĐỊA HỎA MINH DI



### Minh Di Tự Quái

明夷序卦

Tấn giả tiến dã.

晉者進也。

Tiến tất hữu sở thương.

進必有所傷。

Cố thụ chi dĩ Minh Di.

故受之以明夷。

Di giả thương dã.

夷者傷也。

### Minh Di Tự Quái

Cho nên, quẻ Tấn về đường tiến lên.

Tiến trình âu lắm oan khiên.

Minh Di vì vậy, nói lên sự tình.

Quẻ Minh Di, trái ngược với quẻ Tấn. Tấn là mặt trời mọc lên cao mãi, khỏi mặt đất. Minh Di là mặt trời chìm dần xuống lòng đất.

Tấn là một thời kỳ minh thịnh, trên thì có minh quân, dưới thì có hiền thần, cùng nhau tiến bước.

Minh Di, là một thời kỳ hôn ám, trên là hôn quân, dưới là quân thần thọ thương, thọ khổ. Gọi là Minh Di, có nghĩa là ánh sáng bị thương tổn, quân tử bị thương tổn, tai nạn.

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

明夷. 利艱貞.

**Minh Di. Lợi gian trinh.**

Dịch.

*Minh Di mà biết nguy nan,  
Lại luôn chính trực, mới gan, mới lời.*

Minh Di, là thời quân tử lâm nạn, nên Thoán từ mở đầu bằng một lời khuyên: Gian nan mà vẫn giữ được chính lý, chính đạo, mới hay: **Minh Di. Lợi gian trinh.**

### *Thoán Truyện.*

象曰. 明入地中. 明夷. 內文明而外柔順. 以蒙大難. 文王以之.

利艱貞. 晦其明也. 內難而能正其志. 箕子以之.

*Thoán viết:*

**Minh nhập địa trung. Minh Di. Nội văn minh nhi ngoại nhu thuận.  
Dĩ mộng đại nạn. Văn vương dĩ chi. Lợi gian trinh. Hối kỳ minh dã.  
Nội nạn nhi năng chính kỳ chí. Cơ Tử dĩ chi.**

Dịch.

*Thoán rằng: sáng nhập đất rồi,  
Minh Di là sáng chôn vùi tầng sâu.  
Trong tuy sáng tỏ mặc dầu,  
Ngoài thời nhu thuận, qua cầu gian nan.  
Văn Vương gặp buổi tai nạn,  
Đã theo lối đó, mới an mới lành.  
Gian nan, mà vẫn trung trinh,  
Thế thời ích lợi âu đành mấy mươi.  
Giấu che thông sáng với đời,  
Gặp cơn hoạn nạn, chẳng rời trung trinh.  
Sắt son giữa buổi điêu linh,  
Được như Cơ Tử, sử sanh mấy người.*

**Thoán Truyện** giải hai chữ Minh Di là *Minh nhập địa trung*, nghĩa là *Ánh sáng đã vào lòng đất*

Thoán Truyện bày cách cho người quân tử xử sự khi gặp thời buổi Minh Di, khi mà hôn quân những toan hãm hại mình. Lúc ấy người quân tử, tuy tâm thần bên trong sáng láng, nhưng bên ngoài phải tỏ ra phục tùng, nhu thuận. Đó là đường lối Văn vương đã theo, khi gặp đại nạn, và bị Trụ Vương cầm tù bảy năm ở Dũ Lý.

*Thoán rằng: Nội văn minh. Nhi ngoại nhu thuận. Dĩ mông đại nạn. Văn Vương dĩ chi.* Mông đây là **gặp**.

Gặp thời buổi gian nan như vậy, phải biết che dấu sự thông sáng của mình, mà vẫn giữ tròn được chính đạo, thế mới là đường lối vẹn toàn. Cơ Tử đã theo được đường lối này. **Lợi gian trinh. Hối kỳ minh dã. Nội nạn nhi năng chính kỳ chí. Cơ Tử dĩ chi.** Gặp lúc hôn quân nghi kỵ, mà không dấu được sự thông minh sáng láng của mình, tất sẽ gặp hoạn nạn; bằng không giữ được lòng ngay chính, thì không phải là những trang hiền minh, trung liệt.

Người xưa nói: *Người có nhân, không vì thịnh suy, mà đổi tiết, Người có nghĩa, không vì còn, mất mà thay lòng.* Thực đúng là trường hợp Cơ Tử. Văn vương và Cơ Tử chẳng những đã khéo xử, trong thời Minh Di, nên đã thoát được tay Trụ Vương hãm hại, mà còn lợi dụng được thời Minh Di, mà làm nên sự nghiệp.

Văn Vương, trong 7 năm bị giam cầm ở Dũ Lý, đã biết lợi dụng thời gian đó mà làm Dịch. Còn Cơ Tử giả cuồng, giả dại, đem thân ở đợ cho người, thời lại phát minh ra được vi ý *Lạc Thơ* của Đại Võ mà viết thành thiên *Hồng Phạm Cửu Trù*, truyền lại cho hậu thế. Như vậy chẳng đáng phục lắm sao?

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰。明入地中。明夷。君子以蒞眾。用晦而明。

**Tượng viết:**

**Minh nhập địa trung. Minh Di. Quân tử dĩ lý chúng. Dụng hối nhi minh.**

**Dịch.** Tượng rằng:

*Sáng vào lòng đất, Minh Di,*

*Nên người quân tử cũng y tượng trời.*

*Xuê xòa đối đãi với người,*

*Bề trong sáng suốt, bề ngoài giả lờ.*

**Tượng Truyện** nhân quẻ Minh Di, dạy chúng ta bài học trị dân. Dịch cho rằng: khi người quân tử đến với dân, không nên quá soi mói, tuy bề trong mình sáng láng, nhưng bề ngoài nhiều khi phải giả lờ như là không biết, không nghe. Thế tức là: **Quân tử dĩ lý chúng. Dụng hối nhi minh.**

Mũ miện của vua chúa xưa, thường có những bông tua rủ xuống trước mắt, trước tai, hoặc dùng bình phong che ngoài cửa, cột tỏ muốn nhắm mắt bưng tai, làm ngo bót trước những lỗi làm của kẻ dưới.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。 明夷于飛。垂其翼。君子于行。三日不食。

有攸往。主人有言。

象曰： 君子于行，義不食也。

**Sơ Cửu. Minh Di vu phi. Thù kỳ dục. Quân tử vu hành.**

**Tam nhật bất thực. Hữu du vãng. Chủ nhân hữu ngôn.**

**Tượng viết:**

**Quân tử vu hành. Nghĩa bất thực dã.**

**Dịch. Sơ Cửu.**

*Minh Di, tằm tối nguy thay,*

*Tìm đường cao chạy xa bay cho rồi.*

*Cổ sao che được mắt người,*

*Như chim rũ cánh, vẻ ngoài thọ thương.*

*Ra đi quân tử lo lường,*

*Ba ngày ròng rã chẳng màng uống ăn.*

*Đi đâu, cũng bị tiếng tăm.*

*Miệng đời đàm tiếu, lãng nhăng quản gì.*

**Tượng rằng:** quân tử ra đi,

*Cổ sao đi thoát, quản gì uống ăn.*

**Sơ Cửu** tượng trưng cho người quân tử gặp thời Minh Di, nhưng hãy còn xa hôn quân, xa họa hoạn.

Lúc ấy phải xử trí ra sao? Thưa phải tìm đường **cao phi, viễn tẩu**. Thế tức là **Minh Di vu phi**. Tổng Bản thập tam kinh giải chữ **Vu phi**, là theo một đường lối đặc biệt, để thoát nạn, là phải giả đồ ốm đau, bệnh hoạn, để dễ bề rút lui, chẳng khác nào con chim bị thương, rũ cánh xuống; **Thù kỳ dục**.

Đã đi trốn được rồi, phải đi cho cấp tốc, kéo bị bắt lại; đừng kể chi đến ăn uống nữa, dầu nhịn đói ba ngày mà cứu được mạng mình, cũng nên nhịn mà trốn. **Quân tử vu hành. Tam nhật bất thực**. Khi hiểm nguy chưa biểu lộ, mà mình lo đi gấp, âu sẽ có nhiều người chê cười, cho là hèn nhát, là điên cuồng. Nhưng người quân tử phải **kiến cơ nhi tác**, chứ không đợi nước đến chân mới nhảy. Vì thế Hào từ viết thêm: **Hữu du vãng. Chủ nhân hữu ngôn**. Chữ Chủ nhân đây không nhất thiết phải là **chủ nhân của mình, mà cũng có thể hiểu trông là người ta**. Trình từ cũng giải thích rằng: Mình ra đi, mà có người nói xấu sau lưng mình.

Khi Mục Sinh, rời nước Sở, thì Thân Công, Bạch Công, đều chê là chẳng phải, chứ đừng nói chi đến người thường, nhưng có biết đâu Mục Sinh ra đi để lánh nạn Tư Mỹ. Các nhà bình giải Quẻ Minh Di, cũng thường lấy chuyện các hiền thần đời vua Trụ, mà giải các Hào.

Hào Sơ này làm ta liên tưởng đến Bá Di, chạy lên biển Bắc; Thái Công Vọng, chạy ra biển Đông, để lánh nạn Trụ Vương. Bầy mưu, tính kế, để cao chạy xa bay, đó là cách thế người xưa thường dùng.

Đọc Tây Hán Chí, ta thấy Bái Công, Trương Lương và Trần Bình, phải tốn bao tâm cơ, mới được Hạng Võ cho phép vào Hán Trung. Và khi đã được Hạng Võ chấp thuận rồi, Bái Công đã

vội vã ra đi, thoát nanh vuốt Hạng Võ, sớm chừng nào hay chừng nấy. Thật đúng là: **Quân tử vu hành. Nghĩa bất thực dã.**

### 2. Hào Lục nhị.

六二. 明夷. 夷于左股. 用拯. 馬壯. 吉.

象曰. 六二之吉. 順以則也.

**Lục nhị. Minh Di. Di vu tả cổ. Dụng chửng. Mã tráng. Cát.**

**Tượng viết:**

**Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tắc dã.**

**Dịch.**

*Minh Di phải buổi nhiều nhưng,  
Làm cho đùi trái thọ thương mất rồi.  
Ngựa hay, sẽ cứu được người,  
Ruổi rong lưng ngựa, may thời ắt may.  
**Tượng rằng:** Lục nhị gặp may,  
Vì theo phép nước, chẳng thay đổi lòng.*

**Lục nhị** đây là một bậc hiền minh chi tài, gặp thời Minh Di, mà biết ăn ở theo lẽ **trung chính**, lại bên ngoài, biết tỏ vẻ nhu thuận, phục tùng.

Những người như vậy, dầu gặp hoàn cảnh éo le, nguy hiểm, vẫn biết thuận thời tự xử, chờ tới khi có người đến cứu thoát, cũng y thức như một người mới bị thương, và chân trái tuy không đi được, nhưng nếu có ngựa hay, ngựa mạnh, vẫn có thể cưỡi mà trốn thoát. Vì thế, Dịch mới nói: **Lục nhị. Minh Di. Di vu tả cổ. Dụng chửng. Mã tráng. Cát.** Đó là trường hợp Văn Vương, khi bị cầm tù ở ngục Dũ Lý. Ngài một niềm trung thuận, giữ trọn đạo bầy tôi.

Sau này, Tấn Nghi Sinh sai Thái Diên và Hoàng Yêu dâng vàng bạc, châu báu, cho Vu Bôn, Bí Trọng, để hai tên gian thần này bảo tấu với Trụ Vương, mà xin tha cho Văn Vương.

Thế tức là: **Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tắc dã.**

### 3. Hào Cửu tam.

九三. 明夷于南狩. 得其大首. 不可疾貞.

象曰. 南狩之志. 乃大得也.

**Cửu tam. Minh Di vu nam thú. Đắc kỳ đại thủ. Bất khả tật trinh.**

**Tượng viết:**

**Nam thú chi chí. Nãi đại đắc dã.**

**Dịch.**

*Minh Di săn thú phía nam,  
Gặp ngay chủ chốt, bắt mang trở về.*

*Dân tình vất vương, ú ê,  
Chớ nên vội vã, ép bề phép khuôn.  
**Tượng rằng:** Săn thú phía nam,  
Cho nên việc lớn đã làm nên công.*

**Cửu tam** là chí minh, nên khắc với Hào Thượng Lục là ám. Vì thế nên Hào Cửu tam chính là những người anh tài, như Thang, Võ sẽ ra tay, vì dân trừ kẻ bạo tàn là Kiệt, Trụ. Họ là những kẻ đứng lên, tiến lên để ruồng bắt, những kẻ đại gian, đại ác, hại dân, hại nước.

Dịch nói: **Cửu tam. Minh Di vu nam thú. Đắc kỳ đại thủ**, chính là vì vậy. Trong công cuộc này, Dịch khuyên không nên vội vàng, nhất là khi phải chỉnh đốn lại guồng máy chính trị, tình hình xã hội. Hào từ nói: **Bất khả tạt trình**, chính là vì thế.

Kinh Thư, thiên Từ Cáo khuyên không nên giết hại những quan chức nhà Châu, mắc tội bê tha rượu chè, mà phải giáo hoá, dẫn dụ họ. Từ khi Thành Thang thoát ngục Hạ Đài, cho đến khi lật đổ được vua Kiệt; từ khi Văn Vương thoát được ngục Dũ Lý, cho đến khi Vũ Vương lật đổ được vua Trụ, cũng phải mất nhiều năm, nhiều tháng. Tóm lại muốn lật đổ một hôn quân vô đạo, không phải là một chuyện dễ, cần phải chuẩn bị lâu dài, chứ không thể vội vã được.

#### 4. Hào Lục tứ.

六四。入于左腹。獲明夷之心。于出門庭。

象曰。入于左腹。獲心意也。

**Lục tứ: Nhập vu tả phúc. Hoạch Minh Di chi tâm. Vu xuất môn đình.**

**Tượng viết:**

**Nhập vu tả phúc. Hoạch tâm ý dã.**

**Dịch.**

*Phía lòng bên trái lọt vào,  
Mới hay tâm địa cơ cầu Minh Di.  
Cửa nhà vội bỏ ra đi.  
**Tượng rằng:** ruột trái đi vào.  
Ấy là biết được gót đầu tâm tư.*

**Hào Lục tứ** tượng trưng cho một người thân thiết của hôn quân, đã được lòng của hôn quân (**Hoạch Minh Di chi tâm. Vu xuất môn đình**), đã đi sâu được vào tâm địa của hôn quân (**Nhập vu tả phúc. Hoạch tâm ý dã**), và biết chắc chắn không có cách nào cảm hóa được hôn quân, không còn cách nào cứu vãn được sự đổ nát của triều chính, vì thế nên đành rút áo ra đi (**Vu xuất môn đình**).

Đó là trường hợp Vi Tử, anh ruột vua Trụ, đã phải bỏ nước ra đi (Kinh Thư, Vi Tử).

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五. 箕子之明夷. 利貞.

象曰. 箕子之貞. 明不可息也.

**Lục ngũ. Cơ Tử chi Minh Di. Lợi trinh.**

**Tượng viết:**

**Cơ Tử chi trinh. Minh bất khả tức dã.**

**Dịch.**

*Bên gan sống buổi Minh Di,  
Được như Cơ Tử, còn gì lợi hơn.  
**Tượng rằng:** Cơ Tử bên gan,  
Mới hay sáng láng, khó làm tắt đi.*

**Lục ngũ** chính là trường hợp của Cơ Tử. Cơ Tử kẻ cận quân vương, cầm giường mỗi cho đất nước, vì thế Cơ Tử không thể ra đi được.

Cơ Tử, sau khi đã khuyên Vi Tử, nên đi trốn, để bảo toàn giòng giới nhà Thương, đã kết luận: Còn tôi, tôi không nghĩ đến chuyện đi trốn (**Ngã bất cố hành độn**. Kinh Thư, Vi tử), mà ở lại, thiệt càng khó xử. Muốn Trụ Vương, khỏi hại mình, ông phải giả điên, giả khùng, đi ở đợ cho người. Một hiền thân như vậy, thật đáng quý trọng. Vì thế Hào tử mới nói, **Cơ Tử chi trinh. Minh bất khả tức dã**. Cơ Tử thực là nhân vật hiếm có trong lịch sử.

Khi nhà Thương còn, thì ông đã hết sức ần nhẫn, đợi thời, gây dựng lại cơ nghiệp đã suy tàn. Khi nhà Thương mất, Võ vương khẩn khoản xin ông chỉ cho cách trị dân, thì ông dạy cho **Hồng Phạm Cửu Trù**, nhưng trước sau, ông nhất định không chịu thờ nhà Châu. Võ vương đành cho ông đến xứ Cao Ly xưng vương, lập quốc. Thật hi hữu vậy.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六. 不明晦. 初登于天. 后入于地.

象曰. 初登于天. 照四國也. 后入于地. 失則也.

**Thượng Lục. Bất minh hối. Sơ đăng vu thiên. Hậu nhập vu địa.**

**Tượng viết:**

**Sơ đăng vu thiên. Chiếu tứ quốc dã. Hậu nhập vu địa. Thất tắc dã.**

**Dịch. Thượng lục.**

*Sáng không sáng lại tối thui,  
Trước lên trời thăm, sau vùi đất sâu.  
**Tượng rằng:** Mới đầu lên vút tận trời,  
Sau sa lòng đất, vì rời phép khuôn.*

**Hào Thượng Lục**, là Hào cuối của quẻ Minh Di, và cũng là Hào cuối của quẻ Khôn, tượng trưng ánh sáng bị thương tổn đến cùng cực (**Bất minh hối**). Không làm sáng được đức mình, để nó trở nên tối tăm; những người thế ấy mà ở cao ngời, sẽ làm hại những người minh chính, sau



cùng họ sẽ trở lại làm hại chính họ. Đó chính là trường hợp Trụ Vương; mới đầu thì uy quyền chấn bốn phương; sau này vì mê Đát Kỷ, chuyên hãm hại hiền thần, lập ra những hình phạt khủng khiếp, như Sái Bồn, Bào Lạc, để cuối cùng cũng đi đến chỗ mất ngôi, mất nước, phải tự thiêu ở Lộc Đài. Thật đúng là : **Sơ đẳng vu thiên. Hậu nhập vu địa.** Đáng cho ta phải để tâm suy nghĩ

Các nhà bình giải, thường lấy các nhân vật đời Trụ Vương mà giải quẻ Minh Di, nhưng Minh Di không phải là một trường hợp lịch sử duy nhất, áp dụng cho thời Trụ Vương mà thôi đâu; mà còn áp dụng mãi mãi trong lịch sử, mỗi khi có hôn quân định hãm hại hiền thần; trụy lạc, hoang dâm làm cho nhà tan, nước mất.

*Tiểu Tượng Truyện* kết luận rằng: Sự đoạ lạc xảy ra, là vì không theo định luật tự nhiên của trời đất (**Hậu nhập vu địa. Thất tắc dã**).

## ÁP DỤNG QUẺ MINH DI VÀO THỜI ĐẠI

Minh Di trên là trái đất, dưới là mặt trời. Ý nói trên là hôn quân, đè nén, áp bức, hãm hại một hiền thần ở dưới. Gặp trường hợp nguy hiểm đó, người bầy tôi này phải xử trí ra sao? Thưa, phải dấu bót sự thông minh, sáng láng của mình, như Văn vương xưa đã làm.

Đọc lịch sử Việt Nam và Trung Hoa, ta thấy, xưa nay các vua chúa giết công thần khá nhiều. Người xưa nói: **được chim thì bẻ ná, được cá thì quên nôm**, chính là vì vậy.

- Câu Tiễn giết công thần là Văn Chung, Hán Cao Tổ giết Hàn Tín, Anh Bô và Bành Việt, và khiến cho Trương Lương qui ẩn.

-Đại Minh Hồng Võ Chu Nguyên Chương giết nguyên soái Thường Ngô Xuân. Ở Việt Nam, thời nhà Lê, vì vụ án Thị Lộ, mà vua Lê Nhân Tông giết và chu di cả 3 họ Nguyễn Trãi. Thời Gia Long năm 16, Nguyễn văn Thành bị kết tội làm phản, và đã tự sát (1817), thật là vô vàn sự tích, không thể kể hết được.

Lời khuyên trên của Kinh Dịch, có ít người đã theo được, ví dụ như Tư Mã Ý đã giả điên, nên đã thoát nạn.

Từ năm 1789, Pháp đã làm một cuộc Cách mạng lớn. Người ta không còn cho rằng vua chúa được trị vì là do Mệnh Trời. Người ta **đề cao giá trị con người**. Các Triết gia, Văn gia thời ấy như Diderot, Voltaire, Jean Jacques Rousseau, đã chủ trương **Nhân chi sơ, tính bản thiện**, (trước kia bên Âu Châu chủ trương Nhân chi sơ, tính bản ác, vì cho rằng con người sinh ra vốn đã ác, là do tội tổ tông), và cho rằng vua chúa chẳng qua chỉ là những công bộc quốc gia mà thôi. **Quyền cai trị, là do dân, thuộc dân**. Vì dân không đảm nhiệm được sự cai trị, nên dùng lá phiếu của mình để ủy nhiệm người khác. Và trên nguyên tắc, không ai được đặc quyền, đặc lợi gì hơn ai. Cách Mạng 1789 bùng nổ, và chọn khẩu hiệu là Tự Do, Bình đẳng và Anh em (Liberté, Égalité, Fraternité). Cũng từ thuở ấy, Đạo giáo cũng không còn được can thiệp vào chính quyền. Từ Cách Mạng Pháp, phần lớn các nước trong thiên hạ đã dần dần bỏ chế độ Quân chủ, cha truyền con nối, mà theo chế độ dân chủ, thay nhau trị dân, do dân bầu mỗi người một ít năm. Hoặc chỉ còn một số ít nước vẫn còn theo chế độ quân chủ, nhưng là **quân chủ lập hiến**, vua chỉ là tượng trưng, chứ không có thực quyền như xưa. Ví dụ như vua nước Anh, Nhật vv... Thật là một tiến bộ lớn cho nhân loại, và những chuyện giết chóc vô lý, cũng dần dần không còn nữa.

**Ngày nay**, các báo chí luôn soi mói vào công việc của chính quyền, nên các vị Nguyên Thủ có muốn cũng không dõ dỏi gì được. Và lại, muốn lập một Tổng hay Bộ Trưởng, thì ngoài đề nghị của Tổng Thống, còn phải có sự khảo hạch, chọn lựa của Quốc Hội.

Theo tôi, (tác giả bài này) ngày nay hơn xưa, vì hợp tình, hợp lý hơn. Ngày nay, nếu ta bị chính quyền chèn ép, ta phải liệu cao chạy xa bay; đi làm bị cấp trên chèn ép, ta phải liệu tìm sở khác mà làm, để tránh những sự không hay có thể xảy ra mai sau v.v...

Tóm lại, Học Dịch, Hiểu Dịch, nhưng phải **Áp dụng theo Dịch nữa, thì mới là hoàn hảo.**

### 37. 風火家人 PHONG HỎA GIA NHÂN



<b>Gia Nhân Tự Quái</b>	<b>家人序卦</b>
Di giả thương dã.	<b>夷者傷也</b>
Thương ư ngoại giả	<b>傷於外者</b>
Tất phản ư gia.	<b>必反於家</b>
Có thụ chi dĩ Gia Nhân.	<b>故受之以家人</b>

*Gia Nhân Tự Quái*  
*Di là thương tổn, điều linh,*  
*Ra ngoài thương tổn, mới quanh về nhà*  
*Gia nhân vì thế mới ra.*

Quẻ Gia Nhân, nói về gia đạo. Trong quẻ này:

- \*Hào Thượng Cửu là cha.
- \*Hào Sơ Cửu là con.
- \*Hào Cửu ngũ là chồng.
- \*Hào Lục nhị là vợ.
- \*Hào Cửu ngũ, Cửu tam là 2 anh em.
- \*Hào Lục tứ, Lục nhị là 2 vợ của chúng.

Như vậy, mọi người trong gia đình đều được đề cập tới. Hào Thượng Cửu đây là một **Hào Dương cương**, tượng trưng rằng trong nhà quyền hành phải ở trong tay người cha.

#### I. Thoán.

*Thoán từ.*

**家人. 利女貞.**

**Gia nhân. Lợi nữ trinh.**

Dịch.

*Muốn cho gia đạo được hay,  
Đàn bà cần phải chính ngay mới là.*

Quẻ Gia Nhân, cho ta thấy định luật chi phối đời sống gia đình. Nếu chuyển những định luật này ra ngoài xã hội, quốc gia, và thế giới, chúng cũng có thể làm cho nước trị, thiên hạ bình.

Quẻ Gia Nhân, toát lược lại quan niệm của Đại Học, và của Nho Giáo. Tức là;

**-*Thân có tu, gia mới tề. Gia có tề, quốc mới trị, và thiên hạ mới bình.***

**-*Nền tảng gia đình, chính là tình nghĩa vợ chồng.*** Vợ có chính đĩnh, thủy chung, gia đình mới vững vàng, bền bỉ. Vì thế *Thoán từ* mới nói: **Gia nhân. Lợi nữ trinh.**

### ***Thoán Truyện.***

**彖曰.家人.女正位乎內.男正位乎外.男女正.天地之大義也.**

**家人有嚴君焉.父母之謂也.父父.子子.兄兄.弟弟.夫夫.**

**婦婦.而家道正.正家而天下定矣.**

*Thoán viết:*

**Gia nhân. Nữ chính vị hồ nội. Nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính.**

**Thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên.**

**Phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ. Tử tử. Huynh huynh. Đệ đệ. Phu phu.**

**Phụ phụ. Nhi gia đạo chính. Chính gia nhi thiên hạ định hỹ.**

**Dịch. Thoán rằng:**

*Gia nhân, gia đạo trong đời,*

*Vợ trong chính đáng, chồng ngoài hẳn hoi.*

*Vợ chồng ngay chính hợp đôi,*

*Thế là đạt lẽ đất trời xưa nay.*

*Cần người chủ chốt cho hay,*

*Mẹ cha chính đáng, cơ ngơi vững vàng.*

*Cha con, ai nấy đường hoàng,*

*Anh em, chồng vợ, chững chàng, hẳn hoi.*

*Mọi người đúng vị, đúng ngôi,*

*Thế là gia đạo rạch ròi, ngăn ngay.*

*Toàn dân gia đạo đều hay,*

*Rồi ra thiên hạ đắp xây hòa bình.*

Trong gia đình, người vợ phải lo việc nội trợ, phải lo săn sóc, dạy dỗ con cái, trong khi người chồng có bốn phận phải đi ra ngoài, để lo sinh kế. Vì thế, trong quẻ Gia Nhân, Hào Lục nhị là người vợ, thời ở **Nội quái**; còn Hào Cửu ngũ là người chồng thời ở **Ngoại quái**.

Phân công như vậy là đúng đường lối của trời đất, vì thế *Thoán Truyện* viết: **Gia nhân. Nữ chính vị hồ nội. Nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính. Thiên địa chi đại nghĩa dã.** Ở trong gia đình, cha mẹ phải có uy quyền đối với con cái. Con cái phải hiếu thuận đối với cha mẹ.

Nước thời có vua cai trị, mà gia đình thời có cha mẹ cai trị. **Gia nhân hữu nghiêm quân yên. Phụ mẫu chi vị dã.** Trong gia đình, ai nấy đều biết bổn phận mình; phải biết cách ăn ở đối với người khác.

-Cha, phải ra cha.

-Con, phải ra con.

-Chồng, phải ra chồng.

-Vợ, phải ra vợ.

-Anh, phải ra anh.

-Em, phải ra em.

Có được như vậy, thì gia đạo mới chính, mà gia đạo có chính, thời thiên hạ mới an bình. Tại sao vậy?

-Vì gia đình, chính là một quốc gia thu hẹp.

-Một người con hiếu thảo, sẽ trở thành một bầy tôi trung nghĩa.

-Anh em trong nhà, biết xử sự với nhau, trên kính, dưới nhường, thời ra đến ngoài xã hội, sẽ biết tôn trọng những bậc trưởng thượng, bảo vệ những người còn ấu trĩ.

**Gia đình chính là một trường học dạy nhân luân tốt nhất.** Nếu mọi gia đình, đều đua nhau phát huy luân lý, đạo đức, thì làm sao nước còn loạn lạc, xã hội còn đảo điên được. Ngược lại, nếu gia đình mà suy vi, hỗn loạn, tình gia đình mà trở nên lạnh nhạt, thì xã hội tất nhiên cũng sẽ bị xáo trộn. Vì thế *Thoán Truyện* viết: **Phụ phụ. Tử tử. Huynh huynh. Đệ đệ. Phu phu. Phụ phụ. Nhi gia đạo chính. Chính gia đạo nhi thiên hạ định hỹ.**

**Đại Học** cũng viết: **Nhất gia nhân. Nhất quốc hưng nhân. Nhất gia nhượng. Nhất quốc hưng nhượng.** (Nếu trong một nhà, mà mọi người đều nhân hậu, lần ra cả nước đều có lòng nhân hậu. Nếu trong một nhà, mà mọi người đều lễ nhượng, lần ra cả nước đều ăn ở lễ nhượng) (*Đại Học. IX*).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 風自火出. 家人. 君子以言有物. 而行有恆.

Tượng viết:

**Phong tự Hỏa xuất. Gia Nhân. Quân tử dĩ ngôn hữu vật.**

**Nhi hạnh hữu hằng.**

Dịch. **Tượng rằng:**

*Gió từ trong lửa gió ra,*

*Gió sinh từ lửa, quẻ là Gia Nhân.*

*Vậy nên quân tử nói năng,*

*Có bằng, có chứng, nói năng rạch ròi.*

*Đại phàm hành xử trên đời,*

*Phải luôn theo đúng lẽ trời mới nên.*

(Gió tự Lửa xuất là Gia Nhân. Quân tử nói lời phải cho có mẫu cố. Hành động phải cho có phép tắc bền bỉ).

**Gió tự Lửa sinh.** Đó là tượng trưng ảnh hưởng từ phía trong lan ra bên ngoài. Trong gia đình cũng vậy, muốn ảnh hưởng đến người, ta cần phải có *sức mạnh nội tâm, giá trị nội tại*. Muốn ảnh hưởng đến người khác, những lời lẽ của ta phải có một nội dung thiết thực, một giá trị thực tiễn, hợp với hoàn cảnh. Hơn nữa, lời nói của ta phải phù hợp với hành vi, với lễ lối sống của ta. Nếu lời nói không đi đôi với việc làm, sẽ không có ảnh hưởng. **Chu Hi tóm tắt Đại Tượng Truyện** bằng mấy chữ: *Thân mình có tu, thời gia đình mới trị vậy*. Thật là sâu sắc và chí lý vậy.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。閑有家。悔亡。

象曰。閑有家。志未變也。

*Sơ Cửu.*

**Nhàn hữu gia. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Nhàn hữu gia. Chí vị biến dã.**

**Dịch. Sơ Cửu.**

*Trị gia cốt biết đề phòng,*

*Ngăn ngừa kỹ lưỡng, sẽ không phàn nàn.*

**Tượng rằng:** *Trị gia phải biết phòng ngừa,*

*Từ khi tâm trí người chưa đổi rời.*

**Phép trị gia cốt là biết ngăn ngừa, biết đề phòng;** đề phòng sao cho mọi người trong gia đình không bước vào con đường biếng lười, bê tha, tội lỗi, lãng loạn, ngang ngược

Người khôn ngoan là phải biết đề phòng. Một chủ gia đình khôn ngoan, cũng như một vị quốc quân khôn ngoan, là người biết đề phòng. Biết đề phòng sẽ tránh được nhiều tai họa. Dịch Kinh không ngớt dạy, phải **Phòng nguy lự hiểm** và **Phòng vi đồ tiếm**.

Đọc **Hào Sơ Lục** quẻ Khôn, đọc **Hệ Từ** bình về **Hào Cửu** ngũ quẻ Bĩ, đọc **Hào Lục** tứ quẻ **Đại Súc**, với **Hào Sơ** quẻ Gia Nhân, ta thấy đều nói lên một định luật: **đó là muốn ngăn cấm điều ác, muốn bẻ tắt điều tà, tất phải gấp lo ở lúc mới manh nha**. Nếu chờ khi tà ác đã phát hiện, măng đã thành tre, lúc đó mới ra tay cấm chỉ, thời tuy có Thánh nhân dạy nó, cũng khó cho nó thành tâm, biến chất được. Cũng vì thế mà phương ngôn ta có câu: **Dạy con từ thửa còn thơ; dạy vợ từ thửa bơ vơ mới về**.

Có biết lo từ đầu như vậy, sẽ hết hối hận, phàn nàn về sau, vì thế Dịch Kinh mới nói: **Hối vong**.

*Tượng Truyện* giải thêm: Có gia đình thời phải biết đề phòng, từ khi ý chí con người chưa kịp biến động. *Tượng viết:* **Nhàn hữu gia. Chí vị biến dã**.

## 2. *Hào Lục nhị.*

六二. 無攸遂. 在中饋. 貞吉.

象曰. 六二之吉. 順以巽也.

*Lục nhị. Vô du toại. Tại trung quĩ. Trinh cát.*

*Tượng viết:*

**Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tôn dã.**

**Dịch.**

*Chẳng cần thỏa ý riêng tây,*

*Lo bề gia chánh cho hay, tốt rồi.*

*Trung trinh, tốt biết mấy mươi.*

***Tượng rằng:*** *Hào hai sở dĩ tốt lành,*

*Là vì nhu thuận, trung trinh, dịu dàng.*

**Hào Lục nhị** đề cập đến bốn phận người đàn bà trong gia đình. Trong gia đình người đàn bà không được tự chuyên, tự quyết (**Vô du toại**). Chỉ cần lo săn sóc cửa nhà, lo vấn đề cơm nước, (**Tại trung quĩ**), thế là quý lắm rồi (**Trinh cát**). *Lục nhị* : **Vô du toại. Tại trung quĩ. Trinh cát**. Tượng Truyện bình thêm rằng cái hay, cái khéo của người đàn bà trong gia đình, chính là sự nhu thuận, từ tốn.

*Tượng viết:* **Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tôn dã.**

Muốn cho người vợ trong gia đình thuận tòng, dĩ nhiên người gia chủ phải tài ba, đức độ, khiến được cho người vợ kính phục mình.

## 3. *Hào Cửu tam.*

九三. 家人嗃嗃. 悔厲. 吉. 婦子嘻嘻. 終吝.

象曰. 家人嗃嗃. 未失也. 婦子嘻嘻. 失家節也.

*Cửu tam. Gia nhân hác hác. Hối lệ. Cát. Phụ tử hi hi. Chung lận.*

*Tượng viết:*

**Gia nhân hác hác. Vị thất dã. Phụ tử hi hi. Thất gia tiết dã.**

**Dịch.**

*Trong nhà nem nép sợ oai,*

*Quá nghiêm e cũng một hai phàn nàn.*

*Quá nghiêm mà vững gia cang,*

*Quá nghiêm mà được chững chàng cũng hay.*

*Vợ con hi hí tối ngày,*

*Phàn nàn hối hận, rồi đây có lần.*

***Tượng rằng:***

*Trong nhà nem nép sợ oai,*



Cũng chưa đến nỗi là sai là lầm.  
Vợ con hi hí lơ lửng,  
Thế là hồng hết gia phong mất rồi.

**Hào Cửu tam** đặt câu hỏi: Trị gia nên nghiêm hay khoan? và cho rằng: *Nên nghiêm thì hơn.*

Trị gia dẫu quá nghiêm, làm cho mọi người nem nép sợ uy, tuy có hơi quá, nhưng kết quả vẫn là hay, vì gia đạo nhờ đó mà có kỷ cương nề nếp. Còn trị gia, mà nhu nhược quá, thả lỏng mặc cho ai muốn làm gì thì làm, thì lễ tiết trong gia đình sẽ suy bại hết. Vì thế Dịch mới nói: **Cửu tam: Gia Nhân hác hác. Hối lệ. Cát. Phụ tử hi hi. Chung lận.**

*Tượng Truyện* bình thêm. *Tượng viết: Gia nhân hác hác vị thất dã. Phụ tử hi hi. Thất gia tiết dã.* (người nhà mà nem nép, thì cũng chưa đến nỗi mất mát gì. Vợ con mà hơn hớn, thì gia phong dảm mất lắm.)

Thời xưa, phép trị gia nghiêm cẩn, nên đạo đức, luân lý, nhờ đó mà được phát huy. Ngày nay, phép trị gia hời hợt, nên mọi người đều phóng túng, dễ sa đoạ.

Thật đúng như sự tiên đoán của Dịch Kinh vậy.

#### 4. Hào Lục tứ.

六四. 富家. 大吉.

象曰. 富家大吉. 順在位也 .

*Lục tứ. Phú gia. Đại cát.*

*Tượng viết:*

**Phú gia đại cát. Thuận tại vị dã.**

**Dịch.**

*Làm giàu gia đạo rất may.*

*Tượng rằng: Làm giàu gia đạo rất may,*

*Vợ nhà hiền thực, xứng tày vị ngôi.*

**Hào Lục tứ** dạy thêm: Phải làm sao cho gia đình trở nên phú thịnh? Dĩ nhiên mỗi người phải có nghề, có nghiệp, phải sản xuất, đồng thời cũng phải biết dè sẻn, tiết kiệm trong sự chi dùng. Một yếu tố khác để cho gia đình trở nên giàu có là mọi người phải đồng lao, cộng tác cùng nhau.

Cũng có thể cắt nghĩa rằng: *Sự phú thịnh trong gia đình, phần lớn là nhờ ở người nội trợ.* Thực vậy, nếu người nội trợ biết thu vén, biết tùy nghi, biết tiêu pha, biết tiết kiệm, thì gia đình mới trở nên giàu có được.

*Tượng viết: Phú gia đại cát. Thuận tại vị dã.* *Tượng Truyện* cho rằng: Làm giàu cho gia đình, mà hay, mà tốt, chính là vì mọi người trong gia đình, đều biết phận sự mình, biết ăn ở xứng với địa vị mình. Nếu vậy sự giàu có ở đây, còn được hiểu là sự giàu có về tinh thần, sự đầm ấm hòa lạc của mọi người trong gia đình nữa.



### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 王假有家 . 勿恤 . 吉

象曰 . 王假有家 . 交相愛也

*Cửu ngũ. Vương cách hữu gia. Vật tuất. Cát.*

*Tượng viết:*

**Wương cách hữu gia. Giao tương ái dã.**

**Dịch.**

*Như vua đến với gia đình,*

*Hết còn lo lắng, tốt lành hẳn hoi.*

**Tượng rằng:** *Như vua đến với gia đình,*

*Dưới trên đầm ấm, tận tình thương yêu.*

Người gia chủ đối với gia đình, cũng như một vị vua trong một nước. Như vậy phải ăn ở sao cho xứng đáng, phải lo sao cho tài đức xứng kỳ vị, phải ý thức được trọng trách của mình, là đem lại trật tự, hoà lạc, thái thịnh và tiến bộ cho gia đình, cũng như bảo vệ, phù trì cho những người dưới quyền mình. Nếu làm được như vậy, thì chẳng việc gì phải lo, phải sợ, vì mọi sự sẽ được tốt đẹp cả. **Dịch viết: Cửu ngũ: Vương cách hữu gia. Vật tuất. Cát.**

Tượng Truyện bình thêm: **Wương cách hữu gia. Giao tương ái dã.** Người cha trong gia đình, tuy uy nghi như một vị vua, nhưng phải làm sao gây được niềm tương thân, tương ái trong gia đình. Vậy mới thật là hoàn hảo.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九 . 有孚威如 . 終吉 .

象曰 . 威如之吉 . 反身之謂也 .

*Thượng Cửu. Hữu phu uy như. Chung cát.*

*Tượng viết:*

**Uy như chi cát. Phản thân chi vị dã.**

**Dịch:**

*Chững chàng, thành khẩn, uy nghi,*

*Rồi ra sẽ được thỏa thuê, tốt lành.*

**Tượng rằng:** *Uy nghi mà được tốt lành,*

*Vì mình đã có tinh thành bản thân.*

**Hào Thượng Cửu** bàn thêm rằng: Người chủ gia đình, muốn gây được uy tín, muốn khiến mọi người kính phục, phải là con người thành tín, có đức độ thật (**Hữu phu. Uy như chi cát**). Tượng Truyện bàn rằng: Muốn gây được uy tín, trước hết mình phải biết tự tu, tự luyện. Tượng viết: **Uy như chi cát. Phản thân chi vị dã.** Đó cũng là chủ trương của sách **Đại Học: Thân tu nhi hậu gia tề.**

## ÁP DỤNG QUẺ GIA NHÂN VÀO THỜI ĐẠI

Đâu có củi, có lửa thì đây có nhà (Phong Hỏa Gia Nhân). Gia Nhân dạy phải làm sao để tạo nên một gia đình hoàn hảo. Và cho rằng muốn được vậy, thì vợ phải ra vợ, chồng phải ra chồng, cha phải ra cha, con phải ra con, anh em phải ra anh em.

Gia đình theo Đông Phương, lấy chữ **Hiếu** làm đầu, lấy chữ **Nghĩa** làm trọng, và dạy mọi người trong gia đình, phải trọng nghĩa, khinh lợi. Gia đình Á Đông, là đại gia đình, gồm ông bà, cha mẹ, con cái. Xưa, đã có những gia đình **Ngũ đại đồng đường, Tứ đại** hay **Tam đại đồng đường** ( tức 5 đời, 4 đời hay 3 đời cùng ở chung với nhau).

Ngày nay, người ta coi cá nhân là trọng, chứ không coi gia đình là trọng. Và **Gia đình theo Âu Mỹ là Tiểu Gia đình** chỉ gồm có vợ chồng, con cái. Chứ bố mẹ không còn ở chung với con cái. Ngày nay, người ta đề cao **Tự Do cá nhân, Hạnh Phúc cá nhân**, nên không còn nghĩ đến việc ở chung với cha mẹ. Cha mẹ khi già, thì vào nhà Dưỡng Lão mà ở. Hoạ hoàn thì con cái mới tới thăm nom.

Còn con cái trong nhà, thì khi đã 18 tuổi thường cũng muốn ra ngoài sinh sống, không muốn ở trong vòng kiểm tỏa của cha mẹ nữa. Và lại, vì **Nam nữ bình quyền**, vì người đàn bà thường cũng đi làm lụng như đàn ông, nên công việc gia đình cũng đòi chia sẻ với đàn ông, và quyền người đàn ông trong gia đình cũng bị giảm thiểu. Người ta không chịu nhường nhịn lẫn nhau, nên hơi một tí là đòi ly dị. Và số vợ chồng ly dị ở Mỹ hiện nay không phải là nhỏ.

Thanh thiếu niên đi vào con đường tình ái quá sớm, nên những chuyện phá thai xảy ra thường xuyên, và làm cho các nhà cầm quyền điên đầu luôn. Chung qui chỉ vì **Nam nữ bình quyền, Cá nhân chủ nghĩa, và Tự Do quá trớn**, nên gia đình Âu Mỹ hiện nay đã bị lung lay và xao xuyên.

Thực tình mà nói, so sánh quan niệm về gia đình của Đông lẫn Tây như đã nói trên, ta thấy quan niệm Á Đông hay hơn, tuy là ngặt nghèo hơn, còn gia đình Âu Mỹ thì càng ngày càng lỏng lẻo. Ta cũng không thể nói Âu Mỹ nên theo Á Châu, nhưng tìm cho ra một đường lối mới mẻ hay hơn, khác hơn cho Âu Mỹ ngày nay, thì quả thật là khó.

Tôi nghĩ dù sao, thì mỗi người trong gia đình đều nên nhịn nhục lẫn nhau đôi chút. Nếu ta nhìn vào bất cứ một vấn đề gì, thì ta sẽ thấy theo đà thời gian, cái gì cũng đổi thay, biến hóa. Có vậy, mới thấy mọi sự đều biến dịch. Mong sao, mọi sự sẽ đi đến chỗ đẹp đẽ, thành toàn.

### 38. 火澤睽 HỎA TRẠCH KHUÊ



**Khuê Tự Quái**

**睽序卦**

Gia đạo cùng tất quai

**家道窮必乖**

Cố thụ chi dĩ Khuê

**故受之以睽**

Khuê giả quai dã.

**睽者乖也**

### **Khuê Tự Quái**

*Gia Nhân bàn chuyện nhân gia.*

*Nhà không khéo trị, hoá ra quai gàng.*

*Cho nên, Khuê mới ló dàng.  
Khuê là gàng quải, xôn xang, chia lia.*

Khue là chia rẽ, là chống đối nhau, là không hợp tác với nhau. Sự chia rẽ, sự bất hợp tác ấy đã được hình hiện trong quẻ Khuê. Quẻ Khuê, trên có Ly là Hỏa; dưới có Đoài là Trạch, là hồ. Lửa thì bay lên, nước hồ thì lắng xuống, như vậy có bao giờ hợp tác cùng nhau được.

Quẻ Khuê, trên có Ly là con gái giữa, dưới có Đoài là con gái út. Hai chị em, tuy sống bên nhau, mà tâm sự mỗi người gửi một phương, ước mơ của mỗi người đi một ngã, có bao giờ hợp với nhau đâu.

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

睽.小事吉.

**Khue. Tiểu sự cát.**

**Dịch. Thoán từ.**

*Gặp thời Khuê quải chia ly.*

*Làm công chuyện nhỏ, dễ bề hanh thông.*

**Thoán từ nói:** Khi mà nhân tâm đã ly tán, thì dĩ nhiên không thực hiện được đại công, đại sự. Lúc ấy chỉ nên làm những việc thường, việc nhỏ, mới nên công.

### *Thoán Truyện.*

象曰.睽.火動而上.澤動而下.二女同居.其志不同行.說而麗乎明.柔進而上行.得中而應乎剛.是以小事吉.天地睽.而其事同也.男女睽.而其志通也.萬物睽.而其事類也.睽之時用大矣哉.

*Thoán viết:*

**Khue. Hỏa động nhi thượng. Trạch động nhi hạ. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất đồng hành. Duyệt nhi lệ hồ minh. Nhu tấn nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ tiểu sự cát. Thiên địa Khuê. Nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ Khuê. Nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật Khuê. Nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỹ tai.**

**Dịch. Thoán Truyện.**

*Khue là đôi ngả phân kỳ,*

*Lửa thì bay bốc, hồ thì lắng sâu.*

*Chị em tuy ở với nhau,*

*Nhưng mà chí hướng gót đầu chia phôi.*

*Vui nương ánh sáng cho vui,*

*Mềm mà thẳng tiến, để trôi lên cao.*

*Đắc trung, lại cứng ứng vào,*

*Cho nên tiểu sự thế nào cũng hay.*

*Đất trời, đôi ngả phân phân,  
Nhưng mà công việc, thời thôi một vảnh.  
Gái trai, đôi ngả phân phân,  
Nhưng mà ý chí, tâm tình cảm thông.  
Muôn loài cách biệt giống giòng,  
Nhưng mà công việc cũng không quải gàng  
Sự đời ngang trái dở dang,  
Mà dùng nên chuyện, ấy trang hiền tài.*

Sở dĩ còn làm được những công trình nhỏ, là vì con người tuy chia rẽ, nhưng chưa đến nỗi xấu. Họ vẫn còn biết ưa chuộng, và còn thích bám víu vào những gì quang minh, đẹp đẽ (**Duyệt nhi lệ hồ minh**). Họ vẫn còn ao ước muốn vươn lên (**Nhu tiến nhi thượng hành**).

Lục ngũ vẫn còn đặc trưng, và vẫn ứng được với *Cửu nhị* là **Dương cương (Đặc trưng nhi ứng hồ cương)**.

Cũng như nói: thời Khuê quải, chia ly, tuy vẫn có minh quân, hiền thần, nhưng đôi đảng còn cách trở, chưa gặp gỡ được nhau. Vì thế nên tạm thời hãy thi hành những công chuyện nhỏ đã (**Thị dĩ tiểu sự cát**).

Thường ra, thì sự chia ly, chống đối sẽ sinh ra bẻ gãy. Nhưng trong trời đất này, nhiều khi sự chia ly, chỉ là một sự phân cực của toàn thể duy nhất. Như vậy **chia ly, phải hiểu là phân công, để để bẻ gãy thành một đại công, đại sự**. Trời đất, nam nữ, vạn vật, tưởng chừng như chia rẽ, chống đối nhau, mà kỳ thực luôn hợp tác nhau để sáng tạo và biến hóa, để cho vũ trụ ngày thêm thành toàn. (**Duyệt nhi lệ hồ minh. Nhu tiến nhi thượng hành. Đặc trưng nhi ứng hồ cương. Thị dĩ tiểu sự cát**).

Cho nên sống trong một thế giới tưởng chừng như bị gàng quải, chia phân, trong một vũ trụ mông mênh, muôn đường, muôn ngả, muôn nước, muôn nhà, mà tìm ra được mỗi manh hướng đạo, tìm ra được điểm tương đồng, mà có thể lợi dụng được mọi hoàn cảnh, mọi tình thế, để hoàn thiện mình, chẳng phải là cái hay sao? (**Thiên địa Khuê. Nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ Khuê. Nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật Khuê. Nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỷ tai**).

Tóm lại, *Thoán Truyện* dạy ta hai bài học:

1. Gặp thời Khuê quải, phân kỳ, nhân tâm ly tán, người quân tử không nên sót ruột, hãy thực hiện những công trình nhỏ đã, như vậy mới là biết thời.

2. Người quân tử phải biết lợi dụng mọi hoàn cảnh ngang trái, đối nghịch nhau để mà hoàn thiện mình. Như vậy mới tài, mới khéo.

## II. Đại Tượng Truyện.

**象曰。上火下澤。睽。君子以同而異。**

*Tượng viết:*

**Thượng hỏa hạ trạch. Khuê. Quân tử dĩ đồng nhi dị.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Lửa trên hồ nước là Khuê.*

*Ngoài đồng, trong dị, vốn lẽ hiền nhân.*

Nước và lửa không hề pha trộn với nhau được; ngay khi kề cận nhau mà thể chất đôi bên cũng chẳng hề bao giờ chung lộn. Người quân tử cũng vậy, đừng bao giờ để cho trần ai, tục lụy làm hoen ô tâm can. Trong khi giao tiếp với những hạng phàm phu, tục tử, vẫn phải luôn luôn giữ cho tròn phẩm hạnh cao khiết của mình. *Người quân tử tu đạo, tuy bề ngoài vẫn hòa đồng với người, nhưng kỳ thực, phẩm cách và chí hướng bên trong hết sức khác người.* (Thượng hỏa hạ trạch. Khuê. Quân tử dĩ đồng nhi dị.)

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 悔亡. 喪馬勿逐. 自復. 見惡人. 無咎.

象曰. 見惡人. 以辟咎也.

*Sơ Cửu:*

**Hối vong. Táng mã vật trục. Tự phục. Kiến ác nhân. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Kiến ác nhân. Dĩ tị cửu dã.**

**Dịch. Sơ Cửu.**

*Khuê ly nhưng vẫn chẳng sao,  
Ngựa đi mặc ngựa, sức nào sẵn ne?  
Ngựa đi, rồi ngựa lại về,  
Ác nhân đâu gặp, ai chê được nào?  
**Tượng rằng:** Gặp cả ác nhân,  
Cốt sao tránh khỏi ăn năn, phàn nàn.*

Trong thời **Khuê ly**, gàng quải, nhân tâm ly tán, mình vẫn tránh được lỗi lầm để khỏi phải phàn nàn về sau. Lúc ấy, bè bạn ta có thể bỏ ta, ta cũng không nên níu kéo họ lại mà chi. Cứ để họ tự do ra đi. Sau này thời thể đổi thay, họ sẽ tự ý trở lại. Cũng y như ngựa mình chạy đi, không cần đuổi theo, nó sẽ trở về (**Táng mã vật trục. Tự phục**). Lúc ấy quanh ta đầy kẻ ác nhân, ta không thể nào tránh né họ được. Vậy thì cứ đường hoàng mà gặp họ (**Kiến ác nhân. Vô cửu**). Chẳng những ta không có lỗi, mà đó còn là cách lánh được họa hoạn nữa. Vì thế *Tượng viết: Kiến ác nhân. Dĩ tị cửu dã.*

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二. 遇主于巷. 無咎.

象曰. 遇主于巷. 未失道也.

*Cửu nhị.*

**Ngộ chủ vu hạng. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Ngộ chủ vu hạng. Vị thất đạo dã.**

**Dịch.**

*Đường quê gặp chúa, không sao,  
Tượng rằng: Gặp chúa đường quê,  
Cũng chưa mất đạo, mất lễ chúa tôi.*

Gặp thời ly loạn như vậy, vua tôi nhiều khi lạc nhau. Nếu mà còn có thể liên lạc được cách này, cách kia được với nhau vẫn là nên. Lúc ấy cần phải quyền biến, không cần quá thủ lễ (**Ngộ chủ vu hạng. Vô cữu**) (Gặp chủ tại ngõ hẹp, cũng chẳng có lỗi gì). Lúc ấy lòng thành khẩn hơn là lễ nghi bên ngoài (**Ngộ chủ vu hạng. Vị thất đạo dã**).

### 3. **Hào Lục tam.**

六三. 見輿曳. 其牛掣. 其人天且劓. 無初有終.

象曰. 見輿曳. 位不當也. 無初有終. 遇剛也.

*Lục tam.*

**Kiến dư duệ. Kỳ ngu xiết. Kỳ nhân thiên thả tỵ. Vô sơ hữu chung.**

*Tượng viết:*

**Kiến dư duệ. Vị bất đáng dã. Vô sơ hữu chung. Ngộ cương dã.**

**Dịch.**

*Thấy xe bị kéo, bị giằng,  
Thấy trâu bị cản, bị ngăn, bị cầm.  
Người thời mũi lặc, trán xâm,  
Dở dang buổi trước, êm dằm buổi sau.  
Tượng rằng: Thấy xe bị kéo, bị giằng,  
Là vì địa vị dở trắng, dở đen.  
Trước nguy, sau sẽ ám êm,  
Là vì sẽ gặp kẻ quyền oai phong.*

**Lục tam** tương ứng với Thượng Cửu, muốn hội ngộ cùng Thượng Cửu. Nhưng Lục tam là **một Hào Âm, lọt giữa hai Hào Dương** là Nhị và Tứ. Nhị và Tứ hết sức tìm cách trừ trù, lôi kéo, ngăn trở không cho Tam gặp Thượng Cửu. Như vậy có khác gì cái xe muốn tiến lên, mà đằng sau bị kéo, đằng trước bị ngăn dẫu. Hơn nữa, Lục tam lại còn bị Thượng Cửu nghi ngờ là đã có lòng kia khác. Lục tam như vậy còn bị tổn thương đến cả danh dự nữa, có khác nào một người đã bị thích tự vào trán, lại còn bị cắt mũi nữa. Tuy nhiên, nếu Lục tam nhất quyết một lòng về với Thượng Cửu, thời sau sẽ được như nguyện. Vì thế Hào từ nói: **Lục tam. Kỳ ngu xiết. Kỳ nhân thiên thả tỵ. Vô sơ hữu chung.**

Tượng Truyện bình rằng: Sở dĩ có sự níu kéo ngăn trở như vậy, là vì Lục tam đang ở trong một hoàn cảnh dở dang. Tuy nhiên lúc đầu thì khó khăn, nhưng sau đấy, vì sẽ gặp được Thượng Cửu. Tượng viết: **Kiến dư duệ. Vị bất đáng dã. Vô sơ hữu chung. Ngộ cương dã.**

Hào Lục tam này làm ta liên tưởng tới thời Tam Quốc, có Quan Vân Trường (Quan Công) muốn bỏ Tào, để tìm về Lưu Hoàng Thúc (Lưu Bị) mà đã gặp biết bao trắc trở. Nào là Tào Tháo dâng tiền tài, nữ sắc, công danh để mong làm chuyển lòng đáng anh hùng; nào là khi ra đi phải



đương đầu với 5 tướng giữ ải; thoát chết mấy phen, mới vượt được qua sông Hoàng Hà. Lúc gặp được Trương Phi, thời lại bị Trương Phi muốn giết, và xỉ vả cho là đã hàng Tào. Mãi sau, Ngài mới minh oan được, và phơi bày ra được tấm lòng trung trinh tiết liệt... Cuối cùng, Ngài đã được như nguyện là gặp mặt Lưu Hoàng Thúc, để nối tiếp nghĩa đào viên.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四. 睽孤 . 遇元夫 . 交孚 . 厲 . 無咎 .

象曰. 交孚無咎 . 志行也 .

*Cửu tứ:*

**Khuê cô. Ngô nguyên phu. Giao phu. Lệ. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Giao phu vô cửu. Chí hành dã.**

**Dịch.**

*Thời Khuê một bóng, một mình,*

*Gặp người đồng chí tâm thành kết giao.*

*Tuy nguy, nhưng cũng không sao,*

*Sự tình như thế, ai nào trách ta.*

**Tượng rằng:** *Chân thành, giao kết lỗi chi,*

*Rời ra ý nguyện có khi thành toàn.*

**Hào Cửu tứ nói:** Trong thời Khuê quái, mình đang cô đơn mà gặp được người đồng tâm, đồng chí, thì dầu nguy nan, vẫn không có gì đáng chê trách (**Khuê cô. Ngô nguyên phu**). Gặp người đồng tâm, đồng chí với mình là đem lòng thành khẩn mà đối đãi với nhau. Mà có gặp được người đồng tâm, đồng chí, thì mới có thể thực hiện được chí lớn của mình (**Giao phu. Lệ. Vô cửu**).

Hào này làm chúng ta nhớ đến Lưu, Quan, Trương gặp gỡ nhau, trong buổi nhiều nhương, gây nên bởi giặc Khăn Vàng. Ba người khởi nghĩa từ vườn đào nhà Trương Phi, mà sau đã thực hiện được chí cả, là cùng nhau hưởng lộc vương hầu, trong một giang sơn rộng lớn là Ba Thục. *Tượng viết:* **Giao phu vô cửu. Chí hành dã.**

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五. 悔亡. 厥宗噬膚. 往何咎.

象曰. 厥宗噬膚. 往有慶也.

*Lục ngũ.*

**Hối vong. Quyết tông phệ phu. Vãng hà cửu.**

*Tượng viết:*

**Quyết tông phệ phu. Vãng hữu khánh dã.**

**Dịch.**

*Ăn năn thôi hết từ đây,*



Cùng người tông tộc từ nay kết đoàn.  
 Nghi ngờ, chia rẽ đẹp tan,  
 Như cắn thịt mỏng, dễ dàng khó chi.  
 Cùng nhau cất bước lên đi,  
 Cùng nhau tiến bước, có gì lỗi đâu.  
**Tượng rằng:** Đẹp lòng nghi kỵ họ hàng,  
 Như cắn thịt mỏng, dễ dàng khó chi.  
 Cùng nhau cất bước lên đi,  
 Rồi ra sẽ gặp mọi bề mắn may.

**Hào Lục ngũ** bàn về cảnh hợp trong thời ly. Lục ngũ là quân, Cửu nhị là thần. Thần một lòng tôn quân, cố đi tìm để gặp, vì thế Hào Cửu nhị nói: **Ngộ chủ vu hạng**. Còn quân thì một lòng thương mến thần; vì thế Hào Cửu ngũ dùng chữ **Quyết tông** là *họ hàng của mình*; dùng tiếng **họ hàng để chỉ thần tử** để tỏ tình thân.

Vua mà được thần tử cố bám víu lấy mình, một dạ trung thành với mình như vậy, thì sự tương hợp giữa vua tôi dễ dàng như cắn vào thịt mềm. Vì thế nói: **Quyết tông phệ phu**. Có được những người theo mình trung thành như vậy, thì còn gì mà phải phàn nàn, làm gì cũng chẳng lo làm lỗi nữa. Vì thế Hào từ mới nói: **Hối vong** và **Vãng hà cửu**.

Tiểu Tượng Truyện bình thêm rằng: được những người tâm phúc trung thành như vậy, mà đi dẹp loạn, phò nguy, cứu nước, thì còn lo gì không thành công. Tượng viết: **Quyết tông phệ phu. Vãng hữu khánh dã**.

Vào thời Khuê ly, mà có những người **quyết tông phệ phu**, ấy là trường hợp Lưu Bị có Quan Vân Trường, khi lưu lạc vẫn quyết tâm; một khi đã biết Hoàng Thúc ở nơi nào, thì không kể ngàn dặm, vạn dặm, phải cho ông tới theo ngay. Có Khổng Minh, nguyện đem hết sức khuyên mã, báo đáp ân tình. Có Triệu Tử Long, một thương, một ngựa mà dám xông vào chỗ trăm vạn quân Tào để cứu vợ con của chủ... Chính nhờ những người như vậy, mà sau này Lưu Bị mới hưng bang, lập quốc được.

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九。睽孤。見豕負涂。載鬼一車。先張之弧。后說之弧。

匪寇婚媾。往遇雨則吉。

象曰。遇雨之吉。群疑亡也。

*Thượng Cửu.*

**Khuê cô. Kiến thử phụ đồ. Tả quỷ nhất xa. Tiên trương chi hồ.**

**Hậu thoát chi hồ. Phỉ khẩu hôn cấu. Vãng ngộ vũ tắc cát.**

*Tượng viết:*

**Ngộ vũ chi cát. Quân nghi vong dã.**

**Dịch.**

*Thời Khuê sống cảnh cô đơn,*

*Thấy người, tưởng lợn đội bùn nhóp nhơ.  
Một xe chở quý, chở ma,  
Dương cung toan giết oan gia cho rồi.  
Nhưng rồi cung lại buông xuôi,  
Tưởng đâu giặc cướp, hóa người tình thân.  
Rời ra kết ngãi Châu Trần.  
Mưa rơi, tẩy sạch bụi trần hiềm nghi.  
Cùng nhau cất gót ra đi,  
Rời ra muôn việc thỏa thuê, tốt lành,  
**Tượng rằng:** Gió mưa mà tốt, mà lành,  
Vì bao nghi kỵ, nay thành sạch không.*

**Hào Thượng Cửu:** Vào thời Khuê, người ta hay nghi kỵ lẫn nhau, và trở nên cô đơn, không dám bắt tay thân thiện với người. Thấy người nghi muôn điều xấu, trông người bằng cặp mắt nghi kỵ, thù địch, tưởng người như con lợn đội bùn, như một xe chở toàn ma quỷ, muốn mang cung lên bắn chết quách cho rồi. Sau mới biết mình lầm, nên mới hạ cung xuống. Người mà khi nãy tưởng là giặc cướp, lại là người thân tình của mình, lúc ấy mới hể hả, bắt tay đoàn kết, và tình thế trở nên êm ả, như trời đang oi bức mà đổ trận mưa rào. Vì thế *Hào Thượng Cửu* mới nói: **Khuê cô. Kiến thi phụ đồ. Tả quý nhất xa. Tiên trương chi hồ. Hậu thoát chi hồ. Phi khẩu hôn cầu. Vãng ngộ vũ tác cát.**

Đó chính là trường hợp Trương Phi khi thấy Quan Công, tìm về cùng Lưu Bị, lại ngỡ Quan Công đã hàng Tào, về để bắt mình, đã lớn tiếng xỉ mạt, và đòi đâm chết Quan Công. Sau này, khi nghe Quan Công kể lại đầu đuôi, tình cảnh, mới oà lên khóc, và cúi lạy Quan Công... Lúc ấy thì mọi hiềm nghi đã hết. *Tượng viết:* **Ngộ vũ chi cát. Quần nghi vong dã.**

## ÁP DỤNG QUÊ KHUÊ VÀO THỜI ĐẠI

Ta có thể gọi sự **nghi ngờ hay nghi kỵ** là một chứng bệnh rất nguy hiểm, mà phần đông chúng ta không nhiều thì ít đều mắc phải. Nơi đây, ta phân tích nó dưới vài khía cạnh thông thường mà ta hay gặp.

**Trong gia đình,** sự nghi ngờ thường hay xảy ra giữa những cặp vợ chồng trẻ, nhất là nếu người vợ duyên dáng, hấp dẫn, hoặc người chồng có địa vị, đẹp trai, ăn nói bạt thiệp, vui vẻ. Chỉ cần bắt gặp người vợ, hay chồng của mình trò chuyện thân mật với người khác phái, là lòng đã thấy khó chịu, nổi cơn ghen, và bắt đầu nghi ngờ chồng hay vợ mình có tình ý gì với người kia không? mà chính thực ra người vợ hay người chồng đó không hề có chút tình ý gì với người kia cả.

Tôi có biết một cặp vợ chồng, khoảng trên 40 tuổi. Cách đây khoảng 10 năm, đó là một cặp vợ chồng rất lý tưởng. Người vợ trông duyên dáng, ăn nói dễ thương, ai trông thấy cô ấy cũng phải có cảm tình; còn người chồng thì cao lớn, hoạt bát. Người chồng rất yêu và chiều vợ. Nhưng một hôm, người vợ thật thà kể cho chồng nghe là trong sở cô hiện đang làm, có một người rất mê cô ấy. Thế là bắt đầu từ ngày đó, người chồng bắt đầu nghi ngờ vợ mình, bắt đầu kiểm soát giờ giấc đi làm, đi chợ vv... của vợ, khiến người vợ không còn một chút tự do nào. Cô này cũng

rất yêu chồng, nên hết sức nhịn nhục. Nhưng ngày qua, tháng lại, bệnh ghen quái đản này cứ theo đà tăng lên, đến nỗi bất kỳ ai khen cô ấy, cũng là cái cớ để người chồng nghi ngờ mà dằn vặt, hành hạ vợ mình. Bây giờ, tình trạng chắc không còn cơ cứu vãn được nữa. Hỏi lỗi tại ai? Theo tôi, quý vị nào chót bị mắc chứng bệnh này, thì:

1) Đừng nên lấy vợ vội vàng, nếu chưa hiểu rõ người bạn gái ấy, có phải là người mà mình có thể tin tưởng được không?

2) Đừng nên lấy vợ đẹp, trong lúc mình không đủ khả năng để làm vừa lòng họ.

3) Hãy tìm một người nhan sắc trung bình, nhưng có nhiều đức tính, cần nhất mình yêu họ, và họ cũng phải thành thật yêu mình.

4) Luôn luôn phải sáng suốt, không nên ghen bừa bãi, chỉ tổ làm mất phẩm giá mình.

**Ngoài xã hội**, bệnh hay nghi ngờ cũng cản trở ta rất nhiều trong công cuộc làm ăn. Đã có bệnh này, thì dù mua bán gì cũng sợ người ta gạt mình rồi, thì làm sao có thể làm ăn đại qui mô được.

Bên cạnh nhà tôi, là nhà của một bà Mỹ già. Khi xưa khu vực chỗ tôi ở, chỉ có mình gia đình chúng tôi là người Việt Nam, nhưng nay đã có nhiều gia đình Việt Nam khác tới ở. Bà Mỹ này, ít lâu nay trở nên khó tính, lúc nào bà cũng nghĩ là bà bị những người Việt Nam mới tới, phá bà, cho trẻ con gọi điện thoại phá giấc ngủ của bà, hoặc ném đá vào nhà bà. Mà sự thật, họ đều thương hại bà, vì bà sống cô đơn. Tôi đã giải thích cho bà nghe nhiều lần là dân tộc tôi có truyền thống là coi người xóm giềng như anh, chị em, và những cú điện thoại phá phách đó là do trẻ con ở ngoài phá mà thôi. Nhưng bà không chịu nghe tôi, bà đi đập cửa những nhà bà nghi rồi la ó om sòm. Tội nghiệp bà đã tự phá những tình cảm mà người chung quanh đã dành cho bà.

Bệnh này thật không thuốc chữa, nó làm cho người có bệnh, không bao giờ cảm thấy mình là người có hạnh phúc, nhẹ thì ta chỉ cảm thấy phiền não ngay lúc đó, nặng thì nó hành hạ, đeo đẳng ta, khiến ta khổ sở, chẳng để ta yên.

Tóm lại, muốn trừ nó, ta phải có lòng khoan dung đại độ, chớ nên nhìn bề ngoài mà xét đoán người khác, và nên nhìn người khác qua cặp kính màu hồng, chớ đừng nhìn họ qua cặp kính màu đen.

### 39. 水山蹇 THỦY SƠN KIẾN

#### Kiến Tụ Quái

Khuê giả quai dã.

Quai tất hữu nạn.

Có thụ chi dĩ Kiến.

Kiến giả nạn dã.

#### 蹇序卦

睽者乖也。

乖必有難。

故受之以蹇。

蹇者難也。

#### Kiến Tụ Quái

*Khuê là gàng quai, xón xang, chia lia*

*Quai gàng, hoạn nạn sẽ kẻ.*

*Cho nên, Kiến mới theo Khuê xen vào.*

<="" p="" style="text-align: center; text-indent: 0px; word-spacing: 0px; line-height: 24px; font-family: 'Arial Unicode MS'; font-size: medium; font-style: italic; margin: 6px 0px 0px; color: rgb(0, 0, 0); font-variant: normal; font-weight: normal; letter-spacing: normal; orphans: 2; text-transform: none; white-space: normal; widows: 2; -webkit-text-size-adjust: auto; -webkit-text-stroke-width: 0px; background-color: rgb(255, 255, 255); ">

Tất cả những sự chia ly, bế tắc trên đời này, thường sinh ra là do sự chia ly, gò bó. Vì thế sau quẻ Khuê, tiếp đến quẻ Kiển. Kiển là bế tắc, gian nan, cho nên ở chữ, thì Kiển là khập khiễng; ở quẻ thì trên là Khảm, là nguy hiểm; dưới là Cấn, là núi, là dừng lại. Sự bế tắc của quẻ Kiển do đó mà suy ra, chẳng khác nào một người kẹt ở giữa gian nan, phía trước là nước sâu, là vực thẳm; phía sau là núi cao chót vót, khó vượt, khó trèo. Vì nguy nan như vậy, nên còn tắc nghẽn chưa thoát ra được. Sự đình trệ được tượng trưng bằng quẻ Cấn; sự hiểm nguy được bày vẽ bằng quẻ Khảm.

Trong **Kinh Dịch** có 4 quẻ nói về nguy hiểm:

- Khảm là nguy hiểm nói chung
- Truân là nguy hiểm còn ít, còn đang thời sơ khởi.
- Khôn là nguy hiểm đến cùng cực, không có cơ cứu vãn
- Kiển là nguy hiểm, là tạm thời bế tắc trong nguy hiểm, nhưng vẫn có cách thoát

hiểm được.

Quẻ Kiển đại ý dạy rằng:

- Gặp nguy hiểm chớ nên liều lĩnh mà tiến lên.
- Phải biết nén lòng, chờ đợi cơ hội thuận tiện.
- Gặp nguy, đừng mua thêm cái khó vào người.
- Phải tìm người lãnh đạo có tài, đức mà cộng tác.

## I. Thoán.

*Thoán từ.*

蹇. 利西南. 不利東北. 利見大人. 貞吉.

**Kiến. Lợi Tây Nam. Bất lợi Đông Bắc. Lợi kiến đại nhân. Trinh cát.**

**Dịch.**

*Kiến là gian hiểm, nguy nan,  
Đông Bắc bất lợi, Tây Nam hữu tình.  
Gặp người tài đức, công minh,  
Một niềm trinh chính, mới rành, mới hay.*

**Thoán từ** cho rằng: thời **kiến nạn** hãy đi đường quang, chớ quàng đường rậm. **Kiến. Lợi Tây Nam. Bất lợi Đông Bắc.** Tây Nam là phương Khôn, là nơi bình địa, Đông Bắc là phương Cấn là nơi núi non chập chùng. Thoán từ lại khuyên nên gặp đại nhân, nên theo chính đạo mới may, mới tốt. **Lợi kiến đại nhân. Trinh cát.**

*Thoán Truyện.*

彖曰.蹇.難也.險在前也.見險而能止.知矣哉.蹇利西南.往得中也.不利東北.其道窮也.利見大人.往有功也.當位貞吉.以正邦也.蹇之時用大矣哉.

*Thoán viết:*

**Kiến. Nạn dã. Hiểm tại tiền dã. Kiến hiểm nhi năng chỉ. Trí hỹ tai. Kiến lợi Tây Nam. Vãng đắc trung dã. Bất lợi Đông Bắc. Kỳ đạo cùng dã. Lợi kiến đại nhân. Vãng hữu công dã. Đáng vị trình cát. Dĩ chính bang dã. Kiến chi thời dụng đại hỹ tai.**

**Dịch.**

*Kiến là gian hiểm, nguy nan,  
Trước mắt hiểm hóc, gian nan tới bời.  
Thấy nguy, dừng lại đi thôi,  
Mới là sáng suốt, thức thời tri cơ.  
Con nguy, đường dễ mới vô,  
Tránh điều rắc rối, mới là thời trung.  
Gặp đường hiểm trở, cũng xông,  
Âu đành bẻ tắc, khôn cùng chẳng sai.  
Nếu may, gặp được hiền tài,  
Ra tay tế độ, có bài nên công.  
Hợp ngôi, mà lại chính trung,  
Theo đường mình chính, mới mong tốt lành.  
Nước non sẽ bớt điều linh,  
Phù nguy, cứu nạn, mới tình, mới hay.  
Thời nguy, dùng được mới tài.*

**Thoán Truyện** trước hết định nghĩa Kiến là nguy nan, trắc trở, và cho biết lý do: nguy nan, trắc trở vì hiểm nguy đang ở trước mắt (**Kiến nạn dã. Hiểm tại tiền dã**). Thoán Truyện cũng dạy cách xử sự trong thời kỳ kiến nạn: làm sao cư xử cho hay, cho khéo, tránh được cho mình phiền lụy, đừng có nhảy vào nguy hiểm, vào những đường núi, đường cùng, trắc trở, gian nan (**Kiến. Lợi Tây Nam. Vãng đắc trung dã. Bất lợi Đông Bắc. Kỳ đạo cùng dã**). Gặp thời loạn ly, phải như con chim, biết tìm cây mà đậu; phải như con người, biết tìm chúa mà thờ.

Trong những thời nhiễu nhương, có rất nhiều người nhảy ra để phiêu lưu, mưu đồ đại sự, nhưng chỉ có bậc đại nhân, có tài, có đức, có đạo lý, có chủ trương, mới có thể hoạch định ra được một đường lối hãn hoi, để đem lại an bình cho đất nước. Vì thế đoán ra được anh hùng giữa trần ai, mới là hay, là lợi (**Lợi kiến đại nhân. Vãng hữu công dã. Đáng vị trình cát. Dĩ chính bang dã**).

Trong thời kiến nạn, mà biết xử sự cho hay, cho khéo, mà biết đường lối *phò nguy, tế kiến* thì thực là cao siêu vậy. (**Kiến chi thời dụng đại hỹ tai**).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰. 山上有水. 蹇. 君子以反身修德.

*Tượng viết:*

**Sơn thượng hữu thủy. Kiển. Quân tử dĩ phản thân tu đức.**

**Dịch.**

*Tượng rằng:* Nước ở trên non,  
Thế là kiển nạn, gian nan, cơ cầu.  
Hiền nhân, quân tử, trước sau,  
Quay về tu đức cho sâu, cho dày.

**Đại Tượng** dạy chúng ta một bài học luân lý, một bài học xử thế. Khi bế tắc, khi bất đắc chí, phải làm gì?

- Than thân, trách phận ư? Không!
- Thất vọng, chán chường ư? Không!
- Làm liều, làm bậy ư? Không!

Trái lại, phải phản tỉnh, tu đức, lập thân. *Tượng viết:* **Sơn thượng hữu thủy. Kiển. Quân tử dĩ lập thân tu đức.**

Đó là một cách xử thế của Nho gia. Mạnh Tử viết: *Người quân tử lúc đắc chí ra làm quan, thì chung sức cùng dân mà thi hành những đức nhân, nghĩa, lễ. Khi chẳng đắc chí thì ẩn dật mà tu thân hành đạo.* (Mạnh Tử, Đằng văn Công chương cú hạ, tiết 2)

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六. 往蹇. 來譽.

象曰. 往蹇來譽. 宜待也.

*Sơ lục:*

**Vãng Kiển. Lai dự.**

*Tượng viết:*

**Vãng Kiển lai dự. Nghi đãi dã.**

**Dịch.**

*Tiến lên sẽ gặp nguy tai,  
Lui đi âu sẽ được đời khen lao.  
Tượng rằng:* Tiến lên sẽ gặp nguy nan,  
Khen vì đã biết tính toan, chờ thời.

**Hào Sơ Lục nói:** Phàm sinh ra ở đời, cần phải biết:

- Tự lượng sức mình.
- Biết ước đạc được thời thế thuận, nghịch; hoàn cảnh dở, hay.
- Phải biết hành động cho hợp thời, hợp lý.



Ở đây Sơ Lục là một người âm nhu chi tài, tức là cũng chẳng giỏi giang là bao lắm, mà lại ở Hào Sơ, tức là ở địa vị thấp kém, và cũng không thích hợp với mình, hơn nữa lại gặp thời buổi nhiễu nhương, kiển nạn. Vậy thời phải làm gì? Dịch dạy, nên ở yên mà chờ thời, mới bảo toàn được danh tiết của mình, còn nếu múa may bừa phứa, thì chỉ tổ chiêu tai, rước họa vào mình. Vì thế mới nói: **Vãng kiển. Lai dự.** Tượng Truyện khuyên rõ hơn: **Nghi đãi dã**, là nên chờ đợi. Đó chính là thời mà Lã Vọng buông câu nơi Vị Thủy, chờ đợi một ngày mai tươi sáng.

### 2. Hào Lục nhị.

六二. 王臣蹇蹇. 匪躬之故.

象曰. 王臣蹇蹇. 終無尤也.

*Lục nhị.*

**Vương thần kiển kiển. Phỉ cung chi cố.**

*Tượng viết:*

**Vương thần kiển kiển. Chung vô vuu dã.**

**Dịch.**

*Công thần nguy thậm, nguy tai,*

*Quên mình vì nghĩa, bao nài tâm thân.*

**Tượng rằng:** *Thần tử lâm nguy,*

*Quên mình vì nước, lỗi gì nữa đâu.*

**Hào Lục nhị** ở trong một hoàn cảnh khác. Đây chính là một công thần nắm trọng trách trong tay. Vậy một vương thần phải làm gì? khi gặp thời buổi nhiễu nhương, chập chùng, nguy hiểm chập chùng. Dịch dạy: Lúc ấy phải biết quên mình, vì dân, vì nước.

-Nguy cơ chập chùng, nên gọi là **Vương thần kiển kiển**. Vì nước quên mình, nên nói **Phỉ cung chi cố**. Không phải lúc ấy mình phải **đội đá vá trời**, phải làm những việc quá sức, quá trí mình. Trái lại, cứ lo cho tròn nhiệm vụ, còn thành, hay bại, chẳng khá quan tâm; mà cuối cùng cũng chẳng có ai đem thành, bại, mà luận anh hùng bao giờ. Vì thế Tiểu Tượng mới giải thích thêm: **Vương thần kiển kiển. Chung vô vuu dã**. Đó chính là Khổng Minh, chỉ biết cúc cung tận tụy, phục vụ cho tới tận hơi thở cuối cùng, còn thành, bại, dở, hay, không biết đâu mà dám nói trước.

### 3. Hào Cửu tam.

九三. 往蹇來反.

象曰. 往蹇來反. 內喜之也.

*Cửu tam:*

**Vãng kiển lai phản.**

*Tượng viết:*

**Vãng kiển lai phản. Nội hỉ chi dã.**

**Dịch.**

*Ra đi sẽ bị nguy nan,*



*Thời thôi, nên hãy lo toan quay về.*

**Tượng rằng:** *Đi sẽ nguy nan,*

*Thời thôi, nên hãy lo toan quay về.*

*Người thân âu sẽ thỏa thuê.*

**Cửu tam** tuy là một người **Dương cương chi tài**, nhưng ở trong một hoàn cảnh nguy hiểm hết sức, vì Cửu tam ở sát ngay ngoại quái là quẻ Khảm. Cửu tam lại còn là Hào trên cùng của nội quái, thống lĩnh quần Âm ở dưới, như một người lãnh đạo, có trách nhiệm đối với những người thân thuộc mình.

Vậy lúc nguy nan, chưa thể nào vượt qua được, dầu mình có tài cũng chẳng nên ra đi, để nhảy vào chỗ dầu sôi, lửa bỏng, hãy trở về với những người thân yêu của mình. Vì thế Dịch nói: **Vãng kiến. Lai phản.** Về cùng những người thân yêu mình, sẽ làm cho họ được hết băn khoăn, lo sợ và được vui sướng. Vì thế Tượng viết: **Vãng kiến lai phản. Nội hỉ chi dã.**

#### 4. Hào Lục tứ.

六四. 往蹇來連.

象曰. 往蹇來連. 當位實也.

*Lục tứ.*

**Vãng kiến lai liên.**

*Tượng viết:*

**Vãng kiến lai liên. Đáng vị thật dã.**

**Dịch.**

*Ra đi sẽ bị nguy nan,*

*Thời nên quay lại kết đoàn với nhau.*

**Tượng rằng:** *Đi sẽ nguy nan,*

*Thời nên quay lại kết đoàn với nhau.*

*Thực tài xứng vị bảnh bao.*

**Hào Lục tứ nói:** Trong thời nguy nan, đã đành không thể tiến lên, nhưng cũng không thể một thân, một mình mà giải quyết được thiên hạ sự. Cho nên phải liên kết với những người tài đức, rồi ra mới có hy vọng phò nguy, tế kiến được. Hào từ nói: **Vãng kiến lai liên** chính là vì vậy. Muốn liên kết với người tài đức, mình phải hết lòng thành khẩn, trung thực, lại cũng phải đáng vị, đáng ngôi. Vì thế *Tiểu Tượng* mới viết: **Vãng kiến lai liên. Đáng vị thật dã.**

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五. 大蹇朋來.

象曰. 大蹇朋來. 以中節也.

*Cửu ngũ.*

**Đại kiến bằng lai.**

*Tượng viết:*

**Đại kiến bằng lai. Dĩ trung tiết dã.**

## Dịch.

*Quốc quân gặp buổi đại nạn,  
Bạn bè kéo đến lo toan, phù trì.  
**Tượng rằng:** Bạn bè kéo đến phò nguy,  
Là vì tiết liệt, đoan nghi mọi bề.*

**Hào Cửu ngũ:** Một vị quốc quân, dầu gặp bước kiển nan, nguy cơ, cũng không thể nào trốn tránh trách nhiệm được. Phải đem thân đứng mũi, chịu sào, ra tay liệu lý, không quản khó nhọc với gian nguy.

Nếu mình có tài, có đức, lại một lòng vì dân, vì nước, làm chi mà chẳng tìm ra được người phụ bật. Thành Thang đã gặp Y Doãn; Võ vương đã gặp Lã Vọng; Lưu Bị đã gặp Khổng Minh; Đường Túc Tôn đã gặp Quách Tử Nghi chả hạn. Làm sao có được hiền tài phụ bật? Tượng viết: Phải cư xử cho phải đạo. **Đại kiển. Bằng lai dĩ trung tiết dã.**

Trong Kinh Dịch, các Hào tương ứng với nhau, quan trọng nhất là Nhị và Ngũ, cho nên **Hào hai** nói **Vương thân** là chỉ **Vương thân** của **Ngũ**; **Hào năm** nói **Bằng Lai** là chỉ **Hào Lục nhị**...

Chỉ có **nhị và ngũ là tương ứng**, là vua tôi san sẻ hoạn nạn; còn 4 Hào khác đều không có trách nhiệm trực tiếp. **Bằng lai** là bạn, đến **hợp với nhị để cứu nạn**, như vậy mọi Hào đều đồng lao cộng tác mà **phò nguy**.

Từ dưới lên trên, gọi là **vãng**; từ trên xuống dưới gọi là **lai**. Nói **Bằng lai**, phải hiểu là **Hào Lục tứ, Cửu tam đều đến để hợp sức với nhị để tiếp ứng cho ngũ**...

Xem như vậy, ta thấy khi bình giải Dịch được tự do phát biểu ý kiến mình, miễn sao cho nó hợp lý.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六. 往蹇來碩. 吉. 利見大人.

象曰. 往蹇來碩. 志在內也. 利見大人. 以從貴也.

*Thượng Lục.*

**Vãng kiển lai thạch. Cát. Lợi kiến đại nhân.**

*Tượng viết:*

**Vãng kiển lai thạch. Chí tại nội dã. Lợi kiến đại nhân. Dĩ tông quý dã.**

## Dịch.

*Ra đi sẽ gặp nguy nan,  
Về cùng hiền đức kết đoàn, mới may.  
Đại nhân gặp được thời hay.  
**Tượng rằng:** Đi sẽ nguy nan,  
Về cùng hiền đức hiệp đoàn, mới may.  
Vì lòng mến chuộng hiền tài,  
Vì lòng vẫn hướng về người trong đây.  
Đại nhân gặp được thời hay,*

*Quý nhân những muốn có ngày được theo.*

**Hào Thượng Lục** ví như một người ẩn sĩ, đã đứng ngoài cuộc phong trần, thế sự. Tuy nhiên gặp lúc quốc gia đại nạn, quân vương lâm nguy, không thể nhắm mắt, làm ngơ. Thượng Lục tuy không đủ tài mà thay đổi thời cuộc, nhưng Thượng Lục có thể cầu viện được với những bậc anh tài, (**Lai thạc**), để cùng nhau đến gặp vị quân vương (**Lợi kiến đại nhân**), giải quyết những khó khăn đang mắc phải.

Chỉ duy có **Hào Thượng Lục** này được chữ **Cát**, vì lúc này *vận kiến nạn đã đến hồi kết cuộc*, sắp có thể được giải nạn. Hán Quang Võ, đang khi hưng binh phục quốc, có lần đã bị vây ở Côn Dương. Quang Võ đương đầu với một tương giặc có kỳ tài là Cự Vô Bá, có **Tụ thú Bại** có thể hóa ra hùm beo, voi, gấu, để đánh quân Hán. May Quang Võ gặp được Nghiêm tử Lãng. Nghiêm tử Lãng khuyên được đồ đệ mình là Mã Viện, là tướng duy nhất phá được Tụ thú Bại.

Nhờ Nghiêm tử Lãng và Mã Viện mà Quang Võ giết được Cự Vô Bá chiếm được Côn Dương, và nhờ đó khôi phục được nghiệp nhà Hán.

Nghiêm tử Lãng tức là **Hào Thượng Lục** ở đây. Đến cầu Mã Viện tức là **Lai thạc**, cùng nhau đi cầu Quang Võ, tức là **Lợi kiến đại nhân**. Giải toả được thành Côn Dương cho nên là **Cát**. Thế là Thượng Lục, tuy lánh trần, mà *chí vẫn tại nội*, vẫn biết kính hiền, trọng hiền, và vẫn biết theo người sang cả, giúp người có *chân thiên mạng* để phò nguy, cứu hiểm. Vì thế *Tiểu Tượng viết: Vãng kiến lai thạc. Chí tại nội dã. Lợi kiến đại nhân. Dĩ tòng quý dã.*

## **ÁP DỤNG QUÊ KIẾN VÀO THỜI ĐẠI**

Đại Tượng quẻ Kiến đưa ra một bài toán rất ly kỳ. Dịch hỏi: Khi mình gặp nguy, kẹt giữa núi và sông, lại bị què đôi chân, thì phải giải quyết sao? Dịch trả lời: **Phải quay về nội tâm tu đức**. Thực là một cái nhìn siêu việt, cho đến nay, chúng ta cũng không giải quyết được như vậy.

Hán Chung Ly tiên ông kể là lúc còn sinh thời ngài từng làm nguyên soái, nhưng đã bại trận. Vì xấu hổ, nên không dám về triều, vào núi tu tiên, nên đã thành tiên. Thực ra Hán Trung Ly đã làm theo lời khuyên của quẻ Kiến trong Kinh Dịch

**Ngày Nay, áp dụng theo thời đại, ta phải làm sao?**

- **Nếu ta bị thất bại về vấn đề vợ con**, thì ta phải cố tìm hiểu do đâu mà ra. Nếu vì lỗi làm của ta, thì ta phải cố gắng sửa đổi lại, đừng đổ tại vợ con, nghề nghiệp làm ta chán nản nên sinh ra như vậy.

- **Nếu ta bị thất bại vì công việc làm ăn**, thì phải biết dừng chân lại, phải biết tìm người giỏi, người tốt mà cộng tác với họ, hoặc tìm phương tiện để hoá giải nó như quảng cáo, sửa chữa những lỗi mình mắc phải: Ví dụ như hàng xấu mà bán giá cao, ăn nói thô lỗ với khách hàng vv... Như vậy, mọi sự hiểm nguy sẽ được hoá giải. Còn như khi muốn tạo dựng một cơ sở kinh doanh mới, phải tìm người giỏi để cộng tác với mình, ta cũng nên suy xét cẩn thận.

\* **Cơ sở kinh doanh về Mậu Dịch**, thì phải tìm những người ngoại giao giỏi, có thành tín, khiêm nhường, vui vẻ, luôn tươi cười với khách hàng. Hàng hóa luôn phải kiểm soát, phẩm chất phải tốt, phải giữ uy tín với khách hàng. Lời nói phải đúng với việc làm, ngay thẳng, thật thà.

\* **Cơ sở kinh doanh về phát minh, sáng chế**, thì nên tìm trong những mầm non ưu tú, mới tốt nghiệp, mà trau dồi cho họ theo đường lối sản xuất của mình, thì tốt hơn. Phải đối xử với họ một cách rộng rãi, bảo đảm cho họ một đời sống an toàn về mọi mặt. Luôn phải nhớ họ là

những người mang lợi đến cho mình, nên phải đối với họ như chân tay mình vậy. Phải có đạo đức trong việc dùng người, thì cơ nghiệp của mình mới vững bền.

- **Nếu cá nhân mình, chẳng may bị tàn phế**, vì bất cứ một lý do nào đó, thì đừng than oán làm gì. Vì khổ sở, oán than cũng chẳng mang lợi ích gì cho ta, mà trái lại nó còn mang lại sự đau đớn về tinh thần thêm cho ta mà thôi.

Hãy coi cái xác mình chỉ là hình thức bề ngoài, là giả tạo, là cái túi đựng phân và máu mủ. **Hãy dốc hết tinh thần đi tìm đạo lý**, sẽ thấy đời mình cao siêu hơn nhiều, ý nghĩa hơn nhiều. Đó là điều mà quẻ Kiển muốn dạy ta vậy.

## 40. 雷水解 LÔI THỦY GIẢI



### Giải Tự Quái

### 解序卦

Kiên giả nạn dã.

蹇者難也。

Vật bất khả dĩ chung nạn

物不可以終難

Cố thụ chi dĩ Giải.

故受之以解。

Giải giả hoãn dã.

解者緩也。

### Giải Tự Quái

*Kiến là hoạn nạn, gian lao.*

*Nhưng mà gian khổ nhẽ nào mãi đâu?*

*Cho nên Giải tiếp theo sau;*

*Giải là cởi mở, ngõ hầu chơi ngơi.*

Trên đời việc gì cũng có lúc cùng; kiên nạn mãi, phải có kỳ được giải thoát. Vì thế sau quẻ Kiển là quẻ Giải.

Chữ Giải xét về **Từ nguyên** là dao, là dùi bằng sừng trâu dùng để gỡ nút. Cho nên Giải là tháo gỡ, hóa giải tai nạn.

Quẻ Giải, trên có quẻ Chấn là sấm, là động; dưới có quẻ Khảm là nguy hiểm. Chấn ở trên Khảm, tức là gặp nguy mà có đủ sức mạnh hoạt động, nên đã thoát nguy. Vì thế, xét về mặt chữ, xét về ý nghĩa và hình tượng của quẻ Giải, đều gợi ra ý nghĩa **Giải nạn, tế nguy, Giải tán hoạn nạn**. Mà tiểu nhân là đầu mối sinh ra mọi sự hoạn nạn, bế tắc trong xã hội. Cho nên, sau khi đã giải được nguy cơ cho non sông, đất nước cần phải trừ tiểu nhân.

Trong suốt quẻ Giải, ta thấy hiện lên ý nghĩa **Cần phải diệt trừ tiểu nhân**. Nơi quẻ Kiển, là rối ren, nguy hiểm bế tắc, thời dạy cần phải đoàn kết, cần phải tìm ra được nhân tài, được người lãnh đạo, để đối phó với tình hình. Nay tai qua, nạn khỏi, đã đi đến giải nạn rồi, thời lại khuyên nên trừ diệt tiểu nhân. Đường lối thật rõ ràng vậy.

### I. Thoán.

*Thoán từ.*

解.利西南.無所往.其來復吉.有攸往.夙吉.

**Giải. Lợi Tây Nam. Vô sở vãng. Kỳ lai phục cát. Hữu du vãng. Túc cát.**

**Dịch.**

*Giải là giải nạn, tế nguy,  
Khuôn phù đại chúng, vậy thì mới hay.  
Xin đừng dở dối, múa may,  
Theo nề nếp cũ, dựng gậy cơ ngơi.  
Tinh hoa xưa, chẳng bỏ rời,  
Áy là may mắn, áy thôi tốt lành.  
Nếu còn việc phải thi hành,  
Thời nên làm gấp, cho nhanh, cho rồi.*

Lúc đã hóa giải được cơn nguy biến rồi, cần phải theo con đường khoan hòa, dung dị, phải vô an bá tánh. Đó là đường lối của Thành Thang, sau khi đã diệt Kiệt; của Võ Vương, sau khi đã diệt Trụ. Vì thế nói **Lợi Tây Nam**. Tây Nam là phía quê Khôn, mà Khôn là bình dị. Vì thế Trình Tử mới giải nên theo đường lối bình dị, khoan quảng.

Khi đã hóa giải được hiểm nguy rồi, đừng nên nhiều chuyện, làm phiền hà dân chúng, mà phải lo trở về với những lễ hay, thói đẹp thuở trước. Như Võ Vương, khi đã diệt Trụ xong, lại trở về với nền hành chánh qui củ, đẹp đẽ của nhà Thương (**Vô sở vãng. Kỳ lai phục cát**).

Nhưng nếu còn việc gì cần phải giải quyết, phải giải quyết cho mau, cho lẹ mới tốt (**Hữu du vãng. Túc cát**).

### **Thoán Truyện.**

彖曰.解.險以動.動而免乎險.解.解利西南.往得眾也.其來復吉.乃得中也.有攸往.夙吉.往有功也.天地解.而雷雨作.雷雨作.而百果草木皆甲坼.解之時大矣哉.

*Thoán viết:*

**Giải. Hiểm dĩ động. Động nhi miễn hồ hiểm. Giải. Giải lợi Tây Nam. Vãng đắc chúng dã. Kỳ lai phục cát. Nãi đắc trung dã. Hữu du vãng. Túc cát. Vãng hữu công dã. Thiên địa giải. Nhi lôi vũ tác. Lôi vũ tác. Nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hỹ tai.**

**Dịch. Thoán rằng:**

*Giải là thoát hiểm, thoát nguy,  
Trong nguy, động để vượt kỳ nguy nan.  
Giải hay về hướng Tây Nam,  
Cứu nguy, sẽ được dân gian theo về.  
Lối xưa, giữ lấy nếp nề,  
Làm hay, làm phải, nên chi tốt lành.  
Nếu còn việc phải thi hành,*

*Thời nên làm gấp, cho nhanh, cho rồi.  
Đất trời, uất khí, thông xuôi,  
Sấm vang rộn rã, mưa rơi rạt rào.  
Cỏ cây đâu đấy đua nhau,  
Nảy chồi, đâm mộng, mở mào, nứt nanh.  
Thời cơ giải thoát quần sinh,  
Cao siêu, mà lại tốt lành biết bao.*

**Giải là gặp hiểm mà hoạt động. Hoạt động nên thoát hiểm, vì thế nên gọi là Giải.**

**Thoán Truyện** cũng cho rằng: sau khi hóa giải được hoạn nạn, nếu mình dùng đường lối bình dị, khoan quảng, ắt sẽ được lòng dân. (**Giải lợi Tây Nam. Vãng đắc chúng dã**). Ngoài ra, nếu mà biết trở về với những lẽ lối tốt đẹp của người xưa, thì như vậy mới là hành xử phải đạo (**Kỳ lai phục cát. Nãi đắc trung dã**). Tuy nhiên, nếu còn có việc phải làm, thời làm cho ngay, cho gấp, đừng chần chừ, giải đãi. Như vậy ắt sẽ nên công (**Hữu du vãng. Túc cát. Vãng hữu công dã**.)

Kiến An Khâu thị bình rằng: Đại khái, lúc mà tình thế vừa bình trị, con người dễ đâm ra lười, trừ họa mà chưa tuyệt, nó dễ sinh lại. Khi họa hoạn vừa chấm dứt, Thánh nhân không muốn con người, có nhiều chuyện làm mệt cho mình, nhưng cũng không muốn con người ngồi yên biếng nhác. Thoán Truyện luận tiếp: khi mà trời đất muốn làm thông sự bế tắc, uất kết của bầu trời thì sấm động, mưa rơi. Khi mà khí trời, khí đất đã thông sướng rồi, ta sẽ thấy cây cỏ đâm chồi, nảy mầm. Cho nên thời Giải là thời quan hệ lớn lao vậy (**Thiên địa giải. Nhi lôi vũ tác. Lôi vũ tác nhi. Bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hỷ tai**).

Đối với đời sống xã hội, thời Giải là một thời rất quan trọng. Thật vậy, khi mà binh lửa đa đoan, nguy hiểm chập chùng, thì mọi người đâm ngao ngán, chẳng còn muốn tính toán, làm lụng gì cho lắm nữa. Tầm hoạt động con người bị thu nhỏ lại, và những mưu đồ làm ăn, phát triển cũng bị dẹp bớt đi. Khi mà bình yên trở lại, mọi người như cây cối gặp trời mưa, sẽ đua nhau hoạt động trở lại, và đất nước sẽ có cơ hưng phấn.

Ở bên Âu Châu trước năm 1000, ai cũng nghĩ sắp tận thế, nên không còn muốn làm ăn gì nữa. Sau năm 1000 biết chắc không tận thế, dân chúng mới sống động lại, và bắt đầu xây dựng vô số nhà thờ. Những nhà thờ lớn ở Âu Châu hiện nay, được bắt đầu xây cất từ thời đó.

## II. Đại Tượng Truyện.

**象曰.雷雨作.解.君子以赦過宥罪.**

*Tượng viết:*

**Lôi vũ tác. Giải. Quân tử dĩ xá quá hựu tội.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Giải là sấm động, mưa rơi,  
Hiền nhân chẳng chấp tội người mới hay.  
Lỗi lầm khoan xá, tha ngay,  
Tội tình cũng cố liệu bài giảm khinh.*



Sấm động, mưa rơi làm cho không khí hết oi ả. Quân tử cũng tha lỗi, xá tội, làm cho tình thế bớt căng thẳng. Tượng viết: **Lôi vũ tác. Giải. Quân tử dĩ xá quá hựu tội.** Chữ **xá** ở đây là tha hãn. Chữ **hựu** có nghĩa là giảm. Lỗi lắm thì tha hãn, trọng tội thì giảm khinh, như vậy mới là hợp lý.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào đại khái chỉ nói lên mấy ý sau đây:

- Chớ nên nhiều sự, làm khổ dân khi không cần. (Hào Sơ)
- Phải diệt tiểu nhân (Hào nhị)
- Không được cho tiểu nhân tham chính. (Hào 3)
- Phải xa lánh tiểu nhân. (Hào 4,5) -
- Muốn trừ tiểu nhân, nhiều khi phải tổn công phu, phải chuẩn bị, bố trí, có phương lược. (Hào 6)

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。無咎。

象曰：剛柔之際，義無咎也。

**Sơ lục. Vô cữu.**

Tượng viết:

**Cương nhu chi tế. Nghĩa vô cữu dã.**

Dịch.

*Hào Sơ khoan quảng lỗi chi?*

Tượng rằng:

*Có cương vả lại có nhu,*

*Khởi cư hợp lý, khởi lo lỗi lắm.*

**Hào Sơ Lục** chỉ vẹn vẹn có hai chữ **vô cữu**, mà đã nói lên được đường lối phải theo khi mới bắt đầu thời kỳ Giải. Khi đại nạn vừa qua khỏi, dân chúng còn đang hoang mang, chớ nên nhiều sự, như vậy mới được lòng dân. Thế tức là dung hoà cương nhu. Tượng viết: **Cương nhu chi tế. Nghĩa vô cữu dã.**

Bái công vào Quang Trung, sau khi đã cho Tam Thế là vua Tần hàng đầu, liền lập ra ba chương ước pháp hết sức giản dị, để trị dân. Không tơ hào của dân, không vi phạm cung thất nhà Tần, khiến dân thấy đều cảm phục.

Ngược lại, khi Hạng Võ vào đến Quang Trung đã:

- Giết 20 vạn quân Tần, mặc dầu họ đã hàng đầu.
- Giết dân chúng Hàm Dương vì họ đã thần phục Bái công.
- Giết Tam Thế.
- Quật lăng Tần Thủy Hoàng.
- Đốt cung A Phòng. v.v...

Thế là một đảng biết cư xử đúng luật Dịch, một đảng hành động quàng xiên, và như vậy hai đảng cát hung phân biệt rõ ràng.



## 2. Hào Cửu nhị.

九二. 田獲三狐. 得黃矢. 貞吉.

象曰. 九二貞吉. 得中道也.

*Cửu nhị.*

**Điền hoạch tam hồ. Đắc hoàng thi. Trinh cát.**

*Tượng viết:*

**Cửu nhị trinh cát. Đắc trung đạo dã.**

**Dịch.**

*Đi săn bắt được ba chồn,*

*Rồi ra được thưởng tên vàng, may thay.*

*Một lòng chính trực mới hay*

**Tượng rằng:** *Chín hai chính trực, mới hay.*

*Thế là xử sự thẳng ngay, đàng hoàng.*

**Hào Cửu nhị:** Lúc này thế nước đã vững vàng hơn; cho nên lúc này phải lo trừ khử kẻ tiểu nhân, và phải kén chọn người anh tài. Thế nào là kẻ tiểu nhân, về phương diện hành chánh, chính trị? Đó là những kẻ chỉ lo thủ lợi riêng, giỏi hãm hại người hiền, mà không biết gì về công chuyện tế thế, kinh bang, phò nguy, cứu khốn cho giang sơn, bờ cõi. Họ là những người gian manh, siểm nịnh, quý quyết như những con hồ ly, cần phải tiêu trừ cho tận tuyệt. Vì thế Hào Cửu nhị mới nói: **Điền hoạch tam hồ.** (Đi săn bắt được ba con cáo). Trừ tiểu nhân cũng chưa đủ, còn phải tuyển lựa những người trung trực ra giúp nước nữa. **Hoàng** là màu của trung; **Thi** là tên, tượng trưng cho sự ngay thẳng. **Đắc hoàng thi** chính là được những người trung trực. Làm được hai chuyện đó là theo được chính đạo, và như vậy mới tốt. (**Trinh cát**). Vì thế Tiểu Tượng mới nói **Cửu nhị trinh cát. Đắc trung đạo dã.**

## 3. Hào Lục tam.

六三. 負且乘. 致寇至. 貞吝.

象曰. 負且乘. 亦可丑也. 自我致戎. 又誰咎也.

*Lục tam.*

**Phụ thả thừa. Trí khấu chí. Trinh lận.**

*Tượng viết:*

**Phụ thả thừa. Diệc khả xú dã. Tự ngã trí hung. Hựu thù cửu dã.**

**Dịch.**

*Lục tam, đầu đội, vai mang,*

*Mà còn xe cộ nghênh ngang, phõn phè.*

*Thế là gọi giặc cướp về,*

*Cứ như vậy, sẽ ê chê ăn năn.*  
**Tượng rằng:** *Đầu đội, vai mang,*  
*Nghênh ngang xe cộ, bẽ bàng ê hê!*  
*Tự mình gọi giặc cướp về*  
*Còn chê ai nữa, hãy chê chính mình.*

**Hào Lục tam:** Ở xã hội, có người sang, người hèn; người hèn làm những việc như khuân vác. Người sang lo việc kinh quốc, an dân và đi ngựa, đi xe. Nay dùng những kẻ hèn, kẻ tiểu nhân mà đặt vào những chức vụ lãnh đạo, thì có khác gì một người đầu đội, vai mang, mà chễm chệ ngồi trên xe đầu. Vì thế Lục tam nói **Phụ thả thừa**. Những kẻ tiểu nhân một khi đã có quyền trong tay, sẽ luồn cúi, nịnh bợ người trên, hãm hại người ngay, tàn ác với lê thứ, cho nên sẽ gây ra nhiều chuyện bất bình, gieo mầm bất mãn, loạn lạc khắp nơi. Vì thế Dịch nói: **Kỳ phụ thả thừa. Trí khấu chí. Trinh lộn.** Tại sao lại **Trinh lộn**? **Trinh** đây phải hiểu là cứ theo con đường ấy; **lộn** là sẽ chuốc ô nhục vào người.

Dùng kẻ tiểu nhân, kẻ khuân vác, mà cho ngồi xe, thì thực đáng hổ thẹn, đó là mình tự chiêu giặc cướp vào mình, rồi còn oán trách ai được. Tiểu Tượng Truyện viết: **Phụ thả thừa. Diệc khả xú dã. Tự ngã trí hung. Hựu thù cũu dã.**

Vua Chánh Đức nhà Minh, dùng nội thị Lưu Cẩn chỉ có tài bày ra những cuộc chơi bời, luyện trâu, luyện chó, luyện ngựa, luyện chim, rồi phong cho Lưu Cẩn làm chức Thần cơ, cai quản ngự lâm quân, lại cho dự vào việc cơ phòng, xem xét, phê phán các sổ sách thay vua, nên sau mới sinh ra chuyện công thần bị hãm hại, binh cách can qua một thời gian.

Vua Huy Tôn nhà Tống, vì dùng Cao Cầu, một người chỉ có tài nghề đá cầu, cho làm đến chức thái úy, nên đã xô đẩy biết bao anh tài lên Lương Sơn Bạc. Thế mới hay, dùng kẻ tiểu nhân là chiêu giặc cướp đến vậy! (xem thêm Hệ Từ thượng, chương VIII).

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四. 解而拇. 朋至斯孚.

象曰. 解而拇. 未當位也.

*Cửu tứ.*

**Giải nhi mẫu. Bằng chí tư phu.**

*Tượng viết:*

**Giải nhi mẫu. Vị đáng vị dã.**

**Dịch.**

*Hi sinh cắt ngón cái đi,*

*Bạn bè tin cần sẽ về với ta.*

**Tượng rằng:** *Ngón cái cắt đi,*

*Vì mình chưa ở đúng kỳ vị ngôi.*

**Hào Cửu tứ:** Làm người trên cần phải biết xua đuổi những chân tay gian nịnh, hại dân, hại nước. Có làm được như vậy, nhân tài trong nước mới tin, mới về cộng tác với mình (**Giải nhi mẫu. Bằng chí tư phu**). **Giải** là cắt bỏ, **Mẫu** là ngón chân cái, **nhi** là của mình. Ý nói phải giải

trừ những kẻ tiểu nhân đang bám, đang dựa vào mình. Còn phải làm những chuyện như vậy, tức cũng chưa phải là người hoàn toàn. Vì vậy Tiểu Tượng bình thêm **Giải nhi mẫu. Vị đáng vị dã.**

### 5. *Hào Lục ngũ.*

六五. 君子維有解. 吉. 有孚于小人.

象曰. 君子有解. 小人退也.

*Lục ngũ.*

**Quân tử duy hữu giải. Cát. Hữu phu vu tiểu nhân.**

*Tượng viết:*

**Quân tử hữu giải. Tiểu nhân thoái dã.**

**Dịch.**

*Giải trừ được bọn gian manh,  
Thời người quân tử an lành biết bao.  
Tiểu nhân rũ sạch, mới hào.  
Ấy là bằng chứng đã vào đường ngay.  
**Tượng rằng:** Quân tử mà rũ tiểu nhân,  
Tiểu nhân bán xói, dám gần nữa đâu.*

**Hào Lục ngũ:** Các quan chức ở dưới còn không nên thân cận với tiểu nhân, huống chi là các bậc vua chúa.

Cho nên đã là minh quân, là phải trừ khử tiểu nhân (**Quân tử duy hữu giải. Cát. Hữu phu vu tiểu nhân**). Lấy gì chứng nghiệm được rằng mình đã giải trừ được tiểu nhân? Cứ xem quanh mình, nếu tiểu nhân không còn dám bén mảng tới, mới thực là mình đã xua đuổi được hết phường du nhện. Thời Đại Võ, có người tên Nghi Địch, cất được một thứ rượu rất thơm ngon, dâng lên Đại Võ. Vua ném thử quả thấy ngon, liền đầy Nghi Địch đi, không bao giờ cho tới triều ca nữa. Nếu vua thực tình dùng người hay, bỏ kẻ dở, thì tiểu nhân sẽ rút lui hết. *Tượng viết:* **Quân tử hữu giải. Tiểu nhân thoái dã.**

### 6. *Hào Thượng Lục.*

上六. 公用射隼. 于高墉之上. 獲之. 無不利.

象曰. 公用射隼. 以解悖也.

*Thượng Lục.*

**Công dụng xạ chuẩn. Vu cao dung chi thượng. Hoạch chi vô bất lợi.**

*Tượng viết:*

**Công dụng xạ chuẩn. Dĩ giải bội dã.**

**Dịch.**

*Vương công bắn cất tường cao,*

*Bắn trừ con cắt, lợi nào lợi hơn.*

**Tượng rằng:**

*Vương công bắn cắt tường cao,  
Trừ mầm phản loạn, hại trào, hại dân.*

**Hào Thượng Lục:** Tuy nhiên muốn trừ khử tiểu nhân không phải là chuyện dễ. Vì họ có thể là những quan lớn trong triều, có uy thế, có vây cánh lớn mạnh. Họ như những con chim chuồn, chim cắt dữ tợn đậu trên bức tường cao. Muốn trừ diệt họ, mình phải có những phương kế, phải chuẩn bị cho hẳn hoi, phải đợi thời cơ thuận tiện mới ra tay, như vậy khi ra tay mới mong thắng lợi. (**Công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng. Hoạch chi vô bất lợi.**)

Bắn được chim cắt đây, chính là trừ những kẻ bội loạn. *Tượng viết:* **Công dụng xạ chuẩn. Dĩ giải bội dã.** Đọc bài này ta liên tưởng đến chuyện vua Càn Long trừ Thiên Địa Hội.

## **ÁP DỤNG QUÊ GIẢI VÀO THỜI ĐẠI**

Bàn về quê Giải, tôi nghĩ ngay tới thời kỳ 1975, khi còn bị kẹt ở Saigon (Việt Nam). Quê Giải khuyên nên làm 2 vấn đề chính:

- 1)- Khi dẹp đại loạn xong, không nên làm khó dân.
- 2)- Không cho tiểu nhân tham dự chính quyền.

Ta hãy nhìn dân tình Việt Nam, khi Cộng Sản vào SAIGON. Điều ta phải nhận định là quân đội Cộng Sản thật là có kỷ luật: không hề tơ hào, không hề sách nhiễu dân điều gì.

Nhưng đến khi trị dân, ta thấy Cộng Sản đã có nhiều khiếm khuyết. Tuy mới đầu họ tuyên bố: không ai thắng, không ai bại, và người trong một nước phải bao bọc lẫn nhau, nhưng chỉ ít ngày sau là kêu gọi quân đội, dân sự phải đi trình diện học tập. Mới đầu úp úp, mở mở là học tập trong một tuần, rồi sau đó mới vỡ lẽ ra rằng Cộng Sản bắt đi học tập có khi trên 10 năm. Điều này đã gây xáo trộn và chia rẽ lớn trong nước.

Sau đó là vụ đánh **Tư sản thương nghiệp**. Đó là những lỗi lầm mà Chính quyền lúc đó đã phạm phải.

Còn về chuyện dùng người, thì phải công nhận lúc đầu không có đủ nhân viên, nên đã dùng bừa phứa, nên có những tiểu nhân len lỏi vào chính quyền cấp dưới như nơi **Phường, Khóm, Quận**. Những kẻ tiểu nhân này đã dùng quyền uy của họ để sách nhiễu dân, tham ô đủ thứ. Tuy nhiên sau đó, chính quyền cũng đã tìm đủ mọi cách trừ khử bọn tiểu nhân này.

**Nhưng để bù lại**, thì chính quyền Cộng Sản đã cho di tản chính thức những gia đình mà có thân nhân bị **đi cải tạo một cách rộng rãi**, do đó nhiều gia đình nay đã rất khá giả, con cái đã thành đạt. Họ đã thực hiện được những ước mơ là sao cho con cái họ được đi du học nước ngoài, mà trong suốt cuộc đời của nhiều người khó mà thực hiện nổi. Đó cũng là điểm đáng khen.

**Nói cho công bằng**, là khi thay đổi một chế độ, một triều đại, làm sao mà tránh được những sự bắt bớ, giam cầm, hay thủ tiêu những thành phần đối lập, và như vậy làm sao tránh khỏi được bao người bị hàm oan. **Hơn nữa, như Dịch nói: Làm sai, biết sửa, không có lỗi (Vô cữu).**

Tôi nói các vấn đề trên một cách trung thực, không phải để chỉ trích hay phê bình, mà cũng là thấy sao nói vậy, hay khen, hèn chê mà thôi, mong sao các Chính phủ sau, trước khi soạn thảo, ban bố, hoặc thi hành một đạo luật gì, thì phải nghĩ đến sự lợi ích cho dân, và bảo vệ dân trước đã.

## 41. 山澤損 SON TRẠCH TỒN



### Tồn Tự Quái

### 損序卦

Giải giả hoãn dã.

解者緩也

Hoãn tất hữu sở thất.

緩必有所失

Cố thụ chi dĩ Tồn.

故受之以損

### Tồn Tự Quái

*Giải là cởi mở, ngõ hầu chơi ngơi;*

*Chơi ngơi mát mát hẳn rồi.*

*Cho nên Tồn mới có bài theo sau.*

Tồn là hao tổn. Chữ Tồn theo **Từ nguyên**, một bên có chữ **thủ** là tay, một bên có chữ **viên** là tròn; cái gì đã **viên mãn** mà động tới, mà tiêu dùng, ắt sẽ **hao tổn**. Nhưng quẻ Tồn đây không có nghĩa là hao tổn không, mà còn có nghĩa quan hệ khác nữa, đó là **Tồn hạ, ích thượng; làm hao tổn dưới, mà có ích cho trên**. Trong xã hội, ai là dưới? đó là dân. Ai là trên? đó là những người cầm quyền. Dân là gốc, là nền móng quốc gia; bới gốc, xói nền, để bù đắp cho ngọn, là một công việc tối ưu nguy hiểm, nếu không biết cách mà hành động cho hay, cho khéo, thời quốc gia, xã hội sẽ lung lay, suy sụp. **Quẻ Tồn** cốt ý **dạy ta phương cách tổn dân**, mà không làm hại cho dân, mà không làm hại cho nền an ninh của quốc gia, xã hội.

Tại sao gọi là Tồn. Có bốn lý do:

1- Theo Tự Quái, gặp thời giải đãi, bình an, người ta nghỉ xả hơi quá nhiều, nên mới sinh ra tổn thất, vì thế sau Quẻ Giải mới đến Quẻ Tồn.

2- Tồn dưới là Đoài, là hồ, trên là Cấn, là Sơn; hồ sâu để cho núi cao; hồ bốc hơi lên để nhuận trạch cho cỏ cây trên núi; thế là tổn hạ, ích thượng.

3- Quẻ dưới là Đoài cũng là vui, vả lại ba Hào dưới đều ứng với ba Hào trên. Người dưới vui mà hưởng ứng, phục vụ người trên, đó là tổn hạ, ích thượng.

4- Quẻ Tồn do Quẻ Thái mà thành. Hào Cửu tam của Quẻ Thái vốn cương, lên đổi chỗ cho Hào Thượng Lục là ích thượng, nhu hạ cương hoán vị cho Thượng nhu, thế là tổn hạ. Đã phải tổn hạ, ích thượng thì sự thái thịnh cũng suy giảm đi phần nào. Cổ nhân cảnh cáo một cách thật tế nhị vậy.

### I. Thoán.

#### *Thoán từ:*

損.有孚.元吉.無咎.可貞.利有攸往.曷之用.二簋可用享.

**Tồn. Hữu phu. Nguyên cát. Vô cửu. Khả trình. Lợi hữu du vãng.**

**Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng.**

Dịch. *Thoán từ.*

Tồn là tinh giảm bớt đi,  
 Tồn mà thành khẩn, thôi thì rất hay.  
 Tồn mà hợp lẽ chính ngay,  
 Tồn sao cho khéo, khỏi sai, khỏi làm.  
 Cứ đường lối ấy bền tâm,  
 Làm gì cũng được thập phần may.  
 Tồn sao cho khéo léo đây?  
 Cơm xôi hai giỏ, lòng ngay dâng thần.

Tồn dân thực ra là một lẽ dĩ nhiên. Mạnh Tử nói: *Có người làm việc bằng tâm trí, có kẻ làm việc bằng tay chân. Người làm việc bằng tâm trí thì cai trị dân chúng; kẻ làm việc bằng tay chân thì chịu quyền điều khiển. Kẻ chịu quyền điều khiển có phận sự cung cấp cho bề trên. Người cai trị dân chúng, cần được dân chúng phụng dưỡng.* Đó là lẽ thông thường trong thiên hạ vậy. (Mạnh Tử, Đằng Văn Công Thượng, 4).

Nhưng Tồn dân, bắt dân đóng góp tài nguyên, nhân lực, vật lực, xương máu khi cần thiết, người xưa vốn coi là một chuyện bất đắc dĩ. Mình phải hết sức thành khẩn, để cho dân tin tưởng được rằng mình không có ý sách nhiễu, hay đối xử tàn nhẫn với họ; phải giải thích cho dân biết sự đóng góp của họ là cần thiết cho sự tồn tại của quốc gia, như vậy sẽ hay, sẽ lợi, mà mọi sự sẽ tốt đẹp.

**Thoán:** Tồn. Hữu phu. Nguyên cát. Vô cửu. Khả trình. Lợi hữu du vãng.

**Hữu phu** là có lòng thành khẩn. Đã thành khẩn rồi, mọi sự sẽ tốt đẹp (**Nguyên cát**), sẽ không ai trách móc được mình (**Vô cửu**); như vậy mới có thể thi hành lâu dài được (**Khả trình**), và công cuộc mới có cơ tiến triển được (**Lợi hữu du vãng**).

Làm thế nào mà chúng mình được lòng thành khẩn đó? Thưa, hãy tinh giảm mọi thứ sa hoa, phù phiếm bên ngoài, không được tiêu sài phí phạm. Ngay đến những khi hành lễ cũng phải tinh giảm chi phí đến mức tối đa. Vài giỏ cơm lúc ấy cũng đủ dâng thần. Đó là cách tùy thời xử thế. Khi nước nghèo, dân túng, nỡ nào bắt dân đóng góp nhiều để mà chi dùng phí phạm sao?

**Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng?** **Hạt chi dụng** là một câu hỏi như *Làm thế nào?* **Nhị quĩ** là hai giỏ xôi. **Hưởng** là dâng cúng thần minh. Tóm lại lòng thành khẩn tối cần trong trường hợp này. Tử Hạ nói: *Người quân tử (làm quan), trước phải được lòng dân tin phục, sau mới sai khiến họ làm lụng. Nếu họ chưa tin mình, mà mình vội khiến họ làm lụng, ắt họ ngỡ rằng mình khất bạc đối với họ.* (Luận Ngữ, Tử Trương XIX,10)

**Thoán Truyện.**

彖曰.損.損下益上.其道上行.損而有孚.元吉.無咎.可貞.利有攸往.曷之用.二簋可用享.二簋應有時.損剛益柔有時.損益盈虛.與時偕行.

*Thoán viết:*

**Tồn.** Tồn hạ ích thượng. Kỳ đạo thượng hành. Tồn nhi hữu phu. Nguyên cát. Vô cửu. Khả trình. Lợi hữu du vãng. Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng. Nhị quĩ ứng hữu thời. Tồn cương ích nhu hữu thời. Tồn ích doanh hư. Dĩ thời giai hành.



## Dịch.

**Thoán rằng:** *Tồn dưới, ích trên,  
Đó là chiều hướng đi lên ở đời.  
Tồn mà hợp lẽ với trời,  
Tồn mà thành khẩn, thôi thời rất may.  
Tồn mà hợp lẽ chính ngay,  
Tồn sao cho khéo, khỏi sai khỏi lầm.  
Cứ đường lối ấy bền tâm,  
Làm gì cũng được thập phần mắn may.  
Tồn sao cho khéo léo đây?  
Cơm xôi hai giỏ, lòng ngay dâng thần.  
Cơm xôi hai giỏ hiến dâng,  
Tùy thời tỉnh giảm, chước châm rạch rời.  
Bù mềm, bớt cứng tùy thời,  
Tùy thời thêm bớt, đầy vui nhịp nhàng.*

**Thoán Truyện** định nghĩa **Tồn** là **Tồn dưới, ích trên**. Chu Hi giải là **Bác dân, phụng quân**, tức lấy của dân mà cung phụng quân vương. Đó là bổn phận người dưới đối với người trên (**Kỳ đạo thượng hành**).

Thoán Truyện tiếp đó chỉ nhắc lại những lời trong Thoán từ **Tồn nhi hữu phu... nhị quĩ khả dụng hưởng**. Tuy nhiên, Đức Khổng sợ người sau hiểu lầm rằng lễ nghi văn sức bên ngoài luôn luôn phải giảm thiểu cho đến mức tối đa, nên phải thêm **Nhị quĩ ưng hữu thời**. Tỉnh giảm lễ vật, cũng phải có thời. Sang thì dâng nhiều, túng thì dâng lễ ít; cái đó tùy sự giàu nghèo của gia đình, của đất nước mà thôi. Ngay đến chuyện bắt dân đóng góp, cũng phải có thời.

**Tồn cương ích nhu hữu thời**. Mạnh Tử viết: Nếu chính phủ chẳng đoạt mất thì giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu, thì những nhân khẩu trong nhà ấy chẳng đến nỗi đói khổ. (**Bá mẫu chi điền. Vật đoạt kỳ thì. Sở khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hỹ.**) (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương chương cú thượng, 3). Tóm lại, cái gì cũng phải tùy thời, phải biết đáp đối. **Khi đáng tồn dân thì tồn dân, khi đáng ích dân, thì ích dân**. Khi doanh mới nên tồn, khi hư thời nên ích. **Tồn ích doanh hư. Dữ thời giai hành**.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰。山下有澤。損。君子以懲忿窒欲。

Tượng viết:

**Sơn hạ hữu trạch. Tồn. Quân tử dĩ trừng phần trất dục.**

Dịch. **Tượng rằng:**

*Tồn là dưới núi có hồ,  
Giận lo đề nén, dục lo ngăn ngừa.  
Hiền nhân, quân tử hãy lo...*



Quẻ Tôn dạy người quân tử 1 bài học làm tôn. Trong người có thiên lý và nhân đức. Thiên lý không thể tôn, chỉ có nhân đức mới nên tôn. **Núi thì cương**, gọi nên sự cứng cỏi, nóng giận nơi con người; **hồ thì vui** gọi nên đức tình nơi con người. Vậy người quân tử phải luôn luôn nén giận, diệt đức. Đức tình dẹp đi, tâm sẽ thanh; phần nộ diệt đi, trí sẽ tĩnh. Tâm thanh, trí tĩnh, thì thần sẽ phát lộ, và thiên lương sẽ triển dương.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

**Hào từ và Tiểu Tượng Truyện** dạy người dưới cũng như người trên phải **tôn kỹ ích nhân, tôn kỹ tông nhân** thế nào cho hay, cho lợi.

\*Người dưới đã đành nên giúp đỡ người trên, nhưng chỉ giúp khi mình đã xong công việc, giúp mà không tổn hại cho mình (Hào Sơ).

\*Giúp mà không mất phẩm giá của mình (Hào nhị).

\*Tôn là **Tôn hữu dư, giảm bất túc** để đi đến chỗ đồng tâm nhất trí (Hào tam).

\*Người trên phải giảm tôn nét hư, tật xấu của mình (Hào tứ).

\*Phải giảm tôn sự cao ngạo của mình, để biết khuất kỷ hạ hiên, nghe theo đường hay, lối phải (Hào ngũ).

\*Vả người trên nếu có phương sách hay đem dạy dân, đem áp dụng cho dân nhờ, thì đó là không làm tổn hại cho mình, mà vẫn làm ích cho người vậy (Hào Thượng Cửu).

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 已事遄往. 無咎. 酌損之.

象曰. 已事遄往. 尚合志也.

Sơ Cửu.

**Dĩ sự chuyên vãng. Vô cửu. Chúc tôn chi.**

Tượng viết:

**Dĩ sự chuyên vãng. Thượng hợp chí dã.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Việc mình xuôi xắn cả rồi,  
Nên đi mau mắn giúp người bên trên.  
Muốn cho trong ấm, ngoài êm,  
Thì nên tỉnh giảm tàn phiền, tổn hao.  
**Tượng rằng:** Việc đã xong rồi,  
Ra đi mau mắn giúp người có sao.  
Có chi làm lỗi đâu nào,  
Rời ra trên dưới thắp, cao một lòng.*

Người dưới khi đã làm xong công việc mình (**Dĩ sự**), thời nên đi giúp người trên một cách mau lẹ (**thuyên vãng**), như vậy không có lỗi gì (**Vô cửu**). Và người trên cũng nên chăm chúc, liệu lý sao cho khỏi tổn hại thái quá (**Chức tôn chi**). Chữ **Chức tôn chi** Wilhelm bình rằng:

Người trên phải châm chước, đừng để thiệt hại cho người dưới. Mình giúp đỡ người trên, người trên sẽ biết ơn mình; thế là dưới trên thông cảm, dưới trên một lòng. Vì thế Tượng viết: **Dĩ sự thuyên vãng. Thượng hợp chí dã.**

Trong **Kinh Thi** (nơi Thiên Đại Nhã) có chép rằng: khi vua Văn Vương muốn cất lên toà Linh Đài, ngài phái người đến đo địa cuộc, và sắp đặt. Dân chúng đều đến giúp công, chẳng mấy ngày mà cất xong vậy. Lúc mới khởi sự cất, Văn Vương phán với dân chúng rằng: **các người chẳng cần làm gấp**. Thế mà bá tánh kéo đến làm giúp, dường như bầy con phụng sự cha mẹ... Vua Văn Vương đã dùng sức dân mà cất đài, đào hồ, thế mà dân lấy làm vui sướng. Cho nên họ gọi đài của vua là Linh Đài, hồ của vua là Linh Chiêu. Họ lại vui vì trong vườn vua có cá, có rùa. Những vị vua đời xưa, hằng chia sẻ sự vui của mình với dân, cho nên hưởng sự khoái lạc một cách đích đáng vậy.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二.利貞.征凶.弗損益之.

象曰.九二利貞.中以為志也.

*Cửu nhị.*

**Lợi trinh. Chinh hung. Phất tổn ích chi.**

*Tượng viết:*

**Cửu nhị lợi trinh. Trung dĩ vi chí dã.**

**Dịch.**

*Một lòng ngay chính, mới hay,  
Ra gì bợ đỡ, tối ngày xoắn xoe.  
Mình không hao hót, ê chê,  
Mà người vẫn lợi, mọi bề mới hay.  
**Tượng rằng:** Cửu nhị chính hay,  
Là vì ghi tạc dạ này chữ trung.*

**Tượng viết:** Người dưới là người cộng tác với người trên, chứ không phải làm tội tở người trên. Vậy phải giữ phẩm giá mình trong khi giúp đỡ người trên, như vậy mới hay, mới lợi (**Lợi trinh**). Bằng mình luôn cúi họ, để cho họ sai chi, làm nấy, không kể chi đến lương tâm, phẩm giá mình thì thực là một điều hung hoạ (**Chinh hung**). Mình làm ích cho người, mà không tổn hại đến phẩm giá mình mới phải (**Phất tổn ích chi**). Cho nên người dưới cố sao xử cho hay, cho phải, như vậy mới lợi, mới hay. Lợi, hay vì mình giữ được toàn phẩm cách, mà người trên vẫn được ích lợi.

Tượng viết: **Cửu nhị lợi trinh. Trung dĩ vi chí dã.** Nhờ có Vương Đức tiến cử, Lịch Sanh vào ra mắt Bái Công. Lúc ấy Bái Công ngồi trên giường, ngay hai chân ra, rồi khiến hai thị nữ rửa chân cho mình. Lịch Sanh bước vào xá chớ không lạy, và hỏi Bái Công rằng: Túc hạ muốn giúp Tần mà đánh chư hầu, hay là giúp chư hầu mà đánh Tần?. Bái Công thấy Lịch Sanh đã già cả rồi mà lời ăn nói còn cứng cỏi, thì mắng rằng: Đồ học trò khôn, thiên hạ bị Tần hà khắc đã lâu, nên ta vâng mệnh Hoài Vương đi phía Tây lộ đánh Tần, đặng giết đũa vô đạo ấy, ta há trở lại giúp Tần

sao?. Lịch Sanh nói: Túc hạ đã muốn đánh Tần, để diệt đũa vô đạo, ấy là muốn dấy nghĩa binh đặng phục thiên hạ đó, sao lại kêu ngạo, lên mặt trưởng giả, vô lễ lắm vậy; nếu như vậy ắt người hiền sĩ đi hết, có ai lo chung với, thì có đủ chi mà thu phục thiên hạ đặng? Bái Công nghe nói bèn thôi rửa chân, vội vã gài giải áo, mời Lịch Sanh lên ngồi trên, rồi tạ rằng: Tôi chẳng dè tiên sinh đến thành linh, nên lỗi việc nghinh tiếp, xin tiên sanh chớ chấp. Sau Lịch Sanh giúp Bái Công dụ hàng Trần Đồng, để Trần Đồng dâng cho Bái Công quận Trần Lưu, và lương thảo, binh mã, lại tiến cử Trương Lương với Bái Công. Thế là Lịch Sanh giúp người trên mà vẫn giữ được phẩm giá mình vậy.

### 3. Hào Lục tam.

六三. 三人行. 則損一人. 一人行. 則得其友.

象曰. 一人行. 三則疑也.

Lục tam.

**Tam nhân hành. Tắc tổn nhất nhân. Nhất nhân hành. Tắc đắc kỳ hữu.**

Tượng viết:

**Nhất nhân hành. Tam tắc nghi dã.**

Dịch.

*Ba người đi, bớt một người,*

*Một người đi, ắt có đôi bạn bè.*

**Tượng rằng:** *Một đi sẽ có bạn bè,*

*Ba đi sẽ có hiềm nghi xen vào.*

Quẻ Tồn nguyên do quẻ Thái mà sinh. Quẻ Thái trên có tam Âm, dưới có tam Dương. Cừu tam quẻ Thái hoán vị với Thượng Lục quẻ Thái để thành quẻ Tồn, như vậy dưới chỉ còn hai Dương, trên chỉ còn hai Âm, thay vì ba Âm, ba Dương khi trước. Thế là **Tam nhân hành. Tắc tổn nhất nhân.** Hào tam, Hào Lục hoán vị với nhau, nhưng Âm, Dương tương ứng, cho nên y như một người đi thì lại gặp được bạn. Thế là **Nhất nhân hành. tắc đắc kỳ hữu.** Đó là lời giải thích của Trình Tử. James Legge cho rằng: **Hào này quả là tối nghĩa quá chừng.** Những lời giải đáp của Trình Tử cũng chẳng thỏa đáng là bao. Ta không nên đi sâu vào những khúc mắc của Hào này, ta chỉ đặt câu hỏi: **Hào này dạy ta bài học thực tế gì?** Ta thấy ngay rằng Hào này dạy ta nên **tồn hữu dư, bổ bất túc.** Hào Ba vốn tượng trưng cho nhà quyền quý, giàu có; những phú hào, trưởng giả trong dân, trong nước. Khi cần đòi hỏi dân đóng góp tiền tài, thóc gạo, phải nghĩ khai thác lớp người này, nhiều hơn là khai thác lớp người cùng đinh, lê thứ.

Tượng viết: **Nhất nhân hành. Tam tắc nghi dã.** (Một người đi được bè bạn, ba người đi sinh nghi ngờ). Trình Tử giải là nên **Tồn kỳ dư** (Bớt chỗ thừa). Hệ Từ đưa ra ý tưởng phải làm sao đi đến chỗ hợp nhất, nhất trí. (Xem Hệ từ hạ, chương V).

Hội các ý lại, ta luận rằng: **Chỉ nên giảm tổn cái hữu dư, chỉ nên đòi hỏi sự đóng góp của những người dư thừa, và cốt sao giữ cho trong nước được đồng tâm, nhất trí, khỏi nghi kỵ lẫn nhau.**

#### 4. *Hào Lục tứ.*

六四 . 損其疾 . 使遄有喜 . 無咎 .

象曰 . 損其疾 . 亦可喜也 .

*Lục tứ.*

**Tổn kỳ tật. Sử thuyên hữu hỷ. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Tổn kỳ tật. Diệc khả hỷ dã.**

**Dịch.**

*Giảm điều khiếm khuyết, lỗi lầm,  
Càng nhanh, càng khiến đáng mừng, đáng vui.  
Vậy thời chẳng lỗi, chẳng sai.  
**Tượng rằng:** Giảm bớt lỗi lầm,  
Khiến cho người dưới cũng mừng, cũng vui.*

**Lục tứ** chính là địa vị của một vị quan lớn. Làm quan, ở ngôi trên mà biết lo, giảm bớt tật xấu mình (**Tổn kỳ tật**), sẽ khiến mọi người thích đến với mình (**Sử thuyên**), vui lòng cộng tác với mình (**hữu hỷ**), như vậy thời có lỗi chi đâu. (**Vô cữu**). Người trên mà biết hối quá, biết giảm thiểu tật hư, nét xấu của mình, thật là một điều đáng mừng vậy. *Tượng viết:* **Tổn kỳ tật. diệc khả hỷ dã.**

#### 5. *Hào Lục ngũ.*

六五 . 或益之 . 十朋之龜弗克違 . 元吉 .

象曰 . 六五元吉 . 自上佑也 .

*Lục ngũ.*

**Hoặc ích chi. Thập bằng chi qui phát khắc vi. Nguyên cát.**

*Tượng viết:*

**Lục ngũ nguyên cát. Tự thượng hựu dã.**

**Dịch.**

*Khi cần tăng ích cho mình.  
Bạn bè kéo đến, tận tình giúp cho.  
Rùa thiêng bói chẳng ngược ta,  
Trời người không ngược, hóa ra tốt lành.  
**Tượng rằng:** Lục ngũ tốt lành,  
Là vì đã được cao xanh hộ trì.*

**Hào Lục ngũ** này các lời bình không giống nhau. Trình Tử cho rằng: Ở vào thời **Tổn**, Lục ngũ ở ngôi tôn, mà vẫn biết trung thuận, biết quên mình mà nghe những lời chỉ bảo của hiền nhân (Cửu nhị). Được như vậy, thì thiên hạ ai chẳng đem hết tâm lực (**tổn kỹ**) mà làm ích cho mình.

Nếu mình muốn tăng ích về chuyện gì (**Hoặc ích chi**), thì chúng bạn sẽ kéo đến giúp (**Thập bằng chi qui phát khắc vi**). Khi mọi người đã giúp mình, khi công luận đã tán trợ mình, thời rùa bói cũng không đi ngược lại mình được (**Chúng nhân chi công luận tất hợp hồ chính lý, tuy qui sách bất năng vi**). Chữ **Bằng** theo **Từ nguyên tự điển** là đơn vị tiền tệ khi xưa: 5 vỏ sò là một Bằng, Bôi là vỏ sò (Ngũ Bôi vi Bằng). **Kinh Thi** nói: **Tích ngã bách bằng** (Tạ ơn trăm bằng) (xem Kinh Thi, Tiểu Nhã, Thanh thanh giả nga, câu 3). Có người hiểu Bằng là đơn vị đo lường, và hiểu **Thập bằng chi qui** là con rùa nặng 10 bằng.

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九 . 弗損益之 . 無咎 . 貞吉 . 利有攸往 . 得臣無家 .

象曰 . 弗損益之 . 大得志也 .

*Thượng Cửu.*

**Phát tổn ích chi. Vô cửu. Trinh cát. Lợi hữu du vãng. Đắc thần vô gia.**

*Tượng viết:*

**Phát tổn ích chi. Đại đắc chí dã.**

**Dịch.**

*Đã không giảm bớt, lại thêm.*

*Ích nhân âu sẽ ấm êm mọi vành.*

*Chính ngay, và lại tốt lành,*

*Làm gì cũng được lợi hanh đủ điều.*

*Rời ra dân phục, dân yêu,*

*Rộng dung khắp nước, nên kêu không nhà.*

*Tượng rằng: Không bớt, lại thêm,*

*Thế là đã được phi nguyện, thỏa thuê.*

**Hào Thượng Cửu:** Chữ **Phát tổn ích chi** đây có thể hiểu 2 cách:

1. Không làm hao tổn cho dân, mà làm ích cho dân.

2. Không làm hao tổn cho mình, mà vẫn làm ích được cho dân. Giải cả 2 cách đều xuôi.

Người trên mà được như vậy, thời chẳng có lỗi chi, mà lại được ngay lành (**Vô cửu. Trinh cát**). Rồi ra làm gì cũng hay, cũng lợi; chúng dân sẽ qui phục mình (**đắc thần**), nhà ai cũng là nhà mình (**Vô gia**).

Tượng viết: **Phát tổn ích chi. Đại đắc chí dã**. Không làm dân hao tổn mà chỉ lo làm ích cho dân; làm ích cho dân mà riêng mình không thiệt hại gì, thì đó là sự thỏa thích lớn của người quân tử vậy.

Hào Thượng Cửu này có những chữ **Vô cửu. Trinh cát. Lợi hữu du vãng** giống như Thoán từ. Lại có chữ **Phát tổn ích chi** tức là muốn nhấn mạnh lại một lần nữa rằng: Tổn dân là một câu chuyện bất đắc dĩ, cho nên người trên phải lo làm lợi cho dân, chứ đừng nghĩ làm tổn hại cho dân; được như vậy mới là cách cai trị lý tưởng.

## ÁP DỤNG QUÊ TÔN VÀO THỜI ĐẠI

Cai trị không phải lúc nào cũng mang lại được phúc lợi cho dân, mà có khi cũng phải làm thiệt hại cho dân, bắt dân đóng góp. Nhưng cái gì cũng phải thời thời.

Ở Mỹ, vấn đề thuế má thật là chu đáo. Dân đóng thuế theo tỷ lệ của lương bổng, được minh định rõ ràng. Còn chuyện bắt dân làm tạp dịch, hầu như không xảy ra, trừ khi mình đã làm điều gì phạm pháp, khiến đến nỗi như vậy.

Mỗi khi xem TV, tôi thấy dân chúng xưa bị quân sĩ ulla vào nhà bắt dân đi làm tạp dịch như: xây cung điện, đắp đê điều, và dân bị đánh đập thật thảm thương. Thật sự khi xưa, có lúc họ đã coi dân như cỏ rác. Mạnh Tử nói với Tề Tuyên vương: Vua mà coi dân như tay, chân; thì dân sẽ coi vua như bọng dạ. Vua mà coi dân như chó ngựa, thì dân sẽ coi vua như kẻ qua đường. Vua mà coi dân như bùn rác, dân sẽ coi vua như người thù (Mạnh tử. Ly Lâu chương cú hạ, 3).

Cứ nhìn cách người trên đối xử với người dưới, sẽ biết mình trị dân hay, hay dở. Người dân không nên tìm cách trốn thuế, nhà nước nếu không trông vào thuế má của dân, thì lấy gì mà sống, mà lo an ninh cho dân vv...

Tất cả là sự công bằng và sự hòa hài.

### 42. 風雷益 PHONG LÔI ÍCH



#### Ích Tự Quái

Tôn nhi bất dĩ tất ích.

Cố thụ chi dĩ Ich.

益序卦

損而不已必益

故受之已益

#### Ích Tự Quái

*Tôn mà tôn mãi, tôn lâu;*

*Rồi ra cũng lúc tới cầu gia tăng.*

*Cho nên Ích mới theo chân.*

Quẻ Ích đưa ra một nguyên tắc hành chánh, chánh trị hết sức là quan trọng. **Cai trị là làm ơn, làm ích cho dân** Quẻ Ích trên có chữ Thủy là nước, dưới có chữ Mãnh là bát. Như vậy Ích chẳng khác nào bát nước đầy.

#### I. Thoán.

*Thoán từ.*

益 . 利有攸往 . 利涉大川 .

**Ích . Lợi hữu du vãng . Lợi thiệp đại xuyên .**

## Dịch.

*Ích là làm ích cho đời,  
Việc gì âu cũng êm xuôi, chu toàn.  
Dẫu rằng nguy hiểm, gian nan,  
Sông sâu, nước cả, vượt sang khó gì.*

Đối với dân như bát nước đầy, trị dân mà biết hy sinh để làm lợi cho dân, thì ích lợi biết bao. Còn có việc gì mà không thực hiện được (**Lợi hữu du vãng**). Còn có khó khăn gì mà chẳng giải quyết xong.

## Thoán Truyện.

彖曰。益。損上益下。民說無疆。自上下下。其道大光。  
利有攸往。中正有慶。利涉大川。木道乃行。益  
動而巽。日進無疆。天施地生。其益無方。凡益  
之道。與時偕行。

Thoán viết:

**Ích. Tôn thượng ích hạ. Dân duyệt vô cương. Tự thượng há hạ.  
Kỳ đạo đại quang. Lợi hữu du vãng. Trung chính hữu khánh.  
Lợi thiệp đại xuyên. Mộc đạo nãi hành. Ích động nhi tôn.  
Nhật tiến vô cương. Thiên thi địa sinh. Kỳ ích vô phương.  
Phàm ích chi đạo. Dữ thời giai hành.**

Dịch. Thoán rằng:

*Ích là thêm dưới, bớt trên,  
Nhân dân vui vẻ, phi nguyên đòi nơi.  
Hạ mình, để phục vụ người.  
Lối đường thế ấy, rạng ngời quang minh.  
Rời ra muôn sự tốt lành,  
Chính trung, nên khiến dân tình an vui.  
Sông sâu vẫn vượt như chơi,  
Thuyền dân, gỗ nước, thành thoi lái lèo.  
Ích là hoạt động thuận chiều,  
Mỗi ngày, mỗi tiến, khinh phiêu vô cùng.  
Đất trời nối kết giải đồng,  
Trời sinh, đất dưỡng, ích không bến bờ.  
Tùy thời, rời lại tùy cơ,  
Làm ơn, làm ích khắp cho muôn loài.*

Trước tiên, Thoán định nghĩa Ích là **tôn thượng, ích hạ**. Như vậy tức là muốn nói lên rằng: **Ngươi trên phải hy sinh cho kẻ dưới**.



Trị dân là lo làm ích cho dân:

- Lo cho dân đông,
- Lo cho dân giàu,
- Lo cho dân ấm no.

(Luận Ngữ, Tử Lộ, XIII)

Thánh hiền xưa, những lo cho dân được giàu có, vuông tròn, đầy đặn, còn mình thì nhiều no, ít dư, đạm bạc thế nào cũng xong. Đường Huyền Tông nói: **Ta gây, nhưng thiên hạ mập**, là cũng nương theo ý đó.

Nhiễm Hữu nói với Lỗ Ai Công: **Nếu dân no đủ, thì vị quốc quân sao thiếu thốn được; nếu dân không no đủ, thì vị quốc quân giàu có với ai.**

Nền chính trị của Nho Giáo luôn luôn đề cao những công cuộc ích quốc, lợi dân. Trị dân là lo cho dân có ăn, có mặc, tư cấp ruộng đất cho dân, dạy dân khai thác các tài nguyên của đất nước, khuyến khích bá công, để cho thương mại và công nghệ được phồn thịnh; lo cho dân có một hệ thống kiêu lộ được hoàn bị; lo cho dân được an cư, lạc nghiệp, lo giáo hoá dân cho họ ngày một trở nên hoàn thiện.

Ngụy Hồ Thần đến Kiến Dương Trấn thay Vân Thiên Bưu. Vân Thiên Bưu giao hết binh phù, tướng ấn xong rồi, Ngụy Hồ Thần hỏi hết tình trong xứ, thì Vân Thiên Bưu tỏ bày phong tục, cùng là phương lược của quân sĩ và bá tánh cho Ngụy Hồ Thần nghe. Ngụy Hồ Thần lại hỏi nữa rằng: **Ngài trấn chỗ này, mỗi năm thu lợi bao nhiêu?** Vân Thiên Bưu nghe hỏi, biến sắc đáp: **Ngài hỏi như vậy, chẳng là quấy lắm. Vả tôi làm đại tướng, trấn giữ bờ cõi cho triều đình; lúc nào có giặc, tôi phải lo dẹp; lúc nào không có giặc, thì phải chăn dân; thua nay không biết thu lợi là gì. Nếu ngài muốn có lợi, sao không làm nghề thương mại, lại xuất sĩ làm gì?**(Thủy Hử, 1053). Thật là một câu trả lời đích đáng. Trị dân mà biết hy sinh cho dân, thời dân sẽ vui thỏa vô cùng (**Dân duyệt vô cương**).

Người trên mà biết địa vị mình, hạ mình để phục vụ dân, hành xử như vậy thật là quang minh chính đại (**Tự thượng há hạ. Kỳ đạo đại quang**). Trong một nước, mà vua thời minh (Cửu ngũ), tôi thời hiền (Lục nhị), thấy đều theo đường trung chính mà trị dân, thì hạnh phúc cho dân biết bao nhiêu! Còn có việc gì mà chẳng làm được (**Lợi hữu du vãng. trung chính hữu khánh**).

Lịch sử đã cho ta thấy Minh Trị Thiên Hoàng và quần thần của ngài đã canh tân được nước Nhật, và đã nâng được nước Nhật lên hàng cường quốc thế giới. Như vậy dầu có gian nan nguy hiểm mấy cũng lướt thắng được (**Lợi thiệp đại xuyên. mộc đạo nãi hành**). Vua quan mà làm lợi cho dân, thời khi gặp hoạn nạn ví như đi qua sông lớn, sẽ có dân làm gổ, làm thuyền mà chở cho qua (**Mộc đạo nãi hành**).

Trình tử nói: đáng lý phải viết là: **Ích đạo nãi hành**, Trị dân, hành xử, hoạt động luôn luôn hợp với những định tắc của trời, đất, người (**Ích. Động dĩ tôn**), thì sẽ tiến mãi không có giới hạn nào cả (**Nhật tiến vô cương**).

Mình làm ơn, làm ích cho dân, cho đời, thì cũng theo đúng được đường lối của trời đất; vì trời đất cũng luôn luôn hoà hài, cộng tác với nhau để thi ân, bá đức, để sinh dưỡng muôn loài (**Thiên thi địa sinh**), chẳng kể biên cương, bờ cõi, màu da, sắc áo (**Kỳ ích vô phương**).

Thánh nhân tùy theo thời thế, tùy theo những định tắc của trời đất, mà làm ơn ích cho dân, như vậy là theo được nhịp điệu vũ trụ mà làm ơn ích cho dân vậy (**Phàm ích chi đạo. Dữ thời giai hành**).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰。風雷益。君子以見善則遷。有過則改。

*Tượng viết:*

**Phong Lôi Ích. Quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên. Hữu quá tắc cải.**

**Dịch.**

*Ích là gió, sấm hợp đôi,  
Hiền nhân, quân tử vậy thời y theo.  
Gặp lành, ra sức chắt chiu,  
Làm sai, ra sức liệu chiều sửa sang.*

Thấy gió sấm có thể giúp nhau thêm mạnh (**Phong Lôi Ích**), người quân tử học được cách tiến đức, tu thân.

Khi thấy người khác làm điều gì hay mình bắt chước (**Kiến thiện tắc thiện**), khi thấy mình có điều gì dở, mình bỏ đi, (**Hữu quá tắc cải**); như vậy cả xã hội, nhân quần, cả lịch sử, cả vũ trụ, nhất nhất cái gì cũng làm ích lợi cho mình, như vậy sẽ tiến ích thực sự. Tiến ích về tinh thần, về nhân cách mới là hay.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào chỉ nói lên đại ý này là:

- Trị dân là phải quên mình vì dân (Hào 2).
- Lo lập nên đại công, đại nghiệp cho dân (Hào 1).
- Trợ cấp dân những khi dân lâm thiên tai, địa họa (Hào 3).
- Lo làm ơn, làm ích cho dân (Hào 5).
- Còn như lo làm ích cho mình thời sẽ bị dân ruồng rẫy, đả kích (Hào 6).
- Thành khẩn vì dân, vì nước (Hào 4).

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。利用為大作。元吉。無咎。

象曰。元吉無咎。下不厚事也。

*Sơ Cửu.*

**Lợi dụng vì đại tác. Nguyên cát. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Nguyên cát vô cửu. Hạ bất hậu sự dã.**

**Dịch.**

*Thừa cơ mà lập đại công,  
Chu toàn xong xả, mới mong tốt lành.  
Cố sao thành tựu công trình,  
Mới không chuốc lấy cho mình thị phi.*

*Tượng rằng: Chu toàn xong xá mới hay,  
Đại công phận dưới xưa nay ít làm.*

**Sơ Cửu** là người có tài, nhưng chưa có địa vị trong xã hội. Tuy nhiên Sơ Cửu được cấp trên Lục tứ tin dùng. Nếu vậy, nên lợi dụng cơ hội mà lập nên đại công, đại nghiệp. Có như vậy mới là thiệt hay lành, không còn ai bắt lỗi mình được nữa. Bằng nếu vẽ hổ chẳng thành, thì sẽ mang họa vào thân, và bị người chê cười. Cho nên phải **Nguyên cát**, nghĩa là phải được thành tựu trong công trình, thời mới được **Vô cửu**

*Tượng viết: Nguyên cát. Vô cửu. Hạ bất hậu sự dã.* Tượng giải thích tại sao phải làm công chuyện cho chu toàn, mới khỏi lỗi (**nguyên cát. Vô cửu**). Đó chính là người dưới không làm được những công việc trọng đại (**Hạ bất hậu sự dã**). **Hậu sự** tức là những công việc trọng đại.

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 或益之 . 十朋之龜弗克違 . 永貞吉 . 王用享于帝 . 吉 .

象曰 . 或益之 . 自外來也 .

*Lục nhị.*

**Hoặc ích chi thập bằng chi qui. Phát khắc vi. Vĩnh trinh cát.**  
**Vương dụng hưởng vu Đế. Cát.**

*Tượng viết:*

**Hoặc ích chi. Tự ngoại lai dã.**

**Dịch.**

*Khi cần tặng ích cho người,  
Bạn bè kéo đến, tận tình giúp cho.  
Rùa thiêng bói chẳng ngược ta,  
Sắt son, trung chính mới ra tốt lành.  
Chính trung thấu đến cao xanh,  
Tế trời, vua cốt tâm thành mới hay.  
**Tượng rằng:** Có kẻ giúp ta,  
Ấy là ích tự ngoài mà tới nơi*

**Hào Lục nhị:** Trình Tử giải đại khái rằng: Lục nhị đắc trung, đắc chính, biết *hư kỳ trung dĩ cầu ích*, lại biết thuận tòng, như vậy thiên hạ ai mà chẳng muốn đến giúp mình. Nên nếu có thể làm ích gì cho mình được (**Hoặc ích chi: hoặc hữu khả ích chi sự**), thì bè bạn mọi nơi sẽ kéo về giúp mình (**thập bằng chi: tắc chúng bằng trợ nhi ích chi**).

Như vậy thì thân mình cũng không thể đi ngược được đường lối (**qui bất khắc vi: qui phát năng vi dã**). Cứ theo đúng đường lối mình chính ấy sẽ được mọi sự may mắn (**Vĩnh trinh cát**). Lòng thành khẩn của mình, dẫu Thượng đế cũng phải chứng giám (**Vương dụng hưởng vu Đế. Cát.**) như vậy làm sao mà không may, không lành được. Những người thành khẩn vì dân, vì

nước như vậy có cần điều gì, thì chúng dân sẽ kéo đến giúp. *Tượng viết:* **Hoặc ích chi tự ngoại lai dã.**

### 3. *Hào Lục tam.*

六三. 益之用凶事. 無咎. 有孚中行. 告公用圭.

象曰. 益用凶事. 固有之也.

*Lục tam.*

**Ích chi dụng hung sự. Vô cửu. Hữu phu trung hành. Cáo công dụng khuê.**

*Tượng viết:*

**Ích dụng hung sự. Cố hữu chi dã.**

**Dịch.** (Dịch theo Trình tử):

*Thấy dân khốn khổ giúp cho,  
Hành vi như vậy, chẳng lo lỗi lầm.  
Một lòng thành khẩn, chính trung,  
Vương công âu sẽ cảm thông với mình.  
Cùng người báo cáo công trình,  
Ngọc Khuê mượn tỏ tâm tình thẳng ngay.  
**Tượng rằng:** Dân khổ giúp cho,  
Ấy là công việc từ xưa vẫn làm.*

**Hào Lục tam:** Trình tử giải đại khái rằng: Gặp thời hung hoạ bất kỳ, mà mình không đợi lệnh vua, cứ ra tay cứu vớt dân (**ích dân dụng hung sự**), thời cũng chẳng có lỗi gì (**vô cửu**). Nếu mà mình có lòng thành khẩn (**hữu phu**), nếu mình theo đường ngay, lối phải mà làm (**trung hành**), thì vua sẽ cảm thông với mình (**cáo công dụng khuê**). Khuê là miếng ngọc để thông đạt lòng thành tín của mình, trong những khi tế tự, triều sính.

Chu Hi và Hồ vân Phong giải đại khái rằng: Hoạ hung chính ra cũng làm ích lợi cho con người (**ích dụng hung sự**). Người trên có thể dùng sự cảnh giới để làm chấn động mình, như vậy tức là làm ơn ích cho mình. Nếu mình cứ thành khẩn, hành xử cho phải, rồi ra cấp trên cũng thông cảm được lòng thành khẩn của mình. Các nhà bình giải sau này đều theo một trong hai cách bình giải trên.

*Tượng viết:* **Ích. Dụng hung sự. Cố hữu chi dã.** Trình tử giải đại khái rằng: Gặp những khi có hung hoạ, mình cần phải biết tự chuyên, tự quyết (**Cố hữu chi... vị chuyên cố tự nhiệm kỳ sự dã**), để mà cứu vãn dân khỏi cảnh đoạ đày. Cấp Âm xưa thấy dân Hà Nội bị đói khát, đã tự động mở kho lẫm để phân phát cho dân. Phùng Hoan đi đến huyện Triết để đòi nợ cho Mạnh Thường Quân. Đến nơi thấy dân đói khổ quá, liền đốt hết văn tự và nói Mạnh Thường Quân vì thương dân, đã tha hết nợ cho dân. Đó là trường hợp người dưới tự chuyên, tự quyết để cứu dân khi họ gặp hoạ hung.

#### 4. Hào Lục tứ.

六四。中行。告公從。利用為依遷國。

象曰。告公從。以益志也。

*Lục tứ.*

**Trung hành. Cáo công tùng. Lợi dụng vi y thiên quốc.**

*Tượng viết:*

**Cáo công tùng. Dĩ ích chí dã.**

**Dịch.**

*Một lòng thành khẩn, chính trung,  
Vương công âu sẽ hết lòng nghe ta.  
Đã khi trên thuận, dưới hòa,  
Rời ra có thể thiên đô, ngại gì.*

**Tượng rằng:**

*Một lòng thành khẩn, chính trung,  
Vương công âu sẽ hết lòng nghe ta.  
Vì ta những lắng, cùng lo,  
Lo làm lợi ích khắp cho mọi người.*

Nếu những người phụ bật quân vương mà theo đường trung chính, thời những lời lẽ của họ sẽ được bậc quân vương tin theo (**Trung hành. Cáo công tùng**). Được vậy, sẽ giúp vua thực hiện được những việc lớn như thiên đô. **Trung hành** đây là một lời khuyên hoặc là một ước vọng. **Thiên đô** là một việc ích quốc, lợi dân.

Người xưa thiên đô để tìm một địa điểm lợi thế hơn, an toàn hơn, dễ phòng thủ hơn, hoặc gần đồng minh hơn. Đó chính là cách làm lợi cho dân. Ví dụ: Vua Bàn Canh đã thiên đô từ Hinh về Bạc vì địa điểm cũ không thuận lợi. Bình Vương đã bỏ Phong Cáo về Lạc Ấp, để gần những nước chư hầu là Tấn và Trịnh hơn, ngõ hầu tránh nạn Khuyển Nhung. Hán Cao Tổ thiên đô về Tràng An, Hán Quang Vũ thiên đô về Lạc Dương, vì những nơi đó hiểm trở, dễ phòng ngự v.v...

Tổng Thái tổ cũng muốn thiên đô về Trường An. Tấn Vương can, Tổng Thái Tổ bèn than: Không đây 100 năm nữa, dân sẽ kiệt lực vậy, vì bốn bề thụ địch, không nương dựa vào đâu được.

Tiểu Tượng cho rằng: Lục tứ sở dĩ được quân vương nghe theo vì đã trình bày những điều ích quốc, lợi dân. *Tượng viết:* **Cáo công tùng. Dĩ ích chí dã.**

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五。有孚惠心。勿問元吉。有孚惠我德。

象曰。有孚惠心。勿問之矣。惠我德。大得志也。

*Cửu ngũ:*

**Hữu phu huệ tâm. Vật vấn nguyên cát. Hữu phu huệ ngã đức.**

*Tượng viết:*

**Hữu phu huệ tâm. Vật vấn chi hĩ. Huệ ngã đức. Đại đắc chí dã.**

**Dịch.**

*Thành tâm mưu ích cho người,  
Chẳng cần han hỏi, hay thôi vô cùng.  
Dân gian cảm đức, cảm công,  
Gần xa đâu đấy, một lòng ơn ta.*

**Tượng rằng:**

*Thành tâm mưu ích cho người,  
Chẳng cần han hỏi, hay thôi vô cùng.  
Dân gian cảm đức, cảm công,  
Thế là thỏa chí, thỏa lòng biết bao.*

**Hào Cửu ngũ:** Nếu bậc quân vương thành khẩn một lòng vì dân, vì nước (**hữu phu**), lo thi ân bá đức cho dân (**huệ tâm**), thì khỏi cần hỏi han gì, cũng biết thế là vẹn hảo (**vật vấn nguyên cát**). Như vậy người dưới cũng sẽ một lòng tín thành (**hữu phu**), mà tri ân đức của bậc quân vương. (**huệ ngã đức**). Cai trị mà được dân mến, dân thương; cai trị mà làm ơn ích được như vậy, thực là thoả chí vậy. (**đại đắc chí dã**)

Vì thế *Tượng viết:* **Hữu phu huệ tâm. Vật vấn chi hĩ. Huệ ngã đức. Đại đắc chí dã.**

## **6. Hào Thượng Cửu.**

**上九. 莫益之. 或擊之. 立心勿恆. 凶.**

**象曰. 莫益之. 偏辭也. 或擊之. 自外來也.**

*Thượng Cửu:*

**Mạc ích chi. Hoặc kích chi. Lập tâm vật hằng. Hung.**

*Tượng viết:*

**Mạc ích chi. Thiên từ dã. Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã.**

**Dịch.**

*Chẳng ai giúp ích, đỡ dân,  
Lại còn có kẻ muốn dân cho đau.  
Lập tâm chẳng được bền lâu,  
Lập tâm không vững, có đâu tốt lành  
**Tượng rằng:** Chẳng ai giúp ích, đỡ dân,  
Là vì lời nói có phần thiên tư.  
Có người còn muốn đánh cho,  
Ấy là những chuyện vạ vơ từ ngoài.*

**Hào Thượng Cửu:** Trị dân mà không lo làm ích cho dân, mà chỉ lo vơ vét của dân, thì chắc sẽ không có ra gì, có ngày sẽ bị dân trả oán (**Mạc ích chi. Hoặc kích chi**).

Trị dân mà không có chương trình trường cửu, không có đường lối, không có chuẩn bị gì, chắc là sẽ chuốc lấy hoạ hung (**Lập tâm vật hăng. Hung.**)

*Tượng viết:* **Mạc ích chi. Thiên từ dã. Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã.** Ý nói không làm ơn ích cho ai, mà chỉ muốn nghiêng về mình, thủ lợi cho mình (Mạc ích chi. Thiên từ dã). Nói rằng: Có người đánh cho, tức là nói có người ngoài sẽ đánh mình. (**Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã**).

*Thế tức là làm hay thì người ngoài ngàn dặm cũng hưởng ứng; làm dở thì người ngoài ngàn dặm cũng phản đối.*

## ÁP DỤNG QUÊ ÍCH VÀO THỜI ĐẠI

Trị dân theo đúng ý nghĩa là làm ích cho dân. Ngày nay, muốn trị dân, người ta đã chia nhà nước thành nhiều bộ: Như Lục quân, Không quân, Hải quân, Thương mại, Quốc phòng, Bộ Lại, Lao Động, Hình, Canh nông, Giáo Dục, Y tế, Ngân khố vv...

Ở Hoa Kỳ, các Bộ đều trực thuộc phủ Tổng Thống. Mỗi Bộ lo về một vấn đề, miễn sao phát triển đời sống dân về mọi mặt.

- Sức khỏe, ăn uống, có Food & Drug Administration, và Department of Agriculture.

- Giáo Dục ở Mỹ này, trường công, tư, đại học, trung học mọc lên như nấm.

- Giao thông, đường xá, cầu cống ngày nay, thật không đâu bằng hệ thống đường xá ở Mỹ.

- Vấn đề nhà ở cho dân. Ta thấy ở Mỹ này có khu sang, khu hèn. nhưng hèn mà vẫn đẹp đẽ, không bẩn thỉu.

- Mua bán các vật dụng, nhà cửa đều được trả góp dễ dàng. Mua đồ mang về nhà, nếu không ưng ý, đều có thể trả về lại dễ dàng.

Chúng ta thấy ở nước này không có việc gì mà không được lưu ý tới, Núi, Rừng, Sông, Biển đâu đâu cũng được khai thác hẳn hoi. Không đâu còn có rừng thiêng, nước độc. Canh nông thì hoàn toàn được kỹ nghệ hóa, tân tiến hóa. Không có cảnh **Chồng cây, vợ cấy, con trâu đi bừa như ở nước ta.**

- Binh bị, chiến tranh, cũng hoàn toàn thay đổi hẳn. Đánh nhau bằng hỏa tiễn, phóng cách địch quân hàng mấy ngàn dặm. Người ta còn lên cung trăng, thám hiểm Hòa Tinh, Mộc Tinh vv... Trong nhà thì có TV, tủ lạnh, Téléphone, Computer, Internet. Thật là quang cảnh hết sức thần tiên. Như vậy, mới nói: **Trị dân là làm ích cho dân.**

Trái lại, ở các nước nhược tiểu, trị dân là vơ vét, tham nhũng, hối lộ. Ai làm chính trị mà không tư hào của dân thì cho là dốt, kém. Do đó mới hay xảy ra nạn tham nhũng, nạn con ông, cháu cha làm càn, làm bậy, làm hủ hóa dân tộc, làm cho dân tộc suy yếu, khó bề canh tân để tiến bằng nước người.

Nhưng còn có Nhật Bản, là đáng cho ta noi gương về cách cai trị của họ. Nước Nhật, tuy nhỏ, nhưng từ thời Minh Trị Thiên Hoàng, ngài là 1 vị vua anh quân, hết lòng lo cho nước, cho dân, do đó nước Nhật từ từ tiến lên, để từ 1 nước nhược tiểu mà đã làm cho các cường quốc kính nể. Khi ngài chết đi, đã khiến 1 số Tướng lãnh, và dân chúng vì thương xót Ngài quá độ nên đã mổ bụng tự tử theo ngài.



Mới hay trị dân là làm cho dân hay, dân tiến, tiến đến cùng cực mới là làm ích cho dân. Mong Thượng đế ban ơn cho nước Việt Nam của chúng ta một vị lãnh đạo anh minh, sáng suốt, đức độ như Minh Trị Thiên Hoàng, để cho dân Việt được sung sướng, an vui, sau những năm dài triền miên loạn lạc, chiến tranh, để cho dân Việt đoàn kết lại thành một khối, đừng có cảnh chia rẽ như bây giờ. Mong lắm thay!

**43. 澤 天 夫 Trạch Thiên Quái** 

夫序卦

**Quái Tự Quái**

Ích nhi bất dĩ tất quyết. 益而不已必決

Cổ thụ chi dĩ quái. 故受之以夫

Quái giả quyết dã. 夫者決也

**Dịch: Quái Tự Quái**

*Tăng mà tăng mãi, có lần nứt thôi.*

*Cho nên Quái mới tiếp ngôi*

*Quái là nứt rạn, vỡ rời, tan hoang.*

Tăng mãi có lúc rạn nứt, nước tức quá ắt phải vỡ bờ, nên sau quẻ Ích là quẻ Quái. Tự Quái giải nghĩa chữ Quái là quyết, mà quyết là khơi tháo, là vỡ bờ; theo **Từ nguyên** Quyết có nghĩa là phân chia. Quẻ Quái trên là hồ, dưới là trời, nước hồ dâng chất ngất lưng trời, sẽ đưa đến cảnh tức nước vỡ bờ, vì thế Quái là vỡ lở.

Quẻ Quái trên có 1 Hào Âm, dưới có 5 Hào Dương. Một Hào Âm lỏng quyền, đè nén quần Dương; quá quắt lắm, sẽ tức nước vỡ bờ, làm cho quần Dương nổi lên thanh toán Hào Âm. Áp dụng vào triền năm, **Quái tượng trưng cho tháng 3 ta**, lúc mà Dương khí đang thời kỳ thịnh, Âm khí đang thời kỳ suy. Tóm lại ý tứ quẻ Quái, ta kết luận:

- Quái là Dương thanh toán Âm.
- Quân tử thanh toán tiểu nhân.
- Trung thần thanh toán gian thần tại triều ca.

**I. Thoán.**

**夫.揚于王庭.孚號.有厲.告自邑.不利即戎.利有攸往.**

*Thoán từ.*

**Quái. Dương vu vương đình. Phu hiệu. Hữu lệ. Cáo tự ấp. Bất lợi tức nhưng. Lợi hữu du vãng.**

**Dịch.**

*Quái là quyết diệt tiểu nhân,  
Giãi bày ủy khúc trước sân triều đình,  
Hô Hào thanh thế cho mình,  
Hô Hào bằng cách chân thành, chính trung.  
Cũng nên lo sợ, đề phòng,  
Báo cho trong ấp biết công việc mình.*

*Chẳng nên điều động đao binh,  
Tính toan như vậy tốt lành biết bao.*

Như trên đã nói, Quái là **trung thần muốn diệt trừ gian thần**. Muốn diệt trừ gian thần phải:

1. Hỏi tội nó trước triều đình (**Dương vu vương đình**)
2. Phải vận động, hô hào quần thần nổi lên, một lòng chống đối (**phụ hiệu**)
3. Phải lo lắng, đề phòng vì gian thần có thể quật khởi, phản công. (**hữu lệ**)
4. Mình phải ngay chính để gian thần không bắt lỗi mình được. (**cáo tự áp**)
5. Không nên dùng tới quân lực (**Bất lợi tức hung**). Được như vậy tiến hành công chuyện mới tốt. (**lợi hữu du vãng**.)

*Thoán Truyện. Thoán viết:*

**彖曰. 夫. 決也. 剛決柔也. 健而說. 決而和. 揚于王庭. 柔乘五剛也. 孚號有厲. 其危乃光也. 告自邑. 不利即戎. 所尚乃窮也. 利有攸往. 剛長乃終也.**

**Quái. Quyết dã. Cương quyết nhu dã. Kiện nhi duyệt. Quyết nhi hoà. Dương vu Vương đình. Nhu thừa ngũ cương dã. Phụ hiệu hữu lệ. Kỳ nguy nãi quang dã. Cáo tự áp. Bất lợi tức hung. Sở thượng nãi cùng dã. Lợi hữu du vãng. Cương trưởng nãi chung dã.**

**Dịch. Thoán rằng:**

*Quái là quyết diệt tiểu nhân,  
Dương cương quyết diệt nhu Âm bảy chày.  
Mạnh mà vui vẻ, mới hay,  
Đã vừa cương quyết, vả nay ôn hòa.  
Giải bày ở chốn triều ca,  
Vì Nhu cười cổ những là năm Dương.  
Hô Hào vả lại lo lường,  
Là vì nguy hiểm rõ ràng chẳng sai.  
Báo cho dân áp trong ngoài,  
Vả đừng nên tính đến bài đao binh.  
Thích dùng binh cách chiến tranh,  
Sẽ gây bết tắc, tốt lành chi đâu?  
Làm đi, lợi sẽ theo sau,  
Thuần Dương vận ấy, đáo đầu chẳng sai.*

**Thoán Truyện** định nghĩa: Quái là thanh toán. Cương thanh toán Nhu (**Quyết dã. Cương quyết Nhu dã**). Cương quyết như trung thần muốn thanh toán gian thần, phải mạnh bạo, nhưng vẫn tươi vui, cương quyết nhưng vẫn giữ được hòa khí (**Kiện nhi duyệt. Quyết nhi hòa**).

Gian thần là quan lớn trong triều ca, nhiều khi lại đứng đầu quần thần, vì thế muốn thanh toán nó, cần phải hỏi rõ tội lỗi nó trước triều đình (**Dương vu Vương đình. Nhu thừa ngũ cương dã**). Làm công chuyện ấy chính là cỡi đầu voi dữ, nên phải viện vây cánh cho đông, phải lo lắng đề phòng, vì nguy hiểm quá rõ vậy (**Phụ hiệu hữu lệ. Kỳ nguy nãi quang dã**). Muốn đàn hạch người, trước tiên mình phải trong trắng (**Cáo tự áp**). Và cũng không nên dùng đến binh cách là con đường cùng

vậy (**Bất lợi tức nhưng. Sở thượng nãi cùng dã**). Thanh toán được gian thần, thì trung thần mới có thể tiến lên làm điều ích quốc, lợi dân lâu dài (**Lợi hữu du vãng. Cương trưởng nãi trung dã**).

Lịch sử đã cho ta nhiều ví dụ điển hình: Đời vua Tống Nhân Tông, Bao Công đã diệt Quách Hòe và Lưu Thái hậu về tội ly miêu hoán chúa.

Hoặc Bao Công thanh toán Bàng Hồng là Thái sư, và đồng thời là Quốc cữu, và Bàng phi là **sủng phi** của vua Nhân Tôn, về tội đã liên kết với Liêu chúa để hãm hại Địch Thanh, 1 danh tướng đương triều, và hưng binh xâm phạm Trung Quốc. Muốn thanh toán Bàng Hồng, Bao Công phải tìm ra bao chứng cứ để buộc tội Bàng Hồng đã dựa vào thế lực của Bàng Quý phi để làm bậy, như tư thông với ngoại quốc, ăn hối lộ của ngoại quốc, để bày mưu giết Địch Thanh.

Vua Nhân Tôn vì quá yêu Bàng Quý phi, nên nhất định che chở cho Bàng Hồng và Bàng Quý phi; nên Bao Công đã phải vận động đến mấy bà Thái Hậu và cả triều thần, mới có thể xử giáo được Bàng Quý phi, chém Bàng Hồng và con rể là Tôn Tú.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 澤上于天 . 夬 . 君子以施祿及下 . 居德則忌 .

*Tượng viết:*

**Trạch thượng ư thiên. Quả. Quân tử dĩ thi lộc cập hạ. Cư đức tắc kỵ.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Hồ nước lưng trời,*

*Nước dâng, nước bốc lại rơi xuống trần.*

*Nên người quân tử thi ân,*

*Trau dồi đức độ, chẳng phân lơ là.*

Nước hồ mà dâng cao lưng trời, sẽ đổ xuống trần gian. Người quân tử luôn bắt chước đó mà đổ ân trạch xuống cho muôn dân, có vậy mới vững ngôi. Lại nữa, trong vấn đề tu nhân, tích đức, người quân tử chẳng khi nào nên ngưng nghỉ. (**Trạch thượng ư thiên. Quả. Quân tử dĩ thi lộc cập hạ. Cư đức tắc kỵ**).

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ dạy đường lối phải theo, khi muốn diệt trừ gian thần.

1. 初九 . 壯于前趾 . 往不勝為吝 .

象曰 . 不勝而往 . 咎也 .

*Hào Sơ Cửu. Sơ Cửu.*

**Tráng vu tiền chỉ. Vãng bất thắng vi cữu.**

**Tượng viết: Bất thắng nhi vãng. Cửu dã.**

**Dịch.**

*Mạnh mà mạnh ở ngón chân,*

*Đi mà không thắng, nên làm, nên sai.*

**Tượng rằng:** *Không thắng mà đi,*

*Đi không sửa soạn, nên chi lỗi lầm.*

**Hào Sơ Cửu** là chỉ 1 người ở địa vị thấp thỏi. Mình đã thấp thỏi như vậy, mà lăm le muốn diệt một đại thần gian ác, thì có khác nào một người chỉ mạnh nơi ngón chân, đâu biết rằng không thắng mà vẫn làm, vẫn tiến, là làm lỗi vậy (**Tráng vu tiền chí. Vãng bất thắng vi cử**).

Đời vua Đường Túc Tông, có Mai Khôi vẫn là 1 vị khoa bảng. Sau mười mấy năm làm tri huyện, mới được triệu về kinh làm chức Lại Bộ đô cấp sự; Mai Khôi là 1 vị quan hết sức thanh liêm. Thuở ấy Thừa Tướng trong triều là Lư Khởi, là 1 đại gian thần, được vua sủng ái, nên làm rất nhiều điều sằng bậy. Mai Khôi nhất định ra mặt chống đối. Về kinh có mấy ngày, ông đã ra mặt khinh khi phỉ báng Lư Khởi. Gặp ngày Lư Khởi ăn lễ hạ thọ, các quan văn võ đều đến khánh hạ và đem lễ mừng. Mai Khôi mang đến 3 cân bột khoai, và 1 cặp đèn. Khi vào bàn tiệc, Mai Khôi hết lời mắng nhiếc Lễ Bộ Thượng Thư Hoàng Tung là con nuôi Lư Khởi. Cũng vì sự đại dột đó, mà Lư Khởi và Hoàng Tung bậy mưu, khiến vua đem Mai Khôi ra xử tử, rồi lại truyền bắt hết cả gia quyến. Đó thật là: **Bất thắng nhi vãng. Cử dã.**

## 2. 九二 . 惕 號 . 莫 夜 有 戎 . 勿 恤 .

象 曰 . 莫 夜 有 戎 . 得 中 道 也 .

*Hào Cửu nhị. Cửu nhị.*

**Dịch Hào. Mộ dạ hữu hung. Vật tuất.**

*Tượng viết: Hữu hung vật tuất. Đắc trung đạo dã.*

**Dịch.**

*Những là lo lắng, hô hào,*

*Dẫu đêm có giặc, chi nào có lo.*

**Tượng rằng:** *Có giặc chẳng lo,*

*Là vì xử sự hợp như đạo trời.*

**Hào Cửu nhị:** khuyên muốn diệt gian thần, phải biết lo sợ, biết vận dụng khéo léo cho mọi người theo mình (**Dịch Hào**) Được như vậy, mình không còn lo bất trắc, ví như 1 vị tướng quân, biết gia tâm phòng bị, nên dẫu có giặc tấn công ban đêm cũng chẳng có lo (**Mộ dạ hữu hung. Vật tuất.**) Tại sao không lo? Chính vì mình đã hành xử chu toàn, vẹn hảo (**Hữu hung vật tuất. Đắc trung đạo dã**).

## 3. 九三 . 壯 于 頄 . 有 凶 . 君 子 夫 夫 . 獨 行 遇 雨 . 若 濡 有 愠 . 無 咎 .

象 曰 . 君 子 夫 夫 . 終 無 咎 也 .

*Hào Cửu tam. Cửu tam.*

**Tráng vu quỳ. Hữu hung. Quân tử quyết quyết. Độc hành ngộ vũ. Nhược nhu. Hữu uẩn. Vô cửu.**

*Tượng viết: Quân tử quyết quyết. Chung vô cửu dã.*

**Dịch.**

*Mạnh mà sắc mặt lộ ra,*

*Lộ ra sắc mặt, hẳn là chẳng hay.*

*Trừ gian đã quyết dạ này,*

*Nhưng ngoài mặt vẫn bắt tay với thù.*

*Y như đơn độc dầm mưa,*

Uớt dầm, bề bạn dầm ra ghét mình.  
Nhưng sau khi chuyện đã thành,  
Mới hay ta vẫn anh minh, chẳng nhảm.  
**Tượng rằng:** Quân tử quyết lòng,  
Rời ra âu cũng sẽ không lỗi lầm.

**Hào Cửu tam:** Muốn diệt trừ gian thần, *cơ mưu phải kín đáo*, không nên để lộ ra sắc diện. Ghét người mà để lộ ra sắc mặt là rất nguy, vì ắt sẽ bị gian thần phản công (**Tráng vu qui. Hữu hung**). Người quân tử trong dạ đã nhất quyết diệt gian thần (**Quân tử quyết quyết**), bề ngoài nhiều khi vẫn phải o bế gian thần, như vậy danh dự mình đôi khi cũng bị thương tổn, chẳng khác nào 1 người chịu dầm mưa một mình, đến nỗi bị ướt hết. (**Độc hành ngộ vũ. Nhược nhu**). Nhiều người không hiểu đường lối mình sẽ ghét mình (**Hữu uẩn**), dầu vậy cũng chẳng có lỗi (**Vô cữu**). Mình mà quyết tâm diệt gian thần, cuối cùng mọi người sẽ biết, nên chẳng lỗi gì.

*Tượng viết:* **Quân tử quyết quyết. Chung vô cữu dã.** Vương Doãn muốn dùng Lã Bố giết Đông Trác, bèn ra sức o bế Lã Bố và đem Điêu Thuyền hứa gả cho Lã Bố, rồi lại đem gả cho Đông Trác, dạy Điêu Thuyền bắt tình với cả 2 cha con Đông Trác, Lã Bố để gây thâm thù giữa 2 người. Đến sau quả nhiên Lã Bố giết Đông Trác.

4. 九四 . 臀無膚 . 其行次且 . 牽羊悔亡 . 聞言不信 .

象曰 . 其行次且 . 位不當也 . 聞言不信 . 聰不明也 .

*Hào Cửu Tứ. Cửu tứ.*

**Đòn vô phu. Kỳ hành thứ thu. Khiên dương hối vong. Văn ngôn bất tín.**

*Tượng viết:* Kỳ hành thứ thu. Vị bất đáng dã. Văn ngôn bất tín. Thông bất minh dã.

**Dịch.**

Như mông mà chẳng có da,  
Cho nên đi lại vật vờ, lết lê.  
Nếu làm được chuyện lừa dê,  
Âu là tránh được kẻ chê, người cười.  
Nghe lời, nhưng chẳng tin lời.  
**Tượng rằng:** Đi đứng lết lê,  
Là vì chẳng được xứng bề vị ngôi.  
Nghe lời, mà chẳng tin lời,  
Khôn thời đành có, ngoan thời đành không.

**Lục tứ** là một hạng người do dự, khi cả đình thần muốn diệt trừ gian thần; nhưng do dự không dám xử trí ra sao, ảm ố không có thái độ rút khoát. Họ như một người mà mông chẳng có thịt, nên đứng ngồi chẳng yên (**Kỳ hành thứ thu**). Kỳ hành thứ thu là đi lại khó khăn. Giả sử, họ đóng được vai trò *lừa dê* thì cũng khả trợ. Theo đuôi, vì người chăn dê lừa dê đi trước, còn mình theo sau. Đàng này họ kém sáng suốt, có người giải cho nghe điều hơn, lẽ thiệt thì cũng không tin (**Văn ngôn bất tín**). Họ là những người không xứng ngôi, xứng vị, nên không biết xoay sở thế nào cho phải. Người khuyên hay cũng chẳng tin theo, như vậy có khôn mà chẳng có ngoan (**Kỳ hành thứ thu. Vị bất đáng dã. Văn ngôn bất tín. Thông bất minh dã**).

Hào Cửu tử này làm ta liên tưởng tới Vương Bình. Đời vua Tống Nhân Tông, Vương Bình làm Hình Bộ Thượng Thư, vốn được tiếng là công bình, chính trực. Vương Bình được triều đình giao phó cho việc tra án Quách Hoè.

Vương Bình thấy vụ án động chạm đến Lưu Thái Hậu, nên sợ hãi, không dám xử công minh. Nhân lại nhận được mật chiếu và vàng bạc của Lưu Thái Hậu, nên Vương Bình nhất định dẫu tội cho Quách Hoè. Lúc đem Quách Hoè ra xử, thì lại xử ban đêm, không cho ai được vào chứng kiến. Quách Hoè thật thì đem dẫu dưới gầm bàn, lại dùng một tử tội giả làm Quách Hoè, bắt quì trước công đường mà khảo đá, để che mắt thế gian. Hay đâu, Bao Công đi tuần tra, vào khám phá được mưu gian, liền bắt giam cả bọn và trình nội vụ lên thiên tử. Vương Bình sau bị chết chém.

## 5. 九五. 莫陸 . 夫夫 . 中行無咎 .

象曰 . 中行無咎 . 中未光也 .

*Hào Cửu ngũ. Cửu ngũ.*

**Hiện lục. Quyết quyết. Trung hành vô cữu.**

*Tượng viết: Trung hành vô cữu. Trung vị quang dã.*

**Dịch.**

*Rau sam cương quyết diệt trừ,*

*Theo đường lối phải, chẳng lo lỗi lầm.*

*Tượng rằng: Theo đường phải hết lỗi lầm,*

*Nghĩa là chưa được thập phần quang minh.*

**Cửu ngũ** dạy, đã diệt trừ gian thần, phải cho cương quyết, phải trảm thảo, trừ căn vì gian thần như loài rau sam, rất dễ sinh lại. Vì thế mình phải hành xử sao cho khéo, mới khỏi lỗi lầm. Cửu ngũ nơi đây cũng chưa được thập phần quang minh, vì thế phải khuyên hãy xử sao cho khéo léo (**Trung hành vô cữu. Trung vị quang dã**).

Tiết Cương, sau khi bắt được Trương quân Tả, Trương quân Hữu và Võ Tam Tư liền đem ra pháp trường xử chém. Trình Giảo Kim xin tha cho Võ Tam Tư. Tiết Cương nghe lời, liền sai đánh Võ Tam Tư mấy chục hèo rồi tha. Sau Võ Tam Tư tư thông với Vi Hậu, đầu độc vua Trung Tôn, và định soán ngôi nhà Đường. Tiết Cương, Tiết Cường lại một phen huy động binh đao mới bắt, và giết được Võ Tam Tư và Vi Hậu.

## 6. 上六. 無號 . 終有凶 .

象曰 . 無號之凶 . 終不可長也 .

*Hào Thượng Lục. Thượng Lục.*

**Vô Hào. Chung hữu hung.**

*Tượng viết: Vô Hào chi hung. Chung bất khả trường dã.*

**Dịch.**

*Hô Hào mà chẳng ai theo,*

*Cuối cùng sẽ bị những điều họa hung.*

*Tiểu nhân cũng lúc phải dùng,*

*Làm sao trường thịnh, mà mong cửu trường.*



**Thượng Lục** chỉ những gian thần khi đã hết thời, van xin lúc ấy cũng vô ích, chẳng còn có ai thương, ai nghe. Và cuối cùng sẽ gặp hung họa (**Vô Hào chi hung. Chung bất khả trường dã**).

### **ÁP DỤNG QUÊ QUẢI VÀO THỜI ĐẠI**

Trong Chính quyền, cũng như trong bất kỳ đoàn thể nào cũng có những con chiên ghẻ, những người xấu. Những người này nhiều khi có thế lực rất mạnh, rất khó trừ. Kinh Dịch khuyên ta nên trừ khử những kẻ gian ác ấy.

Vào thời **Quải**, tức là thời đời sống gần như là đã Thuần Dương, chỉ còn sót lại có một Âm, y như khi ta mặc một chiếc áo trắng, mà lại có một vết đen lớn ở giữa ngực, thì trông sao được, do đó ta phải tẩy sạch nó đi.

Ta có thể lấy một thí dụ điển hình ngay ở Mỹ này. Gần đây, có vụ Thượng Nghị sĩ Jack Reeves, 56 tuổi, bị kết án 99 năm tù, tại Dallas (Texas), vì cách đây 18 năm đã giết bà vợ cả là Sharon. Trước kia cảnh sát đã cho rằng bà Sharon đã tự tử bằng súng. Tháng 1/1996, ông bị kết án 18 năm tù, và ngày 4 tháng 8/1996, ông lĩnh thêm một bản án mới 99 năm tù, vì đã giết thêm bà vợ thứ tư là Emilita. Ông Reeves khai là ông không hề giết vợ và đã chống án. Nếu sự việc trên mà đúng, thì theo tôi ông đáng bị tử hình.

Thời vua Càn Long (Trung Hoa), có đại thần là Hòa Thân, chuyên môn nhận hối lộ, hãnh giàu có hơn cả triều đình. Phải đợi đến đời Gia Khánh (kế Càn Long), mới diệt được Hòa Thân.

Như vậy, ta thấy từ xưa tới nay, dân đều muốn rằng những người cầm đầu phải là những người trong sạch, hoàn hảo. Còn người trên thì bao giờ cũng che đậy cái xấu, cái dở của mình. Nên muốn trừ diệt họ **phải đợi thời cơ, và tìm bằng chứng tội ác của họ**.

### **44. 天風 姤 THIÊN PHONG CẦU**



#### **Cầu Tự Quái**

**姤序卦**

Quải giả quyết dã.

**夬者決也。**

Quyết tất hữu sở ngộ.

**決必有所遇**

Có thụ chi dĩ Cầu

**故受之以姤**

Cầu giả ngộ dã.

**姤者遇也。**

#### **Cầu Tự Quái**

*Quải là nứt rạn, vỡ rời, tan hoang.*

*Chia rồi lại gặp, mới ngoan.*

*Cho nên Cầu mới có đàng theo ngay.*

*Cầu là gặp gỡ duyên may.*

Cầu là một Hào Âm gặp 5 Hào Dương. Vì thế Cầu nghĩa là gặp, ngẫu nhiên mà gặp, không cầu mà gặp. Xét thể quái, thì Cầu là gió thổi dưới trời; gió thổi muôn phương, không có vật gì mà không gặp.



Cầu là 1 Âm thoát sinh để bắt đầu cho chu kỳ Âm trưởng, Dương tiêu, một Âm tự động tìm gặp 5 Dương, nên gọi là Cầu. **Cầu, xét về triển năm, thì là tháng 5, sau ngày hạ chí.** Cầu là thời kỳ nhân loại bắt đầu bước vào con đường **hướng ngoại**, ngược lại với **Phục** là bắt đầu thời kỳ mà nhân loại bước vào con đường **hướng nội**, để tìm hiểu nội tâm. Thiệu Khang Tiết có 2 câu thơ, để đánh dấu hai thời kỳ quan trọng ấy:

*Kiên ngộ Tồn thời, quan nguyệt quật.*

*Địa phùng Lôì xứ, kiến thiên căn.*

**Dịch:**

*Trời nổi gió đông, thông động nguyệt,*

*Địa phùng Lôì xứ, kiến thiên căn.*

(Kiên ngộ Tồn là Thiên Phong Cầu. Nguyệt quật là ngoại cảnh vật chất. Địa phùng Lôì là Địa Lôì Phục. Thiên căn là Thiên lương hay Thiên tính trong con người.)

Trong quẻ Cầu sẽ đề cập đến 2 ý chính:

1. Âm Dương tương ngộ.
2. Phải đề phòng, ngăn chặn không cho tiểu nhân len lõi vào chính quyền.

## I. Thoán.

**Thoán từ.**

**姤 . 女 壯 . 勿 用 取 女 .**

**Cầu. Nữ tráng. Vật dụng thú nữ.**

**Dịch.**

*Cầu là tương ngộ, tương phùng,*

*Gặp cô gái dữ, thì đừng kết duyên*

**Thoán từ:** Cầu gồm có 1 Hào Âm nằm dưới 5 Hào Dương. Một người đàn bà có đủ bản lĩnh đương đầu với 5 người đàn ông, một người đàn bà mà tự ý đi tìm gặp đàn ông như vậy là thứ đàn bà dữ, không nên lấy hạng người ấy làm vợ. **Hào Âm đây cũng tượng trưng cho kẻ tiểu nhân muốn len lõi vào chính quyền, người quân tử phải thận trọng, đừng nên thân cận và cộng tác với họ.**

**Thoán Truyện.**

**彖曰 . 姤 . 遇 也 . 柔 遇 剛 也 . 勿 用 取 女 . 不 可 與 長 也 . 天 地 相 遇 . 品 物 咸 章 也 . 剛 遇 中 正 . 天 下 大 行 也 . 姤 之 時 義 大 矣 哉 .**

**Thoán viết:**

**Cầu. Ngộ dã. Nhu ngộ cương dã. Vật dụng thú nữ. Bất khả dữ trường dã. Thiên địa tương ngộ. Phẩm vật hàm chương dã. Cương ngộ trung chính. Thiên hạ đại hành dã. Cầu chi thời nghĩa đại hỹ tai.**

**Dịch.**

*Cầu là tương ngộ, tương phùng,*

*Cương nhu ngẫu nhĩ, duyên đặng gặp nhau.*

*Gái mà hung dữ, cơ cầu,  
Làm sao phối hợp bền lâu cho đành.  
Đất trời giải cầu liên minh,  
Làm cho vạn vật trở thành tốt tươi,  
Cương phùng trung chính, thời thôi,  
Khắp cùng thiên hạ gặp thời vàng son,  
Gặp mà nên chuyện vương tròn,  
Hợp thời đúng lúc, hỏi còn chi hơn?*

**Thoán Truyện:** Cầu là gặp gỡ, Nhu gặp Cương, Âm gặp Dương. Trong chuyện Kiều có câu:

*May thay giải cầu tương phùng,  
Gặp tuần đố lá, thỏa lòng tìm hoa.*

Một Âm khí thể đang lên, như gái dữ cần phải xa lánh, cần phải đề phòng, thay vì cầu thân để tính kế lâu dài (**Cầu. Ngô dã. Nhu ngô cương dã. Vật dụng thú nữ. Bất khả dữ trường dã**). Sau khi dạy ta nên đề phòng ảnh hưởng của tiêu nhân, **Thoán Truyện bàn đến ảnh hưởng tốt đẹp của sự gặp gỡ giữa khí Âm và khí Dương**. Trời đất có hòa hài, có gặp gỡ, có cộng tác với nhau, thì vạn vật mới có thể trở nên tốt đẹp được (**Thiên địa tương ngộ. Phẩm vật hàm chương dã**).

\***Áp dụng vào nhân sự**, thì gặp gỡ giữa người và người là một điều tối quan hệ. Người anh tài mà gặp người đức độ, thời có thể làm cho thiên hạ trở nên thịnh đạt. Hiểu được nghĩa chữ gặp gỡ, khai thác được sự gặp gỡ là một điều tối quan trọng vậy (**Cương ngô trung chính. Thiên hạ đại hành dã. Cầu chi thời nghĩa đại hỹ tai**).

Thuần gặp Nghiêu; Khương Tử Nha gặp Văn vương; Khổng Minh gặp Lưu Bị đó là những trường hợp điển hình chứng minh rằng anh tài gặp nhau có thể thay đổi được cục diện lịch sử.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰.天下有風.姤.后以施命誥四方.

*Tượng viết:*

**Thiên hạ hữu phong. Cầu. Hậu dĩ thi mệnh cáo tứ phương.**

**Dịch.**

*Tượng rằng:*

*Cầu là gió thổi dưới trời,  
Quân vương truyền lệnh dạy người bốn phương.*

Dưới trời có gió là Cầu. Đấng quân vương rao truyền mệnh lệnh ra khắp bốn phương. Trời cao xa không dễ gặp vạn vật, nên lấy gió để kích động vạn vật. Thế là không gặp mà gặp. Quân vương không dễ gặp chính nhân, lấy mệnh lệnh để cải hóa vạn dân. Thế là không gặp mà gặp.

Quê Quan thời gió thổi trên mặt đất. Đấng quân vương bắt chước để đi quan sát dân tình trong nước.

Quẻ Cấu thì gió thổi dưới gầm trời. Đấng quân vương bắt chước, làm ra mệnh lệnh để phổ cập đến chúng dân.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện.

Như trên đã nói, quẻ Cấu bao gồm hai ý nghĩa:

- Cấu là gặp gỡ. Đó là nghĩa theo Từ nguyên.
- Cấu là đề phòng, là ngăn chặn ảnh hưởng mới lộ dạng của tiểu nhân, đó là nghĩa theo Hào Quái.

Thành thử khi giải thích các Hào, ta thấy có 3 đường lối.

1. Giải Cấu là chế ngự tiểu nhân, đó là theo Ngự Án.
2. Giải Cấu là gặp gỡ, đó là đường lối của Trình Tử.
3. Giải lời mờ, đó là đường lối của các nhà bình giải.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 系于金 . 貞吉 . 有攸往 . 見凶 . 羸

象曰 . 豕孚踯躅 . 系于金 . 柔道牽也 .

*Sơ Lục.*

**Hệ vu kim nị. Trinh cát. Hữu du vãng. Kiến hung. Luy thử phu trịch trịch.**

*Tượng viết:*

**Hệ vu kim nị, nhu đạo khiên dã.**

**Dịch.**

*Dùng cây thẳng sắt hãm kìm,  
Hãm kìm cho chắc, cho bền, mới hay.  
Sanh ra Âm sẽ tiến ngay,  
Để cho Âm tiến, có ngày họa hung.  
Lợn con mà bỏ đi đông,  
Rời ra lợn sẽ lung tung chạy càn.*

**Tượng rằng:**

*Dùng cây thẳng sắt hãm kìm,  
Vì Âm dắt dứ nhau lên dần dần.*

**Hào Sơ Lục:** Ai cũng giải là phải kìm hãm tiểu nhân ngay từ buổi ban sơ. Kìm hãm cho chặt chẽ, phải buộc họ vào những thẳng bằng kim khí (**Hệ vu kim nị**), như vậy mới mong được an lành (**Trinh cát**), bằng nếu để họ xông ra, họ sẽ làm sằng, làm bậy, gây họa hung chẳng sai (**Kiến hung**). Tiểu nhân như con lợn con còn yếu ớt. Lợn tuy còn yếu thực đấy, nhưng nếu không sớm ngăn chặn đề phòng, chắc chắn nó sẽ có ngày chạy đông, phá phách (**Luy thử phu trịch trịch**). Tại sao phải kìm hãm chặt chẽ như vậy? Thừa, nếu để cho Âm Nhu tự do hoạt động, nó sẽ dắt dứ nhau cả bầy, cả bọn đến tác hại chẳng sai. Vì thế Tượng viết: **Hệ vu kim nị. Nhu đạo khiên dã.** (Khiên đây là dắt dứ nhau).

Hào này không những dạy ta **đề phòng tiểu nhân**, mà còn dạy ta **đề phòng đùng cho nhân dục mạnh động**, nếu đề nhân dục mạnh động; thì **thiên lương kia chẳng mấy chốc là bị chúng khuấy lấp**.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 包有魚 . 無咎 . 不利賈 .

象曰 . 包有魚 . 義不及賈也 .

*Cửu nhị.*

**Bao hữu ngư. Vô cửu. Bất lợi tân.**

*Tượng viết:*

**Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã.**

**Dịch.**

*Cá nằm trong bọc, lỗi chi,  
Nhưng mà có khách, đừng chia cho xem.  
Tượng rằng: Có cá trong bao,  
Thôi đừng cho khách ngó vào làm chi.*

a). Muốn kiếm chế tiểu nhân, không nên dùng bạo lực, mà phải kiểm soát khéo léo. Hãy giữ cho nó đừng có ảnh hưởng lan rộng tới người khác.

b). Sơ đáng lý thì ứng với Tứ, nhưng Hào Nhị đây kề cận với Sơ nên như người câu cá, nhanh chân đến trước đã lượm được cá. Nhị gặp Sơ cũng không phải là đúng lý tự nhiên, nên Nhị không cho ai khác gặp Sơ. Gặp ai khác sẽ lảm chuyện rắc rối. (Trình tử) . Tượng viết: **Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã.**

## 3. Hào Cửu tam.

九三 . 臀無膚 . 其行次且 . 厲 . 無大咎 .

象曰 . 其行次且 . 行未牽也 .

*Cửu tam:*

**Đòn vô phu. Kỳ hành thứ thứ. Lệ. Vô đại cửu.**

*Tượng viết:*

**Kỳ hành thứ thứ. Hành vị khiên dã.**

**Dịch.**

*Mông mà đét thịt toàn da,  
Thời âu đi lại vật vờ, lét lê,  
Nếu mà biết được cơ nguy,  
Làm sai, âu cũng bớt đi nhiều phần.  
Tượng rằng: Đi lại lét lê,  
Là vì chẳng được mọi bề thành thơi.*

**Hào Cửu Tam:** muốn kiếm chế tiểu nhân (**Hào Sơ**), nhưng không có địa vị và nhiệm vụ để kiếm chế, vì thế nên ở trong một tình thế nguy hiểm (**Lệ**). Tuy nhiên xét theo nghĩa lý thì không có gì đáng trách (**Vô đại cữu**).

Không đứng ngôi vị, nên đứng ngôi không yên, như mộng không thật, đi đứng lết lê (**Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư** (Ngự Án).

\*Tam muốn cầu gặp Sơ, nhưng lại bị Nhị ngăn cách, nên đứng ngôi không yên (**Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư**). Tuy nhiên sau này, Tam biết chuyện đó là chuyện chẳng hay, nên đâm sợ hãi, không dám làm càn, nên không vấp phải lỗi lớn (**Lệ. Vô đại cữu. Trinh cát**).

Tượng viết: **Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã**

Ngự Án giải rằng: đứng ngôi không yên, đi lại khó khăn, vì chưa chế ngự được Sơ Lục.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 包無魚 . 起凶 .

象曰 . 無魚之凶 . 遠民也 .

*Cửu tứ.*

**Bao vô ngư. Khởi hung.**

*Tượng viết:*

**Vô ngư chi hung. Viễn dân dã.**

**Dịch.**

*Có bao, mà cá thời không,*

*Rời ra phát khởi họa hung có ngày.*

**Tượng rằng:** Không cá mà hung,

*Nghĩa là đã ở xa dân mất rồi.*

a). Ngự Án giải rằng: Cửu tứ muốn kiếm chế tiểu nhân, mà không có dạ bao dung, lại không biết phương pháp kiếm chế, thì nhẽ nào mà không gặp họa hung được.

b). Trình tử cho Cửu tứ ở ngôi trên, không có đức (**Bất trung, bất chính**), nên mất lòng kẻ dưới. Người trên mất dân, như bao không cá (Có 1 con cá, Cửu nhị đã chiếm mất rồi). Đã mất dân, tức sẽ gặp họa hung.

Tượng Truyện bình rằng: Cái nguy cơ sở dĩ có, là vì mình đã xa dân vậy (**Vô ngư chi hung. Viễn dân dã**).

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 以杞包瓜 . 含章 . 有隕自天 .

象曰 . 九五含章 . 中正也 . 有隕自天 . 志不舍命也 .

*Cửu ngũ.*

**Dĩ kỷ bao qua. Hàm chương. Hữu vãn tự thiên.**

*Tượng viết:*

**Cửu ngũ hàm chương. Trung chính dã. Hữu vãn tự thiên. Chí bất xả mệnh dã.**

**Dịch.**

*Cây kỷ bao bọc cây dưa,  
Đẹp mà kín đáo, có cơ tốt lành,  
Y như rơi tự trời xanh.*

**Tượng rằng:**

*Hào năm có đức chẳng phô,  
Thiệt là trung chính, đúng như lẽ đời.  
Gặp may, âu cũng nhờ trời,  
Mệnh trời, lòng há dám rời hôm mai.*

a). Hào Cửu ngũ có địa vị lại có trách nhiệm chế ngự tiểu nhân. Vả Cửu ngũ có đức độ, cho nên tiểu nhân tự nhiên qui phục (Ngự Án, Wilhelm, R. G. H. Siu).

b). Người trên như cây kỷ, người dưới như cây dưa. Bậc quân vương biết khuất kỷ, hạ hiền, thì hiền tài tự nhiên sẽ quay về giúp mình; **Hữu vãn tự thiên**: Y như tự trời rơi xuống. Ý nói cầu hiền, tất sẽ gặp hiền tài. (Trình tử).

Tượng Truyện cho rằng: Cửu ngũ hàm xúc vẻ đẹp đẽ, là vì đã theo được con đường trung chính (**Cửu ngũ hàm chương. Trung chính dã**). Mọi sự hay, sẽ như tự trời rơi xuống, là vì Cửu ngũ đã theo đúng thiên lý. (**Hữu vãn tự thiên. Chí bất xả mệnh dã**.)

## **6. Hào Thượng Cửu.**

**上九 . 姤其角 . 吝 . 無咎 .**

**象曰 . 姤其角 . 上窮吝也 .**

*Thượng Cửu.*

**Cầu kỳ giác. Lận. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Cầu kỳ giác. Thượng cùng lận dã.**

**Dịch.**

*Gặp mà vênh vác cái sừng,  
Sẽ bề hối hận, đừng hòng trách ai.  
**Tượng rằng:** Gặp vênh cái sừng,  
Cao kiêu cùng cực, liệu chừng ăn năn.*

a). Thượng Cửu như 1 ần sĩ, xa vời với tiểu nhân, vì thế nên không kiềm chế được tiểu nhân, như vậy cũng đáng xấu hổ. Tuy nhiên, vì họ đã không còn dính líu chuyện đời, nên họ cũng chẳng có lỗi gì (Ngự Án).

b). Người trên mà cao ngạo, thì làm sao mà gặp được người cộng tác. Mình như vậy mà người ta xa mình, thì cái đó là lỗi tại mình, đừng nên trách cứ ai. **Sùng đây chỉ sự kiêu kỳ, cứng rắn.** Tượng Truyện bình rằng: Cư xử cao ngạo như vậy, thì đáng trách thật (**Cầu kỳ giác. Thượng cùng lận dã**).

- Giải thích Cầu là kiềm chế cũng có nghĩa của nó, vì nếu không ngăn chặn tiểu nhân, để họ len lỏi vào chính quyền, thì họ sẽ lũng loạn chính quyền.

- Giải thích Cầu là gặp gỡ, cũng có nghĩa là người trên gặp gỡ hạ dân, quân vương gặp gỡ hiền tài.

## ÁP DỤNG QUÊ CẦU VÀO THỜI ĐẠI

Cầu là một quẻ quan trọng trong Kinh Dịch, vì nó là đầu đường đi vào chiều Âm, đi ra ngoại cảnh. Thiệu Khang Tiết cho rằng: **Cầu là thời kỳ mà ta bị đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lầm.** Đó là thời kỳ mà chúng ta bị thử thách.

Cuộc đời con người, thường bị chi phối bởi 3 vấn đề: đó là **Tình, Tiền, Danh vọng**. Cho nên, khi ta còn nhỏ, ta chỉ nhìn thấy vật chất, tiền tài, ta chỉ bị cám dỗ bởi xác thịt, bởi ngoại cảnh. Ta sẽ thấy ta có nhiều môn học như: hát, vẽ, chạy, bơi lội, tập võ nghệ, thể thao, điền kinh, học chữ nghĩa, nghề nghiệp. Thật là thiên thu bất tận. Nghề nào cũng có thể chiếm gần hết đời ta. Càng đi sâu vào một nghề gì, hay vấn đề gì, ta càng thấy nó cao siêu, và dẫu ta dùng cả đời ta vào vấn đề đó, ta vẫn thấy không thỏa mãn, không vừa lòng.

Hơn nữa, nghề nghiệp ta học đều được định giá bằng tiền, và chúng ta thường hỏi nhau là có kiếm được nhiều tiền hay không? Như vậy có phải là đời ta đã bị chi phối bởi **Tình, Tiền** và **Danh vọng** hay không? Nhiều người đã vì 3 vấn đề trên, mà bán cả sinh mạng mình. Nhưng có nhiều người không may, làm ăn thất bại, chán nản rồi đâm ra xì ke, ma túy, nghiện ngập, rất là đáng thương hại.

Đi sâu vào cuộc đời, chúng ta phải hết sức thận trọng. **Làm cái gì cũng phải tự lượng sức mình, đừng phao phí sức lực.** Ta có mạnh khỏe, thì tinh thần ta mới được sung mãn. **Phải tránh xa những con đường rượu chè, cờ bạc, xì ke, ma túy.** Chúng sẽ dẫn ta vào cửa tử, vào vực thẳm.

Nếu sinh ra đời, mà ta làm được gì ích quốc, lợi dân, thì hay biết bao nhiêu. Đừng nói rằng chúng ta thua kém người, hoặc vô tài, bất tướng. Thực ra người ta thành công hơn ta, chỉ vì họ đã biết cố gắng, chịu thương, chịu khó hơn ta mà thôi. Do đó, chúng ta đừng bao giờ chán nản, khi đứng trước một sự việc gì khó khăn. Phải cố gắng tiến lên, đừng bao giờ lùi bước. Nhớ rằng: **Trời hại ta, thì còn cứu được, nếu ta tự hại ta thì không ai có thể cứu ta được.**

Tóm lại, quẻ Thiên Phong Cầu dạy ta: **Đừng để cho Vật Dục chi phối cuộc đời mình, đến nỗi tán tận lương tâm; và cần phải xa lánh những bè bạn xấu.**

### 45. 澤地萃 TRẠCH ĐỊA TUY

**Tụy Tụy Quái**

Cầu giả ngộ dã

萃序卦

姤者遇也



Vật tương ngộ nhi hậu tụ      物相遇而後聚  
Cố thụ chi dĩ Tụ              故受之以萃  
Tụ giả tụ dã.                  萃者聚也.

### **Tụ Tụ Quái**

*Cầu là gặp gỡ duyên may,  
Gặp rồi vạn vật có ngày kết duyên.  
Cho nên Tụ tiếp theo liền,  
Tụ là tụ tập, tương liên kim bằng.*

Tụ nghĩa là tụ họp. Tụ họp nhỏ thì thành gia đình, đoàn thể; lớn thì thành quốc gia, xã hội. Có tụ họp thì mới đi đến chỗ hanh thông, vì con người không thể như Robinson Crusoe cô thân, chích ảnh nơi hoang đảo, mà phải có bạn bè thân thích để giải quyết mọi chuyện đời.

### **I. Thoán.**

**萃.亨.王假有廟.利見大人.亨.利貞.用大牲吉.利有攸往.**

*Thoán từ.*

**Tụ. Hanh. Vương cách hữu miếu. Lợi kiến đại nhân. Hanh.  
Lợi trinh. Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng.**

### **Dịch.**

*Tụ là tụ chúng họp quần,  
Rời ra thế sự được phần hanh thông.  
Vua ra tế tự miếu tông,  
U minh nói kết giải đồng gần xa.  
Gặp người đức độ, tài hoa,  
Thời hay, thời lợi, biết là mấy mươi.  
Lấy trung, lấy chính họp người,  
Mới mong sẽ được vẹn mười lợi hanh.  
Chững chàng sửa lễ tam sanh,  
Linh đình, trang trọng tốt lành mấy mươi.  
Hãy nên tính chuyện ngược xuôi,  
Công trình âu sẽ chảy trôi, vẹn toàn.*

Tụ họp, họp quần là điều hay, điều tốt (**Tụ hanh**).

Nhưng tụ họp phải tuân theo những qui luật, những đường lối nhất định.

1. Trước tiên, phải có tín ngưỡng, có chủ thuyết để nối kết lòng người. Vì thế vua phải ra nơi miếu tông làm việc tế tự (**Vương cách hữu miếu**). Tức là phải dùng tín ngưỡng làm chiêu bài qui dân, tụ chúng.

2. Muốn qui dân, tụ chúng, phải có người lãnh đạo cho hay, cho giỏi. Gặp được người lãnh đạo hay, dân nước sẽ bước vào con đường hanh thông, thái thịnh (**Lợi kiến đại nhân. Hanh**).

3. Phải có chính nghĩa, chính đạo, mới hay, mới lợi (**Lợi trình**). Gian manh cũng có thể vì lợi lộc mà kết thành bầy bọn, nhưng họ sẽ làm hại thiên hạ. Anh hùng, Hào kiệt trên đời chiêu dân, lập quốc, ví dụ như Moise, vì có chính nghĩa, nên mới lưu danh muôn thuở.

4. Phải tổ chức những cuộc tế lễ linh đình (**Dụng đại sinh cát**). Đó là một cách xử thế để chinh phục lòng dân.

Những cuộc hội hè, rước sách lớn, những cuộc biểu tình lớn, đều có mục đích là gây một ảnh hưởng tâm lý mạnh mẽ nơi dân con, cho họ **trông thấy mà tin**.

5. Lại phải thi hành một công chuyện gì ích quốc, lợi dân, cho dân mục kích nhãn tiền, như vậy mới hay, mới lợi (**Lợi hữu du vãng**).

### **Thoán Truyện. Thoán viết:**

彖曰.萃.聚也.順以說.剛中而應.故聚也.王假有廟.致孝享也.利見大人亨.聚以正也.用大牲吉.利有攸往.順天命也.觀其所聚.而天地萬物之情可見矣.

**Tụ. Tụ dã. Thuận dĩ duyệt. Cương trung nhi ứng. Cố tụ dã. Vương cách hữu miếu. Trí hiếu hưởng dã. Lợi kiến đại nhân hanh. Tụ dĩ chính dã. Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng. Thuận thiên mệnh dã. Quan kỳ sở tụ. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ.**

### **Dịch. Thoán rằng:**

*Tụ là tụ chúng hợp quần,  
Rời ra thế sự được phần hanh thông.  
Vua ra tế tự miếu tông,  
U minh nối kết giải đồng gần xa.  
Gặp người đức độ, tài hoa,  
Thời hay, thời lợi, biết là mấy mươi.  
Lấy trung, lấy chính hợp người,  
Mới mong sẽ được vẹn mười lợi hanh.  
Chững chàng sửa lễ tam sanh,  
Linh đình, trang trọng, tốt lành mấy mươi,  
Hãy nên tính chuyện ngược xuôi,  
Công trình âu sẽ chảy trôi, vẹn toàn.*

**Thoán Truyện** trước tiên định nghĩa **Tụ** là **Tụ hợp**. (**Tụ tụ dã**). Muốn qui dân, tụ chúng, người dưới phải thuận phục người trên, người trên phải sung sướng khi được dắt dìu kẻ dưới. Người trên thì giỏi giang minh chính, kẻ dưới thì hỗ trợ, tuân phục hết lòng. Có như vậy mới qui dân, tụ chúng được (**Thuận dĩ duyệt. Cương trung nhi ứng cố tụ dã**.)

Muốn qui tụ dân chúng, người lãnh đạo phải lấy tín ngưỡng làm keo sơn gắn bó lòng người. Phải đích thân đứng ra tế lễ, đề dạy dân kính trời, và hiếu với tổ tiên (**Vương cách hữu miếu. Trí hiếu hưởng dã**).

Lại cũng phải khéo biết dùng những lễ nghi, hình thức bên ngoài, những công trình cụ thể, nhân tiên để cho dân thấy mà tin phục (**Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng. Thuận thiên mệnh dã**). Làm như vậy tức là thuận theo những định luật tự nhiên vậy. Ngoài ra, **Tụy còn cho ta thấy rõ tình đời**. Chữ rằng: **Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu**. Có giống nhau mới tụ hợp cùng nhau.

Cho nên cứ nhìn xem cách tụ hợp của muôn vật, chúng ta sẽ biết được tình ý chúng. Nơi con người, cứ xem họ hợp đoàn với ai, sẽ biết được tình ý họ. Nhà thơ tìm bạn họa thơ; người ăn chơi đánh bạc với kẻ ăn chơi; người đạo đức giao du với người đạo đức... Thế là xem cách hội hợp, mà hiểu được tình người (**Quan kỳ sở tụ. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ**).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 .澤上於地 .萃 .君子以除戎器 .戒不虞 .

*Tượng viết:*

**Trạch thượng ư địa. Tụy. Quân tử dĩ trừ nhung khí. Giới bất ngư.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Tụy là trên đất có hồ,  
Nên người quân tử phải lo đề phòng.  
Sẵn sàng khí giới binh nhung.  
Ngăn ngừa bất trắc, đề phòng rủi ro.*

Hồ ở trên đất là Tụy. Người quân tử nhân đó sửa soạn khí giới, đề đề phòng mọi bất trắc. Nước hồ mà dâng quá mặt đất sẽ tràn. Phải phòng bị sự tràn ngập ấy.

Người mà tụ tập đông đảo, cũng có thể nổi dậy gây phiến loạn, trộm cắp cũng thường xảy ra nơi đám đông. Vì thế khi tụ tập đông đảo, cần phải sẵn sàng vũ khí để đề phòng mọi bất trắc. Có vậy mới tránh mọi tai họa.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 有孚不終 . 乃亂乃萃 . 若號 . 一握為笑 . 勿恤 . 往無咎 .

象曰 . 乃亂乃萃 . 其志亂也 .

*Sơ Lục.*

**Hữu phu bất chung. Nãi loạn nãi tụy. Nhược Hào. Nhất ác vi tiếu.  
Vật tuất. Vãng vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Nãi loạn nãi tụy. Kỳ chí loạn dã.**

**Dịch.**

*Thành tâm muốn hợp cùng người,*

*Nhưng mà chưa được xong xuôi chu toàn,  
Cho nên tụ bậy, họp càn,  
Hô hào chính ứng, cả đoàn cười chê.  
Đừng lo, cứ tiến lên đi,  
Một lòng qui chính, lỗi gì nữa đâu.  
**Tượng rằng:** Tụ bậy, họp càn,  
Là vì chí loạn, thân hôn mất rồi.*

**Hào Sơ** mô tả những người có lòng thành khẩn, muốn tìm người hay mà liên kết (**Hữu phu**), nhưng vì ý chí không bền vững (**bất chung**), nên có thể tụ họp sằng bậy với những người không xứng đáng (**Nãi loạn nãi tụy**). Nhưng khi đã nhận xét biết lỗi làm mình, họ nhất định tìm về với những bậc chính nhân quân tử (**Nhược Hào**). Khi ấy, dĩ nhiên bị bày bộn chê cười, chế riễu (**nhất ác vi tiếu**). Nếu họ can đảm, đừng có lo ngại, và cứ nhất quyết thi hành ý chí của mình (**Vật tuất vãng**), thời sẽ không có lỗi chi cả (**Vô cửu**).

Tượng Truyện cho rằng: Sở dĩ có chuyện họp xằng, họp bậy, chính là vì ý chí đã rối loạn (**Nãi loạn nãi tụy. Kỳ chí loạn dã**). Trên đời không thiếu gì những trường hợp này. Xưa kia, biết bao người trung lương mà vì hoàn cảnh bắt buộc, phải sống nghề lục lâm, lạc thảo cho qua ngày, đợi thời kỳ sẽ được chiêu an. Hoặc biết bao kẻ lòng ngay, mà bị quyền rũ, nên đã đi vào những con đường tà ngụy, họp bậy cùng những kẻ bất chính, bất lương. Tuy nhiên, nếu họ nhận được lỗi làm mình, bỏ tối tìm sáng thì nào có lỗi chi đâu.

## **2. Hào Lục nhị.**

六二 . 引吉 . 無咎 . 孚乃利用 .

象曰 . 引吉無咎 . 中未變也 .

*Lục nhị.*

**Đẫn cát. Vô cửu. Phu nãi lợi dụng thược.**

*Tượng viết:*

**Đẫn cát vô cửu. Trung vị biến dã.**

**Dịch.**

*Dắt nhau qui chính, thời hay,*

*Dắt nhau qui chính, cả bày lỗi chi.*

*Lòng thành đã quyết vẹn nghì,*

*Thành tâm là trọng, xá gì lễ dâng.*

**Tượng rằng:** *Dắt nhau qui chính, thời hay,*

*Dắt nhau qui chính, cả bày lỗi chi.*

*Lòng trung chưa chút suy vi,*

*Lòng trung chưa có Hào ly biến rời.*

**Hào Lục nhị** là những người có quyền hành, thế lực. Đã vậy mà còn biết mình chúa mà phò, đem cả bày bộn, tùy tùng về theo cùng những người minh chính, thời rất hay, rất tốt, không có gì

đáng chê trách (**Dẫn cát. Vô cữu**). Khi đã có lòng thành khẩn, thì không cần những lễ nghi, hình thức bên ngoài cho trang trọng làm chi, hiểu lòng nhau là đủ (**Phu nãi lợi dụng thược**). **Phu** là lòng thành khẩn, **Thược** là tế lễ mùa Xuân, tương đối nhỏ. Trở về cùng minh chúa, đem cả bầy bọn trở về cùng minh chúa, trở về mà lòng trung nghĩa vẫn chu toàn, như vậy mới hay.

**Trần Hi Trân, một Hào kiệt thời Tống**, lúc lâm nạn, bắt đắc dĩ phải nhập lỏa với bọn thảo khấu ở Viên Thúc trại. Nhưng khi có dịp thuận tiện, liền trở về qui phục triều đình. Lòng trung nghĩa trước sau chẳng hề rời đổi. Thực đúng với trường hợp Hào Lục nhị này. (Xem Thủy Hử) (**Dẫn cát vô cữu. Trung vị biến dã**).

### 3. Hào Lục tam.

六三 . 萃如 嗟如 . 無攸利 . 往無咎 . 小吝 .

象曰 . 往無咎 . 上巽也 .

*Lục tam.*

**Tụ như ta như. Vô du lợi. Vãng vô cữu. Tiểu lận.**

*Tượng viết:*

**Vãng vô cữu. Thượng tổn dã.**

**Dịch.**

*Lòng riêng muốn họp với người.*

*Mà người chẳng họp, vẫn dài thở than.*

*Mặc dầu đôi chút quải gàng,*

*Hãy tìm đến kẻ tâm xoang như mình.*

*Lỗi chi mà lỗi cho đành...*

**Hào Lục tam** ứng vào những hạng người bất trung, bất chính, địa vị dở dang, tài đức thấp thỏi, nên muốn liên kết với người, mà người chẳng chịu, tứ cố vô thân, trên dưới không ai hưởng ứng với mình, vì thế nên xót xa than thở (**Tụ như ta như**). Lúc ấy chẳng có thể làm gì cho hay (**Vô du lợi**). Thôi thì tìm nơi nào tá túc, để mà chờ thời. Như vậy chẳng danh giá gì, nhưng cũng không có lỗi (**Vãng vô cữu. Tiểu lận**). Vãng là tiến lên, cầu họp với Thượng Lục. Thượng Lục đây chính là một người bè bạn, nhưng không thân thiết lắm. Cầu họp với Thượng, không có lỗi, vì Thượng cũng vui lòng chấp nhận. *Tượng viết:* **Vãng vô cữu. Thượng tổn dã.**

### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 大吉 . 無咎 .

象曰 . 大吉無咎 . 位不當也 .

*Cửu tứ.*

**Dại cát. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Dại cát vô cữu. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Qui mô cho rộng, cho to,  
Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.  
**Tượng rằng:** Qui mô cho rộng, cho to.  
Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.  
**Tượng rằng:** Qui mô cho rộng, cho to,  
Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.  
Tốt lành, rồi sẽ êm đềm,  
Là vì ngôi vị có phần đỡ dang.*

**Hào Cửu tứ** chính là một đại công thần, dưới thì được dân thuận theo, trên thì được vua tin cậy. Ngôi ngôi vị trọng thần, thật hết sức khó xử. Phải ăn ở sao cho vẹn chữ trung, thì mới được hay lành. Vì thế mới nói: **Đại cát. Vô cửu.** Phải Đại cát rồi mới Vô cửu. Cái khó xử của vị đại thần này là tuy tài đức siêu việt, nhưng địa vị lại dưới vị quân vương. Thế là có tài lãnh đạo lại không ở ngôi lãnh đạo. Vì thế *Tượng viết:* **Đại cát vô cửu. Vị bất đáng dã.**

**Hào Cửu tứ** quẻ **Tụ** cũng tương tự như **Hào Cửu tứ** quẻ **Tùy**, Dịch kinh luôn khuyên những trọng thần phải bắt chước Châu Công, Y Doãn, chứ đừng theo thói Đồng Trác, Tào Tháo.

### 5. **Hào Cửu ngũ.**

九五. 萃有位. 無咎. 匪孚. 元永貞. 悔亡.

象曰. 萃有位. 志未光也.

Cửu ngũ.

**Tụ hữu vị. Vô cửu. Phỉ phu. Nguyên vĩnh trinh. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Tụ hữu vị. Chí vị quang dã.**

**Dịch.**

*Tụ dân mà có vị ngôi,  
Mới mong tránh được đơ sai, lỗi lầm.  
Ví như dân chưa tin lòng,  
Thì mình càng phải ra công tu trì,  
Sao cho đáng mặt trị vì,  
Tác lòng mình chính, chẳng hề đơ sai.  
Hay sao hay mãi mới hay,  
Rồi ra sẽ chẳng còn ai phàn nàn.  
**Tượng rằng:** Tụ dân đã có vị ngôi,  
Thế mà còn có những người chưa tin.  
Nếu người tin chẳng trọn niềm,  
Chí mình chưa được vẹn tuyền quang minh.*

**Hào Cửu ngũ** là bậc quân vương, ở ngôi vị lãnh đạo. **Đức thịnh, Vị tôn**, tất nhiên mọi người sẽ qui phục (**Tụy hữu vị. Vô cửu**). Nếu còn có người chưa phục, thì mình hãy chau dồi đức độ của đấng quân vương, hãy theo đúng đường lối của đấng quân vương, hãy thực thi ba tôn chỉ: **Nguyên, Vĩnh, Trinh**

- **Nguyên** là vị quân chủ có đức độ, tài ba
- **Vĩnh** là phải mưu đồ những công trình trường cửu cho dân.
- **Trinh** là thực thi chánh đạo.

Được như vậy, khỏi cần hối hận, phàn nàn (**Nguyên vĩnh trinh. Hối vong**). Tượng Truyện bình rằng: **Tuy mình có ngôi vị, nhưng ý chí, đức độ mình chưa lan tỏa khắp nơi, nên người chưa tin.**

*Tượng viết:* **Tụy hữu vị. Chí vị quang dã.** Đòi vua Thuấn, có giặc Miêu không chịu thần phục, vua bèn truyền quảng thi văn đức, lại cho múa ca vũ hai bên sân rồng. Bảy tuần sau rợ Miêu qui phục. (Kinh Thư, Đại Vũ)

## 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 齋咨涕洟 , 無咎 .

象曰 . 齋咨涕洟 . 未安上也 .

*Thượng Lục.*

**Tề tư thế di. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Tề tư thế di. Vị an thượng dã.**

**Dịch.**

*Thở than xùi xụt, vắn dài,*

*Thôi đừng tính chuyện trách người làm chi.*

**Tượng rằng:** *Xùi xụt, thở than,*

*Vì sao mà chẳng được an, được lành.*

**Hào Thượng Lục:** Người trên mà không có tư cách, sẽ không qui tụ được người. Vì thế nên mới phải khóc lóc, than van. Sở dĩ Thượng Cửu phải than khóc như vậy là vì ở ngôi trên, mà chẳng được yên. *Tượng viết:* **Tề tư thế di. Vị an thượng dã.** Đầu đời nhà Đông Hán, giặc Xích Mi tôn Bồn Tử lên làm vua. Bồn Tử tuy là giòng tôn thất, nhưng mới 15 tuổi, lại đang đi chăn dê, nên chẳng hiểu gì quốc chính, được bá quan mang về tung hô vạn tuế, nhưng cũng chẳng biết cai trị ra sao. Làm vua chưa được 1 năm, thiên hạ càng ngày càng loạn, trong cung cấm cũng đói khát thiếu thốn. Bồn Tử ngày đêm khóc lóc, sau lại đem ngọc ấn trao trả các quan, để xin về làng lánh nạn. Các quan không chịu, ép phải tiếp tục làm vua. Sau này, vua Quang Võ đem quân về đánh dẹp, Bồn Tử và các quan thấy thế đánh không lại bèn xin hàng. Quang Võ thuận cho, và cũng không nỡ giết, lại còn phong vương tước cho Bồn Tử. Thật đúng là có vị ngôi, mà chẳng có tài đức, thời cũng chẳng nên cơm cháo gì.



## ÁP DỤNG QUÊ TỤY VÀO THỜI ĐẠI

Muốn **lập nước, lập đảng**, ta phải có chủ thuyết chính đáng, phải có tài ba, đức độ, đường lối rõ rệt, và biết mưu đồ lợi ích trường cửu cho dân.

\*Muốn tụ hợp một số người, để **phản đối chính quyền hay chủ nhân**, hoặc cấp lãnh đạo của họ, mà nay ta gọi là **biểu tình**, thì ta phải có lý do chính đáng; người cầm đầu phải là người có uy tín, có nhiệt tâm, và là người được nhiều người tin cậy. Hành động luôn phải ôn hoà, thì sự thành công có phần dễ dàng hơn.

\***Thấp hơn nữa là muốn gây dựng một xí nghiệp**, chẳng những ta phải **thành thạo về ngành chuyên môn** của xí nghiệp, mà còn phải rành về cách quản trị xí nghiệp nữa.

\*Phải là người trọng tín nghĩa, có thành tín, chứ không thể gặp ai cũng hứa hẹn đủ điều, rồi sau lại phủ tay rũ sạch. Có tín nghĩa, thành tín thì thiên hạ mới có thể tin cậy mình mà góp công, góp của, hợp tác với mình được.

\***Phải biết xã giao giỏi, biết nhún nhường**, tuy biết mình giỏi nhưng không kiêu ngạo, **đề đối nội thì thu phục được nhân tâm**, khiến nhân viên dưới quyền mình sẽ hết lòng tận tụy hy sinh, chuyên cần trong mọi công việc với mình; như vậy sẽ có nhiều nhân tài đến giúp mình. **Khi đã phát đạt**, thì phải biết trọng thưởng, hậu đãi cho những người đã có công, đã góp sức và cộng tác với mình, chứ không nên vắt chanh bỏ vỏ, họ chưa già đã bắt về hưu non, để tuyển người mới, giá lương sẽ thấp hơn. Như vậy, không hợp thiên lý, khó vững bền.

**Đối ngoại**, giỏi mà nhún nhường, không kiêu ngạo, sẽ nhiều bạn, ít thù, và khi cần khuếch trương lớn, sự mời mọc người góp công, góp của, sẽ thành công dễ dàng hơn nhiều. Do vậy mà người Trung Hoa, một dân tộc nổi tiếng về thương mại, thường khi người cha là chủ 1 xí nghiệp lớn, nếu muốn truyền lại cho con, thường bắt người con phải chịu cực khổ, làm công việc từ dưới đi lên, để mai sau người con sẽ thành thạo mọi công chuyện, và để giảm bớt tính kiêu ngạo của loài người; và **thành tín là bài học đầu của họ**.

### 46. 地風升 ĐỊA PHONG THĂNG



#### Thăng Tụy Quái

Tụy giả tụ dã.

Tụy nhi thượng giả vị chi thăng.

Cố thụ chi dĩ thăng.

升序卦

萃者聚也

聚而上者謂之升

故受之以升

#### Thăng Tụy Quái

*Tụy là tụ tập tương liên kim bằng,*

*Tụy mà thượng tiến là Thăng,*

*Cho nên Thăng mới theo chân tiếp vào.*

Sau quẻ Tụy là quẻ Thăng. Sao gọi là Thăng? Tự quái cho rằng: Cái gì mà chồng chất sẽ hóa nên cao dân. Vì thế sau quẻ Tụy là quẻ Thăng. **Xét theo thể quẻ**, thì quẻ Thăng, trên có quẻ Khôn là Đất, dưới có quẻ Tốn là cây. Cây mọc từ đất vươn dần lên cao, vì thế nên gọi là Thăng. Toàn quẻ Thăng bàn về sự tiến bước của một hiền thần, leo dần các cấp bậc công danh, để mà tiến mãi lên ngôi cao. Thăng hàm ngụ ý nghĩa **cố gắng vươn lên**.

## I. Thoán.

*Thoán từ.*

升 . 元 亨 . 用 見 大 人 . 勿 恤 . 南 征 吉 .

*Thoán từ:*

**Thăng. Nguyên hanh. Dụng kiến đại nhân. Vật tuất. Nam chinh cát.**

**Dịch.**

*Thăng là tiến mãi, tiến lên.*

*Tiến trình thanh thân, chu tuyền hanh thông.*

*Được người tài đức giúp công,*

*Thời thôi khỏi phải nhọc lòng âu lo.*

*Tiến lên, đừng có chần chờ,*

*Rời ra mọi sự êm ru, tốt lành.*

**Thoán từ:** Thăng là thăng tiến, mà đã thăng tiến tất nhiên sẽ hanh thông (**Thăng. Nguyên hanh**). Muốn tiến lên cần có người trên phù trợ. Được như vậy, sẽ không còn phải lo lắng (**Dụng kiến đại nhân. Vật tuất**). Cố gắng tiến về phía quang minh, tiến tới một tiền trình cao đại, thời hay, thời tốt biết mấy mươi.

Nam là phía của ánh sáng, của văn minh, nên người Trung Hoa vốn trọng phía Nam. Vua chúa xưa thường quay về phía nam mà trị dân, ý muốn nói trị dân để đưa dân tới quang minh, thịnh trị (**Nam chinh cát**).

*Thoán Truyện. Thoán viết:*

象曰 . 柔 以 時 升 . 巽 而 順 . 剛 中 而 應 . 是 以 大 亨 . 用 見 大 人 . 勿 恤 . 有 慶 也 . 南 征 吉 . 志 行 也 .

**Nhu dĩ thời thăng. Tốn nhi thuận. Cương trung nhi ứng. Thị dĩ đại hanh. Dụng kiến đại nhân. Vật tuất. Hữu khánh dã. Nam chinh cát. Chí hành dã.**

**Dịch.**

*Thoán rằng: Nhu tiến theo thời,*

*Khiêm cung, thuận thảo, thêm tài, thêm hay.*

*Dưới hay, trên lại liên tài,*

*Cho nên mọi sự êm xuôi, vẹn toàn.*

*Dùng người tài đức, mới ngoan,*

*Rời ra phúc khánh, muôn vàn khỏi lo.*

*Tiến lên, đừng có chần chờ,*

*Đổi điều nguyện ước cho ra thành toàn.*

**Thoán Truyện:** Người dưới muốn tiến lên, cần phải có thời cơ thuận tiện (**Nhu dĩ thời thặng**). Ví như có gặp loạn lạc, giặc giã, thì anh hùng, Hào kiệt mới có cơ tiến thân. Có gặp khoa thi, thì các anh tài, dân giả mới có cơ nhìn thấy bề rồng. Muốn tiến lên, cần phải khiêm tốn, quyền biến (**Tôn nhi thuận**), phải có chân tài, chân đức, lại phải có người trên cố cấp (**Cương trung nhi ứng**), có được như vậy thì đường công danh mới thanh thản, dễ dàng (**thị dĩ đại hanh**). Trên con đường tiến thân, mà được cấp trên hỗ trợ, thì khỏi còn lo khó khăn, trở ngại và sẽ được phúc khánh (**Dụng kiến đại nhân. Vật tuất hữu khánh dã**).

Như vậy sẽ thỏa chí tang bồng, vì đường mây đã rộng mở, công danh kia như đã đón chờ ai (**Nam chinh cát. Chí hành dã**). Mới hay ở đời *hữu chí cánh thành*, và *miếng đỉnh chung trời chẳng riêng ai*.

Đọc lịch sử, ta thấy biết bao hàn sĩ trở thành danh nhân, biết bao anh hùng đã xuất thân từ hang cùng, ngõ hẻm.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 地中生木. 升. 君子以順德. 積小以高大.

*Tượng viết:*

**Địa trung sinh mộc. Thăng. Quân tử dĩ thuận đức. Tích tiểu dĩ cao đại.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Cây từ lòng đất vươn lên,  
Hiện nhân, quân tử hãy nên theo đời.  
Theo đường nhân đức hôm mai,  
Điều lành tuy nhỏ, tích hoài hóa to.  
Chất chiu kẽ tóc, chân tơ,  
Vinh quang cao đại, đón chờ tương lai.*

Cây mọc từ đất vươn mãi lên cao, chứng tỏ muôn vật đều hàm tàng khả năng tiến triển. Người quân tử cũng phải tuân theo định luật ấy của trời đất (**Quân tử dĩ thuận đức**), sẽ cố đi từ chỗ nhỏ, đến lớn, sức tích điều nhỏ nhặt để dần dần đi đến chỗ cao đại (**Tích tiểu dĩ cao đại**). Đó là một định luật nhân sinh phổ quát, mà Nho, Phật, Lão luôn luôn đề cao.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六. 允升. 大吉.

象曰. 允升大吉. 上合志也.

*Sơ Lục.*

**Doãn thăng. Đại cát.**

*Tượng viết:*

**Doãn thăng đại cát. Thượng hợp chí dã.**

## Dịch.

Tiến lên mà được người tin,  
Thế thời tốt đẹp, chu tuyền biết bao.  
**Tượng rằng:** Tiến lên mà được người tin,  
Thế thời tốt đẹp, chu tuyền biết bao.  
Tiến mà được vậy, hay sao.  
Thế là ý hiệp, tâm đầu dưới trên.

### Hào Sơ Lục. Trình tử giải chữ Doãn là tin theo

Ngự Án (Vua Khang Hi) giải chữ Doãn là được người trên tin mình. Tin theo người trên mà tiến lên, chưa hẳn là đại cát.

Lưu Cẩn và Đại Dụng, muốn tâng công với vua Chánh Đức, để được vua tin dùng, bèn đi thuê một người nhà quê là Trình Bảo đem vào huê viên của vua, để giả làm thích khách. Lưu Cẩn và Đại Dụng nói đó là một màn kịch, nếu Trình Bảo đóng xong sẽ trọng thưởng. Trình Bảo tin thật. Sáng sớm giả làm thích khách, cầm gươm xông vào giết vua. Cốc Đại Dụng và Lưu Cẩn xông vào cứu giá. Trình Bảo trá bại, Lưu Cẩn dượt theo. Trình Bảo hỏi: **Trốn đâu?** Lưu Cẩn bảo: **Xuống giếng.** Trình Bảo trốn xuống giếng, bị Lưu Cẩn chém bay đầu... Như vậy tin người trên, chưa hẳn là **Đại cát**. Cho nên, nơi đây tôi (tác giả) giải theo Ngự Án, là trên con đường tiến thủ, mà được người trên tin yêu mình, sẽ được đại cát. Khảo lịch sử các triều đại, ta thấy có nhiều người vì được cấp trên tin dùng mà đã chóng được cất nhắc. Tượng Truyện giải: **Doãn thẳng** là dưới trên ý hợp tâm đầu.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 孚乃利用 . 無咎 .

象曰 . 九二之孚 . 有喜也 .

*Cửu nhị.*

**Phu nãi lợi dụng thục. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Cửu nhị chi phu. Hữu hĩ dã.**

## Dịch.

Một lòng thành khẩn, chí trung,  
Dầu cho lễ bạc, cũng không quản gì.  
Lòng thành, lễ bạc, lỗi chi.  
**Tượng rằng:** Cửu nhị chí trung,  
Đó là một sự đáng mừng, đáng vui.

**Hào Cửu nhị:** đây tượng trưng cho một vị công thần. Công thần cốt có lòng trung thành với quân vương (**Phu**) còn những hình thức bên ngoài có đơn sơ, cũng không lỗi gì (**Lợi dụng thục. Vô cửu**).

Tổng Thái Tổ xưa, phàm trào chính có việc chi quan hệ, lúc đương triều chưa quyết định được, thì ban đêm bắt luận khuya sớm, thường mặc đồ tiểu phục, đến dinh các vị công thần mà đàm luận. Một ngày kia, nhằm ngày mồng một tháng giêng năm Càn Đức nguyên niên, Vua đội sương tuyết đến nhà Triệu Phổ, lúc canh ba. Triệu Phổ rước vào, sai gia nhân luộc thịt, rồi đem rượu bạch cúc ra hâm, dọn ra rất đơn sơ, rồi lại xin phép cho vợ ra rót rượu. Vua nói cùng Triệu Phổ rằng: Chỗ này chẳng nên kể việc quân thần, phải đãi nhau như tình huynh đệ mà thôi (Phi Long, trang 639). Đó là **Phu nữ lợi dụng thực. Vô cữu.**

*Tiểu Tượng bình rằng:* Công thần mà trung nghĩa là điều đáng mừng vậy. *Tượng viết:* **Cửu nhị chi phu. Hữu hỉ dã.** Khâu Kiến An bình rằng: Tuy Hào Cửu nhị không nói đến chuyện **Thăng**, nhưng khi mà trên dưới đã tin lòng nhau, thì chẳng những là không lỗi gì, mà ắt còn có cái mừng vinh thăng nữa.

### 3. Hào Cửu tam.

九三 . 升虛邑 .

象曰 . 升虛邑 . 無所疑也 .

*Cửu tam.*

**Thăng hư ấp.**

*Tượng viết:*

**Thăng hư ấp. Vô sở nghi dã.**

**Dịch.**

*Tiến lên thanh thả, dễ dàng,*

*Y như vào ấp, vào làng bỏ không.*

**Hào Cửu tam:** Đối với một người tài trí thông minh thao lược (Cửu tam là Dương Hào), chính đỉnh (Dương Hào cư Dương vị), từ tổn (Cửu tam thuộc quẻ Tổn), vừa lòng cấp trên (ba Hào trên thuộc Khôn là thuận), được cấp trên nâng đỡ (ứng với Thượng Lục)., thời sự thăng tiến cũng dễ dàng như đi vào làng trống vậy (**thăng hư ấp**). Sở dĩ như vậy, là vì người trên không nghi kỵ mình. *Tượng viết:* **Thăng hư ấp. Vô sở nghi dã.**

### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 王用亨于岐山 . 吉 . 無咎 .

象曰 . 王用亨于岐山 . 順事也 .

*Lục tứ.*

**Vương dụng hạnh vu Kỳ Sơn. Cát. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Vương dụng hạnh vu kỳ Sơn. Thuận sự dã.**

**Dịch.**

*Khéo khôn, khéo xử ở đời,*

*Văn vương hưng vượng ở nơi núi Kỳ.*

*Đã hay, còn khỏi tiếng chê.*

**Tượng rằng:** Khéo khuôn, khéo xử ở đời,  
Văn vương hưng vượng ở nơi núi Kỳ,  
Thế là thuận sự, thuận thì.

**Hào Lục tứ:** Các nhà bình giải cắt nghĩa Hào này mỗi người một lối, duyên do là tại chữ **hanh**

- Trình tử đọc **hanh** là **hanh**, và giải là **hanh thông**.

- Chu Hi đọc **hanh** là **hưởng**, và giải là **tế tự thần minh**, phải dùng tâm thành, phải tập trung tinh thần mới cảm thông với thần minh được.

Trình tử giải Hào này đại khái như sau: Lục tứ là một trọng thần kế cận quân vương, chỉ nên giúp cho Vua, một ngày một trở nên tài đức, giúp cho hiền sĩ ở dưới được thăng tiến, còn mình đừng có mong tiến chức nữa. Bởi mong tiến nữa, sẽ bị nghi là bức tiếm quyền của quân vương. Văn Vương đã theo đường lối này khi ở Kỳ Sơn, và nhờ đường lối này mà đã làm mọi sự trở nên thông suốt, đẹp đẽ, tốt lành (**Vương dụng hanh vu Kỳ Sơn. Cát. Vô cửu**).

Trình tử giải **Dụng hanh** là **Dụng thử nhi hanh**. Như vậy trọng thần giúp cho vua tiến lên, cho người hiền sĩ ở dưới tiến lên về chức vị, còn mình tuy không tiến thêm về chức, nhưng tiến thêm về đạo đức. Trình tử sở dĩ giải Hào này như vậy, chắc là vì thấy trong lịch sử có nhiều trọng thần đã lẫm bức quyền vua.

Đọc Tam Quốc, ta thấy Tư Mã Sư mỗi khi vào triều đều đeo gươm lên điện, và vua Ngụy là Tào Phương mỗi khi thấy Tư Mã Sư vào triều thì run bần bật như người bị kim châm sau lưng, có khi còn bước xuống khỏi ngai rồng đón tiếp. Khi các quan tâu trình mọi việc, Tư Mã Sư tự ý quyết đoán không hỏi qua ý vua một câu. Xong rồi Sư ra về, ngang nhiên bước xuống thềm điện, lên xe ra khỏi nội cung, tiền hô hậu ủng có tới vài ngàn người ngựa... (Tam Quốc Chí Từ Vi Lang dịch trang 1921).

-Wilhelm giải đại khái rằng: vua Văn Vương đã giới thiệu những công thần của vua với thần núi Kỳ Sơn, và đã cho họ được dự khói hương nơi Thái Miếu, bên cạnh vua. Như vậy là công thần thăng tiến, đến mức độ cao nhất rồi, tiếng tăm lẫy lừng trước mặt cả thần minh, lẫn người, và đã lưu danh hậu thế. Giải như Wilhelm cũng có cái hay, vì thực ra các vua chúa xưa cũng thường hay vẽ hình các công thần để lưu lại hậu thế.

-Quang Võ nhà Hán, cho vẽ hình 28 tướng tá đã giúp vua hưng nghiệp, ở cung Vân Đài.

-Càn Đức nhà Đường, cho vẽ hình các công thần treo ở Lăng Yên Các.

-Triết Tông nhà Tống, vẽ hình 39 tướng tài có công dẹp Anh Hùng Lương Sơn Bạc, và treo ở Lầu Huy An.v.v...

. *Tượng viết:* **Vương dụng hanh vu Kỳ Sơn. Thuận sự dã**. Trình tử giải rằng: Đường lối mà vua Văn Vương đã áp dụng khi ở Kỳ Sơn đó là thuận thời, thuận đức mà cư xử vậy.

## 5. Hào Lục ngũ.

六五.貞吉.升階.

象曰.貞吉升階.大得志也.

Lục ngũ.

**Trình cát. Thăng giai.**

*Tượng viết:*

**Trình cát thăng giai. Đại đắc chí dã.**

**Dịch.**

*Bền lòng, vững chí, mới hay,  
Thêm đời nhẹ bước, một ngày một lên.*

**Tượng rằng:**

*Bền lòng, vững chí mới hay,  
Thêm đời nhẹ bước, niềm tây phí nguyên.*

**Hào Lục ngũ:** Trình tử giải rằng: Quân vương mà biết bền lòng tín dụng hiền tài, thời sẽ tốt đẹp, sẽ có cơ tiên phát mãi, như người có bậc, có thêm đá bước lên.

*Tượng viết:* **Trình cát thăng giai. Đại đắc chí dã.** Trình tử giải rằng: Nếu biết bền lòng, vững chí ủy nhiệm hiền tài, để tuân tự tiến lên, thì có thể đi đến chỗ thiên hạ đại trị. Thế là đại đắc chí vậy.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六.冥升.利于不息之贞.

象曰.冥升在上.消不富也.

*Thượng Lục.*

**Minh thăng. Lợi vu bất tức chi trinh.**

*Tượng viết:*

**Minh thăng tại thượng. Tiêu bất phú dã.**

**Dịch:**

*Cực cao, nhắm mắt tiến bừa,  
Ám hôn, chẳng có tri cơ chút nào.*

**Tượng rằng:**

*Tiến nhân, tiến đức, chẳng sao,  
Chính, minh, thượng tiến, thì nào hại chi.*

**Hào Thượng Lục:** Đã tiến đến cùng, mà còn muốn tiến nữa, tức là tiến mù quáng (**Minh thăng**). Vậy nên đổi cái lòng vụ lợi, tham cầu không ngại ấy ra lòng ưa chuộng tiến đức, tiến đạo thì mới hay (**Lợi vu bất tức chi trinh**).

Tiểu Tượng cho rằng: Thượng Lục sở dĩ tiến một cách mù quáng, vì không biết lẽ tiêu tức của trời đất. Tiến cực dĩ nhiên sẽ tiêu, mà đã tiêu thì làm sao mà giàu có được. *Tượng viết:* **Minh thăng tại thượng. Tiêu bất phú dã.**

## ÁP DỤNG QUẺ THĂNG VÀO THỜI ĐẠI



Sống trên đời, luôn phải cố gắng vươn lên. Khi còn trẻ, phải vươn lên về phía công danh, lợi lộc. Lúc ấy, nên có người trên phù trợ. Nhưng tất cả phải chính đáng, ngay thẳng. Khi tóc đã hoa râm, thì phải dùng nửa đời sau, để tiến về tinh hoa, đạo đức. Làm sao để được như 2 câu thơ sau:

*Khi sinh bạn khóc, người cười,  
Sống sao khi chết bạn vui, người sầu.*

-Về công danh, ta phải kiên trì. Người thông minh học 5 năm, ta kém thông minh ta học 10 năm, miễn sao ta có chí ta sẽ bằng người, và ta luôn luôn tự hào về ý chí của ta.

-Về lợi lộc, ý nói về thương mại, ta phải chịu khó, thật thà, ngay thẳng và thành tín, và luôn phải học hỏi kinh nghiệm của người đã làm cùng nghề như mình lâu năm. Chớ tự phụ, kiêu ngạo, tự cho mình là giỏi, là không cần ai chỉ dẫn, thì mới thành công được.

-Về đạo đức, điều này nếu có thể được, cha mẹ nên trau dồi cho con từ khi còn nhỏ, làm lành, nghĩ lành, và xa lánh làm xấu, nghĩ xấu, dù việc đó là điều nhỏ nhặt, như nói dối, tham lam của người.v.v... Vì quen làm điều lành, nghĩ lành, sau đọc sách Thánh hiền, thì sẽ trở thành người đạo đức.

Còn quen làm ác, và gian tham ngay từ nhỏ, mà cha mẹ lại quá nuông chiều con, lại hay viện cớ con còn nhỏ dại nên chưa cần răn dạy ngay, đợi lúc trẻ khôn lớn thì đã quá muộn, chúng không còn nghe lời người trên nữa. Do đó, chúng dễ dàng bị xa ngã, nếu lại giao du với bạn bè xấu thì hậu quả chúng là những tai họa cho xã hội, nếu chúng may mắn mà có công danh chẳng nữa, thì chúng cũng chỉ là những viên chức tham ô, hại dân, hại nước mà thôi. Cổ nhân đã có câu:

*Dạy con từ thuở còn thơ,  
Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.*

Ngày nay, vì quá bận rộn vì công ăn, việc làm, vì sinh kế, nên không còn thời giờ để săn sóc, dạy dỗ con cái cẩn thận, nên biết bao bậc cha mẹ đã quá đau lòng vì con mình hư hỏng đến không thể ngờ, lúc đó đành đổ tại số phận, đành sống trong tủ nhục cho qua ngày.

## 47. 澤水困 TRẠCH THỦY KHỐN



**Khốn Tự Quái**

**困 序 卦**

Thăng nhi bất dĩ tất Khốn.

升 而 不 以 必 困

Cố thụ chi dĩ Khốn.

故 受 之 以 困.

**Khốn Tự Quái**

*Lên cao cao mãi, đành rằng tai ương,  
Cho nên Khốn tả nhiều nhưong...*

Tiếp sau quẻ Thăng, là quẻ Khốn. Tại sao gọi bằng Khốn? Theo **Tự Quái** thì Thăng quá sẽ bị khốn. Chữ Khốn có chữ Mộc nằm trong bộ Vi. Đó là 1 cây bị tù túng không vươn lên được.

Quẻ Khốn trên có Đoài, dưới có Khảm. Nơi quẻ Đoài, thì 1 Hào Âm khuất lấp 2 Hào Dương, nơi quẻ Khảm thì hai Hào Âm chèn ép một Hào Dương ở giữa. Vì thế nên gọi bằng Khốn. **Khốn tức là Quân tử bị tiểu nhân đè nén, khuất lấp.**

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

困 . 亨 . 貞 . 大人吉 . 無咎 . 有言不信 .

**Khốn. Hanh. Trinh. Đại nhân cát. Vô cữu. Hữu ngôn bất tín.**

### Dịch.

*Khốn cùng, nhưng vẫn hanh thông,  
Trung trinh, quân tử khốn cùng vẫn hay.  
Khốn cùng, mà vẫn thắng ngay,  
Tuyệt nhiên không có đơn sai, lỗi lầm.  
Gặp thời diên đảo phong trần.  
Hãy nên kín miệng, nói năng ích gì.*

**Thoán từ:** Khốn là khốn đốn. Khốn đốn trước mắt phàm phu, thời là cùng cực lao lung, nhưng trước mắt Thánh hiền, thì khốn vẫn mang lại sự hanh thông. Thật vậy, thân tuy khốn, nhưng phẩm giá vẫn vẹn toàn. Đạo vẫn cao, đức vẫn trọng, vẫn để được tiếng thơm muôn thuở, đó là trường hợp Nguyễn Tri Phương, Võ Tánh vv...

Khốn mà vẫn Hanh, vì sự khốn khổ là một phương tiện để đào luyện tâm thần một cách hữu hiệu. Mạnh Tử viết: *Hễ trời định phó thác trách nhiệm lớn lao cho người nào, trước hết làm cho người ấy phải khổ não tâm trí, lao nhọc gân cốt, đói khát, cầu bơ cầu bất, nghèo nàn, thiếu hụt trước sau, và làm cho rối loạn diên đảo các cuộc hành vi của người ấy. Như vậy dựng phát động lương tâm của người, kiên nhẫn tính tình của người, và gia tăng tài đức còn khiêm khuyết của người.*

*Thế thường, người ta trước có lầm lỗi, rồi sau mới có thể sửa đổi. Trước có khốn đốn, nơi tâm tư hoạn nghịch mới mưu lược, rồi sau mới hưng thịnh...*(Mạnh Tử Cáo Tử Chương cú hạ, 15). Tuy nhiên, chỉ có người quân tử khi gặp lúc cùng khốn, mới giữ được tròn khí tiết, mới xử sự đường hoàng, không ai chê trách được, còn tiểu nhân ắt là không như vậy. *Thoán Từ nói: Trinh. Đại nhân cát.* Cũng y như *Luận ngữ nói: Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tu lạm hỹ*(Luận Ngữ XV, 1). Lúc cùng khốn, lúc thất thế, mình có nói gì cũng chẳng ai tin mình (**Hữu ngôn bất tín**). Như vậy, thà kín tiếng, xén lời thì hơn.

### *Thoán Truyện.*

#### *Thoán viết:*

象曰 . 困 . 剛掩也 . 險以說 . 困而不失其所 . 亨 . 其唯君子乎 ? 貞大人吉 .  
以剛中也 . 有言不信 . 尚口乃窮也 .

**Khốn. Cương yếm dã. Hiểm nhi duyệt. Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh.**

**Kỳ duy quân tử hồ. Trinh đại nhân cát. Dĩ cương trung dã.**

**Hữu ngôn bất tín. Thượng khẩu nãi cùng dã.**

### Dịch.

*Khốn là cứng bị mềm che,*

Tuy trong gian hiểm, thỏa thuê khác nào.  
Khốn cùng, mà vẫn thanh tao,  
Trừ phi quân tử, nhẽ nào hanh thông.  
Khốn cùng, mà vẫn trinh trung,  
Phải là quân tử, mới mong tốt lành.  
**Gặp thời cùng khốn, điều linh,**  
**Sắt son, trung chính, thể tình mấy ai?**  
Chẳng nên cả tiếng, lảm lời,  
Bạ mồm, có thể họa tai khôn cùng.

**Thoán Truyện** trước hết giải thích chữ **Khốn**, và cho rằng khốn là Dương cương bị khuất lấp. Dương cương là ánh sáng, là người quân tử, cũng y như nói ánh sáng bị che khuất, quân tử bị tiểu nhân đàn áp, bung bít. (**Khốn cương yếm dã**). Gặp hiểm nguy, mà vẫn yên vui, vẫn giữ lòng an bình, thanh thản, thì chỉ có người quân tử mới làm được như vậy (**Hiểm nhi duyệt. Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh. Kỳ duy quân tử hồ**). Đó là trường hợp đức Khổng bị vây 5,7 ngày ở Trần, Thái mà vẫn đàn ca, (Sử ký Tư Mã Thiên, Khổng tử thế gia), hoặc Nhan Hối sống trong ngõ hẹp với 1 giỏ cơm, 1 bầu nước mà vẫn lấy làm ung dung, sung sướng (Luận Ngữ, VI, 9).

Người quân tử, gặp cảnh khốn cùng, vẫn giữ được lòng mình chính, vẫn giữ được lòng sắt son, như vậy mới hay (**Trinh. Đại nhân cát**). Họ tuy gặp cảnh khốn cùng, vẫn là đại nhân. Diogène, sống trong ống cống, với chiếc bát để ăn uống; được vua Alexandre đến thăm, ông xin vua một ân huệ là đứng lui ra, đừng lấp ánh mặt trời của ông.

Gặp nguy hiểm, khốn cùng, có nói cũng chẳng ai tin, nên dẫu có khua múa cũng chỉ chuốc lấy họa hại. Tiết Nhân Quý bị Lý Đạo Tông, là em vua Đường Thái Tông bày mưu hại. Lý Đạo Tông giả chiếu chỉ triệu Tiết Nhân Quý về triều, mời về dinh dự tiệc, chuốc rượu mê cho say, và vu cho rằng định hãm hiếp và cố sát Quận Chúa. Đường Thái Tông nổi giận đòi chém, mà có đợi cho Tiết Nhân Quý biện bạch được lời nào đâu.

## II. Đại Tượng Truyện

象曰 .澤無水 .困 .君子以致命遂志 .

*Tượng viết:*

Trạch vô thủy. Khốn. Quân tử dĩ trí mệnh toại chí.

**Dịch. Tượng viết:**

*Khốn là nước rút khỏi chằm,*

*Khốn cùng, quân tử xả thân vẹn nghi.*

Hồ mà không có nước, thì cá lấy đâu mà sống, người lấy nước đâu mà dùng nên ắt khốn. Người quân tử suy ra rằng, lúc cùng khốn phải biết coi thường sinh mạng, để bảo tồn đạo nghĩa (**Quân tử dĩ trí mệnh toại chí**). Trình tử cho rằng: **Gặp nguy mà biết đó là Mệnh Trời, thời sẽ bình tĩnh tự thủ, không đến nỗi xao xuyên tâm thần, còn không thời sẽ mất tinh thần, và sẽ mắc kẹt trong tai ách**. Giải như vậy cũng hay.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 臀困于株木 . 入于幽谷 . 三歲不 .

象曰 . 入于幽谷 . 幽不明也 .

*Sơ Lục.*

**Đồn khôn vu chu mộc. Nhập vu u cốc. Tam tuế bất địch.**

*Tượng viết:*

**Nhập vu u cốc. U bất minh dã.**

**Dịch.**

*Mông trần, gốc trụ ngồi nhằm,*

*Vào trong hang tối ba năm thấy gì?*

**Tượng rằng:** *Hang tối đi vào,*

*Thế là dốt nát, chứ nào thông minh.*

**Hào Sơ Lục** tượng trưng một người mắc khôn, mới đầu không hiểu vì đâu mà có tai bay, vạ gió như vậy, thực là như ngồi phải chông, phải cọc (**Đồn khôn vu chu mộc**), như lạc vào hang sâu (**Nhập vu u cốc**), đến 3 năm, mà cũng chẳng thấy được nẻo ra, chẳng thấy được người cứu (**Tam tuế bất địch**). Đó là trường hợp Tiết Nhân Quý bị Lý đạo Tông hãm hại như đã nói trên, và phải giam cầm nơi thiên lao 3 năm tròn. (**Nhập vu u cốc**). Nhiều khi mình mắc hoạ hoạn, chính là vì mình không sáng suốt (**U bất minh dã**).

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 困于酒食 . 朱紱方來 . 利用亨祀 . 征凶 . 無咎 .

象曰 . 困于酒食 . 中有慶也

*Cửu nhị:*

**Khôn vu tửu thực. Chu phát phương lai. Lợi dụng hưởng tự. Chinh hung. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Khôn vu tửu thực. Trung hữu khánh dã.**

**Dịch.**

*Ngoài tuy ăn uống, rượu chè,*

*Nhưng mà lòng vẫn ủ ê, buồn phiền.*

*Rời ra vua sẽ lưu liên,*

*Rời ra tất đồ có phen gặp mình,*

*Lòng thành cảm động thân mình,*

*Nhưng đừng vội vã tiến hành việc chi.*

*Vội làm hung họa có khi,*

*Mình làm, mình chịu, kêu gì được ai.*

**Tượng rằng:**

*Rượu chè, mà vẫn khôn nản,*

*Một lòng trung liệt, chứa chan phước lành.*

**Hào Cửu nhị** tượng trưng là 1 bậc công thần, tuy bên ngoài vẫn sống trong nhung lụa, vẫn ăn sung, mặc sướng, nhưng không vì thế mà vui được, trái lại nhiều khi vẫn buồn khổ (**Khôn vu tử thực**). Buồn khổ, có khi vì vận nước điều linh, nhân dân đồ thán, có khi vì thù nhà chưa báo. Những người như vậy, rồi ra sẽ được quân vương cố cập (**Chu phát phương lai**). (Chu phát là mảnh vải điều bao đầu gối của vua chúa). Trong khi chờ đợi, hãy tâm thành van vái thần minh (**Lợi dụng hưởng tự**). Nếu vội vàng hành động, sẽ mang họa và không đổ lỗi cho ai được (**Chinh hung vô cứu**). Ví như Ngũ Tử Tư đầu là mưu thần của Hạp Lư, nhưng bao lâu chưa đem quân về phá Sở được, để báo thù cho cha là Ngũ Xa, thì lòng vẫn rầu rĩ, khôn khuây. Thế là **Khôn vu tử thực**. Sau này, Hạp Lư cũng phải chiều ý, mà cất quân đánh Sở, giúp cho Ngũ Tử Tư báo thù. Thế là **Chu phát phương lai**. Tuy nhiên, từ lúc lập chí báo thù, cho đến khi thực hiện được chí hướng ấy, cần 1 thời gian dài, nếu làm vội vã sẽ thất bại. Thế là **Vãng hung vô cứu**.

*Tượng Truyện bình rằng:* Cơm rượu ê hề, mà vẫn thấy lòng đau đớn, những người có lòng thành như vậy sẽ cảm động được đất trời, nên rồi ra cũng sẽ được phúc khánh (**Khôn vu tử thực. Trung hữu khánh dã**).

**3. Hào Lục tam.**

六三 . 困于石 . 據于蒺藜 . 入于其宮 . 不見其妻 . 凶 .

象曰 . 據于蒺藜 . 乘剛也 . 入于其宮 . 不見其妻 . 不祥也 .

*Lục tam.*

**Khôn vu thạch. Cứ vu tật lê. Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thê. Hung.**

*Tượng viết:*

**Cứ vu tật lê. Thừa cương dã. Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thê.**

**Bất tường dã.**

**Dịch.**

*Những là vấp đá, chạm gai,*

*Khôn sao khôn khổ, toi bời tâm thân.*

*Về nhà thời vợ biệt tằm,*

*Tứ bề quạnh quẽ, thập phần hung tai.*

**Tượng rằng:** *Dựa phải bụi gai,*

*Mình nhu, mà dám cười chòi trên cương,*

*Về nhà vợ biệt hà phương,*

*Thế là gặp chuyện bất tường còn chi.*

**Hào Lục tam** tượng trưng một người Âm nhu chi tài, lại bất trung, bất chính. Gặp lúc cùng khôn, đã không có tài, mà lại làm liều, thì làm sao thoát nạn. Muốn tiến lên, thì Cửu tứ, Cửu ngũ

như đá ngăn trước mặt (**Khôn vu thạch**). Muốn lùi, mà sau có Cửu nhị, như gai đâm sau lưng (**Cứ vu tật lê**), lại trên không ứng với Thượng Lục, có khác nào người gặp nguy khôn đã tiến thoái, lưỡng nan; mà tìm về nhà thì vợ đã biệt tăm tích (**Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thể**), như vậy thì dĩ nhiên là hung họa rồi. Tượng Truyện bình rằng: Phạm Nhu mà cưới lên Cương, phạm những người bất tài, bất tướng mà chèo đèo, đòi ăn trên, ngồi chốc người anh tài, thế là dựa vào gai, đập vào gai vậy (**Cứ vu tật lê. Thừa cương dã**). Thân đã bất an, mà còn đập gai, đập góc, thế là bất tường vậy, y như về nhà mà không thấy vợ (**Nhập vu kỳ cung. bất kiến kỳ thể. Bất tường dã**).

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 來徐徐 . 困于金車 . 吝 . 有終 .

象曰 . 來徐徐 . 志在下也 . 雖不當位 . 有與也 .

*Cửu tứ.*

Lai từ từ. Khôn vu kim xa. Lận. Hữu chung.

*Tượng viết:*

Lai từ từ. Chí tại hạ dã. Tuy bất đáng vị. Hữu dữ dã.

**Dịch.**

*Tới nhưng chậm chạp, dùng dằng.  
Muốn đi, khôn nổi xe ngăn mát đường.  
Tuy là đáng phải phàn nàn,  
Cuối cùng âu cũng sẽ làm nên công.*

**Tượng rằng:**

*Tới nhưng chậm chạp, dùng dằng,  
Xót tình kẻ dưới, dạ hằng vẫn vương.  
Tuy là ngôi vị dở dang,  
Nhưng mà vẫn kẻ lo toan cùng mình.*

**Hào Cửu tứ:** Nhiều khi thấy những người chân tay mình mắc nản, mà muốn giúp cũng khó lòng, phải tuân tự nhi tiên (**Lai từ từ**), phải tránh né cho khỏi vấp vấp sự chống đối của đối phương (**Khôn vu kim xa**), tuy làm vậy cũng đáng hổ người, nhưng không đáng trách (**Lận. Hữu chung**). Cửu tứ muốn cứu Sơ Lục, mà phải đi chậm chạp (**Lai từ từ**). **Khôn vu kim xa** là bị Cửu nhị như chiếc xe sắt cản trở.

Y như bè bạn Tiết Nhân Quý, có Trình Giáo Kim, Uất Trì Cung, Từ Mậu Công từng làm quan lớn trong triều, mà muốn cứu Tiết Nhân Quý khỏi tội, khỏi bị hại cũng mất mấy năm trời.

*Tượng Truyện bình rằng:* Tuy là hoạt động chậm chạp, nhưng mà ý chí vẫn gỏi gắm nơi người dưới (**Lai từ từ. Chí tại hạ dã**). Tuy rằng ngôi vị không được chính đáng, nhưng sau cùng cũng vẫn tới được mà cứu vớt được Sơ (**Tuy bất đáng vị. Hữu dữ dã**).

#### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 剿剛 . 困于赤紱 . 乃徐有說 . 利用祭祀 .



象曰。 剗別。志未得也。乃徐有說。以中直也。

利用祭祀。受福也。

*Cửu ngũ.*

**Tị nguyệt. Khốn vu xích phát. Nãi từ hữu duyệt. Lợi dụng tế tự.**

*Tượng viết:*

**Tị nguyệt. Chí vị đắc dã. Nãi từ hữu duyệt. Dĩ trung trực dã.**

**Lợi dụng tế tự. Thụ phúc dã.**

**Dịch.**

*Ra uy cắt mũi, chặt chân.*

*Quân thân xui khiến, ra thân khốn nàn.*

*Từ từ, lòng sẽ rảnh rang,*

*Hãy nên tế lễ, vái van ơn trời.*

**Tượng rằng:**

*Ra uy cắt mũi, chặt chân.*

*Ý nguyện chưa được thập phần thỏa thuê.*

*Từ từ âu sẽ đẹp bề,*

*Một niềm trung trực, lo gì chẳng hay.*

*Tế thân sẽ được phúc dày,*

*Chân thành cầu đảo, tràn đầy ơn trên.*

**Hào Cửu ngũ:** có nhiều cách bình giải:

Trình tử giải đại khái rằng: Bậc quân vương mà bị khốn, là vì trên, dưới đều bỏ mình (**Tị nguyệt**: Tị là bị thương ở mũi, ở trên: Nguyệt là bị thương ở chân, ở dưới; trên dưới đều bị thương. Bậc quân vương mà bị khốn là vì thiên hạ bỏ mình (**Khốn vu xích phát**). Tuy nhiên Cửu ngũ đồng đức với cửu nhị, rồi ra sẽ được Cửu nhị cứu khốn phò nguy. Phàm Quân vương bị khốn, phải lo cầu hiền tài, với tất cả lòng thành như là tế tự thần minh vậy, âu sẽ gặp may lành (**Nãi từ hữu duyệt. Lợi dụng tế tự**)

Lai Trí Đức giải đại khái như sau:

**Tị nguyệt** là vua bị khốn.

**Khốn vu xích phát** là tôi bị khốn.

**Nãi từ hữu duyệt** là rồi ra cũng sẽ thoát nạn.

**Lợi dụng tế tự** là thành khẩn cầu xin sẽ được phúc.

Dưới đây xin dẫn sự tích lịch sử, để giúp ta hiểu rõ Hào này: Vua Tống Thái Tổ đi chinh phạt Nam Đường, bị yêu đạo Dư Hồng vây khốn tại thành Thọ Châu, bị bắt mất 12 tướng, lại gần hết lương thực. Vua rung rung nước mắt mà than rằng: Binh tướng bị vây, vua rầu, tôi nhục, uổng công xây dựng 18 năm trời, lại nỗi mẹ già buồn bực đêm ngày, 80 tuổi trông con dựa cửa. Nói tới đó, cảm lòng không đậu, lụy ngọc chan hòa. Miêu Quang Vũ và bá quan xúm nhau lại khuyên giải. Miêu Quang Vũ khuyên vua nên đặt hương án, cầu trời, khẩn phật, họa may trời phật sai thần tiên xuống trừ nó mới xong. Đêm ấy vua tôi ăn chay, tắm gội, mặc đồ mới, đồng quì trước



hương án mà cầu trời...Hứa nếu thoát nạn, khi về nước rồi, sẽ giảm thuế, tha tù, làm phúc mà chuộc tội. Rạng sáng, trời sai Phi thử đem tha vào kho cho vua ba mươi vạn học lúa, và mấy ngày sau Hoàng Thạch Công sai Trịnh Ân xuống phá vòng vây để đi cầu viện cho vua.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六.困于葛.于.曰動悔.有悔.征吉.

象曰.困于葛.未當也.動悔.有悔.吉行也.

*Thượng Lục.*

**Khôn vu cát lữ. Vu nghiệt ngọt. Viết động hối. Hữu hối . Chinh cát.**

*Tượng viết:*

**Khôn vu cát lữ. Vị đáng dã. Động hối hữu hối. Cát hành dã.**

**Dịch.**

*Sấn bìm quẩn quít, nhiều nhưong,  
Khó bề đỡ dỏi, nên vương khốn nàn.  
Khốn nàn mà biết lo toan,  
Lỗi làm mà biết phàn nàn thời hay.*

**Tượng rằng:**

*Sấn bìm quẩn quít, vắn vương,  
Hãy còn khốn đốn, chưa đường thoát ra.  
Tránh điều ân hận, phiền hà.  
Liệu cơ thoát khốn, mới là mắn may.*

**Hào Thượng Lục:** Lúc này, là thời khốn đã tới cùng, cùng tất biến. Tuy nhiên Thượng Lục còn bị khốn khó như dây dợ sấn bìm, vướng mắc chưa thoát được (**Khôn vu cát lữ**), hoạt động còn có mồi nguy hiểm lắm (**Vu nghiệt ngọt**). Nhưng nếu biết tự nhủ rằng: Hoạt động sẽ gặp điều đáng phàn nàn (**Viết động hối**). Nếu làm sai, mà biết phàn nàn, sang sửa (**Hữu hối**), được như vậy mà tiến hành công chuyện, sẽ thoát khốn (**Chinh cát**).

*Tượng viết:* **Khôn vu cát lữ. Vị đáng dã. Động hối. Hữu hối. Cát hành dã.** Bị khốn khó buộc ràng, chưa biến đổi hoàn cảnh, thế là chưa biết xử sự cho hay, hành động cho khéo (**Khôn vu cát lữ. Vị đáng dã**). Biết lo trước những trắc trở khi hoạt động, làm sai biết hối quá, như vậy có thể thoát khốn, thế là tiến hành sẽ gặp may (**Động hối. Hữu hối. Cát hành dã**).

## ÁP DỤNG QUÊ KHÔN VÀO THỜI ĐẠI

Nhìn vào đời sống xã hội, nhân quần, ta thấy xưa nay không biết là bao người đã bị giông tố xã hội, gia đình, thời gian, hoàn cảnh cuốn lôi, đã lâm vào những cảnh cùng khốn hết sức.

Cách đây 50 năm, ở Đức, Hitler đã ra lệnh thiêu sống 6 triệu người Do Thái, mà Thế giới chịu không can thiệp nổi.

Lại gần đây, ở Việt Nam, biết bao người đi vượt biên đã bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp, giết chóc khiến gia đình ly tán, người còn, người chết, tình cảnh thật thê lương.

Xưa kia, biết bao công thần đã bị nhà vua cố tình giết chết, hoặc bị đồng liêu giá họa và đã đi đến chỗ tử vong. Họ tỏ ra ung dung, thư thái trước cái chết, như Nhạc Phi, vv...

Dịch kinh, khuyên ta nếu gặp hoàn cảnh trên, phải bình tĩnh mà tìm cách thoát khỏi cảnh nguy khốn đó.

Theo tôi (tác giả viết bài này), nếu dân Do Thái lúc ấy cùng đoàn kết nổi lên chống lại, thì làm sao Đức quốc xã thiêu sống nổi 6 triệu người. Nếu trước khi vượt biên, mà ta hoạch định sẵn chương trình, tất cả đều mang gậy gộc, hoặc dẫu vài khẩu súng theo. Khi trông thấy thuyền cướp Thái Lan từ xa tiến lại, ta nhất tề đứng lên, với tư thế sẵn sàng ứng chiến, thì tôi nghĩ với vài tên cướp biển chắc chắn không dám xâm phạm ta. Nhà tôi có người bạn, cũng ở trong trường hợp này, ông ta cùng với những người nam trong thuyền, mang theo gậy gộc và khi trông thấy bọn cướp có vài ba đứa tiến đến, là nhất tề cầm gậy ứng chiến. Bọn cướp thấy khó ăn, nên đã không dám làm gì.

Còn trường hợp Nhạc Phi, hồi nhỏ lúc đọc Truyện, tôi đã không tán thành hành động của Người, vì theo tôi đó là **Ngũ trung**, thật vậy Người đã không đặt Quốc Gia, Dân tộc trên hết, mà đã vì chữ **trung**, sẵn sàng chịu chết bởi tay gian thần Tần Cối, và một vị vua hôn ám. Thật là một cái chết không đáng vậy. **Tóm lại, Học Dịch cốt để phòng những tai họa, khó khăn có thể xảy ra, ta sẽ giải quyết được nó dễ dàng hơn, và xa hơn nữa ta sẽ bớt đi được nhiều lỗi lầm trong đời ta.**

## 48. 水風井 THỦY PHONG TỈNH

**Tỉnh Tự Quái**

井序卦

Khốn hồ thượng giả

困乎上者

Tất phản hạ.

必反下

Cố thụ chi dĩ Tỉnh.

故受之以井

**Tỉnh Tự Quái**

*Cao mà khốn nạn, sẽ thường xuống sâu.*

*Cho nên Tỉnh tiếp theo sau.*

Khi người bị khốn ở bên trên, sẽ quay xuống phía dưới, cho nên, sau quẻ Khốn là quẻ Tỉnh. Tỉnh là giếng. Nói đến giếng nước, tức là nói đến cung cấp nước uống cho dân chúng từ ngàn xưa tới nay.

Thường làng nào cũng có giếng. Giếng đào sâu xuống cho tới các mạch nước ngầm, nên có thể cung cấp nước ăn uống cho cả dân làng.

Quẻ Tỉnh, trên là quẻ Khảm là nước, dưới là quẻ Tốn là gỗ. Xưa người ta dùng gàu tre, gỗ hoặc những cần cây để múc nước giếng lên. Lại cũng dùng giầy thòng gàu xuống để múc nước

lên. Ca dao ta có câu: *Tường giếng sâu, em nối sợi dây dài, ngò đâu giếng cạn, em tiếc hoài sợi dây.*

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

井 . 改 邑 不 改 井 . 無 喪 無 得 . 往 來 井 井 . 汔 至 . 亦 未 繡 井 . 羸 其 瓶 . 凶 .

**Tĩnh. Cải áp bất cải tỉnh. Vô táng vô đắc. Vãng lai tỉnh tỉnh.  
Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Luy kỳ bình. Hung.**

### Dịch.

*Tĩnh là nước giếng nuôi người,  
Rời làng, rời áp, chẳng rời giếng đi.  
Dùng nhiều, nước chẳng suy vi,  
Không dùng, nước vẫn cứ y chẳng tràn.  
Người qua, kể lại rộn ràng,  
Tha hồ đến giếng, kín mang nước về.  
Thòng dây chưa tới, ích chi?  
Giây chưa tới nước, cách gì mức lên.  
Dùng gầu nứt rạn, chẳng bền,  
Dùng gầu nứt rạn, thảo hèn nào hung.*

**Thoán từ:** Giếng là 1 cơ cấu cần thiết nhất trong làng mạc. Xưa, ông Công Lưu, tổ phụ nhà Chu, muốn lập cơ ngơi ở đất Bân, cũng đã đến nghiên cứu phương hướng, chỗ nắng, chỗ râm, cùng là nơi có mạch nước chảy, thế là đào giếng, rồi mới lập áp. Vì vậy, sau này dấu hình dạng làng mạc có đổi thay, kiến trúc nhà cửa có biến đổi, thời cái giếng vẫn y nguyên cùng tuế nguyệt (**Tĩnh. Cải áp bất cải Tỉnh**). Đã có giếng tốt, thời dẫu nhiều người ăn nước, giếng cũng không hao kiệt, mà thàng hoặc giếng không có ai dùng, thời giếng cũng không tràn đầy (**Vô táng vô đắc**)

Giếng chỉ làm việc của giếng là cung cấp nước ăn, còn ai đến cũng không mời, ai đi cũng không giữ (**Vãng lai tỉnh tỉnh**). Nhưng muốn kín nước giếng, phải có dây đủ dài, có gầu lành lặn mới được. Nếu chưa tới mực nước, mà dây đã hết, hoặc gầu mức nước mà vỡ chảy, thì cũng chẳng được ích lợi gì (**Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Luy kỳ bình. Hung**).

**Ngật chí** là chưa tới nơi. **Duật** là giây để kéo nước.

**Luy kỳ bình** là gầu vỡ, gầu chảy.

### *Thoán Truyện. Thoán viết:*

彖曰: 巽乎水而上水, 井井養而不窮也。改邑不改井, 乃以剛中也。汔至亦未繡井, 未有功也。羸其瓶, 是以凶也。

**Tôn hồ thủy nhi thượng thủy. Tĩnh. Tĩnh dưỡng nhi bất cùng dã. Cải áp bất cải tĩnh. Nãi dĩ cương trung dã. Ngật chí. Diệc vị duật tĩnh. Vị hữu công dã. Luy kỳ bình. Thị dĩ hung dã.**

**Dịch.**

*Ném gầu vào mức nước lên,  
Tĩnh là Tôn dưới, thủy trên rõ ràng.  
Giếng là nguồn mạch dưỡng sinh,  
Dưỡng nuôi mãi mãi, công trình dài lâu.  
Rời làng, giếng chẳng rời đâu,  
Cương cường, trung chính, trước sau vững bền.  
Hút dây, nên nước không lên,  
Nghĩa là dang dở, không nên công trình,  
Dùng gầu rạn nứt, chẳng lành.  
Không lành, không lặn, đã đành là hung.*

**Thoán Truyện** giải thích **Tĩnh** là ném gầu vào nước để mức nước lên. Thoán viết: **Tôn hồ thủy nhi thượng thủy. Tĩnh.** Thoán Truyện cũng cho biết đặc tính của giếng là cung cấp nước nuôi dân mãi mãi chẳng cùng (**Tĩnh dưỡng nhi bất cùng dã**). Kế đó Thoán Truyện giải thích Thoán từ: **Cải áp bất cải tĩnh. Nãi dĩ cương trung dã** là thay đổi áp, mà không thay đổi giếng, vì giếng là cái gì thiên nhiên, còn làng mạc là cái gì nhân tạo. **Cương trung** tức là cái gì lý tưởng, thiên nhiên. Muốn kín nước, phải giồng dây xuống cho tới mức nước, chưa tới nước thì chưa đi tới đâu (**Ngật chí. Diệc vị duật tĩnh. Vị hữu công dã**). Muốn kín nước, mà gầu lại thủng, lại vỡ, thì thật là hỏng chuyện (**Luy kỳ bình. thị dĩ hung dã**).

- **Giếng** tượng trưng cho cái gì hằng cửu, còn các tổ chức xã hội khác như làng mạc, thôn xóm, tượng trưng cho cái gì biến thiên. Nơi **xã hội, giếng cũng tượng trưng cho nhân luân**. Dấu hình thức chính trị đổi thay, dấu triều đại luân chuyển, nhưng nhân luân sau trước vẫn y nguyên.

-Giếng cũng **tượng trưng cho nguồn sống, cho thiên tính nơi con người**. Đó là tầng lớp sâu xa nhất trong con người. Nếu một tổ chức xã hội nào, một nền văn minh, giáo dục nào mà sao lãng nguồn sống ấy, thiên tính ấy, thì chỉ là cơ cấu nhân tạo tạm bợ, không có ích lợi gì lâu dài; y như đi mức nước giếng, mà dây không đủ dài, gầu không đủ kín, thì sao mức được nước ăn.

Nói cách khác, trong cuộc tu thân của chúng ta, điều cốt yếu là phải đạt tới nguồn mạch siêu nhiên, sống động trong con người. Nếu trạng thái siêu nhiên ấy chưa đạt được, thì con người chỉ sống trong tình trạng giả tạo, y thức như người muốn uống nước giếng trong mát, mà dây không đủ dài, gầu không đủ kín, nên đành phải chịu khát.

Tào Thặng giải Tĩnh là cái gì **bất biến tượng trưng cho Đạo**. Tĩnh cũng **tượng trưng cho đời sống chính trị**, cũng y như giếng cần phải có nước luôn luôn, để cung cấp nhu cầu cho nhân loại.

Vương đạo hay một nền hành chánh hoàn hảo, cũng là nguồn mạch sống động của đời sống quốc gia. Không gian, thời gian có thể đổi thay, nhưng một nền cai trị hoàn hảo bao giờ cũng là lý tưởng của nhân loại.

Tóm lại, Thoán của quẻ Tĩnh dạy ta hai bài học chính yếu:

1- Phải cố gắng đạt tới nguồn mạch sống động, siêu nhiên nơi con người, phải đạt tới Trời, tới Đạo, nơi tầng sâu con người, để thoả mãn nguyện vọng sâu xa, huyền bí nơi con người.

2- Phải có 1 nền hành chánh hoàn hảo, để thoả mãn nhu cầu muôn dân.

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 木上有水 . 井 . 君子以勞民勸相 .

*Tượng viết:*

**Mộc thượng hữu thủy. Tỉnh. Quân tử dĩ lao dân khuyến tương.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Tỉnh là nước có trên cây,*

*Khuyến dân lao tác, đỡ hay đỡ đần.*

*Mới hay quân tử thương dân,*

*Nuôi dân, lại dạy tương thân, tương phù.*

Giải là : Trên gỗ, trên cây có nước là giếng. Người quân tử nhân đó khuyến khích dân lao tác, và giúp đỡ lẫn nhau. Nói là nước trên gỗ, trên cây, vì xưa dùng cần cây, dùng gàu mà múc nước lên. Vua chúa xưa đã tổ chức phương pháp **Tỉnh Điền** để chúng dân đồng lao, cộng tác với nhau. Phép Tỉnh Điền được gói ghém trong chữ Tỉnh. Chữ Tỉnh gồm có 9 ô:

1	4	6
2	9	7
3	5	8

-Tám ô chung quanh là ruộng đất chia cho 8 gia đình, gọi là tư điền. Ô thứ 9, ở giữa có cái giếng, gọi là công điền. 8 gia đình chung quanh, cùng ăn nước ở cái giếng chung ấy, lại cùng khai thác thửa ruộng công điền ấy để nộp lợi tức cho triều đình. Còn phần tư điền bên ngoài, làm được bao nhiêu thời giữ lấy mà ăn.

Thế là nhờ phép Tỉnh điền, vua chúa vừa khiến dân lao tác, vừa khuyến khích họ tương trợ lẫn nhau.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ & Tiểu Tượng Truyện, nói lên các điều kiện mà một giếng nước cần phải có.

- Nước giếng không được dơ bẩn (Hào Sơ).
- Giếng không được nứt rạn, có hang hốc chung quanh (Hào nhị).
- Giếng tốt, nhưng cần phải được người dùng (Hào 3)
- Giếng cũng có khi cần sang sửa lại (Hào 4).
- Khi giếng có nước ngon, cần phải để cho mọi người dùng (Hào 5, 6).

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 井泥不食 . 舊井無禽 .

象曰 . 井泥不食 . 下也 . 舊井無禽 . 時舍也 .

Sơ Lục.

**Tĩnh nê bất thực. Cựu tĩnh vô cầm.**

*Tượng Truyện.*

**Tĩnh nê bất thực. Hạ dã. Cựu tĩnh vô cầm. Thời xả dã.**

**Dịch.**

*Giếng bùn, chẳng thể uống ăn,  
Giếng xưa quạnh quẽ, biệt tăm chim trời.*

**Tượng rằng:**

*Giếng bùn, chẳng thể uống ăn.  
Nghĩa là đáy đục, chỉ thuần bùn dơ.  
Giếng xưa chim chóc hững hờ,  
Người đời ruồng rẫy, nên ra hoang tàn.*

Giếng cần phải tinh khiết. Nước giếng mà bùn, đục, thời sẽ chẳng ai ăn (**Tĩnh nê bất thực**). Chẳng những thế chim muông cũng bỏ rơi, không thèm lai vãng nữa, (**Cựu tĩnh vô cầm**).

*Tiểu Tượng giải rằng:* Giếng bùn đục không ai ăn, là vì giếng cạn quá (**Tĩnh nê bất thực hạ dã**). Giếng xưa hoang phế, chim muông không còn lai vãng tới nữa, là vì giếng đã bị người đời bỏ không dùng (**Cựu tĩnh vô cầm. thời xả dã**). Cũng một lẽ, những người hạ tiện, dơ bẩn, hèn hạ trong xã hội, cũng sẽ bị đời ruồng bỏ không dùng.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 井谷射鮒 . 瓮敝漏 .

象曰 . 井谷射鮒 . 無與也 .

Cửu nhị.

**Tĩnh cốc xạ phụ. Ứng tộ lậu.**

*Tượng viết:*

**Tĩnh cốc xạ phụ. Vô dữ dã.**

**Dịch.**

*Giếng mà có ngách rỉ xuôi,  
Nước rò rỉ xuống, nuôi loài ốc sên.  
Giếng mà gáo lại chẳng bền,  
Giếng mà gáo thủng, nước lên cách nào?*

**Tượng rằng:**

*Nước mà có ngách rỉ xuôi,  
Nước rò rỉ xuống, nuôi loài ốc sên.*



*Giếng mà chẳng có nước lên,  
Tại vì chẳng được bên trên không phò.*

**Hào Cửu nhị:** Một cái giếng, mà có hang, có hốc chung quanh (**Tĩnh cốc**), thời nước giếng sẽ rò rỉ ra bên ngoài (**Xạ**), bất quá là nuôi được các loài sên, loài ốc (**Phụ**), chứ còn nước đâu nữa mà cung cấp cho người. Hoặc đi kín nước, lại dùng gầu rách, gầu thủng thì làm sao mà có nước? (**Ứng tậ lậu**).

Đó là trường hợp những người có tài, mà vì không có lý tưởng cao đại, chí hướng vững chắc, nên đã để cho tài năng mình phao phí, mai một. Chẳng những thế, lại hạ mình theo vật dục, bầu bạn với tiểu nhân, hạ cấp, thì làm sao có thể làm ích cho đời?. *Tiểu tượng bình rằng:* Giếng có hang hốc, nước rò rỉ ra ngoài để nuôi sên ốc, là có ý nói rằng: **Không còn được cấp trên đối tượng nữa.**

*Tượng viết:* **Tĩnh cốc xạ phụ. Vô dũ dã.** Một người thiếu tư cách, không còn được cấp trên ngó ngang tới, thì cũng vô dụng như cái giếng, mà nước rò rỉ hết ra ngoài, hay cái gầu múc nước bê, thủng không còn kín nước được nữa.

### **3. Hào Cửu tam.**

九三。井渫不食。為我民恻。可用汲。王明。并受其福。

象曰。井渫不食。行恻也。求王明。受福也。

*Cửu tam.*

**Tĩnh tiết bất thực. Vi ngã tâm trắc. Khả dụng cấp.  
Vương minh. Tĩnh thụ kỳ phúc.**

*Tượng viết:*

**Tĩnh tiết bất thực. Hành trắc dã. Cầu vương minh. Thụ phúc dã.**

**Dịch.**

*Giếng trong, mà chẳng ai ăn,  
Làm ta luống những bữa khoản tắc lòng.  
Bữa khoản vì nước giếng trong,  
Thời nên kín nước mà dùng, mà ăn.  
Nếu như có được minh quân,  
Toàn dân phúc Trạch, hồng ân tràn đầy.*

**Tượng rằng:**

*Giếng trong mà chẳng ai ăn,  
Bộ hành luống những bữa khoản tắc lòng.  
Cầu cho có đấng minh quân,  
Toàn dân phúc Trạch, hồng ân tràn đầy.*

**Hào Cửu tam:** Khi đã có nước giếng tốt, nước đã lắng trong (**Tĩnh tiết**), mà vẫn bị người đời quên không dùng (**Bất thực**); thấy tình cảnh ấy, ai cũng phải bùi ngùi tắc dạ (**Đĩ ngã tâm**



**trắc**). Đây là một thứ nước giếng có thể cung cấp nước ngon (**Khả dụng cấp**). Nếu gặp được minh quân dùng, thời cả đôi bên đều được phúc khánh (**Vương minh tịnh thụ kỳ phúc**).

*Tượng Truyện bàn thêm rằng:* Nước giếng trong mát mà không được ăn, nên người bộ hành thấy bụi ngùi tắc dạ, ước mong gặp được đáng minh quân, có gặp thì cả hai đảng đều được phúc khánh.

*Tượng viết:* **Tĩnh tiết bất thực. Hành trắc dã. Cầu vương minh thụ phúc dã.** (Tiết là trong; hành là người đi đường) Dương Mưu Trai bình rằng: Nước ngon có thể ăn là phần của giếng, không ăn nước giếng là quyền của người. Không được ăn, giếng không than thở, nhưng người đi đường phải than thở. Đây không phải than thở cho giếng, mà **than thở cho người quân tử có tài, có đức mà không được trọng dụng**. Giếng một khi được dùng, thời cả thôn ấp được phúc. Có giếng ngon mà không được dùng, thời cũng như không có giếng. Có hiền nhân mà không có minh vương, thời cũng như không có hiền nhân. Đức Khổng nói: Không có minh vương ra đời, thời thiên hạ ai là người biết trọng dụng ta (Lễ ký) (**Minh vương bất hưng. Thiên hạ thực năng tông dư**).

Hào Cửu tam tuy nói về giếng, mà thực ra nói về người quân tử. Nếu không có bậc minh quân như vua Nghiêu, thời vua Thuấn âu chỉ là một ngư phủ nơi điền trạch. Nếu không có một minh vương như Cao Tông, thời Phó Duyệt chỉ là một dung phu nơi núi rừng...

#### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 井無咎 .

象曰 . 井無咎 . 修井也 .

*Lục tứ.*

**Tĩnh trúu vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Tĩnh trúu vô cữu. Tu tỉnh dã.**

**Dịch.**

*Giếng xây, sửa lại lỗi chi*

**Tượng rằng:**

*Giếng xây, sửa lại lỗi chi.*

*Sửa sang cho giếng có bề khang trang.*

**Hào Lục tứ:** (Trúu là lát gạch, sang sửa lại phía bên trong giếng). Giếng đôi khi cần ngưng cung cấp nước, để sửa chữa lại phía bên trong cho hẳn hoi. Như vậy có gì là đáng trách đâu.

Tượng Truyện giải: **Tĩnh trúu** là chữa giếng.

Tượng viết: **Tĩnh trúu vô cữu. Tu tỉnh dã.** Các công bộc quốc gia, nhiều khi cũng phải có thời gian để tu bổ lại:

- Tu bổ lại nghề nghiệp
- Chấn chỉnh lại lề lối làm việc.
- Tu sửa lại đức hạnh.

Như vậy, tuy mất ít ngày không làm ích cho đời, như giếng đang sửa phải ngưng cung cấp nước, nhưng sau đó sẽ trở nên mới, nên hay, và sẽ giúp ích nhiều hơn.

Sửa giếng cho giếng trở nên tốt, tức là **Nhật tân kỳ đức**. *Xây giếng cho hết mọi lỗ hỏng tức là Nhàn tà, Tồn thành, là ngăn chặn mọi điều tà ác, để giữ gìn lấy cái tinh thành.* Hào 4 này dạy ta những bài học tu thân chí lý vậy.

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 井冽 . 寒泉食 .

象曰 . 寒泉之食 . 中正也 .

*Cửu ngũ.*

**Tỉnh liệt. Hàn tuyên thực.**

*Tượng viết:*

**Hàn tuyên chi thực. Trung chính dã.**

**Dịch.**

*Giếng mà trong vắt, trong veo,  
Nước tuôn mát lạnh cho nhiều người ăn.*

**Tượng rằng:**

*Nước tuôn mát lạnh, người ăn,  
Là đem trung chính trị dân, trị đời.*

**Hào Cửu ngũ** đây vì Dương cương trung chính, lại ở ngôi trên, nên tài đức đều tận thiện, tận mỹ. Đối với giếng, thì đó là một giếng nước trong (**Tỉnh liệt**), do 1 mạch nước mát mẻ cung cấp (**Hàn tuyên**), như vậy có thể dùng để ăn được (**Thực**). Tượng Truyện bình rằng: Nước giếng trong mát, có thể ăn được, là chí thiện, là hoàn hảo vậy.

Một giếng nước chỉ trở nên hữu ích, khi nào được uống, được ăn. *Một nhà lãnh đạo hoàn hảo, chỉ trở nên hữu ích thực sự, khi làm cho dân được theo phương châm mình, tôn chỉ mình mà hành động.* Như vậy, ích lợi mới trở nên vô tận (**Hàn tuyên chi thực. Trung chính dã**).

### 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 井收勿幕 . 有孚無吉 .

象曰 . 元吉在上 . 大成也 .

*Thượng Lục.*

**Tỉnh thu vật mạc. Hữu phu nguyên cát.**

*Tượng viết:*

**Nguyên cát tại thượng. Đại thành dã.**

**Dịch.**

*Giếng ngon, người múc tha hồ,  
Chẳng nên đậy điệm, để cho người dùng.  
Nước tuôn mãi mãi chẳng cùng,*

*Thế là mỹ mãn, thành công tốt lành.*

**Hào Thượng Lục:** Giếng nước ngon, đã được mọi người đến mức (**Tinh thu**) thời hãy để mặc tình cho đời dùng, chẳng nên đập nó làm chi (**Vật mặc**). Nếu cứ được như vậy mãi, (**Hữu phu**), sẽ được muôn phần tốt đẹp (**Nguyên cát**).

Các quẻ khác, thì khi nói đến Hào 6, là nói đến biến, đến cực, đến bất dụng. Riêng quẻ **Tinh**, quẻ **Đỉnh** thời cung cấp vật thực, nên cái hay nhất là nước được đem ra dùng, đồ ăn được đem ra ăn. Vì thế Tượng Truyện mới bình rằng: Quẻ Tinh này, Hào trên hết mới thật là hay (**Nguyên cát tại thượng**), vì lúc này nói là lúc thành công mỹ mãn. (**Đại thành dã**). Xét về phương diện nhân sự, thì người quân tử ở cao ngôi, làm ích cho đời càng nhiều, càng hay, càng lâu, càng tốt, như vậy mới là thành công mỹ mãn, như vậy mới là đại thành.

## ÁP DỤNG QUẺ TỈNH VÀO THỜI ĐẠI

Ta phải biết khai thác những khả năng còn tiềm ẩn trong ta, từ lúc còn ở học đường, nếu có thể, để giáo sư chú ý đến ta, mà tiến dẫn ta mai sau.

Khi làm việc trong một hãng xưởng nào, nếu ta thấy ta có tài gì đặc biệt, mà chưa được cấp trên biết tới, thì ta phải tìm cách thi thố tài năng đó, bằng cách nhờ người đề bạt, hay tự mình đề bạt lên cấp trên. Không nên ù lì, nhút nhát, chịu yên phận một chỗ, để mai một tài năng mình. Một khi đã lên cao rồi, thì phải hết sức mang tài ra, mà làm những công việc ích nước, lợi dân. Phải luôn luôn học hỏi nghiên cứu, để tiến thêm, chớ dừng tự mãn, cho thế là đủ, rồi đâm ra lười biếng, quay ra hưởng lạc, thì uổng phí tài năng. Và như vậy, thì cũng như giếng tốt mà không có người dùng.

## 49. 澤火革 TRẠCH HỎA CÁCH

**Cách Tự Quái**

革序卦

Tình đạo bất khả bất cách

井道不可不革

Cổ thụ chi dĩ Cách.

故受之以革

**Cách Tự Quái**

*Giếng thời chẳng thể gót đầu chẳng thay.*

*Cho nên Cách tiếp theo ngay.*

Giếng đã để lâu ngày, bùn đất sẽ ứ đọng, nên cần phải vét, phải khơi cho sạch. **Chính quyền lâu ngày cũng có lắm điều hủ hoại, cần đổi thay.** Vì thế sau quẻ Tinh là quẻ Cách.

Cách là cách mạng, là đổi thay những gì cũ kỹ, hủ bại. Chữ Cách theo nguyên nghĩa là da, là thay da, lột xác. Loài vật còn có lúc thay da, lột xác, thì chính quyền, thì xã hội loài người cũng có lúc phải thay da, lột xác, phải đổi mới hoàn toàn. Đổi mới để cho hết ù lì, để trở nên sống động, đổi mới để tiến tới một đời sống hoàn hảo hơn.

Quẻ Cách, trên là Đoài, là hồ, là nước; dưới là Ly là lửa. Nước đổ xuống, lửa bốc lên, thời sự xung đột, khủng hoảng đã đến tột độ, thế là đôi bên đã ở vào thế một mất, một còn. Đã khủng hoảng tột độ, ắt phải có sự đổi thay.

Quẻ Cách, trên là Đoài, là thiếu nữ, dưới là Ly là trung nữ. Hai chị em gái ở chung nhau một nhà, đã lảm chuyện xích mích rồi, nay em nhỏ chơi chèo lán át chị, thời làm sao tránh khỏi sự xung đột. Vì thế nên sẽ có cuộc cách mạng.

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

革 . 己 日 乃 孚 . 元 亨 利 貞 . 悔 亡 .

**Cách. Dĩ nhật nữ phu. Nguyên hanh lợi trinh. Hối vong.**

### Dịch.

*Cách là đổi lột, đổi đời,  
Đổi thay xong xả, rồi đời mới tin.  
Đổi thay tốt đẹp mới nên,  
Hợp thời, hợp lý, chu tuyền hanh thông.  
Hợp tình, hợp lý nên công,  
Mới không hối hận, mới không phàn nàn.*

**Thoán từ:** Cách là đả phá những gì lạc hậu, lỗi thời, hủ hoá, để thay đổi những gì thích hợp hơn, hữu ích hơn. Tuy nhiên, làm cách mạng bất kỳ ở trong lãnh vực nào, cũng không được dân tin ngay, vì con người thường ù lì, không muốn thay đổi lề lối sống đã quen, lại không muốn phiêu lưu. Cho nên, cuộc cách mạng nào cũng đòi hỏi một thời gian, mới được dân chúng tin (**Cách dĩ nhật nữ phu**). **Dĩ nhật** là trải nhiều ngày; **nữ phu** là mới được tin cậy. Cuộc Cách mạng nào cũng đưa đến binh cách, đến đổ máu không ít, thì nhiều. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Ví dụ: Cuộc Cách mạng Pháp năm 1879 lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập chế độ dân chủ. Cuộc Cách mạng Nga năm 1917, lật đổ Nga Hoàng, thiết lập chế độ Cộng sản. Ở nước ta, thì những cuộc Cách mạng 1945 (Việt Minh cướp chính quyền), 1955 Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại, 1963 Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm.v.v... Cho nên làm cách mạng, muốn cho khỏi hối hận, phàn nàn về sau, thời phải thực hiện được những tôn chỉ sau:

Cách mạng phải đưa đến một chế độ đẹp đẽ hơn (**Nguyên**). Cách mạng phải làm cho đời sống dân chúng sung sướng hơn (**Hanh**). Cách mạng phải mang lại lợi ích thực sự (**Lợi**). Cách mạng phải có chính nghĩa (**Trinh**).

Vì thế Thoán từ nói: **Nguyên hanh lợi trinh. Hối vong.**

### *Thoán Truyện.*

*Thoán viết:*

彖曰 . 革 . 水火相息 . 二女同居 . 其志不相得 . 曰革 . 己日乃孚 . 革而信之 . 文明以說 . 大亨以正 . 革而當 . 其悔乃亡 . 天地革而四時成 . 湯武革命 . 順乎天而應乎人 . 革之時大矣哉 .

**Cách. Thủy hỏa tương tức. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất tương đắc. Viết cách. Dĩ nhật nãi phu. Cách nhi tín chi. Văn minh dĩ duyệt. Đại hạnh dĩ chính. Cách nhi đáng. Kỳ hồi nãi vong. Thiên địa cách nhi tứ thời thành. Thang Vũ cách mạng. Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. Cách chi thời đại hỹ tai.**

**Dịch.**

*Cách là nước lửa đương đầu,  
Là hai cô gái chung nhau một nhà.  
Đôi bên chí hướng khác xa,  
Nên là chóng đổi, nên là đổi thay.  
Đổi thay rờn rã nhiều ngày,  
Rồi ra mới được đó đây tin lòng.  
Trong thời sáng láng, tinh thông,  
Ngoài thời vui vẻ, bao dong mọi người.  
Y theo trung chính, đạo trời,  
Thế nên mọi sự xong xuôi thành toàn,  
Cách mà chính đáng, mới ngoan,  
Cách mà chính đáng, phàn nàn nôi chi.  
Đất trời thay đổi suy di,  
Bốn mùa nhờ thế đúng kỳ luân lưu.  
Vua Thang, vua Vũ thay triều,  
Thuận trời, và cũng ứng theo lòng người,  
Đổi thay, mà lại hợp thời,  
Thật là vĩ đại, trên đời chi hơn.*

**Thoán Truyện:** Cách sở dĩ sinh ra là vì có một sự xung khắc, mâu thuẫn, một cuộc khủng hoảng giữa hai phe đối lập, mâu thuẫn nhau như nước với lửa, như hai chị em gái ở chung một nhà, và bất đồng chí hướng với nhau (**Cách. Thủy hỏa tương tức. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất tương đắc**).

Tiếp theo *Thoán Truyện* giải những câu của Thoán từ. Thoán từ nói: **Dĩ nhật nãi phu**, nghĩa là làm sao? Thưa đó là làm cách mạng, rồi sẽ được người ta tin theo.

**Dĩ nhật nãi phu. Cách nhi tín chi.** Tại làm sao làm cách mạng mà không phải phàn nàn? Thưa vì người làm cách mạng, có một khối óc sáng suốt, nhìn xa, trông rộng, thấu hiểu được sự thế, quán triệt được tình hình, khéo lấy lòng người, lại hoạch định được một chương trình có thể khai thông được mọi bế tắc, hứa hẹn một ngày mai tươi sáng. Tóm lại, làm cách mạng một cách xứng đáng, sẽ không phải phàn nàn hồi hận về sau (**Văn minh dĩ duyệt. Đại hạnh dĩ chính. Cách nhi đáng. Kỳ hồi nãi vong**).

Vả lại sự canh cải trong trời đất, cũng như cuộc cách mạng trong lịch sử không thể không có. Trời đất nhờ canh cải, nên có bốn mùa. Vua Thành Thang, vua Vũ đã làm được những cuộc cách mạng, trên thuận lẽ trời, dưới hợp ý dân. Canh cải mà hợp thời, cách mạng mà đúng lúc, thực là cao cả vậy (**Thiên địa cách nhi tứ thời thành. Thang Vũ cách mạng. Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. Cách chi thời đại hỹ tai**).

Ta có thể trích một đoạn trong sách Mạnh Tử, mà giải Thoán từ, Thoán Truyện quẻ Cách như sau: Trong Kinh Thư có chép rằng: Vua Thành Thang (chết năm 1753 trước Dương Lịch), khi khởi cuộc chinh phục, trước hết đánh lấy nước Cát. Thiên hạ đều tin tưởng ngài. Ngài đương chinh phục miền Đông, thì những đoàn rợ Di miền Tây phiên trách, tới chùng ngài chinh phục miền Nam, thì những đoàn rợ Địch miền Bắc phiên trách. Họ trách rằng: **Sao ngài chẳng sớm đến nước ta?** Dân chúng khắp thiên hạ mong chờ ngài đến, như lúc trời hạn hán, người ta trông thấy mây và móng trời. Đến chùng ngài kéo binh vào xứ họ, họ vẫn tự nhiên chẳng sợ sệt gì cả. Người đi chợ vẫn đi, người đương cấy vẫn cấy. Ngài giết những vì vua hung bạo mà giải cứu cho nhân dân. Bá tánh đều mừng rỡ, dường như được mưa tuôn phải lúc. Kinh Thư chép: **Chúng ta trông vua, ngài đến, chúng ta như sống lại.** (Kinh Thư, Trọng Hù chi cáo, tiết 6).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰.澤中有火.革.君子以治歷明時.

*Tượng viết:*

**Trạch trung hữu hỏa. Cách. Quân tử dĩ trị lịch minh thời.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Cách là lửa ở trong hồ,*

*Hiền nhân làm lịch để cho biết thời.*

Trong hồ có lửa là **Cách**, quân tử nhân đó làm lịch để biết rõ thời tiết. Lửa ở dưới, hồ ở trên, kinh dịch lẫn nhau, nên sinh biến hóa. Trong một năm, khí Âm, khí Dương kinh dịch lẫn nhau, nên sinh biến hóa. Con người có thể hiểu được sự biến hóa của trời đất ấy, vì thấy nó có tiết tấu, thứ tự, nên đã làm ra được lịch. Làm được lịch, tức là trông rõ được sự biến hoá của trời đất, tiên đoán được nó, để chuẩn bị trước được, mà sống theo đúng nhu cầu của mỗi thời tiết.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 鞶用黃牛之革.

象曰. 鞶用黃牛.不可以有為也.

*Sơ Cửu.*

**Củng dụng hoàng ngưu chi cách.**

*Tượng viết:*

**Củng dụng hoàng ngưu. Bất khả dĩ hữu vi dã.**

**Dịch.**

*Bò vàng mà lột lấy da,*

*Mà thắt, mà bó chắc là mấy mươi.*

**Tượng rằng:**

*Bò vàng da lột lấy bao,*

*Nghĩa là đừng vội tầm phào ra tay.*

**Hào Sơ Cửu:** Muốn làm cách mạng, không phải ai cũng làm được. Phải có tài, có vị, có thời, có thế, mới làm cách mạng được. Sơ Cửu đây tuy là người có tài, nhưng chưa có địa vị, lại ở buổi



sơ khai của thời Cách, nên thời cơ chưa được thuận tiện, trên lại không có người giúp đỡ, như vậy dĩ nhiên Sơ không nên vọng động. Lúc ấy chỉ nên kiểm chế mình bằng đường lối trung thuận. Trung thuận tức là cư xử cho hợp lý, cho mềm dẻo.

Củng là ràng buộc. Hoàng là vàng, là Trung; Ngưu là trâu là Thuận. *Tượng Truyện bình rằng*: Lúc này là lúc chưa nên hành động, dở dối gì hết (**Củng dụng hoàng ngưu. Bất khả dĩ hữu vi dã**).

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 己日乃革之 . 征吉 . 無咎 .

象曰 . 己日革之 . 行有嘉也 .

*Lục nhị.*

**Dĩ nhật nãi cách chi. Chinh cát. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Dĩ nhật cách chi. Hành hữu gia dã.**

**Dịch.**

*Sửa sang, chuẩn bị nhiều ngày,  
Bây giờ là lúc ra tay đổi đời.  
Tiến hành sẽ tốt, sẽ xuôi,  
Hết còn lo chuyện đơn sai, lỗi lầm.*

**Tượng rằng:**

*Sửa sang, chuẩn bị nhiều ngày,  
Rồi ra mới dám ra tay đổi đời.  
Tiến hành chuyện sẽ êm xuôi,  
Thế thời là tốt, thế thời đáng khen.*

**Hào Lục nhị** ám chỉ một người hội đủ điều kiện để làm cách mạng.

1. Có địa vị (Lục nhị là Hào của đại thần).
2. Nhu thuận, trung chính (Hào Lục nhị).
3. Sáng suốt, thông minh (Hào giữa quẻ Ly).
4. Trên có minh quân ủng hộ (Hào Cửu ngũ).

Tuy nhiên, muốn làm cách mạng, phải sửa soạn nhiều tháng, nhiều ngày, rồi mới có thể ra tay hành động (**Dĩ nhật nãi cách chi**).

Khi đã hội đủ các điều kiện rồi, mà hành động, thời chắc chắn kết quả sẽ đẹp đẽ, tốt lành. (**Chinh cát. Vô cửu**).

*Tượng Truyện bình rằng*: Chuẩn bị chày tháng, chày ngày, đợi đúng thời cơ mới ra tay cách mạng, thì chắc sẽ được như nguyện, chắc là đáng được khen lao vậy (**Dĩ nhật cách chi. Hành hữu gia dã**).

## 3. Hào Cửu tam.



九三 . 征凶 . 貞厲 . 革言三就 . 有孚 .

象曰 . 革言三就 . 又何之矣 .

*Cửu tam.*

**Chinh hung. Trinh lệ. Cách ngôn tam tộ. Hữu phu.**

*Tượng viết:*

**Cách ngôn tam tộ. Hữu hà chi hỹ.**

**Dịch.**

*Tiến lên sẽ chẳng có hại,  
Phải theo chính đạo, phải dày dấn đo.  
Bao nhiêu kế hoạch, mưu cơ,  
Phải cân, phải nhắc, ít là ba phen.  
Mưu cơ, kế hoạch chu tuyền,  
Thế thời chắc chắn sẽ nên công trình.*

**Tượng rằng:**

*Ba phen kế hoạch dấn đo,  
Thời thôi thêm thắt vòng vo làm gì ?*

Hào **Cửu tam** là một người cương trực, nên muốn tiến hành gấp công chuyện cách mạng. Tuy nhiên Dịch cho rằng: Làm gấp, làm vội, sẽ gặp tai ương (**Cửu tam. Chinh hung**). Muốn làm cách mạng, phải luôn theo chính nghĩa, phải biết lo lắng đề phòng. (**Trinh lệ**). Phàm là cơ mưu của mình, cũng như dư luận quần chúng, cần được duyệt, được khảo cho tường tận, kỹ càng (**Cách ngôn tam tộ**). Tức là phải duyệt xét ba lần. Có cẩn trọng như vậy, mới chắc chắn nên công (**Hữu phu**). Nhưng cẩn trọng, không phải là do dự. Một khi kế hoạch đã được thảo luận kỹ càng rồi, phải được đem ra thi hành, chứ đừng nên do dự, tìm đường lối khác mà chi. Vì thế Tượng Truyện mới nói: **Cách ngôn tam tộ. Hữu hà chi hỹ**. Hữu hà chi hỹ là: còn đi đâu nữa, còn thêm gì nữa.

#### **4. Hào Cửu tứ.**

九四 . 悔亡 . 有孚 . 改命 . 吉 .

象曰 . 改命之吉 . 信志也 .

*Cửu tứ.*

**Hồi vong. Hữu phu. Cải mệnh. Cát.**

*Tượng viết:*

**Cải mệnh chi cát. Tín chí dã.**

**Dịch.**

*Hết điều hối hận, phàn nàn,  
Mọi người tin tưởng hoàn toàn từ nay.*

Cho nên cứ việc đổi thay,  
Công trình Cách mệnh hẳn hay, hẳn lành.  
**Tượng rằng:** Cách mệnh là hay,  
Là vì trên dưới, đó đây tin lòng.

**Hào Cửu tứ** ám chỉ một người:

1. Có tài làm cách mạng (Hào Dương).
2. Gặp thời cơ thuận tiện (vượt Hạ quái, lên Thượng quái)
3. Có thế (Ở giữa Thủy và Hỏa, Đoài và Ly).
4. Được tin nhiệm (Kẻ Hào Cửu ngũ là Quân vương).
5. Có chí lớn, không bị ràng buộc (Hào Cửu tứ không ứng với Sơ).
6. Mình lại thành khẩn, được mọi người tin cậy. (**Hữu phu**). Như vậy mà ra tay làm cách mạng, chắc là được mọi sự may mắn, tốt lành (**Cải mệnh. Cát**).

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五. 大人虎變. 未占有孚.

象曰. 大人虎變. 其文炳也.

*Cửu ngũ.*

**Đại nhân hổ biến. Vị chiếm hữu phu.**

*Tượng viết:*

**Đại nhân hổ biến. Kỳ văn bỉnh dã.**

**Dịch.**

*Đại nhân như hổ thay lông,  
Không cần bói toán, muôn lòng đều tin.*

**Tượng rằng:**

*Đại nhân như hổ thay lông,  
Là vì sự nghiệp thành công rõ ràng.*

**Hào Cửu ngũ:** Đại nhân như hổ thay lông, thực thi được những công trình cải cách vĩ đại nhân tiên (**Đại nhân hổ biến**). Vì thế, ảnh hưởng của vị quân vương, sau khi đã hoàn thành được công cuộc cách mạng, thật là lớn lao.

Đề bình giải Hào này, Nho gia thường trích dẫn lời sách của Mạnh Tử: *Người quân tử đi đến đâu, thì ở đó được cải hoá. Người ở đâu, thì ảnh hưởng như thần. Ảnh hưởng người phổ cập khắp nơi, từ trên chí dưới, lưu thông dung hiệp với trời đất... Như vậy sao có thể nói được rằng: Người chỉ làm lợi ích nhỏ cho xã hội?* (Mạnh Tử, Tận Tâm thượng tiết 13). Đại nhân mà cách mạng bản thân thiết tình, mà gây được một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với dân, thì chẳng cần bói toán, cũng biết rằng người ta vẫn tin mình (**Vị chiếm hữu phu**). Tượng Truyện cho rằng: Công trình và ảnh hưởng của bậc quân vương như hổ thay lông, rõ ràng, hiển hiện. (**Đại nhân hổ biến. Kỳ văn bỉnh dã**).

## 6. Hào Thượng Lục.

上六。君子豹變。小人革面。征凶。居貞吉。

象曰。君子豹變。其文蔚也。小人革面。順以從君也。

*Thượng Lục.*

**Quân tử báo biến. Tiểu nhân cách diện. Chinh hung. Cư chinh cát.**

*Tượng viết:*

**Quân tử báo biến. Kỳ văn úy dã. Tiểu nhân cách diện.  
Thuận dĩ tông quân dã.**

**Dịch.**

*Quân tử như báo thay da,  
Tiểu nhân sắc diện, nay đã khác xưa.  
Đừng nên dỏ dối quá đă,  
Miễn sao mình chính, thế là đã hay.*

**Tượng rằng:**

*Quân tử như báo thay da,  
Phong quang vẫn vẻ, mặt mà dễ ưa.  
Tiểu nhân sắc diện khác xưa,  
Thuận tình vâng lệnh nhà vua từ rầy.*

**Hào Thượng Lục:** Khi cuộc Cách mạng đã thành rồi, thì người quân tử cũng thành khẩn mà thay đổi lễ lối sống, như báo thay lông. Còn tiểu nhân thì chỉ thay đổi phía bên ngoài (**Quân tử báo biến. Tiểu nhân cách diện**). Lúc ấy làm gì thêm nữa cũng chẳng hay, cứ giữ được đường lối cách mạng đã hoạch định là tốt (**Chinh hung. Cư chinh cát**). Tào Tham được cử làm Thừa tướng thay Tiêu Hà, thời cứ tuân theo pháp độ của Tiêu Hà mà trị, không nhiều chuyện bày vẽ thêm. Vua Huệ Đế hỏi: Khanh làm thừa tướng, là chỗ đại nhiệm trong thiên hạ, sao cả ngày ngồi không, lẳng lẳng chẳng thấy trị việc chi hết vậy? Tào Tham tâu rằng: Bệ hạ xét mình thánh minh thần võ, sánh với Cao Đế ai hơn? Vua nói: Trẫm đâu dám sánh với tiên đế. Tào Tham lại hỏi: Bệ hạ xem tài năng tôi và Tiêu Hà ai hơn? Vua nói: Tài khanh có khi chẳng bằng Tiêu Hà. Tào Tham nói: Bệ hạ thánh minh đã chẳng bằng Cao đế, còn tôi cũng chẳng bằng Tiêu Hà. Cao Đế đã định pháp, thì Bệ hạ phải tuân giữ, còn Tiêu Hà đã lập thiện chánh, thì tôi phải vâng theo mà làm. Chúa tôi đồng lòng noi theo mà trị, thì bốn biển thanh bình, muôn dân an nghiệp, thiên hạ thái bình, có phải là bệ hạ đặng ngôi an, chẳng tốt hơn sao, lựa phải canh cải cho sanh ra nhiều việc làm chi ! Vua khen phải (Tây Hán diễn nghĩa, 615). Thế đúng là **Chinh hung. Cư chinh cát** vậy.

*Tượng viết:* **Quân tử báo biến. Kỳ văn úy dã. Tiểu nhân cách diện. Thuận dĩ tông quân dã.** Người quân tử, lúc này đã biến đổi lễ lối cũ, sống theo đường lối mới như báo thay da, chững chàng rực rỡ (**Quân tử báo biến. Kỳ văn úy dã**). Còn tiểu nhân thì mới có sự thay đổi ngoài mặt, để thuận theo nhà vua. Như vậy cũng không nên đòi hỏi hơn nữa (**Tiểu nhân cách diện. Thuận dĩ tông quân dã**).

## ÁP DỤNG QUÊ CÁCH VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, thế giới đã Cách mạng hoá, nên đã thay đổi tất cả, từ quốc gia, xã hội, văn hóa, gia đình v.v.. Sự thay đổi, dĩ nhiên là mang lại sự tốt đẹp hơn, nhưng đôi lúc đã đi quá trớn, nên đã mang lại nhiều lỗi lầm tai hại. Ví dụ: Cách mạng đã mang lại chế độ Cộng Sản, tuy đã lật đổ được nền quân chủ độc tài, phong kiến, nhưng vì những người cầm đầu đã đi quá trớn, nên khiến cho dân chúng lầm than, kinh tế kiệt quệ.v.v.

\***Ngoài xã hội**, người phụ nữ được bình đẳng, bình quyền, nên từ công sở đến học đường, người phụ nữ cũng tham gia đông đảo. Trong gia đình, người vợ có nghề hoặc có công ăn việc làm, thì người chồng cũng bớt được gánh nặng, và đời sống gia đình sẽ thoải mái, vững vàng hơn. Nhưng cũng có những trường hợp, vì có nghề và có thể tự túc được, nhiều khi còn có tài năng, hoặc làm ra nhiều tiền hơn chồng, mà người vợ đâm ra tự kiêu, coi thường chồng, hoặc không còn chịu nhin nhục như xưa, nên gia đình trở thành địa ngục, rồi mạnh ai nấy tìm người thích hợp với mình hơn, và dễ dàng chia tay nhau, mặc dù lũ con còn nhỏ dại.

Tóm lại, ta thấy Cách mạng chưa hẳn là hay hoàn toàn, mà là phải tùy ta có biết xử dụng nó hay không? Muốn được như ý, ta **phải có một nền giáo dục, một nền đạo đức vững chắc làm căn bản**. Những người cầm đầu nước phải biết thương dân, lo lợi ích trường cửu cho dân. **Trong gia đình**, vợ chồng phải biết lo lắng, cộng tác với nhau, phải có trách nhiệm bảo vệ gia đình, và giáo dục con cái. Và tự ngàn xưa, ai cũng biết: **Gia đình có vững, thì dân mới giàu. Dân có giàu, thì nước mới mạnh vậy.**

## 50. 火風鼎 HỎA PHONG ĐỈNH

**Đỉnh Tụ Quái**

**鼎序卦**

Cách vật giả mạc nhược Đỉnh.

**革物者莫茹鼎**

Cổ thụ chi dĩ Đỉnh.

**故受之以**

### Đỉnh Tụ Quái

*Đổi thay mọi vật, Đỉnh nay nhất rồi.*

*Cho nên, Đỉnh mới tiếp ngôi.*

Sau quẻ Cách, tiếp đến quẻ Đỉnh. Cách là thay đổi cái cũ, Đỉnh là gây dựng cái mới. Từ thời Đại Võ, Đỉnh là tượng trưng cho sự bền vững của quốc gia. Vì thế Đại Võ đã đúc chín đỉnh. Đến đời Thành Vương nhà Chu, để cử đỉnh ở Giáp Nhạc. Bói thấy nhà Chu làm vua được 30 đời, và làm 700 năm. Đến năm 23 đời Chu Liệt Vương, Cử đỉnh tự nhiên giao động, đó là điềm nhà Chu bất an vậy. Đến sau, quả nhiên Tần Thủy Hoàng diệt nhà Chu và đoạt cử đỉnh.

Quẻ Đỉnh gọi hình ảnh cái Đỉnh.

- Hào Sơ là chân đỉnh
- Hào 2, 3, 4, là lòng đỉnh (để đựng đồ ăn).
- Hào 5 là tai đỉnh.
- Hào 6 là khoen đỉnh

Đỉnh dùng để đựng đồ ăn, trong những dịp tế lễ, yến ẩm, vì thế đỉnh còn gọi lên ý nghĩa dưỡng hiền. Với tất cả ý nghĩa và hình ảnh trên, quẻ Đỉnh bàn về mấy vấn đề chính yếu sau đây:

1. Sau cuộc Cách mạng, cần phải kiến thiết quốc gia, xây dựng một đời sống mới cho dân.
2. Muốn xây dựng một đời sống mới cho dân, nhà vua cần phải anh minh, phải biết trọng dụng nhân tài.

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

鼎 . 元 吉 . 亨

**Đỉnh. Nguyên cát. Hanh.**

Dịch.

*Đỉnh dùng nấu nướng, dưỡng nuôi,  
Thành toàn tốt đẹp, êm xuôi mọi bề.*

Sau cuộc cách mạng, nếu an định được quốc gia, kiến thiết được quốc gia, mới thực là tốt lành. (**Đỉnh. Nguyên cát**). Như vậy, đời sống quốc gia sẽ được thông suốt (**Hanh**).

### *Thoán Truyện.*

*Thoán viết:*

象曰 . 鼎 . 象也 . 以木巽火 . 亨飪也 . 聖人亨以享上帝 . 而大亨以養聖賢 . 巽而耳目聰明 . 柔進而上行 . 得中而應乎剛 . 是以元亨 .

**Đỉnh. Tượng dã. Dĩ mộc tốn hỏa. Phanh nhậm dã. Thánh nhân phan dĩ hưởng Thượng Đế. Nhi đại phan dĩ dưỡng Thánh hiền. Tốn nhi nhĩ mục thông minh. Nhu tiến nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ nguyên hanh.**

Dịch. *Thoán rằng:*

*Đỉnh dùng nấu nướng nuôi thân.  
Củ đun, lửa nấu, đồ ăn chín mùi.  
Thánh nhân dùng vạc tế trời,  
Cỗ bàn, yến ẩm dưỡng nuôi Thánh hiền.  
Khiêm cung, tai mắt sáng thêm,  
Nhu từ phía dưới, tiến lên trên dân.  
Xưng ngôi, lại được hiền thân,  
Cho nên mới được mọi phần hanh thông.*

**Thoán Truyện** cho rằng: Đỉnh chính là hình ảnh cái đỉnh, cái vạc (**Đỉnh tượng dã**). Quẻ Đỉnh, trên là Ly, là Hỏa; dưới là Tốn, là gỗ, là cho vào. Vì thế quẻ Đỉnh gọi lên ý nghĩa chụm củi để đốt lửa, để nấu nướng (**Dĩ mộc tốn hỏa phan nhậm dã**). Thánh nhân dùng vạc nấu đồ ăn để:

1. Tế lễ Thượng Đế.

2. Khoản đãi Thánh hiền. (**Thánh nhân phan dĩ hưởng Thượng Đế. Nhi đại phan dĩ dưỡng Thánh hiền.**) Thượng Đế cần lòng, không cần của lễ, nên dùng chữ **Phan**, Hiền Thánh cần được thù tiếp, nuôi dưỡng cho trịnh trọng, nên dùng chữ **Đại phan**.

Muốn cho nước nhà hưng vượng, công trình kiến thiết được hanh thông, nhà vua cần phải minh mẫn, thông tuệ, từ tốn (**Tốn nhi nhĩ mục thông minh**), mềm dẻo mà tiến bước, ăn ở cho phải đạo, lại được hiền thần giúp đỡ (**Nhu tiến nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ nguyên hanh**).

Xưa nay, biết bao nhiêu người *có thể lật đổ một chế độ, nhưng đến lúc lên cầm vận mệnh quốc gia, thời không biết lèo lái con thuyền quốc gia ra sao, không biết phải làm gì nữa*. Thế là chỉ biết **Cách cổ**, mà không biết **Đỉnh tân**. Như vậy chỉ tổ làm loạn dân, loạn nước mà thôi. Cái bí quyết thành công trong chương trình kiến thiết quốc gia là nhà vua phải là vị anh quân, hơn nữa là phải biết dùng hiền tài phụ bật.

### III. Đại Tượng Truyen.

象曰. 木上有火. 鼎. 君子以正位凝命.

*Tượng viết:*

**Mộc thượng hữu hỏa. Đỉnh. Quân tử dĩ chính vị ngưng mệnh.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Đỉnh là gỗ có lửa trên,*

*Hiền nhân chính vị làm nên cuộc đời.*

*Vị cho cao trọng, mới thôi,*

*Hoàng trung chính vị, mệnh trời mới ngưng.*

Các lời giải thích về Đại Tượng quẻ Đỉnh này rất khác nhau. Người thì giải **Mệnh** là **Mệnh lệnh**, người thì giải **Mệnh** là **Mệnh Trời** (Chu Hi). Ta chỉ chọn hai cách Dịch, và hai cách Bình.

#### A. Dịch.

1. **Theo Nho:** Trên gỗ có lửa là Đỉnh, quân tử phải xếp đặt vị thứ cho hân hoi, xác định luật lệ cho nghiêm chỉnh. (Tông Bản Thập Tam Kinh).

2. **Theo Lão:** Trên gỗ có lửa là Đỉnh, quân tử phải tìm ra địa vị chính đáng của mình, thực hiện cho được định mạng của mình.

#### B. Bình

1. **Bình theo Nho:** Khi cuộc Cách mạng đã xong, một cục diện mới đã sinh, thời phải lo chính vị an mệnh. **Chính vị** là phân tôn ti, cho xã hội có trên, có dưới, phân minh. **Ngưng mệnh** là xác định luật lệ cho nghiêm chỉnh, xác định đường lối cho rõ ràng, để mọi người cứ đây mà theo (Tông Bản Thập Tam Kinh). Ví dụ như khi Nasser đã lật đổ Farouk, và lên làm Tổng Thống Ai Cập, liền vạch ra 6 mục tiêu:

1. Phản đế.
2. Đả phong.
3. Bãi bỏ các độc quyền.
4. Thành lập một quân đội mạnh mẽ.

5. Thành lập một chế độ xã hội công bằng.

6. Thành lập một thể chế dân chủ lành mạnh.

Hoặc Tôn Dật Tiên, sau khi lật đổ nhà Mãn Thanh năm 1911, đã lập nên Trung Hoa Dân Quốc với:

**\*Chủ nghĩa tam dân:**

- Dân tộc. Dân sinh. Dân quyền.

**\* Ngũ Quyền:**

- Lập pháp. Hành chính. Tư pháp. Khảo thí. Giám sát vv...

2. **Bình theo Lão.** Hiền nhân, quân tử, phải biết lấy cái hữu hình là hoàn cảnh xác thân, tâm tình để dưỡng nuôi cái vô hình là tâm linh. Biến cái hữu thể thành vô thể, vượt tầm kích con người lên tới địa vị thần minh, đó mới là chính vị, là ngôi vị chính đáng của mình, mới là thực hiện được định mệnh cao sang của mình. (Lưu nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân)

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 鼎顛趾 . 利出否 . 得妾以其子 . 無咎 .

象曰 . 鼎顛趾 . 未悖也 . 利出否 . 以從貴也 .

*Sơ Lục.*

**Đỉnh điên chi. Lợi xuất bĩ. Đắc thiếp dĩ kỳ tử. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Đỉnh điên chi. Vị bội dã. Lợi xuất bĩ. Dĩ tông qui dã.**

**Dịch.**

*Đỉnh mà chân chống lên trời,  
Lợi là bụi bậm sẽ rơi ra ngoài.  
Cát đặng chút phận nhỏ nhoi,  
Nếu mà sinh được mụn trai, lỗi gì.*

**Tượng rằng:**

*Đỉnh tuy chân chống lên trời,  
Cũng chưa đến nỗi là sai, là lầm.  
Lợi là bụi bậm sạch không,  
Rời ra có thể theo dòng thanh tao.*

**Hào Sơ Lục:** Như ta đã thấy, quẻ Đỉnh nói về **trọng dụng hiền tài, để kiến thiết quốc gia**. Hào Sơ này đại ý nói: **Dụng nhân như dụng mộc**. Người dở mà biết dùng cũng hóa hay, chẳng khác nào Đỉnh chống chân, giúp ta vét được bụi bậm bám trong lòng đỉnh (**Đỉnh điên chi. Lợi xuất bĩ**), hoặc như có vợ lẽ cũng có thể sinh quý tử cho chồng (**Đắc thiếp dĩ kỳ tử**). Tóm lại, biết dùng thời dở cũng hóa hay, cho nên không gì đáng trách (**Vô cửu**).

Nên, thấy người dùng kẻ dở, vị tất đã là người quấy, cũng như thấy Đỉnh chống chân lên trời, vị tất đã là điều nghịch lý (**Đỉnh điên chi. Vị bội dã**). Điều phải xét, là người được dùng có làm



nên việc hay chẳng, cũng như xét xem Đỉnh chông chân, có phải là để vết bụi ra không? Cái quí là ở chỗ hợp thời, hợp cảnh. (Lợi xuất bĩ. Dĩ tòng quí dã).

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 鼎有實 . 我仇有疾 . 不我能即 . 吉 .

象曰 . 鼎有實 . 慎所之也 . 我仇有疾 . 終無尤也 .

*Cửu nhị.*

**Đỉnh hữu thực. Ngã cừu hữu tật. Bất ngã năng tức. Cát.**

*Tượng viết:*

**Đỉnh hữu thực. Thận sở chi dã. Ngã cừu hữu tật. Chung vô vuu dã.**

**Dịch.**

*Vạc đầy ăm ắp thức ăn,  
Ta đây có kẻ để tâm giận hờn.  
Giận ta, nhưng chẳng dám nhòn,  
Chẳng điều gàn gỏi, bõm sơm tốt rồi.  
**Tượng rằng:** Vạc có thức ăn,  
Đường đi nước bước, để tâm lo lờng,  
Vời ta có kẻ chẳng thương,  
Nhưng mà họ chẳng có đường trách ta.*

**Hào Cửu nhị:** Quân tử ra giúp đời, gánh vác trách nhiệm xây dựng đất nước, cũng như cái Đỉnh có nhiều đồ ăn (**Đỉnh hữu thực**). Khi Đỉnh có chức, có quyền, thường bị tiểu nhân ghen ghét, tật đố (**Ngã cừu hữu tật**). **Ngã cừu** nghĩa là thù oán với ta, **Hữu tật** nghĩa là có lòng ghen ghét. Trong trường hợp này, ta phải lập nghiêm, đừng cho họ bén mảng đến gần (**Bất ngã năng tức**), được vậy sẽ tốt lành (**Cát**). **Tức** đây nghĩa là đến gần. Mới hay, những người có tài, có đức, y như Đỉnh đầy đồ ăn (**Đỉnh hữu thực**), có lo chi không được đời trọng dụng. Tuy nhiên, cũng phải cẩn trọng trong đường đi, nước bước của mình (**Thận sở chi dã**). Như vậy, nếu thù địch mình có ghen ghét mình (**Ngã cừu hữu tật**), cuối cùng cũng chẳng làm gì được mình (**Chung vô vuu dã**).

## 3. Hào Cửu tam.

九三 . 鼎耳革 . 其行塞 . 雉膏不食 . 方雨虧悔 . 終吉 .

象曰 . 鼎耳革 . 失其義也 .

*Cửu tam.*

**Đỉnh nhĩ cách. Kỳ hành tắc. Trĩ cao bất thực.  
Phương vũ khuy hồi. Chung cát.**

*Tượng viết:*

**Đỉnh nhĩ cách. Thất kỳ nghĩa dã.**

**Dịch.**

Vạc mà đang đổi thay tai,  
Thế là bé tắc, khó rời chân đi.  
Quý như mỡ trĩ còn chê,  
Mưa rơi, mới hết ử ê, phàn nàn.  
Cuối cùng, cũng sẽ chu toàn,  
Rời ra cũng sẽ được an, được lành.  
**Tượng rằng:** Vạc đổi thay tai,  
Thế là nghĩa lý, mất rồi còn đâu.

**Cửu tam** tượng trưng một người anh hùng hữu tài, hữu đức, mà chưa đạt thời, đạt vận, chưa được bậc quân vương biết đến, như vậy có khác nào một chiếc đỉnh đựng đầy của ngon, vật lạ như mỡ trĩ, mà vì đỉnh đang thay tai, không thể khiêng đi được, nên chẳng được ai ăn (**Đỉnh nhĩ cách. Kỳ hành tắc. Trĩ cao bất thực**). Nhưng chẳng lẽ Tử Nha cứ ngồi câu nơi sông Vị mãi, chẳng sớm chày âu cũng gặp Văn Vương, và chung cuộc sẽ tốt lành (**Phương vũ khuy hối. Chung cát**).

Tượng viết: **Đỉnh nhĩ cách. Thất kỳ nghĩa dã.** Cho nên, nếu ta có tài, thì phải tin rằng:

*Thân hệ bang gia chung hữu dụng.  
Thiên sinh hào kiệt mạc ưng hư*  
(Cao Bá Quát, Cuộc Phong trần)

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 鼎折足 . 覆公餗 . 其形渥 . 凶 .

象曰 . 覆公餗 . 信如何也 .

*Cửu tứ.*

**Đỉnh triết túc. Phúc công túc. Kỳ hình ốc. Hung.**

*Tượng viết:*

**Phúc công túc. Tín như hà dã.**

**Dịch.**

*Đỉnh mà gãy rụi cả chân,  
Lung tung, đổ hết thức ăn ông Hoàng.  
Tía tai, đổ mặt, bẽ bàng.  
Rời ra âu sẽ nhờ nhàng, rui ro.*

**Tượng rằng:**

*Đổ đồ ăn uống ông Hoàng,  
Thế thời tin cậy được làm sao đây.*

**Cửu tứ** tượng trưng một người không đủ tài đức, mà phải gánh một trách nhiệm quá sức mình, nên làm hỏng hết công việc đã được giao phó. Y như cái đỉnh đã bị gãy chân (**Đỉnh triết túc**), làm đổ hết thức ăn của vua chúa ra ngoài (**Phúc công túc**). Như vậy đáng thẹn thay (**Kỳ**

hình ốc. **Hung**). Tượng viết: **Phúc công túc. Tín như hà dã.** Đã đánh đồ thức ăn của vua chúa, thì làm sao còn tin được nữa.

### 5. *Hào Lục ngũ.*

六五 . 鼎黃耳 . 金鉉 . 利貞 .

象曰 . 鼎黃耳 . 中以為實也 .

*Lục ngũ.*

**Đỉnh hoàng nhĩ. Kim huyền . Lợi trinh.**

*Tượng viết:*

**Đỉnh hoàng nhĩ. Trung dĩ vi thực dã.**

**Dịch.**

*Quai vàng, khoen cũng bằng vàng,*

*Sao cho minh chính, vững vàng, thời hay.*

**Tượng rằng:** *Đỉnh có quai vàng,*

*Chính trung, lòng vẫn tiềm tàng, chắc chiu.*

**Lục ngũ** tượng trưng cho quai đỉnh. Đỉnh không quai, thời không di chuyển được, thành thử có thức ăn, cũng chẳng được dùng, như ta đã thấy trong Hào Ba. Như vậy, đỉnh nhờ có quai mới trở nên linh động. (**Đỉnh hoàng nhĩ. Kim huyền. Lợi trinh**). **Cũng một lẽ, đấng quân vương mà biết cầu hiền, sẽ làm cho đời sống chính trị trong nước trở nên linh động.** Vua thời như quai đỉnh (**Hoàng nhĩ**), hiền thần thời như khoen đỉnh (**Kim huyền**), đôi đàng hợp tác với nhau, để mưu đại công, đại sự. Đỉnh có tai vàng (**Đỉnh hoàng nhĩ**), cũng như nước có vua tốt. Vua tốt chính vì đã biết xử theo lẽ phải (**Trung dĩ vi thực dã**).

### 6. *Hào Thượng Cửu.*

上九 . 鼎玉鉉 . 大吉 . 無不利 .

象曰 . 玉鉉在上 . 剛柔節也 .

*Thượng Cửu.*

**Đỉnh ngọc huyền. Đại cát. Vô bất lợi.**

*Tượng viết:*

**Ngọc huyền tại thượng. Cương nhu tiết dã.**

**Dịch.**

*Đỉnh đồng, khoen ngọc quá xinh,*

*Bề nào cũng tốt, cũng lành, cũng hay.*

**Tượng rằng:** *Khoen ngọc bên trên,*

*Cương nhu tiết tấu, âm êm, hiệp hòa.*

**Thượng Cửu:** Hiền tài trong nước ví như khoen đỉnh (**Đỉnh ngọc huyền**). Đỉnh có tai, nhưng phải có khoen nữa, mới có thể di chuyển được. **Nước có minh quân, nhưng phải có hiền**

*thần phụ bất*, thời mới làm nên công chuyện, thời mới hay, mới tốt (**Đại cát. Vô bất lợi**). Tượng viết: **Ngọc huyền tại thượng. Cương nhu tiết dã**. Hiền tài như là khoen ngọc bổ túc cho đỉnh trở nên hoàn mỹ. Khoen ngọc thì vừa cương, vừa nhu, trúng tiết. Hiền tài cũng quý ở chỗ biết dung hoà cả cương lẫn nhu.

## ÁP DỤNG QUÊ ĐÌNH VÀO THỜI ĐẠI

Quê Đình tiếp sau quê Cách. Người xưa nói: *Cách cố, đĩnh tân*. Nghĩa là thay cũ, đổi mới. Ta lấy ví dụ những việc chính quyền Cộng Sản đã làm từ năm 1946 trở đi.

Trước hết là *Cách cố* là Thay cũ. Họ đã thay những cái gì mà họ cho là hủ bại, thối nát. Khẩu hiệu đưa ra là **Bài phong, đả thực** (Bài trừ phong kiến, đả đảo thực dân), mà bài trừ phong kiến là đánh phá các giai cấp Trí, Phú, Địa, Hào (Đánh trí thức, người giàu, điền chủ, cường Hào, ác bá). Còn **Đĩnh Tân** là xây dựng chủ nghĩa Cộng Sản. Đó là truất bỏ tư điền, tư hữu, nhân dân sẽ lao tác (lao động là vinh quang), không được sống xa xỉ, hưởng thụ, còn Đảng sẽ nắm mọi quyền hành như buôn bán, kinh doanh, nắm trọn quyền chính trị vv...

Đảng Cộng Sản được xây dựng lên từ học thuyết Mác Lê (Karl Mark và Lénine). Và Cộng Sản đã tung hoành từ 1917 cho đến 1989 mới sụp đổ. Hiện nay chỉ còn 4 nước theo Cộng Sản. Đó là Cuba, Trung Hoa, Việt nam, và Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên ở những nước này Cộng Sản đã biến dạng, không còn cứng rắn như xưa.

Quê Đình còn dạy người cầm quyền phải biết *Dụng nhân như dụng mộc*, nghĩa là phải biết dùng người. Ai ai cũng có cái hay, cái dở. Cái khéo là biết dùng họ cho đúng chỗ, đúng lúc, đúng nơi. Sinh ra đời, ta không nên cố chấp. Chế độ nào cũng có cái hay, cái dở. Cái dở là những gì hủ lậu, lỗi thời, làm cho con người khổ sở và không thể tiến lên được. Chúng ta cần phải biết gạt đục, khơi trong, giữ cái hay, bỏ cái dở, chính là vì vậy. Những người cầm quyền còn phải biết nhìn xa, trông rộng, để theo kịp đà tiến hóa của thế giới. *Phải biết nhận những lỗi lầm của mình, phải biết sửa sai, chớ dùng thần thánh hóa mình và coi dân như cỏ rác, mới mong dân cộng tác với mình*. Phải thương dân, lo cho dân được no ấm, và dạy dân tiến hóa về mọi mặt : *Tinh thần, Vật chất, và đạo đức*, như vậy mới mong sự nghiệp được vững vàng.

Nước Pháp năm 1789 đã lật chế độ Quân chủ độc tài, đã đề cao Tự Do, Bình quyền và Huynh đệ. Abraham Lincoln (1861-1864), đã hủy bỏ chế độ nô lệ tại Mỹ. Đó là những bước tiến khả quan của nhân loại. Nhờ vậy, mà nay người ta không còn đánh giá con người theo màu da, sắc áo, mà bằng phẩm giá con người.

Càng đi sâu vào lẽ Dịch, ta càng thấy mọi sự đều biến thiên, tiến hóa để đi dần đến những gì là tốt lành, đẹp đẽ. Trong đời ta, ta đã chứng kiến máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, điện khí, xe hơi, ta đã thấy những nhà chọc trời, những đường hầm đáy biển, tất cả đều nói lên rằng chúng ta sinh ra đời này cốt là để biến thiên, tiến hóa, để càng ngày càng đi vào chỗ hoàn mỹ, thành toàn.

### 51. 震為雷 CHẤN VI LÔI BÁT THUẬN CHẤN

Chấn Tụ Quái

震序卦

Chủ khí giả mạc nhược trưởng tử. 主器者莫若長子

Cổ thụ chi dĩ Chấn.

故受之以震

Chấn giả động dã.

震者動也.

### *Chấn Tự Quái*

*Giữ gìn chủ khí, duy người trưởng nam.*

*Cho nên Chấn tiếp mỗi giường,*

*Chấn là chấn động, cương cường vẫn xoay.*

Chấn có nhiều nghĩa: Chấn là sấm, oai trời, trưởng nam, Đông cung Thái tử, là chấn động, phân động, kinh sợ. Tất cả nghĩa này, đều được dùng trong quẻ Chấn.

Quẻ Chấn tiếp theo quẻ Đỉnh do một sự liên tưởng. Đỉnh là một dụng cụ khi tế tự. Chấn là trưởng nam, có thể thay mặt cha tế tự. Vì thế sau quẻ Đỉnh là quẻ Chấn.

### **I. Thoán.**

#### *Thoán từ.*

震 . 亨 . 震來 . 笑言啞啞 . 震驚百里 . 不喪匕鬯 .

**Chấn. Hanh. Chấn lai khích khích. Tiểu ngôn hách hách.**

**Chấn kinh bách lý. Bất táng chủy sưởng.**

#### **Dịch.**

*Chấn là chấn động lôi đình,*

*Làm cho vạn vật phỉ tình hanh xương.*

*Sấm vang sợ hãi, lo lắng,*

*Rồi ra khúc khích, rộn ràng cười vui.*

*Sấm vang, trăm dặm sợ oai,*

*Vẫn thường bình tĩnh, chẳng rơi chén thìa.*

**Sấm trời** cốt là để kích thích vạn vật, cho nên theo Trung Hoa, thì ngày xuân phân thường có sấm, để đánh thức côn trùng tỉnh giấc đông miên, để giáo đầu cho ngày Xuân mới tung búp trong hoa lá. Vì thế nói: **Chấn hanh. Đối với con người**, thì những sự kinh mang, chấn động trên đời đều có mục đích thức tỉnh con người biết đề phòng, úy cù, biết trở lại đường ngay, nẻo chính. Biết sợ oai trời, biết hồi tâm, thuận phục những định luật của đất trời, sẽ đem lại hạnh phúc cho con người. Vì thế *Thoán nói*: **Chấn lai khích khích. Tiểu ngôn hách hách.** Đại khái rằng có biết úy cù, đề phòng, thì sau mới được hanh thông hoan lạc. Thánh Kinh Công giáo cũng viết: **Kính sợ Trời là khởi điểm của sự khôn ngoan** (Ps. 110, 10.)

Nhưng sợ để biết đề phòng, để biết tu tỉnh, chứ không phải sợ để tiêu hồn, lạc phách. Cho nên Thoán lại dạy tiếp: **Cần phải bình tĩnh. Những người bình tĩnh khi gặp biến cố, mới đáng mặt trị dân.** Ví dụ như: Khi tiếng sấm lớn, vang động, kinh chuyển đến 100 dặm, mà mình vẫn trấn tĩnh được tinh thần, vẫn tiếp tục hành lễ, không bị kinh tâm, đến nỗi đánh rơi mất đồ tế khí (**Chấn kinh bách lý. Bất táng chủy sưởng**).

### *Thoán Truyện.*

象曰 .震 .亨 .震來虩虩 .恐致福也 .笑言啞啞 .後有則也 .震驚百里 .驚遠而懼邇也 .出可以守宗廟社稷 .以為祭主也 .

**Chấn hanh. Chấn lai kích kích. Khủng trí phúc dã. Tiểu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã. Chấn kinh bách lý. Kinh viễn nhi cụ nhĩ dã. Bất táng chủy sưởng. Xuất khả dĩ thủ tông miếu xã tắc dĩ vi tế chủ dã.**

#### **Dịch. Thoán rằng:**

*Chấn là chấn động lôi đình,  
Khai thông tắc uất, phi tình hanh xuong.  
Sấm vang, sợ hãi, lo lường,  
Biết lo, phúc mới có đường sinh sôi.  
Rộn ràng, khúc kích, nói cười,  
Rời ra phép tắc, cơ ngơi đàng hoàng.  
Lôi đình, trăm dặm kinh mang,  
Xa kinh, gần sợ, bàng hoàng đôi nơi.  
Ung dung, thà chén chẳng rơi.  
Miếu tông, xã tắc âu tài đảm đang.  
Đáng tài gìn giữ miếu đường,  
Đáng ngôi chủ tế, chững chàng, uy nghi.*

**Thoán Truyện** bình rằng: Trời làm sấm động ra oai, là cốt để cho con người biết khủng cụ, tu tỉnh, sau mới được hạnh phúc (**Chấn hanh khủng trí phúc dã**). Con người sau sẽ cười vui, vì hành động đúng theo qui tắc, định luật của trời đất (**Tiểu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã**). Câu này thoát xem ngữ tầm thường, nhưng thực ra hàm chứa một ý nghĩa hết sức sâu xa, có hiệu quả vô cùng trọng đại. Thật vậy, vũ trụ này được chi phối bằng những định luật nhất định. Có tìm ra được những định luật thiên nhiên, có theo đúng được những định luật thiên nhiên, nhiên hậu mới giải quyết được mọi căn do làm phiền sầu, khổ não con người, mới đem lại được cho con người một đời sống thực sự. Tiếp đến Thoán Truyện bình rằng: Gặp lúc kinh mang, mọi người đều hoảng hốt, riêng Đông cung Thái tử hành lễ thay vua, nếu vẫn giữ được bình tĩnh, thời đáng mặt giữ gìn tôn miếu, xã tắc (**Chấn kinh bách lý. Kinh viễn nhi cụ nhĩ dã. Bất táng chủy sưởng. Xuất khả dĩ thủ tông miếu xã tắc dĩ vi tế chủ dã**). Người lãnh đạo cần phải bình tĩnh, mới giải quyết công việc quốc gia được.

Một hôm, vua Đại Võ qua sông Giang, bị con rồng vàng đội thuyền lên, cả thuyền đều sợ. Nhà vua không thay đổi thần sắc, nói: *Ta chịu mệnh Trời, một niềm tận tụy vì dân, sống chết của ta là do ý Trời, rồng này làm gì được ta.* Thoát thôi, rồng cúi đầu, cúp đuôi lặn đi mất. (Wieger, Textes Historiques, tome 1, pp.38- 40)

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰 .洊雷 .震 .君子以恐懼修省 .



*Tượng viết:*

**Tấn Lôi. Chấn. Quân tử dĩ khủng cụ tu tĩnh.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Chấn là sấm động liên hồi,  
Lo lường quân tử chau dồi tâm thân.*

Người quân tử phải biết sợ oai trời, mỗi khi thấy sấm động, sét vang, phải biết sợ hãi và tu tĩnh. **Tứ thư, Ngũ kinh** chuyên dạy người:

1. Kính sợ trời.
2. Tu tĩnh.

Đức Khổng cũng đã làm gương sự úy cụ oai trời. Khi có sấm dậy, gió to thì mặt ngài biến sắc (**Tấn lôi. Phong liệt. Tất biến** (Hương đảng X, câu 16). Kính sợ là cốt để tu sửa tâm hồn, tâm hồn được tu sửa sẽ trở nên quang minh chính đại.

### **III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện**

Sáu Hào bàn về ý nghĩa của sự kinh cụ, và thái độ nên có, khi gặp trường hợp kinh mang. Đại khái:

1. Sự kinh cụ có mục đích chuyển hóa con người (Hào Sơ).
2. Lúc gặp kinh mang, phải biết thủ thân vi đại (Hào nhị).
3. Lúc gặp kinh mang, nên lo cải tà qui chánh (Hào tam)
4. Lúc gặp kinh mang, phải chấn tĩnh tinh thần, chứ đừng để tiêu ma hào khí (Hào 4).
5. Gặp lúc kinh mang, phải hành xử cho phải, cho khéo (Hào 5).
6. Lâm nguy, phải biết đề phòng, phải biết cải thiện đường lối (Hào 6)

#### **1. Hào Sơ Cửu.**

初九。震來虩虩。後笑言啞啞。吉。

象曰。震來虩虩。恐致福也。笑言啞啞。後有則也。

*Sơ Cửu.*

**Chấn lai kích kích. Hậu tiểu ngôn hách hách. Cát.**

*Tượng viết:*

**Chấn lai kích kích. Khủng trí phúc dã.**

**Tiểu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã.**

**Dịch. Sơ Cửu.**

*Sấm vang, sợ hãi, lo lường,  
Rời ra khúc kích, rộn ràng cười vui.  
Khúc kha, khúc kích, nói cười,  
Rời ra, mọi sự xong xuôi, tốt lành.*

**Tượng rằng:**

*Sấm vang, sợ hãi, lo lường,*



*Biết lo, phúc mới có đường sinh sôi.  
Rộn ràng, khúc khích, nói cười.  
Rời ra, phép tắc, cơ ngơi đàng hoàng.*

**Hào Sơ** này hoàn toàn nhắc lại lời của Thoán từ. Để nhấn mạnh lại một lần nữa ý nghĩa của sự sợ hãi:

1. Có biết sợ hãi, mới biết đề phòng, mới biết ăn ở cho phải đạo
2. Ăn ở phải đạo, xử sự hợp lý sẽ được hạnh phúc.

3. Như vậy, sự sợ hãi, sự kinh mang trên đời là cái hay, chứ không phải cái dở. Con người, nếu cứ sống mãi trong hoan lạc, sẽ trở nên ù lì, ủy mị, cho nên tỉnh thoảng cũng phải cho họ kinh mang, như vậy họ mới biết lo lắng đề phòng, mới biết phấn tâm cầu tiến.

## 2. Hào Lục nhị.

六二.震來厲.億喪貝.躋于九陵.勿逐.七日得.

象曰.震來厲.乘剛也.

*Lục nhị.*

**Chấn lai lệ. Úc táng bối. Tê vu cửu lăng. Vật trực. Thất nhật đắc.**

*Tượng viết:*

**Chấn lai lệ. Thừa cương dã.**

**Dịch.**

*Sấm vang nguy hiểm mấy mươi,  
Bao đồ té nhuyển, đi đời nhà ma.  
Gò cao trốn chạy cho xa,  
Chẳng tìm của mất, rời ra cũng về.  
Bảy ngày, của lại được y.*

**Tượng rằng:**

*Sấm vang, nguy hiểm mấy mươi.  
Nguy vì đã cười lên người Dương cương.*

**Hào Lục nhị** đặt câu hỏi: Gặp lúc kinh mang, nên giữ của hay nên giữ mạng sống? Trả lời: tất nhiên sẽ phải bỏ của cải (**Úc táng bối**), đề mà cao chạy xa bay (**Tê vu cửu lăng**), thủ thân vi đại. Người mà còn, thì của cũng sẽ còn, vì người làm ra của, chứ của chẳng làm ra người. (**Vật trực. Thất nhật đắc**).

*Tượng viết:* **Chấn lai lệ. Thừa cương dã.** Theo Tượng Truyện, thì sự kinh mang xảy ra thường là vì mình vô tài, mà lại ăn trên, ngồi chốc người có tài. Theo Dịch, thì **Thừa cương** chẳng có bao giờ hay. Xin xem các quẻ, các Hào sau đây để so sánh: **Truân** Lục nhị, **Dự** Lục ngũ, **Phệ hạ** Lục nhị, **Khôn** Lục tam.

## 3. Hào Lục tam.

六三. 震蘇蘇.震行無眚.

象曰。 震蘇蘇。位不當也。

*Lục tam.*

**Chấn tô tô. Chấn hành vô sảng.**

*Tượng viết:*

**Chấn tô tô. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Sấm vang, ngơ ngác, ngác ngơ,  
Sợ run, bỏ ác quay ra làm lành.  
Làm lành, tai hại hết sinh.*

**Tượng rằng:**

*Sấm vang, ngơ ngác, ngác ngơ,  
Bởi vì ngôi vị đang là dở dang.*

**Hào Lục tam** mô tả hạng người gặp nguy cơ, thời thất thân, hốt hoa hốt hoảng (**Chấn tô tô**). Thất thân, hốt hoảng dĩ nhiên là không hay. Nhưng nếu biết nhân dịp này mà cải tà qui chính, thì chẳng có gì đáng trách (**Chấn hành vô sảng**). *Tượng viết: Chấn tô tô vị bất đáng dã.* Không có tài đức xứng ngôi vị, gặp lúc kinh mang, sẽ hốt hoảng không biết lui tới ra sao.

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四。 震遂泥。

象曰。 震遂泥。未光也。

*Cửu tứ.*

**Chấn toại nê.**

*Tượng viết:*

**Chấn toại nê. Vị quang dã.**

**Dịch.**

*Chấn không động, lại đắm chìm,*

**Tượng rằng:**

*Chấn không động, lại đắm chìm,  
Chưa thông sáng đủ, cho nên sa lầy.*

**Hào Cửu tứ.** Có những người gặp lúc kinh mang, muốn phản động để làm chủ tình thế, nhưng vì tinh thần chưa đủ mạnh, nên không sao thoát khỏi thế kẹt, y như người chìm đắm giữa gian nguy, chưa có kế thoát thân. Tượng Truyện bình rằng: Bê bết, mắc kẹt, là vì chưa đủ sáng suốt (**Chấn toại nê. Vị quang dã**).

#### 5. Hào Lục ngũ:

六五。震往來厲。億無喪。有事。

象曰 . 震往來厲 . 危行也 . 其事在中 . 大無喪也 .

Lục ngũ.

**Chấn vãng lai lệ. Úc vô táng hữu sự.**

Tượng viết:

**Chấn vãng lai lệ. Nguy hành dã. Kỳ hung vô cứu. Úy lân giới dã.**

Dịch.

Sấm vang, đi lại hiểm nghèo,  
Nhưng không mất mát, vẫn điều nên công.

Tượng rằng:

Sấm vang, đi lại hiểm nghèo,  
Nghĩa là đi đứng cheo leo, nguy nan.  
Chữ trung, ghi tạc tâm xoang,  
Sẽ không mất mát, chu toàn trước sau.

**Hào Lục ngũ.** Gặp lúc kinh mang, tiến lui đều nguy hiểm, nếu biết xử sự cho hay, cho khéo, thời cũng chẳng mất mát gì, mà còn có thể nên công. Tượng viết: **Chấn vãng lai lệ. Nguy hành dã. Kỳ sự tại trung. Đại vô táng dã.** Lục ngũ tuy gặp nguy, nhưng vì đắc trung, tức là biết xử cho hay, cho phải, cho nên chẳng mất mát, thiệt hại gì.

## 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 震索索 . 視矍矍 . 征凶 . 震不于其躬 .

于其鄰 . 無咎 . 婚媾 有言 .

象曰 . 震索索 . 未得中也 . 雖凶無咎 . 畏鄰 戒也 .

Thượng Lục.

**Chấn tác tác. Thị quắc quắc. Chinh hung. Chấn bất vu kỳ cung. Vu kỳ lân. Vô cứu. Hôn cầu hữu ngôn.**

Tượng viết:

**Chấn tác tác. Trung vị đắc dã. Tuy hung vô cứu. Úy lân giới dã.**

Dịch.

Sấm vang từng trận âm âm,  
Nhón nha nhón nhác, thất thần nhìn quanh.  
Ra đi, âu sẽ chẳng lành,  
Mình đâu bị sấm, sấm hành lân bang.  
Phòng xa, âu sẽ chu toàn,  
Mặc lời đàm tiếu, họ hàng nhỏ to.  
**Tượng rằng:** Sấm động âm âm,  
Sợ vì xử sự chưa nhằm, chưa hay,

*Tuy rằng: Chẳng được mắn may,  
Nhưng mà cũng chẳng đơn sai, lỗi lầm.  
Gương người, nên lấy làm răn.*

**Hào Thượng Lục.** Gặp lúc kinh mang đến cực độ, tinh thần có thể bị thất tán, dung mạo có thể bị phờ phạc, lúc ấy làm gì cũng dở (**Chấn tác tác. Thị quốc quốc. Chinh hung**). Hay hơn hết là phải biết liệu lý, khi họa chưa cập thân, thấy người mắc nạn, phải lấy đó làm bài học, sửa sang lề lối cho kịp thời, tránh họa hoạn cho đúng lúc, mới là biết xử, còn chuyện người ta phê bình chỉ trích, chẳng nên quan tâm (**Chấn bất vu kỳ cung. Vu kỳ lân. Vô cữu. Hôn cầu hữu ngôn**).

*Tượng viết:* **Chấn tác tác. Trung vị đắc dã. Tuy hung vô cữu. Úy lân giới dã.** Lúc gặp kinh mang, mà mất tinh thần, thời dĩ nhiên là chưa có một thái độ lý tưởng. Nhưng nếu biết trông gương người mà tự răn, tự nhủ, thì cũng chẳng có gì là đáng trách.

## ÁP DỤNG QUÊ CHẤN VÀO THỜI ĐẠI

Phải biết kính sợ trời. Mỗi lần nghe thấy sấm sét, thì là Trời muốn thức tỉnh vạn vật nói chung, và loài người nói riêng, để họ phải tự xét mình mà sửa đổi những lỗi lầm đang mắc.

Nói gần hơn, là dạy ta phải biết kính trọng cha mẹ, và phải biết nghe lời cha mẹ. Trên đời này, chỉ có tình của cha mẹ đối với con cái là chân thật hơn cả. Vợ, chồng, anh, em, con, cháu, bè bạn, kẻ ăn người ở trong nhà, đều có thể phản ta, lừa gạt ta; **chỉ có cha mẹ ta là không bao giờ lừa gạt ta, hại ta.** Khi ta lầm lỗi, cha mẹ trách mắng ta, đó là chỉ muốn cho ta hay, và khi đó cha mẹ rất đau lòng vì những lỗi lầm của ta. Cha mẹ phải vất vả, bôn ba trong cuộc sống, phần lớn là lo cho con có một đời sống đầy đủ và vững chắc hơn. Nhưng phận làm con đã lo được gì cho cha mẹ? Chẳng những thế có nhiều người con đã chẳng kể gì những lời khuyên răn của cha mẹ, mà còn coi những lời dạy bảo đó là lỗi thời, lạc hậu, mà chỉ nghe những lời của bè bạn xấu xúi bẩy, để rồi đưa cuộc đời mình vào chỗ không lối thoát.

Tóm lại, như khi Trời nổi sấm là có ý cảnh tỉnh ta. Vậy khi cha mẹ dạy bảo ta, là cảnh tỉnh ta, do đó có la mắng ta, thì ta đừng cãi lại, làm cho cha mẹ đau lòng. Có đôi lúc lời răn dạy đó cũng nóng nảy, vội vã, nhưng dù sao cũng phát ra từ lòng thương con, sợ con bị nguy hại, nên phải cản ngăn con đó thôi. Vậy bốn phận làm con, mỗi khi bị cha mẹ rầy la, phải bình tâm xem lời răn dạy đó có đúng không? Bậc cha mẹ là những người từng trải hơn ta, lẽ dĩ nhiên có kinh nghiệm trong cuộc sống hơn ta, nên những lời dạy dỗ đó không nhiều thì ít cũng có lợi ích cho ta. Vì vậy, ta phải kịp thời sửa đổi những lỗi lầm của ta nếu có, để cho cha mẹ vui lòng, và để ta khỏi hối hận, phàn nàn về sau.

## 52. 艮為山 CÁN VI SƠN BÁT THUẬN CÁN

**Cán Tự Quái**

Vật bất khả dĩ chung động.

Chỉ chi.

艮序卦

物不可以終動。

止之。

Cổ thụ chi dĩ Cán.

故受之以艮。

Cán giả chi dã.

艮者止也。

### Cán Tự Quái

*Vật nào chuyển động mãi đây.*

*Động rồi cũng sẽ có ngày dừng chân.*

*Cho nên lấy Cán mà ngăn.*

*Cán là ngưng nghỉ, là dừng chẳng đi.*

Cán là núi, là ngưng nghỉ, là dừng lại. Sau quẻ Chấn tiếp theo quẻ Cán, vì sự đời động mãi, cũng có lúc phải ngưng, biến dịch mãi cũng có lúc phải kết thúc.

Quẻ Cán này nếu hiểu theo nghĩa đen, thì ngớ ngẩn hết sức, nhưng nếu chúng ta dùng cái nhìn toàn bích để nhìn vào quẻ, nếu chúng ta hiểu **Huyền nghĩa** của quẻ, thì quẻ Cán trở thành một quẻ rất cao siêu.

Trước hết, nếu ta có cái nhìn toàn bích, ta sẽ nhận ra rằng: Dịch Trung Hoa có 2 vòng **Dịch Tiên Thiên** (Phục Hi), và **Dịch Hậu thiên** (Văn Vương). **Khoa chiêm tinh học Âu Châu** cũng có 2 cách nhận định về **vòng Hoàng Đạo**. Dem đối chiếu, ta sẽ thấy tương quan như sau:

**1. Vòng Dịch Tiên Thiên** gồm 8 quẻ của Phục Hi, là **Kiên, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cán, Khôn**, sau biến thành 64 quẻ, và **vòng Hoàng Đạo 1** (Tiên Thiên) của Tây phương. Ở 2 bản đồ phía dưới, ta thấy chu kỳ biến dịch chia làm 2 chặng:

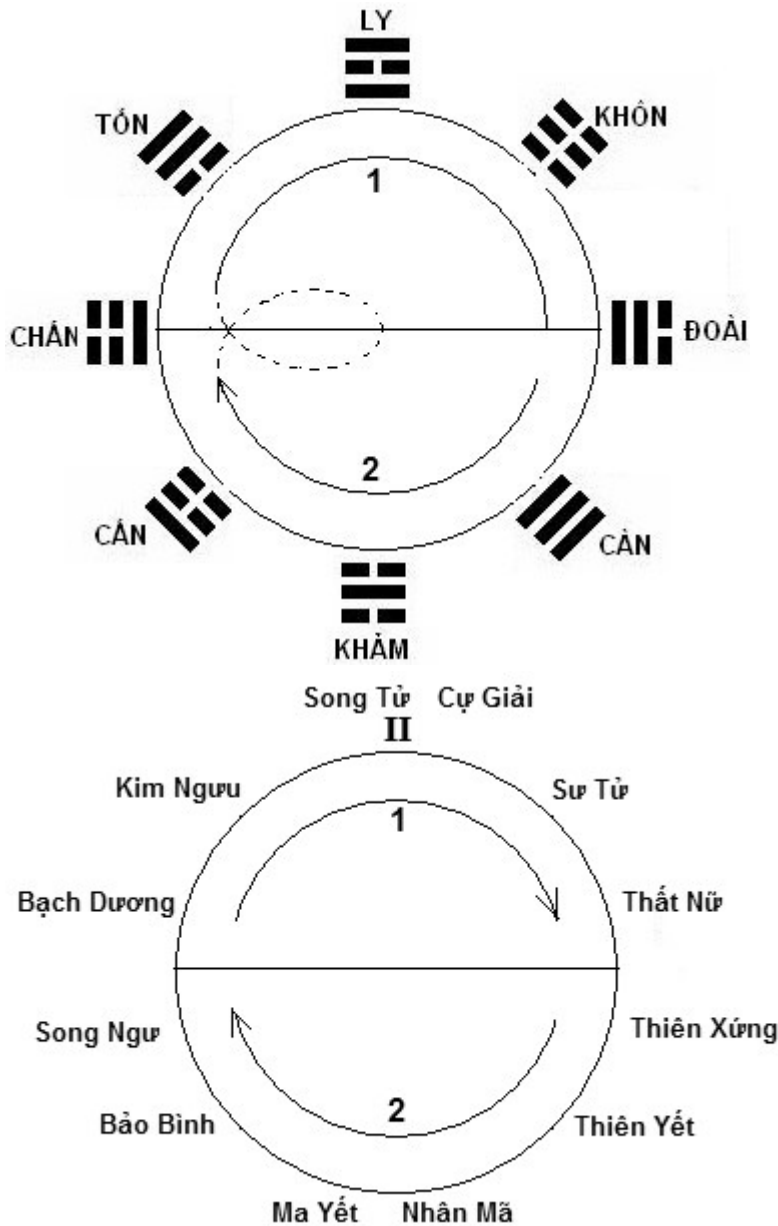
a. Chặng 1 từ **Cấu đến Khôn** (hay Tốn đến Khôn), hoặc từ **Cự giải đến Nhân mã**. Đó là **giai đoạn tán** của vũ trụ và thoái hóa của con người. Thiệu tử cho rằng **Cấu** là đầu chặng đường, để con người ra đi, thăm thú **Động nguyệt** (ngoại cảnh vật chất). Macrobe thì cho rằng **Cự giải** là **cửa người** (La porte des hommes).

b. Chặng 2 từ **Phục đến Kiền**, hay từ cung **Ma Yết** đến cung **Song tử**. Đó là **giai đoạn tục** của vũ trụ, giai đoạn tiến hóa của con người (évolution).

Thiệu tử cho rằng **Phục** là khi con người thấy được **Thiên địa chi tâm**, tức là khởi đầu chặng đường **qui căn, phản bản**. Macrobe cho rằng **Ma Yết** là cửa **Thần minh** (La porte des Dieux)



Vòng **Dịch Hậu Thiên** của Văn Vương, gồm 8 quẻ: **Kiên, Khảm, Cán, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài**, và **Vòng Hoàng Đạo 2** của Tây Phương.



Văn Vương cho rằng con người phải biến thiên theo hướng đi của mặt trời. Cuộc biến thiên *bắt đầu từ quẻ Chấn*, tức là bắt đầu từ lúc sơ sinh, và *kết thúc bằng quẻ Cấn*, tức là *ngưng nghỉ nơi chí thiện*. Vì thế Thuyết Quái Truyện nói: *Vạn vật xuất hồ Chấn... Cấn. Vạn vật chi sở thành chung nhi sở thành thủy dã*. Như vậy, con người có khác nào 1 vì vương tử, cùng với mặt trời đi tuần thú muôn phương, rồi lại trở về cung điện cũ.

Theo *vòng Hoàng Đạo*, thì sự tiến hóa sẽ đi từ cung *Bạch Dương*, và kết thúc bằng cung *Song ngư*. Ông Sénard viết: *Song ngư là cung thứ 12, và là cung sau chót của vòng Hoàng đạo*. Đó là *Thiên đỉnh*, tức là giao điểm của cuộc sống phù sinh và đời sống hằng cửu (M. Sénard, Le Zodiaque. p. 446).

Đó là giai đoạn chót của đời sống huyền đồng. Delacroix viết: *Tiểu ngã bị hủy diệt... và được thay thế bằng 1 nhân cách mới, với một lối cảm nghĩ và hành động mới... Tâm thần con người bị thay đổi, ngã chấp khởi thủy bị tiêu diệt; thay vào đó thấy thể hiện một tâm thức mới, quảng đại hơn; phạm cách được tan biến trong thiên thể. Thiên thể thay thế cho phạm thể cũ*.

## II. Thoán.

### *Thoán từ:*

艮 . 艮其背 . 不獲其身 . 行其庭 . 不見其人 . 無咎 .

**Cán. Cán kỳ bối. Bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình.**

**Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu.**

### **Dịch.**

*Cán là dừng lại sau lưng,*

*Dừng nơi chí thiện, quên thân, quên người.*

*Bản thân mà đã quên rồi,*

*Trong sân đi lại, quên người lỗi chi.*

Trong con người, mọi bộ phận đều động, duy cái lưng thường bất động. Động thường hay làm ác. Tĩnh thì mới chí thiện; cho nên nói: **Cán kỳ bối**, là muốn nói: **Chỉ ư chí thiện**. Do lòng tư dục, con người mới phân nhân, ngã. Dẹp được lòng tư dục rồi, thời chỉ **thấy thiên lý, thấy đạo lý**, không còn phân nhân, ngã nữa. Thế chính là **Bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân** vậy.

### *Thoán Truyện:*

彖曰 . 艮 . 止也 . 時止則止 . 時行則行 . 動靜不失其時 . 其道光明 . 艮其止 . 止其所也 . 上下敵應 . 不相與也 . 是以不獲其身 . 行其庭 不見其人 . 無咎也 .

明 . 艮其止 . 止其所也 . 上下敵應 . 不相與也 . 是以不獲其身 . 行其庭 不見其人 . 無咎也 .

**Cán. Chỉ dã. Thì chỉ tắc chỉ. Thì hành tắc hành. Động tĩnh bất thất kỳ thì. Kỳ đạo quang minh. Cán kỳ chỉ. Chỉ kỳ sở dã. Thượng hạ địch ứng. Bất tương dữ dã. Thị dĩ bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu dã.**

### **Dịch. Thoán rằng:**

*Cán là ngừng nghỉ, thôi đi,*

*Nghỉ khi nên nghỉ, làm khi nên làm.*

*Tùy thời động tĩnh, mới ngoan,*

*Thế thời đạo mới huy quang, rạng ngời.*

*Cán là dừng lại nghỉ ngơi.*

*Dừng chân đứng lại, đứng nơi mới tình.*

*Dưới, trên, ứng đối phân minh,*

*Nhưng mà không có tương tranh, tương thù.*

*Thế nên, thân cũng như sơ,*

*Mình, người, ta vẫn hững hờ như không.*

*Thân mình coi nhẹ lông hồng.*

*Ngoài sân đi lại, chẳng trông thấy người.*

*Mình, người, quên lãng cả đôi,*



*Thế nên mới được êm xuôi, vẹn toàn.*

**Thoán** giải thích: **Cần là ngưng lại.** Biết ngưng, khi đáng ngưng, biết hành động khi đáng hành động. **Động, Tĩnh không lỗi thời,** như vậy mới là sáng suốt. Khi chưa tới mức chí thiện, thời phải cố gắng tiến tới, và chỉ ngưng nghỉ khi đã tới mức chí thành, chí thiện. Cần là ngưng. Ngưng đúng nơi, đúng chỗ, là lý tưởng nhất.

Như Văn Vương, khi làm vua thời nhân; lúc làm bầy tôi thì kính, lúc làm cha thời từ, lúc làm con thời hiếu, khi giao tiếp với người thì giữ tín nghĩa (Xem Đại học, chương III). Như vậy, quẻ Cần dạy ta phải cố sống một cuộc đời lý tưởng, xử sự sao cho lý tưởng, và chỉ ngưng nghỉ khi đạt tới lý tưởng. Mà lý tưởng con người là **phối Thiên, là đạt Thiên đức, Thiên vị.** Quẻ Cần, quẻ trong, quẻ ngoài đều giống nhau, các Hào đều không có ứng dữ, như vậy đã đạt thế trung hòa. Thế là nhị thể giống in nhất thể, trong ngoài là một, không còn phân biệt mình và người, không còn tương đối, tương đãi. Áp dụng vào nơi con người, thời đó là tình trạng thuần nhất đại đồng, phổ quát, nhĩ ngã bất phân.

Vì thế **Thoán viết: Thượng hạ dịch ứng. Bất tương dữ dã. Thị dĩ bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu dã.**

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 . 兼山 . 艮 . 君子以思不出其位 .

*Tượng viết.*

**Kiểm sơn. Cần. Quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị.**

**Dịch.**

*Cần là núi mọc chập chùng,*

*Quân tử cư vị, chứ không ra ngoài.*

**Tượng Truyện** dạy người quân tử không nên mua việc, chuốc lấy tàn phiền vào người. Ngược lại, phải lo sao cho **đức xứng kỳ vị,** và bao giờ cũng cư xử đúng với nghĩa lý, với lý tưởng, và hợp với hoàn cảnh mình đang sống. Như vậy lòng mới bình thản, và mới có thì giờ, mới có khả năng suy tư và tu đạo.

Con người phải luôn hành xử theo đúng nhân cách, phải dừng lại nơi thiên chân, nơi lương năng, lương tri, nơi bản thể tuyệt đối. Lo gì, nghĩ gì, cũng không nên ra ngoài vấn đề ấy. Con người phải luôn **bảo toàn Đạo tâm, Thiên tâm, Thiên tính.** Đừng có rời khỏi địa vị cao quý ấy, thế là biết nơi **Chí thiện** để dừng chân lại (Phỏng theo Lưu nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân).

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 艮其趾 . 無咎 . 利永貞 .

象曰 . 艮其趾 . 未失正也 .

*Sơ Lục.*

**Cần kỳ chỉ. Vô cữu. Lợi vĩnh trinh.**

*Tượng viết:*

## Cán kỳ chỉ. Vị thất chính dã.

### Dịch.

*Ngón chân vừa đung, đã ngừng,  
Một lòng mình chính, chưa từng đơn sai,  
Ai người bắt bẻ, chê bai,  
Luôn luôn mình chính, vậy thời lỗi chi.*

### Tượng rằng:

*Ngón chân vừa đung, đã ngừng,  
Một lòng mình chính, chưa từng đơn sai.*

**Hào Sơ Lục.** Vừa động ngón chân đã biết ngưng (**Cán kỳ chỉ**), tức như nói dục tình vừa máy động, đã biết dừng lại, như vậy thời chẳng lỗi. Đây tức là trạng thái một tâm hồn không xa lìa **Thiên chân**. Nhưng trạng thái này cần được kéo dài, mới hay, mới lợi (**Lợi vĩnh trĩnh**). Tượng giải rằng: Dừng nơi ngón chân là chưa mất sự chính đính vậy (**Cán kỳ chỉ. Vị thất chính dã**).

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 艮其腓 . 不拯其隨 . 其心不快 .

象曰 . 不拯其隨 . 未退聽也 .

Lục nhị.

**Cán kỳ phi. Bất chủng kỳ tùy. Kỳ tâm bất duyệt.**

*Tượng viết:*

**Bất chủng kỳ tùy. Vị thoái thính dã..**

### Dịch.

*Ngừng mà ngừng mỗi bắp chân,  
Ngăn trên không được, nên tâm còn phiền.*

### Tượng rằng:

*Ngăn trên không được, buồn sao,  
Vì trên, đâu có dễ nào chịu nghe.*

**Hào Lục nhị.** **Cán kỳ phi** là ngưng nơi bắp chân, nghĩa là mình chỉ kiềm chế được mình. **Bất chủng** nghĩa là mình chưa kiềm chế được người trên. **Kỳ tùy** nghĩa là mình còn là kẻ tùy tùng, chưa phải là cấp lãnh đạo, chỉ huy, vì thế nên **Kỳ tâm bất duyệt**, tức là lòng chẳng sung sướng. *Tượng Truyện bình rằng:* Mình không kiềm chế được người trên vì người trên đâu chịu nhượng bộ để nghe lời mình (**Bất chủng kỳ tùy. Vị thoái thính dã**). Đức Khổng lúc làm quan, tuy là đức độ, nhưng cũng không ngăn nổi Lỗ Định Công và Quý Hoàn Tử mê đắm nữ sắc.

Mạnh Tử khi thuyết lý với Tề Tuyên Vương, cũng phải tùy hứng của Tề tuyên Vương. Tề tuyên Vương nói: Ta có tật ưa của cải, Mạnh Tử cũng nhân đó mà nói: Xưa ông Công Lưu cũng ưa của cải vv... Tề tuyên Vương nói: Ta có tật ưa sắc đẹp, Mạnh tử cũng phải nhân đó mà nói:

Xưa ông Thái Công cũng hiếu sắc, ông yêu vợ mình vv...(Mạnh Tử Lương huệ Vương Hạ, 5 ). Rút cục, Mạnh Tử cũng không cảm hóa được Tề Tuyên Vương, và phải bỏ nước Tề mà đi.

Khổng Tử cũng gặp trường hợp tương tự . Ngài bỏ Lỗ sang Vệ, tưởng sẽ cảm hóa được Vệ Linh Công. Nhưng thay vì hỏi ngài về đạo lý, Vệ Linh Công lại hỏi ngài về trận mạc (LN. 15, 1). Rồi khi đức Khổng nói về đạo lý, thì Vệ Linh Công lại lơ đãng, ngó lên trời xem nhận bay. (Xem Khổng tử thế gia, năm đức Khổng 59 tuổi).

### 3. Hào Cửu tam.

九三 . 艮其限 . 列其夤 . 厲薰心 .

象曰 . 艮其限 . 危薰心也 .

*Cửu tam.*

**Cẩn kỳ hạn. Liệt kỳ dần. Lệ huân tâm.**

*Tượng viết :*

**Cẩn kỳ hạn. Nguy huân tâm dã.**

**Dịch.**

*Ngừng mà ngừng chỗ ngang hông,  
Ngang hông như đứt, nóng lòng, nóng gan.*

Sự tĩnh lặng tâm hồn phải đến một cách tự nhiên, chứ không phải một cách gượng gạo, gò ép. Không phải ngồi thộn người ra (**Cẩn kỳ hạn.**), mà tâm hồn trở nên tĩnh lặng. Trái lại, những phương pháp tập luyện quá đáng, chỉ làm hỏng xương sống, làm cháy tâm can. Thật là nguy hiểm (**Liệt kỳ dần. Lệ huân tâm**). Hạn là ngang lưng, Liệt là làm đứt, Dần là xương sống, Huân là thiêu đốt, Tâm là tâm can. Tượng cũng bình rằng: Bức bách cơ thể để cho tâm hồn được tĩnh lặng, là việc nguy hiểm, nó sẽ thiêu đốt tâm can (**Cẩn kỳ hạn. Nguy huân tâm dã**).

Hào này làm ta liên tưởng đến những người luyện võ công không đúng phương pháp, nên đã bị **Tẩu hỏa nhập ma**, hay những người cố gắng dồn ép dục tình, nên đã sinh bệnh tật.

### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 艮其身 . 無咎 .

象曰 . 艮其身 . 止諸躬也 .

*Lục tứ.*

**Cẩn kỳ thân. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Cẩn kỳ thân. Chỉ chư cung dã.**

**Dịch:**

*Ngừng mà ngừng được cái mình,  
Thế thời lâm lỗi, còn sinh đường nào.*

**Tượng rằng:**

*Ngừng được cái mình,  
Tức là giữ được tâm tình hẳn hoi.*

Nơi trên đầu que, Thoán từ nói: **Cần kỳ bối. Bất hoạch kỳ thân.** Đó là giai đoạn vong thân, vong ngã. Hào lục tứ đây chưa đạt tới tình trạng siêu việt ấy, vì hãy còn biết có **Thân**, có **Minh**. Tuy nhiên, Lục tứ đã kiềm chế được mình, kiềm chế được dục tình. Như vậy, cũng đã hay rồi (**Cần kỳ thân. vô cử**).

*Tượng viết: Cần kỳ thân. Chỉ chur cung dã.* Tượng cho rằng: Lục tứ đã kiềm chế được mình, đã điều khiển được mình.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 艮其輔 . 言有序 . 悔亡 .

象曰 . 艮其輔 . 以中正也 .

*Lục ngũ.*

**Cần kỳ phụ. Ngôn hữu tự. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Cần kỳ phụ. Dĩ trung chính dã.**

**Dịch.**

*Ngừng mà ngừng được cái hàm,  
Nói năng chừng mực, phàn nàn, khỏi lo.*

**Tượng rằng:** *Ngừng được cái hàm,*

*Con đường trung chính vẹn toàn, mới hay.*

Lục ngũ khuyên nên giữ mồm miệng (**Cần kỳ phụ**). Khuyên nên ăn nói cho đường hoàng, nghĩa lý (**Ngôn hữu tự**). Như vậy, mới tránh được lỗi lầm (**Hối vong**).

Người xưa, rất cẩn trọng trong lời ăn, tiếng nói. Khi đức Khổng vào thăm miếu của tổ tiên nhà Châu là Hậu Tắc, Ngài thấy ở trước thềm bên phải, có một người vàng, trên mình có khắc mấy lời đại khái như sau:

*Đây là tượng một người xưa.*

*Lời ăn, tiếng nói, dẫn đo, giữ gìn.*

*Gương xưa, ta cũng nên xem,*

*Nói năng cẩn trọng, hãy nên lo lường.*

*Rườm lời, sẽ lắm nhiều nhưong.*

*Ôm đồm nhiều việc, lòng thường xuyên xao.*

Tượng viết: **Cần kỳ phụ. Dĩ trung chính dã.** Giữ được mồm miệng, thế là đã theo được đường trung chính vậy.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九 . 敦艮 . 吉 .

象曰.敦艮之吉.以厚終也.

*Thượng Cửu.*

**Đôn Cấn. Cát.**

*Tượng viết:*

**Đôn Cấn chi cát. Dĩ trung chính dã.**

**Dịch.**

*Ngừng mà ngừng nghỉ đàng hoàng,*

*Thời hay, thời tốt muôn vàn còn chi.*

**Tượng rằng:** *Ngừng nghỉ đàng hoàng,*

*Cuối cùng, đầy đặn, chững chàng mới hay.*

Ngưng nghỉ, mà ở chỗ đầy đặn, hẳn hoi mới tốt. Cấn là sự thành tựu của vạn vật, dĩ nhiên là phải hay, phải tốt. Cho nên Hào Thượng Cửu của quẻ Cấn cũng phải hay, phải đẹp.

Theo sự nhận xét của Hồ văn Phong, Hào thượng Lục của quẻ Cấn, đem lại cho chúng ta một nguồn hy vọng lớn lao: Là tới lúc chung cuộc lịch sử, con người sẽ đạt tới hoàn mỹ, và sự biến thiên của vũ trụ cũng kết thúc trong sự hoàn mỹ. Lúc ấy mọi người sẽ được thỏa thuê, mãn nguyện (**Bí, Tôn**). Đạo trời sẽ phổ quát khắp nơi (**Đại Súc**). Mọi người sẽ được phúc khánh (**Di**). Thật đúng như lời Tượng Truyện: Lúc nào cũng đầy đặn, chững chàng (**Đôn Cấn chi cát. Dĩ hậu chung dã**).

## ÁP DỤNG QUẺ CẤN VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Cấn dạy ta phải biết dừng chân cho đúng lúc, tức là có ý muốn nói: Con người sinh ra ở đời phải biết tiến hóa về mọi mặt. Chẳng những *Tiến hóa cho bản thân mình, mà còn tiến hóa để làm lợi ích cho nhân quần xã hội nữa. Nhưng tới đúng lúc nào đó, thì phải ngưng.*

**A-Trước tiên**, vì ta là người, nên ta bị vật chất chi phối, nên ta phải tranh đấu để có lợi danh. Từ nhỏ, còn ở học đường, ta đã phải chăm chỉ học hành, để khỏi thua sút chúng bạn, để cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng. Cha mẹ ta luôn ở cạnh ta, để giáo dục ta về mọi mặt, mong sao cho ta nên người tốt và hữu dụng mai sau. Lớn lên, vì nhu cầu vật chất gia tăng, rồi theo thiên nhiên, ta phải tạo dựng gia đình của riêng ta, nên ta cần phải có tiền để chi dụng, do đó ta phải cố gắng tranh đua để sao cho có danh và lợi. Nhưng điều quan trọng là: *Cách tạo ra danh, lợi đó phải cho mình chính, dù ở địa vị, hoàn cảnh nào cũng vậy. Một người thợ ngay thẳng, đáng kính trọng hơn một ông quan tòa tham nhũng. Một người làm thương mại ngay thẳng, thì dù nhỏ bé đến đâu, cũng có giá trị hơn một người đầu cơ, tích trữ hoặc gian thương, làm hại dân, hại nước.*

Trên đường **Lợi Danh**, ta phải biết dừng chân đúng lúc. Ví dụ: khi thấy muốn thành công trong một công việc nào đó, mà phải làm người khác thiệt hại, thì ta phải dừng ngay. Nếu ta là người biết suy tư, thì ta sẽ nhận thấy: *Cuộc đời là sân khấu, mà ta là diễn viên.* Lên sân khấu, mà không đóng nổi vai trò của mình, thì quả thật là diễn viên dở vậy. *Mỗi vai trò mình đóng, đó là 1 kiếp luân hồi*, nay nếu mình làm sai, hoặc quá đáng, chắc chắn sẽ bị quả báo, không sớm thì muộn vậy. Ví dụ: Một người làm con bất hiếu, làm sao mong sinh được con cái hiếu để. Một người chuyên đi lừa đảo người khác, làm sao giữ được của ấy làm giàu, làm sao tránh khỏi bị thiên hạ chê cười.

Tóm lại, những công việc ta làm, những lợi danh ta có, không những hữu ích cho cá nhân, gia đình ta, mà phải lợi ích cho nhân quần, xã hội nữa.

**B- Sau này**, khi tóc đã hoa râm, tức đã quá nửa cuộc đời, thì ta phải biết *tiến hóa chính bản thân ta*. Ta phải tiến về bản thể thần minh của ta. *Bản thể thần minh này, ai cũng có*. Nếu ở nơi người quá tham vật dục, thì nó bị sẽ lu mờ. Nhưng, nếu biết tỉnh ngộ, mà dừng chân lại kịp thời, rồi tu trì, ăn năn, làm việc thiện, để bù đắp lại, may ra còn kịp. **Để tâm suy tư**, ta sẽ nhận thấy đời sống hiện đại của ta đang tiến về phía thần minh. Ví dụ:

*Nhờ sự tiến hóa của khoa học*, ta có thể dùng điện thoại mà nói với người khác, dù xa cách trùng dương, một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn là ta muốn giao tiếp với thần minh. Một cuốn băng VIDEO nhỏ bé. cũng thấu được hết sự việc của một triệu đại, chiếu lên hình ảnh to nhỏ được như ý muốn. Máy bay giúp con người vượt qua muôn dặm, v.v... Nhưng đồng thời, *khoa học đã chế tạo ra khí cụ chiến tranh* ghê gớm như bom nguyên tử, khinh khí, hơi ngạt, vi trùng, v.v... như vậy còn tai hại hơn Trời giáng bệnh dịch xuống cho nhân loại. Tiếc rằng, *Khoa Học tiến quá nhanh, mà Đạo đức lại thụt lùi*, tạo ra biết bao gia đình khổ não, dở khóc, dở cười.

Chúng ta, là những người đọc Dịch, nếu để tâm suy tư thì sẽ hiểu Dịch dễ dàng, và nếu tất cả mọi người, trong hành động nhiều ít đều có Dịch, thì *Đạo đức sẽ theo kịp Khoa Học* vậy. Và theo tôi, (tác giả viết bài này), **NGÀY TẬN THỂ KHÔNG PHẢI LÀ NGÀY NHÂN LOẠI BỊ TIÊU DIỆT, MÀ LÀ NHÂN LOẠI ĐÃ TIẾN HÓA VỀ MỌI MẶT ĐỂ LÊN BẰNG THẦN MINH.**

Sự tận thể đó, *theo tôi* chỉ là ám chỉ con người của vật dục, xấu xa, tội lỗi, ngu dốt, không còn duy trì, bành trướng được nữa, vì con người của khôn ngoan, tài giỏi, đạo đức, đã dần dần lấn át, thay thế nó. Khoa học tiến nhanh, là để đáp ứng nhu cầu cho con người, vì con người sinh sản quá nhanh, nhưng đến một lúc nào đó con người sẽ sinh sản có chừng mực, hoặc sinh sản tùy theo ý mình muốn, và tuổi thọ sẽ tăng lên (vì khôn ngoan hơn, nên biết giữ gìn hơn). Lúc ấy hạt giống Đạo Đức trong con người sẽ nảy mầm và phát triển nhanh chóng để theo kịp với Khoa Học.

### 53. 風 山 漸 PHONG SƠN TIỆM

**Tiệm Tụ Quái**

漸序卦

Cán giả chi dã.

艮者止也

Vật bất khả dĩ chung chi.

物不可以終止

Cố thụ chi dĩ Tiệm.

故受之以漸

Tiệm giả, tiến dã.

漸者進也

*Tiệm Tụ Quái*

*Cán là ngưng nghỉ, là dừng chẳng đi.*

*Vật ngưng, rồi lại suy đi.*

*Cho nên quẻ Tiệm hện kỳ tiến lên.*

*Tiệm là tiến mãi, tiến lên.*



Tiền là tiền, nhưng mà tiền có tuần tiết, thứ đệ, lớp lang, trật tự. Quẻ Tiền đến sau quẻ Cấn, vì lễ Trời, ngưng lại động, lại tiền. Tiền là tiền từ từ, có tuần, có tiết, chứ không đột giai đoạn. Trong quẻ này, Thánh nhân đã đề cao nguyên lý ấy bằng nhiều cách:

1. Tiền là cây mọc trên núi, cây mọc trên núi dĩ nhiên là mọc chậm hơn cây mọc dưới đồng bằng.

2. *Thoán Từ* đề cập tới chuyện cô gái về nhà chồng.

Người Trung Hoa xưa nay rất thận trọng về việc cưới xin. Muốn cưới vợ phải có đủ sáu lễ sau đây:

1. Nạp thái. 2. Vấn danh. 3. Nạp cát. 4. Nạp trung. 5. Thỉnh kỳ. 6. Thân nghinh.

Thế là muốn cưới vợ, phải có kỳ, có hạn, có lễ nghi đường hoàng, phải tuần tự nhi tiền, chứ không phải chuyện vợ bèo, gạt tép, đột giai đoạn.

3. *Tượng* nói về công trình tích lũy nhân đức, cải thiện phong tục, đó cũng là một công trình lâu lai, trường cửu.

4. *Hào Từ* lấy chim Hồng, để mô tả sự tiến có tuần tự, tuần tiết. Chim hồng là một loài chim viễn xứ, cứ mùa lá rụng thì bay về Nam, cứ lúc băng tan thì trở về Bắc. Thế là ***hành xử có tuần tiết***. Lúc bay thì có thứ tự, con nhớn bay trước, con nhỏ theo sau, có lớp lang hẳn hoi, Thế là ***hành xử có thứ tự***.

*Sáu Hào* lại mô tả con chim Hồng tiến từ thấp, lên cao nguyên. Như vậy bài học của quẻ này thật là rõ ràng.

- Ở đời muốn nên công, đừng có vội vàng, đừng có đột giai đoạn.

- Cưới xin mà vội vàng, chồng vợ sẽ chẳng ra gì.

- Công danh mà mau được, thời là thứ công danh do sự luồn cúi, cầu cạnh, mua bán.

- Cửa cải mà mau được, là thứ cửa cải phi nhân, phi nghĩa. Tiến cho có tuần tiết, trật tự sẽ bảo toàn được lễ nghĩa, liêm sỉ.

## I. Thoán.

漸 . 女 歸 吉 . 利 貞 .

*Thoán từ.*

**Tiền. Nữ qui cát. Lợi trinh.**

**Dịch.**

*Tiền là tuần tự bước lên,*

*Dần dà như gái về bên nhà chồng.*

*Hợp thời, hợp lễ thung dung,*

*Mới mong ích lợi, mới mong tốt lành.*

Ở đời những công chuyện quan hệ, đều phải tuần tự nhi tiền, mới tránh được mọi tệ hại. Mà việc cần phải tiến cho tuần tự, cho cẩn thận, cho đúng lễ nghi nhất, là việc cưới xin, vì ***quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ***. Cưới gả có đường hoàng, chững chạc, có đủ nạp thái, vấn danh, dạm hỏi, treo cưới, thì tình phu phụ sau này mới vững bền.



### *Thoán Truyện. Thoán viết:*

象曰.漸之進也.女歸吉也.進得位.往有功也.進以正.可以正邦也.其位剛.得中也.止而巽.動不窮也.

**Tiệm chi tiến dã. Nữ qui cát dã. Tiến đắc vị. Vãng hữu công dã. Tiên dĩ chính. Khả dĩ chính bang dã. Kỳ vị. Cương đắc trung dã. Chỉ nhi tổn. Động bất cùng dã.**

#### **Dịch. Thoán rằng:**

*Tiệm là tuân tự bước lên.  
Hay, lành như gái về bên nhà chồng.  
Tiệm mà ngôi vị thung dung,  
Thế là làm dã nên công phỉ tình.  
Tiến mà chính trực, liên minh,  
Chính dân, chính nước, âu đành có phen.  
Ở ngôi cao trọng bên trên,  
Một niềm trung chính, cương kiên mới là.  
Thung dung, thu thái, ôn hòa,  
Tiến trình hoạt động bao la chẳng cùng.*

Thoán Truyện một lần nữa lại nhấn mạnh đến chuyện tiến phải có thứ bậc, tuân tiết y như gái về nhà chồng, phải có đủ dạm hỏi cưới xin mới tốt. (**Tiệm chi tiến dã. Nữ qui cát dã**). Trong công cuộc tuyển lựa nhân tài, để trị dân, trị nước, cũng phải có những sự thử thách, tuyển lựa cho hẳn hoi. Người sĩ phu phải leo dần lên các bậc thang danh vọng, mà điều cần nhất là tài đức phải xứng kỳ vị, như vậy xã hội mới tránh được mọi tệ đoan, những loạn.

Kẻ sĩ tuân tự tiến lên như trên, sẽ tránh được nạn mua dân, bán nước, tránh được nạn đầu cơ chính trị, luôn lọt cửa trước, cửa sau, mất hết giá trị con người. Vì thế, nói tiến lên mà xứng ngôi, xứng vị, đã có đủ kinh nghiệm, đủ tài đức để giữ địa vị, để làm nhiệm vụ được giao phó, thời làm việc mới có hiệu năng (**Tiến đắc vị. Vãng hữu công dã**). Tiến lên, mà phải lễ, phải đạo, nghĩa là người có tài, có đức, mới lên được những địa vị lãnh đạo, thì dĩ nhiên nước sẽ có kỷ cương trật tự, người trên sẽ là người xứng mặt, xứng ngôi (**Tiến dĩ chính. Khả dĩ chính bang dã**). Nếu cứ theo đường lối ấy mà tiến, thời khi lên đến cấp lãnh đạo, sẽ là những người hoàn hảo, và địa vị sẽ được vững chãi (**Kỳ vị. Cương đắc trung dã**). Tâm trí họ sẽ bình tĩnh, thái độ họ sẽ từ tốn, cho nên khi hành xử, họ sẽ không bị vấp vướng, bẽ tắc. (**Chỉ nhi tổn. Động bất cùng dã**).

## **II. Đại Tượng Truyện.**

象曰.山上有木.漸.君子以居賢德.善俗.

#### *Tượng viết:*

**Sơn thượng hữu mộc. Tiệm. Quân tử dĩ cư hiền đức thiện tục.**

#### **Dịch. Tượng rằng:**

*Tiệm là trên núi có cây,  
Cho nên quân tử ăn ngay, ở lành.*

*Mình mà nhân đức, tinh thành.*

*Rồi ra sẽ khiến nhân tình thuận lương.*

Cây mọc trên núi, mọc chậm chạp, nhưng khi đã lên cao, thời ảnh hưởng đến phong cảnh cả vùng. Người quân tử cũng theo đó mà bắt chước. Tu nhân, tích đức cho ngày một hoàn hảo hơn, và cải thiện cho phong hóa ngày một thuận mỹ hơn. Tục ngữ có câu: **Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ**, hoặc **Nước chảy đá mòn**. Tất cả, đều nói lên được sự tiệm tăng, tiệm tiến.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào nhấn mạnh, cần phải tiến dần dà từ dưới mà lên

- Lúc ở địa vị thấp, đừng lo buồn (Hào Sơ).
  - Khi có địa vị, đừng ăn không, ngồi rồi. (Hào 2).
  - Đừng dùng những trò ma giáo mà tiến lên.(Hào3)
  - Ở địa vị cao, phải từ tốn, nhũn nhặn, mới thoát hiểm. (Hào 4)
  - Ở địa vị lãnh đạo quốc gia, phải có hiền tài phụ bật, mới giúp ích được cho đời.
- (Hào 5)
- Ở địa vị thánh hiền, nên treo gương cho đời (Hào 6)

Sáu Hào đều dùng chim Hồng thủ tượng, vì chim Hồng là loài chim đi về có tuần tiết, khi bay thì có đoàn ngũ, có thứ tự. Có người còn thêm rằng chim Hồng là loài chim có tình nghĩa, con trông mà chết đi, thời con mái ở vậy, cho nên hợp với đề tài.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。鴻漸于干。小子厲。有言。無咎。

象曰。小子之厲。義無咎也。

*Sơ Lục.*

**Hồng tiệm vu can. Tiểu tử lệ. Hữu ngôn. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Tiểu tử chi lệ. Nghĩa vô cữu dã.**

**Dịch.**

*Chim hồng dần tiến đến bờ.*

*Tiểu nhân sợ hãi, xuýt xoa than phiền,*

*Tuy là dang dở, chưa yên,*

*Nhưng không đến nỗi tội khiên, lỗi lầm.*

Sơ Lục bản chất Âm nhu, ở dưới chót quẻ, trên lại không có người ứng dữ. Như vậy, chẳng tiến được là bao. Y như chim Hồng, vừa đáp xuống bên nước là chỗ thấp nhất của bờ biển (**Hồng tiệm vu can**). Người quân tử khi còn ở địa vị thấp, không than thở, nhưng tiểu nhân thì bòn chòn, phàn nàn. Tuy vậy cũng chẳng có gì đáng trách. (**Tiểu tử lệ. Hữu ngôn. Vô cữu.**)

*Tượng Truyện bình rằng:* Tiểu nhân ở cấp dưới, chưa tiến được thời lo buồn, lầy lầm nguy hại, nhưng thực ra xét theo nghĩa lý thì chẳng có gì đáng trách (**Tiểu tử chi lệ. Nghĩa vô cữu dã**).

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 鴻漸于磐 . 飲食衎衎 . 吉 .

象曰 . 飲食衎衎 . 不素飽也 .

*Lục nhị.*

**Hồng tiệm vu bàn. Âm thực khả khả. Cát.**

*Tượng viết:*

**Âm thực khả khả. Bất tố bão dã.**

**Dịch.**

*Chim Hồng dần tới thạch bàn,  
Uống ăn vui vẻ, bình an tốt lành.  
Tượng rằng: Vui vẻ uống ăn,  
No nê, không phải một thân một mình.*

Hào Lục nhị : ảm đặc trung chính, tiến lại có Cửu ngũ ứng dữ, tượng như một vị công thần, ở vào một địa vị vững như bàn thạch, y thức như chim Hồng đã đậu trên bàn thạch (**Hồng tiệm vu bàn**).

Chim Hồng vui vẻ uống ăn, nhưng không ăn uống một mình, mà chia sẻ ngọt bùi cùng nhau (**Âm thực khả khả. Cát**). Người quân tử, khi ở địa vị công thần, há lại thua chim Hồng, há lại vinh thân, phì gia sao? Vì thế Tượng Truyện tiếp lời mà khuyên người quân tử, không nên vì không có bổng lộc nhà vua, mà không lo gì cho đất nước. (**Âm thực khả khả. Bất tố bão dã**).

## 3. Hào Cửu tam.

九三 . 鴻漸于陸 . 夫征不復 . 婦孕不育 . 凶 . 利御寇 .

象曰 . 夫征不復 . 離群丑也 . 婦孕不育 . 失其道也 .

利用御寇 . 順相保也 .

*Cửu tam.*

**Hồng tiệm vu lục. Phu chinh bất phục. Phu dựng bất dục.  
Hung. Lợi ngự khấu.**

*Tượng viết:*

**Phu chinh bất phục. Ly quần xú dã. Phụ dựng bất dục.  
Thất kỳ đạo dã. Lợi dụng ngự khấu. Thuận tương bảo dã.**

**Dịch.**

*Chim Hồng đến tới cao nguyên,  
Chồng đi, đi mãi nên quên cả về.*

Vợ thời cũng chẳng ra gì.  
Để con, chẳng dám tính bề nuôi con,  
Nếu mà sớm biết thiệt hơn,  
Cái tà, qui chính, vẫn còn là hay.

**Tượng rằng:**

Chồng đi, đi mãi quên về,  
Nghĩa là muối mặt, bỏ bê thân tình.  
Vợ sinh, mà bỏ con mình,  
Thế là trái với đạo hành nhân luân.  
Biết điều cái quá, tự tân,  
Thi hành chính nghĩa, thân nhân lưỡng toàn.

Chim Hồng (ngỗng trời) vốn là một loài chim nước, nay lại lên cao nguyên, như vậy là không phải (**Hồng tiệm vu lục**). Đó là tình cảnh một người có tài (dương Hào), nhưng bất trung (tam là bất trung), sót ruột muốn đốt giai đoạn mà tiến lên. Tuy trên, không có người đường hoàng nâng đỡ (Thượng Cửu không ứng với Cửu tam), nhưng cố tình kết cấu với những người có quyền thế mình gặp (Lục tứ) một cách hết sức bừa bãi. Đó là những hạng người vì quyền thế, vì công danh, mà có thể quên họ hàng, bè bạn.

Họ vì lợi quên nghĩa, có mới nói cũ, chẳng theo đạo lý, cho nên vợ họ cũng là thứ vợ lang chạ, đẻ con ra mà chẳng dám nuôi (**Phu chinh bất phục. Phụ dụng bất dục**). Thế là một phường mèo mả gà đồng, làm sao mà hay, mà tốt được (**Hung**). Cho nên bài học của Hào này, là đừng vì lòng ham muốn tiến lên mà làm điều xằng bậy, phi lý, phi nghĩa, như vậy mới hay (**Lợi dụng ngũ khẩu**).

Trình tử cho rằng: Cái gì đến một cách phi lý thì gọi là **khẩu**, và ngũ khẩu là theo chính, lánh tà.

Tượng Truyện giải: Chồng đi chẳng về là bỏ bầy, bỏ bạn. **Phu chinh bất phục. Ly quần xú dã**. Vợ có mang mà chẳng dám nuôi, là làm điều sai với đạo lý (**Phụ dụng bất dục. Thất kỳ đạo dã**). **Lợi dụng ngũ khẩu** là phải theo chính đạo, mới bảo toàn được mình và người. Thế là Tượng Truyện cũng muốn nói lên rằng: Đừng vì lòng ham danh, cầu tiến mà bỏ đạo lý, bỏ tình nghĩa. Hãy theo chính đạo, mới bảo toàn được mình, được người (**Lợi dụng ngũ khẩu. Thuận tương bảo dã**).

**4. Hào Lục tứ.**

六四 . 鴻漸于木 . 或得其桷 . 無咎 .

象曰 . 或得其桷 . 順以巽也 .

*Lục tứ.*

**Hồng tiệm vu mộc. Hoặc đắc kỳ giốc. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Hoặc đắc kỳ giốc. Thuận dĩ tổn dã.**

**Dịch.**

*Chim Hồng dần tiến tới cây,  
Nếu mà gặp được cành ngay, khỏi phiền.  
Rời ra mới hết tội khiên.  
**Tượng viết:** May gặp cành ngay,  
Thế là khéo xử, khéo xoay hợp thời.*

Lục tứ là hoàn cảnh của chim Hồng đậu trên cành cây cao. Chân chim Hồng có màng như chân vịt, nên có tài bơi dưới nước, mà vụng đậu trên cây. Tuy nhiên, nếu đậu cành thẳng cũng không sao. Ý nói rằng kẻ sĩ, được địa vị cao, nhưng nếu một lòng trung quân, tôn kính bề trên, thì cao mà vẫn không nguy (Ngự Án). Vì thế **Tượng viết: Hoạch đắc kỳ giốc. Thuận dĩ tổn dã.**

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 鴻漸于陵 . 婦三歲不孕 . 終莫之勝 . 吉 .  
象曰 . 終莫之勝 . 吉 . 得所愿也 .

*Cửu ngũ.*

**Hồng tiệm vu lãng. Phụ tam tuế bất dụng. Chung mạc chi thắng. Cát.**

*Tượng viết:*

**Chung mạc chi thắng cát. Đắc sở nguyện dã.**

**Dịch.**

*Chim Hồng dần tới non cao,  
Ba năm, vợ chẳng lần nào sinh con.  
Rời ra cản trở sạch trơn,  
Rời ra sẽ được vuông tròn, hẳn hoi.  
**Tượng rằng:** Cản trở sạch trơn,  
Thế là tốt đẹp, hơn hơn phi tình.*

Cửu ngũ là chim Hồng đã lên đậu trên đỉnh núi (**Hồng tiệm vu lãng**). Đó là một ông vua có đức (Dương cương), đắc trung, đắc chính, dưới lại có hiền thần phụ bật. Dầu có kẻ dèm pha, gàn quai, thì cũng chỉ chia rẽ nhất thời, rời ra quân thần cũng sẽ hoà hợp với nhau. Thế là Âm Dương hoà hợp, mọi điều phúc khánh sẽ do đây phát sinh. Chẳng khác nào vợ từ ba năm nay không thai nghén, kể từ nay sẽ tha hồ cuu mang, tha hồ cúc dục (**Phụ tam tuế bất dụng**). Mới hay, tà chẳng thể thắng chính, những lời dèm pha, ly gián rút cuộc cũng chẳng đi đến đâu (**Chung mạc chi thắng. Cát**). Thế là cuối cùng, thời đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thỏa thuê nguyện ước (**Đắc sở nguyện dã**).

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九 . 鴻漸于逵 . 其羽可用為儀 . 吉 .  
象曰 . 其羽可用為儀 . 吉 . 不可亂也 .

*Thượng Cửu.*

## Hồng tiệm vu quì. Kỳ vũ khả dụng vi nghi. Cát.

*Tượng viết:*

**Kỳ vũ khả dụng vi nghi cát. Bất khả loạn dã.**

**Dịch.**

*Chim Hồng dẫn tới đường trời,  
Lông Hồng có thể hành ngời, trang hoàng  
Tốt lành, đẹp để mọi đàn.*

**Tượng rằng:**

*Lông Hồng có thể hành ngời,  
Hay vì trật tự, chẳng lo, chẳng loạn.*

Hào Thượng Cửu chính là: Cánh Hồng bay bổng tuyệt vời (**Hồng tiệm vu quì**). Chính bản viết là chữ Lục, nhưng thường đọc là Quì, nghĩa là đường mây. Đây ám chỉ một bậc Thánh Hiền bay vút trên chín tầng mây đạo đức, không còn dính líu sự duyên. Tuy nhiên, các ngài còn có chỗ sở dụng, là vẫn có thể treo gương sáng cho đời soi, như lông chim Hồng rớt xuống, vẫn có thể làm hành ngời, trang điểm cho các loại cò mao, cò tinh, cò đạo vv... Các vị Thánh Hiền có thể làm gương cho đời, vì các ngài khinh khoái, siêu nhiên, không gì làm loạn tâm, loạn trí được (**Kỳ vũ khả dụng vi nghi cát. Bất khả loạn dã**).

## ÁP DỤNG QUÊ TIỆM VÀO THỜI ĐẠI

Vào đời, bất cứ làm chuyên gì cũng phải tiến hành một cách tuần tự, thì kết quả sẽ vững vàng hơn, kinh nghiệm sẽ ròi rào hơn. Ví như, một người học lái xe, nếu tay lái chưa vững, mà đã đổ, thì dễ bị tai nạn.

Nếu ta thấy một người thợ sửa chữa một cái gì đó, mà làm quá nhanh, thì ta phải coi chừng, vì nó sẽ cầu thả tạm bợ, lấy có, lấy ròi mà thôi. Nhưng phải biết phân biệt, sự làm cẩn thận, và sự làm chậm chạp vì lười biếng, hay vì bản tính chậm chạp.

Đi học, mà không chịu học cẩn thận, chăm chỉ, lại dùng thủ đoạn để lấy điểm cao, thì khi tốt nghiệp, mảnh bằng cũng không giúp ta được bao nhiêu.

Ra đời, mà ham làm giàu quá nhanh, sẽ dễ đi vào con đường bất chính. Nếu may mà thoát khỏi lưới pháp luật, thì tâm tư lúc nào cũng lo lắng, không yên.

Tóm lại, bất cứ làm việc gì, cũng nên làm cẩn thận, giải quyết việc gì cũng nên tuần tự xét suy, xem sự việc đó khởi đầu tự đâu mà ra, thì việc khó đến đâu ta cũng có thể giải quyết được.

## 54. 雷澤歸妹 LÔI TRẠCH QUY MUỘI



**Quy Muội Tự Quái**

**歸妹序卦**

Tiệm giả tiến dã.

**漸者進也**

Tiến tất hữu sở quy.

**進必有所歸**

Cố thụ chi dĩ Quy  
Muội.

故受之以歸妹

### *Quy Muội Tự Quái*

*Tiến là tiến mãi, tiến lên.*

*Tiến nhưng có chôn, có miền hồi quy*

*Cho nên, Quy Muội tiếp kỳ...*

Quy muội là gả em gái, hay cô gái về nhà chồng, mà không đủ lễ nghi cheo cưới. Quẻ Quy Muội này còn đề cập đến một tục lệ tối sơ của Trung Hoa xưa. Đó là một người quý tộc, có thể lấy một lúc vừa vợ, vừa nàng hầu. Nàng hầu có thể là em, hoặc cháu người vợ chính. Vì thế mà khi nhà giai hỏi vợ, thì bên nhà gái, lúc con gái mình vu quy, phải cho ít nhất là người con gái út theo chị, và một người cháu gái theo cô để phù dâu, và cũng để làm hầu thiếp sau này.

Song song với tục lệ này, còn có một tục lệ khác, là nhà vua có quyền lấy nhiều vợ và phi tần hơn. Trong quẻ Quy Muội, ta sẽ chỉ lưu ý đến tục lệ một người quý phái, vương tôn có thể lấy một lúc hai chị em và người cháu.

## **I. Thoán.**

*Thoán từ.*

歸妹 . 征凶 . 無攸利 .

**Quy muội. Chinh hung. Vô du lợi.**

**Dịch.**

*Quy muội, gái nhỏ vu quy,*

*Lạ lòng, bờ ngỡ, làm gì cho đây.*

Quẻ Quy Muội, trên là Chấn, là trưởng nam, dưới là Đoài, là thiếu nữ. Như vậy về đôi tuổi cũng chênh lệch, lại Đoài là duyệt, Chấn là động; lấy sự thỏa thích làm động cơ cho công việc làm, thì vợ chồng sẽ đi đến chỗ phóng túng dục tình, cho nên sẽ chẳng ra gì. Nhưng cũng có thể giải cách khác là **Phận em, phận lẽ**, không nên chuyên quyền, không nên tự quyết, mà nhất nhất phải tùy thuộc vào người vợ cả, chẳng vậy sẽ không ra gì. Vì thế nói: **Chinh hung. Vô du lợi.**

*Thoán Truyện. Thoán viết:*

彖曰 . 歸妹 . 天地之大義也 . 天地不交 . 而萬物不興 . 歸妹人之終始也 . 說以動 . 所歸妹也 . 征凶 . 位不當也 . 無攸利 . 柔乘剛也 .

**Quy Muội. Thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng. Quy muội. Nhân chi chung thủy dã. Duyệt dĩ động. Sở Quy muội dã. Chinh hung. Vị bất đáng dã. Vô du lợi. Nhu thừa cương dã.**

**Dịch.**

*Cảm tình Quy Muội, gái trai*

*Âm Dương phối ngẫu, luật trời xưa nay,*



Đất trời gành quải, đố đây,  
Thế thời vạn vật, biết ngày nào sinh.  
Gái trai, Quy muội chi tình,  
Ấy là đầu cuối, mối manh con người.  
Vui nên hành động buông xuôi,  
Thế nên, gái mới theo trai ra về,  
Làm gì, cũng sẽ ê chề,  
Là vì chẳng được xứng bề, xứng ngôi.  
Trăm điều, chẳng tốt, chẳng xuôi.  
Là vì Nhu lại cười chời lên Cương.

Thoán Truyện đề cao sự phối ngẫu, và sánh cuộc hôn nhân giữa con người với sự hòa hài của trời đất (**Quy Muội. Thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng**). Cho nên Hôn Lễ đối với con người hết sức là quan trọng. Vì thế Thoán viết tiếp **Quy Muội nhân chi chung thủy dã**.

Sách Quốc ngữ cũng viết: **Hôn nhân họa phúc chi giai** (Quốc ngữ, Chu Ngữ, đệ nhất). Hôn nhân là thềm, là bậc, là họa, phúc, vào nhà một vương tôn công tử.

Chu Hi giải quẻ Quy Muội, sở dĩ là chung thủy vì con người về nhà chồng là hết đời con gái, và bắt đầu đời của người mẹ (Quy giả nữ chi chung. Sinh dục giả nhân chi thủy). Chuyện vợ chồng dĩ nhiên là quan trọng. Nhưng vợ chồng lấy nhau cốt để sinh con đẻ cái, là cho giòng họ trở nên hùng tráng, vững bền, lại cũng cùng nhau tế tự tổ tiên, chứ không phải là để phóng túng dục tình. Trong gia đình, muốn ấm êm, phải có tôn ti, trật tự thì mọi sự mới êm đẹp.

Nếu mà vợ lấn át chồng, vợ lẽ đòi hơn vợ cả, thì chẳng làm gì nên chuyện. Cho nên:

- Vợ chồng phải tránh chuyện lấy thú vui làm hành động (**Động dĩ duyệt. Sở Quy muội dã**).

- Ngôi vị trong gia đình mà dang dở, sẽ sinh họa hoạn (**Chinh hung. Vị bất đáng dã**).

- Tất cả những chuyện lằng loàn, vượt quyền, vượt vị sẽ gây nên hậu quả không hay (**Vô du lợi. Nhu thừa cương dã**).

## II. Tượng.

**Tượng viết:**

象曰 .澤上有雷 .歸妹 .君子以永終知敝 .

**Trạch thượng hữu lôi. Quy muội. Quân tử dĩ vĩnh chung chi tộ.**

**Dịch. Tượng rằng:**

Quy muội sắm động mặt hồ,  
Nhìn xa để biết hay ho, hư hèn.  
Nhìn xa, trông rộng, mới nên.

Muốn biết một việc hay, dở, phải nhìn cho xa. Ví như thấy sự phối hợp bất chính, thì sẽ đoán được chung cuộc sẽ chẳng hay. Suy ra thì muôn sự đều như vậy. Hễ không đường hoàng, chính đáng, cuối cùng sẽ sinh tộ hại. Như vậy Tượng dạy ta, phải xét việc đời trên phương diện vĩnh

cửu, luôn luôn phải tự hỏi xem công việc mình làm có ích lợi cho mình mãi không? hay cuối cùng sẽ có hại.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九 . 歸妹以娣 . 跛能履 . 征吉 .

象曰 . 歸妹以娣 . 以恆也 . 跛能履 . 吉 . 相承也 .

*Sơ Cửu.*

**Quy Muội dĩ đệ. Bả năng lý. Chinh cát.**

*Tượng viết:*

**Quy muội dĩ đệ. Dĩ hằng dã. Bả năng lý. Cát. Tương thừa dã.**

**Dịch.**

*Phận em, phận lẽ vu quy,*

*Kiên trinh, hiền thực, vẹn bề trước sau.*

*Què mà đi được, chẳng sao.*

*Biết điều, biết xử, biết theo tốt lành.*

Sơ Cửu mô tả một người em cùng về nhà chồng với chị, để làm phận lẽ, nếu không dám tự chuyên, biết khuôn xử hợp ý người vợ cả, thì mọi sự đều hay, chẳng khác nào người thọt chân mà vẫn đi lại được.

Xưa, thiên tử, chư hầu cưới vợ, thì lúc về nhà chồng, người vợ đích (vợ cả) bao giờ cũng mang theo em, cháu về theo để làm hầu thiếp. Đó là cái vinh dự cho người em.

Tượng Truyện cho rằng: Về nhà chồng mà chị dẫn em theo là chuyện thông thường, thông lệ (**Quy Muội dĩ đệ. Dĩ hằng dã**). Người em mà biết thuận thảo với người chị, thì cũng hay (**Bả năng lý. Cát. Tương thừa dã**).

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 眇能視 . 利幽人之貞 .

象曰 . 利幽人之貞 . 未變常也 .

*Cửu nhị.*

**Điều năng thị. Lợi u nhân chi trinh.**

*Tượng viết:*

**Lợi u nhân chi trinh. Vị biến thường dã.**

**Dịch.**

*Chột mắt, mà vẫn trông nhìn.*

*Con người hiền đức, trinh bền, vẫn hay.*

**Tượng rằng:**

*Con người trinh chính vẫn hay,  
Đạo thường lẽ phải, chẳng hay, chẳng rời.*

Cửu nhị tượng trung người vợ hiền. Lục ngũ tượng trung người chồng dở. Vợ hay mà chồng dở, cũng khó dựng được nghiệp lớn, như người một mắt chỉ trông được gần, không tinh tường bằng người có đủ hai mắt (**Điều năng thị**). Gặp tình cảnh ấy, nếu biết im hơi lặng tiếng, một lòng chung thủy với chồng là hay nhất (**Lợi u nhân chi trinh**). Hào từ này cũng có thể giải thích là, người vợ cả hiền thực, nhưng không được chồng yêu, mà lại đi yêu người vợ lẽ kém tài, kém đức hơn mình. *Tượng viết:* **Lợi u nhân chi trinh. Vị biến thường dã.**

Những người đàn bà hiền thực, thời dầu gặp hoàn cảnh nào cũng không thay lòng, đổi dạ. Trinh liệt như vậy, nên mới đẹp đẽ.

### 3. Hào Lục tam.

六三 . 歸妹以須 . 反歸以娣 .

象曰 . 歸妹以須 . 未當也 .

*Lục tam.*

**Quy Muội dĩ tu. phản quy dĩ đệ.**

*Tượng viết:*

**Quy muội dĩ tu. Vị đáng dã.**

**Dịch.**

*Vu quy, có lúc nên chờ,*

*Không chờ, lấy lẽ mới ra thân hèn.*

**Tượng rằng:**

*Vu quy có lúc nên chờ,*

*Dở dang, nên hãy đắn đo chờ thời.*

Hào Lục tam, Âm nhu, bất trung, bất chính, không khéo xử, không biết chờ thời (**Quy muội dĩ tu**), nên không được làm vợ chính, mà phải cam phận làm vợ lẽ, nàng hầu (**Phản quy dĩ đệ**). **Tu** đây được hiểu là chờ đợi.

Kiến An Khâu thị giải đại khái rằng: Lục tam vốn hèn hơn Cửu nhị, mà lại ngạo nghệ muốn trèo đèo, đòi lấn át Cửu nhị, tức là người vợ cả, như vậy ắt sẽ bị ruồng rẫy, cứ nên cam phận lẽ mọn của mình thì hơn. **Tu** đây được hiểu là người con gái ti tiện.

*Tượng viết:* **Quy muội dĩ tu. Vị đáng dã.** Tượng Truyện cho rằng tất cả những chuyện éo le, dang dở của Lục tam, đều là do sự cư xử không thích đáng mà ra. Nên Kiến An Khâu thị cho rằng: Hào Sơ dưới, biết phận hầu thiếp của mình, ở ăn phải đạo, thế là cư xử đúng vị. Hào tam, Nhu mà đòi lướt Cương, Tiện mà đòi vượt Quý, thế là cư xử không chính đáng.

### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 歸妹愆期 . 遲歸有時 .

象曰 . 愆期之志 . 有待而行也 .

*Cửu tứ.*

**Quy muội khiên kỳ. Trì quy hữu thì.**

*Tượng viết:*

**Khiên kỳ chi chí. Hữu đãi nhi hành dã.**

**Dịch.**

*Vu quy, phải hoãn, phải chờ,*

*Từ từ, cho hợp thời cơ mới là.*

**Tượng rằng:**

*Có gan, khoan dãn đợi chờ,*

*Đợi chờ, cho gặp thời cơ mới làm.*

Cửu tứ là người con gái hiền đức, biết tự trọng, nhưng vì không có chính ứng, nên nói rằng **Khiên kỳ** (Chậm về nhà chồng). **Quy muội khiên kỳ.** Nhưng nếu mình biết chờ đợi, rồi ra cũng lấy được chồng hay, chậm về nhà chồng, nhưng rồi cũng về nhà chồng (**Trì quy hữu thì**).

Tượng Truyện cho rằng: Cửu tứ chậm đi lấy chồng, không phải vì ế chồng, mà là có ý kén chồng tốt mới chịu lấy (**Khiên kỳ chi chí. Hữu đãi nhi hành dã**). Thế là:

*Lộc còn ẩn bóng cây tùng .*

*Thuyền quyên đợi bóng anh hùng vãng lai.*

### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 帝乙歸妹 . 其君之袂 . 不如其娣之袂良 . 月几望 . 吉 .

象曰 . 帝乙歸妹 . 不如其娣之袂良也 . 其位在中 . 以貴行也 .

*Lục ngũ.*

**Đế Ất quy muội. Kỳ quân chi duệ. Bất như kỳ đệ chi duệ lương.**

**Nguyệt cơ vọng. Cát.**

*Tượng viết:*

**Đế Ất quy muội. Bất như kỳ đệ chi duệ lương dã.**

**Kỳ vị tại trung. Dĩ quý hành dã.**

**Dịch.**

*Kìa vua Đế Ất gả em,*

*Nàng dâu, tay áo trông xem kém người,*

*Kém người lẽ mọn, tôi đòi.*

*Tôi đòi, lẽ mọn, trông ngoài sang hơn.*

*Vàng trăng xấp xỉ chưa tròn,*

*Vừa cao, vừa quý, vừa ngoan, vừa lành.*

**Tượng rằng:** Đế Ất gả em,

*Xuềnh xoàng áo xống, trông xem kém người.  
Kém người phù tá, tôi đòi,  
Xuềnh xoàng, dân dị, thế thời mới hay.  
Vị cao, mà đức lại dày,  
Trình trung, nhu thuận ra người cao sang.*

Lục ngũ bàn về chuyện vua Đế Ất gả em gái là Thái Tụ cho vua Văn Vương. Đế Ất là vua giáp chót nhà Ân, trước vua Trụ. Đế Ất trị vì từ 1191 đến 1155 trước Công nguyên. Theo Trình Tử thì vua Đế Ất đã ra sắc chỉ quy định rằng công chúa mà lấy chồng, cũng phải vâng phục quyền chồng. Nàng dâu ở đây rất đức hạnh, không ưa trang điểm, nên phục sức có vẻ thua sút các nàng dâu đi theo phù dâu (**Kỳ quân chi duệ. Bất như kỳ đệ chi duệ lương**). Quân đây là nàng dâu, là vợ cả. Xưa vợ cả được gọi là Nữ quân hay Quân mẫu. Nàng lại khiêm cung, không dám lấn át chồng. Như vậy mới là ngoan (**Nguyệt cơ vọng cát**).

Tượng Truyện khen nàng dâu nhã nhặn, không ưa phục sức lộng lẫy, và cho rằng sở dĩ được vậy là vì địa vị đã cao, xử sự lại đúng mức, hành vi lại thanh quý (**Đế Ất quy muội. Bất như kỳ đệ chi duệ lương dã. Kỳ vị tại trung. Dĩ quý hành dã**).

## 6. *Hào Thượng Lục.*

上六. 女承筐無實. 士口羊無血. 無攸利.

象曰. 上六無實. 承虛筐也.

*Thượng Lục.*

**Nữ thừa khung vô thực. Sĩ khuê dương vô huyết. Vô du lợi.**

*Tượng viết:*

**Thượng Lục vô thực. Thừa hư khung dã.**

**Dịch.**

*Gái bưng một cái giỏ không,  
Giai đem dê giết, máu hồng chẳng rơi.  
Việc gì, cũng chẳng có lợi,  
Việc gì cũng sẽ lồi thoi, chẳng toàn.  
**Tượng rằng:** Thượng Lục rỗng lòng,  
Thế là bưng cái giỏ không có đồ.*

Xưa người vợ hiền, phải cộng tác với chồng để đồng tế lễ tiên tổ. Đó là một công chuyện hết sức hệ trọng, không thể làm hời hợt được. Những bà vợ không làm tròn bổn phận tế lễ tiên tổ, có thể bị chồng trách về cha mẹ vợ. (Xem Li Ki, Couvreur II, 197).

Hào Thượng Lục đây đề cập đến trường hợp cả hai vợ chồng đều lỗi bổn phận trong khi tế lễ. Vợ thì dâng giỏ không (**Nữ thừa khung vô thực**), chồng thì chọc tiết dê không ra máu, (**Sĩ khuê dương vô huyết**). Như vậy là cặp vợ chồng hồng (**Vô du lợi**), không ăn đời, ở kiếp với nhau được, cho nên thay vì dùng chữ Phu Phụ, Hào từ dùng chữ Sĩ, Nữ. Người vợ mà không làm tròn

phận sự tế lễ, dâng giỗ không, thời chắc chẳng phải là một người có thể cùng chồng tính kế bách niên, giai lão(**Thượng Lục vô thực. Thừa hư khuông dã**). Quẻ Quy Muội đã làm sống lại cả một dĩ vãng xa xăm, với những phong tục đặc biệt, mà nay khảo sát đến, ta không khỏi ngỡ một cách thích thú.

## ÁP DỤNG QUẺ QUI MUỘI VÀO THỜI ĐẠI

Chế độ đa thê trong quẻ Quy Muội đã quá lỗi thời, không phù hợp hiện tại. Ngày nay ta ở trong chế độ **Một vợ, một chồng**. Nhưng sự lo lắng về hôn nhân cho con cái, thì quẻ Quy muội cũng khiến ta nên suy nghĩ, để rút tỉa những cái khôn ngoan của người xưa, mà áp dụng dung hòa cho ngày nay. Xưa, con gái mới 12, 13 tuổi, cha mẹ đã lo dựng vợ, gả chồng, con cái có yên bề gia thất, thì cha mẹ mới coi như đã làm tròn bổn phận. Nhưng ngày nay, tiêu chuẩn theo văn minh Âu Mỹ, những thanh thiếu niên ý thức được những cái hay của nước người là làm việc chuyên cần, chịu khó, thì đều thành công trong xã hội, còn những người chỉ trông thấy sự tự do của họ thì bắt chước theo, nhưng đã đi quá trớn như:

- **Tự do hôn nhân**. Thay vì được lựa chọn người yêu như ý mình, thì họ yêu đương bừa bãi, không cân nhắc, không suy nghĩ; thậm chí bất chấp lời khuyên can của cha mẹ, của các bậc bề trên, nhiều khi còn cho ra đời những đứa con không cha, và chính bản thân mình không có ai muốn cưới hỏi đàng hoàng. Vậy thử hỏi các bậc cha mẹ, có ai thoát khỏi nỗi đau lòng, khi trông thấy con cái mình như vậy? Quẻ Quy Muội giúp ta suy nghĩ và cân nhắc về sự suy tính của trí tuệ người xưa, và biến đổi nó lại, để áp dụng cho thời đại ngày nay. Trong bài này, ta chỉ đề cập đến vấn đề hôn nhân, và giáo dục con cái mà thôi..

Khi xưa, ở Trung Hoa, nhà có nhiều con gái, cháu gái, sợ có nhiều người bị **ế chồng**, và khi đi lấy chồng là coi như phải xa nhà, mỗi khi muốn về thăm cha mẹ cũng khó khăn, phải được bố mẹ chồng hoặc chồng cho phép. Nếu gặp gia đình nhà chồng khắt khe, thì người nàng dâu đó rất cô đơn và khổ sở, nên xã hội phải đặt ra tục lệ như quẻ Quy Muội tả trên, cho em gái hoặc cháu gái cùng về nhà chồng, để làm hầu thiếp, để đỡ đần công việc, và chia sẻ ngọt bùi, cho cô dâu bớt cô đơn. Nhưng đồng thời, bậc cha mẹ cũng phải huấn luyện con gái mình, thành người hiền thực, khoan hồng, đại lượng, và các cô hầu thiếp đi theo cũng phải phục tùng, và thuận thảo, nếu ai làm trái ngược thì coi như mang tai họa đến cho nhà chồng. Do đó nhờ có sự giáo dục cẩn thận của cha mẹ, nên trên dưới một lòng.

**Áp dụng vào ngày nay**, thì cha mẹ nên để ý giáo dục con ngay từ lúc còn nhỏ, lo để ý tìm bạn cho con giao thiệp, trong đám con cháu của bè bạn mình, như vậy là mình phải dành chút thì giờ cuối tuần để lo giao thiệp, để dạy con làm công việc nội trợ, để đưa con đi chơi, để cho chúng thấy mình được cha mẹ thương yêu, lo lắng cho, chớ để cho con cái thấy mình bị cô đơn, không ai ngó ngàng tới, cả ngay bố mẹ chúng chỉ tối ngày lo làm tiền, mà không để ý gì đến chúng. Sự thật tiền thì ai cũng cần, nhưng con cái mình còn quan trọng hơn tiền. Như vậy con cái đã có tình yêu của cha mẹ đầy đủ, đã có bè bạn tốt, có giáo dục đầy đủ, thì sự sa đoạ cũng bớt đi nhiều, và như vậy việc **Hôn nhân** của chúng cũng làm ta bớt mệt óc, vì chúng có nhiều đối tượng tốt để so sánh, do đó cũng khó sa ngã. Và **Tự Do Hôn Nhân là tự do lựa chọn, với sự hướng dẫn của các bậc phụ huynh**, như vậy cũng làm cho ta yên trí và tin tưởng được phần nào.





**Phong Tụ Quái**                      豐序卦  
Đắc kỳ sở qui giả tất đại.      得其所歸者必大  
Cố thụ chi dĩ Phong.              故受之以豐。  
Phong giả đại dã.                  豐者大也。

*Phong Tụ Quái*  
*Có nơi qui đáo, ắt thời lớn lao,*  
*Cho nên, Phong mới tiếp vào,*  
*Phong là phong đại, nhẽ nào chẳng to?*

Có nơi qui tụ, sẽ đi đến chỗ thịnh đạt, phong doanh, nên sau quẻ Qui Muội là quẻ Phong.

### I. Thoán.

*Thoán từ.*

豐.亨.王假之.勿憂.宜日中.

**Phong. Hanh. Vương cách chi. Vật ưu. Nghi nhật trung.**

**Dịch.**

*Phong là phong thịnh, hanh thông,*  
*Phong doanh, phi đấng cứu trùng, nào ai?*  
*Đừng buồn, đừng sợ chuyện đời.*  
*Hãy như mặt nhật, sáng soi giữa trời.*

Khi đã đạt tới phong thịnh, mọi sự sẽ trở nên trôi chảy (**Phong hanh**). Chỉ có các bậc vua chúa, mới đi đến chỗ phong đại được, vì chỉ có vua chúa, mới hội đủ điều kiện tinh thần, vật chất, nhân sự, để đi đến chỗ phong doanh, thái thịnh (**Vương cách chi**). Khi các bậc vương giả, đã đạt được tới giai đoạn thịnh đạt, thì đừng có lo âu vì viễn ảnh suy vong trong tương lai, mà hãy nên như mặt trời giữa khung trời thăm, chiếu soi cho thiên hạ

*Thoán Truyện. Thoán viết:*

彖曰.豐.大也.明以動.故豐.王假之.尚大也.勿憂宜日中.宜照天下也.日中則昃.月盈則食.天地盈虛.與時消息.而況人於人乎?況於鬼神乎?

**Phong. Đại dã. Minh dĩ động. Cố phong. Vương cách chi. Thượng đại dã. Vật ưu nghi nhật trung. Nghi chiếu thiên hạ dã. Nhật trung tắc trắc. Nguyệt doanh tắc thực. Thiên địa doanh hư. Dĩ thời tiêu tức. Nhi hướng ư nhân hồ? Hướng ư quỷ thần hồ?**

**Dịch. Thoán rằng:**

*Phong là phong đại, lớn lao,*



*Thông minh, hoạt động lẽ nào chẳng phong.  
Phong doanh, chỉ đáng cứu trùng,  
Cứu trùng mới thích vầy vùng, bao la.  
Chuyện đời, đừng sợ đừng lo,  
Hãy như mặt nhật, nhón nhơ giữa trời.  
Chiếu soi khắp chốn, khắp nơi,  
Khắp cùng thiên hạ, chiếu soi rõ ràng.  
Vùng dương cao sẽ xế ngang,  
Trăng tròn, rồi sẽ chuyển sang voi, gầy.  
Đất trời, lúc rộng, lúc đầy,  
Thăng trầm, tăng giảm, đổi thay theo thời.  
Đất trời còn thế, nữa người.  
Qui thân âu cũng một bài thịnh suy.*

Thoán Truyện định nghĩa Phong là lớn lao.

**Muốn đạt tới Phong đại phải:**

1-Thông minh sáng suốt. 2- Có nghị lực để thực hiện các chương trình, ý định của mình. 3- Là bậc Vương giả, mới có mộng lớn lao, những đồ án vĩ đại, mới có những điều kiện tinh thần, vật chất, nhân sự, để thực hiện ý muốn của mình (**Minh dĩ động. Cố phong. Vương cách chi. Thượng đại dã**). Khi đạt tới mức phong doanh cao đại, bậc vương giả hãy cứ an tâm làm ơn ích, treo gương sáng cho đời, như mặt trời trên khung trời thăm, tỏa quang huy cùng khắp chốn nơi. (**Vật ưu nghi nhật trung. Nghi chiếu thiên hạ dã**).

Tiếp theo, Thoán Truyện bàn về việc doanh hư của trời đất, và cho đó là một định luật phổ quát.

- Mặt trời lên đến tột đỉnh, rồi sẽ xế tà dần.

-Mặt trăng tròn rồi lại khuyết.

Trời đất theo đà thời gian, đầy rồi lại voi, tăng rồi lại giảm, thì sự đời làm sao mà cứ thịnh mãi, mà chẳng có suy (**Nhật trung tắc trắc. Nguyệt doanh tắc thực. Thiên địa doanh hư. Dữ thời tiêu tức. Nhi hướng ư nhân hồ. Hướng ư quỷ thần hồ**.)

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết:*

象曰 . 雷電皆至 . 豐 . 君子以折獄致刑 .

**Lôi điện giai chí. Phong. Quân tử dĩ triết ngục trí hình.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Phong là sấm chớp song sinh,*

*Hiền nhân triết ngục, trí hình hẩn hoi.*

*Tội tình, xét xử cho đời,*

*Ngục hình áp dụng rạch ròi, phân minh.*

Chớp tượng trưng cho sự sáng láng. Sấm tượng trưng cho sự uy nghi, mạnh mẽ. Cho nên, người quân tử nhân đó cũng phải *dùng hết trí thông minh của mình, mà phán đoán các vụ hình án, dùng hết oai lực của mình, mà áp dụng các hình phạt*. Trái lại Đại Tượng quẻ Phệ hạp, dạy người quân tử phải dùng trí thông minh của mình mà *lập ra các luật pháp và các hình phạt*.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九. 遇其配主. 雖旬無咎. 往有尚.

象曰. 雖旬無咎. 過旬災也.

*Sơ Cửu.*

**Ngộ kỳ phối chủ. Tuy tuần vô cữu. Vãng hữu thượng.**

*Tượng viết:*

**Tuy tuần vô cữu. Quá tuần tai dã.**

**Dịch.**

*Gặp người đồng đức kết đôi,  
Ta, người cân xứng, vậy thời lỗi chi.  
Tiến lên, sẽ được thỏa thuê.  
Tượng rằng: Cân xứng lỗi chi,  
Còn như chênh lệch, sẽ bề tai hung.*

Quẻ Phong gồm có Chấn là động, mà quẻ Ly là lửa.

Ý nói muốn làm nên phong đại, cần phải phối hiệp sự quang minh với nghị lực để hành động.

**Hào Sơ đây ứng với Hào tứ**, chẳng khác nào gặp người cộng sự đồng cân, đồng lượng. Được vậy, chẳng những không có gì đáng trách (**Ngộ kỳ phối chủ. Tuy tuần vô cữu**), mà lại giúp mình lập được công nghiệp đáng khen (**Vãng hữu thượng**).

Tượng Truyện cho rằng, hai người cộng sự với nhau, mà không có óc tranh hơn, tranh thắng, mới hay, còn như nếu có óc tranh dành hơn thiệt, thì âu sẽ bị tai họa. (**Tuần** là cân xứng với nhau. **Quá tuần** là chênh lệch không cân xứng) (**Tuy tuần vô cữu. Quá tuần tai dã**).

#### 2. Hào Lục nhị.

六二. 豐其蔀. 日中見斗. 往得疑疾. 有孚發若. 吉.

象曰. 有孚發若. 信以發志也.

*Lục nhị.*

**Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đấu. Vãng đắc nghi tật.  
Hữu phu phát nhược. Cát.**

*Tượng viết:*

**Hữu phu phát nhược. Tín dĩ phát chí dã.**

**Dịch.**

*Dày mà dày bức màn che,  
Trưa nhìn sao nhỏ lập lòe thỉnh không.  
Tiến lên sẽ bị nghi lòng,  
Chí thành tỵ thủ, mới mong cảm người.*

**Tượng rằng:**

*Chí thành tỵ thủ cảm người,  
Tín thành là cách để khơi tâm tình.*

Lục nhị cư trung, đắc chính, tượng trưng cho một hiền thần, lại ở giữa quẻ Ly, nên rất sáng suốt.

Nhưng Lục ngũ thì lại Âm nhu bất chính, hôn ám, nghe lời sàm tấu, không tin dùng Lục nhị, tình trạng này chẳng khác nào khi trời có Nhật thực, giữa ban ngày thấy chòm sao Bắc đẩu hiện ra trên trời (**Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đầu**). (Bộ đây là dày đặc, đến nỗi làm mất hết ánh sáng mặt trời). Gặp trường hợp này, mà nếu Lục nhị cứ tiến lên, cứ muốn dờ dỏi, hoạt động thì sẽ chuốc lấy sự nghi kỵ (**Vãng đắc nghi tật**). Hay nhất là dùng lòng chí thành của mình, mà cảm hóa, mà mở mang tâm trí quân vương. (**Hữu phu phát nhược. Cát**).

Tượng Truyện giải rằng: Dùng lòng chí thành của mình, cốt là để mở mang tâm tình, ý chí của vua vậy (**Hữu phu phát nhược. Tín dĩ phát chí dã**).

Hào này làm ta liên tưởng đến Chu Công. Khi Võ Vương mất (1114 trước Công Nguyên), con nối ngôi là Thành Vương còn nhỏ, mới 13 tuổi, Chu Công phải chấp chính. Bọn Quản Thúc, Thái Thúc và Hoắc Thúc, đều là anh em ruột của Chu Công, phao tiếng đồn là Chu Công muốn tranh ngôi vua Thành Vương, và bọn ấy còn mưu tính tiếp tay cho Vũ Oanh (con Trụ Vương) phản loạn. Chu Công phải bỏ triều chính một thời gian ngắn, rồi về phía Đông ở, để dẹp yên lòng nghi kỵ trong gia đình và dị nghị của thiên hạ. Đến khi biết lòng của chú, Thành Vương thân chinh đi đón Chu Công về (1112), và giao phó cho việc dẹp loạn Vũ Oanh. Chu Công bình định phản loạn, tổ chức trị yên bốn bề làm cho Trung Quốc trở nên phú cường, thái thịnh.

**3. Hào Cửu tam.**

九三 . 豐其沛 . 日中見昧 . 折其右肱 . 無咎 .

象曰 . 豐其沛 . 不可大事也 . 折其右肱 . 終不可用也 .

*Cửu tam.*

**Phong kỳ báii. Nhật trung kiến muội. Triết kỳ hữu quăng. Vô cửu.**

*Tượng viết :*

**Phong kỳ báii. Bất khả đại sự dã. Triết kỳ hữu quăng.  
Chung bất khả dụng dã.**

**Dịch.**

*Phong mà cờ xí dày che,  
Trưa nhìn sao nhỏ lập lòe thỉnh không.  
Như què tay mặt hết dùng,*

*Sự đòi đến thế, còn hòng trách ai.*

**Tượng rằng:**

*Dày mà cờ xí dày che,  
Phàm làm đại sự, khó bề nên công.  
Đã què tay mặt, hết dùng,  
Còn dùng chi nữa, mà mong mai này.*

Tới Hào Cửu tam, thì sự khuất lấp của nhà vua lại còn tệ hại hơn nữa, chẳng khác nào mặt trời bị nhật thực hoàn toàn, đến nỗi giữa ban ngày thấy rõ cả những ngôi sao nhỏ. (**Phong kỳ báii. Nhật trung kiến muội**). (Báii là cái màn kín mít. Muội là sao nhỏ). Gặp trường hợp này, Cửu tam dầu có tài, có đức mấy cũng như gãy hẳn tay mặt, khó bề xoay trở (**Triết kỳ hữu quǎng**). Nhưng như thế, đâu phải do lỗi của Cửu tam (**Vô cửu**).

Khi đã gặp trường hợp tiểu nhân bung bít nhà vua như vậy, thì mình làm sao làm công chuyện lớn được (**Phong kỳ báii. Bất khả đại sự dã**). Chẳng khác nào tay phải đã bị gãy, làm sao mà còn dùng được (**Triết kỳ hữu quǎng. Chung bất khả dụng dã**).

#### 4. Hào Cửu Tứ.

九四 . 豐其蔀 . 日中見斗 . 遇其夷主 . 吉 .

象曰 . 豐其蔀 . 位不當也 . 日中見斗 . 幽不明也 .

遇其夷主 . 吉 . 行也 .

*Cửu tứ.*

**Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đấu. Ngô kỳ di chủ. Cát.**

*Tượng viết:*

**Phong kỳ bộ. Vị bất đáng dã. Nhật trung kiến đấu.  
U bất minh dã. Ngô kỳ di chủ. Cát hành dã.**

**Dịch.**

*Dày mà dày bức màn che,  
Trưa nhìn sao đầu lập lòe thỉnh không.  
Dưới mình, nếu có bạn lòng,  
Gặp người đồng đức, mới mong tốt lành.  
**Tượng rằng:** Dày bức màn che,  
Vị ngôi còn có lắm bề dở dang.  
Trưa nhìn sao đầu rõ ràng,  
Tới tầm mù mịt, sang làm sao đây?  
Gặp người đồng đức, mới hay,  
Đi tìm gặp gỡ, mới may mới lành.*

Khi nhà vua bị tiểu nhân bung bít, như mặt trời bị khuất lấp, bị nhật thực, ban ngày trông rõ cả sao Bắc Đẩu, thì bậc Đại thần chỉ có cách kết liên với những người đồng tâm, đồng đức, như vậy mới là hay.

Tượng Truyện giải thích thêm rằng: Cửu tứ vì ở vào địa vị không được hẳn hoi, nhưng chẳng khác nào như bị bung bít (**Phong kỳ bộ. Vị bất đáng dã**). Đàng khác, thì nhà vua hôn ám, chẳng khác nào mặt trời bị nhật thực, đến nỗi ban ngày cũng thấy sao Bắc Đẩu (**Nhật trung kiến đẩu. U bất minh dã**). Trong trường hợp ấy, mà gặp được người đồng tâm, đồng đức, cộng tác với mình. Thì mọi sự mới là hay (**Ngộ kỳ di chủ. Cát hành dã**). Di chủ là người cộng tác với mình.

### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 來章 . 有慶譽 . 吉 .

象曰 . 六五之吉 . 有慶也 .

*Lục ngũ.*

**Lai chương. Hữu khánh dự . Cát.**

*Tượng viết:*

**Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã.**

**Dịch.**

*Nếu mà chiêu mộ hiền tài,*

*Thế thời phúc khánh, thế thời vẻ vang.*

**Tượng rằng:** *Lục ngũ mà hay,*

*Thế thời phúc khánh, đó đây đã đành.*

Lục ngũ là một bậc quân vương không lấy gì làm xuất sắc, cho nên cần phải biết **hạ mình mà cầu người hiền**, chiêu mộ những bậc hiền tài (**Lai chương**). Như vậy mới được phúc khánh (**Hữu khánh**). Dùng được hiền tài, thời phong doanh, thái thịnh mới có cơ thực hiện, và như vậy mới được vẻ vang, danh giá, còn gì tốt lành hơn nữa (**Dự cát**).

Cái hay của Lục ngũ chính là được phúc khánh vậy (**Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã**).

### 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 豐其屋 . 蔀其家 . 窺其戶 . 闚其無人 . 三歲不見 . 凶 .

象曰 . 豐其屋 . 天際翔也 . 窺其戶 . 闚其無人 . 自藏也 .

*Thượng Lục.*

**Phong kỳ ốc. Bộ kỳ gia. Khuy kỳ bộ. Huých kỳ vô nhân.**

**Tam tuế bất dịch. Hung.**

*Tượng viết:*

**Phong kỳ ốc. Thiên tế tường dã. Khuy kỳ bộ.**

**Huých kỳ vô nhân. Tự tàng dã.**

## Dịch.

*Tuy là gia thế phong doanh,  
Màn che, trướng rủ bao quanh lấp nhà.  
Từ trong cánh cửa nhìn ra,  
Tứ bề quanh quẽ, hỏi là còn ai ?  
Ba năm chẳng thấy bóng người,  
Sự tình đến thế, thế thời chẳng hay.  
**Tượng rằng:** Gia thế phong doanh,  
Một mình tung cánh tâng xanh, liệng vòng.  
Từ trong khe cửa vờ trông,  
Mòn con mắt ngó, tuyệt không bóng người.  
Mình che, mình dấu, mình vùi,  
Mình xa chẳng phải tự người muốn xa.*

Một kẻ chỉ mong vinh thân, phì gia, kiêu căng vô lối, sẽ mất nhân tâm, và sẽ sống một cuộc đời cô độc. Có khác nào một người bung bít nhà mình, (**Phong kỳ ốc. Bộ kỳ gia**), rồi nhìn qua khe cửa, chung quanh chẳng thấy một ai (**Khuy kỳ bộ. Huých kỳ vô nhân**). Tứ bề quanh quẽ, mấy năm trời cũng chẳng thấy ai lai vãng, thế là xấu, chẳng có ra gì (**Tam tuế bất địch. Hung**).

Một người cao ngạo, sống cô độc, bung bít, xa cách mọi người như vậy, chẳng khác nào như bay bổng lên trời, (**Phong kỳ ốc. Thiên tế tường dã**). Không thấy ai chung quanh mình, chính là vì mình đã có thái độ xa cách đối với mọi người vậy (**Huých kỳ vô nhân. Tự tàng dã**).

Tự tàng là tự mình che bít mình.

## ÁP DỤNG QUÊ PHONG VÀO THỜI ĐẠI

Phong là giàu có, thái thịnh. Quê Phong trên là Lôi (Sấm), dưới là Ly (lửa, sáng). Ý nói muốn trở nên giàu có, con người cần phải cố gắng, nỗ lực (Lôi), phải thông minh, sáng suốt (Ly). Khi mình đã cố gắng, đã hết sức suy tư, thì dầu sự đời có thăng trầm, biến hóa, ta cũng đừng có ngại.

Ở đời, chúng ta thấy nguyên kiếm được miếng cơm, manh áo, nhiều khi cũng rất là khó khăn. Ta có những câu như **Hai sương, một nắng**, nghĩa là làm việc từ từ mờ sáng, lúc còn sương mù, cho đến đêm khi bắt đầu có sương. Ngay xứ Mỹ này, còn biết bao người chẳng những đi làm toàn thời gian, mà còn làm thêm nhiều giờ phụ trội để kiếm ăn nữa .

Nhưng bao giờ cũng như bao giờ, chúng ta vẫn cần những người lãnh đạo cho hay, cho giỏi, sống gần dân, chứ không bị bao che, bung bít, sống không biết dân là gì

Ngày nay, tuy rằng Khoa học đã tiến bộ, nhưng Đạo đức lại thụt lùi, nên tệ đoan của xã hội không giảm được bao nhiêu, mà ở các nước nghèo, chậm tiến, lại càng tệ hơn nữa.

Vậy bốn phận làm người dân của nước nào chẳng nữa (dù chính thức hay bán chính thức), **nếu chúng ta muốn quốc gia, mà ta đang hiện cư ngụ, được phong thịnh, ta cũng phải có bốn phận cộng tác với chính quyền, giúp đỡ chính quyền** trong mọi vấn đề, dù nhẹ nhàng hay nan giải, nếu một khi chính quyền cần đến sự cộng tác của ta.

Ta đừng nên đòi hỏi sự hoàn hảo, hoàn toàn nơi chính quyền, vì quyết nghị của một đạo luật nào, thì cũng là ý kiến của một số người mà thôi, mà đã **là người thì không thể không có sai lầm**, nên thấy điều gì sai lầm, ta phải mạnh dạn đứng lên vạch rõ sự sai lầm đó, và thành khẩn đưa ra những ý kiến xây dựng của mình, yêu cầu họ cứ xét lại.

Ta phải cộng tác với chính quyền trong việc bài trừ tham nhũng, lưu manh, du đãng, buôn xì ke, ma túy vv... để lành mạnh hóa xã hội.

**Tóm lại, đừng bưng bít những gì xấu xa, tệ hại.** Phải can đảm đứng lên cộng tác với chính quyền, dù kẻ xấu đó là nhân viên cao cấp của chính quyền cũng đừng sợ hãi. **Luôn luôn, phải nhớ rằng, sự thái thịnh của quốc gia, là sự thái thịnh của mình vậy.** Nếu quốc gia mà nghèo nàn, công nợ, thì con dân trong nước làm sao được chính phủ lo lắng, hoặc chăm sóc chu toàn cho mình được. Hãy làm tròn bổn phận một người công dân có trách nhiệm với nước của mình, hay với nước mình đang cư ngụ. Như vậy mới xứng đáng là người quân tử, giúp đời, giúp nước.

## 56. 火山旅 HỎA SƠN LỮ



### Lữ Tự Quái

Phong giả đại dã.

Cùng đại giả tất thất kỳ cư.

Cố thụ chi dĩ Lữ.

旅序卦

豐者大也

窮大者必失其居

故受之以旅

### Lữ Tự Quái

Phong là phong đại, lẽ nào chẳng to.

Quá to sẽ mất sở cư,

Cho nên Quẻ Lữ bày chừ tiếp theo.

Phong doanh, thái thịnh quá sẽ mất sự an tĩnh, cho nên sau quẻ Phong là quẻ Lữ. Lữ là lữ thứ, lữ hành.

Lữ trên là Ly, là lửa; Dưới là Cấn, là núi, là ngưng nghỉ. Lửa bay đi, không ở yên một chỗ, nên gọi là Lữ.

### I. Thoán.

*Thoán từ.*

旅 . 小 亨 . 旅 貞 . 吉 .

Lữ. Tiểu hanh. Lữ trinh. Cát.

### Dịch.

Lữ là lữ thứ, lữ hành,

Trông mong chút đỉnh thông hanh được rồi.

Chiếc thân lữ thứ quê người.

Sao cho chính đáng, âu thời mắn may.



Đã lữ thứ, tha phương, dĩ nhiên là chẳng được hanh thông cho lắm, nên phải minh chính, mới hay.

### **Thoán Truyện.**

象曰. 旅. 小亨. 柔得中乎外. 而順乎剛. 止而麗乎明. 是以小亨. 旅貞吉也. 旅之時義大矣哉.

**Lữ. Tiểu hanh. Nhu đắc trung hồ ngoại. Nhi thuận hồ cương. Chỉ nhi lệ hồ minh. Thị dĩ tiểu hanh. Lữ trinh cát dã. Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai.**

### **Dịch. Thoán rằng:**

*Lữ thứ, lữ hành,  
Cầu mong chút đỉnh thông hanh được rồi,  
Nhu mì, trung chính với ngoài,  
Và còn thuận phục những người quyền uy,  
Luôn luôn cư xử hợp nghì,  
Luôn luôn sáng suốt, tế vi, tinh tường.  
Cho nên khỏi chuyện nhờ nhờ,  
Lữ là minh chính, mới ngoan, mới lành.  
Trong khi lữ thứ, phiêu linh,  
Ở ăn đúng mức, tài đàn lớn lao.*

Thoán Truyện bàn về lối cư xử cần phải có khi tha hương lữ thứ. Thoán cho rằng: **Lữ thứ giỏi lắm là được mát mặt, an thân, chứ không thể nào thỏa chí vẫy vùng như nguyện được.** Đi ra ngoài, phải biết nhu thuận, từ tốn, xử sự cho khéo léo (**Nhu đắc trung hồ ngoại**), lại phải biết chiều ý người có quyền thế ở nơi mình cư ngụ (**Nhi thuận hồ cương**). Phải xử sự cho sáng suốt (**Chỉ nhi lệ hồ minh**), như vậy mới được xong xả, hản hoi (**Thị dĩ tiểu hanh**).

Có xử sự cho hay, cho phải, thì mới được an lành khi lữ thứ (**Lữ trinh cát dã**). Biết xử sự khi lưu lạc nước người, thực là một chuyện lớn vậy (**Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai**).

Tha hương, lữ thứ khó sống, là vì hoàn cảnh hoàn toàn mới lạ, bạn bè thân thích hầu như không có, giá trị của mình ít người biết đến; ấy là chưa kể bị chèn ép, thiếu phương tiện sinh nhai v.v...

## **II. Đại Tượng Truyện.**

### **Tượng viết.**

象曰. 山上有火. 旅. 君子以明慎用刑. 而不留獄.

**Sơn thượng hữu hỏa. Lữ. Quân tử dĩ minh thận dụng hình. Nhi bất lưu ngục.**

### **Dịch. Tượng rằng:**

*Lữ là lửa cháy đầu non,  
Ngục hình quân tử chăm nom tận tường,  
Phân minh cân trọng đôi đường,  
Ngục tù đâu phải nơi trường cứu đâu ?*

Trên núi có lửa là Lữ, người quân tử theo đây sẽ sáng suốt, thận trọng khi ra hình phạt, và không kéo dài các vụ hình án, giam cầm.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào dạy cách cư xử khi lữ thứ. Lưu lạc ở nước ngoài, phải mềm dẻo, chứ không được cứng cỏi. Nhưng không vì thế mà có những cử chỉ hèn hạ (**Hào Sơ**).

Khi tha hương, cần phải có nơi trú ngụ, có tiền tiêu dùng, có khí giới phòng thân, nếu được có tô tử hậu hạ càng hay, lại cần phải được lòng người trên, người dưới.

**Thời Xuân Thu**, tha hương, lữ thứ là chuyện thường xảy ra. Điển hình nhất là trường hợp Tấn Văn Công khi còn hàn vi, và Khổng Tử khi chu du Liệt quốc.

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。 旅 瑣 瑣 。 斯 其 所 取 災 。

象 曰 。 旅 瑣 瑣 。 志 窮 災 也 。

*Sơ Lục.*

**Lữ tảo tảo. Tư kỳ sở thủ tai.**

*Tượng viết:*

**Lữ tảo tảo. Chí cùng tai dã.**

**Dịch. Sơ Lục.**

*Lữ mà đốn mạt, hư hèn,*

*Thế thời tai họa chuốc liền vào thân.*

**Tượng rằng:** *Lữ thứ hư hèn,*

*Lo quanh, lo quẩn, mắc liền họa tai.*

Sơ Lục Âm nhu, sống cuộc đời lữ thứ, mà lại ở địa vị quá thấp. Một người tha hương, mà tư cách lại hèn kém Tảo tảo là ti tiện, hèn kém (**Lữ tảo tảo**), thì chỉ có thể chuốc lấy tai ương (**Tư kỳ sở thủ tai**).

Hào Sơ tài hèn, vị kém, chí khí cũng uơ hèn, cho nên mới lo quanh, tính quẩn, và bị tai họa (**Lữ tảo tảo. Chí cùng tai dã**).

#### 2. Hào Lục nhị.

六二。 旅 即 次 。 懷 其 資 。 得 童 仆 貞 。

象 曰 。 得 童 仆 貞 。 終 無 尤 也 。

*Lục nhị.*

**Lữ tức thứ. Hoài kỳ tư. Đắc đồng bộc trinh.**

*Tượng viết:*

**Đắc đồng bộc trinh. Chung vô vuu dã.**

**Dịch.**

*Lữ mà có chôn nghỉ ngơi,  
Có tiền chi dụng, có người tở trung.  
**Tượng rằng:** Có tở trung cang,  
Rồi ra sẽ khỏi phàn nàn, kêu ca.*

Lục nhị nhu thuận, đắc trung, đắc chính, nên tượng trưng cho một người lữ thứ. Người xưa lưu lạc, thường được nhờ những gia thần tốt. Loan Doanh, đại thần nước Tấn, bị hàm oan, phải trốn sang nước ngoài. Gia thần là Tân Du, liền thâu nhập gia tài mình, chở hai, ba xe ra ngoài thành để đi theo Loan Doanh. Vì có lệnh cấm không được cho ai theo Loan Doanh, nên Tân Du bị quân sĩ giải tới Tấn Vương.

Tân Du viện có đã ba đời làm tôi cho nhà họ Loan, nên nhất định xin đi theo Loan, để trọn tình chung thủy với chủ lúc hoạn nạn. Tấn vương thấy Tân Du là người trung nghĩa, nên muốn giữ lại làm quan với mình, nhưng Tân Du một mực xin đi, Tấn Vương đành phải cho phép.

Lại như Tấn Văn Công, lưu lạc xứ người, đã được bọn Triệu Thôi, Tư Thần, Ngụy Thù, Hồ Mao, Hồ Yên, Giới Tử Thôi v.v... theo phò tá, nên sau đã lập nên nghiệp bá. (Xem Đông Chu Liệt quốc, trg, 366- 367)

Tượng Truyện không nhắc tới nhà cửa, tiền bạc, mà chỉ nhắc tới đầy tở trung nghĩa. Mới hay, người trọng hơn của. Được đầy tở trung kiên, cuối cùng cũng không ai trách móc mình được gì cả(**Đắc đồng bộc trinh. Chung vô vu dã**).

### **3. Hào Cửu tam.**

**九三。旅焚其次。喪其童仆。貞厲。**

**象曰。旅焚其次。亦以傷矣。以旅與下。其義喪也。**

*Cửu tam.*

**Lữ phần kỳ thứ. Táng kỳ đồng bộc. Trinh lệ.**

*Tượng viết:*

**Lữ phần kỳ thứ. Diệt dĩ thương hĩ. Dĩ lữ dữ hạ. Kỳ nghĩa táng dã.**

**Dịch.**

*Lữ hành nhà trọ cháy tiêu,  
Mà xem tôi tở, có chiều ngãng ra.  
Thế là lâm cảnh nguy cơ.  
**Tượng rằng:** Lữ quán cháy tiêu,  
Chiếc thân lữ thứ, lằm điều rủi ro.  
Tôi đòi mình chẳng mặng mà,  
Tình thày, nghĩa tở, hỏi là còn chi.*

Khi tha hương, lữ thứ, phải nhu thuận, khéo ăn, khéo ở mới hay. Đẳng này Cửu tam lại cứng cỏi, vụng xữ, cao ngạo (Vì Tam ở trên cùng quẻ Cấn. Cấn là núi, mà núi thì cao ngạo), vì thế nên mất lòng người trên, có khác nào như quán xá bị đốt, làm sao mà ở yên được (**Lữ phần kỳ**

**thứ).** Hơn nữa, lại cũng mất lòng kẻ dưới (**Táng kỳ đồng bộc**). Như vậy, dầu mình ngay thẳng mấy cũng lâm nguy (**Trinh lệ**).

Lúc lữ thứ mà không có nơi ăn, chốn ở, dĩ nhiên là bị khốn khổ, bị thương tổn (**Lữ phần kỳ thứ. Diệt dĩ thương hĩ**).

Trong khi tha hương, lữ thứ mà còn cao ngạo, còn đối với người dưới không ra gì (**Dĩ lữ dữ hạ**), thì làm sao mà chẳng mất lòng họ, làm sao mà tôi tớ chẳng bỏ mình (**Kỳ nghĩa táng dã**).

#### 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 旅于處 . 得其資斧 . 我心不快 .

象曰 . 旅于處 . 未得位也 . 得其資斧 . 心未快也 .

*Cửu tứ.*

**Lữ vu xử. Đắc kỳ tư phủ. Ngã tâm bất khoái.**

*Tượng viết:*

**Lữ vu xử. Vị đắc vị dã. Đắc kỳ tư phủ. Tâm vị khoái dã.**

**Dịch.**

*Lữ mà có chốn ở ăn,*

*Tiền nông, khí giới phòng thân đang hoàng.*

*Thế mà tâm vẫn chẳng an.*

**Tượng rằng:**

*Lữ tuy có chốn ở ăn,*

*Vị ngôi chưa được thập phần hẳn hoi.*

*Tiền nông, khí giới sẵn rồi,*

*Nhưng mà lòng vẫn bồi hồi chưa yên.*

Cửu tứ tuy cương mà biết xử nhu (Cương Hào cư Âm vị), lại ở dưới cùng Thượng quái, như vậy là người biết khu xử (**Lữ vu xử**). Dưới ứng với Sơ Lục, trên thời kề cận với Lục ngũ là người quyền quý, như vậy có khác nào một người lữ thứ mà có tiền bạc tiêu xài (**Đắc kỳ tư**), có khí giới phòng thân(**Phủ**) đâu?

Tuy nhiên, Cửu tứ vì vị ngôi không chính đáng, nên chẳng bao giờ được vừa lòng; cũng như người lưu lạc quê người, dầu ăn sung, mặc sướng, nhưng vẫn cảm thương cho thân phận lạc loài, vẫn thờ ơ với hoàn cảnh, vẫn phải đóng vai bàng quan, **đình đám người mẹ con ta**, nên không bao giờ vui được (**Ngã tâm bất khoái**). Người lữ thứ buồn khổ chính là vì phải đóng vai trò bất đắc dĩ, và ở trong một hoàn cảnh giả tạo (**Lữ vu xử. Vị đắc vị dã. Đắc kỳ tư phủ. Tâm vị khoái dã**).

#### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 射雉一矢亡 . 終以譽命 .

象曰 . 終以譽命 . 上逮也 .

Lục ngũ.

**Xạ trĩ. Nhất trĩ vong. Chung dĩ dự dã.**

*Tượng viết:*

**Chung dĩ dự mệnh. thượng đãi dã.**

**Dịch.**

*Bắn chim trĩ, mất một tên,  
Rời ra danh giá, chức quyền ung dung.*

**Tượng rằng:**

*Rời ra danh giá, chức quyền,  
Thế là đã bước được lên trên rồi.*

Lục ngũ văn minh, nhu thuận, mà lại đặc trưng. **Minh** nên quán triệt nhân tình, **Nhu** nên xử sự hợp thời, hợp cảnh, cho nên trên, dưới đều bằng lòng. Minh khéo, mình hay nên sau sẽ được danh giá, phúc lộc (**Xạ trĩ nhất trĩ vong, chung dĩ dự mệnh**). Người xưa, đi đến đâu thường dùng một con chim trĩ để nạp lễ tương kiến. Mất một mũi tên, bắn được con chim trĩ, làm lễ vật tương kiến, mà được danh giá, may mắn, chẳng hay lắm sao?

Tượng cho rằng: Cửu ngũ được may mắn, là vì được cấp trên cố cập đến (**Thượng đãi**)(Trình tử giải).

Phan Bội Châu giải **Thượng đãi** là tiến lên ngôi tốt bậc. Cửu ngũ đây không phải là ngôi vua, vì vua mà tha hương thì cũng mất chức vị. Trùng Nhĩ cùng tòng giả sang Tần. Tần Mục Công muốn gả Hoài Doanh là con mình cho Trùng Nhĩ. Hoài Doanh trước đã lấy Thế Tử Ngũ, nên Trùng Nhĩ ý không muốn lấy. Các gia thần bàn rằng nếu muốn trở về làm vua nước Tấn sau này, thì phải lấy Hoài Doanh; nếu cứ bo bo tiết nhỏ, ắt sẽ mất việc to, sau e ăn năn chẳng kịp. Trùng Nhĩ mới khứng chịu. Quả nhiên sau này, Tần Mục Công giúp Trùng Nhĩ trở về làm vua nước Tấn.

Thế thực là: **Nhất trĩ vong. Chung dĩ dự mệnh**. Mất một mũi tên, mà sau nên danh giá (Xem Đông Chu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, trg 457).

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九。鳥焚其巢。旅人先笑后號咷。喪牛于易。凶。

象曰。以旅在上。其義焚也。喪牛于易。終莫之聞也。

Thượng Cửu.

**Điều phân kỳ sào. Lữ nhân tiên tiếu hậu hào ào. Táng ngưu vu dị. Hung.**

*Tượng viết:*

**Dĩ lữ tại thượng. Kỳ nghĩa phân dã. Táng ngưu vu dị.  
Chung mạc chi văn dã.**

**Dịch.**

*Chim mà đánh cháy tổ mình,  
Lữ nhân cười trước, âu đành khóc sau,*

*Khinh tâm, để xông mắt trâu,  
Thế thời hung họa, có đâu tốt lành.*

**Tượng rằng:**

*Lữ mà ăn chóc, ngồi trên,  
Thế là nhen nhúm lửa ghen tức mình.  
Mắt trâu, vì tội coi khinh,  
Chẳng còn nghe thấy lời lành, lời hay.*

Thượng Cừ ở địa vị cao quý, lại cứng cỏi (Dương cương), cao ngạo, thì làm sao mà được lòng người, làm sao mà an thân được, có khác nào con chim bị cháy tổ đâu? (**Điều phần kỳ sào**). Sống nơi đất khách mà cư xử như vậy, ắt sẽ trước vui, sau buồn, trước cười sau khóc (**Lữ nhân tiên tiểu hậu Hào đào**). Gặp lúc thư thái dễ chịu, mà bỏ mất cách cư xử nhu thuận của mình, thời chắc không hay (**Táng ngư vu dị. Hung**). Ngư là trâu, nghĩa bóng là nhu thuận.

Ở thời Lữ, mà tự tôn, tự đại, thì dĩ nhiên gặp tai họa, có khác nào con chim bị đốt tổ đâu? (**Dĩ lữ tại thượng. Kỳ nghĩa phần dã**). Khi đã cao ngạo, khi đã mất sự mềm dẻo, uyển chuyển, sẽ khăng khăng một mực, ai mà can ngăn được? (**Táng ngư vu dị. Chung mạc chi văn dã**).

## **ÁP DỤNG QUÊ LỮ VÀO THỜI ĐẠI**

Ngày nay, cả triệu người Việt đang sống trong cảnh lữ thứ tha hương. Sống nơi xứ người, đừng nên đòi hỏi cao quá, phải hòa mình với người bản xứ mà làm ăn, miễn sao gia đình được đầy đủ, con cái được ăn học là may lắm rồi. Đừng luyến tiếc dĩ vãng, đừng mơ mộng tương lai quá cao, mà phải biết sống với thực tại. Phải luôn luôn giữ nhân cách của mình, đừng làm gì quá đáng để người bản xứ khinh mình, do đó coi thường dân tộc mình.

Nếu may mắn, ta có một chút địa vị trong xã hội, thì ta đừng nên kiêu căng phách lối, vì dù ta có giàu sang đến đâu chẳng nữa, thì ta cũng chỉ mới lo được cho vợ con ta, chưa chắc gì đã lo được cho cha mẹ, anh em, đừng nói chi đến quốc gia xã hội. Thế nhưng đã có những người chưa có danh vọng gì gọi là tiếng tăm, chưa có tiền bạc gì nhiều gọi là giàu có, chưa có đức độ gì gọi là vị vọng, thì đã lên mặt, ra oai với người đồng chủng. Lại có những người, lợi dụng những người trình độ còn thấp kém, buôn thần, bán thánh, lừa bịp thiên hạ. Hơn nữa có người lại luôn muốn trèo đầu, cưỡi cổ thiên hạ, tự coi mình như là nguyên thủ quốc gia của những người dân lữ thứ, để mưu lợi công danh, tài lộc cho cá nhân mình, mà họ không bao giờ tự hỏi họ đã có tài đức gì, và tương lai họ có thể mang lại gì cho dân.

Cho nên, tốt hơn hết chúng ta đừng bao giờ ở trong các loại người học vắn nửa mùa, văn dốt, vũ dốt, mà lại kiêu căng, phách lối trên. Làm bậy bạ, hậu quả không chóng thì chầy, cũng bị tai họa mà thôi.

Lúc buổi đầu, ta sẽ gặp khó khăn khi mới lập nghiệp, vì xứ lạ quê người, tiếng nói bản xứ còn chưa quen, nhưng dần dà mỗi ngày mỗi hơn, cái quan trọng của đời ta không phải ở nơi đâu, mà ngay trong gia đình ta. Ta phải cố gắng tạo một mái gia đình ấm cúng, giáo dục con cái cho đàng hoàng, để họ trở nên những phần tử có ích cho nhà, cho nước mai sau. Còn như, nếu gia đình ta, ta còn không lo nổi, vợ con ta còn không kính trọng ta, con cái ta còn là những phần tử bụi đời, lưu manh, du đãng, bản thân ta còn chưa có nghề nghiệp vững vàng, còn phải trông vào sự trợ giúp của nước bạn, thì sao ta có thể đòi đứng lên xây dựng một quốc gia? Ai tin? Ai theo?. Phải chăng có phải đó là tự lừa người, lừa mình không? Tóm lại, người lữ thứ, tha hương

nên biết **Tri túc, Tiệm túc**, cố gắng học hỏi, cầu tiến để không thua kém người dân bản xứ, đó là may mắn lắm rồi vậy.

**57. 巽為風 TÓN VI PHONG**  
**BÁT THUẦN TÓN**



<b>Tón Tụ Quái</b>	<b>巽序卦</b>
Lữ nhi vô sở dung.	<b>旅而物所容.</b>
Cố thụ chi dĩ Tón.	<b>故受之以巽.</b>
Tón giả nhập dã.	<b>巽者入也</b>

**Tón Tụ Quái**

*Lữ mà chẳng chốn đường vào.  
Lữ mà chẳng có chốn nào dung thân.  
Cho nên Tón mới theo chân,  
Tón vào, vả lại có phần sướng vui.*

Sau quẻ Lữ là quẻ Tón, vì lẽ rằng khi cô thân, chích ảnh nơi quẻ người, khi lữ thứ, tha hương, mà không có chốn dung thân, thời phải từ tốn, mềm mỏng, khéo léo, mới có thể gây được cảm tình, mới chinh phục được lòng người.

Tón có nhiều nghĩa: \***Cây**, \***Gió**, \***Mệnh lệnh**, \***Mềm mại**, \***Từ tốn**, \***Xâm nhập**, \***Lọt vào** v.v ...

Nơi quẻ Tón này, ta thấy Kinh, Truyện, và các lời Bình Giải, đều đề cập đến các nghĩa trên; ngoại trừ nghĩa **Tón là Cây**. Gió thổi ra muôn phương, làm cây cỏ rạp theo chiều. Mệnh lệnh truyền ra muôn phương, làm dân chúng phải hoạt động theo chiều hướng, và ý muốn của nhà vua. Vì thế **Tón vừa là Gió, vừa là Mệnh Lệnh**.

Ta có thể ảnh hưởng đến người, bắt người theo ý mình, bằng những đường lối dã man, tàn bạo, nhưng ta có thể ảnh hưởng đến người, khiến người theo ý mình, bằng đường lối mềm mại, khéo léo, ngon ngọt, dễ dàng, bằng cách nói đi, nói lại một ý tưởng. Quẻ Tón có ý dạy ta dùng cách thâm thấu từ tốn này.

**I. Thoán.**

*Thoán từ.*

**巽. 小亨. 利有攸往. 利見大人.**

**Tón. Tiểu hanh. Lợi hữu du vãng. Lợi kiến đại nhân.**

**Dịch.**

*Tón là từ tốn nhẹ nhàng,  
Nhỏ nhoi, nhưng vẫn có đàng hanh thông.*



*Làm gì cũng lợi, chẳng không,  
Đại nhân gặp được, mới mong lợi nhiều.*

Từ tốn mà hành sự, sẽ không thu lượm được kết quả mạnh mẽ, nhãn tiền (**Tốn. Tiểu hanh**), nhưng sẽ giúp ta nên công lâu dài (**Lợi hữu du vãng**). Nhất là khi sự từ tốn, mềm dẻo, lại được một người giỏi giang đem áp dụng (**Lợi kiến đại nhân**). Nã Phá Luân cai trị nước Pháp, sau thời kỳ Cách Mạng 1789, một thời kỳ nổi tiếng là bài xích quân quyền và Đạo Giáo. Nã Phá Luân biết đó là nền móng chia rẽ, và loạn lạc trong nước, nên ông hết sức khéo léo để hàn gắn lại những sự rạn nứt, đổ vỡ ấy.

Ông chỉ trích những đạo luật Cách Mạng quá khích. Ông khen những người theo phái Cần Vương, vì đã dám chống lại một chính quyền hà hiếp, áp chế. Ông cho lập lại Công giáo ở Pháp, và ký thỏa ước với Giáo Hoàng. Nhờ cách xử trí khéo léo đó, mà ngày lễ Phục Sinh 18/4/1802, khi ông tới nhà thờ Notre Dame de Paris, Hồng Y Giáo chủ Belloy đã ra đón mừng ông, và các chuông trên nhà thờ đều được kéo vang lừng để đón chào ông, đánh dấu một sự cộng tác thành thực giữa Đạo giáo và Chính quyền.

Ngự Án giải **Tốn là xâm nhập**. Tốn có hai Hào Dương trên một Hào Âm. Thế là Dương thâm nhập vào Âm để đánh tan ảnh hưởng xấu của Âm, có vậy Âm Dương mới hòa hợp với nhau được.

-Trên trời thì gió lùa vào mây để đánh tan mây mù.

-Nơi con người thì cố đi sâu vào lòng người, để cố tìm hiểu mọi nỗi uẩn khúc, tà vậy, mà sửa chữa.

-Trong xã hội, thì len lỏi vào các gian đảng, vào các tệ đoan để mà hoá giải, khử trừ v.v...

Ta ghi nhận ý kiến của Ngự Án, nhưng vẫn tiếp tục giải **Tốn là Từ tốn**. Tóm lại:

**-Từ Tốn là phương pháp để lấy lòng người.**

**-Tốn cũng có nghĩa là Tiểu nhân phục tòng Quân tử.**

**-Tốn cũng có nghĩa là thâm nhập để chinh phục lòng người dần dà, để cải hoá dần dà phong tục xã hội.**

***Thoán Truyện. Thoán viết.***

**彖曰 . 重巽以申命 . 剛巽乎中正而志行 . 柔皆順乎剛 .**

**是以小亨 . 利有攸往 . 利見大人 .**

**Trùng Tốn dĩ thân mệnh. Cương Tốn hồ trung chính nhi chí hành. Nhu giai thuận hồ cương. Thị dĩ tiểu hanh. Lợi hữu du vãng. Lợi kiến đại nhân.**

**Dịch.Thoán rằng:**

*Trên truyền mệnh lệnh, dưới theo,*

*Đình ninh, trân trọng đầu người để đuôi,*

*Cương, nhưng theo đúng lẽ trời,*

*Nhu, nhưng biết thuận theo người đức cương.*

*Thế thời hanh vận, có đường,*

*Làm gì, âu cũng có phương thành toàn.  
Đại nhân gặp được mới ngoan,  
Đại nhân gặp được, mới mang lợi nhiều.*

Trên dưới đều Tôn (**Trùng Tôn**). Người trên khi ra mệnh lệnh cũng lắt đi lắt lại, để mệnh lệnh thực sự thâm nhập vào dân chúng (**Thân mệnh**). Chữ Thân có nghĩa là lắt đi, lắt lại. Càng nhắc đi, nhắc lại bao nhiêu, thì càng minh tâm, khắc cốt bấy nhiêu. **Đạo giáo đã áp dụng định luật này, khi dạy dân tụng niệm, và chính trị ngày nay đã áp dụng định luật này, để tạo nên những phản ứng có điều kiện, mà như là phản ứng tự nhiên trong dân chúng.**

Trong quẻ Tôn, Nhị, Ngũ, đều là Dương cương, lại đắc trung; Sơ, Tứ đều là Âm nhu. Xét bản chất quẻ, ta thấy trên thì thuận theo nghĩa lý, dưới thì từng phục cấp trên (**Cương tôn hồ trung nhi chí hành. Nhu giai thuận hồ cương**). Dùng phương cách mềm dẻo để hoá cải dân tình kết quả sẽ chậm chạp (**Thị dĩ tiểu hanh**), nhưng hãy cứ đường lối ấy mà thi hành, sẽ thâm hoạch được lợi ích dài lâu (**Lợi hữu du vãng**). Nếu gặp được người hay, người giỏi để thực thi chính sách trên, thì lại càng hay, càng tốt nữa (**Lợi kiến đại nhân**).

## II. Đại Tượng Truyện.

象曰 .隨風 .巽 .君子以申命行事 .

*Tượng viết.*

**Tùy phong. Tôn. Quân tử dĩ thân mệnh hành sự.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Tôn là gió thổi theo nhau,  
Lệnh truyền thâm thía, cho sâu mới tình.  
Rời ra lại phải thi hành,  
Thi hành chính sự, hoàn thành mới thôi.*

Gió theo nhau là Tôn. Quân tử theo gương đó, quảng bá mệnh lệnh bằng cách nhắc đi, nhắc lại để ghi tạc vào lòng dân, như vậy mới thực thi được chính sự.

Đọc **Thoán** và **Truyện** ta thấy **Dịch** chủ trương dùng phương pháp **Tiệm tiến** và **thẩm thấu** để ảnh hưởng đến thiên hạ.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ giải thích thế nào là từ tôn:

- Từ tôn không phải là do dự (Hào Sơ).
- Từ tôn không phải là khúm núm (Hào Nhị)
- Từ tôn không phải là ba phải, vô lập trường (Hào 3).
- Từ tôn là khéo léo, được lòng cả trên, lẫn dưới, mà mình vẫn hay, vẫn lợi (Hào 4).
- Từ tôn nhưng vẫn theo chính lý, hoạt động vẫn có phương sách, có chủ trương, có chuẩn bị, có kiểm soát để đi đến thành công (Hào 5).
- Từ tôn thái quá sẽ trở nên hèn hạ, sẽ tai hại (Hào 6).

## 1. *Hào Sơ lục.*

初六 . 進退 . 利武人之貞 .

象曰 . 進退 . 志疑也 . 利武人之貞 . 志治也 .

*Sơ Lục.*

**Tiến thoái. Lợi vũ nhân chi trinh.**

*Tượng viết:*

**Tiến thoái. Chí nghi dã. Lợi vũ nhân chi trinh. Chí trị dã.**

**Dịch.**

*Dùng dằng, chẳng biết tiến lui,  
Võ biên, từ tốn vậy thời lại hay*

**Tượng rằng:**

*Dùng dằng, chẳng biết tiến lui,  
Là vì tâm trí pha phôi, nghi nần,  
Võ biên cương trực, thời ngoan,  
Là vì tâm trí vững vàng, bình an.*

**Sơ Lục Âm nhu**, lại ở dưới hết quẻ Tôn, nên khiến ta liên tưởng đến một người nghi nan do dự. Nhưng từ tốn không phải là do dự, là tiến thoái lưỡng nan (**Tiến thoái**). Phải chỉ một người vũ biên thay vì quá hăng hái, bóp chát, sồng sượng, mà biết pha một chút ít từ tốn, thời hay biết mấy (**Lợi vũ nhân chi trinh**).

**Tóm lại từ tốn không phải là do dự, mà chính là quả quyết.**

Đây Tượng giải thích rõ:

**Tiến thoái** là lòng nghi nan do dự.

**Lợi vũ nhân chi trinh** là lòng quả quyết chắc chắn. Từ tốn đây là **Tiên lễ hậu binh** của các nhà lãnh đạo.

Nã Phá Luân nói với Roederer: Khi lập một dự án quân sự, thì không ai nhát gan hơn tôi. Tôi thổi phồng tất cả những nguy hiểm. Nhưng khi đã quyết định, thì quên hết mọi sự, chỉ cốt làm sao thực hiện được dự án đó mà thôi.

## 2. *Hào Cửu nhị.*

九二 . 巽在床下 . 用史巫紛若 . 吉 . 無咎 .

象曰 . 紛若之吉 . 得中也 .

*Cửu nhị.*

**Tồn tại sàng hạ. Dụng sử vu phân nhược. Cát. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Phân nhược chi cát. Đắc trung dã.**

**Dịch.**

*Tốn mà nép xuống dưới giường,  
Dùng đồng, dùng cốt mấy phùng lãng nhãng.  
Nếu vì cầu đảo thành tâm,  
Thế thời cũng tốt, chẳng làm lỗi chi*

**Tượng rằng:**

*Lãng xăng, mà vẫn gặp lành,  
Là vì tâm chính, ý thành hẳn hoi.*

**Cửu nhị.** Từ tốn không phải là khúm núm (**Tốn tại sàng hạ**). Sự khúm núm chỉ có thể chấp nhận được, là khi đem tâm thành van vái thần minh, hoặc dùng các thầy bùa, thầy cúng đồng đảo để nhượng tai, cầu phúc (**Dụng sử vụ phân nhược**). Sử là thầy cúng, Vu là thầy bùa. Phân nhược là nhiều, là đông.

Cái hay ở đây là vì đã đem hết lòng thành khẩn để mà cảm động được thần minh (**Phân nhược chi cát. Đắc trung dã**).

Ngự Án giải Hào nhị như sau: **Sàng hạ** nghĩa là Âm tà, Âm nắp phía dưới, nên **Nhập u sàng hạ** chính là tìm tòi, suy xét kỹ càng, để tìm ra duyên do thâm kín của những chéch mắc dở dang, hoạ hại bên ngoài. Khi đã tìm ra duyên do rồi sẽ dùng các thầy bùa, thầy pháp hoá giải.

Đại khái chủ trương của Ngự Án cũng giống như chủ trương của Freud: Các căn do thâm kín của hoạ hại, một khi đã tìm ra được, đã đem phơi bày ra ánh sáng, thì nó không gây được ảnh hưởng nữa.

Wilhelm, R.G.H.Siu, Legge giải giống Ngự Án. Tôi (tác giả) chủ trương bình giải theo lối cũ, vì như vậy mới ăn khớp với toàn quẻ.

### 3. Hào Cửu tam.

九三 . 頻巽 . 吝 .

象曰 . 頻巽之吝 . 志窮也 .

*Cửu tam.*

**Tần tốn. Lận.**

*Tượng viết:*

**Tần tốn chi lận. Chí cùng dã.**

**Dịch.**

*Thuận tòng lia lịa, chẳng hay.*

**Tượng rằng:**

*Thuận tòng lia lịa, chẳng hay,  
Chí cùng, mới đến nỗi này mà thôi.*

**Cửu tam. Tần tốn** là từ tốn nhiều lần, nhượng bộ nhiều lần, như vậy đáng xấu hổ. Từ tốn đâu phải là không có lập trường. Cái dở của Hào này, chính là mới đầu thì ngông nghênh tự thị,

sau vì thất bại liên miên, nên lại trở nên nhũn nhặn quá cỡ như vậy, chính là cùng đường chẳng biết xử trí ra sao(**Tần tổn chi lận. Chí cùng dã**).

#### 4. **Hào Lục tứ.**

六四 . 悔亡 . 田獲三品 .

象曰 . 田獲三品 . 有功也 .

*Lục tứ.*

**Hồi vong. Điền hoạch tam phẩm.**

*Tượng viết:*

**Điền hoạch tam phẩm hữu công dã.**

**Dịch.**

*Việc gì mà phải phàn nàn,*

*Đi săn mà được, sẻ san ba phần.*

**Tượng rằng:**

*Đi săn mà được ba phần,*

*Công danh như vậy, tưng bừng còn chi.*

**Lục tứ là Âm Hào cư Âm vị**, cho nên khéo xử, biết đường từ tốn, nhún nhường cho phải phép, vì thế nên khỏi mọi điều hồi hận, phàn nàn (**Hồi vong**), chẳng những thế mà còn nên công, nên việc nữa, chẳng khác nào người đi săn mà được cả ba phần muông chim, thế tức là hay, là lợi nhiều. Người xưa, chia muông chim săn được thành ba phần:

- 1 phần dùng để tế lễ.
- 1 phần dùng để thết đãi tân khách.
- 1 phần dùng để cung cấp cho bếp núc.

Tượng Truyện giải: Từ tốn phải phép như vậy mới nên công (**Điền hoạch tam phẩm hữu công dã**).

#### 5. **Hào Cửu ngũ.**

九五 . 貞吉 . 悔亡 . 無不利 . 無初有終 .

先庚三日 . 后庚三日 . 吉 .

象曰 . 九五之吉 . 位正中也 .

*Cửu ngũ.*

**Trình cát. Hồi vong. Vô bất lợi. Vô sơ hữu chung.**

**Tiên canh tam nhật. Hậu canh tam nhật. Cát.**

*Tượng viết:*

**Cửu ngũ chi cát. Vị chính trung dã.**

## Dịch.

Một lòng trung chính, mới hay  
Phản nản, hối hận, từ nay chẳng còn.  
Làm gì cũng được vuông tròn,  
Rời ra, lợi ích thành toàn, xong xuôi.  
Không đầu, nhưng lại có đuôi,  
Thủy thời vô thủy, chung thời hữu chung.  
Lo lường, tính chuyện, tính công,  
Ba ngày sau trước, mới mong tốt lành.  
**Tượng rằng:** Cửu ngũ mà hay,  
Là vì trung chính, thẳng ngay một lòng.

**Cửu ngũ** đặc trung, đặc chính, nên là người từ tốn, mềm mỏng một cách khéo léo nhất, vì thế nên được mọi sự may mắn, lợi lộc, không có gì phải phản nản. (**Trình cát. Hối vong. Vô bất lợi**).

Cửu ngũ trong quẻ Tốn, không chủ trương Cách mạng, xoá bỏ mọi cơ cấu tiền chế, mà chỉ **cải thiện lại một tình trạng đang suy đồi**, là nối tiếp công trình của tiền nhân, bổ khuyết, cải thiện, chấn chỉnh, mong làm cho công trình ấy trở nên thành toàn, vì thế nói: **Vô sơ hữu chung**.

**Vô sơ** là không có khởi điểm, vì Cửu ngũ đây không phải người khai sơn, phá thạch, tạo dựng nên một cơ đồ, nhưng **hữu chung** là có chung điểm, vì với sự khéo léo, nhưng bền bỉ, Cửu ngũ đây hy vọng thành toàn được công trình còn dang dở. Nhưng trước khi bắt tay vào công trình cải thiện, và sau khi đã thực hiện công trình cải thiện, càng phải thận trọng. Trước khi muốn cải thiện, phải soạn thảo chương trình kế hoạch cho hẳn hoi, sau khi đã thực hiện công trình cải thiện, phải biết kiểm điểm, theo dõi (**Tiên canh tam nhật. Hậu canh tam nhật. Cát**).

Vậy, mọi sự được hẳn hoi, là vì Cửu ngũ xử sự đàng hoàng, đứng đắn (**Cửu ngũ chi cát. Vị chính trung dã**).

## 6. Hào Thượng Cửu.

上九. 巽在床下. 喪其資斧. 貞凶.

象曰. 巽在床下. 上窮也. 喪其資斧. 正乎凶也.

*Thượng Cửu.*

**Tốn tại sàng hạ. Táng kỳ tư phủ. Trình hung.**

*Tượng viết:*

**Tốn tại sàng hạ. Thượng cùng dã. Táng kỳ tư phủ. Chính hồ hung dã.**

## Dịch.

Tốn mà nép xuống dưới giường,  
Mất rìu, mất của mọi đường chẳng hay,  
Thế mà chẳng đổi, chẳng thay.

**Tượng rằng:**

*Tốn là nếp xuống dưới giường,  
Thế là ti tốn, cùng đường còn chi.  
Cả riu, lẫn của mất đi.  
Dầu rằng trinh chính, vẫn thì là hung.*

Từ tốn quá hóa hồng (**Tốn tại sàng hạ**). Phán đoán không còn được sáng suốt, rành rẽ, và sẽ mất cả của cải. (**Táng kỳ tư phủ**). Tư là tiền nông, Phu là búa rìu, tượng trưng cho sự phán đoán, quả quyết. Như vậy, dầu có chính trực cũng chẳng ra gì. Từ tốn thái quá, đến nỗi mất cả sự nghiệp, thì chắc là hung rồi, còn gì nữa (**Tốn tại sàng hạ. Thượng cùng dã. Táng kỳ tư phủ. Chính hồ hung dã**).

Tóm lại, quẻ Tốn dạy ta phải Từ tốn để được lòng người, để ban bố mệnh lệnh, để thi hành chính sự, và chủ trương rằng **Từ tốn đúng mức, chính là xử sự tế nhị, khéo léo, vừa được lòng người, vừa được việc mình**.

Ngự Án (Vua Khang Hy) trong khi bình giải quẻ Tốn, đã đưa ra những ý kiến hết sức đáng lưu ý. Đó là:

1. Cần đi sâu vào tâm tư, để tìm cho ra những căn do thâm kín của những ảnh hưởng xấu. Chủ trương này, làm ta liên tưởng tới phương pháp phân tâm học của Freud.

2. Cần len lỏi vào các gian đảng, và các tệ đoan xã hội, để biết cách khử trừ chúng. Chủ trương này làm ta liên tưởng đến những hoạt động của những phóng viên, của những tổ chức an ninh chìm nổi ngày nay.

3. Cần phải đi sâu vào các vấn đề, để khai thác và tìm hiểu. Nhưng nếu suy tư, và cân nhắc quá, sẽ đâm rối rít, nghi nan, không còn quyết tâm thực hiện được nữa.

Những lời bình của Ngự Án, có thể giúp ích cho ta hiểu thêm được chuyện đời, và tổ chức xã hội.

## ÁP DỤNG QUẺ TÓN VÀO THỜI ĐẠI

Tốn là Gió, là Lọt vào, là Từ tốn. Nho giáo xưa sánh ảnh hưởng người quân tử, như là Gió, còn tiểu nhân như là Cỏ. Gió thổi thì cỏ phải lướt theo chiều (L. N. XII, 19)

1). Xưa, Vua Khang Hi ưa giải Tốn là Lọt vào, và ưa dùng quẻ Tốn như là cho người xâm nhập vào lòng các đảng phái, để biết lẽ lối làm việc của họ, và biết cách hoá giải họ.

2). Ngày nay, ta dùng phương pháp quảng cáo, tuyên truyền, nhắc đi nhắc lại trong dân chúng, để đi vào sự chú ý của họ, rất có hiệu lực, nhất là làm thương mại

3). Từ tốn để dung hòa trên dưới, rất cần trong mọi hoàn cảnh, cho các nhà chính trị, cho các cấp lãnh đạo trong chính quyền., để tránh độc tài chuyên chế áp bức dân chúng.

4). Dùng chính sách mềm dẻo, từ tốn để sửa sang lại những thói hư, tật xấu của xã hội. Sống từ tốn cho đúng cách cũng là một chuyện khó vậy.

Như vậy, ta thấy áp dụng Dịch có nhiều cách, càng rộng rãi, khéo léo, thời càng hay, càng tốt.

58. 兌為澤 ĐOÀI VI TRẠCH





## BÁT THUẦN ĐÒÀI

<b>Đòài Tự Quái</b>	兌序卦
Tôn giả nhập dã.	巽者入也.
Nhập nhi hậu duyệt chi.	入而後說之
Cố thụ chi dĩ Đòài.	故受之以兌.
Đòài giả duyệt dã.	兌者說也.

### Đòài Tự Quái

*Tôn vào, vả lại có phần sướng vui,  
Cho nên nói tiếp là Đòài,  
Đòài là vui sướng, vui rồi ly tan.*

Mình từ tốn đối với người, người sẽ đẹp lòng. Vì thế sau quẻ Tôn là quẻ Đòài.

### I. Thoán.

#### *Thoán từ.*

兌 . 亨 . 利貞 .

**Đòài. Hanh. Lợi trinh.**

#### **Dịch.**

*Đòài là vui vẻ, thỏa thuê,  
Rồi ra mới được mọi bề hanh thông.  
Chính trinh, mà trọn được lòng,  
Thế thời ích lợi, mới mong chu toàn.*

Làm cho người đẹp lòng, đẹp dạ, người sẽ vui lòng cộng tác với mình để làm nên đại sự, vì thế nói **Đòài hanh**. Nhưng làm đẹp lòng người đây, không phải bằng những thủ đoạn bất chính, mà phải bằng những đường lối chính đáng, những cách thức đường hoàng, như vậy mới hay, mới lợi (**Lợi trinh**). Trinh là minh chính, chính đáng.

#### *Thoán Truyện. Thoán viết.*

彖曰 . 兌 . 說也 . 剛中而柔外 . 說以利貞 . 是以順乎天 . 而應乎人 . 說以先民 . 民忘其勞 . 說以犯難 . 民忘其死 . 說之大 . 民勸矣哉 .

**Đòài. Duyệt dã. Cương trung nhi nhu ngoại. Duyệt dĩ lợi trinh. Thị dĩ thuận hồ thiên. Nhi ứng hồ nhân. Duyệt dĩ tiên dân. Dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn. Dân vong kỳ tử. Duyệt chi đại. Dân khuyển hỹ tai.**

## Dịch.

*Đoài là vui vẻ, thỏa thuê,  
Trong cương, ngoài lại thêm bề thuận nhu.  
Vui mà chính đáng vui hòa,  
Vui theo chính ý, lợi là mấy mươi.  
Trên thời thuận với lòng trời,  
Dưới thời ứng với lòng người gần xa.  
Khiến dân đẹp ý, vui hòa,  
Dẫu dân mệt nhọc, cũng là quên đi,  
Dân vui, dân gặp hiểm nguy,  
Bằng chừng hiểm nạn, quản gì tử vong.  
Làm cho dân được vui lòng.  
Thời trôi, hậu quả vô cùng lớn lao.*

**Thoán Truyện** quảng luận Thoán từ và cho rằng làm chính trị, phải cố sao cho được lòng dân (**Đoài duyệt dã**).

Bạc Quốc quân, bên trong thì minh chính, cương trực, quả quyết; nhưng bên ngoài thì mềm mỏng, khéo léo đối với mọi người (**Cương trung nhi nhu ngoại**). Nói thế, vì Đoài có hai Hào Dương cương bên trong, một Hào Âm nhu ở ngoài. Dùng những phương pháp chính đáng, để chinh phục lòng người, làm cho mọi người vừa lòng, đẹp ý, như thế sẽ thu hoạch được nhiều ích lợi (**Duyệt dĩ lợi trính**). Hành xử như vậy, sẽ thuận ý trời, vừa lòng người (**Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân**).

Cai trị dân, hướng dẫn dân, mà làm cho dân vui đẹp, thì dẫu khiến dân làm lụng vất vả, dân cũng chẳng nề hà, dẫu bắt dân xông pha gian khổ, dân cũng liều chết hy sinh (**Duyệt dĩ tiên dân. Dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn. Dân vong kỳ tử**). Vì thế, đắc nhân tâm, là một công trình vĩ đại, làm được cho dân chúng hứng khởi, nô nức hợp tác với chính quyền, trong mọi chương trình kiến quốc, thực là cao siêu vậy (**Duyệt chi đại dân khuyến hỹ tai**). **Đại Học chủ trương: Nhà cầm quyền, nếu được lòng dân chúng, ắt được đất nước. Nếu để mất lòng dân chúng, chẳng khỏi mất nước.**

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết.*

象曰 . 麗澤 . 兌 . 君子以朋友講習 .

**Lệ Trạch. Đoài. Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.**

Đoài ở đây là quẻ Đoài kép (**Lệ Trạch Đoài**).

**Dịch. Tượng rằng:**

*Hai hồ kề cận thông nhau,  
Bạn bè giảng tập, cơ mưu mới tinh.*

**Tượng** giảng là hai hồ nước ở kề cận nhau, nương tựa lẫn nhau, nên đỡ khô cạn. Như vậy, muốn vui phải có đôi, có bạn.

**Dịch**, nhân lễ đó dậy người quân tử, nên cùng bằng hữu học hỏi cho ra nghĩa lý, và sau đó, đem thực thi những điều đã học hỏi được. Ấu cũng là nói lên sự cần thiết phải có bầu bạn, để học hành cho có hứng thú.

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九 . 和兌 . 吉 .

象曰 . 和兌之吉 . 行未疑也 .

*Sơ Cửu.*

**Hòa Đoài. Cát.**

*Tượng viết:*

**Hòa Đoài chi cát. Hành vị nghi dã.**

**Dịch.**

*Một niềm hòa duyệt, thời hay,*

*Tượng rằng: Hòa duyệt mà hay,*

*Là vì cư xử, chẳng ai nghi ngờ.*

**Hào Sơ cửu** ở dưới cùng quẻ Đoài, Dương cương mà lại không ứng với Cửu tứ. Thế nghĩa là Sơ Cửu biết hạ mình, sống hòa thuận với mọi người, làm đẹp lòng mọi người, mà **chẳng thiên vị ai**, vì thế nên tốt (**Hòa Đoài. Cát**).

Tấn Vân Phùng Thị nói: Hào Sơ có Dương đức, mà biết hạ mình, không thêm muốn Tam, không hiềm khích Nhị. Đó là tượng trưng người quân tử biết sống giản dị, khiêm cung, hòa nhã vậy.

Cái hay của Hào Sơ Cửu chính là biết tùy thời thuận xử, chưa làm điều gì sai ngoa, thất thố (**Hòa Đoài chi cát. Hành vị nghi dã**).

#### 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 孚兌 . 吉 . 悔亡 .

象曰 . 孚兌之吉 . 信志也 .

*Cửu nhị.*

**Phu Đoài. Cát. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Phu Đoài chi cát. Tín chí dã.**

**Dịch.**

*Sắt son một dạ, chẳng rời,*

*Hòa mà chẳng để cho người cuốn lôi,*

*Thế mới hay, thế mới tài.*

*Thế thời hết chuyện i ôi, phàn nàn.*

### **Tượng rằng:**

*Chính trung, hòa duyệt mà hay,  
Là vì son sắt, dầu lay chẳng rời.*

**Cửu nhị** Dương cương, lại đắc trung, nên nói rằng: Dùng sự khảng khái mà được lòng người (**Phu Đoài**), vì thế nên hay, nên tốt, không có điều gì đáng phàn nàn (**Cát. Hối vong**). Thế là trong có chủ trương vững chắc, ngoài thì hòa duyệt, cảm thông với mọi người. Tượng cho rằng: Cửu nhị được lòng người mà vẫn hay, chính là vì có một niềm tin vững mạnh, nên chủ trương dứt khoát (**Phu Đoài chi cát. Tín chí dã**).

### **3. Hào Lục tam.**

六三 . 來兌 . 凶 .

象曰 . 來兌之凶 . 位不當也 .

*Lục tam.*

**Lai Đoài. Hung.**

*Tượng viết:*

**Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Vui đâu, cũng vội xà vào,  
Thế thời là xấu, phải nào hay đâu.*

**Tượng rằng:**

*Thấy vui xà tới, hay chi,  
Là vì chẳng được xứng vì, xứng ngôi.*

**Lục tam.** Ngự Án giải: Lai Đoài là một kẻ chuyên chú đi tìm thú vui, lấy hưởng thụ làm lẽ sống, chạy theo những thú vui bên ngoài, thấy đâu vui là sà đến. Như vậy làm sao mà hay được. **Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã.** Tượng Truyện cho rằng cái dở của Lục tam, chính là tại vì không êm ngôi, xứng vị. Lấy tính cách Âm nhu, mà cầu duyệt bá vợ. Thấy người sang, bắt quàng làm họ, rồi bợ đỡ, nịnh hót. Như vậy đâu có hay (**Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã**).

### **4. Hào Cửu tứ.**

九四 . 商兌 . 未寧 . 介疾有喜 .

象曰 . 九四之喜 . 有慶也 .

*Cửu tứ.*

**Thương Đoài vị ninh. Giới tật hữu hỉ.**

*Tượng viết:*

**Cửu tứ chi hỉ. Hữu khánh dã.**

## Dịch.

Băn khoăn, lưỡng lự, chưa yên,  
Bên tà, bên chính, vui bên phía nào?  
Rạch ròi, rất khoái phân mao,  
Bỏ tà, theo chính, thế nào cũng vui.

### Tượng rằng:

Được như Cửu tứ mà vui.  
Thế là phúc khánh cho đời, còn chi.

**Cửu tứ** là Dương cương cư Âm vị, nên chưa phải là một người quân tử hoàn toàn, lại tiếp giáp với Cửu ngũ, tượng trưng cho một người công chính, cho những thú vui tinh thần cao thượng; và với Lục tam tượng trưng cho một kẻ Âm tà, cho những thú vui vật chất hư hèn. Thành thử Cửu tứ lưỡng lự, (**Thương Đoài**), chưa biết chọn bên nào, vì thế cho nên lòng còn sao xuyên chưa yên (**Vị ninh**). Nhưng rút cuộc, Cửu tứ đã có một thái độ dứt khoát. Đó là xa lánh tiểu nhân, khinh chê những thú vui hư hèn (**Giới tậ**), vì thế nên đáng mừng vậy (**Hữu hỉ**). Cửu tứ là một trọng thân, mà cư xử được như vậy, thật là phúc lớn, chẳng những cho Cửu tứ, mà còn cho quốc gia nữa vậy (**Cửu tứ chi hỉ. Hữu khánh dã**).

## 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 孚于剝 . 有厲 .

象曰 . 孚于剝 . 位正當也 .

Cửu ngũ.

**Phu vu bác. Hữu lệ.**

Tượng viết:

**Phu vu bác. Vị chính đáng dã.**

## Dịch.

Nếu tin kẻ chực hại mình,  
Thế thời nguy hiểm, chênh vênh quá chừng.

### Tượng rằng:

Nếu tin vào kẻ hại mình,  
Thế thời nguy hiểm, chênh vênh quá chừng.  
Đã ngôi chính đáng cứu trùng.  
Càng nên cẩn mật, đề phòng mới nên.

**Cửu ngũ** tuy là một ngôi vị quân vương, Dương cương đắc trung, đắc chính, nhưng nếu tin dùng kẻ tiểu nhân, ngoài mặt thì xu phụ mình, còn trong lòng thì muốn hãm hại mình (**Phu vu bác**), như vậy rất nguy hiểm.

Tiểu tượng cho rằng: Dầu địa vị Cửu ngũ có chính đáng chẳng nữa, nhưng vẫn phải đề phòng bọn tiểu nhân. (**Phu vu bác. Vị chính đáng dã**).

Quản Trọng trước khi chết, xin Tề Hoàn Công đuổi Diệt Nha, Thụ Điêu và Khai Phương, là những kẻ khéo bày vẽ, tìm thú chơi cho nhà vua. Hoàn Công nói: Diệt Nha nấu thịt con nó cho ta ăn, vậy nó thương ta còn hơn con nó, mà còn nghi nỗi gì? Quản Trọng thưa: Nhân tình không chi hơn con, con nó mà nó còn nỡ giết, huống chi là chúa sao?.

Hoàn Công nói: Thụ Điêu nó tự thiến mà thờ ta, ấy là nó tiếc ta hơn thân nó, sao lại chẳng dùng? Quản Trọng thưa: Nhân tình tiếc chi bằng tiếc thân, thân nó, nó không tiếc, huống chi thân chúa?.

Hoàn Công nói: Vệ Công tử Khai Phương bỏ chức công tử, ngàn cỗ xe, qua ở làm tôi ta, đến nỗi cha mẹ chết không về để tang, là mến ta hơn mến cha mẹ, thật không còn nghi gì nữa. Quản Trọng thưa: Nhân tình ai gần hơn cha mẹ, mà nó còn nỡ vậy thay, huống chi là Chúa. Phàm được phong ngàn cỗ xe, ai chẳng muốn, mà nó bỏ ngàn cỗ xe để đến với Chúa Công, là nó muốn nhiều hơn nghìn cỗ xe nữa kia chớ.

Hoàn Công nói: Ba người ấy thờ ta lâu lắm, sao ngày thường không thấy Trọng Phụ nói một lời?. Quản Trọng thưa: Tôi mà chẳng nói, là vì họ vừa ý Chúa công, chúng ví như nước, tôi ví như bờ đê, chẳng cho nước trào. Nay bờ đê đã lở rồi, lo sẽ có nước lụt, xin Chúa Công phải tránh. Tề Hoàn Công nghe lời, đuổi bọn Diệt Nha, Thụ Điêu và Khai Phương đi. Nhưng ít lâu sau, lại thương tiếc, triệu chúng về dùng lại. Về sau quả nhiên, bị bọn này hãm hại. Khi Hoàn Công bị bệnh nặng, họ cho xây bức tường cao ba trượng quanh tấm thất, không cho ai lai vãng, thăm nom, để vua chết trong đói khát, cô quạnh (*Đông Chu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, trang 390 - 391, và 413 - 414*).

## 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 引兌 .

象曰 . 上六引兌 . 未光也 .

*Thượng Lục.*

**Dẫn Đoài.**

*Tượng viết:*

**Thượng Lục dẫn Đoài. Vị quang dã.**

**Dịch.**

*Đã vui, còn muốn kéo dài,*

**Tượng rằng:** *Thượng muốn vui hoài,*

*Thế là chưa phải là người quang minh.*

**Thượng Lục.** Ngự Án cho rằng: Thượng Lục chính là một người chỉ còn biết có hoan lạc, hưởng thụ, ngoài ra họ không còn cố chí hướng, mục phiêu gì khác nữa (**Thượng Lục dẫn Đoài. Vị quang dã**). Hành xử như vậy, làm sao gọi là quang minh được?

## ÁP DỤNG QUÊ ĐOÀI VÀO THỜI ĐẠI

Trời sinh ra người, luôn muốn cho con người sống vui, sống khoẻ, chứ không phải muốn cho con người bị đọa đày để mà đền tội. Ta bị khổ là do xã hội, do gia đình, do chính bản thân ta, do sự u mê, lầm lạc của ta đã lôi cuốn ta vào sự khổ đó, chứ không phải do Trời hành, Trời phạt.

**Khổ là do xã hội:** Trong một nước, mà phong kiến, lạc hậu còn ngự trị, thì người dân sao mà sống thoải mái được. Ta hãy nhìn xem hình ảnh của trẻ em bên Hoa Kỳ, các em da dẻ hồng hào, mập mạnh, chạy nhảy, tươi cười. Trông các em, ta cảm thấy như trông thấy bầy thiên thần đang nô đùa. Trong khi đó, hãy nhìn trẻ em ở trong các xã hội chậm tiến như ở bên Á Châu, Phi châu; ta thấy các em xanh xao, gầy ốm, thiếu sự hồn nhiên, hay quấy, hay khóc.

Còn người lớn, thì đa số thiếu ăn, thiếu mặc, đời sống thiếu tiện nghi, thua sút dân tộc xứ người quá xa.

**Làm sao cho ta khỏi khổ vì xã hội, vì gia đình, hay vì sự mê muội của chính bản thân ta.**

**Trước tiên,** người cầm đầu nước phải biết mưu lợi ích cho dân. Phải biết đưa dân, chỉ dẫn cho dân vào con đường tiến hóa về mọi mặt : kinh tế, xã hội, đạo đức, nghề nghiệp, phát minh vv... Luôn luôn phải chạy đua trên đà tiến hóa của nhân loại. Luôn luôn phải giúp dân, nâng đỡ những tài năng ưu tú để họ có đủ phương tiện vật chất, tinh thần, để họ có thể thực hiện được những hoài bão của họ, để họ có thể mang tài năng của mình mà giúp ích cho nhà, cho nước mai sau.

**Tiếp theo, người dân phải biết bổn phận mình phải làm gì?** Mỗi người dân, gái cũng như trai, ai nấy đều phải có nghề nghiệp để có thể tự túc được, không phải sống nương tựa vào người khác. Ngay trẻ em, từ 8 tuổi, ta cũng thể tập cho các em có thể giúp đỡ cha mẹ trong công việc nhẹ trong nhà như: lau bàn ghế, hay có thể tự săn sóc lấy cho mình được như ăn uống, tắm rửa, thay quần áo, thu dọn buồng ngủ của mình cho ngăn nắp. Như vậy, trong một gia đình, vợ chồng đều có nghề có thể kiếm được tiền, con tuy nhỏ mà đã có óc trưởng thành sớm, thì dù ở hoàn cảnh nào, ta cũng không bị lo âu nao núng. Như vậy, ta đã bớt được rất nhiều nỗi **khổ vì gia đình.**

**Khổ do chính bản thân ta tạo ra.** Phần lớn nỗi khổ này do sự **hôn nhân sai lầm mà ra**, cũng chỉ vì yêu đương vội vã, không suy xét cẩn thận đã kết hôn. Sau đó, là do nghề nghiệp, đó cũng là vì lúc còn ở học đường, ta đã chọn một **nghề không hợp với khả năng của ta**, chỉ vì cha mẹ ta, hoặc do chính bản thân ta, chỉ chọn nghề do bề ngoài của nó, mà ít người nào chịu tìm hiểu xem mình có đủ khả năng học nghề đó không, hoặc nó có thích hợp với mình không? Do đó hậu quả là khi ra trường không kiếm được việc, hoặc có việc mà không được trọng dụng, vì khả năng quá yếu của mình, nên lúc nào cũng không được thoải mái, hoặc tự ti mặc cảm vì kém bạn đồng nghiệp.

**Tệ hại hơn nữa, là khổ do sự u mê mà ra.** Nhiều người chỉ vì muốn làm giàu nhanh chóng mà không phải khó nhọc gì, nên lao đầu vào thú vui bài bạc, để cuối cùng tán gia bại sản vì nó. Lại có người chạy theo thú vui nhục dục, để rồi tiền hết, bệnh mang. Lúc đó lại đổ cho tại số sui mà ra. Tóm lại, **Khổ hay Sướng, Buồn hay Vui là do ta tự quyết định cho ta vậy.**

## 59. 風水澳 PHONG THỦY HOÁN



Hoán Tự Quái

澳序卦

Đoài giả duyệt dã.

兌者說也

Duyệt nhi hậu tán chi.

說而後散之



Có thụ chi dĩ Hoán.      故受之以渙  
Hoán giả ly dã.        渙者離也

### Hoán Tự Quái

*Đoài là vui sướng, vui rồi ly tan.*

*Cho nên lấy Hoán mà bàn.*

*Hoán là xẻ nghé, tan đàn, phân pha.*

Nếu ở đời mà ai cũng chỉ lo mua vui, tìm lạc thú riêng cho mình thì xã hội sẽ đi đến chỗ phân ly, chia rẽ.

**Hoán cũng nghĩa là làm cho tiêu tan mọi duyên do phân ly, chia rẽ**, như gió (Tốn) thổi tan những cục băng giá trên mặt nước (Khảm) buổi đầu xuân.

Thoán và Tượng bàn tới những phương cách mà đấng quân vương có thể dùng để đoàn kết, qui tụ dân chúng, trong thời kỳ ly tan, chia rẽ. Các Hào chủ trương phải trừ khử, phải gạt bỏ hết mọi duyên do gây chia rẽ.

#### I. Thoán.

*Thoán từ.*

渙 . 亨 . 王假有廟 . 利涉大川 . 利貞 .

**Hoán. Hanh. Vương cách hữu miếu. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi trinh.**

Dịch.

*Hoán là chia rẽ, ly tan,*

*Ly tan, mà biết hợp đoàn mới hanh.*

*Vua ra tế tự miếu đình,*

*Băng qua sông lớn, công trình sẽ hay.*

*Một lòng chính chính, thẳng ngay.*

*Thế thời mới lợi, mới hay vẹn bề.*

Hoán là thời kỳ ly tan, chia rẽ, tương chừng như mọi sự sẽ đi đến chỗ bế tắc. Những bậc quân vương, có thể giải tỏa được bế tắc ấy, có thể đem lại sự đoàn kết cho dân, làm cho tình thế lại trở nên thông suốt (**Hoán. Hanh**).

Muốn được vậy, nhà vua phải có lòng thành khẩn, cần phải dùng tín ngưỡng đạo giáo, làm chiêu bài để qui dân, tụ chúng (**Vương cách hữu miếu**), hoặc đề xướng, hô hào làm một đại công, đại sự gì để mọi người có dịp chung lưng, góp sức, trở nên đồng hội, đồng thuyền. Đó không phải là một chuyện liêu lĩnh, nhưng chính là một chuyện hữu ích (**Lợi thiệp đại xuyên**). Dẫn sao, trong công trình này, nhà vua cũng phải lấy chính lý, chính đạo làm phương châm, mới hay, mới lợi (**Lợi trinh**).

*Thoán Truyện. Thoán viết.*

象曰. 渙 亨 . 剛來而不窮 . 柔得位乎外 而上同 . 王假有廟 . 王乃在中也 . 利涉大川 . 乘木有功也 .

**Hoán hanh. Cương lai nhi bất cùng. Nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng. Vương cách hữu miếu. Vương nãi tại trung dã. Lợi thiệp đại xuyên. Thừa mộc hữu công dã.**

**Thoán rằng:**

*Hoán tán mà hay,  
Bên trong cương nghị, thẳng ngay chẳng cùng.  
Ngoài thời nhu thuận, khiêm cung,  
Thuận ngôi, vả lại đẹp lòng với trên.  
Vua ra tế tự miếu đền,  
Lòng dân, vua muốn giữ bên trước sau,  
Lợi là băng vượt sông sâu  
Vượt sông dùng gỗ, mới hầu nên công.*

**Thoán Truyện.** Trong thời kỳ chia ly bế tắc, vẫn có thể làm cho tình thế trở nên thông suốt được (**Hoán hanh**). Đó là biết cả cương, lẫn nhu, lại biết dưới trên chung lưng, góp sức làm việc. **Câu Cương lai nhi bất cùng. Nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng** tương đối khó giải.

Chu Hi giải thích: Quẻ Hoán là do quẻ Tiệm sinh. Hào Cửu tam quẻ Tiệm xuống thành Hào Cửu nhị quẻ Hoán. Hào Lục nhị quẻ Tiệm lên thành Hào Lục tam quẻ Hoán, và như vậy sẽ đồng điệu với Hào Lục tứ bên trên (**Nhi thượng đồng**). Lối giải của Chu Hi hợp với phép **biến quái**, nhưng lại không giải được chữ **Nhu đắc vị hồ ngoại**, vì Lục tam là Âm cư Dương vị, nên không đắc vị.

Nơi đây, ta chỉ nên ghi nhận đại ý là: **muốn giải quyết tình trạng chia rẽ, thời phải áp dụng cả cương lẫn nhu**, vua tôi phải đồng lao, cộng tác, trên dưới phải dựa nương lẫn vào nhau. Muốn liên kết mọi người, nhà vua cần phải dùng tín ngưỡng, dùng đạo giáo làm chiêu bài để thu phục nhân tâm, vì thế nói **Vương cách hữu miếu. Vương nãi tại trung dã. Vương nãi tại trung** là vua thu phục được lòng dân. Muốn được dân, phải thu phục được lòng dân. Lúc nhân tâm chia rẽ, cũng nên đề xướng ra những đại công trình để mọi người có mấu chốt mà bám víu, có lý do để đồng lao, cộng tác (**Lợi thiệp đại xuyên**).

Ngự Án bình rằng: Dầu là người nước Tần, nước Việt, mà đi cùng chuyến đò, thì cũng sẽ hết sức hợp tác với nhau (**Tần Việt nhi cộng chu, tắc tâm lực vô hữu bất đồng**). Muốn làm những công việc vĩ đại, nhà vua cần phải có hiền thần phụ bật, y như người muốn vượt sông sâu, nước cả, phải có thuyền, có chèo (**Thừa mộc hữu công dã**).

Xưa nay, muốn đoàn kết nhân tâm, người ta thường hay dùng chiêu bài tín ngưỡng, đạo giáo, chẳng hạn như gần đây Nasser đã dùng Hồi giáo làm chiêu bài để liên kết các nước Ả Rập. Hơn nữa, sau các cuộc Cách Mạng, khi nhân tâm còn ly tán, người ta cũng thường muốn làm một chuyện gì lớn lao, để liên kết nhân tâm, như ít lâu sau cuộc Cách Mạng Pháp, các nhà lãnh đạo đã dùng Bonaparte để đi chinh phục nước Ý và Ai Cập.

Đọc Thoán Từ ta thấy Thoán tha thiết muốn cho bậc quân vương có tài đức, nhưng lại sống trong buổi nhân tâm ly tán, phải tìm hết mọi phương thế để thống nhất đất nước, đoàn kết nhân tâm, để sớm đem an bình thái thịnh về cho nhân quần xã hội.

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết:*

象曰 . 風行水上 . 渙 . 先王以享于帝立廟 .

**Phong hành thủy thượng. Hoán. Tiên vương dĩ hưởng vu Đế lập miếu.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Hoán là mặt nước gió bay,*

*Tiên vương xây cất đền đài, miếu tông.*

*Trước là phụng sự hoá công.*

*Sau là phụng sự cha ông xưa rầy.*

Gió thổi trên nước là **hoán**. Tiên vương tế lễ Thượng đế, xây cất đền miếu. Wilhelm bình rằng: Mùa Thu, Đông, nước đông thành đá. Mùa Xuân gió ấm thổi, làm tan hết đá cục trên mặt nước, khiến cho nước trở thành một khối duy nhất. Trong một quốc gia cũng vậy, sự ích kỷ và sự tàn ác làm cho lòng con người trở nên cứng rắn, làm cho con người ly tán nhau. Phải dùng đạo đức, tín ngưỡng mới hòa giải, phá tan được sự ích kỷ, và làm cho mọi người hợp nhất.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

### 1. Hào Sơ Lục.

初六 . 用拯馬壯 . 吉 .

象曰 . 初六之吉 . 順也 .

Sơ Lục.

**Dụng chủng. Mã tráng. Cát.**

*Tượng viết:*

**Sơ Lục chi cát. Thuận dã.**

**Dịch.**

*Sửa sang, giúp đỡ liền ngay,*

*Thêm con ngựa khỏe, mới hay mới lành,*

**Tượng rằng:** *Sơ Lục mà hay,*

*Là vì khéo xử, hợp ngay với thời.*

**Sơ Lục** bắt đầu thời kỳ hoán. Sự ly tán vừa chớm nở, cần phải được ngăn chặn ngay. Ngăn chặn một cách mạnh mẽ nữa mới tốt. Hào Sơ Lục đây Âm nhu, không đủ sức cứu vớt được sự ly tán, nhưng may ở gần nhị, nên có thể dùng sức của nhị để đối phó với tình thế. Vì thế nói rằng **Mã tráng. Cát** (Mã tráng đây chỉ Cửu nhị).

Cái hay của Sơ Lục đây chính là biết thuận thời, thuận thế, hiệp lực với Cửu nhị (**Sơ Lục chi cát. Thuận dã**).

### 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 渙奔其機 . 悔亡 .

象曰。 渙奔其機。 得愿也。

*Cửu nhị.*

**Hoán hôn kỳ kỷ. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Hoán hôn kỳ kỷ. Đắc nguyện dã.**

**Dịch.**

*Gặp thời hoán tán ly tan,  
Vội tìm đến chỗ ở an mới là.  
Hết còn phiền trách, âu lo.*

**Tượng rằng:**

*Gặp thời hoán tán ly tan,  
Vội tìm đến chỗ ở an mới là.  
Toại lòng, đắc ý, hết lo.*

**Cửu nhị** này có hai cách giải:

a). Sống trong thời kỳ Hoán tán, phải có một lý tưởng để bám víu, lý tưởng đó là niềm tin nơi con người (Wilhelm)

b). Sống trong thời kỳ Hoán tán, chia ly, phải biết dựa nương vào người khác. Hào Cửu nhị đây ở giữa quẻ Khảm, tức là ở giữa cơn nguy hiểm, nên phải nương tựa vào Sơ Lục, lấy Sơ Lục làm như ghế ngồi (**Bôn kỳ kỷ**).

Tìm được lý tưởng để dựa nương, tìm được vây cánh để dựa nương trong thời kỳ phân ly, hoán tán, thế là được như nguyện vậy (**Hoán hôn kỳ kỷ. Đắc nguyện dã**).

### 3. Hào Lục tam.

六三。 渙其躬。 無悔。

象曰。 渙其躬。 志在外也。

*Lục tam.*

**Hoán kỳ cung. Vô hối.**

*Tượng viết:*

**Hoán kỳ cung. Chí tại ngoại dã.**

**Dịch.**

*Hoán mà hoán tán niềm tây,  
Thế thời sẽ khỏi rút râu, phàn nàn.  
**Tượng rằng:** Hoán tán niềm tây,  
Là vì tâm trí đã quay ra ngoài.*

Một duyên do sinh ra chia rẽ, đó là lòng vị kỷ. Cho nên, muốn chấm dứt lòng chia ly, hoán tán, cần phải diệt trừ lòng vị kỷ. Có vậy mới khỏi hối hận, phàn nàn.

**Hoán kỳ cung. Chí tại ngoại dã.** Hoán kỳ cung tức là quên mình vì người, bớt nghĩ đến quyền lợi riêng tư, mà lưu ý đến những điều ích quốc lợi dân bên ngoài.

#### 4. *Hào Lục tứ.*

六四 . 渙其群 . 元吉 . 渙有丘 . 匪夷所思 .

象曰 . 渙其群 . 元吉 . 光大也

*Lục tứ.*

**Hoán kỳ quần. Nguyên cát. Hoán hữu khâu. Phi di sở tư.**

*Tượng viết:*

**Hoán kỳ quần nguyên cát. Quang đại dã.**

**Dịch.**

*Hoán là hoán tán đảng bầy,*

*Thế thời mọi sự sẽ hay, sẽ lành.*

*Nhỏ tan, lớn tụ mới tình,*

*Thường nhân hồ dễ nghĩ thành được đâu.*

**Tượng rằng:** *Hoán tán đảng bầy,*

*Thế thời mọi sự sẽ hay, sẽ lành.*

*Thực là cao đại, quang minh.*

Một tề đoàn xã hội, khiến cho nhân tâm ly tán, đó là nạn bè phái. Cho nên muốn đoàn kết quốc dân, trước hết phải dẹp nạn bè phái (**Hoán kỳ quần**). Như vậy, mới là vẹn hảo (**Nguyên cát**). Bè phái có dẹp đi, toàn dân mới trở thành một khối duy nhất, bao la hơn, vĩ đại hơn (**Hoán hữu khâu**).

Công trình này, người thường đâu có thể hiểu biết được (**Phi di sở tư**). Di là tầm thường, Tư là suy tưởng.

Dẹp được nạn bè phái, mang lại sự đoàn kết, nhất trí cho quốc dân, thực là sáng suốt và cao đại vậy (**Hoán kỳ quần nguyên cát. Quang đại dã**).

#### 5. *Hào Cửu ngũ.*

九五 . 渙汗其大號 . 渙王居 . 無咎 .

象曰 . 渙王居無咎 . 正位也 .

*Cửu ngũ.*

**Hoán hãn kỳ đại hiệu. Hoán vương cư. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Hoán vương cư vô cửu. Chính vị dã.**

**Dịch.**

*Trong thời hoán tán ly tan,*

*Thế mà mệnh lệnh vẫn ban xa gần.  
Trong thời hoán tán phong trần,  
Mà vua vững vị, lỗi làm chi đâu.  
**Tượng rằng:** Vua ở chẳng làm,  
Là vì ngôi vị thập phần hãn hoi.*

**Cửu ngũ.** Lúc nhân tâm ly tán, bậc vương giả cần phải trù liệu được một chương trình hãn hoi, hoạch định được những đường lối rõ rệt, ban bố được những mệnh lệnh chững chạc. Những mệnh lệnh mạnh mẽ, chững chạc của nhà vua, sẽ làm tiêu tan đi cơn khủng hoảng, như sự phát hãn làm tiêu tan cơn nóng sốt (**Hoán hãn kỳ đại hiệu**). Trong thời kỳ hoán tán, điều cần nhất là nhà vua phải ăn ở cho ngay chính (**Hoán vương cư. Vô cửu**).

Chu Hi bình rằng: Trong thời kỳ hoán tán, chẳng những phải ban bố những mệnh lệnh hãn hoi, mà còn phải biết tung tiền tài, phát của cải, lúa gạo, để thu phục nhân tâm nữa (**Hoán vương cư vô cửu. Chính vị dã**).

Tượng Truyện giải **Hoán vương cư** là nhà vua phải ăn ở cho xứng đáng. Trình tử cũng theo đó mà bình giải.

## **6. Hào Thượng Cửu.**

上九 . 渙其血 . 去逖出 . 無咎 .

象曰 . 渙其血 . 遠害也 .

*Thượng Cửu.*

**Hoán kỳ huyết. Khử dịch xuất. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Hoán kỳ huyết. Viễn hại dã.**

**Dịch.**

*Đánh tan cái hại, cái đau,*

*Đẹp tan những cái lo âu, hãi hùng.*

**Tượng rằng:** *Hoạ hại đánh tan,*

*Những gì hoạ hại, làm than chẳng gần.*

**Thượng Cửu.** Trong thời kỳ hoán tán, chia ly, phải làm sao tránh được sự tàn sát lẫn nhau, sự lưu huyết (**Hoán kỳ huyết**), cũng như đánh tan được mọi sự hãi hùng (**Khử dịch xuất**). Như vậy, mới không lỗi (**Vô cửu**).

Tượng Truyện tóm tắt: Phải tránh xa những điều họa hại (**Hoán kỳ huyết. Viễn hại dã**).

## **ÁP DỤNG QUÊ HOÁN VÀO THỜI ĐẠI**

Chúng ta đang ở trong thời đại nhân tâm ly tán, và mọi người có ai chịu suy nghĩ mà hàn gắn nó không?

Có ai chịu suy nghĩ để hiểu rằng: *Một người tự khinh mình trước, rồi kẻ khác mới khinh khi mình. Một nhà tự hủy hoại mình trước, rồi kẻ khác mới hủy hoại nhà mình. Một nước mà phe này đả độn, người này kẻ khác đánh nhau, rồi nước khác mới thừa dịp đánh nước mình.* Trong Thiên Thái Giáp, Kinh Thư có chép: Những tai ách mà Trời làm ra, mình còn tránh được; những tai ách tự mình gây nên, thì mình phải chết.

Con người, sinh ra đời không thể trần trần một nếp, mà phải biết tùy thời, xử thế, tùy cảnh ngộ mà xuất xử, hành tàng. Tôi mượn lời Đức Khổng mà nói: *Người quân tử ở trên đời không nhất thiết phò cái gì, chống cái gì; cái gì phải thì theo (Quân tử chi ư thiên hạ dã. Vô thích dã. Vô mịch dã. Nghĩa chi dĩ tử. - LN, IV, 10).*

Vậy, chúng ta hãy áp dụng lời Đức Khổng, trước cho gia đình, sau cho quốc gia, xã hội.

**Trong gia đình**, gặp lúc thời buổi kinh tế khó khăn, vợ chồng, cha con, phải gạt bỏ hết những bất đồng ý kiến, những ích kỷ, nhỏ nhen, mà phải hết lòng cộng tác với nhau, thì gia đình mới có cơ thịnh vượng được.

**Trong một quốc gia**, muốn cho dân mạnh, nước giàu, thì mọi người dân phải cộng tác với chính quyền, nếu chính quyền làm sai thì ta phải có bản phận *lên tiếng để sửa sai chính quyền*, chớ đừng **Mượn gió bẻ măng**, lập bè, kết đảng **để mưu cầu lợi ích riêng cho cá nhân mình**, mà quên đi sự nguy hại cho quốc gia dân tộc mình, để cho ngoại bang lợi dụng nó mà làm suy yếu nước mình.

**Tóm lại**, là người dù chỉ có đôi chút học vấn, cũng đừng để những bọn *Hoạt đầu chính trị* mang những lời nịnh nọt hảo mà tâng bốc mình, mang những hình ảnh huy hoàng giả tạo lừa bịp mình, để lợi dụng mình làm cái bàn đạp cho họ, để họ mưu cầu những tư lợi nhỏ nhen của họ.

Hãy tự tạo cho mình một tương lai huy hoàng, bằng cách học hành siêng năng, để tạo cho mình một chỗ đứng vững vàng trong xã hội; trau dồi hạnh kiểm để xứng đáng làm con người theo đúng nghĩa của nó, năng đọc sách Thánh hiền để có thể trở thành Thần minh. Tự xét nếu *Trên không thẹn với Trời, dưới không hổ với đất*, đó là mình đã thành công ở đời rồi vậy.

## 60. 水澤節 THỦY TRẠCH TIẾT

Tiết Tự Quái

節序卦

Hoán giả ly dã.

渙者離也

Vật bất khả dĩ chung ly.

物不可以終離

Cố thụ chi dĩ Tiết.

故受之以節

### Tiết Tự Quái

*Hoán là xẻ nghé, tan đàn, phân pha.*

*Chia ly, ly mãi ru mà.*

*Cho nên đến Tiết, Tiết là chừng thôi.*

Hoán là ly tán. Sự đời không thể ly tán mãi, cần phải được tiết chế. Vì thế sau quẻ Hoán là quẻ Tiết. Tiết là điều hòa, là tiết chế. **Điều hòa để con người chúng ta hòa điệu cùng hoàn cảnh**



*xã hội, nhân quần và vũ trụ. Tiết chế để cuộc đời chúng ta sống trong kỷ luật, mực thước hợp với lẽ thiên nhiên.* Riêng đối với con người, muốn có một đời sống hợp tình, hợp lý, hợp cảnh, hợp thời, một đời sống thanh thoi, hạnh phúc, cần phải hiểu rõ quẻ Tiết.

## I. Thoán.

*Thoán từ.*

節 . 亨 . 苦節不可貞 .

**Tiết. Hanh. Khổ tiết bất khả trinh.**

Dịch.

*Tiết là có độ, có chừng,  
Có chừng, có mực hanh thông êm dằm.  
Tiết mà cay đắng cho thân,  
Thì đâu phải chuyện thế nhân thường lẽ.*

Tiết tức là biết tiết chế, biết điều khiển, chỉ huy cuộc đời mình. Như vậy, cuộc đời mình sẽ được xong xả (**Tiết hanh**). Còn như không hiểu chữ Tiết cho phải, lại tưởng Tiết là **chịu khổ, chịu cực (Khổ Tiết)**, rồi cứ thế gò bó mình vào những khuôn khổ chật hẹp, những kỷ luật khắt khe, như thế làm sao mà chịu cho lâu được (**Bất khả trinh**).

Nói đến hai chữ **Khổ Tiết**, làm ta liên tưởng đến những người vì muốn tu trì, mà đã đi vào con đường khổ hạnh; nhìn đói, nhìn khát, chịu nóng, chịu lạnh, thức đêm, thức hôm, gia dĩ còn đánh đập thân xác, coi thân xác như là thù địch. Những sự vi phạm định luật của Trời đất ấy đã làm cho nhiều người trở thành những tội nhân, những tù nhân, sống một cuộc đời khổ sai chung thân, mua chuốc bệnh hoạn cho thể chất, điên loạn cho tâm trí. Chính vì vậy, Dịch chê **Khổ tiết. Bất khả trinh**.

*Thoán Truyện. Thoán viết.*

彖曰 . 節亨 . 剛柔分 . 而剛得中 . 苦節不可貞 . 其道窮也 . 說以行險 . 當位以節 . 中正以通 . 天地節而四時成 . 節以制度 . 不傷財 . 不害民 .

**Tiết hanh. Cương nhu phân. Nhi cương đắc trung. Khổ Tiết bất khả trinh. Kỳ đạo cùng dã. Duyệt dĩ hành hiểm. Đáng vị dĩ tiết. Trung chính dĩ thông. Thiên địa tiết nhi tứ thời thành. Tiết dĩ chế độ. Bất thương tài. Bất hại dân.**

Dịch.

*Thoán rằng: Tiết độ hanh thông,  
Cứng mềm, đều đặn, cương trung thêm phân.  
Tiết mà cay đắng cho thân,  
Thời đâu phải chuyện thế nhân thường lẽ.  
Tiết mà cay đắng, ê chê,  
Rời ra bé tắc, khó bề tới lui.  
Trong nguy, lòng vẫn sướng vui,*

*Ở ăn chừng mực, vị ngôi đàng hoàng.  
Chính trung, vẹn nhẽ cương thường,  
Tiền trình rộng mở, lối đường hanh thông.  
Đất trời có tiết, có chừng,  
Bốn mùa mới được nên công thành toàn.  
Cầm cân, nẩy mực dân gian,  
Biết đường tiết chế, sửa sang mới hào.  
Của dân sẽ bớt phí hao.  
Đời dân sẽ bớt hư hao, điều tàn.*

**Thoán Truyện.** Mực thước, tiết độ, sống theo định luật của trời đất, sẽ tạo cho mình một đời sống thung dung, thanh thân, xong xả, thông suốt (**Tiết hanh**). Tiết tức là biết biện phân rành rẽ các nấc thang giá trị tinh thần, vật chất (**Cương nhu phân**), lòng sắt son, nhưng vẫn hòa nhịp được với những định luật tự nhiên (**Nhi cương đắc trung**). Nói là **Cương nhu phân**, vì quẻ Tiết, trên là Khảm là quẻ Dương cương, dưới là Đoài là quẻ Âm nhu. Nói là **Cương đắc trung** vì hai Hào Cửu nhị và Cửu ngũ đều là Cương đắc trung.

Không phóng dật, biết tự kiềm chế mình, tự điều khiển mình là một chuyện, nhưng hành hạ, dẫn vật, làm khổ mình lại là chuyện khác. Đi vào đường **Khổ Tiết, Khổ ải tiết** ấy thì làm sao mà hay được. Thế là đi vào con đường tắc nghẽn vậy (**Khổ Tiết bất khả trình. Kỳ đạo cùng dã**).

Còn như biết sống một cuộc đời có mực thước, tiết độ, thời lúc nào cũng được ung dung, thur thái. Gặp gian nguy, cũng vẫn vui (**Duyệt dĩ hành hiểm**). Đoài là duyệt, Khảm là hiểm. Sống tiết chế, tức là biết sống hòa hợp với mọi địa vị, mọi hoàn cảnh (**Dáng vị dĩ tiết**), là đi theo đường nghĩa lý, đường trung chính, để tạo cho mình một cuộc đời thông suốt thông thả (**Trung chính dĩ thông**).

Trời đất vì có mực thước, tiết độ, định luật hẩn hoi, cho nên mới tạo được bốn mùa đẹp đẽ (**Thiên địa tiết như tứ thời thành**). Cùng một lẽ, nếu ta cai trị dân, mà có tổ chức, có chế độ, có định tắc, thì sẽ chẳng làm hao hụt của dân, làm thiệt hại cho dân (**Tiết dĩ chế độ. Bất thương tài. Bất hại dân**). Bài học trên của Thoán đã quá rõ rệt vậy.

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết:*

象曰.澤上有水.節.君子以制數度.議德行.

**Trạch thượng hữu thủy. Tiết. Quân tử dĩ chế số độ. Nghị đức hạnh.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Tiết là có nước trên hồ,  
Cho nên quân tử phải cho rạch ròi.  
Lập ra số độ hẩn hoi,  
Biện phân đức hạnh, cơ ngơi tỏ tường.*

Trong trời đất, mọi sự đã được tổ chức, có độ, có số, có lượng hẳn hoi. Sách Minh Triết viết: **Nhưng Chúa đã tổ chức mọi sự bằng độ, bằng số và bằng trọng lượng.** (Livre de la Sagesse 11, 20). Người quân tử bắt chước Trời, bắt chước thiên nhiên, cũng chế ra số độ để cân nhắc, đoán định về vạn vật; và cũng nghị luận xem thể nào là đức hạnh thật.

Thể nào là một người đức hạnh? Đó là một người có:

- Tâm thần sáng suốt, thông minh, thanh thản.
- Tâm hồn cao đẹp, ưa chuộng những điều cao quý.
- Phẩm hạnh cao khiết.
- Là một người thành khẩn, hòa nhã với mọi người.

1. Xác chất có ăn uống mới sống, tinh thần cũng vậy có ăn uống mới sống. Lương thực của tinh thần, chính là những tư tưởng cao đẹp của Thánh hiền, mọi nơi, mọi đời. Vậy ta nên **đọc sách Thánh hiền.**

2. Ngọc ngà có chau chuốt mới trở nên đẹp đẽ được. Tâm hồn có tu luyện mới trở nên cao quý. **Tu luyện tâm thần** là dùng thời gian, hoàn cảnh, để phát triển hết tiềm năng, tiềm lực mình, để tiến tới tinh hoa cao đại, thực hiện lý tưởng hoàn thiện đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mình, làm phóng phát, triển dương Đạo Thể đã có sẵn trong lòng mình. Phật giáo gọi là Phật tính, hay Pháp thân. Lão giáo gọi đó là Thánh thai. Thánh Justin xưa gọi đó là Logos spermatikos (**Apologia 11, 13**). Vậy ta cố thực hiện cái Đạo tâm, Đạo thể đó.

3. Ánh sáng cũng như Sức lực, nếu tản mạn thì yếu, nếu tập trung lại được thì mạnh. Tinh thần ta cũng theo một định luật đó. Tất cả những phương pháp tham thiền, nhập định xưa nay, là cốt tập trung tinh thần mà thôi.

4. Nhịn ăn, nhịn tình, hành hạ xác thân, thực ra cũng có thể kích thích trí não như những loại ma túy, nhưng cũng có thể làm con người trở nên điên loạn như ma túy.

Dùng những phương pháp nhân tạo ấy để đi vội vào đời sống tinh thần, đạo đức, làm cho Tinh thần, Thần Linh sớm xuất hiện, thường không mang lại kết quả mong muốn, mà lại gây ra cho con người những thác loạn tâm thần chẳng hay.

**Tinh thần...Thần linh...phải có thời gian mới xuất hiện được.** Cũng như hoa trái phải có thời gian mới xuất sinh. Nơi con người, phải tới một lứa tuổi nào, đời sống đạo hạnh mới trở nên tự nhiên được. Hiểu như vậy, mới đỡ **thân làm tội đời.**

### III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Cửu.

初九。不出戶庭。無咎。

象曰。不出戶庭。知通塞也。

Sơ Cửu.

**Bất xuất hộ đình. Vô cửu.**

Tượng viết:

**Bất xuất hộ đình. Tri thông tắc dã.**

Dịch.

Chẳng ra khỏi cửa, khỏi nhà,

*Thế mà chẳng lỗi, thế mà vẫn hay.*

**Tượng rằng:**

*Chẳng ra khỏi cửa, khỏi nhà,  
Biết chiều thông tắc, biết đà tiến lui.*

**Sơ Cửu.** Sinh ra đời, phải biết thủ thân, tự trọng. Khi thấy thời cơ không thuận tiện, thời chẳng xuất đầu lộ diện mà chi. (Hộ là cửa nhà, Đình là sân). Thế là biết nhẽ cùng thông vậy (**Bất xuất hộ đình. Tri thông tắc dã**).

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 不出門庭 . 凶 .

象曰 . 不出門庭凶 . 失時極也 .

Cửu nhị.

**Bất xuất môn đình. Hung.**

*Tượng viết:*

**Bất xuất môn đình hung. Thất thời cực dã.**

**Dịch.**

*Chẳng ra khỏi cổng, khỏi nhà,  
Ấn khi phải hiện, thế là chẳng hay.*

**Tượng rằng:**

*Chẳng ra khỏi cổng, chẳng hay,  
Lỗi thời quá mức, thế này còn chi.*

**Cửu nhị.** Những khi đáng giúp nước, giúp đời mà mình lại ẩn cư, thời lại là xấu. Nhan Hồi không gặp thời, mà ẩn cư, thời đã đành. Chứ như Đại Võ, hay Ích Tắc, đương được vua Thuần giao cho trọng trách mà đòi rút lui, thì đâu có phải. Mới hay quân tử phải **Tri thời, thức biến** để hành xử cho phải.

Tượng cho rằng: Sự qui ẩn ở đây, sở dĩ dở là vì trái thời tiết (**Bất xuất môn đình hung. Thất thời cực dã**).

Ta có thể dùng sự tích Bá Lý Hề và Kiên Thúc để minh giải cả hai Hào Sơ Cửu và Cửu nhị trên. Tàn Mục Công biết tài Bá Lý Hề rồi, bèn muốn phong làm thượng khanh. Bá Lý Hề từ chối mà rằng: Tài tôi chẳng bằng bạn hữu của tôi, người ấy tên là Kiên Thúc, lớn hơn tôi thập bội. Nếu Chúa công muốn cho nước nhà thịnh trị, thì xin dùng Kiên Thúc, còn tôi thì để phụ theo, như vậy thì nghiệp bá mới nên. Mục Công hỏi lý do, Bá Lý Hề đáp: Kiên Thúc là người hiền... Lúc trước tôi trôi nổi qua Tề, ý muốn ra phò Công Tôn Vô Tri, Kiên Thúc cản tôi rằng chẳng nên. Tôi nghe lời, nên mới khỏi hoạ với Vô Tri. Kế tôi sang qua Châu, cũng muốn ra phò Vương Tử Thoát, Kiên Thúc cũng cản tôi rằng không nên, tôi cũng nghe theo lời, nên mới khỏi cái hoạ với Tử Thoát. Sau tôi trở về nước Ngụy, muốn ra phò Ngụy Công, Kiên Thúc cũng cản tôi rằng chẳng nên. Lúc ấy, tôi bị cùng khốn quá đỗi, nên vì tham tước lộc mà cãi lời người, ở lại phò đỡ Ngụy Công, nên sau bị nước Tấn bắt. Đã hai phen, tôi nghe theo lời người, đều được khỏi hoạ; mới cãi có một

phen, mà thân bị hại. Vậy thì người ấy có trí hơn tôi xa lắm, nay về ẩn nơi làng Minh Lộc bên nước Tống. Chúa Công hãy mời về cho sớm mà dùng.

Tần Mục Công liền cho người đi mời Kiến Thúc về, điều phong cho Kiến Thúc và Bá Lý Hề làm Thừa tướng.

Quả nhiên, Kiến Thúc và Bá Lý Hề giúp Tần Mục Công lập nên nghiệp bá (Võ Minh Trí dịch, Đông Châu Liệt quốc, trang 342- 352). Ta thấy Bá Lý Hề, lúc không nên xuất chính, mà xuất chính, nên bị tai họa. Còn Kiến Thúc, lúc không nên xuất chính thì qui ẩn, lúc nên xuất chính thì ra làm Thừa tướng, giúp Tần Mục Công lập được nghiệp bá. Như vậy, chẳng là **Tri thời thức biến** hay sao? Nếu khi Tần Mục Công mời, mà Kiến Thúc cứ khăng khăng đòi ẩn cư, thì **thất thời** biết là bao.

### 3. Hào Lục tam.

六三 . 不節若 . 則嗟若 . 無咎 .

象曰 . 不節之嗟 . 又誰咎也 .

*Lục tam.*

**Bất Tiết nhược. Tắc ta nhược. Vô cửu.**

*Tượng viết:*

**Bất Tiết chi ta. Hựu thù cửu dã.**

**Dịch.**

*Sống không có mực, có chừng,  
Rời ra than thở, hỏi rằng lỗi ai.*

**Tượng rằng:**

*Buông tung, đến phải thở than,  
Mình làm, mình chịu phàn nàn làm chi.*

**Lục tam Âm nhu** bất trung, bất chính, cưỡi lên trên hai Hào Dương, sắp lâm vào Khảm hiểm, mà lại không biết tiết chế, điều khiển mình (**Bất Tiết nhược**), thì tránh sao mà khỏi phàn nàn (**Tắc ta nhược**). Suy rộng ra, nếu con người sống buông tung, bỏ vãi, phóng túng dục tình, rời ra rước lấy bệnh tật, họa tai, thì làm sao tránh khỏi phàn nàn được. Mình làm mình chịu, hỏi còn trách ai (**Vô Cửu**).

Không tiết chế, điều khiển được mình, để rời phải phàn nàn, thì còn đổ lỗi cho ai? (**Bất Tiết chi ta. Hựu thù cửu dã**).

### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 安節 . 亨 .

象曰 . 安節之亨 . 承上道也 .

*Lục tứ.*

**An Tiết. Hanh.**

*Tượng viết:*

**An Tiết chi hanh Thừa thượng đạo dã.**

**Dịch.**

*Ung dung, chùng mực, thời hay,*

**Tượng rằng:**

*Ung dung, chùng mực thời hay,*

*Với trên theo được đường ngay, nẻo lành.*

**Lục tứ.** Tiết chế được mình một cách tự nhiên, như vậy mới thung dung, xong xả. Theo được định luật thiên nhiên một cách an nhiên, tự tại, thời tốt đẹp biết mấy mươi. Cái hay của Lục tứ ở đây, chính là theo được con đường trung chính mà Cửu ngũ đã vạch ra (**Thừa thượng đạo dã**).

### **5. Hào Cửu ngũ.**

**九五 . 甘節 . 吉 . 往有尚 .**

**象曰 . 甘節之吉 . 居位中也 .**

*Cửu ngũ.*

**Cam Tiết. Cát. Vãng hữu thượng.**

*Tượng viết:*

**Cam Tiết chi cát. Cư vị trung dã.**

**Dịch.**

*Tiết mà thanh thản, mới hay*

*Làm gì cũng được mắn may, an lành.*

**Tượng rằng:**

*Tiết mà thanh thản mới hay,*

*Vị ngôi xứng đáng, xứng tày âm êm.*

**Ở ngôi Cửu ngũ**, mà tạo cho mình được một đời sống hạnh phúc, khuôn theo những định luật đất trời, thì hay biết bao nhiêu (**Cam Tiết. Cát**). Nếu đem thực thi, áp dụng cho người nữa, thì thực đáng khen (**Vãng hữu thượng dã**).

Sống hay, sống giỏi, sống thuận theo những điều kiện thiên nhiên, lý tưởng nhất, cho nên tốt lành (**Cam Tiết chi cát. Cư vị trung dã**).

### **6. Hào Thượng Lục.**

**上六 . 苦節 . 貞凶 . 悔亡 .**

**象曰 . 苦節貞凶 . 其道窮也 .**

*Thượng Lục.*

**Khổ Tiết. Trinh hung. Hối vong.**

*Tượng viết:*

**Khổ Tiết trinh hung. Kỳ đạo cùng dã.**

**Dịch.**

*Tiết mà Khổ Tiết ê chề,*

*Khur khur Khổ Tiết, nhiều bề hung tai.*

*Biết điều hối lỗi, sửa sai.*

*Rời ra may mắn, thoát bài họa hung.*

**Tượng rằng:** *Tiết mà khổ sở, ê chề*

*Khur khur Khổ Tiết, nhiều bề họa hung.*

*Thế là gặp bước đường cùng.*

**Thượng Lục.** Đi vào con đường khổ hạnh, gò bó mình vào trong những khuôn khổ chật hẹp, kỷ luật khát khe, lại còn kéo dài đời sống mình trong tình trạng ấy, thì thật là xấu (**Khổ Tiết. Trinh hung**). Tại sao mình lại tự đẩy đoạ mình như vậy, trong khi cánh hoa còn biết đón hơi sương, con chim còn biết hát, biết ca, còn biết tung bay thoải mái (**Hối vong**).

Làm khổ mình, mà tưởng làm theo ý Trời, tưởng thoát tục, thành Tiên, thì thực đã đi vào con đường cùng vạy. (**Khổ Tiết trinh hung. Kỳ đạo cùng dã**).

## **ÁP DỤNG QUẢ TIẾT VÀO THỜI ĐẠI**

Như Dịch kinh đã dạy ta: Hồ dù to mấy cũng chỉ chứa được một số nước nhất định. Nhiều quá sẽ tràn ra bên ngoài. Con người chúng ta cũng vậy. Con người sinh ra đời, phải sống theo nghĩa lý, sống theo định luật trời đất, không được làm gì thái quá, như vậy mới được sung sướng.

Xưa Đức Phật mới đi tu, cũng không biết phải tiết độ ra sao, nên đã đi vào con đường **Khổ Tiết**, nhịn đói, nhịn khát, ngày ăn vài hột cơm, nên đã suy nhược gần chết. May mà Ngài được thôn nữ dâng cho bình sữa. Ngài uống vào mới dần dần tỉnh lại. Ngài suy ra con đường khổ tiết là con đường cực đoan, không phải là Trung đạo, nên lập tức thay đổi cách sống, không theo con đường này nữa.

Nhiều dòng tu Công Giáo xưa, cũng chỉ lo ăn chay, đèn tội, coi xác thân như là kẻ thù địch, nên đã đánh tội bằng cách đánh mình mỗi tuần 40, 50 roi đòn, lại mặc áo nhặm, hãm mình, ăn chay, nằm lạnh. Kết quả, là nhiều người đã bị lao, bị bệnh. Như vậy, có hay đâu.

Đạo Lão, trái lại dạy phải **Tính Mệnh Song Tu**, nghĩa là phải có một tâm hồn (Tính), và một xác thân khang kiện (Mệnh). Như vậy, mới là đúng cách tu luyện.

Người đời trái lại, nhiều khi rượu chè bí tỉ, hút sách, điếm đàn, chơi bời trác táng. Thật đáng thương thay!

Nhưng hễ ta làm gì quá trớn, thì Trời sẽ cảnh cáo ta ngay: như khi quá chén, thì Trời cho nôn mửa, nhưc đầu. Nếu ta nghe theo mà hồi đầu, thì sẽ không sao. Còn cứ bất chấp, thói nào, tật nấy, thì sẽ cho bệnh hoạn. Như rượu chè quá độ thì sẽ cho bị cứng gan, sơ gan. Hút thuốc quá nhiều, sẽ cho bị ung thư phổi vv... Tức là, nếu không sớm rút lui, sẽ cho bị nhiều bệnh bất trị.



Quẻ Tiết dạy ta tiết độ, nhưng không dạy ta Khổ Tiết, mà chỉ dạy ta *An Tiết, Cam Tiết*, nghĩa là phải sống cho vui, cho đẹp. Thật là hết sức đẹp đẽ. Nếu ta biết áp dụng cho đúng quẻ Tiết vào cuộc đời ta, thì ta sẽ được an vui, thoải mái, và sẽ thấy thật sự *Tu là cõi phúc*.

*Thật ra, chúng ta là những cân Tiểu Ly, hết sức bén nhạy*, dùng để cân lường những gì đẹp đẽ, những gì vi tế của Trời Đất. Dùng sai, dùng bậy, là lỗi tại ta, không còn trách cứ ai được.

## 61. 風澤中孚 PHONG TRẠCH TRUNG PHU



**Trung Phu Tự Quái**      中孚序卦  
Tiết nhi tín chi.      節而信之  
Cố thụ chi dĩ Trung Phu.      故受之以中孚

*Trung Phu Tự Quái*  
*Có chùng, có mực, rõ rồi.*  
*Mực chùng, tiết độ, người người sẽ tin*  
*Trung Phu, vì thế tiếp thêm.*

Sau quẻ Tiết là quẻ Trung Phu, vì lẽ đã lập ra tiết chế, kỷ cương, thì trên dưới đều phải thực thi áp dụng, như vậy mới vẹn tín nghĩa. Trung Phu có nhiều nghĩa:

1. Trung Phu được hiểu là sự **Tín thành**. Các nhà bình giải cho rằng **Trung Phu dạy ta thủ tín, tức dạy ta giữ chữ tín**.

2. Trung Phu được hiểu là sự **Tinh thành**, tức là một trạng thái tâm thần siêu việt, sống động, hùng dũng tuyệt vời, có năng lực cảm hóa được vạn hữu.

Người xưa nói: *Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai*. Nghĩa là: Đạt tới tinh thành, đá vàng sẽ mở.

Nơi quẻ Trung Phu, ta thấy trên có quẻ Tốn là phía Đông, là mùa Xuân. Dưới có quẻ Đoài là phía Tây, là mùa Thu. Tốn cũng có nghĩa là gỗ. Gỗ cần được kim đẽo gọt, mới thành khí cụ hữu dụng. Đoài cũng có nghĩa là kim.

Quẻ Trung Phu có:

- Hai Hào 3, 4 là Âm ở giữa chỉ sự hư linh bất muội. Hào 2, 5 đều là Dương chỉ sự minh chính, tinh thuần.

*Muốn đạt tới trạng thái Trung Phu, trạng thái Tinh thành, tâm hồn chúng ta phải hư linh, không để cho đục tình phát động, và son sắt, không để cho ngoại cảnh lôi cuốn.*

Thánh hiền đạt được mức tinh thành, sẽ sai khiến được vạn hữu. Thánh kinh Công giáo viết: Nếu người có đức tin bằng hạt cải, người có thể bảo núi này: hãy rời đi nơi khác, và nó sẽ rời đi. Và chẳng có gì mà người không làm được. (Xem Mat, 17, 19; Luc 17, 6). Các Thánh hiền Á đông xưa nay cũng đã dùng sức mạnh này mà hàng long, phục hổ.

### I. Thoán.

*Thoán từ.*

中孚 . 豚魚吉 . 利涉大川 . 利貞 .

**Trung Phu. Đồn ngư cát. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi trinh.**

**Dịch.**

*Trung Phu là nghĩa tín thành,  
Làm cho vạn vật an lành, mới hay.  
Cá, heo còn cảm đức dày,  
Thời cho sông rộng, sóng dầy vẫn qua,  
Vượt sông vẫn lợi mới là,  
Một niềm trung chính, lợi cơ mới nhiều.*

Khi lòng đã tinh thành, sẽ cảm động được đến những loài vật hạ đẳng như heo. cá. Lúc ấy dầu có phải vượt gian hiểm cũng không sao, trái lại vẫn hay, vẫn lợi.

**Thoán Truyện. Thoán viết.**

彖曰 . 中孚 . 柔在內而剛得中 . 說而巽 . 孚乃化邦也 . 豚魚吉 . 信及豚魚也 . 利涉大川 . 乘木舟虛也 . 中孚以利貞 . 乃應乎天也 .

**Trung phu. Nhu tại nội nhi cương đắc trung. Duyệt nhi tôn. Phu nãi hóa bang dã. Đồn ngư cát. Tín cập đồn ngư dã. Lợi thiệp đại xuyên. Thừa mộc chu hư dã. Trung Phu dĩ lợi trinh. Nãi ứng hồ thiên dã.**

**Dịch.**

*Trung Phu mềm ở bên trong,  
Cứng ngoài, vả lại đắc trung, mới tài.  
Vui hòa, tốn thuận với người,  
Tinh thành sẽ đổi được đời, được dân.  
Cá, heo phúc trạch thấm nhuần,  
Cá, heo mà cũng thừa ân tín thành.  
Vượt sông, mà vẫn lợi hanh,  
Thuyền không, chèo lái mặc tình thỏa thuê.  
Trung trinh, sau trước vẹn bề,  
Đạo Trời ứng hợp, việc gì cũng hay.*

**Thoán Truyện, trước hết** nhìn theo hình dáng quẻ Trung phu, mà giải quẻ Trung phu. Quẻ Trung phu có 2 Hào Âm ở giữa, thế là **Nhu tại nội**. Lại có Hào Cửu nhị và Cửu ngũ dương cương đắc trung, nên nói: **Nhi cương đắc trung**. Các nhà bình giải cho rằng: đó là trạng thái của một **tâm hồn hư linh**, không bị vật dục chia phối, ngoại dục lôi cuốn. Quẻ Trung phu dưới có quẻ Đoài là duyệt; trên có quẻ Tôn là thuận, cho nên Thoán nói **Duyệt nhi Tôn**.

Nếu người trên từ tôn, khéo xử, thuận theo người dưới; nếu người dưới vui vẻ vâng phục người trên; nếu đôi đảng mà thành khản đối xử với nhau, thì quốc gia sẽ đi đến chỗ **hóa thành thịnh trị**. Thoán tiếp: **Phu nãi hóa bang dã**.

*Thứ đến*, Thoán Truyện giải thích lời lẽ của Thoán từ, cho rằng **Tinh thành** mà hay, mà lợi, chính là vì đã có thể cảm được đến cả những loại vật hạ đẳng như heo, như cá (**Đồn ngư cát. Tín cập đồn ngư dã**). Lúc đã có lòng tinh thành, dầu có gặp nguy biến cũng không sao. Cuối cùng Thoán Truyện nghị luận rằng: Nếu mình mà tinh thành theo được chính lý, chính đạo, thì sẽ cảm ứng được với trời. Thế tức là: *Chí thành cảm thần* vậy.

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết.*

象曰.澤上有風.中孚.君子以議獄緩死.

Trạch thượng hữu phong. Trung phu. Quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử.

Dịch. *Tượng rằng:*

*Trung Phu gió lộng mặt hồ,*

*Trị dân, quân tử phải lo, phải lòng.*

*Án mình xét xử cho tường,*

*Chém người chó vôi, phải nương, phải chờ.*

Gió thổi mặt hồ là Trung phu. Người quân tử phải lo **binh nghị hình án cho sáng suốt, và đừng nên vôi vàng xử tử người**. Dem lòng chí thành mà đối với dân, dĩ nhiên là phải thương dân. Lòng thương xót của nhà cầm quyền, không những là đối với chúng dân lương thiện, mà còn phải phổ cập cho đến những người bị tù tội, hình án nữa. Thánh hiền xưa rất lưu tâm đến vấn đề hình án. Trong Đại Tượng của 64 quẻ Dịch, có 5 quẻ nói về hình án, đó là quẻ: **Phệ Hạp, Bí, Phong, Lữ, Trung phu**. Dịch Sử thì khi bình Truyện Oan Ngục trong Liễu Trai có viết: Xử án là nhiệm vụ đầu tiên của người làm quan. Bồi đắp hoạ phúc hay diệt mất lẽ Trời, đều do đây mà ra, không thể không thận trọng.

-Vôi vãi, tảo bạo trong việc xử án, tức là làm trái với lẽ cầu hòa của trời.

-Để việc dây dưa không xét xử cho chúng, cũng là làm thương tổn đến cái mạng của người dân.

Thế cho nên, một vụ kiện hại bằng mấy vụ mất mùa. Xây một cái thành, tấ mấy mươi nhà phá sản, như thế há sao không cẩn thận được? Ta thường cho rằng kẻ làm quan mà biết dè dặt, không quá lạm trong văn án, tức là đức đã dày lắm rồi (Xem Liễu Trai chí dị, Nguyễn Hoạt dịch, quyển 11, trang 65).

Lễ ký, Thiên Vương Chế, đã cho ta thấy rõ sự thận trọng của người xưa về hình án. Một vụ hình án, trước khi phán quyết, đã phải qua bao nhiêu tòa, xem đi, xét lại. Mới đầu nơi **Quan Sử** (lục sự), kế **Quan chính** (quan án trong mỗi phủ), rồi **Đại Tư Khấu** (Tổng trưởng Tư pháp), **Tam công** (3 quan Thượng thư xét xử lại), cuối cùng mới đệ lên **Vua**. Vua xét rồi mới tuyên án phạt. Như vậy là hết sức cẩn trọng, và không dám tuyên án hấp tấp.

## III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

**Đặc biệt trong phần giải thích các Hào**, tôi (tác giả) muốn hiểu Trung phu là **Tinh thành**, thay vì hiểu Trung phu là Thủ tín.

## 1. Hào Sơ Cửu.

初九。 虞吉。有他不燕。

象曰。 初九虞吉。志未變也。

*Sơ Cửu.*

**Ngu cát. Hữu tha bất yên.**

*Tượng viết:*

**Sơ Cửu ngu cát. Chí vị biến dã.**

**Dịch.**

*Chưa tin, cân nhắc mới hay,  
Tin rồi, đừng có đổi thay dễ dàng.  
Nếu mà đi trái lối đường,  
Rời ra sẽ thấy tâm xoang bồi hồi.*

**Tượng rằng:**

*Hào Sơ cân nhắc mà hay,  
Là vì tâm trí chưa thay, chưa rời.*

**Sơ Cửu.** Muốn đạt tới Tinh thành, cần phải biết đề phòng, ngăn chặn tà tâm, dục vọng và giữ lấy tấm lòng sắt son của mình (**Ngu cát**). Nếu có tà niệm, tạp niệm (**Hữu tha**), tự nhiên chúng ta sẽ bất định, bất an (**Bất yên**). Nếu ta giữ được như vậy, mọi sự sẽ tốt lành, vì lòng ta vẫn tinh tuyền chừa bị ngoại cảnh làm biến đổi (**Sơ Cửu ngu cát. Chí vị biến dã**).

## 2. Hào Cửu nhị.

九二。 鳴鶴在陰。其子和之。我有好爵。吾與爾靡之。

象曰。 其子和之。中心愿也。

*Cửu nhị.*

**Minh hạc tại âm. Kỳ tử họa chi. Ngã hữu hảo tước. Ngô dữ nhi mỹ chi.**

*Tượng viết:*

**Kỳ tử hòa chi. Trung tâm nguyện dã.**

**Dịch.**

*Hạc kêu khuất nẻo đâu đây,  
Mẹ kêu, con hát, cả bầu hòa minh.  
Ta đây có rượu thần linh,  
Ta đem ta xẻ, ta dành cho ai.*

**Tượng rằng:**

*Hạc con ứng tiếng kêu theo,  
Là vì trong dạ tin yêu, chí tình.*

**Hào Cửu nhị** nói lên lẽ *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*. Hạc kêu nơi khuất nẻo, vẫn có hạc con hoạ lại (**Minh hạc tại âm. Kỳ tử họa chi**). Ta có rượu ngon, vẫn có người đến chia xê với ta. Ta hay, thời ảnh hưởng sẽ dần lan ra xa mãi (**Ngã hữu hảo trước. Ngô dữ nhi mỹ chi**).

Khi mình đạt mức tinh thành, sẽ ảnh hưởng đến người, ảnh hưởng ấy sẽ hết sức tự nhiên, sẽ được người chấp nhận một cách thực tình, không gò bó, miễn cưỡng (**Kỳ tử hòa chi. Trung tâm nguyện dã**).

### 3. Hào Lục tam.

六三 . 得敵 . 或鼓或罷 . 或泣或歌 .

象曰 . 可鼓或罷 . 位不當也 .

*Lục tam.*

**Đắc địch. Hoặc cổ hoặc bãi. Hoặc khấp hoặc ca.**

*Tượng viết:*

**Hoặc cổ hoặc bãi. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Để người mặc sức cuốn lôi,  
Lúc thời vỗ vập, lúc thời bỏ bê.  
Lúc thời khóc lóc ủ ê,  
Lúc thời hát xướng, đam mê, vui đùa.*

**Tượng rằng:**

*Khi vỗ vập, lúc bỏ bê.  
Là vì địa vị có bề dờ dang.*

**Lục tam.** Những người không có lòng tinh thành, không có sức mạnh tinh thần, sẽ đua đòi chúng bạn (**Đắc địch**), sống một cuộc đời phù phiếm, hốt hi, hốt nộ, lúc húng khởi, lúc mất tinh thần (**Hoặc cổ hoặc bãi**); lúc khóc lóc, lúc ca xoang (**Hoặc khấp hoặc ca**). Đó là đời sống của đại đa số quần chúng.

Thánh kinh Công giáo cũng đã nói: Ta biết sánh thế hệ này với ai? Nó giống như một bầy trẻ ở những nơi công cộng, đang kêu la cùng chúng bạn. Ta đã thổi sáo, sao chúng bay không nhảy múa; ta đã hát bài bi ai, sao chúng bay không đắm ngực than van? (Mat, 11, 16 - 17).

Sống như vậy đâu xứng đáng? (**Hoặc cổ hoặc bãi. Vị bất đáng dã**).

### 4. Hào Lục tứ.

六四 . 月几望 . 馬匹亡 . 無咎 .

象曰 . 馬匹亡 . 絕類上也

*Lục tứ.*

**Nguyệt cơ vọng. Mã thất vong. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Mã thất vong. Tuyệt loại thượng dã.**

**Dịch.**

*Vàng trắng sắp sửa tới rằm,  
Ngựa quên bầu bạn, lỗi lầm chi đâu.*

**Tượng rằng:**

*Ngựa quên bầu bạn, cặp kè,  
Tuyệt tình đồng loại, theo về với trên.*

**Lục tứ** là một trọng thần, gần gũi quân vương. Ở vào địa vị này, phải đem hết lòng tinh thành, chân thực mà thờ vua.

- Phải khiêm cung, đừng có mong quá thịnh mãn (**Nguyệt cơ vọng**).

- Phải như vàng trắng chưa tròn mới hay; thần tử mà như vàng trắng tròn, tức là muốn cạnh tranh, đối địch với vua. Mà muốn đối địch với vua, tức là chiêu lấy tai họa.. Lại không được hợp bầy, kết đảng, phải một lòng vì vua như con ngựa hay, khi kéo xe trên đường trường, chỉ biết ruổi rong, đến nỗi quên cả những con ngựa bạn (**Mã thất vong. Vô cữu**).

Tượng nhắc lại: người ở ngôi trọng thần, phải biết quên bầy bạn, một lòng phục vụ quân vương (**Mã thất vong. Tuyệt loại thượng dã**).

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五 . 有孚 攬如 . 無咎 .

象曰 . 有孚 攬如 . 位正 當也 .

*Cửu ngũ.*

**Hữu phu luyện như. Vô cữu.**

*Tượng viết:*

**Hữu phu luyện như. Vị chính đáng dã.**

**Dịch.**

*Lấy lòng thành tín cảm dân,  
Khát khao, ràng buộc lỗi lầm khỏi lo.*

**Tượng rằng:**

*Lấy lòng thành tín cảm dân,  
Khát khao ràng buộc, đáng phần xứng ngôi.*

**Ở ngôi Cửu ngũ**, đảng quân vương phải biết đem dạ chí thành để cảm thông thiên hạ. Được vậy, muôn dân sẽ gắn bó để phục vụ mình (**Hữu phu luyện như. Vô cữu**). Bậc quân vương mà xử sự được như vậy, thực là khéo léo, tốt đẹp, và xứng đáng (**Hữu phu luyện như. Vị chính đáng dã**).

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九。翰音登于天。貞凶。

象曰。翰音登于天。何可長也。

*Thượng Cửu.*

**Hàn âm đăng vu thiên. Trinh hung.**

*Tượng viết:*

**Hàn âm đăng vu thiên. Hà khả trường dã.**

**Dịch.**

*Gà kêu tưởng thâu đến trời,*

*Khăng khăng tưởng thế, thế thời chẳng hay.*

**Tượng rằng:**

*Gà kêu đòi thâu đến trời,*

*Làm sao có thể lâu dài được đâu.*

**Thượng Cửu.** Gà mà muốn kêu thâu tận trời sao được? Hoa hoét, loè loẹt bên ngoài, mà không có thực chất tinh thành bên trong, làm sao mà hay được?

Không tinh thành làm sao mong cảm hoá được người? Gà muốn kêu thâu trời, làm sao mà đến được? Không tinh thành, làm sao cảm hóa người khác về lâu, về dài được? (**Hàn âm đăng vu thiên. Hà khả trường dã**).

## **ÁP DỤNG QUẺ TRUNG PHU VÀO THỜI ĐẠI**

Quẻ Trung Phu có hai cách giải: **Thứ nhất**, con người sinh ra đời, phải biết giữ **chữ tín, nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy** tức một lời nói ra bốn ngựa không theo kịp.

Đúng vậy, ra đời muốn buôn bán hay làm gì cũng vậy, ta cần phải giữ chữ **Tín**, nghĩa là khi đã nói hoặc đã hứa với ai điều gì, thì phải giữ lời, chứ đừng bạ đâu hứa đấy, hứa cho đẹp lòng người nghe lúc đó, sau rồi lại chối hoặc nuốt lời, không thực hiện đúng lời hứa, điều này người quân tử, hoặc đảng hoàng, đứng đắn không bao giờ làm.

**Thứ hai**, là dạy con người phải tiến đến chỗ **Tinh hoa hoàn thiện**, tức là phải tiến đến chỗ tinh thành. Ai trong chúng ta, cũng đã có mầm mống thần linh sẵn có trong con người. Nhưng ít người hay biết chuyện đó, và ít người làm cho mầm mống thần linh đó triển dương được tới chỗ tinh hoa, hoàn thiện.

Tinh thành là ta phải có lòng thành khẩn một cách sáng suốt. Làm việc hay xử sự gì, thì phải chuyên tâm, nhất trí làm cho được việc đó và phải làm một cách sáng suốt. Muốn đạt tới trạng thái Tinh thành, tâm hồn ta phải hư linh, không để cho dục tình phát động, không để cho ngoại cảnh chi phối. Muốn tiến tới chỗ tinh hoa, hoàn thiện, phải biết tẩy rửa tâm hồn cho sạch mọi lỗi lầm, phải biết hiếu sinh, phải biết thương yêu đồng loại, phải biết thương dân như con. Vì thế quẻ Trung Phu dạy phải thận trọng về hình án.

Những người đạt tới Tinh thành, có thể hàng long, phục hổ, sai khiến vạn vật. Thánh Francois d' Assise xưa đã thu phục được lang sói, đã giảng đạo cho cá nghe vv... thật là phi thường



Một đấng quân vương mà có lòng Tinh thành, **phải thương dân như con đỏ**. Trung Hoa, về đời nhà Đường, sau loạn An Lộc Sơn, rất nhiều người bị bắt oan. Vua Đường Túc Tôn sai Tô Kỳ đi trọng nhiệm Lur Châu ở phía Tây Bắc để thanh tra các việc hình án. Trước khi Tô Kỳ đi, vua có dụ rằng: Nhân dân đều là con đỏ của triều đình, vì đói rét hay vì ngu dốt mà phạm tội, trẫm rất lấy làm thương xót. Vậy trừ những kẻ cùng hung, cực ác ra, còn thấy đều nên khoan thứ, khiến cho chúng được có dịp sửa mình. Khanh ra đó, nên thể theo ý Trẫm, cứu vớt lấy hàng vạn lương dân. (Xem Trung Bắc chủ nhật, số Tết Quý Mùi (1943). Các vua nhân đức như Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang vv... đều thương dân như con cả. Ở nước ta, có vua Lê Thánh Tôn cũng thương dân như con vậy.

Ta đừng nói rằng: chuyện con người sinh ra là để tiến tới hoàn thiện, là một điều không tưởng, vì xưa nay mấy ai làm được như vậy. Sở dĩ như vậy, vì xưa nay ít sách vở bàn về chuyện này mà thôi. **Con người sinh ra, không thể mãi sống vô định hướng**, mà chúng ta cần phải vạch cho đồng loại một hướng đi nghĩa lý.

Nếu con người sinh ra không phải để tiến hóa, thì để làm gì ? Để sinh con, để cái, để sống một cuộc đời lo nhiều hơn là bình thản, hay để nuôi con cho chúng thành danh, thành tài, rồi sau đó sẽ ra sao?. Nếu ta cứ đặt ra những câu hỏi như vậy, chúng ta sẽ đi vào vòng luẩn quẩn hết sức là vô lý. Ta thấy Dịch, khi thì dạy ta những bài học thấp như **sống cần phải thích ứng với hoàn cảnh**, khi thì dạy ta những bài học rất cao, như là **con người sinh ra phải tiến tới Tinh thành hoàn thiện**. Còn ba quẻ nữa là hết Kinh Dịch, mà nay đưa ra vấn đề là **Con người phải tiến đến Tinh Hoa**, thật là quá đẹp đẽ.

## 62. 雷山小過 LÔI SƠN TIỂU QUÁ

### Tiểu Quá Tự Quái

Hữu kỳ tín giả tất hành chi.

Cổ thụ chi dĩ Tiểu quá.

### 小過序卦

有其信者必行之

故受之以小過

### *Tiểu Quá Tự Quái*

*Tin rồi, công việc tất nhiên thi hành.*

*Cho nên Tiểu Quá mới sinh.*

Tiểu Quá là một trong những quẻ khó giải. Muốn giải ta cần phải hiểu rõ hai chữ Tiểu Quá nghĩa là gì?

a). Có người dựa theo Đại Tượng Truyện giải: **Tiểu Quá là quá mức đôi chút**.

b). Có người lại phân tách quẻ Tiểu Quá và cho rằng: Tiểu Quá trong có 2 Hào Dương, bên ngoài có 4 Hào Âm. Âm quá nhiều hơn Dương, mà Âm là Tiểu, nên gọi là Tiểu Quá. **Thời Tiểu Quá là thời mà Tiểu nhân giữ các chức vụ then chốt, còn Quân tử thì giữ những vai trò phụ thuộc**. Wilhelm khi dịch Tạp Quái, dịch Tiểu Quá là thời buổi Giao Thời (Transition). Tôi (Tác giả) thấy rằng hiểu Tiểu Quá là thời buổi giao thời, sẽ giúp ta hiểu quẻ Tiểu Quá dễ dàng hơn. Vì thời buổi giao thời đúng là thời kỳ mà:

*Trời làm một trận lãng nhãng.*

*Ông lại xuống thẳng, thẳng lại lên ông.*

Lúc đó tiểu nhân đắc thế, mà quân tử thất thời. Thời buổi giao thời cũng là thời buổi lắm chuyện nhỏ nhãng, quá mức, quá lạm. Gặp thời buổi này, giữ được mình toàn vẹn là hay, chứ đừng mong gì làm được đại công, đại sự. Đó là mấy ý chính của quẻ Tiểu Quá.

## I. Thoán.

*Thoán từ.*

小過 . 亨 . 利貞 . 可小事 . 不可大事 . 飛鳥

遺之音 . 不宜上宜下 . 大吉 .

**Tiểu Quá. Hanh. Lợi trinh. Khả tiểu sự. Bất khả đại sự.**

**Phi điều di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát.**

## Dịch.

*Hào Âm nhiều quá hơn Dương,*

*Gọi là Tiểu Quá vẫn đường hanh thông.*

*Nếu mà mình chính một lòng,*

*Rời ra nên lợi, sinh công dễ dàng.*

*Sức vừa, liệu việc tầm thường,*

*Chớ nên đại sự, đảm đương chuốc mòng.*

*Chim bay, để lại dư âm,*

*Cao tâm chẳng tới, thấp tâm mới bay.*

*Thế thời tốt đẹp lắm thay.*

Sống trong thời buổi giao thời, ta vẫn có lối thoát, ta vẫn được lợi, được hay, nếu ta theo được chính lý, chính đạo (**Tiểu quá. Hanh. Lợi trinh**). Trong thời buổi này, chỉ nên làm chuyện những chuyện nhỏ, không nên làm chuyện lớn (**Khả tiểu sự bất khả đại sự**). Quẻ Tiểu Quá, giữa có 2 Hào Dương, như là mình chim; Trên dưới đều 2 Hào Âm như hai cánh chim; Toàn quẻ trông ngang như hình chim bay. Vì thế Thoán từ mới nói: Con chim bay nhắc nhủ ta bài học này là: Không nên vươn quá cao, mà chỉ nên ở dưới thấp (**Phi điều di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ**). Như vậy, mới được an lành (**Đại Cát**).

*Thoán Truyện. Thoán viết.*

彖曰 . 小過 . 小者過而亨也 . 過以利貞 . 與時行也 . 柔得中 . 是以小事吉

也 . 剛失位而不中 . 是以不可大事也 . 有飛鳥之象焉 . 有飛鳥遺之音 . 不宜

上宜下 . 大吉 . 上逆而下順也 .

**Tiểu Quá. Tiểu giả quá nhi hanh dã. Quá dĩ lợi trinh. Dữ thời hành dã. Nhu đắc trung. Thị dĩ tiểu sự cát dã. Cương thất vị nhi bất trung. Thị dĩ bất khả đại sự dã. Hữu phi điều chi**

tượng yên. Hữu phi điều di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát. Thượng nghịch nhi hạ thuận dã.

**Dịch. Thoán rằng:**

*Tiểu Âm mà quá hơn Dương,  
Thế là Tiểu Quá, vẫn đường hanh thông.  
Quá, nhưng mình chính một lòng,  
Tùy thời xử thế, ung dung theo thời  
Âm nhu, chốn giữa, chững ngôi,  
Cho nên công việc nhỏ nòi, tốt lành.  
Dương cương, thất vị, chông chênh.  
Kham sao được đại công trình, mà hay?  
Quẻ trông mừng tượng chim bay,  
Chim bay, cánh vỗ đó đây xạc xào  
Chẳng bay quá trớn, quá cao.  
Theo bề thấp thỏi, thế nào cũng hay.  
Cao là thế ngược, thế sai,  
Thấp thời mới thuận, mới hay, mới lành.*

**Thoán** giải thích: Tiểu Quá là những cái nhỏ quá mức mà vẫn hanh thông (**Tiểu Quá. Tiểu giả quá nhi hanh dã**). Lúc giao thời, mà vẫn theo được chính lý, chính đạo, mà vẫn thích ứng được với hoàn cảnh, thì mới hay, mới lợi. Có vậy mới là thức thời, mới là theo được đà thời gian (**Quá dĩ lợi trinh. Dữ thì hành dã**).

Phàm ở đời, tiểu nhân làm nên tiểu sự, quân tử làm nên đại sự. Nay tiểu nhân giữ các địa vị trọng yếu, then chốt, quân tử lại không có ngôi, có vị hẫng hoi. Như vậy, chỉ nên làm những chuyện nhỏ, đừng làm những chuyện lớn. (**Nhu đắc trung. Thị dĩ tiểu sự cát dã. Cương thất vị nhi bất trung. Thị dĩ bất khả đại sự dã**).

Quẻ Tiểu Quá gợi nên hình ảnh con chim bay, nó nhắc nhủ ta là trong thời buổi giao thời, không nên vươn cao quá, mà chỉ nên ở dưới thấp, mới là hợp lý (**Hữu phi điều chi tượng yên. Hữu phi điều di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát. Thượng nghịch nhi hạ thuận dã**).

## II. Đại Tượng Truyện.

*Tượng viết.*

象曰 . 山上有雷 . 小過 . 君子以行過乎恭 .

喪過乎哀 . 用過乎儉 .

**Sơn thượng hữu lôi. Tiểu Quá. Quân tử dĩ hành quá hồ cung.  
Tang quá hồ ai. Dụng quá hồ kiệm.**

**Dịch. Tượng rằng:**

*Tiểu Quá, sấm động đầu non,  
Hiền nhân quá mức, cũng còn có khi,*

*Quá khiêm trong lúc hành vi,  
Quá sâu, khi gặp những kỳ tóc tang,  
Quá ư cần kiệm, kỹ càng.  
Tiêu pha, chẳng dám chuyện hoang phí tiền.*

Tổng Bản Thập Tam Kinh bình đại khái rằng:

Thường thì Sấm sinh từ đất, nay sinh trên núi (**Lôi Sơn**), thế là quá mức. Tiểu nhân thường hay quá mức, quá trốn trong hành vi, cử chỉ, hay cao ngạo, hay phung phí. Muốn sửa lỗi họ, người quân tử cần làm ngược lại, nhưng làm quá mức một chút, để cho họ thấy mà sửa mình. Cho nên người quân tử, có thể nhất thời, **vì mục đích giáo hoá**, nên trong hành động sẽ quá cung kính, trong tang lễ sẽ quá buồn rầu, trong tiêu dùng sẽ quá cần kiệm.

Ví dụ: Xưa Mạc Ngao có những cử chỉ cao ngạo, thì Chính khảo Phụ, vì muốn răn bảo, đã tỏ ra hết sức khiêm cung, đến nỗi đi đâu cũng nép vào ven tường. Hoặc như Tể Dư, muốn tình giảm lễ để tang còn là một năm, thì Cao Sài khóc đến chảy máu mắt. Hoặc như trước đó, quân tử tiêu sai hết sức phung phí, vợ nọ con kia đây đây, tân khách ra vào tấp nập, thì Án Anh, sau này có phản ứng ngược lại là suốt ba mươi năm, chỉ dùng một áo hồ cừ cũ. Như vậy, Chính Khảo Phụ đã **hành quá hồ cung**; Cao Sài đã **tang quá hồ ai**; và Án Anh đã **dụng quá hồ kiệm** với mục đích dạy đời.

Hoặc như hồi Trung Cổ ở bên Âu Châu, các giáo sĩ mãi sống trong giàu sang, nhưng lạ, thì thánh Francois d'Assise (1182 - 1226) đã lập ra một dòng khổ tu, cùng các đồng chí ngày ngày đi xin ăn để mà sống... Đó cũng chính là làm điều phải **quá mức ít nhiều**, để rung lên hồi chuông cảnh tỉnh.

### III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

#### 1. Hào Sơ Lục.

初六。飛鳥以凶。

象曰。飛鳥以凶。不可如何也。

*Sơ Lục.*

**Phi điều dĩ hung.**

*Tượng viết.*

**Phi điều dĩ hung. Bất khả như hà dã.**

**Dịch.**

*Chim bay hừng chí, bay cao,*

*Bay lâu cao quá, thế nào cũng hung.*

**Tượng rằng:**

*Cao bay, sẽ gặp hoạ hung,*

*Hoạ hung thời chịu, biết chừng làm sao?*

**Sơ Lục** là Hào Âm, lại ở chỗ thấp nhất, đáng lý là phải biết an phận, đàng này Sơ Lục cậy có Cửu tứ, tức là người trên quyền thế đỡ đầu, nên xông xáo hăm hở muốn vươn lên. Sự vội vàng

hấp tấp, muốn đi quá trốn ấy sẽ đem lại cho đương sự nhiều phiền nhiễu, y như con chim chưa đủ lông, đủ cánh, đã đòi bay bổng. Không thức thời, tiến lên liêu lĩnh, bừa phứa như vậy, đến nỗi gặp hung hoạ, thời biết làm sao bây giờ (**Phi điều dĩ hung. Bất khả như hà dã**).

## 2. Hào Lục nhị.

六二 . 過其祖 . 遇其妣 . 不及其君 . 遇其臣 . 無咎 .

象曰 . 不及其君 . 臣不可過也 .

*Lục nhị.*

**Quá kỳ tổ. Ngộ kỳ tử. Bất cập kỳ quân. Ngộ kỳ thần. Vô cữu.**

*Tượng viết.*

**Bất cập kỳ quân. Thần bất khả quá dã.**

**Dịch.**

*Qua ông , để gặp cụ bà,  
Theo vua chẳng được, ở ra phận thần.  
Vậy thời chẳng có lỗi làm.*

**Tượng rằng:**

*Chẳng mong theo kịp quốc quân  
Giữ sao không quá phận thần, mới hay.*

**Lục nhị.** Hào từ chia làm hai phần: **Phần trên dạy xử sự cho hợp lễ.** Ví dụ: như vợ người cháu (Hào Lục nhị), khi vào lễ nơi tổ miếu, có thể đi qua nơi bài vị của ông Tổ (Hào Cửu tứ), mà đến van vái trước bài vị của bà cô Tổ (Hào Lục ngũ). Thế là **Quá kỳ tổ. Ngộ kỳ tử.** Còn như chính người cháu trai, thì phải đứng lễ về phía ông Tổ.

Phần dưới Hào này, dạy rằng: Bậc thần tử hãy nên biết thân phận mình, đừng nên đòi hỏi nhiều. Ví dụ như một thần tử (Lục nhị), muốn xin vào bệ kiên vua (Lục ngũ), để nhận mạng lệnh mà chẳng được, đành gặp một vị đại thần để nhận mạng lệnh cách gián tiếp. Thế là **Bất cập kỳ quân. Ngộ kỳ thần.** *Cập* là có ý muốn gặp, *Ngộ* là vô tình mà gặp, tình cờ mà gặp. Kinh Xuân Thu cũng phân biệt chữ **Cập** và chữ **Ngộ** như vậy.

Tượng Truyện nói rõ hơn, là thần tử không nên vượt quá phạm vi mình. Phải ăn ở sao cho vua ra vua, tôi ra tôi, mới khỏi lỗi lầm (**Bất cập kỳ quân. Thần bất khả quá dã**).

## 3. Hào Cửu tam.

九三 . 弗過防之 . 從或戕之 . 凶 .

象曰 . 從或戕之 . 凶如何也 .

*Cửu tam.*

**Phát quá phòng chi. Tòng hoặc tường chi. Hung.**

*Tượng viết.*

**Tòng hoặc tường chi. Hung như hà dã.**

## Dịch.

*Chẳng lo, chẳng liệu đề phòng,  
Nhờ người hãm hại, họa hung đã đành.*

### Tượng rằng:

*Chẳng lo, chẳng liệu đề phòng,  
Nhờ người hãm hại, họa hung vô chừng.*

**Cửu tam** bị kẹt ở giữa một bày Âm, mà địa vị lại dở trắng, dở đen (tam bất trung), cho nên phải hết sức gia ý đề phòng tiểu nhân. Nếu chẳng gia ý đề phòng (**Phát quá phòng chi**), mà lại còn đua đòi theo bày tiểu nhân, thì trước sau cũng sẽ bị người hãm hại (**Tòng hoặc tường chi**). Như vậy là chẳng tốt (**Hung**).

Theo bày tiểu nhân để đến nỗi bị gia hại, xấu biết chừng nào (**Tòng hoặc tường chi. Hung như hà dã**).

## 4. Hào Cửu tứ.

九四 . 無咎 . 弗過遇之 . 往厲必戒 . 勿用永貞 .

象曰 . 弗過遇之 . 位不當也 . 往厲必戒 . 終不可長也 .

*Cửu tứ.*

**Vô cữu. Phát quá ngộ chi. Vãng lệ tất giới. Vật dụng vĩnh trinh.**

*Tượng viết.*

**Phát quá ngộ chi. Vị bất đáng dã.**

**Vãng lệ tất giới. Chung bất khả trường dã.**

## Dịch.

*Tùy thời, xử thế cho hay,  
Rời ra mới khỏi đơn sai, lỗi lầm.  
Thời nghi, thích hợp, vừa khăm,  
Mà không quá trốn, ló lảng mới là.  
Mưu đồ, sẽ gặp nguy cơ,  
Phải nên thận trọng, dẫn đo, suy lường.  
Chớ nên cố chấp, thủ thường,  
Phải nên quyền biến, đảm đương theo thời.*

### Tượng rằng:

*Thời nghi, thích hợp vừa khăm,  
Mà không quá trốn, ló lảng mới là,  
Vị ngôi chẳng xứng, chẳng vừa,  
Mưu đồ nguy hiểm, phải lo, phải lường.  
Tiểu nhân đang lúc nhiều nhưong.  
Làm sao quân tử có đường thịnh hưng ?*



**Cửu tứ** là Dương Hào cư Âm vị, thế là *tính cương, mà xử nhu*, như vậy không có gì là quá, và cũng là hợp thời. Biết mình sống giữa bầy tiểu nhân, không thể làm gì được, nên cũng giả ngô, giả ngọng cho êm chuyện (**Phất quá ngộ chi**). Thế tức là: Phượng hoàng thất thế, phải theo đàn gà.

Sống vào thời buổi đảo điên, mà không thức thời, cứ tưởng mình có tài, có đức, là có có thể hoán chuyển được tình thế là lầm. Vì một **con én làm sao làm nên được mùa xuân**. Cho nên, nếu lo toan, sốc vác, tính chuyện đội đá, vá trời, sẽ gặp nguy lệ (**Vãng lệ**). Cho nên, cần phải đề cao cảnh giác (**Tất giới**), và đừng có đối xử cứng rắn với người (**Vật dụng vĩnh trinh**). Có như vậy, mới biết uyển chuyển theo thời.

Tượng Truyện giải rõ thêm rằng mình phải thích thời, khéo xử, không được đi quá trớn, quá mức (**Bất quá ngộ chi**), Bởi vì địa vị mình dở dang, bất xứng (**Vị bất đáng dã**). Nếu làm trái lại, thì không nên (**Vãng lệ tất giới**), và không thể lâu dài được (**Bất khả trường dã**).

### 5. Hào Lục ngũ.

六五 . 密云不雨 . 自我西郊 . 公弋取彼在穴 .

象曰 . 密云不雨 . 已上也 .

*Lục ngũ.*

**Mật vân bất vũ. Tự ngã Tây giao. Công dặc thủ bỉ tại huyết.**

*Tượng viết.*

**Mật vân bất vũ. Dĩ thượng dã.**

**Dịch.**

*Mây dày, mà chẳng mưa rơi,  
Mưa dày, phủ kín cõi trời Tây ta.  
Bắn chim trong động mới là,  
Vương công bắn lấy, đem ra giúp đời.*

**Tượng rằng:**

*Mây dày, mà chẳng mưa rơi,  
Nghĩa là Âm dã cao ngôi quá chừng.*

**Lục ngũ.** Sống trong buổi nhiễu nhưong, giao thời, mà vị lãnh đạo không phải người tài cao, đức cả (Lục ngũ là Âm nhu chi tài), thì làm sao mà làm ơn, làm ích nhiều cho đời được, có khác nào như một áng mây dày, bồng bênh bên phía trời Tây, không thành mưa rơi xuống mặt đất được (**Mật vân bất vũ**). Như vậy, hay hơn hết, là đi tìm hiền thần cộng tác. Mà hiền thần bây giờ còn ẩn náu nơi thôn dã, chưa xuất đầu lộ diện, phải khéo léo mới mời ra cộng tác được. Cầu được những bậc hiền tài này, cũng tỉ như bắn chim nấp trong hang động (**Công dặc thủ bỉ tại huyết**).

Vua cũng không nên đi quá trớn. Vua mà quá trớn, thời như đám mây, bay quá cao, làm sao mà thành mưa được (**Mật vân bất vũ. Dĩ thượng dã**).



## 6. *Hào Thượng Lục.*

上六。弗遇過之。飛鳥離之。凶。是謂災眚。

象曰。弗遇過之。已亢也。

*Thượng Lục.*

**Phát ngộ quá chi. Phi điểu ly chi. Hung. Thị vị tai sảng.**

*Tượng viết.*

**Phát ngộ quá chi. Dĩ kháng dã.**

**Dịch.**

*Quá chừng, chẳng biết thức thời,  
Như chim vun vút, khung trời cao bay,  
Thế là hung họa có ngày.  
Rồi ra vạ gió, tai bay khôn chừng.*

**Tượng rằng:**

*Quá chừng, chẳng biết thức thời.  
Là vì cao quá nóc rồi, còn chi ?*

**Thượng Lục** là kẻ tiểu nhân được thời thế đưa đẩy lên ngôi vị cao. Vì đang đà say danh lợi, không thể kiềm chế được mình, nên đã đi quá trớn, không còn chịu theo lẽ phải (**Phát ngộ**), và làm những điều ngang chướng, quá quắt (**quá chi**). Họ sẽ gặp tai ương, y như con chim bay quá cao sẽ bị tai họa (**Phi điểu ly chi. Hung. Thị vị tai sảng**).

Tất cả những điều dở dang, trái khoáy đã sinh ra chính là vì đương sự đã đi quá trớn (**Phát ngộ quá chi. Dĩ kháng dã**).

## **ÁP DỤNG QUẢ TIỂU QUÁ VÀO THỜI ĐẠI**

Kể từ lúc tôi biết suy nghĩ điều hơn thiệt, đến nay thấm thoát đã 50 năm, lúc đó tôi còn nhớ là tôi chỉ là cô bé con, tuổi mới 13, và ngày hôm đó vào mùa xuân, khoảng 12 tháng 3 Âm lịch, là ngày đưa đám táng mẹ tôi. Mẹ tôi mất, tôi buồn lắm, nỗi buồn in sâu trong lòng tôi, đến nỗi bây giờ đã qua 50 năm, mà tôi còn nhớ rõ những hình ảnh để tôi viết bài này. Hôm ấy, lúc đầu vì còn nhỏ nên tôi được lên xe ngồi chung với người trong họ, để theo xe tang, nhưng khi đi đến khoảng hơn hai phần đường thì tôi xuống xe, và vượt từ từ lên nhập bọn chung với các anh, chị tôi, sát sau xe tang mẹ tôi. Tôi im lặng, lòng buồn khôn tả, đi theo xe chở người mẹ thân yêu, đã hy sinh suốt cuộc đời cho chồng con. Tôi bước theo mà người như mơ, như tỉnh, chợt tôi bừng tỉnh khi nghe tiếng các chị tôi khóc lớn, và nghe như có sự níu kéo ở gần tôi, tôi ngoảnh ra sau, thấy chị dâu trưởng của tôi, mặc sô gai như tôi, đang nằm lăn dưới đất, tóc tai rũ rượi, kêu khóc gọi mẹ tôi, và mọi người đang nâng chị dâu tôi dậy. Lúc đó, tôi bàng hoàng không hiểu tại sao chị dâu tôi lại thương mẹ tôi như vậy, vì cứ chốc chốc chị lại làm như vậy, làm khổ cho mấy người cứ phải ở bên cạnh chị, để nâng đỡ chị, mà tôi lúc ấy tuy còn nhỏ, nhưng cũng hiểu là chị không thương mẹ tôi nhiều như vậy. Sau này, tôi hỏi cô tôi về sự tại sao chị dâu tôi lại vừa khóc mẹ tôi, lại vừa lăn đường như vậy. Cô tôi trả lời vì tục lệ xưa, bắt người con dâu khi mẹ chồng chết phải lăn khóc như vậy.

Sau này, cách đó 48 năm, ở xứ Hoa Kỳ này, tôi lại đi dự một đám tang của một người bà con trong họ, (cũng người Việt Nam), thì tôi thấy khi bà cụ chết đi, thay vì mặc xô gai, hay mặc quần áo trắng thường, thì con cháu nội ngoại bà cụ, đã thuê đồ tang kiểu Âu Châu, ăn mặc sang, đẹp, như đi dự dạ hội, và không có cảnh u sầu khóc lóc như ngày xưa.

Vậy, thời gian đã thay đổi tập tục và con người quá nhiều, cả hai cảnh tượng trước và sau đó đều hơi quá đáng.

Và ai đã sống sau năm 1975, lúc Saigon đổi chủ, đã thấy cảnh hồng hách của lũ tiểu nhân, mà dân lúc đó gọi chúng là tụi Cách mạng 30 (tức là ngày 30 Cộng Sản về, nó mới tự xưng là Cách mạng), và cảnh những nhà trí thức, khá giả, giả vờ túng thiếu, đi đạp xe xích lô, hoặc đi gánh rau muống để bán ngoài chợ. Thật là cảnh cười ra nước mắt. Những ai là người Bắc Việt, nhất là dân Hà nội, đã sống trong cảnh gia đình khá giả, nho phong khí xưa, chắc còn nhớ là các bậc cha mẹ dạy con thật là nề nếp, cẩn thận. Đi ra đường, gặp ai dù quen thân hay quen sơ, đều phải chào hỏi lễ phép. Tiếng **Cô**, **Cậu** dùng để chào hỏi người ít tuổi hơn mình. Tiếng **Ông**, **Bà** dùng để chào hỏi người ngang mình, và mình xưng **Tôi**; nếu mình ít tuổi hơn họ thì mình xưng **Con** hay **Cháu**. Nếu người đó già cả khoảng trên 70 tuổi, thì phải dùng tiếng **Cụ** mà gọi người ta. Chỉ hơi quá đáng một chút, là ai có chút chức phận, thì người ngoài xưng họ là **Quan lớn**.

Sau 1945, Cộng Sản lên, muốn cho thân mật, họ đã dạy dân thay đổi danh từ **Cô**, **Cậu**, **Ông**, **Bà** ra **Anh**, **Chị**, và thay vì gọi người già cả là **Cụ**, họ thay thế bằng tiếng **Chú**, **Bác**, **Cô**, **Di** **vv...** Nhưng các cán bộ, có một số cứ dùng danh từ **Anh**, **Chị** mà gọi những bậc đáng cha chú mình, nếu những người này là ở thành phần dân chúng.

Sau 1975, Cộng Sản vào Nam, đã nhập vào dân những tập tục thiếu lễ độ đối với các bậc trưởng thượng đó. Có nhiều người đã bị tiêm nhiễm, nên đã dùng danh từ **Anh**, **Chị** mà gọi những người trưởng thượng mà họ gặp, mặc dầu những người này đáng cha, chú họ. *Trên đây là những điều mà quẻ Tiểu Quá muốn sửa.* Gần đây, có một bài báo đăng tin bên Trung Cộng, chắc giới trí thức cũng thấy dân tộc mình đã sai lầm trong vấn đề xưng hô, nên họ đã ra lệnh sửa lại.

Bao giờ người Việt trở lại nề nếp cũ? tuy nhiên danh từ **Quan lớn** cũng phải hủy bỏ, vì đã quá kiêu cách.

### 63. 水火既濟 THỦY HỎA KÝ TẾ



**Ký Tế Tự Quái**

既濟序卦

Hữu quá vật giả tất tế.

有過於物必濟

Cố thụ chi dĩ Ký Tế.

故受之以既濟

**Ký Tế Tự Quái**

*Nếu như xuất chúng, hoàn thành có phen.*

*Cho nên Ký Tế tương liên.*

Sau quẻ Tiểu Quá là quẻ Ký Tế, vì hễ mình có cái gì hơn người, rồi ra sẽ giúp được người, sẽ làm nên chuyện.

- Ký Tế có nghĩa là *Công việc đã hoàn thành*, là *Tình hình đã ổn định*. Ý thức như đã vượt qua được con sông lớn.

- Ký Tế là *Thủy Hỏa giao nhau, giúp nhau để làm nên công trình*: nước ở trên, lửa ở dưới, thời lửa sẽ đun sôi được nước.

- Hơn nữa, Ký Tế là *quẻ duy nhất* trong 64 quẻ Dịch, *có các Hào Âm, Dương tương ứng với nhau, và đúng vị trí của nó*.

- Ký Tế còn là quẻ 63 gợi lên ý nghĩa rằng, vũ trụ biến thiên, thế giới biến thiên, vạn hữu biến thiên. Cuối cùng phải đi tới một chung cuộc tốt đẹp.

Muốn giải quẻ Ký Tế, ta chỉ cần hiểu *Ký Tế là khi tình thế đã ổn định*, như vậy sẽ biết được tình hình, thời cuộc, và cách xử sự của mỗi một hạng người trong quẻ này.

## I. Thoán.

### *Thoán từ.*

既濟 . 亨 . 小利貞 . 初吉終亂 .

**Ký Tế. Hạnh tiểu. Lợi trinh. Sơ cát chung loạn.**

### Dịch.

*Ký Tế là lúc đại thành,  
Bây giờ đại sự đã hanh thông rồi.  
Lo tròn những việc nhỏ nhoi,  
Bền lòng, giữ vững cơ ngơi mới tình,  
Mới đầu, mọi sự tốt lành,  
Sau cùng, có thể điều linh ly loạn.*

Ký Tế là thời kỳ ổn định, đại cuộc đã thành toàn, nhưng những tiểu sự, tiểu tiết thì còn vô số để làm, vì thế nói: **Ký Tế. Hạnh tiểu.** Thời buổi này cũng vẫn còn phải theo con đường mình chính, cũng vẫn phải bền gan trì thủ, mới hay, mới lợi (**Lợi trinh**). Và lại, buổi đầu hiện nay thì dĩ nhiên là hay (**Sơ cát**), nhưng biết đâu cuối cùng lại chẳng loạn ly, lại chẳng nhiễu loạn rối rắm (**Chung loạn**).

### *Thoán Truyện. Thoán viết.*

象曰 . 既濟 . 亨 . 小者亨也 . 利貞 . 剛柔正 而位當也 . 初吉 . 柔得中也 . 終止則亂 . 其道窮也 .

**Ký Tế. Hạnh. Tiểu giả hanh dã. Lợi trinh. Cương nhu chính nhi vị đáng dã. Sơ cát. Nhu đắc trung dã. Chung chỉ tắc loạn. Kỳ đạo cùng dã.**

### Dịch. Thoán rằng:

*Ký Tế là lúc đại thành,  
Bây giờ, đại sự đã hanh thông rồi.*

*Lo tròn những việc nhỏ nhoi.  
Rời ra sẽ được vẹn mười hanh thông.  
Bền gan, minh chính một lòng,  
Rời ra công việc mới mong lợi nhiều.  
Cương nhu, hợp chỗ, hợp chiều,  
Vị ngôi đâu đấy, đủ điều hẳn hoi.  
Mới đầu, mọi việc êm xuôi,  
Là vì nhu được chính ngôi chứng chàng.  
Sau rời, thôi chuyện lo toan,  
Vì ngừng gắng gỏi, ly loạn lại sinh.*

**Thoán Truyện** chỉ hoàn toàn giải thích Thoán Từ:

**1. Thế nào là Hanh tiểu?** Hanh tiểu là còn những việc nhỏ phải thực hiện sao cho thông suốt hẳn hoi. Đại cuộc tuy xong, nhưng tiểu tiết còn nhiều điều chéch mác, phải sửa sang lại cho toàn vẹn.

Các nhà Cách Mạng đều chủ trương như vậy. Sau khi cướp được chính quyền, Staline chủ trương đại khái rằng:

- Cướp chính quyền, mới là bước đầu.
- Giai cấp tư sản tuy bị lật đổ, nhưng vẫn còn mạnh hơn giai cấp vô sản, cho nên cần phải:
- Giữ được chính quyền.
- Củng cố chính quyền.
- Làm cho chính quyền trở nên hùng mạnh, vô địch.

Muốn đạt được mục tiêu ấy, **Vô sản** còn 3 việc phải làm là:

1. Bẻ gãy sự chống đối của giai cấp Tư sản, Phú nông, đồng thời dẹp tan mọi âm mưu của Tư sản, để cướp lại chính quyền.

2. Tổ chức binh bị, sắm sanh khí giới, để chống ngoại xâm, và đấu tranh với Đế quốc chủ nghĩa.

Ngoài ra, còn phải giáo dục lại quần chúng, nông dân, địa chủ, công chức, trí thức v . v . . .

Ngự Án thì cho rằng: Sau khi tình hình đã ổn định, còn có 2 việc phải làm.

1. Chế trị : Tổ chức công cuộc cai trị.
2. Bảo bang: Bảo vệ đất nước.

**2. Tại sao lại Lợi trinh?** Lợi trinh, vì mọi người đều xứng ngôi, xứng vị (**Cương nhu chính nhi vị đáng dĩ**). Xử dụng cho hay, cho phải, vài ba chục người là chuyện dễ, nhưng xử dụng cho hay, cho phải, trăm, ngàn, triệu người trong một nước, không phải là chuyện chơi. Cho nên Ký Tế đòi hỏi một nghệ thuật cao, một công phu đầy vậy.

**3. Tại sao Sơ Cát?** Bắt đầu thì tốt, vì lúc bấy giờ mọi người còn đang hăng hái, nhu thuận, văn minh (vì quả dưới là Ly), và lại đặc trưng (**Sơ cát . Nhu đặc trung dĩ**)

**4. Tại sao Chung loạn?** Chung loạn vì lòng người đã trở nên ù lì, thích hưởng thụ, an nhàn hơn là cố gắng lao tác (**Chung chỉ tắc loạn**). Mà đã không cố gắng, đã để cho tình hình trở nên rối rắm, thì làm gì còn được an bình, ổn định và Ký Tế nữa (**Kỳ đạo cùng dĩ**).

## II. Đại Tượng Truyện.

### *Tượng viết.*

象曰 . 水在火上 . 既濟 . 君子以思患而預防之 .

**Thủy Hỏa tại thượng. Ký Tế. Quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.**

### **Dịch. Tượng rằng:**

*Lửa dưới, nước trên,*

*Ấy là Ký Tế, là nên việc rồi,*

*Người hiền thấy vậy, lo đời,*

*Đề phòng họa hoạn, tương lai mới là ...*

Ký Tế là lúc Thủy Hỏa tương tế, nhân tình tương hòa, tương thân, tương trợ. Nhưng chính lúc ấy, Thánh nhân lại dạy quân tử phải lo đề phòng họa hoạn. Chủ trương **Cư an, tư nguy, luôn được Dịch kinh và Nho Giáo đề cao.**

Có thể nói được Dịch Kinh đề cao chủ trương: **Sinh ư ưu hoạn. Tử ư an lạc.** Biết lo lắng, biết chịu thương, chịu khó mới sống. Nhơn nhơn du hý, hưởng lạc, cầu an sẽ chết. Đọc quẻ Ký Tế, càng thấy hiện rõ ràng tư tưởng ấy.

## III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

### *1. Hào Sơ Cửu.*

初九 . 曳其輪 . 濡其尾 . 無咎 .

象曰 . 曳其輪 . 義無咎也 .

*Sơ Cửu.*

**Duệ kỳ luân. Nhu kỳ vĩ. Vô cửu.**

*Tượng viết.*

**Duệ kỳ luân. Nghĩa vô cửu dã.**

**Dịch.**

*E dè thắng bớt bánh xe,*

*Hồ kia đuôi ướt, ngại bẻ lội sông.*

*Thế thời mới khỏi lỗi lầm.*

**Tượng rằng:**

*Thắng bớt bánh xe,*

*Vì không nóng nảy, hết bẻ làm sai.*

**Sơ Cửu.** Lúc này là lúc thời cơ mới thuận tiện, hoàn cảnh có mùi dễ dàng, nhưng người quân tử không phải vì thế mà bớt sự thận trọng thường lệ. Ý thức như cái bánh xe, có khi phải bớt thắng lại; hay như con hồ hễ ướt đuôi, thời đâm ngại ngùng, không dám vội sang sông. Xe xuống giốc, mà không thắng, có khi tai nạn. Hồ qua sông, mà không e dè, có khi lâm nguy. Người hành động không phòng bị, có lúc mắc họa. **(Duệ kỳ luân. Nhu kỳ vĩ. Vô cửu).** Sơ hoạt động, nhưng

không nên nóng, như người đi xe, có lúc phải thắng bớt xe lại, như vậy theo lẽ là phải, có gì đáng trách đâu (**Duệ kỳ luân. Nghĩa vô cửu dã**).

## 2. **Hào Lục nhị.**

六二. 婦喪其茀. 勿逐. 七日得.

象曰. 七日得. 以中道也.

*Lục nhị.*

**Phụ táng kỳ phát. Vật trục . Thất nhật đắc.**

*Tượng viết:*

**Thất nhật đắc. Dĩ trung đạo dã.**

**Dịch.**

*Phụ nhân đánh mất rèm xe,*

*Khởi tìm, bảy bữa của về lại tay.*

**Tượng rằng:** *Bảy bữa được rèm,*

*Là vì trung chính, giữ nguyên chẳng rời.*

**Lục nhị.** Xưa, đàn bà đi xe phải có rèm che. Nay rèm mất, thế theo nghi lễ chẳng nên đi xe, mà cũng chẳng nên chạy đi tìm rèm, vì như vậy còn có thể thống gì. Rèm mất rồi ra lại tìm được. Hào này ám chỉ một công thần có đức, một lương tướng có tài, nhưng vì nay là lúc tình thế đã ổn định rồi, nên tài mình không có chỗ dụng, vua ở trên tỏ ra ơ hờ, không còn vồn vã, không còn cần dùng mình nữa.

Công thần, lương tướng gặp hoàn cảnh này, chớ nên tỏ ra cầu cạnh sự sùng ái của vua, vì như vậy vừa mất thể diện, vừa có thể nguy hiểm đến thân. Hãy đợi thời, có lúc vua lại cần mình, lại triệu vời mình. Người xưa có câu:

*Điều phi tận. Lương cung tàn.*

*Giáo thố tử. Tẩu cầu phanh.*

**Dịch:**

*Chim bay mà chết, ná quăng.*

*Thỏ khôn mà chết, chó săn tàn đời.*

Sau khi dẹp xong Hạng Võ, Hán Cao Tổ lập mưu bắt Sở vương Hàn Tín về giam lỏng ở Hàm Dương, lại truất xuống làm Hoài Âm Hầu. Một hôm Bái Công triệu Hàn Tín vào triều để hỏi về khả năng của các tướng tá, cốt là dò xem ý tứ Hàn Tín ra sao? Khi vui chuyện, Hàn Tín cho rằng Hán Cao Tổ có thể cầm được mười vạn quân, còn riêng ông càng nhiều quân ông càng dễ điều khiển. Có người cho rằng vì Hàn Tín khoe tài như thế, mà sau này Hàn Tín bị giết. Ít lâu sau, Lương Vương Bành Việt, cũng bị Bái Công bắt về phế xuống làm dân, đày đi Ba Thục.

Giữa đường Bành Việt gặp Lã Hậu. Ông năn nỉ Lã Hậu xin can thiệp giúp. Lã Hậu hứa giúp, và khiến Bành Việt theo trở về triều. Về tới triều, Lã Hậu nói với Hán Vương rằng: Tha Bành Việt là thả hổ về rừng, cần phải tìm cách mà giết để trừ hậu họa. Thế là chẳng những Bành Việt bị chết chém, mà thi thể còn bị đem làm mắm, để gửi cho chư tướng. Tóm lại:

- Có rèm che, phụ nữ mới nên ra ngoài.
- Có sự tin cậy của vua, lương tướng mới nên hoạt động.

**Thất nhật đắc là tại sao?** Tới thời cần đến lương tướng, nhà vua sẽ đổi giọng, đổi thái độ ngay. Tiết Nhân Quý đang bị giam nơi thiên lao. Khi cần người đi Chinh Tây, vua Thái Tông liền truyền thả Tiết Nhân Quý, rồi phong làm Đại nguyên súy như cũ.

Cho nên Tượng Truyện bàn thêm rằng: Mình gặp lúc thất sủng, cứ xử sự cho phải, rồi ra có ngày cò lại đến tay. (**Thất nhật đắc. Dĩ trung đạo dã**).

### 3. *Hào Cửu tam.*

九三. 高宗伐鬼方. 三年克之. 小人勿用.

象曰. 三年克之. 憊也

*Cửu tam.*

**Cao Tông phạt Quỷ phương. Tam niên khắc chi. Tiểu nhân vật dụng.**

*Tượng viết:*

**Tam niên khắc chi. Bại dã.**

**Dịch.**

*Cao Tông, đánh xứ Quỷ Phương,  
Ba năm chinh chiến, nhiều nhưong mới rồi.  
Tiểu nhân nên gạt ra ngoài,  
Viễn chinh, xin chớ dùng người tiểu nhân.*

**Tượng rằng:**

*Ba năm mới dẹp được xong,  
Thật là mệt mỏi, nhọc lòng lắm thay.*

Cao Tông phạt Quỷ phương là vua Vũ Đinh nhà Thương đi đánh Hung nô ở phía Bắc. Các vua, khi nội trị đã ổn định, thường tính ch uyện củng cố đất nước, ngăn chặn ngoại xâm, bằng cách đi chinh phục các nước lân bang. Công việc này không có dễ, vua Cao Tông phải mất ba năm mới chinh phục được Hung Nô (**Cao Tông phạt Quỷ phương. Tam niên khắc chi**).

Ngày nay, khi mà thế cuộc không cho phép ngoại xâm, thì các nhà lãnh đạo lo liên minh với các nước láng giềng. Dịch khuyên không nên dùng Tiểu nhân để chinh phục hay cai trị, vì tiểu nhân là mầm phiến loạn (**Tiểu nhân vật dụng**). **Tam niên khắc chi bại dã**, là nói ba năm mới thắng, ý nói phải vất vả nhiều mới thắng được.

4. 六四. 繻有衣袽. 終日戒.

象曰. 終日戒. 有所疑也.

*Hào Lục tứ. Lục tứ.*

**Nhu hữu y như. Chung nhật giới.**

*Tượng viết:* **Chung nhật giới. Hữu sở nghi dã.**



**Dịch.**

*Sấm sanh những dẻ, cùng nùi,  
Phòng khi thuyền thủng, thời bồi, thời tra.  
Suốt ngày, phòng bị âu lo.*

**Tượng rằng:**

*Suốt ngày phòng bị âu lo,  
Là vì trong dạ nghi ngờ chẳng yên.*

**Hào Lục** tứ lại dạy phải quan phòng. Đi thuyền phải chuẩn bị nùi dẻ (**Y như**), để khi thuyền thủng (**Nhu**), có mà chết. Thế là suốt ngày phải lo lắng đề phòng (**Chung nhật giới. Hữu sở nghi dã**).

### 5. Hào Cửu ngũ.

九五. 東鄰殺牛. 不如西鄰之祭. 實受其福.

象曰. 東鄰殺牛. 不如西鄰之時也. 實受其福. 吉大來也.

*Cửu ngũ.*

**Đông lân sát ngư. Bất như Tây lân chi thực tế. Thật thụ kỳ phúc.**

*Tượng viết:*

**Đông lân sát ngư. Bất như Tây lân chi thời dã.  
Thực thụ kỳ phúc. Cát đại lai dã.**

**Dịch.**

*Xóm Đông, trâu giết linh đình,  
Xóm Tây, lễ bạc lòng thành lại hơn.  
Lòng thành hưởng phúc trời ban.*

**Tượng rằng:**

*Xóm Đông trâu giết linh đình,  
Xóm Tây, thời thế tốt lành vẫn hơn.  
Lòng thành, hưởng phúc trời ban,  
Phúc lành lai láng, tràn lan mới là.*

**Cửu ngũ.** Xóm Đông giết trâu, cúng tế linh đình, mà lại không bằng xóm Tây cúng tế sơ sài đạm bạc. Đó vì thần linh chứng lòng, chứ không chứng lễ vật (**Đông lân sát ngư. Bất như Tây lân chi thực tế. Thực thụ kỳ phúc**). Sa hoa phung phí, không bằng thành khẩn thức thời. Tương lai đẹp đẽ, không thuộc về những kẻ ưa hào phóng sa hoa, mà chính thuộc về những người biết sống, biết xử dụng tiền tài, vật dụng (**Đông lân sát ngư. Bất như Tây lân chi thời dã. Thật thụ kỳ phúc. Cát đại lai dã**).

### 6. Hào Thượng Lục.

上六 . 濡其首 . 厲 .

象曰 . 濡其首厲 . 何可久也 .

*Thượng Lục.*

**Nhu kỳ thủ. Lệ**

*Tượng viết:*

**Nhu kỳ thủ lệ. Hà khả cứu dã.**

**Dịch.**

*Đầu mà chìm nghiêm thời nguy.*

**Tượng rằng:**

*Đầu mà chìm nghiêm, thời nguy.*

*Đầu chìm, thời chẳng cách chi vãng bên.*

Cực thịnh sẽ suy. Đó là lễ Trời. Công đồng Latran (1512- 1517), vừa quá quyết rằng: ***Từ nay không còn ai phàn nàn, không còn ai chống đối giáo hội***, thì mấy tháng sau, ngày 31-10-1517, Luther dán bích chương đả kích giáo hội, và lập nên giáo phái Tin Lành.

Con hồ băng sang sông, mà chìm nghiêm cả đầu, ắt sẽ nguy. Khi gặp thời thế thuận tiện, may mắn, mà con người sống phóng túng, thì ắt cũng sẽ nguy (**Nhu kỳ thủ. Lệ**). Gặp thời thuận tiện mà nhắm mắt làm liều, lao đầu làm bậy, thì làm sao bền vững được (**Nhu kỳ thủ. Lệ. Hà khả cứu dã**).

## **ÁP DỤNG QUÊ KÝ TẾ VÀO THỜI ĐẠI**

**Ký Tế** là khi công chuyện ta định làm, nay đã làm rồi, nhưng còn những điều tiểu tiết trong đó mà ta cần phải chú ý, nếu không công việc của ta sẽ dễ dàng đi đến bế tắc, nguy ngập. Ví dụ: Nay ta muốn mở 1 tiệm ăn nhỏ, ta đã lo liệu đủ, và đã sang được 1 cửa hàng, với đầy đủ đồ vật cần thiết rồi, ta đã có người bếp mà ta cho rằng đủ tài, đủ kinh nghiệm và ta tin tưởng ta sẽ thành công, như thế rất là nguy hiểm. Vì một cơ sở, muốn đi tới thành công không phải dễ dàng như vậy.

### **I. Về phần người chủ**

Muốn thành công, người chủ tối thiểu phải biết quản trị tốt, giao thiệp rộng, phải cởi mở với nhân viên, để họ hết lòng với mình, thì dù có phải làm việc vất vả họ cũng không nề hà, oán trách, phàn nàn. Điều quan trọng hơn cả, là ***người chủ phải là người siêng năng, nấu ăn giỏi, có nhiều sáng kiến độc đáo của riêng mình, phải có óc cầu tiến, học hỏi, không được quá chủ quan, biết nghe lời phê bình của người khác. Và phải niềm nở với khách hàng.***

- Siêng năng, nấu ăn giỏi, là để khỏi bị cảnh lúng túng khi người bếp đau ốm, hay muốn làm reo với chủ.

- Có sáng kiến độc đáo, là để cho tiệm mình luôn có món ăn độc đáo hơn tiệm khác.
- Cầu tiến, là để tiệm của mình luôn trang trí hợp thời, sạch sẽ, hấp dẫn khách hàng.
- Học hỏi, là để mình thu lượm những kinh nghiệm của người khác về làm của mình.

- *Không được chủ quan và chịu nghe lời phê bình của người khác*, vì nó là yếu tố đưa ta đến thành công.

**II. Về phần người làm công**, như bồi bàn, thư ký thu tiền, ăn nói phải lịch sự, đừng bao giờ dùng tiếng *Anh, Chì* mà gọi người ta, nhất là khi người ấy cao niên hơn mình.

**Theo đúng, chắc chắn bạn sẽ thành công.**

**64. 火水未濟 HÓA THỦY VỊ TẾ**



<b>Vị Tế Tự Quái</b>	<b>未濟序卦</b>
Vật bất khả cùng dã.	<b>物不可窮也</b>
Có thụ chi dĩ Vị Tế	<b>故受之以未濟</b>
Chung yên.	<b>終焉</b>

**Vị Tế Tự Quái**

*Sự đời hồ dã có biên, có cùng.  
Nên đem Vị Tế làm chung,  
Tuy chung, mà vẫn vô cùng, mới hay.*

Quẻ Vị Tế ở sau quẻ Ký Tế, và cuối cùng 64 quẻ Dịch, có một ý nghĩa sâu sa. Thánh Hiền không để quẻ Ký Tế kết thúc bộ Kinh Dịch, mà lại để quẻ Vị Tế, là cốt cho ta thấy sự đời vô cùng, vô tận, trí con người khó mà lường được, mà giới hạn được. Sự đời biến dịch chẳng cùng: **Tri mà sơ hồ, sẽ sinh loạn.** Cho nên, cuối quẻ Dịch, Thánh nhân để quẻ Vị Tế, muốn khuyên ta *đừng bao giờ ngừng cố gắng, đừng bao giờ quên lo liệu, đề phòng.*

Ngự Án bình rằng: Vị Tế là công việc còn dang dở chưa thành tựu. **Sự dang dở sở dĩ có là vì các Hào chẳng đúng vị ngôi.** Hào Âm ở vị Dương, Hào Dương ở vị Âm, cũng y như trong xã hội, sự dang dở sẽ sinh ra là vì người hay ở địa vị dưới, người dưới ở địa vị trên, thành thử mọi người đâm ra ngỡ ngàng khó xử.

**I. Thoán.**

*Thoán từ.*

**未濟 . 亨 . 小狐汔濟 . 濡其尾 . 無攸利 .**

**Vị Tế . Hanh . Tiểu hồ ngật tế . Nhu kỳ vĩ . Vô du lợi .**

**Dịch.**

*Vị Tế là việc chưa thành,  
Chưa thành, vẫn thấy tiến trình hanh thông.  
Cáo con hùng hổ vượt sông,  
Để cho đuôi ướt, thời không lợi gì.*

Vị Tế mà hanh, là vì ngày nay mọi sự còn bế tắc, dang dở, nhưng rồi đây, nhờ sự cố gắng, mọi sự lại trở nên thông suốt, xuôi xắn, hẳn hoi (**Vị Tế . Hanh**). Nhưng muốn ra tay gây dựng cơ

đồ, không thể hăm hăm, hờ hờ, mà phải có mưu lược, phải biết ước lượng những gian nguy, những khó khăn, mình sẽ gặp, và phải trù liệu trước những phương cách, để lướt thắng những khó khăn đó.

Hăm hờ, liêu lĩnh, chỉ chuốc lấy thất bại, y thức như con hồ con, thiếu kinh nghiệm, thấy sông đã đóng băng, liền hăm hờ vượt qua; nó có biết đâu nhiều chỗ sông hãy còn là nước, vì thế mà hụt chân, đến nỗi ướt cả đuôi, như vậy làm sao mà hay được (**Tiểu hồ nguyệt tế. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi**).

### *Thoán Truyện. Thoán viết.*

象曰.未濟.亨.柔得中也.小狐汔濟.未出中也.濡其尾.無攸利.不續終也.雖不當位.剛柔應也.

**Vị Tế. Hanh. Nhu đặc trung dã. Tiểu hồ nguyệt tế. Vị xuất trung dã. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi. Bất tục chung dã. Tuy bất đáng vị. Cương nhu ứng dã.**

### **Dịch. Thoán rằng:**

*Vị Tế mà được hanh thông,  
Là vì Nhu được ngôi trung đàng hoàng.  
Cáo con sông vội vượt sang,  
Cái vòng gian hiểm, nguy nàn chưa qua.  
Uớt đuôi, mọi chuyện bê tha,  
Dở dang, dang dở, khó mà nên công.  
Tuy rằng ngôi vị long đong,  
Cứng mềm ứng hợp, và không quai gàng.*

**Thoán.** Vị Tế mà hanh là vì Hào Lục ngũ là nhu đặc trung (**Vị Tế hanh. Nhu đặc trung dã**).

Ví dụ: Như thời Vương Mãng chiếm ngôi nhà Hán, có Lưu Tú muốn phục hưng cơ đồ. Lưu Tú là con người hết sức khéo léo, mềm mỏng, lại là dòng dõi tôn thất nhà Hán, vì thế nên Lưu Tú qui tụ được nhiều anh tài, và sau khôi phục được cơ đồ nhà Hán. Nhưng lúc mới bắt đầu thời kỳ Vị Tế, không nên hăm hờ làm liều, y như con hồ con qua sông, mà vẫn chưa thoát được vòng nguy hiểm (**Tiểu hồ nguyệt tế. Vị xuất trung dã**). Nếu mới đầu mà sơ xuất như hồ ướt đuôi, thì khó mà tiếp tục công việc đến kỳ cùng vậy (**Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi. Bất tục chung dã**). Vị Tế tuy dang dở, vì chẳng có Hào nào xứng ngôi, xứng vị, nhưng sẽ hanh thông, vì các Hào đều ứng hợp nhau. Trở lại trường hợp Lưu Tú, hay các vua chúa lập quốc, ta thấy buổi đầu mọi sự còn dở dang, chéch mác, nhưng nhờ có hiền tài, lương tướng phụ bật, nên cuối cùng cũng thành công, thành sự.

## **II. Đại Tượng Truyện.**

### *Tượng viết.*

象曰.火在水上.未濟.君子以慎辨物 居方.

**Hỏa tại thủy thượng. Vị Tế. Quân tử dĩ thận biện vật cư phương.**

### **Dịch. Tượng rằng:**

*Vị Tế nước dưới, lửa trên,  
Quân tử biện vật, phải nên rạch rời.  
Biện phân cẩn thận, hấn hoi.  
Xếp cho đầu đầy, cơ ngơi rõ ràng.*

Hỏa trên, nước dưới, là Vị Tế. Quân tử nhân đó cẩn thận biện phân sự vật cho đầu ra đầy. Thủy Hỏa không liên lạc, mỗi bên hoạt động một chiều, nên không thành công. **Muốn làm nên sự việc, ta phải xem xét, học hỏi tính chất mỗi vật, để dùng cho đúng lúc, đúng nơi.** Muốn đảo lộn thời cuộc cho Vị Tế trở thành Ký Tế, chính là chỗ biết dùng người, chỗ biết đặt người cho đúng ngôi, đúng vị.

Khi vua Câu Tiễn đi hàng Ngô Phù Sai, đình thần nghị luận cho Phạm Lãi theo hầu, còn Văn Chủng ở nhà làm Tướng quốc trị dân; Khô Thành chịu trách nhiệm về tư pháp; Duệ Dững giữ việc ngoại giao; Học Tấn đảm trách việc đàn hạch; Chư Trình thống lĩnh ba quân; Cao Như lo phủ úy dân tình, tích trữ lúa gạo vv... Vì ai đáng vào ngôi đó, cho nên nước Việt không bị diệt vong, và dần dần lại phục hồi được.

**Cho nên dùng người đúng nơi, đúng chỗ, dùng vật cho phải chốn, phải thời, chính là yếu tố sẽ mang lại thành công.**

### **III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện**

#### **1. Hào Sơ Lục.**

初六 . 濡其尾 . 吝 .

象曰 . 濡其尾 . 亦不知極也 .

*Sơ Lục.*

**Nhu kỳ vĩ. Lận.**

*Tượng viết:*

**Nhu kỳ vĩ. Diệc bất tri cực dã.**

**Dịch.**

*Cái đuôi đã ướt mất rồi,  
Sự tình như thế, vậy thời hổ thay.  
Tượng rằng: Đuôi đã ướt rồi,  
Cũng vì chẳng biết đến nơi, đến cùng.*

**Sơ Lục.** Hồ qua sông, mà để ướt đuôi là đáng trách, **người bắt tay vào việc mà để hỏng chuyện, cũng là đáng trách (Nhu kỳ vĩ. Lận).** Lưu Tú, tức Quang Võ, muốn phục hưng nhà Hán, ông xuống kinh đô để dự thi võ nghệ, lập kế. Nhưng khi vào trường thi, thấy Vương Mãng, đã nổi xung lên, dương cung định bắn. Ông liền bị Vương Mãng bắt, may có Đậu Dung xin tha cho, không thì làm gì còn đời Quang Võ, và làm gì có nhà Đông Hán.

**Nhu kỳ vĩ. Diệc bất tri cực dã,** là mới đầu vụng xử, đến nỗi hỏng việc, như hồ qua sông để ướt đuôi thì dốt vậy.

## 2. Hào Cửu nhị.

九二 . 曳其輪 . 貞吉 .

象曰 . 九二貞吉 . 中以行正也 .

*Cửu nhị.*

**Duệ kỳ luân. Trinh cát.**

*Tượng viết:*

**Cửu nhị trinh cát. Trung dĩ hành chính dã.**

**Dịch.**

*Hãm cho bánh chạy bớt đà,  
Mới là minh chính, mới là phải hay.  
Tượng rằng: Cửu nhị phải hay,  
Đã hùng, lại xử cho ngay, cho lành.*

**Cửu nhị.** Mặc dầu là thời cơ đã thuận tiện, nhưng lượng sức mình chưa đủ, phải biết kiềm chế mình, như vậy mới hay. (**Duệ kỳ luân. Trinh cát**).

Khi nước Ngô, đã bắt đầu suy yếu, Việt Vương Câu Tiễn muốn khởi binh đi đánh Ngô. Phạm Lãi can rằng: Thời cũng gần tới rồi, nhưng xin Chúa công dạy tập quân lính thêm, vì đánh hay phải có quân giỏi, mà muốn cho quân giỏi, phải tập đủ nghề, nào là kiếm kích, nào là cung võ. Nếu không có thầy hay dạy tập, thì không rành nghề được. Việt Chúa nghe lời, bèn cho đi rước thầy về rèn binh sĩ, và hoãn đánh nước Ngô (Đông Châu liệt quốc, Võ minh Trí dịch trang 962). Tượng Truyện cho rằng: Cửu nhị sở dĩ hay, là vì đã biết xử phải (**Cửu nhị trinh cát. Trung dĩ hành chính dã**).

## 3. Hào Lục tam.

六三 . 未濟 . 征凶 . 利涉大川 .

象曰 . 未濟征凶 . 位不當也 .

*Lục tam.*

**Vị tế. Chinh hung. Lợi thiệp đại xuyên.**

*Tượng viết:*

**Vị Tế chinh hung. Vị bất đáng dã.**

**Dịch.**

*Trong khi mọi chuyện dở dang,  
Mà còn vồ vập, lam làm thời hung.  
Còn như vượt sóng, qua sông,  
Tính bề thoát hiểm, thời không hại gì.*

**Tượng rằng:**

*Trong khi mọi chuyện dở dang,  
Mà còn vô vấp, lam làm thời hung.  
Vị ngôi lóng ngóng, lung tung.  
Vị ngôi chẳng xứng, nên không ra gì.*

**Lục tam** là Hào nhu mà cư Dương vị, nên không đúng ngôi, đúng vị; lại còn ở nội quái là Khảm, là nguy hiểm, tức là còn trong vòng nguy hiểm. Đã kém tài đức, ở trong vòng nguy nan, mà đã vội vấp vung, thời chẳng hay (**Vị tế chinh hung**). Trên nói là **Chinh hung**, mà tiếp theo lại nói là **Lợi thiệp đại xuyên**, thì ý nghĩa tương phản nhau. Có lẽ phải nói rằng **Bất lợi thiệp đại xuyên** mới phải.

Các nhà bình giải chia làm hai phái. Một phái như Trình tử, thì để nguyên câu **Vị Tế chinh hung. Lợi thiệp đại xuyên** mà giải, và cho rằng **Chinh hung** (dở dối chẳng hay), là vì tài chẳng đủ, còn **Lợi thiệp đại xuyên** (qua sông vẫn lợi), là vì lúc này là lúc có thể hoạt động được.

Một phái như Chu Hi, Bô Dương Lư, Hồ vân Phong thì hiểu câu này như là **Vị Tế chinh hung. Bất lợi thiệp đại xuyên**. Bô dương Lư bên vực quan điểm này như sau: Lục tam ở vào cực điểm của hiểm nạn, nên chưa có thể thoát hiểm, lại Âm nhu thất vị, không đủ tài để đối phó với hoàn cảnh, thế mà lại cầu tiến, như vậy ắt là hung, thì làm sao mà còn có thể vượt qua gian nguy được. Đã nói rằng: không thể hoạt động; hoạt động là hung, mà lại nói có thể vượt sông lớn (**Vượt gian hiểm được**), như vậy là phản nghĩa nhau. Chu Hi cho rằng trước chữ **Lợi** phải có chữ **Bất**, thế mới đúng.

Đại khái ba Hào dưới quẻ Vị Tế đều chưa thể thoát hiểm, Hào tam cũng như Hào Sơ đều là Âm nhu chi tài không đủ sức thoát hiểm, chỉ có Cửu nhị là có tài, nhưng lại chưa được thời, nên biết kiềm chế mới hay. Suy ra thì chắc chắn là Lục tam không thể nào vượt gian nguy được (Phi lợi thiệp đại xuyên khả tri dĩ).

**Vị Tế chinh hung. Vị bất đáng dã**, là chưa đúng ngôi vị, thì sao hoạt động cho hay được.

#### **4. Hào Cửu tứ.**

九四 . 貞吉 . 悔亡 . 震用伐鬼方 . 三年有賞于大國 .

象曰 . 貞吉悔亡 . 志行也 .

*Cửu tứ.*

**Trình cát hồi vong. Chấn dụng phạt Quỷ phương.  
Tam niên hữu thưởng vu đại quốc.**

*Tượng viết:*

**Trình cát hồi vong. Chí hành dã.**

**Dịch.**

*Bền lòng, vãng chí mới hay,  
Chính trình, mới khỏi đơ sai, lỗi lầm.  
Quỷ phương chinh phục ba năm,  
Rời ra đại quốc thưởng công, thưởng tài.*



### **Tượng rằng:**

*Bền lòng, vững chí mới hay,  
Chính trình, mới khỏi đơn sai, lỗi lầm.  
Thế là công việc xứng tâm.  
Thế là chí nguyện đang tâm thực thi.*

**Cửu tú** là một trọng thần, trên được vua tin dùng, lại gặp thời cơ thuận tiện hơn, vì bước gian nan lúc đầu đã vượt qua được rồi (đã ra khỏi quẻ Khảm, đã tiến đến quẻ Ly), nên dĩ nhiên là có thể dẹp loạn, cứu đời. Tuy nhiên vẫn phải minh chính, mới hay, mới tốt (**Trình cát hồi vong**). Lúc ấy phải hết sức gắng công, mà dẹp loạn tứ phương, dầu phải đến nước xa xôi, hiểm trở như Hung Nô cũng chẳng từ (**Chấn dụng phạt quỷ phương**). như vậy rồi ra sẽ được triều đình thưởng (Tam niên hữu thưởng vu đại quốc). Đó là trường hợp Quang Võ. Khi đã đủ binh hùng, tướng mạnh, liền giết Vương Mãng, rồi đánh Vương Lãng ở Hàn Đan, dẹp Xích My ở Trường An vv... Lưu Tú vất vả lắm, rồi sau mới được phong làm Tiểu vương, và cuối cùng mới lên ngôi Hoàng Đế. **Trình cát hồi vong. Chí hành dã là Cửu tú hay, chính vì toại được chí nguyện.** Như ta đã thấy Vua Quang Võ chinh đông, dẹp bắc, thu gồm giang sơn về một mối. Đó là thực hiện được chí nguyện vậy.

### **5. Hào Lục ngũ.**

六五 . 貞吉 無悔 . 君子之光 . 有孚 . 吉 .

象曰 . 君子之光 . 其暉吉也 .

*Lục ngũ.*

**Trình cát vô hồi. Quân tử chi quang. Hữu phu. Cát.**

*Tượng viết:*

**Quân tử chi quang. Kỳ huy cát dã.**

**Dịch.**

*Theo đường tốt đẹp, thẳng ngay,  
Rồi ra sẽ hết đơn sai, lỗi lầm,  
Quang huy, quân tử rõ ràng,  
Thực tài, thực đức, hiên ngang tốt lành.  
**Tượng rằng:** Quân tử quang hoa,  
Quang hoa chiếu rõ, thật là lành thay.*

**Lục ngũ** mà minh chính, ngay lành, là vì người quân tử đã phát quang huy, lại có thực tài, thực đức (**Trình cát vô hồi**). Khi Quang Võ đã dẹp xong Vương Mãng, chư tướng đều muốn cho ông lên ngôi. Trong một bữa tiệc, Cảnh Nhĩ dâng lên một biểu chương, có những lời sau đây: Nay Chúa công sớm nổi giang sơn cho chư tướng được phi dạ đợi trông, cứu sinh dân nơi đồ thán, giải lê thứ lúc đảo điên. Rõ ràng Quang Võ đã gây được tín nhiệm và uy thế đối với chư tướng. (**Quân tử chi quang . Hữu phu. Cát**).

**Quân tử chi quang.** Kỳ huy cát dã là tài đức mà dã như hào quang chói lọi ra ngoài, thì làm gì mà chẳng tốt.

### 6. Hào Thượng Cửu.

上九.有孚于飲酒.無咎.濡其首.有孚失是.

象曰.飲酒濡首.亦不知節也.

*Thượng Cửu.*

**Hữu phu vu ẩm tửu. Vô cửu. Nhu kỳ thủ. Hữu phu thất thị.**

*Tượng viết:*

**Âm tửu nhu thủ. Diệc bất tri tiết dã.**

**Dịch.**

*Hãy tin tài đức của mình,*

*Uống ăn, tiêu sái, mặc tình lỗi chi.*

*Vùi đầu, chìm đắm, đam mê,*

*Thế là tự tín. có bề quá đà.*

**Tượng rằng:** *chè chén, vùi đầu,*

*Thế là tiết độ, còn đâu nữa là.*

**Thượng Cửu.** Khi đã làm cho thời Vị Tế, trở thành Ký Tế rồi, thời công trình hầu như đã hoàn thành, thì cũng có thể sống vui vẻ. Còn như phóng túng say sưa, thì là tự tín quá mức, và không còn hợp lẽ phải nữa.

Dịch kinh luôn luôn dạy con người cảnh giới, đề phòng, dầu thịnh mấy cũng không được buông lung, theo dục vọng Đại Tướng Ngô Hán lâm bệnh nặng gần chết. Vua Quang Võ đến thăm và hỏi: Tướng quân có lời chi mà nói với trẫm chẳng? Ngô Hán đáp: Tôi ngu muội không có trí thức bao nhiêu, duy muốn cho bề hạ phải dè dặt mà thôi. Nói xong liền qua đời. (Xem Đông Hán Diễn nghĩa. Thanh Phong dịch, trang 255). Thế là Ngô Hán muốn khuyên vua dẫu đã bình trị được thiên hạ, cũng vẫn phải luôn cẩn trọng.

Lại một hôm, Quang Võ cùng quần thần tổ chức đi vào núi săn hổ, đến đêm mới về. Khi về đến thành, quan giữ cửa lớn là Chât Huân, nhất định không cho vào, vua đành phải đi một cửa nhỏ khác mà vào thành. Hôm sau, Chât Huân vào triều tâu rằng: Xưa vua Văn, vua Võ chẳng dám đi săn bắn, chơi bời, là vì lấy muôn dân làm trọng. Nay Bệ hạ lại săn bắn xa xôi, nơi chốn rừng núi luông tuông, lấy đêm mà làm ngày, vậy thì lấy chi cho vững bền xã tắc. Vua khen Chât Huân là hiền sĩ, và thưởng cho một trăm cây gấm vóc, và giáng chức vị quan đã mở cửa cho vua vào thành. (Xem Đông Hán diễn nghĩa, Thanh Phong dịch trang 250)

**Âm tửu nhu thủ. Diệc bất tri tiết dã,** là vùi đầu vào rượu chè, thế là không biết tiết độ vậy. Xưa Nghi Địch làm rượu ngon, một hôm dâng lên vua Đại Võ. Vua nếm xong, liền đuổi Nghi Địch ra khỏi triều ca, và nói rằng sau này sẽ có vua chúa mất nước vì rượu.

Cả quẻ Vị Tế này, Thánh nhân không ngót khuyên ta thận trọng và cố gắng. Cuối cùng lại khuyên ta đừng làm gì trái nghì, trái tiết, trái lý vậy.

## ÁP DỤNG QUÊ VỊ TẾ VÀO THỜI ĐẠI

Vị Tế là 1 quẻ có những ý nghĩa sâu sa, trí con người khó mà đo lường được. Thánh nhân làm quẻ Vị Tế chỉ muốn khuyên ta: **Đừng bao giờ ngừng cố gắng, đừng bao giờ quên lo liệu đề phòng.**

Tôi (tác giả mục Áp dụng vào thời đại), đã suy tư nhiều, nay **mang tất cả những kinh nghiệm gởi lại cho quý vị** (những người bạn thân, cùng chí hướng là nghiên cứu Dịch, ở thời đại này, hoặc mai sau cùng thường lãm).

*Thật vậy, nhiều khi ta thấy mọi sự trên đời, mới đầu diễn tiến rất đẹp, vì người chủ chốt đã suy tư nhiều trước khi tạo dựng ra nó, thế mà bỗng nhiên thấy sụp đổ, và đi đến tan vỡ, không còn cứu vãn được nữa. Tại sao?*

**Chỉ tại ta khi đắc chí, thì tự mãn, không còn cố gắng, hoặc đề phòng mọi sự việc sẽ có thể xảy ra sau đó mà thôi, và tại ta không theo đà tiến hóa của nhân loại.**

**I. Về phương diện 1 Quốc gia.** Một nước mà quá lạc hậu vì người cầm đầu kém tài, hoặc óc còn bảo thủ, cầu an, thì trước sau gì cũng đưa dân, nước vào sự suy sụp, nghèo nàn, lạc hậu, trước sau gì cũng bị nước láng giềng mạnh hơn xâm chiếm, hoặc bị các Liệt Cường xâu xé, bắt nạt (Ví dụ: Trung Hoa về cuối đời Mãn Thanh).

**II. Về phương diện thương mại.** Một cơ sở thương mại rất lớn, đã đứng vững cả nửa thế kỷ, thế mà tại sao dùng một cái lại tuyên bố bị phá sản. Tại sao?

Theo thiên ý của tôi, vì **thiếu** những lý do sau đây:

Vì **những người cầm đầu**, cứ theo nếp cũ làm, không chịu cải tiến cho hợp với nhu cầu, vừa với túi tiền của dân chúng (điều này rất quan trọng).

a/. **Nên hàng tháng, hoặc ít nhất 6 tháng 1 lần**, phải lấy ý kiến của nhân viên trong hãng và cho giải thưởng trọng trung, để khuyến khích những ai có ý kiến hay, và để biết trong đám nhân viên ai là người có tài năng thật sự, ai là người có thể cộng tác lâu dài với mình, để mình **biết sử dụng người đúng cách**. Lâu lâu, độ 3, 4 năm lại xin **ý kiến cải cách của dân chúng**, để xem trào lưu lúc đó dân chúng muốn gì, thích loại hàng gì, để mình cải tiến cho hợp thời, và để cho mình đừng mua vào những hàng có thể ứ đọng không bán được sau đó không xa.

b/. **Phải tìm người giỏi để cộng tác**. Những người này có thể thay mình mà điều khiển hãng, nên phải là người mưu trí, nhưng lương thiện. Nên lấy người **từ cấp dưới trở lên, vì họ có nhiều kinh nghiệm. Đừng nên thu nạp nhân viên vào cấp cao, vì cảm tình, hoặc vì liên hệ anh em, họ hàng.**

c/. **Xử dụng nhân viên phải có tình**, đừng vắt chanh bỏ vỏ, khiến người ta lúc nào cũng lo sợ bị sa thải, thì làm sao họ có thể tận tụy với mình được.

**III. Về phương diện gia đình.** Trong gia đình, khi khá giả, cũng đừng nên tiêu xài hoang phí, phải luôn đề phòng lúc thất thế, hoặc hoạn nạn có thể xảy ra. Phải luôn học hỏi thêm, để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại, và để bảo đảm cho đời sống trong gia đình được vững bền.

**Tóm lại, sự thành bại trong đời ta là do ta, chứ không phải do Trời; nên nếu ta biết đề phòng, và luôn cố gắng thì coi như ta đã theo đúng lời dạy của quẻ Vị Tế vậy.**